QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA - HUẾ

Digitized by Google

Digitized by Google

ĐẠI NAM
CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN
NHỊ TẬP

Digitized by Google

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN SỬ HỌC

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

NHỊ TẬP

(Quyển 26 - Quyển 46)

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1997

Digitized by Google

Digitized by Google

DS
556.5
D13
1997

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

V.4

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN
(Biên soạn)

ĐẠI NAM CHÍNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

Chịu trách nhiệm xuất bản : LÊ DẪN
: TRẦN ĐỨC CƯỜNG

Biên tập : QUỐC TUẤN
: NGUYỄN QUANG ÂN

Tập 1: *Người dịch* : ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : HOA BẰNG

Tập 2: *Người dịch* : NGÔ HỮU TẠO
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: NGUYỄN TRỌNG HÂN

Tập 3: *Người dịch* : NGUYỄN MẠNH DUÂN
: ĐỖ MỘNG KHƯƠNG
: NGÔ HỮU TẠO
: PHẠM HUY GIU
Người hiệu đính : CAO HUY GIU

Tập 4: *Người dịch* : TRƯƠNG VĂN CHINH
: NGUYỄN DANH CHIÊN
Người hiệu đính : CAO HUY GIU
: PHAN ĐẠI DOÃN

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 1997

Digitized by Google

Digitized by Google

MỤC LỤC

Quyển 26

Truyện các quan - Mục XVI

- Nguyễn Quốc Hoan
- Cao Hữu Bằng
- Vũ Phan, Hoàng Xuân Hợp, Ngô Phát, Ngô Dạng
- Tô Trân
- Ngụy Khắc Đản
- Đặng Khải
- Chu Văn Nghị
- Lê Danh Đề
- Nguyễn Như Thăng
- Đào Trí
- Nguyễn Đức Hoạt
- Ngụy Khắc Tuần
- Hoàng Tế Mỹ, Tướng Hiệp
- Vũ Đức Mẫn
- Ngô Bỉnh Đức
- Phan Thanh Giản

Quyển 27

Truyện các quan - Mục XVII

- Lâm Duy Thiếp
- Ngô Kim Liên
- Nguyễn Bái
- Lê Đình Lý
- Nguyễn Trọng Thao
- Nguyễn Thế Trị
- Hoàng Thu
- Phan Khắc Thận
- Nguyễn Hoàng
- Nguyễn Bá Nghi
- Hồ Viêm
- Nguyễn Đức Hoan

Quyển 28

Truyện các quan - Mục XIX

- Hồ Uy
- Vũ Lã
- Nguyễn Khắc Trạch
- Đỗ Thiện Kế (phụ chép)
- Nguyễn Chí
- Lê Chi Tín
- Lê Viết Huy (phụ chép)
- Đào Đình Bảo

Digitized by Google

- Dương Duy Thanh (phụ chép)
- Đào Danh Văn (phụ chép)
- Trần Liên Huy
- Ngô Văn Địch
- Phạm Khôi
- Trần Duy San (phụ chép)
- Nguyễn Đăng Huân
- Phạm Thế Trung
- Doãn Uẩn
- Hà Ngọc Hải
- Lê Sâm (phụ chép)
- Trần Tú Dính
- Nguyễn Công Hợp
- Bùi Quỹ
- Trương Quốc Dụng
- Trần Huy Phác
- Ngô Thế Vinh
- Tạ Hữu Khuê
- Chính (phụ chép)
- Phạm Chi Hương

Quyển 30

Truyện các quan - Mục XX

- Nguyễn Cư
- Nguyễn Trọng Hợp

Quyển 31

Truyện các quan - Mục XXI

- Phạm Sĩ Ái
- Đỗ Quang
- Nguyễn Văn Lý
- Vũ Phạm Khải
- Đoàn Danh Dương
- Bùi Duy Kỳ
- Hồ Mậu Đức
- Phạm Phi
- Nguyễn Huy Lịch
- Phan Trứ (phụ chép)
- Phạm Bá Điều
- Nguyễn Thường
- Đặng Quốc Lang
- Nguyễn Đức Chính
- Nguyễn Huy
- Nguyễn Hàm Ninh
- Vũ Trọng Bình

Quyển 32

Truyện các quan - Mục XXII

- Trần Tiến Thành
- Lưu Quỹ
- Nguyễn Thường (phụ chép)
- Phan Du (phụ chép)
- Bùi Ái
- Nguyễn Hoàng Nghĩa
- Trần Tuấn (phụ chép)
- Bùi Viết Tâm (phụ chép)

Digitized by Google

- Trần Mậu (phụ chép)
- Đinh Nho Điển (phụ chép)
- Nguyễn Đức Huy
- Trần Ái
- Nguyễn Hữu Hòa
- Bùi Thố (phụ chép)
- Vũ Văn Bản
- Lê Lượng Bạt
- Lưu Lượng
- Nguyễn Đình Thi

Quyển 33

Truyện các quan - Mục XXIII

- Nguyễn Cửu Trường
- Nguyễn Đình Dao (phụ chép)
- Bạch Đông Ôn (phụ chép)
- Doãn Khuê
- Nguyễn Dục
- Hoàng Chính
- Nguyễn Hiệp (phụ chép)
- Lê Đắc Quang (phụ chép)
- Nguyễn Đăng Tuyển
- Lê Đình Đức
- Lê Hữu Thường
- Đỗ Huy Uyển
- Phan Tam Tỉnh
- Lê Duy Trung
- Phạm Gia Chuyên (phụ chép)
- Phạm Văn Nghị
- Nguyễn Văn Siêu
- Lê Duy Di
- Nguyễn Khắc Thuật
- Phạm Bá Phẩm (phụ chép)
- Trần Dương Quang
- Lê Dụ
- Phan Văn Thuật
- Bùi Tuấn
- Vũ Nguyên Doanh
- Lê Quang Bình

Quyển 34

Truyện các quan - Mục XXIV

- Phan Đình Dương
- Nguyễn Đức Lân (phụ chép)
- Đỗ Đăng Đệ
- Bùi Huy Phiên
- Ngô Phùng
- Trần Thiện Chính
- Mai Anh Tuấn
- Đỗ Phát
- Nguyễn Chính (phụ chép)
- Nguyễn Danh Vọng
- Nguyễn Bính
- Nguyễn Huy Khởi
- Nguyễn Tường Phổ
- Nguyễn Oai
- Vũ Văn Tuấn
- Phạm Phú Thứ

Digitized by Google

- Phạm Hữu Thước
- Hoàng Thiện Trường
- Dương Phúc Vịnh (phụ chép)

Quyển 35

Truyện các quan - Mục XXV

- Lê Sỹ
- Trần Đình Túc
- Nguyễn Tấn
- Nguyễn Văn Phong
- Nguyễn Văn Vỹ
- Nguyễn Tư Giản
- Nguyễn Đức Khuê
- Phan Đình Tuyển
- Phạm Ý
- Phan Trung

Quyển 36

Truyện các quan - Mục XXVI

- Dương Trí Trạch
- Phan Huy Khiêm
- Lê Như Dạng (phụ chép)
- Ngô Xuân Kinh (phụ chép)
- Lê Huy Tiến (phụ chép)
- Phạm Huy Bính
- Dương Doãn Hài
- Hồ Sĩ Tuấn
- Phạm Tiến Chấn
- Phan Thúc Trực
- Trịnh Lý Hanh
- Vũ Văn Lý (phụ chép)
- Trần Vỹ (phụ chép)
- Nguyễn Hữu Tạo (phụ chép)
- Hoàng Đình Chuyên (phụ chép)
- Hoàng Đình Tá (phụ chép)
- Trịnh Xuân Thưởng
- Nguyễn Văn Hiển
- Trần Nhượng
- Phan Hữu Tự
- Nguyễn Tạo
- Ông Ích Khiêm
- Nguyễn Tăng Doãn
- Phạm Huy
- Cao Trọng Sính
- Hồ Trọng Đĩnh
- Nguyễn Văn Lợi

Quyển 37

Truyện các quan - Mục XXVII

- Đặng Trần Chuyên
- Nguyễn Mại
- Đỗ Thúc Tĩnh
- Phan Sĩ Thục
- Đặng Toán
- Nguyễn Thái Đỗ

Digitized by Google

- Lê Đình Duyên
- Lê Bá Thận
- Bùi Sĩ Tuyển
- Nguyễn Thanh Phong
- Trương Gia Hội
- Vũ Duy Thanh
- Nguyễn Thái
- Trần Hữu Dụ
- Trần Văn Hệ
- Hoàng Văn Tuyển
- Đặng Đức Địch
- Nguyễn Huyên
- Nghiêm Xuân Lượng
- Nguyễn Thông
- Trần Văn Tuy
- Vũ Huy Dực
- Trần Huy Tích
- Phạm Huy
- Phan Đình Thực
- Lê Đình Dao

Quyển 38

Truyện các quan - Mục XXVIII

- Hoàng Diệu
- Nguyễn Văn Quán
- Phan Hoằng Nghị
- Phan Sỹ
- Nguyễn Đức Đạt
- Nguyễn Văn Giao
- Mai Thế Quý
- Nguyễn Hanh
- Ngô Văn Độ
- Trần Đôn Phục
- Phạm Hữu Chiểu
- Trần Văn Chuẩn
- Ngô Đức Bình (phụ chép)
- Phạm Hy Lượng
- Phan Đình Thỏa
- Văn Bảng, Chấn (phụ chép)
- Chu Duy Tĩnh
- Phạm Trinh
- Nguyễn Văn Hùng
- Lê Tuấn
- Hữu Lập (phụ chép)
- Vũ Khắc Bôn
- Lê Đình Tuấn
- Nguyễn Cao Bính
- Trần Trọng Quang (phụ chép)
- Lê Khắc Nghị
- Đặng Văn Kiều
- Hoàng Hữu Tài
- Trương Định
- Đồng Văn Quỳ

Quyển 39

Truyện các quan - Mục XXIX

- Lê Liêm
- Phan Văn Dư
- Vũ Túc
- Nguyễn Văn Liêm

Digitized by Google

- Hoàng Xuân Phùng
- Phạm Thanh Thục
- Thành Ngọc Uẩn
- Dương Danh Thành
- Vũ Như
- Nguyễn Văn Ái
- Ngô Quý Đồng
- Nguyễn Tiếp Phương
- Trịnh Văn Lâm
- Nguyễn Xuân Ôn
- Hồ Bá Ôn
- Hoàng Văn Hòe
- Trần Hy Tăng
- Hà Văn Quang
- Nguyễn Cơ
- Phan Duy Thanh
- Lâm Hoành
- Nguyễn Hữu Độ
- Nguyễn Đình Tựu
- Lê Văn Điếm
- Nguyễn Đăng Ngoạn
- Hoàng Hữu Thường
- Nguyễn Tài Tuyển

Quyển 40

Truyện Trung nghĩa - Mục I

- Phạm Trọng Tụy. (phụ chép Đặng Tích)
- Nguyễn Thế Cát
- Ngô Văn Thành, (phụ chép Trần Văn Thạc, Nguyễn Văn Tuyền, Nguyễn Phú Quyền, Bùi Văn Giá)
- Nguyễn Văn Thận (phụ chép Nguyễn Hữu Thuyên)
- Lê Văn Nghĩa (phụ chép Phan Văn Song)
- Lê Văn Thường (phụ chép Nguyễn Lộc, Vũ Văn Thường)
- Trương Văn Phượng (phụ chép Ngô Tá Đàm, Nguyễn Văn Tân, Ngô Doãn Phú, Trương Tử Tỵ, Nguyễn Đăng Triêm, Đặng Văn Quyến, Lê Văn Tiêu, Đinh Văn Tự)
- Tăng Tháp (phụ chép Ngô Sĩ Thường)
- Nguyễn Đức Chung
- Lê Văn Cư (phụ chép Trần Văn Du, Phạm Văn Trứ)
- Tống Phúc Minh (phụ chép Trương Văn Sử)
- Lê Huệ (phụ chép Bùi Văn Giảng)
- Bùi Đình Dự
- Vũ Viết Tuấn (phụ chép Lê Kim Trợ, Hoàng Văn Quang)

Digitized by Google

- Nguyễn Tình Lộc (phụ chép Nguyễn Văn Cáo, Lê Phúc Sơn, Phạm Đức Hạnh, Nguyễn Văn Anh, Đỗ Văn Quyền, Nguyễn Xuân Trị, Đinh Quang Toản, Bạch Văn Dụ)
- Phạm Văn Phạt (phụ chép Hoàng Phúc Lợi, Nguyễn Tiến Quang, Mai Văn Đồng, Nguyễn Văn Tuấn, Lê Văn Tứ)
- Bùi Tăng Huy (phụ chép Phạm Văn Lưu)
- Phạm Đình Trạc
- Nguyễn Doãn
- Nguyễn Duy Tân
- Phạm Xuân Bích
- Trần Văn Quản
- Lê Quang Tiến
- Nguyễn Điền(phụ chép Nguyễn Văn Nhàn, Trương Trường)
- Nguyễn Đạc, (phụ chép Nguyễn Thọ Kỷ)
- Ngô Đức Tu
- Phan Bân
- Hồ Thiện
- Lê Như Cường
- Nguyễn Hữu Trì
- Nguyễn Đỉnh
- Trần Tuyên, (phụ chép Xuân Hòa, Hoàng Hữu Quang)
- Phạm Đức Hinh
- Nguyễn Đăng Sỹ
- Trần Đức Tráng
- Nguyễn Khoa Dực
- Dương Văn Phong
- Nguyễn Văn Điểm

Quyển 41

Truyện Trung nghĩa - Mục II

- Bùi Quang Chu (phụ chép Quang Khoáng, Bùi Văn Nhật, Hoàng Văn Cổn)
- Trần Quang Hà
- Phạm Chân
- Hoàng Ngọc Chung
- Vũ Tảo
- Nguyễn Viết Thành
- Lê Tuân
- Nguyễn Văn Nhuận
- Hoàng Tạo
- Trần Văn Mỹ
- Lê Huy Diệu
- Trần Hòa
- Trần Thắng
- Vũ Hổ
- Hoàng Đình Nho
- Ngô Trực Nghĩa
- Đặng Hữu Khuê
- Trần Văn Uy
- Đặng Đình Khải

Digitized by Google

- Nguyễn Huy Tân
- Hoàng Văn Giảng, (phụ chép Lê Thanh Bạch, Thanh Phái)
- Ngô Xuân Ủy
- Nguyễn Dy
- Lê Đình Thức
- Phan Văn Đạt, (phụ chép Lê Cao Dũng)
- Mai Thạc
- Nguyễn Tiến Thảng, (phụ chép Nguyễn Hữu Quân)
- Đặng Văn Tại, (phụ chép Trần Văn Xuân)
- Nguyễn Hữu Huân
- Nguyễn Hữu Điển, (phụ chép Trần Mân)
- Nguyễn Thừa Duyệt
- Nguyễn Quang Tuyên
- Nguyễn Trung
- Hoàng Văn Trãi
- Nguyễn Tích, (phụ chép Nguyễn Xuân Hào)
- Nguyễn Cao
- Nguyễn Huy Trác
- Trần Đôn

Quyển 42
Hạnh - Nghĩa

- Nguyễn Dụ
- Nguyễn Doãn Đức
- Lê Quý Kiểm
- Phan Duy Vĩnh
- Dương Quang
- Vũ Quang
- Nguyễn Huy Đức
- Nguyễn Trác Chi
- Lê Mậu Chu
- Tô Thế Mỹ
- Phạm Hữu Chí
- Phạm Hội
- Lê Huy Bích
- Nguyễn Đạo
- Đỗ Xuân Cát
- Nguyễn Trinh Hoàng
- Nguyễn Duy Thành
- Nguyễn Mậu Kiến
- Trịnh Văn Diệm
- Phạm Văn Thu
- Hoàng Việt Tế
- Vũ Huy Đấu

Digitized by Google

- Nguyễn Văn Trình
- Nguyễn Văn Khoa

Quyển 43
Ẩn dật

- Đỗ Trọng Ngoạn
- Chu Doãn Trí
- Bùi Trú
- Lê Bật Triệu
- Lê Khắc Phối
- Lê Mẫn Đức
- Tôn Đức Tiến

Quyển 44
Liệt nữ

- Hoàng Thị Trúc, (phụ chép Thị Nương, Thị Liệu)
- Bùi Thị Tâm
- Dương Thị Việt
- Vũ Thị Lựu
- Phạm Thị Uyển
- Vy Thị Phí
- Nguyễn Thị Quyên
- Nguyễn Thị Quyên
- Nguyễn Thị Phán
- Nguyễn Thị Bình
- Hoàng Thị Nghĩa
- Nguyễn Thị Tư
- Lê Thị Nhuận
- Trương Thị Cận
- Lê Thị Tế
- Đoàn Thị Quang
- Đoàn Thị Lưu
- Trần Thị Quyền
- Nguyễn Thị Thông
- Trần Thị Nhi, (phụ chép Nguyễn Thị Lý)
- Đoàn Thị Chùy
- Ngô Thị Khách
- Nguyễn Thị Tín, (phụ chép Vũ Thị Trực)
- Lê Thị Nữ
- Phạm Thị Thường
- Nguyễn Thị
- Phạm Thị
- Lê Thị, (phụ chép Vũ Thị)
- Nguyễn Thị
- Đỗ Thị
- Nguyễn Thị
- Đoàn Thị Triện
- Phan Thị Yến
- Nguyễn Thị Viện
- Nguyễn Thị Thuần
- Đào Thị Hiển
- Lê Thị Nhâm

Digitized by Google

Quyển 45

Truyện các nghịch thần - Mục I

- Lê Văn Khôi, (phụ chép Nguyễn Văn Trấm)

Quyển 46

Truyện các nghịch thần - Mục II

- Nông Văn Vân - Cao Bá Quát

Digitized by Google

QUYỂN 26

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XVI

- Nguyễn Quốc Hoan
- Đào Trí
- Cao Hữu Bằng
- Nguyễn Đức Hoạt
- Vũ Phan (phụ chép Hoàng Xuân Hợp, Ngô Phát, Ngô Dạng)
- Tô Trân
- Ngụy Khắc Tuần
- Ngụy Khắc Đản
- Hoàng Tế Mỹ (con là Tướng Hiệp)
- Đặng Khải
- Vũ Đức Mẫn
- Chu Văn Nghị
- Ngô Bỉnh Đức
- Lê Danh Đề
- Phan Thanh Giản
- Nguyễn Như Thăng

*
* *

Nguyễn Quốc Hoan

Người huyện Bình Chính, Quảng Bình.

Minh Mạng năm thứ 2, Hoan đỗ hương tiến, lúc đầu được phái đi làm hành tẩu bộ Công.

Năm thứ 5, được bổ tri huyện huyện Sơn Dương.

Năm thứ 9, thăng tri phủ phủ Nghĩa Hưng, phẩm đầy niên hạn, thăng học chính Quốc tử giám; rồi vì có tang mẹ nghỉ chức.

Năm thứ 15, có chiếu bổ dụng, nhắc lên giám sát ngự sử đạo Định An.

Năm thứ 16, thăng án sát tỉnh Thanh Hóa

Năm thứ 19, đổi đi án sát Hà Nội, trải thăng đến bố chính 2 tỉnh Hà Nội, Nam Định.

Digitized by Google

Thiệu Trị năm thứ 2, quyền giữ ấn quan phòng, Tổng đốc Định An. Năm ấy, ngự giá đi tuần ra Bắc, Quốc Hoan vì việc sung biện việc đón tiếp ở đình bãi sông, không hợp phép, bị giáng làm thất phẩm, trích đi làm việc công ở Tân Gia Ba.

Năm thứ 3, được khởi phục viên ngoại lang, không bao lâu, bổ thụ án sát Vĩnh Long, trải làm bố chính Định Tường.

Năm thứ 6, Hoan về kinh, chúc tuổi vua, thăng hữu thị lang bộ Hình, rồi đổi sang bộ Binh.

Năm Tự Đức thứ 1, bổ ra làm bố chính Quảng Nam, trải thự tuần phủ Thuận Khánh, Định Tường.

Năm thứ 5, được hộ lý ấn quan phòng tổng đốc Ninh Thái.

Năm thứ 9, Hoan bị bệnh chết. Quan tỉnh ấy cho là Quốc Hoan tại chức nghèo túng, về công việc sau khi chết không lấy gì mà chi biện được. Xin phát tiền kho ra sắm mua lụa màu, áo quan để dùng, chi các khoản sau khi chết đi cho Hoan. Vua y cho lại bảo rằng: Bắc Ninh là nơi địa phương lớn, công việc bận rộn, Quốc Hoan vốn tự có phương pháp, dân trong hạt tin yêu, chuẩn cho truy thụ làm Tổng đốc Ninh Thái, chiếu hàm mới, cấp tiền tuất, và sai quan có trách nhiệm đến tế ở nhà.

Quốc Hoan là người nghiêm nghị, khi trị một địa phương, răn cấm cẩn thận người nhà không cho phép chúng đưa đón lễ lạt, có tiếng liêm khiết. Khoảng năm Tự Đức, được thưởng 1 chiếc kim khánh có chữ thanh liêm cần cán; lại nhận chức vụ ở bên ngoài lâu ngày, ơn huệ để lại dân cả, ca tụng ví như cây cam đường của ông Thiệu Bá (1) ơn mưa đầm của ông Tuân bá (2) đời xưa. Tính Hoan rất thích văn chương,

(1) Ông Thiệu Bá đời Chu đi tuần hành nam quốc, tuyên bố chính lệnh, thường đỗ ở dưới cây cam đường, người sau nhớ công đức của Thiệu Bá, bảo nhau không nên đẵn đi.

(2) Trong Kinh Thi có câu rằng: "Bong bông thử miêu âm vũ cảo chi, tử quốc hữu vương Tuấn Bá lạo chi". Nghĩa là, lúa thử tốt đùn đùn, mưa dầm để bón thêm, bốn nước đã có vương, Tuấn Bá lại vỗ về thêm.

Digitized by Google

sách vở, mỗi khi ở quan thường lấy thế làm vui. Sau khi chết đi, Hoan chỉ để lại có sách vở đầy nhà mà thôi.

Con là Quốc Quyển, Quốc Thành, đỗ cử nhân đồng khoa về ân khoa Bính ngọ, năm Thiệu Trị thứ 6. Quốc Thành sau đỗ tiến sĩ, quan đến tri phủ Ứng Hòa. Quốc Uyển theo chí của cha ở nhà phụng dưỡng ông nội, mãi không ra làm quan; về sau được bổ giáo chức huyện Nam Chân, chết ở nơi tại chức.

*

Đào Trí

Tên tự là Trung Hòa, tiên tổ là người Thanh Hóa, chuyển vào Nam, làm nhà ở xã Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên. Trí tự thuở nhỏ ham đèn sách. Năm Minh Mạng thứ 5, theo lệ làng ra đầu quân, thăng mãi đến chánh đội trưởng suất đội.

Năm thứ 21, Trí theo việc bắt giặc ở Trấn Tây; trận đánh ở bảo Sa Tôn có công được bổ phó quản cơ sung hiệp quản vệ Tả Thủy ở Vĩnh Long.

Thiệu Trị năm thứ 1, thăng phó vệ úy vệ tiền doanh Hùng nhuệ.

Năm thứ 7, được phái đi phòng giữ cửa biển Đà Nẵng, xây đắp đồn bảo, vì trận đánh ở Trà Sơn, không biết ra sức, bị cách chức, lưu lại, đổi về làm phó vệ úy vệ nhị hậu doanh quân Vũ lâm.

Đầu năm Tự Đức, Trí trải làm lãnh binh Biên Hòa, Định Tường.

Năm thứ 7, bổ thụ đô chỉ huy sứ vệ Cẩm y, rồi đổi làm tham biện quân vụ tỉnh Quảng Ngãi. Đến khi nạn Thạch Bích bình rồi, Trí được triệu về thự chưởng vệ, quyền giữ hữu dực doanh Vũ lâm.

Năm thứ 9, tháng 8, binh thuyền Đại Pháp sinh sự ở Đà Nẵng, vua sai Trí kịp đi hiệp cùng với tổng đốc Quảng Nam

Digitized by Google

là Trần Tri để tùy cơ đánh dẹp. Bấy giờ phái viên của Đại Pháp đến biển tự xưng là chức quan nhất phẩm, cần đến kinh cùng đại viên nhất phẩm hội định hòa ước. Trí dâng sớ xin chọn người làm phái viên, vua dụ rằng: Ngươi phải hết lòng trù liệu, bất tất phải cử người khác. Đến lúc về đổi cai quản các vệ ở viện Thượng tứ vệ tuyển phong. Phàm có việc lớn đều được dự đình nghị. Không bao lâu, quân của Đại Pháp lại chở đến Đà Nẵng, bắn phá đài, bảo. Vua cho Trí quyền lĩnh tổng đốc Nam Ngãi trù liệu công việc đánh giặc. Trận đánh ở sông Hàn, Trí cùng tán tương Nguyễn Duy đặt quân phục, đánh lui được giặc.

Năm thứ 13, Trí trình bày việc binh. Vua cho Trí là quan võ mà hưởng ứng lời chiếu và bàn nói hết lời, thưởng cho Kim tiền "Long vân khế hội" hạng lớn và hạng bé đều 1 đồng.

Năm thứ 15, sung chức kinh lý đại thần, đốc biện việc lương quân, khí giới phòng bị từ Quảng Nam đến Bình Thuận; rồi bổ thụ thống chế tham tán quân thứ Hải Yên, đánh lấy lại được thành phủ Bình Giang. Lại tiến quân giải vây ở Hải Dương, được nhắc lên hàm đô thống lĩnh tổng đốc Định Yên. Trí dâng sớ nói rằng: Lệ thi hương thường dùng các viên phủ, huyện sung làm sơ phúc khảo, khi phái người đi sung chức ấy, và phái người đến quyền nhiếp, dân trong hạt không phải phiền vì việc đón tiễn. Xin đem viên giáo thụ sung vào phúc khảo; viên huấn đạo và cử nhân sung vào sơ khảo. Vua khen là phải. Gặp khi Nam Định giá gạo đắt lương ăn của dân khó khăn. Trí cùng bố chính là Nguyễn Huy Kỷ, án sát là Lê Tuấn quyên tiền giúp việc chẩn cấp được 1.400 lạng bạc, 90.500 quan tiền, và 2.200 hộc thóc; dựng đặt kho xã thương được 94.100 hộc thóc, và 1.800 quan tiền. Lại sức dân đắp đê, khẩn ruộng được hơn 17.000 mẫu, dân có lợi lắm.

Năm thứ 19, kỳ đại kế, vua cho Trí nhiều lần lập được

Digitized by Google

chiến công, trị an một địa phương lớn, cho thăng thụ tả quân Đô thống phủ chưởng phủ sự. Vẫn lĩnh chức như cũ. Vua lại cho Hà Nội là một địa phương quan trọng mà Trí là trọng thần, oai vọng lừng lẫy, nên đổi cho Trí đi Hà Ninh, kiêm sung thống đốc việc hải phòng của 3 tỉnh Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên; giao cho Trí giữ việc huấn luyện biên binh, sửa sang đồn lũy. Sau Trí tâu xin: Ở Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, đều đặt đồn lũy họp dân phu, mộ chiến sĩ, để phòng khi bất ngờ.

Năm thứ 21, tú tài ở Nam Định là bọn Lê Đường đốt phá nhà thờ bên đạo và nhà dân đạo ở 2 xã Trình Xuyên, Ngọc Thành. Vua cho là Trí trước đây tổng đốc Định Yên, dân tình vẫn tin phục, bèn sai Trí đi đến đấy xử trí cho thanh thỏa; rồi chuyển về Hà Nội liệu đem toán quân mạnh, đi lại tuần hành, đàn áp các hạt Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh.

Năm ấy, tuổi Trí đến lệ 70, dâng sớ cáo lui. Vua cho là tuy già nhưng làm được việc, nên lưu lại. Lại thấy Trí khi ở Nam Định, vì dân chấn hưng việc lợi vẫn có tiếng tốt, khen thưởng cho Trí 1 cái kim bài có chữ "vị đức, vị dân" có dây thao đeo rũ xuống và gia 1 cấp trác dị nữa. Vua sai sử quán soạn bài văn bia giao tỉnh Nam Định khắc vào bia dựng lên. Trí dâng sớ xin từ chối, rồi việc ấy cũng ngừng lại. Bấy giờ, quân thứ miền bắc có loạn Ngô Côn, mà việc phòng thủ đánh dẹp bọn giặc ở đồn tây lại là việc cần yếu của Bắc kỳ; nên đổi bổ Sơn bắc quân thứ Thống đốc tiễu bộ quân vụ đại thần.

Vua lại lo các đạo quân ở Bắc kỳ đều tự đóng quân lại, tự ngăn chặn riêng, bèn hợp Sơn Hưng Tuyên lại làm một đạo, cho Trí cai quản tất cả. Rồi sau Trí cùng giặc đánh nhau ở đồn Man Hạ bị thua phải giáng làm đô thống. Lại vì để nửa tháng không chịu phái quân đi đội đánh, nên lại giáng xuống thống chế; nhưng vẫn sung việc đốc vận.

Digitized by Google

Năm thứ 23, tướng nước Thanh là Phùng Tử Tài cần đi đến thành Tuyên, mà lương thực, thuốc đạn, chuyển vận không được kế tiếp. Trọng Bình đem việc ấy tâu lên. Vua sai tước hết chức hàm của Trí, lệ thuộc vào quân thứ để cố gắng ra sức chuộc tội. Không bao lâu, Trí được khai phục chức lãnh binh. Tháng 7 năm ấy, vì già yếu xin nghỉ, vua y cho. Lại chuẩn cho Trí khai phục chưởng vệ.

Trí tính nhanh nhẹn, thẳng thắn, thích văn chương. Tuy xuất thân về hàng ngũ; nhưng thường đón thầy dạy học. Trí thích đọc Vũ kinh, học qua kinh sử. Phương đình Nguyễn Văn Siêu thường khen là Trí tuy bề ngoài thì võ, mà bề trong thì văn. Trí ở ngoài Bắc gần 18 năm, khi đốc suất việc tỉnh, thì chính sự được chỉnh đốn, khi thống quản việc quân thì thao lược thông thạo. Võ thần như thế, thực là ít có. Trí năm 80 tuổi thì chết.

*

Cao Hữu Bằng

Nguyên tên là Dực, tên tự là Hy Bằng, về sau kiêng quốc húy, nên lấy tên tự để gọi. Người huyện Phong Điền, Thừa Thiên, Bằng là người thông minh, nhanh nhẹn có khí thức. Năm Minh Mạng thứ 6, đỗ hương tiến.

Năm thứ 7, Thượng bảo thiếu khanh, quản lý phòng văn thư là Phan Đình Sĩ dâng sớ xin chọn người sung làm hành tẩu phòng ấy. Bấy giờ hội cử được 10 người, Bằng được dự tuyển; do làm Hàn lâm viện điển bạ, nhiều lần thăng đến lang trung bộ Hộ.

Năm thứ 12, vâng phái đi hộ tống nạn dân nước Thanh về tỉnh Phúc Kiến.

Năm thứ 14, ra làm án sát sứ Hà Tĩnh.

Năm thứ 15, thăng thự bố chính, hộ lý ấn quan phòng tuần phủ. Bấy giờ, có tướng giặc là Phan, trốn lẩn ở miền

Digitized by Google

rừng núi Hồng Sơn, Hữu Bằng thân đốc quân dàn chặn đánh bắt sống được hơn 20 tên vừa đầu mục giặc và bọn lũ giặc; lại có hơn 30 tên đến thú nữa. Vua xuống dụ khen thưởng cho thực thụ bố chính, vẫn giữ chức hộ lý.

Năm thứ 18, sung làm khâm mạng tuyển trường ở Nam Định. Trước đây, quan lại ở Trấn Tây đã có đặt chức hiệp, nhưng chưa chọn cử được người sung chức ấy. Đến bây giờ, vua bảo là Hữu Bằng có thể đương nổi chức ấy. Bèn đổi Bằng làm thị lang bộ Binh, hiệp tán công việc thành Trấn Tây, và chế cấp cho ấn quan phòng, phàm có việc khẩn cấp, cho phép được làm tập tâu riêng. Khi ấy là năm Minh Mạng thứ 19. Hữu Bằng khi mới đến trấn ấy, dâng sớ dán kín nói: Trấn Tây chưa thể nghỉ được, việc binh, các phiên thuộc nay đã hành bộ hiện tên trong sổ, nên bắt phong biên sứ phải tự về thú. Lại xin tha các tù phạm giam cầm ở thành ra, ghép vào làm binh đồn điền. Sớ dâng lên, vua chuẩn cho trích đem tù đồ tha ra ghép sung vào đồn điền. Còn như người Man, Thổ, thì bắt giữ việc ngoài biên, không chuẩn cho đi làm đồn điền.

Lại dụ rằng: Người mới được chọn bổ, phải thực lực làm việc cho ẩn đáng, chớ nên chỉ kiến nghị tâu bày để tự khai mình.

Năm thứ 20, Hữu Bằng trình bày việc biên giới các điều:

Đồng ruộng ở Hải Tây rất tốt màu, xin trích thú binh đến đấy khai khẩn.

Dân phiêu lưu ở 6 tỉnh, phần nhiều ẩn ngầm ở trong thành, tùy ở chỗ nào, làm ăn ở đấy, xin do sở tại chiêu dụ lập thành làng, ấp. Lại người nước Thanh đến ngụ phần nhiều bị người Phiên nhũng nhiễu; cũng xin nhân thế mà phủ dụ dồn thành họ trong hàng bang. Đợi khi việc làm ăn và cư trú yên ổn, tới họp đông đúc, sẽ bàn việc đánh thuế.

Tự trước, tục người Thổ, đầu mục đều có phần đất, phần dân. Người nào làm dân, thì nhất thiết nghe theo người đầu

Digitized by Google

mục. Xin từ nay trở đi, phàm chức nào có liên quan đến công việc binh dân, thì phải do quan ở thành chọn xin, sẽ lượng cho quan chức. Vua khen lời tâu là phải.

Năm thứ 21, Hữu Bằng lại về khi trước ở Hà Tĩnh thu riêng tiền thuế lá trầu ở các quan ải bến đò, bèn dâng sớ tự trình bày tội mình. Vua khoan tha cho, lại bắt phải nộp nguyên số sung vào nhà nước.

Năm ấy, Bằng nghe tin thân phụ bị ốm, dâng sớ xin về quê thăm nom; sau vì việc bận, vua không chuẩn y. Vua đặc ân phái ngự y và ban cho sâm quế, thuốc thang về tận quê chữa trị cho. Đó là đặc cách vậy. Tháng 8, Bằng có tang cha. Vua cho là Hữu Bằng ở Trấn Tây lâu năm, tình hình vốn đã thuộc hết, hãy tạm lưu lại làm hiệp trấn ở đấy, đợi việc bắt giặc xong xuôi, sẽ chiếu lệ cho về quê, cũng chưa muộn gì. Tháng ấy, thổ biên phủ Hải Tây là Sa Mộc xua bọn dân mới lập làm phản, bỏ đi phụ giữ tận Xà Năng. Bồn Suất cũng đốc suất lính thổ trốn đi. Bọn giặc nổi lên tứ phía. Đình thần cho là Hữu Bằng không biết phòng giữ, nghĩ xử tội đồ. Vua đặc ân xuống dụ giáng làm viên ngoại lang bộ Binh, vẫn sung chức hiệp tán. Đến tháng 10, vua thấy Bằng đốc suất biên binh đánh dẹp có thực trạng và phủ dụ giặc ấy, thưởng cho kỷ lục giống như quân công 1 thứ. Lại cùng với ban biện là Doãn Uẩn tâu nói: Tướng giặc ở Quế Lâm là Nguyên Na Tiên họp bọn đến quấy hạt phủ Sơn Tĩnh. Quan quân tiến đánh, thì giặc lui ẩn ở trong rừng, đuổi theo thì không thấy dấu vết. Lại xứ La Kết giáp gần thành lị; giặc thường nhân cớ ban đêm lẻn đến đuổi dân cướp của. Các thổ mục, thổ dân nguyên ở nơi ấy thần đã sai phá hết nhà cửa, di cư đi chỗ khác, chỗ để cho bọn giặc ra vào tụ tập ở đấy. Vua y theo, cho phép phải xem cơ hội mà làm cho thỏa hợp. Đến khi Trấn Tây không giữ được, năm Thiệu Trị thứ 1, cho là Bằng xử trí trái phép, chuẩn cho lấy hàm bị giáng, quyền lĩnh bố chính

Digitized by Google

An Giang. Rồi sau bộ Hình đem việc Trấn Tây phân biệt xử tội. Vâng lời dụ rằng: Hữu Bằng là quan to ở địa phương chỉ một mực dựa dẫm, không thi thố được chút nào. Trước đây đã giáng làm hàm Viên ngoại, quyền lĩnh phiên ti An Giang. Nay chuẩn giáng làm Tự vụ; lại cách chức cho lưu lại, vẫn quyền lĩnh án sát An Giang.

Hữu Bằng phải đi thám tình hình của giặc, tâu rằng: Bọn thổ phỉ từ trước đến nay phần nhiều khổ về nỗi muối ăn và trầu cau không đủ. Hiện nay nước Xiêm, nước Miên chia đóng ở Tượng Sơn, Tham Sơn; quân của tên Giun và Chất Tri có 10.000 quân ở Khai Biên; phỉ mục là Trần Sâm có quân của người nước Thanh, người Thổ hơn 5.000 tên, ở các sách Sốc Trăn, Trà Tâm đặt đồn để chống cự. Vua cho là lời tâu phần nhiều chỉ nghe hão. Duy là địa đầu quan yếu, cũng nên thám hết tình hình hư thực của giặc thế nào. Sau đem các thổ dân đã đến hợp nhập ấy đi viện cấp lương thực, khí giới cho quân, đều được thanh thỏa? Được khai phục hàm Viên ngoại lang, vẫn lĩnh chức niết sứ. Tháng 6, được về quê liệu lý việc nhà. Khi xong việc, đổi làm án sát Định Tường; lại chuẩn cho hộ lý tuần phủ tỉnh ấy.

Năm thứ 3, chuyển đi Gia Định. Năm thứ 4, thăng thự tuyên phủ sứ Tây Ninh. Tháng 8, về làm việc gắng sức, đem thưởng gia 1 cấp.

Bấy giờ, thổ dân ở Lạp, Miên đến 5.000 người, đem nhiều xe trâu đến buôn bán ở Tây Ninh. Hữu Bằng đem việc ấy tâu lên. Vua bảo rằng: Việc phủ dụ đã tiện có cớ đấy. Lại xin gọi lập ấp, cấp cho ngưu canh, điền khí, ra sức khai khẩn, để giữ vững biên cương. Vua theo lời nghị.

Năm thứ 5, được thăng bổ Thị Lang bộ Binh, thự tuần phủ An Giang.

Năm Tự Đức thứ 1, được thưởng 1 cấp quân công.

Năm thứ 2, về kinh kính đợi lễ tấn tôn, được sung làm

Digitized by Google

nội tán "đại lễ bang giao", liền được bổ thụ tuần phủ, nhưng quyền làm việc bộ Hình. Rồi lại đổi đi tuần phủ Hà Tiên. Năm ấy được thăng thự tổng đốc An Hà. Danh sách kì đại kế dâng lên, được thưởng gia 1 cấp.

Năm thứ 4, mùa xuân, Hữu Bằng tâu nói: quốc vương Cao Miên là Sá Ông Giun ủy cho thổ mục đệ công văn đến tỉnh: Một khoản xin chuyển lui 2 bảo Bình Di, Khánh An; một khoản xin châm chước tha thuế thuyền, để thổ dân được tiện đi lại thông thương. Vua sai Bằng nghĩ làm tờ tư trách hỏi vua Miên về nghĩa phiên thần, và ơn gây dựng, xem hắn đáp lại thế nào, rồi tùy cơ liệu làm. Sau Bằng lại tâu rằng: Dân Miên bị mất mùa, Miên trưởng tất muốn đến buôn gạo của nước ta, thì giá gạo sợ lại đắt thêm. Xin trả lời khước từ với nước ấy từ trước khi chưa có lệ thông thương. Nếu dân Miên có nhân đói họp bọn cướp bóc, thì ta sẽ bắt chém; thổ dân về quy thuận, thì cho sát nhập vào Ô Môn ở Ba Châu mà sinh sống làm ăn để tỏ ra ý kiến vỗ về yên họp. Vua khen là phải, sai sao chép bản tâu ấy giao cho Gia Định, Định Tường, Hà Tiên, thi hành một thể.

Năm thứ 5, Bằng làm tập đem các phủ huyện là nhân viên xuất sắc, bảo cử lên. Được dụ rằng: Cao Hữu Bằng, biết tiến người hiền tài, không ẩn giấu chút nào, thực là đáng khen. Chuẩn thưởng cho 3 tấm sa màu, để tỏ ra khuyến khích. Tháng 8, danh sách kỳ đại kế dâng lên; được dụ rằng: Cao Hữu Bằng gặp việc hết sức thừa hành không cẩu thả, cẩn thận, siêng năng về chức vụ, thưởng gia một cấp. Tháng 9 được triệu về kinh chầu hầu.

Năm thứ 6, được thăng thụ tổng đốc An Hà. Tháng 9 năm ấy, Bằng xin sức cho nước Miên rút bỏ đồn thủ ở thượng du. Vua không cho, dụ rằng: Đấy là lệ thường giữ nước, chưa có thể lấy việc đó. Sự nhòm nom biên cảnh, mở mối hấn khích mà trách họ. Về thể chế thương mến nước ngoài, cần

Digitized by Google

phải tỏ ra lòng rộng rãi.

Bấy giờ, kinh lược đại sứ Nam Kỳ là Nguyễn Tri Phương đem tập xét các đại viên tâu trình. Được dụ rằng: Thự tổng đốc Cao Hữu Bằng vốn nghe nói là lại dân tín phục, thực là đứng đầu hàng đại viên ở địa phương 6 tỉnh, thưởng cho gia một cấp, và 50 lạng bạc, để khuyên người hạng tuần lương (1).

Tháng 12, Hữu Bằng lại tâu nói: Việc đồn điền ở 6 tỉnh, cần phải chiêu dụ thong thả, để cho chúng có việc làm và chỗ ở yên ổn; rồi sau huấn luyện dần dần. Đến như ngạch lính ở các cơ hiện nay, hãy lấy đài số mà thôi, cốt can ở chỗ không phô trương số hào, và tỉnh bớt lệ trục tính từng hạng, xóa tên đi, biên tên vào để tiện cho dân. Vua dụ rằng: Lời tâu ấy tuy là có ý kiến tiện cho dân mà đề xướng ra. Nhưng không biết rằng nói gần phải, mà thành ra trái. Xét ra, binh dân, lấy sổ làm đình ngạch. Nếu không có tục điền xóa tên biên vào trong sổ, thì hầu như bỏ thiếu ngạch binh càng lâu ngày càng thiếu mãi, lấy gì mà trách cho có thành hiệu được ư?

Năm thứ 8, Bằng vì đốc sức các phủ, huyện khuyên dân trồng trọt khoai, sắn, đậu, ngô, có công hiệu, được thưởng 1 cấp.

Năm thứ 9, vì làm thanh thỏa được việc bắt binh lính, xét hình ngục, thu lương thuế, nên thưởng gia 2 cấp và kỷ lục 2 thứ.

Năm thứ 10, vì có công đốc biện việc khơi đường sông, được thưởng 1 đồng kim tiền "Phi long" hạng lớn.

Năm thứ 12, tháng 7, Bằng bị bệnh, chết ở chỗ làm quan, tuổi 61. Hữu Bằng giữ lòng thanh khiết chăm chỉ làm việc, thạo giỏi. Ngày Bằng chết, vua thương lắm, vâng lời được dụ

(1) Tuần lương: làm quan biết giữ phép cũ và lương thiện.

Digitized by Google

rằng: Cao Hữu Bằng kịp thờ 3 triều, một lòng cẩn hậu, trải coi giữ nhiều địa phương, phủ trị đúng phép, dân man di mến phục. Chính đương lúc nơi biên cương quan trọng, thiết tha nhờ viên ấy giúp đỡ. Nay thế mà tuổi vừa 61, một lần bệnh từ biệt mãi mãi, rất đáng thương tiếc. Tặng cho hàm hiệp biện đại học sĩ, cấp cho tiền tuất; gia cấp cho ấm tướng quốc, sa màu và vải lụa, cùng 500 quan tiền để chi tiêu về việc làm ma. Lại sai hộ tống quan tài về quê, và sai quan khâm mạng đến tế.

Con là Hữu Sung, nay lấy hàm tuần phủ và hưu trí; Hữu Hàm, lấy hàm ấm thụ làm quan đến tri huyện Nghi Xuân; Hữu Mĩ đăng vào danh sách anh danh, quan đến hiệp quản nha Tu lí. Cháu nội là Hữu Lương đỗ khoa thi hương, làm quan đến kiểm thảo Nội các; Hữu Chấp ấm thụ Hàn lâm viện điển tịch.

*

Nguyễn Đức Hoạt

Người huyện Hải Lăng, khi trước thuộc phủ Thừa Thiên, nay đổi là Quảng Trị.

Năm Minh Mạng thứ 6, Hoạt đỗ hương tiến. Năm thứ 9, bổ Hàn lâm viện kiểm thảo, sung làm hành tẩu Nội các, trải thăng thừa chỉ, thị độc, thị độc học sĩ, tham biện việc Các. Vì tính siêng năng, cẩn thận, được thưởng gia 1 cấp. Rồi sung làm giáp phó sứ sang nước Thanh; hộ lý ấn quan phòng phủ Nội vụ, đổi làm lang trung bộ Binh, làm công việc bộ, lại quyền biện công việc bộ Hộ, vì có bàn điều khoản quân điền, được thưởng 1 cấp, thăng thự bố chính sứ Nghệ An.

Năm Thiệu Trị thứ 1, đổi làm hữu thị lang bộ Lễ, lại sung làm giáp phó sứ sang nước Thanh, sung biện công việc Nội các.

Năm thứ 2, thăng thự tả tham tri bộ Lại, quyền giữ ấn

Digitized by Google

triện viện Đô sát. Tháng 9 năm ấy, có tai nạn bão lụt, Vua xuống chiếu cầu lời ngay thẳng. Hoạt dâng nói rằng: Yêu dân là đức tốt của ai làm vua, mà cho cho dân ăn dùng thừa thãi càng là chính sách của vương giả nên làm trước. Nay, 2 hạt Thừa Thiên, Quảng Trị, sau khi đau khổ lâu ngày, lại bị tai nạn riêng, thì thuế lệ năm nay cùng số thuế trốn nhiều năm trước, xin hoãn lại 1 năm để cho lương ăn của dân được thừa thãi. Vua chỉ là Đức Hoạt hưởng ứng lời chiếu trình bày đầu tiên, không phụ chức vụ, thưởng cho sa và lụa.

Năm thứ 5, Hoạt lấy bản hàm hiệp lý doanh Thủy sư kinh kỳ.

Năm thứ 7, quyền hộ ấn quan phòng tổng đốc An Tĩnh; rồi về làm tả tham tri bộ Lại, quyền giữ chức thượng thư.

Năm Tự Đức thứ 1, đổi đi hộ lý tổng đốc Định Biên.

Năm thứ 2, Hoạt chết. Hoạt trải làm quan khắp trong ngoài, giữ cẩn qui chế làm quan, không có lầm lỗi, nhiều lần chuyên giữ một địa phương vẫn tỏ ra có đức chính lương thiện. Đến lúc chết, vua thương Hoạt là người hiền năng, công lao, chuẩn cho thực thụ. (Nguyên thự hàm Tả tham tri); cho chiếu theo hàm mới mà cấp tiền tuất, và cho thêm 3 cây gấm Trung Quốc và vải lụa, tiền nữa.

*

Vũ Phan

Tên tự là Hoán Phủ, tiên tổ người ở huyện Đường An, Hải Dương; sau dời đến ở huyện Thọ Sương, Bắc Thành. Tằng tổ là Diễm, đỗ tiến sĩ đời Lê, quan đến hiến sát; cha là Cửu, ẩn cư dạy học.

Phan thuở nhỏ được học cha ở nhà. Năm Minh Mạng thứ 7, đỗ tiến sĩ, trải thăng bổ tham hiệp Thái Nguyên. Làm quan chỉ cần lấy nhân từ, ơn huệ. Rồi sau bị giáng xuống đốc học Bắc Ninh, cáo bệnh về nghỉ, làm nhà ở hồ Hoàn Kiếm, đọc

Digitized by Google

sách hầu vui cha già. Nhiều người học trò theo học. Phan tu dưỡng, hòa nhã, học trò suốt ngày ở bên cạnh chưa từng thấy Phan có sắc giận và lời xẵng. Khi trước có khi Phan tự kinh đô vượt biển về, gặp gió to, người trong thuyền đều sợ hãi, độc một mình Phan ngâm vịnh như thường. Lại thường ở làng xóm, bọn cướp chợt đến; Phan thong thả bước ra, bọn cướp biết mặt răn bảo nhau, không dám xâm phạm. Người ta đều phục Phan là có lương. Đến khi Phan chết, xa gần mấy nghìn người trở lên đến hội táng. Bọn sĩ lâm thương mến lắm. Trước đây, người huyện Đường An thường đến nhập tịch huyện Thọ Xương, như Phạm Hội, Phạm Hy Lượng, Vũ Nhự (đều có truyện chép về sau) lại có Hoàng Xuân Hợp, năm Tự Đức thứ 4 đỗ Thám hoa, quan đến thị giảng học sĩ viện Tập hiền. Ngô Phát cùng em ruột là Dạng đều đỗ hương tiến.

*

Tô Trân

Người huyện Văn Giang, Bắc Ninh. Năm Minh Mạng thứ 7 đỗ tiến sĩ, bắt đầu bổ Hàn lâm viện biên tu, trải bổ Hộ tào.

Năm thứ 14, thăng bổ tuần phủ Định Tường. Giặc Khôi đến hãm thành, Trân bị tội, tước mất chức và phải đi gắng sức báo hiệu chuộc tội.

Đầu năm Thiệu Trị, được khởi phục bổ án sát sứ Thái Nguyên.

Năm thứ 2, thăng Thái bộc tự khanh, sung chức toản tu ở Sử quán.

Năm Tự Đức thứ 1, thăng tả tham tri bộ Lễ, lĩnh chức ở sử quán như cũ; lại sung làm nhật giảng quan ở kinh diên. Vừa gặp tuổi 70, xin nghỉ việc. Vua ban cho vàng lụa và cho về. Rồi sau chết.

Trân, thanh liêm, tiết nghĩa, nghiêm chỉnh. Khi trước làm

Digitized by Google

tuần phủ Định Tường, thân hào sợ mà mến yêu. Đến khi thành bị hãm, Trân lẩn ngầm ở dân gian, làm bài thơ để lại rồi đi.

Thơ rằng:

Phiên âm: Dục bảo bất năng chử vũ dương,
Phân điền, phân thổ, bất phân vương,
Gia ưng hữu thất, hà tu thỉ,
Lễ bất cầu phong, chỉ dụng dương,
Đạt đắc chúng nhân, thôi hạnh xuất,
Thao tồn nhất thủ, tự vô đương.
Ngư du thảo hạ, hòa biên ổn.
Ngọc chẩn di xa tụy nhất đường.

Dịch nghĩa: Chữ *Bảo* bỏ chữ năng, Chữ *chử* vất chữ *vũ* tức là chữ *thự*. Chia chữ *điền*, chữ *thổ* không chia chữ *vương* tức là chữ *lý*. Chữ *gia* chỉ dùng chữ *thất*, cần gì chữ *thỉ* tức là chữ *định*. Chữ *lễ* chẳng cần chữ *phong*, chỉ dùng chữ *dương* tức là chữ *tường*. Chữ *đạt* được 3 chữ *nhân*, bỏ chữ *hạnh* tức chữ *tuần*. Chữ *thao* giữ lại nhất chữ *thủ*, đem chữ *vô* vào tức chữ *phủ*. Chữ *ngãi* vở dưới chữ *thảo* bên cạnh chữ *hòa*, bên tốt tức chữ *tô*. Chữ *ngọc*, chữ *chẩn* bỏ chữ *xa* rồi hợp lại làm một tức chữ *Trân*. Tức là nói kín 8 chữ "Thự lý Định Tường tuần phủ Tô Trân" vậy. Khi Trân ở Thái Nguyên, ty thuộc, có người tham ô, Trân lúc mới đến lỵ, nghe biết đã ghét rồi. Người ấy cầu xin yết kiến nhưng không được, nên sợ lắm, thác xưng có bệnh mà đi. Lại thấy nơi biên giới ấy ít văn học, Trân thường tụ họp các học trò, làm thời khóa giảng dạy, để chấn hưng việc học. Trân tuổi già, ở sử cục lâu ngày, soạn thuật được nhiều, nên bấy giờ, người đời trọng vọng, suy tôn.

Con là Châu, là ấm sinh, phụ thí ở kinh sư được đỗ, làm quan đến thị độc học sĩ, sung chức toản tu ở Sử quán.

*

Digitized by Google

Ngụy Khắc Tuần

Tên tự là Thiện Phủ, người huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Minh Mạng năm thứ 7, đỗ tiến sĩ, bắt đầu bổ Hàn lâm rồi thăng mãi đến lang trung bộ Hộ, trải làm tham hiệp 2 tỉnh Ninh Bình, Thanh Ba.

Năm thứ 13, thự bố chính sứ Bắc Ninh, rồi chuyển đi Nam Định. Sau được triệu về kinh, bổ hữu thị lang bộ Công, rồi bổ ra làm bố chính sứ Sơn Tây.

Năm thứ 19, đổi đi bố chính Hưng Hóa, hộ lý ấn quan phòng tuần phủ. Khắc Tuần tâu nói: Thuộc hạt ấy một dải tả hữu sông Đà về các châu Đà Bắc, Mộc An, nguyên có dân xã Thạch Bi ở Ninh Bình lưu tán ở đấy nhiều, từ trước vẫn không có đăng ký vào sổ. Xin kiểm xét số người, lập làm thôn ấp, phải chịu thuế, cho việc cai trị có thống nhất. Lại nói châu Ninh Biên giáp liền nước Nam Chưởng, xin đồn lại lập thành đội Ninh Biên, lệ thuộc vào bảo ấy. Vua y cho.

Thiệu Trị năm thứ 1, Khắc Tuần dâng sớ xin đặt phủ Điện Biên. Trước đây, nước Nam Chưởng đến cướp cõi ven. Vua sai Khắc Tuần xét kỹ tình hình ngoài biên, trù nghĩ công việc giữ cho sau này được tốt. Khắc Tuần bèn dâng sớ nói: Châu Ninh Biên thuộc vào đồ bản nước ta đã lâu rồi, không phải mới một ngày thôi. Duy nước Nam Chưởng nhận làm đất cũ, rồi gây mối hiềm khích. Khi trước, thổ quan mưu cầu cho vô sự, nên đem vàng đút lễ họ; đến khi đặt lưu quan, thì họ không được gì, mới viện dẫn người Xiêm kéo đến lấn cướp. Vả lại, đồn ở châu ấy, không có thành trì vững chắc, sức binh thì yếu và ít, không đủ dùng; dân cư thì không thành thôn trại gì, vừa mới nghe tin giặc đến đã chạy trốn liền ngay. Nếu không qua một phen xếp đặt, thì mối lo ở cõi ven, còn chưa trừ hết được. Huống chi là châu ấy đất rộng, người ít, lại ở thượng du, làm phên che cho 10 châu ở phía bắc sông Đà, thì không gì bằng mộ dân đến ở nơi ấy cho đông để tự

Digitized by Google

phòng thủ lấy, mới là kế sách dài lâu. Nay xin đem nơi đồn của châu ấy đặt làm phủ Điện Biên, kiêm lý châu Ninh Viễn; và lấy nơi Lai Châu gần đấy, lại thêm vào châu Tuần Giáo nữa, đặt chức tri phủ, quản phủ, mộ 300 binh, dũng đóng giữ. Rồi lại chiêu tập dân lưu tán, dân trú ngụ, cày và khẩn ruộng đổi chác buôn bán, để dần dần làm thành cơ chỉ, ngõ hầu việc phòng bị ở cõi biên ngày có thể hoàn toàn được. Vua y theo. Sau xuống dụ rằng: Khắc Tuần vỗ họp dân cõi biên, mở thành 1 phủ, có công kiến nghị ra trước, việc sắp được thành, giao Bộ bàn xét công ấy. Rồi Khắc Tuần về kinh theo triều ban.

Năm thứ 3, mùa xuân đổi thự tuần phủ Nam Ngãi, liền sung làm tán lý quân vụ Quảng Ngãi, chiêu dụ bọn sơn man đầu hàng đến 14 sách. Mùa đông năm ấy, Man Chu Thủy đến quân môn hàng. Vua xuống chiếu thư khen, ban cho 1 cái nhẫn vàng và 1 đồng kim tiền. Lại trở về nguyên lị coi việc. Được ít lâu đổi đi tuần phủ Bắc Ninh; lại đổi đi thự tổng đốc Bình Phú.

Tự Đức năm thứ 4, bổ tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, trình bày 3 việc, nói đều mật thiết thẳng thắn. Khắc Tuần mấy lần nhận chức phương diện, đến đâu cũng nổi tiếng là giỏi. Bấy giờ lại giữ chức ở một phương diện lớn, nên vua yêu quí ban cho bài thơ:

Phiên âm: Su đình thuật chức triển đan thầm.
Bảo chướng hoàn kì lệ nhĩ khâm.
Học đạo dã năng suy tự đạo,
Dân tâm như thử, tức dư tâm,
Nhất phương trữ kiến Cam đường hóa,
Tam khẩn trùng thinh mạch tuệ âm,
Lô thủy, Tản Sơn vô hạn hứng,
Cánh tương nhã tục kí thanh ngâm.

Dịch nghĩa: Về triều thuật lại chức vũ tỏ hết lòng thành thực.

Digitized by Google

Khuyên người khi ra coi một địa phương cố gắng giúp đỡ cho dân.

Học đạo đã hay suy ra làm đạo trị dân,

Lòng dân như thế tức là lòng ta, thấm nhuần giáo hóa của ông,

Một phương sẽ thấy cam đường hóa [1].

Thiệu Công ngày xưa, vẫn phá cây cam đường,

Ba tỉnh lại nghe thấy câu hát lúa [2] ré như ông Trương Trạm ngày xưa.

Núi Tản, sông Lô, bao cảnh hứng thú,

Đem cả việc nhà, việc tục gửi vào trang ngâm nga.

Ý vua rất thiết tha lấy việc giúp đỡ che giữ 3 nơi biên giới ấy ký thác cho Tuần.

Năm thứ 6, Tuần vào làm thượng thư bộ Hộ. Gặp kỳ đại kế, chuẩn cho 1 người con được ấm thụ làm tư vụ.

Năm thứ 7, Khắc Tuần vì bệnh xin phép về làng. Vua sai sứ đến thăm hỏi, và mang cho thứ thuốc của vua dùng. Năm ấy, Khắc Tuần chết, truy tặng hàm hiệp biện đại học sĩ; sai quan đến tế. Sau được bày thờ vào đền Hiền Lương.

Con là Huy, bắt đầu ấm thụ tư vụ. Năm Tự Đức thứ 15, Bắc Ninh có giặc, Huy cùng viên tri phủ Quì Châu là Phan Danh Cơ theo viên bố chính Khánh Hòa là Nguyễn Đăng Hành mộ dũng đánh dẹp, cùng giặc đánh nhau bị thua, đều chết trận. Huy được truy thụ hàm Hàn lâm viện tu soạn. Người cháu gọi bằng bác là Khắc Đản có truyện riêng.

*

Ngụy Khắc Đản

Cha là Khắc Thận, đầu năm Gia Long đỗ hương tiến, ở

(1) Cam Đường: Dẫn chú giải ở trên.

(2) Mạch tuệ: Hán thư, Trương Trạm làm thái thú ở Ngư Dương, mỗi cây lúa nẩy 2 bông, nên dân ca tụng.

Digitized by Google

nhà dạy học. Khắc Đản thuở nhỏ thông minh. Năm Tự Đức thứ 9, Đản đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (tức là thám hoa) bài đối sách của Đản nói nhiều câu khẩn thiết. Vua xem rồi khen, ví Đản như con hạc đứng ở trong đàn gà. Bắt đầu được bổ vào viện Hàn lâm rồi thăng mãi đến án sát sứ Quảng Nam.

Năm thứ 16, chọn Đản đi sứ Tây. Vua bảo rằng: Việc đi tùy câu hỏi mà trả lời lại, thực là khó lắm, phải có can đảm, mới có thể nên việc. Đình thần đem Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Khắc Đản sung tuyển. Nhưng Khắc Đản vì có mẹ già, xin từ chối. Vua bảo rằng: Đạo làm tôi, công nghĩa là trước. Ngươi cứ đi, còn mẹ già ngươi, trẫm sai quan có chức trách đến thăm hỏi, cũng được. Năm sau Đản đi sứ về thăng bố chính sứ Nghệ An; lại khâm sai kinh lý Trấn Ninh, sung tuyên phủ sứ; rồi thự hữu tham tri bộ Hộ. Gặp dân hạt tỉnh Nghệ biến động, việc giao thiệp phiền phức, vua chuẩn cho Đản cứ lưu ở đấy làm việc.

Năm thứ 25, Đản được triệu về kinh quyền lĩnh thượng thư bộ Binh; lại đổi làm quyền lĩnh bộ Công, sung tham biện viện Cơ mật. Sau vì bệnh cáo về rồi chết. Vua chuẩn cho thực thụ hàm tham tri, sai quan đến tế. Con là Khắc Khoan, được ấm thụ bổ quan đến tri huyện.

*

Hoàng Tế Mỹ

Tên hiệu là Phục Đình, lúc trước tên là Thạnh, tiên tổ là người ở huyện Gia Bình, Bắc Ninh. Cha là Thự, đỗ tiến sĩ cuối đời Lê, quan đến hiệp trấn Lạng Sơn.

Tế Mỹ, thuở nhỏ đến ở nhà họ ngoại tại làng Đông Ngạc, Hà Nội, rồi nhập tịch vào sổ làng ấy.

Năm Minh Mạng thứ 7, Tế Mỹ đỗ tiến sĩ, trải bổ tri phủ, thăng án sát sứ Hải Dương; rồi bị tội mất chức, theo

Digitized by Google

vào mạc phủ (nơi làm việc quân cơ) của Tạ Quang Cự, đi lên Thái Nguyên gắng sức báo hiệu chuộc tội. Khi giặc bình, Mỹ được khai phục rồi thăng bố chính sứ Hải Dương. Lại nhân có việc bị lỗi; hồi lâu lại cử đi án sát sứ Cao Bằng; rồi vào làm hữu thị lang bộ Hình.

Đầu năm Thiệu Trị, Tế Mỹ đi theo vua đi tuần ra Bắc sung làm Tam pháp tư, lưu lại khám việc án các tỉnh Bắc kỳ. Rồi sau sung chánh sứ đi Yên Kinh; lúc trở về thăng tả thị lang, tiến lên hữu tham tri bộ Binh.

Năm Tự Đức thứ 1, sung làm nhật giảng quan ở kinh diên, kiêm ấn triện viện Hàn lâm. Sau Tế Mỹ chết, được tặng hàm thượng thư bộ Lễ. Khi đưa ma về quê, sắc sai quan đến tế.

Tế Mỹ tính cương trực, lúc tuổi già sung vào kinh diên, vì là giỏi văn học, nên được vua biết. Con là Tướng Hiệp.

*

Tướng Hiệp

Tên tự là Thúc Chất. Năm Tự Đức thứ 18, đỗ tiến sĩ, bổ tri phủ Bình Giang, thăng án sát sứ Lạng Sơn. Gặp khi biên giới Mạn Bắc động binh, Tướng Hiệp từng giúp việc quân.

Năm thứ 35, được bổ tuần phủ Tuyên Quang.

Khoảng năm Hàm Nghi, quân của triều đình rút về, bèn theo cùng đi, đến Vân Nam, chết ở đất Trung Quốc. Đầu năm Đồng Khánh được truy tặng hàm thượng thư.

Cha, con, ông, cháu Tế Mỹ đỗ đại khoa liên tiếp nhau, nước ta ít thấy mấy nhà được như thế.

*

Đặng Khải

Người huyện Văn Giang, Bắc Ninh, tổ là Thiều, làm tả thứ sử đời Tiền Lê, bổ thụ Điện tiền đô hiệu điển ti.

Digitized by Google

Minh Mạng năm thứ 7, Khải thi đỗ Tiến sĩ, bắt đầu được bổ Hàn lâm viện biên tu, nhắc lên tri phủ Diên Khánh, thăng viên ngoại lang bộ Lễ.

Năm thứ 9, bổ thụ Thái thường tự thiếu khanh, sung làm phó sứ đi sang Yên Kinh; rồi vì có lỗi lại mất chức, phải đi theo thuyền công đi Lã Tống, đến Tân Gia Ba bị bệnh chết. Được truy thụ Lễ bộ viên ngoại lang.

Con là Siển, do ấm sinh trải bổ kinh lịch Lạng Sơn. Em ruột là Kham, đỗ hương tiến, quan đến án sát, vì có việc bị mất chức.

*

Vũ Đức Mẫn

Người huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Năm Minh Mạng thứ 7, đỗ tiến sĩ, bắt đầu bổ Hàn lâm viện biên tu; rồi do tri phủ, vào làm lang trung bộ Hình.

Năm thứ 14, được thăng án sát Phú Yên. Rồi sau bị giáng làm đốc học 2 tỉnh Ninh Bình, Nam Định.

Đầu năm Thiệu Trị, được gia hàm thị giảng học sĩ, triệu vào kinh bổ lang trung; ít lâu thăng án sát sứ Ninh Bình.

Tự Đức năm thứ 3, làm biện lý bộ Hình sung vào chức toản tu hội điển; rồi lĩnh bố chính sứ Khánh Hòa, bị tội, mất chức. Đức Mẫn về quê làm nhà dạy học, học trò theo học nhiều. Năm Mẫn chết, tuổi 73.

*

Chu Văn Nghị

Tên chữ là Lê Phủ, người huyện An Phong, Bắc Ninh. Thuở nhỏ có cao tiết. Năm Minh Mạng thứ 7, đỗ tiến sĩ, nhiều lần từ chối không ra làm quan, chỉ lấy sơn thủy, văn chương sách vở làm vui, không mộ đến vinh lợi. Học trò đến theo học nhiều. Năm Nghị chết, mới 56 tuổi.

Digitized by Google

Con là Văn Giảng, cũng có tiếng văn chương. Năm Tự Đức thứ 17, Giảng đỗ hương tiến, thăng mãi đến Thị giảng, sung làm đồn điền phó sứ.

*

Ngô Bỉnh Đức

Tên tự là Tuyết Giả, lúc trước tên là Lệnh Đức, người huyện Đông Ngàn, Bắc Ninh. Thuở nhỏ, cố sức học.

Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, ở quê đọc sách hơn 10 năm, mới ra làm quan. Lúc đầu bổ tri huyện An Bác; khi đủ lệ, xét công, được vào làm giám sát ngự sử, thường thường nói việc, cùng với Lê Di ở Quảng Bình, đều có tiếng là can ngăn nói thẳng. Sau được nhắc lên án sát sứ Hải Dương, rồi thăng bố chính sứ Nghệ An. Lại được triệu về bổ thị lang bộ Hình.

Tự Đức năm thứ 5, được bổ bố chính sứ Nam Định.

Bỉnh Đức, tính cương nghị, ở quan siêng năng, cẩn thận, đi đến đâu, cũng có tiếng là chính tiết giỏi. Vua khen thưởng, đặc ân ban cho kim khánh để nêu tên.

Năm thứ 8, thăng lên tả tham tri bộ Hộ, rồi cáo bệnh về quê, chết ở nhà.

*

Lê Danh Đề

Tên tự là Thạc Phủ, người huyện Lôi Dương, Thanh Hóa. Năm Minh Mạng thứ 6, đỗ hương tiến, bổ tri huyện Nam Sang; sau trải làm lang trung bộ Lại, án sát sứ Hải Dương.

Đầu năm Tự Đức, mấy lần thăng lên bố chính sứ 2 tỉnh Bình Định, Khánh Hòa, rồi đổi đi Quảng Ngãi. Trước đây, Man Thạch Bích ở Quảng Ngãi, cậy chỗ hiểm, đi cướp bóc, thường làm tai nạn cho dân. Quan quân đến đánh, nhưng núi cao, khí núi độc, các man chẹn chỗ hiểm, quân không tiến

Digitized by Google

được. Khi Danh Đề đã đến tỉnh lị, dâng sớ xin đi đánh. Vua y cho. Đề bèn thân đốc thúc lại, tốt, vịn sườn núi, leo trên cây, nối tiếp nhau mà lên, hơn 3 tháng thì bắt được tên tù trưởng bọn Man. Rồi sau Trương Đăng Quế dâng sớ cử người liêm cán, Đề chuyển đi bố chính sứ Sơn Tây.

Năm thứ 10, Đề được cử đi tuần phủ Ninh Bình. Gặp bọn thổ phỉ nổi loạn. Danh Đề đánh lấy lại được thành phủ Nho Quan, rồi lần lượt trù tính đánh dẹp, bắt giặc có mưu kế.

Năm thứ 15, vì bệnh chết ở nơi làm quan, tuổi 68.

*

Phan Thanh Giản

Tên tự là Tĩnh Bá, lại tự là Đạm Như, tên hiệu là Lương Khê, biệt hiệu là Mai Xuyên. Tiên tổ là người ở Trung Quốc, cuối đời Minh, di chuyển sang nước Nam, làm nhà ở tỉnh Bình Định. Đến khi loạn Tây Sơn, thì ông tổ đem cả gia quyến đến nhập tịch ở Vĩnh Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Thanh Giản thuở nhỏ có tiếng là văn chương. Năm Minh Mạng thứ 7, Giản đỗ tiến sĩ, là đỗ khởi đầu cho Nam Kỳ. Do Hàn lâm viện biên tu, trải thăng đến lang trung bộ Hình. Ra làm tham hiệp Quảng Bình.

Năm thứ 9, quyền nhiếp việc trấn Nghệ An. Chưa bao lâu, lại trở về Quảng Bình.

Năm thứ 10, thự phủ doãn phủ Thừa Thiên, vào chầu. Vua cho là Thanh Giản trước ở Nghệ An, nhân hỏi đến việc Trấn Ninh. Thanh Giản thưa rằng: Trấn Ninh cũng là một sự lo ở bên ngoài. Nay không nhân lúc việc chưa phát hiện ra, mà trị ngay đi, thì về sau thế đã thành, lại khó làm việc. Vua bảo rằng: Trị việc ở lúc chưa hiện ra, thì dùng sức ít mà thành công dễ; lo việc ở lúc đã phát ra, thì dùng sức bội lên, mà thành công khó. Lời tâu của ngươi, chính hợp ý trẫm.

Digitized by Google

Sau Thanh Giản thăng thị lang bộ Lễ, sung việc Nội các, lại thăng hiệp trấn Ninh Bình.

Năm thứ 12, đổi về Quảng Nam, gặp bọn Ác Man đến cướp nguyên Chiên Đàn. Thanh Giản đem quân tiến đánh, bọn giặc Man đánh úy lại, quân ta bị thua, Giản bị tội, phải cách chức, gắng sức báo hiệu chuộc tội.

Năm thứ 13, được khởi phục kiểm thảo, sung hành tẩu Nội các, rồi thăng viên ngoại lang bộ Hộ, thự phủ thừa Thừa Thiên; lại thăng lên Hồng lô tự khanh, sung làm phó sứ sang nước Thanh. Đến lúc về, được nhắc lên Đại lí tự khanh, kiêm biện công việc bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 16, khâm phái đi Trấn Tây làm việc công. Lúc trở về qua Bình Thuận lưu lại đánh giặc Man, bình được hết cả. Đổi bổ làm bố chính Quảng Nam, hộ lí ấn quan phòng tuần phủ.

Năm thứ 17, mùa xuân, vua cho là Nam Bắc bình yên, triều đình nhàn hạ, xuống chiếu đến tháng 5, đi Quảng Nam. Thanh Giản tâu bày rằng: Nhà vua tuần du, dân hạt nghe tin, ai chẳng vui sướng. Nhưng năm nay, lúa chiêm mất mùa; mà khoảng tháng 4, 5, lại đương mùa cày cấy; một phen cung ứng, nhìn chỗ này thì hỏng chỗ kia. Xin hãy tạm đình, để cho dân được chuyên việc đồng ruộng. Vua xem lời tâu, không bằng lòng, bảo Cơ mật rằng: Thanh Giản ngầm đem việc Mạnh Kha thưa với Tề vương, mà chê bai [1] bèn chuẩn cho đình cuộc tuần du. Rồi phái cho ngự sử là Vũ Duy Tân đến đấy xét hỏi. Khi Duy Tân về tâu rằng: Dân đều mong nhà vua đi tuần du. Lại trích ra những tình trạng việc tỉnh lười bỏ, quan lại nhũng tệ; nên Giản bị giáng làm thuộc viên lục phẩm, theo tỉnh Quảng Nam gắng sức làm việc báo hiệu. Mới được 2

(1) Ông Thanh Từ trả lời Tề Tuyên có câu rằng: "Nhân dân nghe tiếng chuông trống, trông thấy cờ quạt của vua đi chơi, đều nhăn mặt, bảo rằng: Vua ta đi chơi vui vẻ như thế, sao để cho ta cực khổ thế này".

Digitized by Google

tháng, được nhắc lên làm thừa chỉ Nội các, đổi sang lang trung bộ Hộ, biện lý việc bộ; rồi thự Thị lang, sung Cơ mật viện.

Năm thứ 19, vua sai đi duyệt binh ở Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa. Khi duyệt xong trở về, chuyên biện việc Bộ. Chợt có chương sớ của địa phương, thuộc về bộ Hộ, đã được vua phê, mà quên không đóng ấn. Thanh Giản vì là bộ thần, lại gặp phiên đương trực, không biết kiểm xét ra, bị giáng làm Lang trung, biện lí việc bộ. Rồi sau vâng phái đến miền núi ở nguyên Chiên Đàn, thuộc Quảng Nam, để thuê hộ lấy vàng khai nhật vàng cám. Thanh Giản nói là việc khó, được đổi đi Thái Nguyên khai lấy mỏ bạc. Giản tâu rằng: Hai mỏ bạc Tống Ngân [1], Nhân Sơn chất bạc chưa được phong vượng lắm, nhặt lấy không được mấy.

Năm thứ 20, mùa đông, vua nghĩ: Thanh Giản đi đã lâu ngày cho triệu về, đổi bổ làm thông chính sứ ty phó sứ, rồi chuyển sang thị lang bộ Hộ. Bấy giờ, Vương Hữu Quang vì việc tâu bày càn bậy, bị can nghĩ xử, đình thần muốn khép Hữu Quang vào tội nặng vì Thanh Giản và Hữu Quang là người cùng làng, nên nghị riêng biệt theo tội nhẹ. Vua ghét Giản là che chở bênh vực cho nhau, lại giáng làm Thông chính phó sứ, hộ lí công việc ở kho tàng.

Năm thứ 21, sung làm phó chủ khảo trường thi Thừa Thiên. Có cử nhân là Mai Trúc Tùng, bài phú bị trùng vần. Bộ lễ duyệt lại, Thanh Giản vì điểm duyệt không tinh, bị giáng 1 cấp. Chưa bao lâu, được thăng thự lang bộ Binh.

Thiệu Trị năm thứ 1, thăng tham tri, lại kiêm việc viện.

Năm thứ 3, tháng 2, có mây trắng hiện ra ngang trời. Vua xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Thanh Giản dâng sớ đại lược nói rằng: Giữa khoảng trời và người rất đáng sợ. Ngôi của thánh nhân ngồi trị, thì gọi là ngôi của trời; dân của

(1) Có lẽ là Tống Trình thì phải.

Digitized by Google

thánh nhân cai trị, thì gọi là dân của trời; về đường lối hành chính, thì gọi là đạo của trời. Không có gì khác đâu, chỉ ở lòng thánh nhân mà thôi. Lòng ấy động tác việc gì, đều thông cảm đến trời. Cho nên phải cẩn thận các việc gì mà mình không trông thấy, sợ hãi những điều mà mình không nghe thấy. Từ chỗ huyền vi đến chỗ rõ rệt, tự thân mình mà đến mọi người, không một việc gì là không hợp lẽ trời, thì dân nhờ đấy mà sinh sống, mà trời giáng cho phúc vậy. Hoàng thượng ta, buổi mới nối ngôi, hiếu thành rất mực, kính sợ một lòng, dâng thư dán kín nói các việc, có nêu thưởng bằng lụa màu; quan giữ việc can ngăn, có thưởng cho bó lụa. Ơn to thấm khắp cả thiên hạ, phúc lớn lan rộng thiên đến hoàn cầu, nên được hợp với lòng trời, đềm lành thường ứng. Thế mà, còn có lệ khí lưu hành, tượng trời răn bảo. Hoặc giả, đường ngôn luận tuy mở rộng, mà dân tình khó thấu lên trên; việc quyên, xá tuy khoan hồng, mà ơn trạch, khó thấm đến dưới. Lòng đại thần mở bảo, hãy còn có sự lo ngại rụt rè, chức thú mục các địa phương không để ý đến lợi hại của sinh dân, mà đến thế chăng? Năm gần đây, cõi Tây có loạn, bờ cõi chưa yên, quân lữ huy động luôn luôn, sinh dân ít được thỏa đời sống. Xin hoàng thượng những khi rỗi việc, tuyên triệu 5, 3 viên tuổi già đức tốt vào hỏi về kế hoạch trong nước, mưu tính ngoài biên, cùng nhau bàn bạc xác đáng cho việc đều tốt cả. Lại dụ rõ cho thần liêu trong ngoài, phàm sự đau khổ của dân gian, đều được nói hết, chọn điều nào đáng dùng thì cho thi hành. Thế thì thói tệ của quan lại được trong sạch, quân lính được thực dụng việc biên phòng vững mạnh mà thế nước tôn nghiêm. Vua khen lời tâu là phải.

Năm thứ 7, kỳ đại kế, vua dụ rằng: Thanh Giản làm việc ở nơi cơ yếu, trù nghĩ việc biên cương, bảo vệ nơi cung sảnh, làm xong công việc, thăng cho thượng thư bộ Hình, sung Cơ mật viện đại thần.

Digitized by Google

Tự Đức năm thứ 1, đổi sang bộ Lại. Bấy giờ kinh sư và các địa phương ít mưa, Giản cùng viện thần dâng sớ xin nhận tội, (chép ở truyện Đặng Quế).

Năm thứ 2, bắt đầu mở kinh diên, sung làm giảng quan. Chợt gặp dân ở Tả kỳ bị dịch lệ nhiều, lại cùng Nguyễn Tri Phương trình bày 5 việc (chép ở truyện Tri Phương). Vua tự chọn lấy Giản sung kinh lược đại sứ ở Tả kỳ, lĩnh tổng đốc Bình Phú kiêm coi đạo Thuận Khánh. Thanh Giản mang cờ tiết đi Nam , dâng sớ trình bày 2 việc về thể tuất bình dân. Vua khen, thưởng cho 20 lạng bạc.

Năm thứ 4, mùa xuân, đổi sung làm kinh lược phó sứ Nam kỳ; nhưng lĩnh tuần phủ Gia Định, kiêm coi tỉnh Biên Hòa và các đạo Long Tường, An Hà.

Năm thứ 5, cùng kinh lược chánh sứ là Nguyễn Tri Phương dâng sớ trình bày 8 việc (chép ở truyện Tri Phương), xin đem cờ sứ tiết trả lại. Nhưng vua dụ lưu lại và thưởng cho 1 chiếc kim khánh hạng lớn có chữ "liêm bình cần cán".

Năm thứ 6, tháng 8, vua thấy Thanh Giản khó nhọc mãi ở ngoài, bèn gọi về cho thăng thự hiệp biện đại học sĩ, lĩnh thượng thư bộ Binh, vẫn sung chức ở Cơ mật kinh diên như cũ. Thanh Giản bèn tâu bày về công việc làm cho Nam kỳ sau này được tốt, như: Vỗ yên nước Cao Miên, chữa hồi bệnh đau khổ của dân, rộng ban ân điển, chỉnh đốn thói quen của sĩ phu, chế tạo xe trâu, sửa đắp phần mộ của công thần, cấp cho phu coi mộ, gồm có 6 điều, đều được đem ra thi hành cả. Sau sai trông coi làm tổng mục bộ Việt sử thông giám.

Năm thứ 9, kỳ đại kế, vua khen Thanh Giản là thanh liêm, cẩn thận, thưởng cho bài đeo bằng thứ ngọc tốt.

Năm thứ 12, Đà Nẵng cùng Định Biên có loạn, Thanh Giản cùng viên thần tâu bày mưu kế chiến, hòa và phòng thủ (chép ở truyện Đặng Quế), Thanh Giản lại tự dâng sớ đại lược

Digitized by Google

rằng: Thiên hạ rất rộng, các việc rất nhiều, cai trị tự dân rất nhiều, để ngự trị chỗ rất rộng, cần làm cho yên mà thôi. Nhân người mà dạy, thì không nhọc mà nên công, dựa vào pháp luật mà trị, thì quan lại tốt mà dân yên. Cho nên việc lợi không được trăm phần thì không thay đổi phép; công không đủ 10 phần, thì không đổi khí dụng. Làm phương kế ngày nay, bỏ việc nuôi dân chăm cày cấy, thì không còn việc nào là trước hơn; bỏ việc nuôi quân, trù lương thực, thì không còn việc nào cần kíp hơn nữa. Cứ để ý đến những việc ấy thì sức dân hơi thưa, mà quân có giáo huấn; địa lợi không bỏ, mà lương ăn có sản xuất; binh giỏi lương đủ, như nước nguồn chảy mãi không hết, thì hoặc chiến, hoặc thủ, không việc gì là không được cả. Dùng để dẹp giặc, yên dân, tiêu tai họa đến trị bình, hoặc có bổ ích được chút ít. Vua bảo rằng: Lời nói đều có thiết yếu, không phải bọn tâu tiến có thể làm được. Chỉ mong ngươi thực tâm, thực lực giúp trẫm, sẽ có tiếng để lại đời sau.

Năm thứ 15, tướng Pháp ở Gia Định mang thư đến nghị hòa. Đình thần xin cho sứ đi lại là phải. Thanh Giản cùng Lâm Duy Thiếp xin đi. Vua chuẩn cho 2 viên ấy sung làm chánh, phó sứ toàn quyền đại thần. Vua rót rượu ngự ban cho, và bảo nên biện bác cho khéo. Khi các viên đến Gia Định, tướng Pháp bức bách ta phải nhường giao đất đai ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và phải chịu tiền bồi là 4.000.000 đồng. Việc đến tai vua, xuống dụ khiển trách nghiêm nghị, đổi làm lĩnh tổng đốc Vĩnh Long, cùng tướng Pháp bàn làm, để chuộc tội. Sau vì thương thuyết không công trạng, bị cách chức, lưu lại.

Năm thứ 16, được triệu về, sung làm Chánh sứ đi Tây. Vua hỏi Giản về việc 3 tỉnh, quả là cân nhắc nhẹ nặng mà làm, hay là có ý riêng gì? Giản thưa rằng: Thần xem kỹ thời thế, không thể không được. Thần nay phụng mệnh đi sứ, thành

Digitized by Google

sự hay không thành, là ở 2 nước ấy. Thần chỉ biết hết tâm lực thôi.

Năm sau, đi sứ trở về được, đổi lĩnh Thượng thư bộ Hộ. Gặp có toàn quyền nước Pháp là Hà Ba Lí đến kinh. Vua lại chuẩn cho Thanh Giản sung làm toàn quyền đại thần, để cùng người Pháp chước lượng bàn định. Tới lúc Thanh Giản đi, vua làm bài thơ ban cho, khuyên lấy làm cho xong việc đi sứ. Thơ rằng:

Phiên âm:

Cố nhân kiêm trọng phụ, Lợi độn cự tiên tất
Duy dĩ thành khổn phu, Quỉ thần tự khả chất.
Bạo hổ do độ hà, Cuồng ngạc diệc tỉ thất,
Thẩn phù bỉ hữu tri, Hà hoạn hồ cưỡng phật.
Gia danh, nhân sở hiếu, Chí lý, nhân sở khuất,
Thiện ngôn, nhân sở phục, Nghĩa khí phân sở truật,
Thiết thạch chung bất di, Khê hác yên năng dật,
An nguy tại thử cử, Khẳng tích kinh luân thuật
Vô ngôn dĩ mặc hội, Niên lai, cửu thân mật.

Dịch:

Cố nhân nhận ký thác gánh nặng,
Lợi hại không chắc trước được đâu,
Duy có lòng thành tín thông cảm,
Hệ có thể đối với quỷ thần được,
Tay không đánh bò cũng như tay không lôi sang,
Quỉ thần tự ứng cầu,
Huống chi kẻ kia có tri giác,
Cả điên cuồng cũng phải dời đi chỗ khác.
Tiếng tốt, người vẫn thích,
Lẽ phải, người phải phục,
Nói điều thiện, người sợ phục,
Có nghĩa khí, người chột dạ
Lòng phải sắt đá không đổi dời

Digitized by Google

Dù ngòi lạch sao đây được?
An, nguy ở chuyến đi này,
Sao chịu tiếc mưu kế thi thố,
Tuy không nói ra cũng hiểu ngầm trong bụng
Thân mật đã lâu đến mấy năm nay.

Năm thứ 18, tháng 2, tế Giao, vua sai Thanh Giản đi tế thay. Năm ấy, Thanh Giản, 64 tuổi, dâng sớ xin nghỉ, đại lược nói rằng: Thần sinh hình vốn không tài năng gì, tự nghĩ mình chưa báo bổ được chút đỉnh nào, đương nghĩ cố hăng, mong để báo đền. Nhưng vì tuổi già như bóng chiều gần xế. Tự nghĩ tinh lực không được bằng trước nhiều, mà thần trông coi ở địa phương phiền kịch, việc quên sót nhiều. Tự nghĩ lại rằng: Người ta sống đến 70 tuổi, như cây bồ liễu đã trải qua mùa thu. Tuy có tình sâu luyến ái vua, nhưng sức ngựa đã kiệt rất sợ làm không xong việc để lầm lỡ. Vua yên ủi rằng: Ngươi nên cố gắng, để khuyến khích bọn hậu tiến, và Kinh Thi có câu rằng: "Văn, vũ xưa thụ mệnh, có người như ông Thiệu công, ngày mở mang trong nước được trăm dặm. Nay thì trong nước, ngày hụt đi trăm dặm vì người đời nay, không còn có ai được như xưa". Mỗi khi đọc đến đấy, đau lòng khôn xiết. Gặp đốc thần Vĩnh Long là Trương Văn Uyển xét tâu tình hình 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Vua nói rằng: Nơi biên viễn chơ vơ xa cách, thực khó coi giữ. Nếu được người nào, họ tín phục sẵn, hoặc có thể yên được chăng? Đoan Thọ, Trần Tiễn Thành đem Thanh Giản ứng cử. Vua sai Thanh Giản sung làm kinh lược đại thần, tha cho tội cách lưu, để mong báo hiệu về sau. Thanh Giản đã được khai phục, lại dâng sớ tự trình bày rằng: Thần cùng viên Lâm Duy Thiếp đã chết rồi là tình đồng sự với nhau; mà thần không có công trạng, may được khai phục, còn viên đã chết kia ở dưới đất, một mình tự quay mặt vào xó nhà mà khóc. Trong khoảng u minh, lòng không tự yên được. Vậy thần xin lấy lại ân mệnh của thần cho được như trước, gắng sức tự chuộc tội lấy.

Digitized by Google

Vua bảo rằng: Lòng trẫm đối với bề tôi có lòng thể tất trách cho thành hiệu, lòng thành của khanh tự trách mình, nghĩ đến bạn cũ, thực là hai đằng đều hết lẽ. Duy có Thiếp việc chưa thành mà đã chết trước. Trẫm ngày mong khanh lập công, để tiện cho ơn kịp đến viên đã chết. Nếu khanh có lòng ấy, thì sự mong hẹn không phải là ít. Khanh nên cố gắng mưu tính đi.

Năm thứ 19, Thanh Giản lại lấy cớ già yếu xin nghỉ. Vua quở rằng: Ta đương bắt phải làm cho có thành hiệu, mà chưa làm xong, ý kiến của lão thần sao lại phát ra câu ấy.

Năm thứ 20, tháng 5, phái viên của Pháp đem binh, thuyền đến bến sông Vĩnh Long, sai người đệ thư lại nói về việc nhượng giao 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Thanh Giản đến, cùng người Pháp biện luận việc ấy, sau cũng không thể ăn thua gì. Bèn khuyên họ chớ làm kinh động quấy nhiễu nhân dân, cùng tiền, lương hiện chứa ở kho tàng, vẫn do ta chiếu quản. Tướng Pháp thuận nghe. Không bao lâu, Giản trở về, thì quân Pháp đã kéo 4 mặt vào thành. Bỗng lại có tin báo 2 tỉnh An, Hà, quân Pháp cũng làm như thế. Không đầy 5 ngày, 13 tỉnh kế tiếp nhau không giữ được. Thanh Giản tự cho mình là không công trạng gì, mới đem hiện số tiền, lương 3 tỉnh ấy, chiếu tính khấu trừ vào số bạc bồi thường năm ấy 1.000.000 đồng. Lại đem cả áo chầu, ấn triện và từ sớ để đưa về nộp. Sớ rằng: Hiện nay gặp cơn gian bĩ, giặc dữ khởi ở giao, điện; khói lửa của giặc khắp cả biên cương. Đất đai ở Nam kỳ một khi đến như thế, mau chóng quá, tình thế không thể ngăn nổi. Thần nghĩa đáng chết, không dám cầu sống, để cái hổ cho vua, cha Hoàng thượng ta rộng xem kim, cổ, xét kỹ trị loạn; thân, hiền trong ngoài, một lòng giúp đỡ; kính cẩn việc răn của trời, vỗ thương nhân dân cùng khổ; lo trước nghĩ sau, thay dậy, đổi lỗi; thế lực còn có thể làm được. Thần đến lúc tuyệt mệnh, nghẹn lời không biết nói sao nữa; chỉ rỏ

Digitized by Google

nước mắt trông nhớ, khôn siết nguyện vọng mà thôi. Rồi Thanh Giản không ăn, uống thuốc độc chết. Bấy giờ Giản 71 tuổi.

Năm thứ 21, Giản bị truy tước chức hàm, đục bia tên ở bia tiến sĩ.

Đồng Khánh năm thứ 1, chuẩn cho khai phục nguyên hàm, lập bia như cũ.

Thanh Giản là người ngay thực, giữ lòng liêm khiết làm quan thận cần, gặp việc dám nói. Trải thờ ba triều, vẫn được yêu quý. Đến khi mang cờ tiết đi Nam, thế không làm sao được, biết tội, tự uống thuốc độc chết. Thực là ở vào chỗ người ta khó xử. Xem tờ sớ để lại thì lòng trung ái, chứa chan ở ngoài lời nói. Vả lại, Thanh Giản học nhiều, lời rộng. Khi Dực tông Anh hoàng đế lúc rỗi việc, bàn đến việc các quan làm văn, từng khen văn của Giản là cổ nhã. Các danh thần ở Nam và Trung sau này, ít người hơn được. Giản bình sinh trước thuật, có tập "thi văn Lương khê" lưu hành ở đời.

Con có 2 người: Thanh Liêm làm quan đến Thượng thư; Thanh Tôn làm quan đến Hồng lô tự thiếu khanh. Con của Thanh Liêm là Thanh Khai được ấm thụ, trải thăng đến viên ngoại lang viện Cơ mật.

*

Nguyễn Như Thăng

Người huyện Quảng Điền, Thừa Thiên. Lúc đầu Thăng lệ thuộc vào sổ lính doanh Long Vũ.

Minh Mạng năm thứ 7, theo tham tán đại thần là Nguyễn (khuyết tên) đi Gia Định làm việc bắt giặc ở Trấn Tây thắng trận, chém được thủ cấp của giặc cắt lấy tai, được thăng bổ đội trưởng; trải thăng đến cai đội, phó quản cơ, phó vệ úy.

Năm Tự Đức thứ 1, thăng bổ tả chấp vệ Kim ngô.

Năm thứ 4, nhắc lên chưởng vệ trung doanh thủy sư; rồi

Digitized by Google

thăng thống chế Hữu dực, doanh Vũ lâm.

Năm thứ 10, cùng với Binh bộ tham tri là Trần (khuyết tên) đem quân đóng giữ cửa biển Thuận An, đánh nhau với thuyền Tây Dương, Thăng bắn súng lớn đánh trúng vào thuyền ấy, thuyền ấy bỏ chạy ra phía đông. Được thưởng 1 cấp quân công, gia hàm đô thống và thưởng 1 đồng tiền, 30 lạng bạc.

Năm thứ 16, được bổ thụ Đô thống phủ đô thống ở Tiền quân. Sau ốm chết.

Digitized by Google

QUYỂN 27

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XVII

- Lâm duy Thiếp
- Hoàng Thu
- Ngô Kim Liên
- Phan Khắc Thận
- Nguyễn Bái
- Nguyễn Hoàng
- Lê Đình Lý
- Nguyễn Bá Nghi
- Nguyễn Trọng Thao
- Hồ Viêm
- Nguyễn Thế Trị (Phụ chép Nguyễn Đức Hoan).

*
* *

Lâm Duy Thiếp

Khi trước gọi là Duy Nghĩa, tên tự là Chính Lộ, hiệu là Thất Trai, tiên tổ từ Trung Quốc sang làm nhà ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Thuở nhỏ có tiếng là thông minh nhanh nhẹn, năm Minh Mạng thứ 9, đỗ hương tiến, từng làm tri huyện, tri phủ, có tiếng là chính trị giỏi.

Năm thứ 18, thăng bổ thị độc học sĩ, tham biện việc Nội các, rồi cất lên làm thị lang vẫn sung biện việc Các.

Thiệu Trị năm thứ 1, tới kỳ xét công, vua cho Thiếp vâng chỉ tính đường, làm việc siêng năng nhanh chóng, gia hàm tham tri, chuẩn cho ăn lương tòng nhị phẩm.

Năm thứ 2, vua đi tuần ra Bắc, sung làm nội các ở nơi hành tại. Khi trở về, thưởng cho 1 đồng kim tiền "phan long

Digitized by Google

phụ phượng" hạng 3, có dây đeo, và 8 lạng bạc, bổ làm hữu tham tri bộ Binh. Tháng 11 năm ấy, đi duyệt binh ở 6 tỉnh Nam Kỳ.

Năm thứ 6, thự thượng thư bộ Công, chưa bao lâu đổi sang bộ Lễ, kiêm quản cả thị vệ.

Năm thứ 7, tháng 9, vâng chiếu để lại sung làm phụ chính đại thần. Khi Dực Tông Anh hoàng đế lên ngôi, thăng thụ hiệp biện đại học sĩ, vừa gặp người buôn nước Thanh là Lý Thái, chở thuyền vào cửa Thuận. Duy Thiếp gửi tâu xin phái thêm nhân viên nhận chở của công sang Quảng Đông đổi chác. Đình thần tham hặc, nghị phải cách chức. Vua đặc cách gia ơn cho giáng chức được lưu lại, bỏ kiêm hàm quản lĩnh, chỉ chuyên làm việc ở bộ. Bấy giờ ở kinh sư và các địa phương hiếm mưa. Thiếp cùng đình thần dâng sớ xin nhận tội (đã chép ở truyện Đăng Quế).

Năm thứ 3, sung vào viện Cơ mật, kiêm chức sử quán phó tổng tài, và làm cả công việc doanh thủy sư ở Kinh kỳ, tới kỳ xét công danh sách dâng lên, vua cho Duy Thiếp là bậc kỳ cựu giỏi giang trung thành sẵn tiết, thưởng gia cho 2 cấp. Rồi sau cùng với Trương Đăng Quế, Vũ Văn Giải dâng sớ xin thôi chức hàm phụ chính, vua không cho. Mùa đông năm ấy, trong kinh kỳ mưa rét nhiều, Thiếp dâng phong thư một việc dán kín, đại lược rằng: Nên cẩn thận một đức để hưởng phúc trời, nên khen quan lại giỏi để khuyến khích các người giữ việc, chọn người hiền tài để thu được thực dụng, và bỏ cái tệ án đã thành còn bác đi tra xét, từ nặng giam cấm lâu ngày. Vua khen là có thể đem ra thi hành lựa dụng được. Duy Thiếp cùng bọn Đăng Quế nhắc lại lời xin trước, vua bèn y cho.

Năm thứ 6, xin về thăm quê, vua cho 40 lạng bạc và dụ lấy ý giao hiếu để khuyến trung; lại ấm thụ cho một người con làm chủ sự. Khi trở lại kinh, đổi làm tổng đốc Hà Ninh,

Digitized by Google

chuyên trông coi mỏ kẽm ở 3 tỉnh: Hải Dương, Thái Nguyên và Bắc Ninh. Gặp tên thổ tù ở Ninh Bình là Đinh Công Mỹ làm loạn, Duy Thiếp xin cấp cho bọn Lê Đạt Ký, nguyên ở bang Hương Nghĩa người nước Thanh tập họp phu mỏ để chống lại. Vua không cho, nói rằng: Đem quân cứng mạnh của ta mà đánh lũ tiểu phỉ ví như lò than hồng cháy ngay cái lông, hà tất phải mượn người ngoài lại sinh ra trở ngại khác. Rồi về khoản che chở cho thuộc biên, giáng làm tuần phủ, vẫn được lĩnh chức cũ. Bấy giờ ở trong tỉnh hạt gió lụt ra tai, dân nhiều người người đói khát xanh xao. Duy Thiếp ngày thường không biết dự phòng trước, lúc lâm thời lại không hết sức chẩn tế. Khâm phái khoa đạo là Trương Ý đem việc tham hặc lên, phải cách chức được lưu lại, rồi giáng làm tham tri bộ Binh.

Năm thứ 12, lại sung đại thần ở Cơ mật viện, có trình bày xin khuyên răn viên thống chưởng, răn bảo các quan coi việc kinh hai việc. Vua khen là thành thực khẩn thiết, nhắc bổ làm thượng thư.

Năm thứ 15, ở Nam kỳ có việc, sai sung làm nghị hòa phó toàn quyền đại thần, cùng với Thanh Giản đi thương thuyết, khi vào từ hành trước mặt vua, vua thân rót rượu ngự ban cho. Rồi sau không có công trạng gì (đã chép ở truyện Thanh Giản), vua quở trách, đổi làm tuần phủ ở Thuận Khánh, nhưng phải cách lưu, cùng bàn bạc với tướng Pháp để chuộc tội. Chưa được bao lâu rồi chết. Vua nghĩ là bậc cựu thần, cấp thêm cho vóc lụa tiền nong để chôn cất.

Năm thứ 21, phải truy đoạt lại chức hàm. Năm Đồng Khánh thứ 1 viên thần là Nguyễn Hữu Độ vì Duy Thiếp, xin cho khai phục hàm Thị lang bộ Binh. Con là Duy Chạm lấy công chúa, cháu là Duy Điện, được ấm hàm cẩm y hiệu úy.

*

Digitized by Google

Hoàng Thụ

Người làng Quảng Điền, phủ Thừa Thiên. Năm Minh Mạng thứ 16, đỗ tiến sĩ do hàm hàn lâm viện biện tu, sung chức biên tập bộ "Tiểu bình phương lược" rồi bổ làm tri phủ Thường Tín, có tiếng về chính trị giỏi, được vào làm giám sát ngự sử ở kinh, rồi thự lễ khoa chưởng ấn cấp sự trung, lại sung thanh tra Nội vụ phó đổng lý.

Năm thứ 20, nhắc lên án sát sứ Hưng Hóa. Đầu năm Thiệu Trị, đổi về Nghệ An, chuyển làm thị lang ở 2 bộ Binh, Hình, trải làm bố chính sứ Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, lại thăng thự tuần phủ Định Tường.

Tự Đức năm thứ 1, bổ tham tri bộ Hình kiêm quản viện Đô sát, chưa bao lâu, đổi sang bộ Lại, sung cơ mật viện đại thần. Tâu xin: Phàm các quan viên có tang 3 năm, cho nghỉ chức đến hết kỳ, để làm hậu phong tục, cổ lệ hạnh kiểm. Vua cho là phải, rồi vì có tang mẹ được nghỉ chức.

Năm thứ 9, án bổ tham tri bộ Hộ, sung chức Kinh duyên nhật giảng quan. Mùa đông năm ấy, nhắc bổ tổng đốc An Tĩnh, rồi đổi đi Hà Ninh.

Năm thứ 15, chuyển về làm thượng thư bộ Hộ, rồi ốm chết ở công thự (nơi dinh thự công).

Thụ có tài làm việc, làm quan trải khắp trong ngoài, chăm chỉ cẩn thận, cần kíp công việc. Khi làm tổng đốc ở An Tĩnh, vua có làm bài thơ ban cho, thơ rằng:

Phiên âm: Kinh địa nhân tài chân hãn đắc,
Hữu kỳ khổn ký lượng phú khinh,
Trữ khan bồ trạch điền ngưu mãi,
Hưu tiến thôn đồng trúc mã nghênh.
Thước thủy ngã tiên đôn nhã tháo,
Vọng bi thủy bất hệ thâm tình,
Nhất phương bảo chướng kỳ tăng tráng,

Digitized by Google

Mạc phụ tam triều trọng tránh thành.

Dịch nghĩa: Nhân tài ở nơi kinh kỳ thực ít có,

Nhân ký thác coi địa phương Hữu kỳ (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh,) trách nhiệm không phải là nhẹ.

Sẽ thấy Chàm Bồ mua trâu về cày [1]

Chớ người trẻ trong đám người ngựa bằng đoạn tre đi đón. [2]

Rót nước suối [3] ra hãy làm cho nhã tháo được hậu

Trông bia [4] ai chẳng có mối cảm tình tha thiết.

Che chở một phương thêm vững mạnh,

Chớ phụ sự trách thành của 3 triều.

Được vua yêu quá quyến luyến là như thế đấy. Hôm Thụ chết, Vua rất tiếc, chi gấm Trung Quốc sa lụa bạc tiền, sai phủ thần vâng mệnh đến tế. Con là Văn Đế cũng đỗ hương tiến, sau can án về không có luân thường, bị giam chết ở ngục.

*

(1) Chàm Bồ: ngày xưa nước Trịnh có nhiều trộm cướp, thường chẹt người lấy của ở Chàm Bồ, tức là Hoàn Bồ. Vì Chàm ấy có nhiều cây sậy mọc rậm rạp dễ cất giấu. Câu này ở đây ý nói là dẹp hết trộm cướp, nhân dân đã mua trâu về cày ruộng không ai đi ăn cướp trộm nữa.

(2) Ngựa tre: Quách Cấp đời Hậu Hán, thăng làm chức mục ở Tích Châu. Vì Cấp trước đã ở Tích Châu có nhiều ân đức, sau lại đến, nhân dân trong hạt trẻ già đi đón nhiều. Có bọn trẻ con mấy trăm đứa cưỡi ngựa bằng đoạn tre đón lạy ở bên cạnh đường.

(3) Rót nước suối: Ngô An Tân làm thứ sử ở Quảng Châu, hạt ấy có cái suối nước, tên gọi là suối Tham, tương truyền là ai uống nước suối ấy, thì sinh ra lòng tham. Ngô An múc nước ấy mà uống, vẫn không đổi lòng.

(4) Trông bia: Dương Hựu đời Tấn, làm quan ở Tương Dương, có nhiều ân đức. Hựu thường lên nghỉ mát ở núi Nghiêm Sơn, sau Hựu chết, nhân dân hạt ấy làm miếu thông dựng bia ở Nghiêm Sơn. Sau ai trông thấy bia cũng nhớ Hựu mà rỏ nước mắt, người sau gọi là Trung Lệ bi (bia rỏ nước mắt).

Digitized by Google

Ngô Kim Liên

Tên cũ, là Lân. Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Thuở nhỏ thông minh, đọc sách qua mắt một lượt là nhớ. Ở nhà hiếu thuận, cùng với anh là Kim Thanh dốc chí đọc sách.

Minh Mạng năm thứ 7, vì có văn học được sung cống sinh ở Quốc tử giám.

Năm thứ 9, có kỳ thi diên bổ trúng hạng ưu, được làm hậu bổ ở Bắc thành, trải quyền thự 3 huyện: Sơn Dương, Tam Dương và Thụy Anh, có tiếng là chính trị giỏi được thực thụ Lễ khoa cấp sự trung.

Năm thứ 15, phái vào Nam Kỳ tra xét việc án của ngụy Khôi, Kim Liên cho là tố cáo ra có dây dưa đến nhiều người khác, xin cho đình việc tra bắt, vì trái chỉ của nhà vua nên bị biếm.

Năm thứ 17, gặp kỳ bổng mãn (đủ lệ 6 năm) xếp vào hàng bình, được kỷ lục 2 thứ, rồi bổ Lang trung, trải làm biện lý công việc ở 2 bộ Công và Hộ.

Năm thứ 20, thăng bổ chính sử Hải Dương. Năm Thiệu Trị thứ 1. đổi đi hộ lý tuần phủ Hưng Yên.

Tự Đức năm thứ 1, dâng bộ "Đại học diễn nghĩa" được thưởng kim tiền, rồi chết ở nơi làm quan.

Con là Kim Viện được ấm thụ bát phẩm, và Kim Dư được ấm sinh. Con Viện là Hoán đỗ Cử nhân, nay làm Ngự sử đạo Tả trực, con Dư là Điển làm thông phán tỉnh Khánh Hòa, anh Liên là Kim Thanh đỗ sinh đồ, làm quan đến án sát, con là Mỹ Tri đỗ tú tài làm quan tới tham tri bộ Binh.

*

Phan Khắc Thận

Người huyện Bình Sơn, trấn Quảng Ngãi.

Digitized by Google

Năm Minh Mạng, đỗ tú tài 2 khoa về năm Ất dậu và Mậu tý.

Năm thứ 11, ứng hạch vào hạng bình, trải làm giáo chức ở huyện phủ Bảo An và Tân An.

Năm Thiệu Trị thứ 1, quyền nhiếp công việc phủ Tây Ninh. Bấy giờ có tên đầu mục giặc là Đinh Tuân, tự xưng là Thiên thương tướng, tụ họp đem hơn 700 người Man, Chàm tiến sát tới đồn phủ Tây Ninh. Thận hết sức cố gắng thủ bắn giết được tên Tuân, giặc bèn vỡ chạy. Việc đến tai vua, xuống chiếu thư khen ngợi, và thưởng cho một cấp quân công, 1 đồng kim tiền, chưa bao lâu, bổ làm giám sát ngự sử đạo kinh kỳ, và thự công khoa chưởng ấn cấp sự trung.

Năm thứ 4, thự án sát sứ ở 2 tỉnh Bình Định và Vĩnh Long. Năm ấy, tới kỳ xét công, được dự hạng ưu, rồi đổi đi làm tuyên phủ sứ Tây Ninh, trải làm bố chính sứ ở Nam Định, Hà Nội.

Tự Đức năm thứ 5, quyền chưởng ấn tuần phủ quan phòng ở Lạng Bình. Gặp bọn thổ phỉ nước Thanh vào cướp thôn Đông Long trấn Lạng Sơn. Khắc Thận dẹp tan được, thắng trận to, thưởng thêm cho quân công 1 cấp, kim tiền 1 đồng.

Năm thứ 6, tới kỳ xét công, vua cho là Thận thân chịu chức trách ngoài biên, vỗ về chống chọi phải lẽ, khả gọi là bề tôi biết giữ bờ cõi, thưởng gia 1 cấp, đổi làm tả tham tri bộ Hộ.

Năm thứ 11, người Pháp gây hấn ở cửa biển Đà Nẵng, sai Khắc Thận đem quân ra chống cự lại đánh nhau ở sông Cẩm Lệ bị thua, phải giáng 3 cấp được lưu chức.

Năm thứ 12, vua cho là Khắc Thận trước đã nhận chức ở Nam Kỳ, địa thế nhân tình vốn đã am hiểu, đổi Khắc Thận làm tuần phủ An Giang, đem quân tới Ba Xuyên dẹp giặc

Digitized by Google

Man được thắng trận, thưởng cho quân công kỷ lục 2 thứ, bổ làm tổng đốc An Giang. Bấy giờ quân Pháp đã chiếm cứ thành Gia Định, bọn giặc thổ Man ở Vĩnh Định, Kiên Giang tràn sang cướp Ba Xuyên. Thận thân đem các tướng hầu chia đi dẹp tan hết.

Năm thứ 19, Nam Kỳ kinh lược sứ là Phan Thanh Giản tâu nói: Tên Man mục là Ả Xoa gây việc, do tự viên tri phủ Tĩnh Biên là Hoàng Khoán làm cho chúng kéo đến, mà đốc than là Khắc Thận cũng hùa theo vào đấy. Nay tên Ả Xoa đã trốn vào Thất Sơn, tỉnh thần ấy nói là ngăn chặn, là hùng bất, toàn là nói hão cả, để cho tướng Pháp chưa khỏi hết ngờ. Thận bèn bị cách chức rồi trách phải bắt được tên Ả Xoa (tức Ông Bướm) ở Thất Sơn giải giao cho tướng Pháp; lại được khởi phục binh bộ Thượng thư, lĩnh tuần phủ Nam Ngãi, vua bảo Thận là thu cùng về lúc bóng chiều đã ngã nên phải cố gắng.

Năm thứ 21, bọn thổ phỉ nước Thanh là Ngô Côn lấn nhiễu các tỉnh Thái, Lạng, quan quân bị thua, vua sai Thận sung làm Thảo nghịch hữu tướng quân, Khắc Thận mới đến quân thứ, mắc bệnh rồi chết. Vua rất thương, xuống dụ rằng: Khắc Thận ngày thường công lao khá nhiều, nay chẳng may vội chết, nên cho ưu hậu. Tặng hàm Hiệp biện đại học sĩ, sai quan địa phương bắt dân phu đưa quan cữu về quê, chiếu theo hàm được tặng mà cấp cho tiền tuất gấp hai.

*

Nguyễn Bái

Tên tự là Phong Đình, người huyện Phú Vang, phủ thừa thiên, có sức mạnh, lúc nhỏ tập võ nghệ. Đầu năm Minh Mạng ra đầu quân, trải làm đội trưởng suất đội. Khoảng năm Tự Đức, nhiều lần thăng đến phó lãnh binh ở Nam Định, đổi đi quân thứ ở Hưng Hóa. Vì có chiến công cất làm cấm binh vệ úy, lĩnh chưởng vệ thủy sư hữu doanh. Gặp bọn giặc ở mặt

Digitized by Google

nước đến cướp Hải Yên, vua sai sung làm khâm phái quân vụ, quản đốc binh thuyền đạo thủy kịp tới hội lại đánh dẹp. Bái cùng giặc đánh nhau ở ngoài khơi Ngọc Mai, cả phá được quân giặc, được cất làm đê đốc ở Nam Định.

Năm thứ 30, đổi làm đê đốc ở thủy sư kinh kỳ.

Năm thứ 36, bổ thụ đô thống, bấy giờ Bái đã 70 tuổi viện lệ xin về hưu. Vua cho bái là người được việc quen thạo, không cho nghỉ. Rồi sau lại về bị ốm, chuẩn cho hưu trí, năm Đồng Khánh thứ 3, thọ 77 tuổi thời chết. Phủ thần tâu lên, vua cấp thêm cho tiền tuất 200 quan. Con là Văn Mỹ theo học, được ấm thụ Hàn lâm viện biên tu.

*

Nguyễn Hoàng

Người huyện Đăng Xương, phủ Thừa Thiên, khi trước tên là Văn Hoàng. Minh Mạng năm thứ 7, đăng vào sách Anh danh, ra Bắc kỳ bắt giặc, bổ thụ đội trưởng, nhiều lần thăng làm quản cơ cơ Trung chấn.

Năn thứ 21, bổ phó vệ úy vệ Kỳ vũ, tới Trấn Tây, rồi cùng quan quân đánh dẹp bọn thổ phỉ ở Ô Môi, chém được tên đầu giặc là Dương Ất tại trận, đến khi tiến đánh cửa Vinh Đà, Hoàng hăng hái lên trước, cùng giặc đánh nhau, liền được thắng trận. Vì có công được lên chức vệ úy.

Thiệu Trị năm thứ 1, đổi bổ lãnh binh Vĩnh Long, cùng với bọn Nguyễn Tiến Lâm đánh nhau với giặc ở Súc Sâm. Bấy giờ, các đạo quân đánh giáp lá cà, giặc tựa vào lũy chống cự lại, Hoàng cùng giặc đấu chọi sát nhau, chém được một thủ cấp cắt lấy tai, bị giặc bắn trúng tay bên tả, Hoàng bọc vết thương lại thân ra đốc quân đem hết sức đánh, giặc bèn vỡ chạy. Đến khi tâu thắng trận ở Súc Sâm, vua nghe tin khen ngợi thưởng cho quân công 1 cấp, nhẫn đeo tay bằng vàng, thẻ bài bằng bạc, và bạc trắng các hạng.

Digitized by Google

Năm thứ 3, đổi bổ làm lãnh binh quan ở An Giang.

Thiệu Trị năm thứ 4, bổ làm chưởng vệ, hộ lý ấn quan phòng của đề đốc An Giang.

Năm thứ 5, coi đem binh thuyền do đạo Tiền Giang đánh dẹp, cả phá vỡ bọ thổ phỉ ở Ba Bam. Tin thắng trận tâu lên, vua cho Hoàng thắng trận chuyến này, làm cho tiếng tăm của quan quân lừng lẫy lên trước, rất đáng khen ngợi, gia cho quân công một cấp và thưởng cho một đồng kim tiền có chữ "long vân khánh hội" với một chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng. Rồi Hoàng cùng với Doãn Uẩn chia đường đến đánh lấy đồn Kha Đốc đánh phá đồn Thiết Thằng, thẳng tới thành Nam Vang. Vì có công được phong thự đề đốc, lại gia quân công gia cấp kỷ lục và thưởng cho cái nhẫn đeo tay mạ vàng khảm mặt kim cương trân châu, một cái bằng ngọc quý có dây thao xâu ngọc san hô đeo rủ xuống, một cái khánh vàng ghi công, rồi sung làm bang biện quân vụ trấn Tây.

Năm thứ 7, nước Cao Miên sang triều, việc Trấn Tây đã được yên. Vua dụ thưởng các tướng đi đánh dẹp Trấn Tây. Vua cho là Hoàng trải cho đánh dẹp tự thân đi trước quân lính, xông pha tên đạn, giết giặc lập công, ban cho một cái bài đeo bằng vàng có chữ: "An tây tuấn kiện tướng" và một cái bài đeo bằng ngọc quý hình con chim ưng bay có dây rũ xuống xâu hạt trân châu. Tháng 5, vâng chiếu đem quân về. Khi vào chầu, vua cho cái áo lụa sắc đỏ mặt mát và cái quạt của vua dùng. Đến hôm sau, cho triệu vào điện Cần Chánh tuyên dương úy lạo, sai hoàng tử là Gia Hương Công rót rượu đem cho. Lại cho một chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng dát mặt ngọc, một cái hình con gấu mạnh bằng vàng, để tỏ ra như con gấu khỏe mạnh đáng khen. Sắc cho làm Ân Tây tuấn kiện tướng, rồi bổ làm thống chế doanh Tiền phong. Mùa thu năm ấy, xét công những người có công đánh Trấn Tây, được tấn phong Vũ xá tử. Đến khi võ công cáo thành, vua sai đúc khẩu

Digitized by Google

súng lớn để ghi công sắc cho khắc tên vào súng báu, "Thần uy phục viễn" thứ hai, dựng bia ở Vũ miếu để nêu quân công.

Năm thứ 2, ra làm tổng đốc Định Biên, chưa bao lâu, đổi thự Tổng đốc Long Tường.

Năm thứ 4, vừa đúng kỳ xét công, thăng thự hữu quân đô thống, nhưng vẫn kiêm tổng đốc.

Năm thứ 5, triệu về, rồi thôi chức vụ ở trấn, nhưng thự vào quân phủ. Mùa xuân năm ấy có kỳ điểm duyệt quân lính to, sung làm chánh tổng duyệt. Vua khen quân sĩ được chỉnh túc. Mùa thu năm ấy có kỳ xét công, vua cho là Hoàng có công đánh dẹp rõ rệt, việc trị hơi quen thạo, chuẩn cho thực thự kiêm giữ ấn triện của tiền quân phủ Đô thống. Đến sau chết, tặng làm hữu quân đô thống phủ đô thống chưởng phủ sự, cáo thụ đặc tiến tráng vũ tướng quân, cho tên thụy là Vũ Nghị, chiếu hàm cấp cho tiền tuất.

Năm thứ 11, được liệt vào thờ ở đền Hiến Lương.

Khi trước, Hoàng còn là tướng hiệu nhỏ, bấy giờ chưởng phủ là Tạ Quang Cự biết tài của Hoàng có thể đại dụng được, bèn tiến cử lên triều đình. Tới khi theo đi đánh dẹp, thường lập chiến công, Hiến tổ Chương hoàng đế khen ngợi, cho Quang Cự là biết người, mà Hoàng thực không phụ người đề cử ra vậy.

Con là Trân, được lấy Mỹ Duệ công chúa, cháu là Lương Phác lúc đầu bổ làm hiệu úy, làm việc quan nhiều lần thăng đến Quang lộc tự khanh, biện lý công việc bộ Lễ. Rồi chết, truy thụ hàm Thị lang.

*

Lê Đình Lý

Người huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, thuở nhỏ nhà nghèo lên núi kiếm củi dọc đường có cây đàm hoa xanh tốt, Đình Lý ngồi dưới gốc hóng mát một chút, chợt có cái hoa to rụng

Digitized by Google

xuống trước mặt, nhặt lấy ăn, được vài tháng khổ mặt khác hẳn, người làng lấy làm lạ.

Minh Mạng năm thứ 10, ra đầu quân, phái tới hai trấn Định Biên, An Giang đánh dẹp giặc Man, có công thăng cai đội.

Thiệu Trị năm thứ 1, trải thành vệ úy thường theo Phạm Văn Điển và Doãn Uẩn liên mấy trận, phá được thổ phỉ người Lạp Man, có chiến công to; lại tiến phá đồn Thiệt Thằng, thẳng tới thành Nam Vang, được thắng trận luôn. Vua chuẩn cho gia hàm lãnh binh, thưởng cho quân công một cấp và kim tiền, thẻ bài bằng vàng tía, để nêu công trạng.

Năm thứ 5, bổ lãnh binh An Giang.

Năm thứ 7, quyền chưởng ấn quan phòng của đề đốc An Giang. Trấn Tây việc yên, thăng thự chưởng vệ, vẫn hộ lý ấn quan phòng đề đốc. Chưa bao lâu, xét công Trấn Tây, vua dụ rằng: Đề đốc là Lê Đình Lý trước sau theo đánh dẹp, công lao rõ rệt, tấn phong làm Thắng công nam. Năm ấy võ công sắc cho ghi công khắc tên vào súng đồng "Thần uy phục viễn" vị thứ 5.

Tự Đức năm thứ 4, thăng thụ thống chế.

Năm thứ 5, Thự hậu quân lĩnh tổng đốc Định Tường.

Năm thứ 8, vào kinh và ra mắt vua. Tâu nói: Dân ở bảo Phú Quốc rình bắt được con ba ba to còn sống, nuôi để đem dâng, có phần khó nhọc, phí tổn. Vua cho làm nhọc dân miễn đi.

Năm thứ 11, thăng thự Đô thống phủ chưởng phủ sự: Gặp lúc cửa biển Đà Nẵng ở Quảng Nam có loạn, được chọn sung làm tổng thống tiểu bộ quân vụ đại thần, đem quân đến chống cự lại. Tới khi đánh nhau, trúng đạn bị thương rồi chết, thọ 68 tuổi.

Đình Lý xuất thân ở võ bị, là người dũng cảm, trước kia

Digitized by Google

ở Trấn Tây, thường lập chiến công, thưởng kim bài cho nêu khen, súng đồng ghi tên, mình giữ ấn hổ phù, trị nhậm cõi xa, thực là bậc tướng quân, việc gần đây vì bị thương nặng xin về làng, vua nghĩ thương tình phái thầy thuốc điều trị. Đến khi chết ở nhà, hậu cấp cho gấm vóc bạc tiền, và vua làm câu đối, văn tế ban cho, sai tỉnh thần sửa lễ tới tế điện, một tấm trung hồn, để thơm tờ điệp xưa, thực là đặc cách hơn cả mọi người. Năm Tự Đức thứ 32, được liệt vào thờ ở đền Trung Nghĩa. Con là Đình Thi được thừa ấm để phụng tự, cháu là Đình Thường làm Cấm binh suất đội.

*

Nguyễn Bá Nghi

Tên tự là Sư Phần, người huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Minh Mạng năm thứ 13, thi hội đỗ ất khoa (phó bảng), trải làm tri huyện, tri phủ, kế tiếp liệt vào hàng gián quan, được tiếng nói thẳng. Đổi ra thự án sát sứ ở Vĩnh Long. Vì xử án cẩu thả, bị cất chức cho gắng sức báo hiệu, rồi lại khởi phục bổ dụng.

Đầu năm Thiệu Trị, thự giảng học sĩ, tham biện việc Nội các, chưa bao lâu thăng thự Thị lang bộ Lại, vì có việc lại giáng xuống Hàn lâm viện thị giảng, phải đi theo thuyền Thanh loan sang Quảng Đông làm việc. Khi thuyền bị cháy, theo đường bộ về trước, lại bị thổ phỉ nước Thanh cướp bóc. Vua nghĩ thương, cất làm thị độc học sĩ tham biện việc Nội các.

Năm thứ 4, thự bố chính sứ An Giang. Bấy giờ Xiêm mục an phủ đến nói: Nước Lạp Man ý muốn bản triều ta bảo hộ như trước, Đốc thần là Nguyễn Tri Phương thương lượng ủy cho Bá Nghi tới Trấn Tây để thương thuyết, giặc Man hãy còn nghiêm mật phòng bị để đợi. Bá Nghi đến, ngồi yên, Xiêm mục là Phi Nhã, Đầu Ròng cùng quan Phiên đều nói: Ông

Digitized by Google

Giun ngày đêm nhớ mẹ, nếu được tha về (năm trước quốc trưởng nước ấy là Ngọc Vạn bị quân ta bắt về giam giữ), thời họ xin làm thần bộc, mà từ đó trở đi nước Xiêm cùng với bản triều ta, cứ 3 năm lại sai sứ sang hòa hiếu như xưa. Bá Nghi bảo: Nay Thánh triều lấy trung tín trị thiên hạ, nếu Ông Giun cũng lấy trung tín làm lòng, quyết không có nhẽ nào không bằng lòng, nhưng phải có thư đưa đến, mới có thể xếp đặt được. Về sau quả nhiên không có thư đưa tới.

Năm thứ 6, bổ Thị lang Lễ bộ, sung làm việc ở Nội các.

Năm thứ 7, kỳ xét công, danh sách dâng lên, vua dụ rằng: Bá Nghi khi trị nhậm ở An Giang, có dự bàn việc quân và vận chở tiếp tế, tới khi các vâng giữ chiếu sắc cũng được cẩn thận rõ ràng, chuẩn cấp cho lương tòng nhị phẩm.

Tự Đức năm thứ 1, Nghi tâu nói: "Phàm các thần công (các quan) tâu việc, nếu không phải mưu tính việc quân quốc và những việc không thể tiết lậu được, thì không cần phải làm tập kín, để ngăn mọi tệ. Vua cho là phải, xuống chiếu bổ làm tuần phủ Hưng Hóa; lại cho trấn Hà Tiên là nơi địa đầu quan yếu, Bá Nghi trước ở An Giang, biết hết tình thế, đổi bổ đi Hà Tiên. Khi đã tới nhận chức, làm tập trình bày việc thăm dò tình hình ngoài biên và nghĩ đề phòng kiểm soát, xét hỏi các việc quan yếu. Vua đều nghe theo, mới được đầu năm, hộ lý tổng đốc Bình Phú, rồi lại về tham tri bộ Lại, sung Kinh duyên nhật giảng quan Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 6, có kỳ địa kế xét công quả. Vua cho Nghi chăm siêng, cẩn thận, cần kíp việc công, nhắc lên làm Sơn Hưng Tuyên tổng đốc. Các hạt ấy nước lụt luôn mấy năm, tình hình quẫn bách, Bá Nghi xin cho chẩn cấp cứu tế, và đem số ruộng đất bị cát bồi, nước vỡ, cộng 1296 mẫu, cho xóa gạch miễn thuế, Vua đều cho cả.

Năm thứ 12, triệu về làm Thượng thư bộ Hộ, nhưng sung vào viện Cơ mật.

Digitized by Google

Năm thứ 13, vua cho tai dị thường phát ra, và đói khát luôn luôn; lại nhân Đà Trấn cùng Định Biên đang có việc, chuẩn cho viện thần đều đem ý kiến mưu lược liệt ra chương sớ tâu bày lên.

Bá Nghi tâu nói: Vua đã ra chính lệnh, thời bề tôi theo đó mà làm, nếu có chính thiên lệch hình oan uổng, cũng đủ trái với hòa khí đem lại tai dị. Nhưng chính hình muốn được quân bình, cũng rất là khó, tức là ở trong thì bộ, các, viện, ở ngoài thời các trực, tỉnh, dẫu có điển hình đủ cả, đều giữ chức mà làm; nhưng nhân phẩm không giống nhau, tài năng kiến thức lại khác nhau, đến việc thi hành đều theo ý kiến riêng, khó giữ được không có cái hiềm người này thì khoan, người kia thì mãnh, kẻ giáp khiếm khuyết sơ lược, kẻ ất hà khắc nhỏ nhặt. Các nha có quan hệ, nếu không giữ lẽ công bằng để so sánh từng việc cho minh bạch, mà làm lá phiếu phúc lại; quan có trách nhiệm được nói, lại phong tùy từng việc sửa chữa lại, chỉ thiên về yêu ghét riêng, thì chính thiên lệch hình oan uổng không thể tránh khỏi được. Khi xưa có người chịu oan phải bỏ ngục, đến nỗi 3 năm không mưa[1] và tháng 6 có sương bay xuống[2], đủ nghiệm là hình phạt mất công bằng, thời thiên tai hiện ngay. Nay muốn tiêu tai biến đến được trì trị, chỉ mong các quan giữ chức đều theo lòng công bằng, không thiên về yêu ghét riêng. Thi hành chính lệnh, cốt phải quân bình. Một việc hình danh, trong ngục sâu có kẻ bị oan uổng lâu ngày. Dưới ngọn bút làm cho người sống hay chết, càng nên một lòng giữ công bằng, rõ ràng cẩn thận vào. Lại như điển lệ của quốc triều ta, về 2 việc binh và tài, việc nào cũng chép rõ ràng, duy có mạnh hay yếu, đủ

(1) Vu công đời Hán xử việc hình công bằng, trong quận ông có người hiếu phủ, bị quan thái thú giết oan, ông cố can không được, rồi sau đó 3 năm trời không mưa, sau phải tế mả người hiếu phụ ấy, rồi mới mưa.

(2) Trâu Diễn thờ Huệ vương nước Yên hết lòng trung, bị quan hầu bên cạnh của Huệ Vương gièm pha, phải giam vào ngục, Diễn ngã mặt lên trời khóc. Lúc ấy đương mùa hạ, trời sa sương xuống (sử ký).

Digitized by Google

hay thiếu thì thường tùy thời cổ nhân cũng theo đó là lý hội. Đại để binh, tài đều ở dân mà ra, dân yên vui thời nước giàu binh mạnh, đó là phần gốc. Bớt sự khó nhọc để chăm giảng luyện, sẻn tiêu dùng để khỏi phí hao, đó là phương pháp. Vậy muốn dân yên vui thì người giữ việc chăn nuôi dân chớ ngại trong tâm phải khó nhọc; muốn cho binh tài đầy đủ, thời người làm việc bắt lính thu thuế, trước hết không nên nhũng nhiễu. Nếu không xét đến gốc, tìm lấy phương pháp thì dẫu đốc trách chăm, kỳ hạn ngặt, chữa thấy đã là phải vậy. Hiện nay 6 tỉnh Nam Kỳ, ngoại quốc mưu muốn ở lâu, giặc Man ẩn hiện quấy nhiễu cõi ven. Thế của ta càng chia, tình họ chưa dẹp, muốn sớm xong việc, đã khó càng khó. Tổng thống là Nguyễn Tri Phương uy vọng đến 1 vốn lừng lẫy, người ngoài cũng vẫn biết tiếng. Nay đã chuyên làm thống soái, thời công quá tầm thường bất tất trách hỏi, mà chỉ trách xét các tướng có đúng hay không? Lại quân không có hình thế thường thường mãi, phần chiêu nhân địch mà chế biến. Hơn nữa, đường xa đi lại phải đến hàng tuần tháng mới tiếp tới. Nếu giấy tờ của bộ không thi hành, thì việc đã kém, cho nên thường thấy không đều nhau. Về cơ nghi trong quân tựa hồ không phải ra hết thảy xuất ở nhà binh, mà chỉ trách lâm cơ ứng biến cho đúng thôi. Vả lại, việc binh đã lớn lại khó, không phải người nào cũng bàn được, người nào cũng nói được, kiến thức nông nổi, lời bàn cóp nhặt, phần nhiều không có ích chỗ thực dụng, xin nên nhất khai bỏ đi, bất tất giao hỏi, đưa duyệt, để đỡ văn từ bề bộn ở quân thứ, cho được hết tài thi thố, thì thành công chắc có thể đạt được.

Năm thứ 14, quân Pháp đánh hãm đồn lớn ở Gia Định, Tri Phương đã trúng đạn bị thương, đặc cách chọn Bá Nghi làm Khâm sai đại thần thống lĩnh cả biền binh mới phái đến, hội đồng với các thứ thần (các quan ở quân thứ) tính toán mà làm. Bá Nghi mang cờ tiết tới nơi quân thứ, cho việc đánh hay giữ đều không tiện cả, ủy người đến giảng hòa, làm kế

Digitized by Google

hoãn binh. Lại đem sự trạng hiện làm, viết vào tập tâu lên. Được vua dụ bảo: hoặc có chủ ý gì cho được cứ thẳng tâu bày lên.

Nghi lại tâu nói: Sự thế ở Nam Kỳ chỉ duy có giảng hòa là hơn, không thế thì sẽ sinh trở ngại khác. Đại lược nói: Thần vẫn nghe nhà binh nói: tàu của Pháp chạy bằng hơi nước nhanh như bay, súng của họ bắn vỡ thành đá được vài nhận (mỗi nhận 7,8 thước khi xưa) và bắn xa được vài mươi dặm, họ có những khí giới ấy, đánh hay giữ hai đằng đều khó cả. Lúc bấy giờ, trong tâm của thần chưa tin, đến năm Thiệu Trị thứ 7, mùa xuân tàu của Pháp tới Đà Nẵng không được vài khắc, đã bắn vỡ 5 chiếc thuyền đồng lớn của ta. Lần ấy thần ở Quảng Nam, được mục kích rõ ràng. Ba bốn năm nay, quân ta không phải không mạnh, súng của ta không phải không mãnh liệt, đồn bảo ta không phải không kiên cố, nhưng không thể đánh được họ là vì tàu súng của họ chiếm được sở trường, mà thuốc đạn bắn xa dư dội, có thể vậy. Chỉ vì các quan ở quân thứ không so sánh họ với mình, vẫn gượng ép mà làm, nên lại có những trận thua ấy. Thần đến tỉnh Biên Hòa, xét thấy tình thế đều nguy bách, bất đắc dĩ phải tự tiện phái người đến tướng Pháp vặn hỏi, dẫu rằng tạm mượn kế để hoãn binh, thực ra ý kiến ngu thần thấy sự thể đánh hay giữ đều không thể làm được. Không hòa thì không định được thời cuộc, nên tập tâu trước, và lời tư trước của thần đều cho là trừ cái kế ấy ra, thần chỉ duy chịu tội thôi. Lại nói là hòa dẫu là thua kém, nhưng sự thế ở Nam Kỳ còn có thể làm được. Không thể thế thời thần không rõ đợi tội ở chỗ nào? Lại nói là tình thế như thế, dẫu binh thuyền có nhiều cũng chưa chắc dùng được. Vì là người Pháp cho ta đãi họ lãnh đạm đã lâu, họ bị các lân bang khinh bỉ, nên lấy binh hiếp bách để mong phải hòa. Xem như những khi thường thường sai người đến giảng hòa trước, thì việc hòa có thể nghiệm được. Lại, bờ biển nước ta dài suốt, mà tự lúc dùng binh đến

Digitized by Google

giờ binh thuyền của thủy sư, vẫn tránh nghề sở trường của họ, nhất phái để đó không dùng. Thế là binh lực của ta, đã giảm bớt một nửa rồi, chỉ cậy kế súng lớn và lũy làm kế đánh giữ, mà việc đánh và giữ lại là khó nói. Nay nếu không hòa, họ không thôi, thì binh luôn luôn gây nhiều nỗi họa, ngu thần thực quá lo việc ấy, cho nên nói là trừ kế hòa ra, thần chỉ xin chịu tội, là thế. Lại kính xét khoảng năm Minh Mạng, Thiệu Trị, tiết thứ dẹp yên được giặc Khôi cùng 2 nước Xiêm, Man, là vì Nam kỳ đất nhiều sông ngòi, thủy binh, bộ binh cùng ứng tiếp với nhau. Về đường binh thì các hạng thuyền ô, thuyền lê nhanh nhẹn lại càng là thứ dùng, cốt yếu về súng to đạn nặng, thì dùng thuyền lớn do đường biển tải đến cùng cấp. Hết thảy các hạng tiền gạo, súng ống, khí giới, thuyền ghe thì có 6 tỉnh cung ứng được dư đủ. Nhưng đem toàn lực như thế mà dẹp một tên giặc Khôi cũng phải 3 năm mới xong việc, và dẹp 1 nước Cao Miên cũng phải 2 năm mới được giảng giải. Nay 6 tỉnh thì 2 tỉnh Gia Định và Định Tường trên từ Man ở núi, dưới tới cửa biển, họ đã chiếm cứ cả; mà 2 tỉnh Vĩnh Long, Biên Hòa cách trở khó thông. Vả lại tỉnh Biên Hòa giáp giới với họ, đằng sau lưng có rừng lớn, kế tiếp đất Man, là nơi rất xung yếu cách tuyệt. Về 4 tỉnh ấy dẫu đều có thuyền, nhưng khó đối địch với tàu của họ. Nên nói là dẫu binh thuyền có nhiều cũng chưa có thể dùng được, là thế. Hiện giờ người Pháp đã chiếm cứ Gia Định, hòa hay không hòa, chỉ như thế đã kém thua rồi. Vì bằng giảng hòa mà họ vẫn không giao trả, thì sự kém thua chỉ có thế, mà 3 tỉnh Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang còn về phần ta, đường trạm đường biển vẫn thông đồng, để đỡ nguy cấp trước mắt, mà đợi mưu toan sau này. Nếu cho là kém thua mà không hòa với họ, thì họ há chịu ngồi yên; chắc là 6 tỉnh Nam Kỳ sẽ từ đây mà bỏ mất, mà buôn bán vận chở đường sông biển, cũng sẽ từ đây mà cắt đứt. Việc đáng lo ở chỗ khó nói, thần không dám nói quá. Cho nên nói là hòa giải dẫu có kém thua,

Digitized by Google

nhưng sự thế ở Nam Kỳ còn có thể làm được. Nếu không thì thần không biết đợi tội ở chỗ nào, là thế. Hiện nay, thế nước ngoài như thế kia, mà 6 tỉnh hiện tình như thế này, phàm việc công và giữ đều không thể thi hành được. Đã không có thực sự đánh hay giữ được, chỉ tỏ cho địch lấy cái hình thức, thời chỉ khiến họ chóng gây binh, và thêm tổn hại thôi. Nên thần từ trước đến nay, không đắp đồn lũy, giảm bớt sự đòi thêm binh lương là thế. Đó là chủ ý của thần như thế, cúi mong quyết đoán thi hành, để cứu cái khổ cho binh, dân từ Nam Ngãi trở vào Nam. Nếu không quyết đoán mà làm cả hai đằng, thì ở thần sửa thư từ qua lại hỏi han, mà ở quân thứ cùng các tỉnh thì không dám trái lời ở bộ, hoặc phái người lén tới chiêu dụ binh; hoặc sửa san đồn lũy, tỏ ra tình trạng công thủ, người ngoài họ nhòm biết ý ta không thực, lại cố ý hiếp chế, bấy giờ đánh không được giữ không được, hòa cũng không được, thần lo không biết xử trí ra sao. Tờ sớ dâng lên. Vua dụ rằng: Sự thế khó làm ta đã biết rõ rồi, khanh có lòng cáng đáng công việc, nên hết sức mà làm, để rõ ra gặp gió mạnh mới hay cỏ cứng là phải. Rồi Bá Nghi lại dâng sớ xin truy quan chức cho nguyên tỉnh thần ở Gia Định là Vũ Duy Ninh và Lê Từ, cùng gia tặng cho tuất ấm. Vua xuống dụ quở mắng và phạt bổng 9 tháng. Rồi thì Bá Nghi cùng với tướng Pháp giảng thuyết, bí mật đem ý hắn cần giảng hòa tâu lên. Vua lại dụ rằng: Khanh từ khi sai đi đến giờ, chỉ thấy chủ ý nghị hòa. Khanh là người thông đạt mẫn cán, trẫm đã chọn ủy cho, sự mong mỏi không phải là ít, nên hết lòng báo nước, để sớm dâng công thì được thưởng hậu. Bá Nghi lại xin chọn phái đại thần tới làm tổng thống. Vua sai hỏi là: Nếu khanh tự liệu có thể giảng giải được để làm trót việc đã muốn tính, cho cứ trình bày lên; nếu khanh tự liệu là hòa đã khó thành, mà đánh giữ cũng không làm được, cũng cho bày tỏ sự thực sẽ liệu cách xử trí. Bá Nghi cùng với tán tương là Trần Đình Túc dâng tập tâu về tình hình ở Biên Hòa yếu

Digitized by Google

ớt, không thể đánh giữ được, mà hòa lại không thành, xin giảm bớt quân thứ, phái người cầu viện nước khác. Vua truyền dụ quở mắng, nhưng sai hội đồng bàn nghĩ có mưu kế gì có thể giữ vững được Biên Hòa, An Giang; lại mưu thu phục lại 2 tỉnh Gia Định, Định Tường, thì làm tập tâu lên.

Mùa đông năm ấy, Bá Nghi lại cho là lui binh ở phân tán, không thể giữ được. Xin nhận tội. Vua xuống chiếu cho đem quân về đóng ở Bình Thuận.

Năm thứ 1, tỉnh Biên Hòa không giữ được, giáng làm tham tri, nhưng vẫn phải cách chức lưu nhiệm, sung làm phụ tá quân vụ, hiệp cùng với tổng thống đại thần Nguyễn Tri Phương bàn làm công việc ở quân thứ Bình Thuận. Đến khi hòa cục đã định, đổi sung làm tham tán ở quân thứ ngoài Bắc; rồi hộ lý tổng đốc Sơn Hưng Tuyên kiêm tiêu biện việc quân, miễn cho cách lưu.

Năm thứ 17, Man Mèo nổi lên quấy nhiễu tỉnh Tuyên Quang, các bộ biền đều bị thua, Bá Nghi đem binh và voi tới dẹp. Nghe có dân Man là Bàn Văn Nhị ra thú, nhưng con nó còn trốn, tỉnh thần đem giam lại. Bá Nghi tức thì cấp cho quần áo và tha về, lại nghiêm xích khóa phái viên của tỉnh đã quấy nhiễu nhà người Man ấy, rồi đem việc tâu lên. Vua cho việc làm phải lẽ, chuẩn cho tùy cơ mà làm cho thỏa đáng, để người Man cảm sợ chiêu dụ những Man khác ra thú. Mùa hạ năm ấy, Bá Nghi cáo ốm xin về hưu. Vua nói: Bá Nghi có trách nhiệm đánh dẹp, đã lâu nay không làm được một việc gì, lại báo ốm xin về hưu, rất quái lạ. Giáng 3 cấp, vẫn phải lưu lại đánh dẹp.

Năm thứ 18, tự cho mình cầm quân đã 3 năm, dẹp giặc không có công trạng gì xin chịu tội. Vua nói: đã tự biết lỗi tất có lòng hăng gắng để bù vào cái lỗi. Gia ơn chuẩn cho cách lưu, nhưng phải hô đốc làm việc, bắt phải trù tính đánh dẹp, bọn giặc còn lại ở Tam Tuyên. Rồi thì Bá Nghi tâu bày

Digitized by Google

công việc nên khu xử. Vua cho là công dẹp giặc của Bá Nghi phần nhiều đáng ghi chép, duy đám giặc nhỏ mọn ấy chưa trừ được, là đáng tiếc thôi. Gia hạn cho 6 tháng, phải mưu tính cốt được yên ổn, rồi cùng các đạo bàn công ban thưởng. Bá Nghi lại dâng sớ nói: Nghĩa trong kinh Xuân thu, trách về chủ súy là nặng hơn, trước đây đồn lớn ở Gia Định không giữ được, thần xin chịu tội; còn các viên biền xin đều miễn cho họ. Vua nói: Mưu tính thì trách nhiệm ở thống súy, mà đánh hay giữ cũng do các tướng nhỏ; thưởng tới, phạt lại không tới, thì có quân binh không? Rồi sau vì thu phục được thành Tuyên, vỗ yên hạt Sơn Tây, miễn cho cách lưu, thăng bổ làm thống đốc.

Bấy giờ, các tỉnh ở Bắc kỳ xin đặt thành trì cho các phủ huyện, chuẩn giao cho Bá Nghi và kinh lược Vũ Trọng Bình thương lượng bàn định, đều nói là lao phí (lời nói ấy chép ở truyện Trọng Bình). Vua nghe lời bàn.

Năm thứ 19, động Suối Bốc ở Tuyên Quang giặc Mèo cậy hiểm, nên lâu chưa chịu hàng. Bá Nghi cho là phí tổn rộng khó nhọc nhiều, đánh dẹp không bằng vỗ yên, xin nghiêm hịch, phái người đến chiêu dụ. Vua cho là phải.

Năm thứ 21, gặp tiết tứ tuần đại khánh, được thăng thự hiệp biện đại học sĩ, lĩnh tổng đốc như cũ. Bá Nghi ở tỉnh Sơn lâu ngày, nhân thế có tậu ruộng nhà, tự cho là mình can vào pháp luật, xin chịu tội. Vua cho là đã biết tự trình bày ra, miễn cho. Nhân dụ rằng: Khép tội nhẹ, là lòng nhân từ của vua thể tất cho thần công, mà giữ pháp là chính đạo của người làm tôi giữ trọn phận thần tử. Ngươi nay đã lão thành, có lỗi tất phải đổi, hết lòng làm việc công cho sớm yên việc ngoài biên, về chầu sẽ có ngày; lại thêm tiếng chính trị lương thiện, mến tiếc còn mãi, thời dân Đồng Hương thờ phụng (1)

(1) Đồng Hương: Chu Ấp đời Hán, làm chức sắc, phủ ở Đồng Hương, đến sau chết, dân làng Đồng Hương làm nhà làm đền để thờ.

Digitized by Google

còn hơn gấp vạn ruộng nhà, chớ lại làm sự lỗi.

Năm thứ 23, chủ súy nước Thanh là Phùng Tử Tài khẩn tư cho thành Tuyên giúp việc dẹp giặc. Bá Nghi cùng với Đào Trí, hiệp trù việc lương thực không được kế tiếp, Phùng súy có phàn nàn, Trọng Bình đem việc tâu lên. Vua bèn lấy lại chức tước, gắng sức báo hiệu chuộc tội. Trọng Bình lại tâu nói: Bá Nghi đã bị cách sai bảo không tiếng, khó mà đền được lỗi; và tự đó tới nay, giải biện lương và thuốc đều đã khá đủ, cũng là có tâm cố gắng; Vua chuẩn cho khai phục bố chính ở Sơn Tây, Bá Nghi cho việc khai phục là do lời xin của Trọng Bình, tự bày tỏ chưa có thực trạng, xin từ. Vua nói: Thưởng phạt ở tự triều đình, há có phải người xin được ư? Không cho. Tháng 4 năm ấy, chết ở chỗ làm quan, vua rất thương, cho khai phục lại hàm tổng đốc, cấp tiền tuất, cho quan địa phương bắt dân hộ tống quan tài về quê.

Bá Nghi trải làm quan khắp trong ngoài, hầu 40 năm, ở triều giữ việc cáo sắc nhà vua, ra ngoài coi một phương diện. Văn học đủ dùng, chính thuật khả quan, hai lần tổng đốc hạt Sơn Tây, công lao tỏ rõ, tới nay người dân địa phương ấy vẫn còn truyền tụng.

*

Nguyễn Trọng Thao

Người trấn Thanh Hóa, tổ là Đống làm tả đô đốc Dĩnh quận công đời Lê, cùng với thống đốc Đình Phổ là anh em con chú con bác họ. Trọng Thao năm Gia Long thứ 14, ra đầu quân.

Minh Mạng năm thứ 5, làm suất mộ, bổ làm suất đội 5, cơ Hiệu thuận nhất. Nhiều lần có công từng thăng phó quản cơ, lại phó vệ úy ở Tả vệ Nam Định, rồi bổ quản cơ Tả cơ, phái theo việc quân ở Sơn Âm thuộc Ninh Bình.

Năm thứ 20, thiên phó vệ úy vệ Diệu vũ thuộc doanh

Digitized by Google

Long vũ.

Đầu năm Thiệu Trị, trải làm phó lãnh binh ở 2 tỉnh Hà Tĩnh, Ninh Bình; lại bổ phó lãnh binh Sơn Tây, tiến dẹp đám thổ phỉ là Nhàn Thạch có công.

Năm đầu Tự Đức, cho triệu về bổ làm chỉ huy sứ ở ty Đô chỉ huy sứ vệ Cẩm y, rồi thăng làm chưởng vệ, quyền chưởng Kinh thành đề đốc, kiêm lý công việc ở phủ Thừa Thiên.

Năm thứ 7, ra lĩnh đề đốc Hà Nội, chuyển lĩnh trấn phủ Hưng Yên.

Năm thứ 12, vào kinh bổ làm thống chế doanh Hùng nhuệ.

Gặp lúc ở Trà Úc có biến động, đem quân đến phòng giữ cửa ải Hải Vân; rồi sau đổi đi quân thứ Gia Định, sung làm đề đốc quân vụ, chết ở nơi quân thứ, thọ 59 tuổi, sau liệt vào thờ ở đền Hiền Lương.

*

Hồ Viêm

Người huyện Phong Phú, tỉnh Quảng Bình. Viêm sức khỏe hơn người, mỗi bữa ăn bằng bảy tám người ăn, thuở nhỏ tập võ nghệ.

Minh Mạng năm thứ 4, ra đầu quân làm binh tỉnh ấy, rồi đổi dồn vào đội 5 ở vệ thủy sư kinh kỳ, trải làm đội trưởng, suất đội, thăng mãi đến phó vệ úy.

Khoảng năm Tự Đức, thăng vệ úy vệ Long thuyền.

Năm thứ 11, cất bổ chưởng vệ, quyền chưởng ấn triện ở doanh Hổ uy.

Năm thứ 14, phái đi khám xét các nơi phòng thủ ở ngoài biển, từ Quảng Bình trở ra, gặp có bọn quân giặc ở mặt nước thuộc Quảng Yên tụ họp cướp bóc các phần ngoài khơi. Vua

Digitized by Google

cho Viêm là người mạnh giỏi tường am luyện đường thủy, sai kíp tới quản lĩnh binh thuyền của Nghệ An, Thanh Hóa, chở tới Quảng Yên trù liệu cơ mưu đánh dẹp. Đến khi giặc mặt nước tạm yên, cho rút về được thăng Thủy sư đề đốc.

Năm thứ 18, sung làm Bắc tào chuyển vận sứ.

Năm thứ 21, cất làm thống chế doanh Hổ uy quyền chưởng Tả quân, kiêm quản Hậu quân. Chưa bao lâu, vì ốm xin nghỉ việc rồi chết, thọ 71 tuổi. Con là Huân nay làm suất đội ở kinh binh; cháu là Toại đỗ tú tài.

*

Nguyễn Thế Trị

Người huyện Thuận Xương, tỉnh Quảng Trị, là con Thế Chân làm đề lĩnh Quảng Trị.

Minh Mạng năm thứ 16, đỗ đông tiến sĩ thụ hàm Hàn lâm viện biên tu.

Năm thứ 17, phái đi hậu bổ ở Bình Định.

Năm thứ 18, quyền nhiếp việc phủ An Nhân, rồi lĩnh tri phủ, khi đủ hạn, thăng làm chủ sự, đổi về làm ngự sử ở đạo Nam Nghĩa.

Năm thứ 21, thăng thự Lễ khoa chưởng ấn.

Thiệu Trị năm thứ 1, lĩnh án sát sứ ở An Giang, đổi sang Vĩnh Long.

Năm thứ 3, có đại tang về quê rồi chết ở nhà.

Con là Thế Trạch ấm sinh tú tài, làm tri huyện ở Hương Sơn.

*

Nguyễn Đức Hoan

Người ở An Thư, phủ Hải Lăng, đỗ cử nhân khoa Mậu Tý. Năm Minh Mạng thứ 16, khoa Ất mùi đỗ đồng tiến sĩ,

Digitized by Google

tự lúc bắt đầu thụ hàm biên tu, trải làm quan đến tuần phủ tỉnh Khánh Hòa, bị việc phải miễn quan. Con là Di đỗ cử nhân. Trước đây chưa có ai đỗ tiến sĩ, khoa ấy Đức Hoan cùng Thế Trị cùng đỗ một bảng, thực là khởi đầu khoa tiến sĩ ở tỉnh ấy.

Digitized by Google

QUYỂN 28

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XVIII.

- Thân Văn Quyền
- Thân Văn Duy
- Thân Văn Nhiếp
- Như Bá Sỹ
- Nguyễn Thu (phụ chép con là Giản, em họ là Nhân, cháu họ là Vỹ)
- Nguyễn Quốc Trạch
- Phan Tịnh
- Nguyễn Hiên.

*
* *

Thân Văn Quyền.

Tên tự là Dụng Trung, người ở huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên. Tiên tổ trước làm nhà ở xã Nguyệt Biều, huyện Hương Thủy. Quyền lúc nhỏ thông minh ba đời có tiếng là văn hay. Gặp loạn Tây Sơn, không chịu ra làm quan, ẩn cư dạy học, chuyên tâm về lý học, học trò nhiều người theo học. Đầu năm Minh Mạng, đại học sĩ là Trịnh Hoài Đức cho đem tên Quyền tâu lên, được bổ thụ làm giáo thụ phủ Thăng Hoa, là đặc cách chọn bổ vậy. Văn Quyền làm giáo thụ, chuộng chính học tập tục của kẻ phu cả biến đổi, nên trong bài khải mừng, có câu rằng: "Nguyệt Biều nhất đái thủy, bắc lai chi cuồng lâng nan dao; hoa ốc kỷ gian sương, tây hạ chi mê trần bất nhiễm" nghĩa là: một dải nước Nguyệt Biều, sóng dữ từ Bắc lại khó mà lay chuyển, mây làm nhà che sương, bụi mê ở Tây xuống không nhuốm bẩn, cứ như câu ấy đủ biết được

Digitized by Google

đại khái. Bấy giờ Quốc tử giám tư nghiệp là Nguyễn Đồng Sở vì khóa mùa xuân cân nhắc mất công bằng phải biếm chức, tham tri bộ Lễ là Hoàng Kim Hoán đến Quyền sung cử đổi thự tư nghiệp, tới kỳ khảo hạch, không có ai được hạng ưu. Vua cho Văn Quyền rèn luyện không đôn đốc, giáng làm Lại bộ chủ sự; rồi thăng làm thừa chỉ. sung chức giản tập ở Dưỡng chính đường. Chưa được qua một năm, cất làm Thị độc quản lý phòng văn thư.

Một hôm vua cùng các quan, bàn luận nghĩa lý trong kinh, có bảo Văn Quyền rằng: "Sách Luận ngữ có câu nói: "Ta không thể đi bộ để lấy xe của ta mà làm cái quách", thế thời nhà đức Khổng tử không có vật gì khác nữa ư? Cứ phải xin cái xe ấy làm được ư" Quyền thưa: Phần chú thích cho là mua cái xe ấy. Vua nói: Về chú thích ngày xưa đã đành là thế, nhưng trẫm tưởng là xin cái xe là xin gỗ ở cái xe ấy làm cái quách, chú thích đó cổ không có ý ấy, nên mới nghi đó thôi?

Năm thứ 8, cất làm Thượng bảo khanh, vẫn coi Văn Thư phòng như cũ.

Năm thứ 9, đổi bổ thị lang bộ Hộ, thăng thự hữu tham tri, gặp có tên buôn xảo quyệt là Liệu Ninh Thái (tên người khách buôn nước Thanh) lập mưu muốn lĩnh trưng quan thuế ở Bắc kỳ, tả tham tri là Lý Văn Phức hối lộ 100 lạng bạc, vì họ đề đạt thay hộ. Việc vỡ ra Phức bị tước chức, mà Quyền thì sau khi việc xong mới nhận tiền, phải giáng làm Hàn lâm thị độc.

Năm thứ 11, ra làm Tham hiệp ở Quảng Bình, rồi Thự hiệp trấn, sung phó chủ khảo trường Gia Định, lại đổi sang Thị lang bộ Hộ.

Trước đây, cục Bảo tuyên ở Bắc thành đúc tiền phần nhiều thiếu hụt, bộ Hộ đều ghép vào tội. Quyền cho Viên ngoại là Lưu Công Nghị và Tư vụ là Nguyễn Doãn Thông mới tiếp làm việc đúc tiền. Chưa được bao lâu, tâu xin liệu giảm cho.

Digitized by Google

Vua bảo Quyền là lập bè lũ để mua chuộc tiếng thơm, phải cách chức để gắng sức chuộc tội. Rồi lại khai thụ hàm biên tu, sung chức giáo tập ở nhà Quảng phúc, 2 vị vương là Thương Sơn, Vỹ Dã lúc nhỏ cũng đều tới học. Trải thăng thị độc học sĩ, ra làm án sát sứ ở Tuyên Quang; được hơn một tháng cất lên bổ Thị lang bộ Hộ, sung biện việc Nội các.

Năm thứ 15, án sát sứ ở Hưng Yên là Nguyễn Trữ, nhẹ dạ nghe lại dịch rút bớt khẩu cung của kẻ phạm. Tuần phủ là Phan Bá Đạt chỉ tên tham hặc, án nghĩ phải tội đồ. Vua cho không có tang chứng hối lộ, đặc cách cho đổi hàm, cách chức bắt phải gắng sức báo hiệu chuộc tội. Văn Quyền cho Trữ là tiến sĩ xuất thân, tâu xin giảm cho nhẹ hơn. Vua lại ghét là che chở, sai vệ sĩ lôi ra sắp chém bỗng sai đem giam khóa, chờ đến mùa thu xét xử, rồi được tha ra, đi theo tàu thủy sang Lã Tống ra sức chuộc tội.

Năm thứ 17, lại khởi phục hàm tư vụ. Năm thứ 18, cất làm án sát sứ ở Gia Định, đổi thự bố chính sứ ở Định Tường, rồi chết. Thọ 67 tuổi, được truy thụ làm Bố chính.

Về văn học Văn Quyền chủ trương nghĩa lý, thơ văn không làm nhiều, nhưng cũng có câu hay, Như bài "Ký sự khi đi sang đông" có câu rằng: *Phiên âm* "Hồi đầu Lã Tống sầu biên nguyệt. Tiền lộ Trà Sơn mộng lý xuân" *Dịch nghĩa:* Ngoảnh lại Lã Tống thấy trăng ngoài biên mà sầu, Trà Sơn trước mặt vẫn mộng tưởng luôn. Lại có câu rằng: Phiên âm "San lĩnh lương phiêu thôi viễn lãm, Hà Ky tàn nguyệt chiếu lai chu", dịch nghĩa: gió mát ở núi San hô thổi lại như giục thuyền xa dất dây về, trăng tàn ở bến đã soi vào chiếc thuyền ở xa đến. Dẫu không do chân khoa cử mà văn thân quyền quý đều biết tiếng cả. Sau khi chết, Thương Sơn vương có lời viếng rằng: "Đạo vị tiên sinh thủ, danh tòng hậu bối khoa" dịch nghĩa: Đạo đức thì tiên sinh giữ, danh tiếng thì bọn hậu bối suy tôn lên. Vĩ Dã vương cũng khen là hiểu rõ ý nghĩa

Digitized by Google

sâu sắc của các kinh. Ấy được người ta tôn mến là thế. Con là Văn Duy, Văn Nhiếp đều có truyện riêng. Tới nay con cháu vẫn kế tiếp đỗ đạt làm quan là một họ có danh tiếng ở Xuân Kinh.

*

Văn Duy.

Văn Duy lúc nhỏ thông minh khác thường, năm 12 tuổi, thường làm bài thơ "tảo mai" (mai nở sớm) có câu rằng: Phiên âm: "Song điệp vị tri hương lĩnh tín, bách hoa phương hận chiếm xuân trì". Dịch nghĩa: Đôi bướm chửa hay tin hoa đỉnh núi hương đã ngát. Trăm hoa đương giận là chiếm xuân chậm hơn. Người ta đều chắc là ít có.

Gia Long năm thứ 18, đỗ hương tiến (cử nhân) mới 24 tuổi, do hành tẩu bộ Hộ, trải thăng đến Thiêm sự.

Minh Mạng năm thứ 7, sung làm Đổng lý thanh tra ở sở Nội tạo.

Bấy giờ ở bộ Hình phần nhiều hình phạt không đúng mắc tội cả. Vua cho Văn Duy đổi bổ sang thiêm sự bộ Hình, nhân bảo Duy rằng: Người ta nói: "kẻ sĩ khi không may phải làm hình quan" nếu đúng như lời nói ấy, thì bộ Hình chả nên đặt nữa, mà người làm tôi có chọn việc để làm trung ư? Đó là lời nói không có bằng cứ đấy thôi. Tự trẫm xem ra, nơi lao tù là nhà phúc đường, người làm hình quan biết giữ lòng công bằng khoan thứ, có người nào oan uổng phải xét cho rõ lý, thời cái phúc cứu sống người còn hơn dựng ngôi tháp 7 từng nhiều lắm. Người ở bộ Hộ, có tiếng là mẫn cán, trẫm biết đã lâu. Nay ở pháp tư nên vì trẫm chia lo, chớ thấy người trước bị tội mà sờn lòng. Chưa bao lâu, thăng thự Thị lang.

Năm thứ 8, thổ phỉ ở Nam Định là Phan Bá Vành ngông cuồng khởi loạn, quan quân đánh dẹp lâu chưa yên được. Văn Duy mạnh bạo dâng sớ xin đại lược rằng: "nay thổ phỉ ở Bắc

Digitized by Google

thành tụ họp quấy nhiễu cướp bóc, xếp đặt công việc, lại phiền nhà vua lo nghĩ; sở dĩ sai tướng đem quân thực muốn dẹp giặc yên dân, thế mà bọn giặc vừa tan lại tụ ngay, thần chưa thể hiểu được cái đó. Vả lại, 2 hạt Đông Nam, đói thời vừa bán thóc ra, vừa cho vay, kém thời thuế khóa tha giảm. Là người vốn có lương tâm trời phú cho, há lại không có bụng tôn thân ư? Huống hồ bọn giặc như giống quạ, giống hươu chóng hợp, chóng tan, không so sánh như địch quốc được. Mà tướng lão luyện, quân tinh nhuệ của triều đình, không phải là không có khí khái kình địch với giặc, thế mà việc thành công còn chậm đến hàng năm hàng tháng. Đó lại là chỗ thần chưa hiểu ra sao? Thần dẫu việc quân lữ chưa học, nhưng tình trạng của hạ dân hoặc có thể hỏi han được, oai đức của triều đình hoặc có thể tuyên dương được, xin được theo đi làm việc ở nơi hàng trận, để mong báo hiệu chút đỉnh một phần trong muôn phần chăng?

Vua khen là giỏi và cho đi đổi sang thự bộ Binh quyền biện binh tào ở Bắc thành kiêm tham biện việc trận mạc. Đến khi bình hết giặc, triều đình nghĩ đến việc làm cho sau này được tốt, cho thống chế lĩnh trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Văn Hiếu và Hình bộ Thượng thư là Hoàng Kim Sán sung làm Kinh lược chánh phó sứ, cho Duy làm Tham biện để vỗ yên những nơi điêu tàn, sửa sang lại quan lại, việc điều đâu ra đó (đã chép ở truyện Kim Sán). Khi xong việc triệu về úy lạo và thưởng thêm 1 cấp đổi làm Thị lang ở 2 bộ Hình và Lại.

Năm thứ 9, ra làm bộ tào ở Bắc Thành, rồi đổi làm hiệp trấn ở Thanh Hóa. Chưa bao lâu, bị ốm chết, thọ 33 tuổi. Vua rất tiếc, cho 50 lạng bạc, 100 quan tiền và 30 tấm vải lụa, sai trấn thần cho quân đi đường bộ đưa quan cữu về chôn cất.

Văn Duy lấy tài học, được vua biết đến, cất nhắc không theo thứ tự, cùng ngang tiếng với Hà Tôn Quyền, Lý Văn

Digitized by Google

Phức ở Bắc thành. Người bấy giờ có câu ca rằng: "Họ Thân, họ Lý, họ Hà trong nước không có nhiều, họ Thân, họ Hà, họ Lý trong nước không có mấy, họ Hà, họ Lý, họ Thân trong nước không ai bằng", được mọi người bàn khen như thế, nếu trời để cho sống thêm ít năm nữa thì tác dụng há có thể lường được ư? Con là Trọng Tiết, năm Tự Đức thứ 4, đỗ tam giáp Tiến sĩ, làm quan đến Tập hiền thị giảng; con Trọng Tiết là Trọng Điềm, Trọng Khoái, Trọng Lẫm đều đỗ Hương tiến; Điềm làm đến Quang lộc tự thiếu khanh, hộ lý phủ Nội vụ, Khoái làm Giám sát ngự sử đạo Hữu trực (đã chua ở trên) và Lẫm làm Tri phủ phủ Tuy Hòa.

*

Văn Nhiếp

Tên tự là Ngưng Chi, hiệu là Lỗ Đình. Lúc nhỏ chăm học, phóng khoáng, có chí lớn. Thiệu Trị năm thứ 1, đỗ hương tiến, do hậu bổ tỉnh Khánh Hòa, rồi lĩnh tri huyện huyện Tân Định, ở tỉnh cho là người thanh liêm tài giỏi, đề cử lên, bổ Hàn lâm viện trước tác, sung Nội các hành tẩu. Hôm sau hôm vào Các, vua ra ngự ở Đông Các cho tuyên triệu vào dụ rằng: Ngươi là con thứ mấy của Thân Văn Quyền? Tuổi bao nhiêu? Có biết làm thơ không? Lại ngoảnh lại bảo viên các trưởng là Nguyễn Cửu Trường rằng: Nhiếp là con nhà thế gia có học, mới vào các hoặc có sự tới lui chưa quen, nên bảo cho biết. Năm Tự Đức thứ 1, thăng Thừa chỉ.

Năm thứ 2, mới đặt tam kinh duyên, đổi làm Thị giảng ở viện Tập hiền sung chức Khởi cư trú. Vua thường đi du hạnh quan ở kinh duyên, dâng sớ can có câu rằng: Thôi điệt vị ly ư Dực thất, du quan dĩ khởi ư hậu hồ, nghĩa là sô gai chửa rời nơi Dực thất, chơi xem đã chớm ở nơi hậu hồ. Vua sắc bảo: Lại là thủ bút (tay viết) của Văn Nhiếp. Rồi thăng Thị đọc, đổi làm độc học Gia Định.

Năm thứ 5, thự án sát sứ ở Bình Thuận, lại đổi đi Bình

Digitized by Google

Định. Có dâng sớ trình bày về chính trị khiếm khuyết đại lược rằng: nhà thủy tạ hứng mát, dẫu rằng tạm thời tiêu khiển, mà kéo dài đến hàng tuần. Vườn sau đua ngựa, dẫu rằng tập khó nhọc, học nghề võ, mà thực thì rong ruổi làm vui. Đến như việc công tác, nói là đình hoãn rồi có lúc lại thấy làm. Gỗ cây hết, không được đặt giá mua của dân, đặt giá mua thì hạ dân càng tỏ ra quẫn bách; sức binh mỏi, không được không trốn tránh, trốn tránh thì số binh càng thấy không hư. Lại gần đây, mua hàng hóa của nước Thanh, hàng năm kể có bạc vạn; hỏi han đồ châu báu, khắp cả các tỉnh. Khoa đạo tâu nói thì thường sức hỏi bắt tâu trả lời. Kể ra, có người can ngăn chứng thẳng, càng thấy thánh nhân biết khoan dung; có người can ngăn u tối, càng thấy thánh nhân hay hỏi, dẫu ý kiến của kẻ thấp hèn, đâu dám đọ với bậc cao minh, mà lời nói trái ngược cũng có bổ ích được tý chút. Nếu mỗi khi vặn hỏi, phải tới cùng lời, sau muốn dâng nói, lại sợ phải tội, không phải là để thông đạo trị mà suốt hết tình dưới vậy. Nay xin triệt nhà thủy tạ, bãi hết công dịch, hủy vườn hậu phố mà chẳng cần ngựa hay, bỏ việc đặt giá mua để thư sự đau khổ cho dân, xa con hát, để sự tăng nghe được đoan chính. Các thần công tâu can điều gì nên dùng thì tiếp nhận, điều gì không dùng được thì bỏ đó. Người ta bảo rằng "cầu trời ở trời, chi bằng cầu trời ở tâm". Tờ sớ dâng vào, vua quở và báo là trình bày những việc cũ, những câu sáo hủ, nhưng không bắt tội. Văn Nhiếp lại trình bày xin tự nay hễ xét án đình lậu thì trong khi lấy khẩu cung bắt kể có gia sản hay không, cam kết cho rõ, nếu có gia sản thì chiếu lệ cho đăng vào sổ, không có gia sản thì chiếu án phát lạc, giao về nơi nguyên ngụ bắt phải quản nhận. Vua cho lời xin có thể dùng được. Giao bộ Hình phúc bàn lại cho thi hành.

Năm thứ 6, đổi thự Hồng lô tự khanh, tham biện việc Các. Chưa bao lâu, đình thần đề cử làm Quốc tử tế tửu. Vua bảo: Nhiếp mới vào Các, làm việc cũng chăm khá, không nên

Digitized by Google

vội bổ chức khác. Chưa được đầy năm, đổi làm Biện lý bộ Lễ, đứng đốc xây dựng bảo thành ở Hiếu Lăng; lại kiêm giữ ấn triện tự Đại lý. Bấy giờ Tham tri bộ Lại là Hoàng Thu có đại tang, chuẩn cho nghỉ 4 tháng. Nhiếp cho trái lệ, có hại đến lễ giáo, xin cho theo lệ (12 tháng) để tang, khiến cho kẻ dưới nghe thấy đều rõ chí ý về giáo hiếu tác trung của triều đình. Vua cho là phải. Vừa gặp có cái án dân ở hai tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình tranh nhau trưng ruộng đất. Hai tỉnh ấy khám xét phân xử hơn 10 năm chưa xong. Vua sai Nhiếp tới tra xét chỉ hơn 20 hôm là xong. Khi về bổ làm Hồng lô tự khanh, lĩnh bố chính sứ ở Vĩnh Long. Chưa bao lâu, tháng Thái bộc tự khanh, rồi đổi về biện lý bộ Binh, đổi đi thự bố chính Quảng Nam.

Năm thứ 11, mùa thu, tàu Pháp chở tới cửa biển Đà Nẵng, quan quân đại đội ngăn dẹp đang lúc khẩn cấp, Nhiếp ngày đêm mưu tính ổn thỏa. Nhiếp ở Quảng Nam ba năm có những bài sớ như tâu xin đem tiền thóc dân đã vay ấy, cấp cho dân làm vốn để làm kho của xã, và phát chẩn cứu tế cho dân đói, lại cố chấp lời tâu trước về việc phái nhân viên kiểm tra các thuyền ở sông và xin đình phái viên đi mua các vật hạng, cho buôn bán có nơi. Vua phần nhiều tiếp nhận cho thi hành.

Năm thứ 14, Nam Kỳ có biến động, viên Phủ thừa phủ Thừa Thiên là Nguyễn Túc Trưng trình bày xin cho mộ lính nghĩa dũng tòng quân, lại cho Nhiếp là người tài năng, sức khỏe, trí thức đủ cả, trước đây ở Định Long sĩ phu vẫn tín phục, xin cho cùng đi. Vua bèn đổi bổ Nhiếp làm Binh bộ Thị lang sung làm Hiệp tán ở quân thứ Biên Hòa. Nhiếp tới quân thứ, đem tình hình và sự thể chống giữ tâu lên. Vua cho là lời tâu bày có kiến thức thao lược, lại hay cảm kích hăng hái. Nên cho được hết lòng mà làm cho ổn thỏa. Rồi sau tỉnh Biên Hòa không giữ được phải cách lưu. Kịp lúc hòa

Digitized by Google

nghị đã thành, đổi làm bố chính sứ ở Bình Định. Nhiếp về tỏi bình Thuận, bị bệnh xin về quê.

Năm thứ 16, Vua cho Nhiếp là người cứng ngạnh có học thức, đổi làm Thị lang bộ Lại, tham biện công việc ở viện Cơ mật.

Năm thứ 17, cùng với Biện lý bộ Binh là Nguyễn Văn Tường đi khắp 9 châu trong hạt Quảng Trị dò xét dân tình địa thế. Khi xong việc trở về, thự tham tri bộ Binh, hộ lý tổng đốc Bình Phú. Bấy giờ dân ở Quảng Ngãi, Bình Định bị đói phải lưu tán kiếm ăn, lại nhân mưa lụt phần nhiều mắc bệnh. Nhiếp thông sức cho sở tại đưa đặt người ốm về nghỉ ở quán chợ, chi tiền công mua thuốc để chữa và nấu cơm cháo nuôi nấng; rồi đem tình hình tâu lên.

Năm thứ 18, đình thần bàn bỏ cấm thuốc phiện mà đánh thuế nặng. Nhiếp ba, bốn lần trình bày cho là không nên. Nhưng các tờ sớ ấy bỏ đó, không thi hành. Nhiếp lại dâng sớ nói về công việc sửa sang đồn bảo ở Thi Nại, hiện đã khám xét trù tính rồi, đến như việc thuê thuốc phiện không nên nghe theo thỉnh cầu chút nào, để người lính trưng trả lại không thu nộp nữa. Đó là nhân giữ chức để cho thuế khóa của nhà nước thiếu hụt và vì tình hình ốm đau xin cáo. Tờ sớ dâng lên, Vua phê bảo: Tỉnh Bình Định là một địa phương lớn ở Tả Kỳ [1] ngươi là dòng dõi thế thần, cũng có thể làm nổi công việc trên thời trẫm chuyên ủy thác cho, dưới thời thuộc đều tín trọng, cốt nên hết sức mưu để báo đáp, mới phải. Thế mà sau khi ngươi từ trong Nam trở về, thường cáo ốm tránh việc, tựa hồ có ý bất mãn, sao lại trái ngược mà lại kiêu ngạo trách móc. Cứ một việc ấy, đã không phải nghĩa của người làm tôi, lại không phải là người có đạo học. Hơn nữa, lời lẽ trong tờ sớ phần nhiều lúc câu kín hở, như việc sửa sang phòng bị ở cửa biển, là chức phận nên làm; không

(1) Tả kỳ: Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa.

Digitized by Google

cho người khách nước Thanh tự tiện tới nhà, dân thu thuế thuốc phiện cũng là phải. Nhưng cái ý chia bai xương dượng ngầm, chỉ thấy là người hẹp hòi bạc bẽo, trẩm rất không bằng lòng. Bậc tiên nho thường nói: Dẫu có đức nghiệp công lao như Chu Công, cũng chẳng qua phận sự là người làm tôi. Lại như Hàn Kỳ đời Tống, từng cố sức can ngăn về việc làm pháp nơi không hợp, có câu nói rằng: "Kỳ là cựu thần vì nghĩa không thể im lặng được". Tới khi không thấy nghe thì lập tức hiểu dụ thuộc viên tuân hành. Lại nói: "Kỳ là một chức Quận thú, dám đâu không theo lệnh," sao mà thuần thế. So với Chu Công cố nhiên không thể bì tỵ, nhưng ngươi ví với Hàn Công thì như thế nào? Đã nhiều lần phê bảo, há không biết ư? Sao chỉ biết trách người, mà không biết tự xét mình. Nên nghỉ lại cho kỹ. Nếu ốm không thể làm việc được, cho tạm nghỉ tĩnh dưỡng, công việc tạm giao cho bố, án hội làm. Khi ngươi khỏi ốm lại cung chức như cũ, quyết không nên lấy việc tư làm trở ngại việc công, bàn xằng can tội.

Năm thứ 19, thăng bố Tuần phủ, nhưng vẫn hộ đốc. Tới khi nghe trong kinh có biến loạn về tên Trưng tên Trực, dâng sớ trình bày về kế tự cường tự trị, đại lược rằng: Thần nghe những việc ngang ngược, là giúp cho người quân tử được tiến đức. Nhà nước ta tám chín năm nay gặp biến cố luôn, ở trong nước thì thủy hạn tật dịch, dân trông nhìn vào đâu mà sống được, ở ngoài thì Nam, Bắc xâm lấn tơi bời, bồi tiền cắt đất. Đây chính là lúc kẻ thần tử phải hiến thân hết sức, mà là ngày nhà vua nên nằm gai nếm mật vậy. Thế mà gặp việc lại cho là ngẫu nhiên, chưa thấy thực sự tu tỉnh bổ cứu. Mà pháp lệnh thay đổi, chỉ suy bì về lợi, không lo tính xa. Gần đây, ngay ở kinh sư phát ra những nghịch án không phải là việc nhỏ. Kể ra, biến cố sinh ra không cứ việc gì mà khởi ra, không cứ một việc gì mà thôi đi được. Chỉ có việc nào cũng kinh cẩn, lúc nào cũng kính cẩn. Kinh Thư có câu nói: Oan tự sinh ra há ở nơi sáng tỏ, nên sự không thấy phải tính

Digitized by Google

đến. Nay đã sáng tỏ rồi há chẳng gấp mưu toan ư? Chỉ cốt ở trong tâm thôi. Mà chính sự của ta hay hay dở, nước láng giềng chửa từng chẳng rình chỗ hở của ta, để xen vào cái lo của ta, rất đáng sợ. Cúi mong nhà vua dốc ý cố gắng để tâm lo nghĩ ở nơi cung khuyết 9 lần tôn nghiêm, thì nghĩ đến xứ Nam kỳ cửa nhà bị thiêu hủy, ngấm nghía lầu gác ở lăng tẩm rực rỡ thì nên nghĩ đến mồ mả của dân Nam kỳ bị phá hủy; ăn đồ ngọc thực của Thượng phương dâng tiến, thì nghĩ đến thổ sản ở Nam kỳ có còn gì không? Vỗ về dân đâu há ở nơi kỳ phụ, thì nghĩ đến dân ở Nam kỳ có ai chẩn tuất không? Nghĩ đi rồi lại nghĩ lại, tự nhiên có thể cảm động được lòng thánh thượng, hăng hái lo xa, phàm việc gì không cần cấp, chính sách không tiện lợi, cho đến việc dùng người nuôi quân, bỏ xa xỉ, chuộng kiệm ước lần lượt thay dây đổi vết bánh, để được hay cả. Nhưng trước hết phải bãi việc đi Đông đi Tây, triệu các nhân viên đi mua những phẩm vật trở về, tàu máy rút về cửa biển Thuận An để phòng bị tuần tiễu. Những lính sai đi làm việc, khoan cho sức làm, chớ đốc trách quá, cốt mong thực bụng thi hành. Tiếng tăm đồn đến đâu đều thỏa thuận lòng người. Lòng người đã cảm theo, thì lòng trời cũng thuận giúp, mà gốc nước được vững bền yên ổn mãi vô cùng. Xưa có câu nói rằng: Nhiều nạn mới dựng được nước, lo nghĩ nhiều mới sinh ra thánh đức, là thế đó. Nếu coi là tầm thường, thì cái lo sau này sự chưa thôi đâu. Thần tuổi già lại ốm, há dám nghĩ đến việc rút lui, vì tấm lòng khuyển mã không thể thôi được. Cúi mong rủ lòng soi xét, nếu có được câu gì thì xin kíp cho thi hành. Nếu cho là cuồng rỡ nói càn, thì cách chức, làm tôi cũng không dám trách.

Vua phê bảo: Nói đơn giản mà thiết thực, có thể gọi là kỳ vọng cho vua biết khó làm được. Tâm lực của ta thế nào? Đã có mặt trời soi xét và mọi người đều biết, không dám nói gì.

Digitized by Google

Năm thứ 21, thăng thụ Tổng đốc. Bấy giờ, vua thường đi chơi ngự công việc xây dựng kế tiếp. Nhiếp lại tâu nói: "Từ xưa người trị quốc gia, mà biết lo lắng siêng chăm thì thường thấy nguy biến, nếu nhàn rỗi vui chơi thì thường thấy yên ổn. Thường thấy nguy biến là gốc tri trị, thường thấy yên vui là mầm họa loạn. Mã Chu đời Đường dâng sớ có nói rằng: "Khi xưa đời Tùy lúc chưa loạn, tự cho là không bao giờ có loạn; chưa mất nước, tự cho là không bao giờ mất nước". Thế mà loạn vọng theo ngay, việc chia ra an nguy, tồn vong, là chỉ do ở bậc nhân chủ một lòng kính sợ hay càn giỏ đó thôi. Thần cúi thấy sự thế ngày nay, là thời đại nào ư? Bờ cõi cũ chìm mất, giặc Bắc lan tràn, nắng lụt gió bão, chỗ nào cũng báo có tai biến sức kiệt, của hết, dân không lấy gì mà sống được. Lại nói Kỳ phụ lay động, loạn lạc nổi lên, cái thế an nguy, thực không những trăm điều lo mà thôi đâu. Thế mà gần đây công việc xây dựng kế tiếp tha hồ xa xỉ không thôi, làm ngôi lăng "Vạn niên cơ" so với lăng Thiên Thụ không những tốn gấp 10 lần; lại ngói đen gửi mua ở Hạ Châu, giấy mỏng làm trò gửi mua ở nước Thanh, gấm bóng, đồ uống, nhiều năm phái đi mua sắm, đờn Tây Dương, vải Tây Dương, năm nào cũng có thanh đơn trả tiền. Lại khi tuần hành, cung nữ chèo thuyền, đó đều là từ trước tới giờ chưa từng có, mà thấy luôn trong khoảng 4, 5 năm nay. Lại, nay lâu ở trong cung mới xong, lần để thuyền sông mới làm. Đương lúc hạn hán tai ương, gạo thóc cao giá, mà chẳng chút giảm bớt. Xưa kia, Hán Văn đế tiếc trăm lạng vàng không xây lộ đài, và nói: "Ta phụng thờ tiên đế quả là thường vẫn sợ thẹn, xây đài làm gì?" Hoàng thượng ngày thường vẫn mong bắt chước như Văn đế, thế mà hiện nay hành động lại trái ngược quá. Cho dân lao khổ để làm vui, vung tiền của để cho thích. Cốt muốn vượt khuôn phép trước, để khoa mẽ sau này. Sẽ muốn kéo dài việc chơi bời để hưởng hết tuổi trời, chẳng cũng bảo rằng có thương hại gì đâu ư? Mà không biết bụng nghĩ ấy

Digitized by Google

đã lưu ở việc làm phồn hoa du đãng, lòng người ta oán, đường sá vang rầm, sẽ không thể cứu chữa được. Thần, sợ lòng người ly tán, đến lúc ấy dẫu có lầu rộng gác cao, không nhàn hạ đâu mà du thường nữa. Nhà vua có nước mà không biết thương xót, thì thần dân đâu chịu tiếc cái chết. Đã nhiều lần dâng sớ, chưa thấy đổi thay. Nay lại xúc phạm những điều kiêng kỵ, xin giao cho quan tư khâm kết thần tội chết, để chính cái tội của thần, mong thấy động đến nhà vua!

Vua nói: Lời ngươi thống trách, đều là lỗi của trẫm vậy, sai Viện thần mật chép để biết. Rồi chuẩn cho được thực thụ.

Năm thứ 24, Hải Phòng sứ ở Bình Định chỉ tên tham hặc việc Nhiếp làm không đúng, phải giáng 2 cấp đổi đi, nhân đương ôm xin ở lại chữa rồi chết, thọ 69 tuổi.

Vua cho Nhiếp là người cương trực được việc quen thạo, vốn có công lao tài năng, mắc tội cũng không phải là tham tang hối lộ, gia ơn cho truy phục hàm cũ, cấp cho tiền tuất, và bắt trạm phu ở dọc đường phải hộ đưa về an táng; lại cho phủ doãn Thừa Thiên vâng mệnh đến tế một tuần.

Văn Nhiếp giữ tính cứng xẳng quả quyết, học vấn sâu rộng, làm quan trải khắp trong ngoài đến 30 năm. Những chương sớ tấu nghị, viện dẫn đủ chứng cớ, lời rất thống thiết, dẫu phạm đến điều kiêng kỵ cũng không tránh, có phong cách của bề tôi đời xưa can ngăn vua. Khi làm tổng đốc Bình Phú, Vua thường phái thị vệ mang cho sâm quế, lộc nhung và đem việc cơ mật hỏi. Nhiếp gặp việc dám nói. Vua từng khen rằng: Văn Nhiếp cùng ta vốn không phải đã quen biết cũ, nhưng lấy lòng thành thực cảm thông nhau, hay nói những câu người ta khó nói, không thẹn tiếng trung thực, hơn nữa có lòng liêm khiết, lấy bụng thành tín đãi người dưới, nên nhiều người yêu mến. Sau khi chết, Phạm Ý thay chân. Vua sắc bảo Ý rằng: Chớ để Thân Văn Nhiếp một mình chuyên được tiếng hay về trước. Cứ lời nói đó đủ biết là đã chọn sẵn rồi.

Digitized by Google

Con có 3 người: Trọng Trữ làm quan đến tri phủ phủ Tuy An; Trọng Huề làm bố chính sứ ở Quảng Nam; Trọng Thuân lấy ấm sinh sung Ký lục, rồi đỗ hương tiến. Con Trữ là Trọng Cảnh, Trọng Hốt. Trọng Cảnh cũng đỗ hương tiến làm đốc học ở đạo Ninh Thuận; Trọng Hốt lúc đầu đỗ hương tiến rồi trúng liên phó bảng.

*

Nhã Bá Sĩ.

Tên tự là Nguyên Lập, người huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông cao tổ (tổ 5 đời) là Hiền, làm đô thống chế vệ Cẩm y đời Lê. Bá Sỹ năm Minh Mạng thứ 2, đỗ hương cống, bổ làm tri huyện Tiên Lữ, nhiều lần thăng lên viên Ngoại lang bộ Hình.

Năm thứ 11, thự Lang trung, ra trông coi thuế đường ở Quảng Ngãi, bị việc phải cất chức, phái đi theo sang Quảng Đông ra sức báo hiệu chuộc tội. Rồi sau khai phục kiểm thảo, lĩnh huấn đạo ở huyện An Lạc, thăng giáo thụ phủ Hoài Đức, gia làm Hàn lâm viện tu soạn, vì ốm nghỉ việc. Đầu năm Tự Đức, được các quan đề cử, nên thường xuống chiếu cho khởi phục, đều cáo ốm xin từ.

Năm thứ 6, thăng hàm trước tác, lĩnh đốc học ở tỉnh ấy. Được ít lâu, xin về hưu, Vua cho, gặp khi giặc ở ngoài biển không yên, nhiều lần dâng sớ bày tâu.

Năm thứ 17, lại mật trần 3 chước "tiên nghi". Vua nói rằng: Người ấy mà tuổi già đáng tiếc. Chuẩn cho cùng với 2 tỉnh thần Thanh, Nghệ thương nghị việc công.

Năm thứ 20, bị ốm chết, thọ 80 tuổi. Bá Sỹ ở nhà hơn 10 năm, dạy bảo học trò, trong châu trong làng đều mến thanh giáo của ông. Sau khi mất, Vua thường dụ bảo các quan sai tiến cử người nào học hành thuần chính như Nhã Bá Sỹ, được vua chọn biết yêu quí. Bá Sỹ có trước tác: Đại học đồ

Digitized by Google

thuyết, 1 quyển; Thanh Hóa tỉnh chí, 2 tập; Việt hành tạp thảo, 2 tập; Nghị âm hãn hương 2 tập. Và những quyển: Vịnh Việt sử thi tập, Đạm trai thi văn, cùng những tập: Đạm trai quan nghị, Nghị âm biệt lục v.v... em là Án, Tố, con là Dĩ Huyễn, Tri Thuật, cháu là Duy Cơ đều đỗ hương tiến.

*

Nguyễn Thu.

Khi xưa tên là Bảo, tự là Định Phủ, người huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Cụ là Hiệu, ông là Hoản, khoảng năm Chính hòa (đời Lê Hy Tông) kế tiếp đỗ Tiến sĩ, đều làm đến tham tụng. Minh Mạng năm thứ 2, đỗ hương tiến, lúc đầu bổ tri huyện Thanh Hà, rồi thăng tri phủ Kinh Môn, bị việc phải giáng làm Tư vụ bộ Lễ, nhiều lần thăng tới Lang trung.

Năm thứ 21, bổ làm án sát sứ Hải Dương. Đầu năm Thiệu Trị lại giáng làm Hàn lâm viện thị độc, sung vào sử quán biên tu.

Năm thứ 4, pho "Thực lục tiền biên" làm xong, cất lên Thị giảng học sĩ, rồi gia Hồng lô tự khanh, sung vào toản tu.

Tự Đức năm thứ 1, thăng Quang lộc tự khanh, sung phó sứ sang Yên Kinh. Khi xong việc trở về sung làm công việc Nội các; rồi bổ hữu thị lang bộ Lại, trải làm bố chính 2 tỉnh Bình Định và Phú Yên, đổi về tả thị lang bộ Hộ.

Năm thứ 7, bổ bố chính tỉnh Khánh Hòa, khi vào từ biệt trước mặt vua để đi, Vua dụ bảo: Mưu tính công việc giữ đã. Năm sau bị ốm chết ở chỗ làm quan, thọ 57 tuổi.

Vua bảo: Thu làm quan điềm tĩnh đáng khen, sai cấp thêm tiền tuất để làm ma.

Thu là người yên tĩnh chắc chắn, chăm về soạn thuật, mỗi khi ở công đường lui về, thời ngồi yên lặng trọn ngày, bên tả đồ họa, bên hữu sách vở, tay không rời quyển sách. Trước tác có những bộ: Sử yếu, Hoàn vũ kỷ văn, Sử cục loại

Digitized by Google

biên, Quốc sử ký biên, Điển lễ lược khảo, Kinh môn phủ chí, Thanh hà huyện chí, Phượng Sơn từ chí lược, Thạch đề mộng thuyết, Tinh thiên tùy bút, Sứ trình tập ký, Anh vũ học ngôn, Biên lệ tạp văn, Tạp cú thi thảo, cộng 14 tập. Con là Giản, em là Nhân; cháu họ là Vỹ đều được nổi tiếng.

*

Giản.

Tên tự là Tuân Phủ, Tự Đức năm thứ 1, đỗ hương tiến, bổ làm tri huyện ở Thủy Đường. Gặp tỉnh Hải Dương có giặc cướp, Giản mộ quân nghĩa dũng theo quân thứ đi bắt dẹp.

Năm 19, lĩnh tri phủ ở Kinh Môn và trước kia theo quân có công, bổ Hàn lâm viện thị độc nhưng vẫn lĩnh tri phủ. Rồi đình thần xét ra có cán lược, sung làm bang biện Hải Dương tỉnh vụ và tham tán việc tuần phòng ngoài biên.

Năm thứ 24, sung làm Thương biện sơn hải phòng ở Thanh Hóa, kiêm khuyên bảo khai khẩn đất bỏ hoang ở miền thượng du. Năm sau được gia Thị giảng học sĩ, rồi sung làm Sơn phòng sứ ở Thanh Hóa, bị việc phải mất chức, gắng sức báo hiệu chuộc tội. Rồi sau tiến quân tới 2 châu Quan, Lương được thắng trận, lại khai phục Hàn lâm viện trước tác, đổi làm chủ sự bộ Lễ thăng đến Lang trung.

Năm thứ 33, sung quản lý Thương chính Hà Nội, trải làm án sát sứ Hà Nội, sau chuyển về Hà Tĩnh, vì nhiều lần bị giáng nên cáo bệnh về rồi chết. Con thứ là Lợi Cấp đỗ hương tiến.

*

Nhân.

Gia Long năm thứ 12, đỗ hương cống, trải bổ tri huyện Nga Sơn. Nhân tính vốn hiền lành, làm việc chuộng khoan hòa giản dị, không nhận đồ đưa lễ; rồi bổ tri phủ Hà Trung,

Digitized by Google

vẫn trong sạch kiệm ước như trước. Dân có việc đến kiện, đem nghĩa lý hiểu bảo, người cũng tin lời, không nỡ dối trá. Về hình ngục càng cẩn thận, khi khám xét những án nặng rất phải chăng sạch mật đảo. Sau làm đến Lang trung bộ Hộ.

*

VI.

Tên tự là Phong Phủ, cháu của Nhân, bố là Nho, đỗ hương cống, Tự Đức năm thứ 11 Vỹ cũng thi đỗ làm tri huyện Nam Trực thăng tri phủ Đức Thọ, rồi triệu vào chưởng ấn cấp sự trung; rồi lĩnh án sát sứ ở Nghệ An. Vỹ có tiếng là tài cán, năm thứ 31, sung biện công việc ở Nội các, đổi làm biện lý bộ Lại; sau lĩnh Bố chính sứ Bắc Ninh, rồi chết. Con là Lệ đầu năm Đồng Khánh làm bang biện huyện vụ Nông Cống, chết về quốc sự, được tặng hàm cung phụng.

*

Nguyễn Quốc Trạch.

Khi trước tên là Quốc Cẩm, người huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Minh Mạng năm thứ 2 đỗ hương tiến, do tư vụ bộ Lễ, bổ ra tri huyện Nam Xương, trải thăng viên Ngoại lang bộ Lại.

Năm thứ 17, cất lên làm án sát sứ Bình Thuận và hộ lý tuần phủ quan phòng tỉnh ấy.

Năm thứ 21, thăng thự thị lang bộ Hộ.

Đầu năm Thiệu Trị, chuyển làm tả thị lang, nhiều lần thăng đến tuần phủ 2 tỉnh Hưng Yên và Hà Tĩnh.

Năm Tự Đức thứ 6, quyền hộ tổng đốc An, Tĩnh, rồi vào làm tả tham tri bộ Hộ; vâng phái đi Tham biện công việc đê điều ngoài sông ở Bắc kỳ. Khi xong việc trở về, bổ làm tổng đốc Hải Yên. Gặp bọn giặc ở mặt nước thuộc tỉnh Quảng Yên làm rối loạn, lan tràn đến 2 hạt Đông và Bắc, tới vây sát đến

Digitized by Google

tỉnh thành Hải Dương. Thế giặc ngông cuồng, Quốc Trạch khuyến khích tướng tốt bày cách cố giữ. Trải hơn 5 tháng, quân cứu viện tới, vòng vây mới giải được. Khi trước được tin báo có giặc, Quốc Trạch bị khép tội về chống chọi không có công trạng phải mất chức. Sau Tổng thống là Nguyễn Tri Phương cho là có công giữ được thành tâu rõ lên, được khai phục Thị giảng học sĩ, nhân ốm xin cáo nghỉ rồi chết.

*

Phan Tĩnh.

Khi trước tên là Vĩnh Đinh, người huyện Tân Long, thành Gia Định. Minh Mạng năm thứ 12, đỗ hương tiến, đầu năm Tự Đức nhiều lần thăng đến Thị lang bộ Lễ, sung làm chánh sứ sang nước Thanh. Khi đi sứ về, đổi làm bố chính sứ Quảng Nam. Chưa bao lâu cất làm tuần phủ Hưng Hóa.

Năm thứ 7, đổi làm hữu tham tri bộ Hộ; rồi vì trước ở Quảng Nam đòi lấy thuế bạc lậu, việc phát giác ra, bị giáng 3 cấp, đổi xuống làm tham biện quân vụ ở Quảng Ngãi, đến làm thự bố chính sứ. Bấy giờ bọn ác Man ở Thạch Bích cướp bảo Thanh Lâm, Tĩnh cùng lãnh binh là Nguyễn Trường Duyệt dẹp được yên.

Năm thứ 12, quân Pháp đánh hãm thành Gia Định, đổi sung làm tham tán. Trận đánh ở đồn tả Phú Thọ, Tĩnh trúng đạn bị thương. Việc đến tai vua, cấp cho sâm quế, xạ hương, băng phiến và 30 lạng bạc; chuẩn cho cách lưu vẫn sung tham tán ngồi trong trướng bày mưu lập kế, rồi đổi làm tán lý. Mùa đông năm ấy, ốm chết ở trong quân.

Tĩnh vốn có danh vọng, vua rất thương, truy tặng hàm Tham tri, sai quan đến tế và cấp thêm cho 1 cây gấm Trung Quốc, 5 tấm lụa, 10 tấm vải và 80 lạng bạc, cùng bổ dụng cho các con.

*

Digitized by Google

Nguyễn Hiên.

Người huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, lúc nhỏ đọc sách có trí lược. Khoảng năm Minh Mạng ra đầu quân, bắt đầu bổ làm đội trưởng, theo đi quân thứ ở thành Phiên An, có công cất làm suất đội, lại đi Trấn Tây, đánh phá đồn Thiết Thăng cất làm quản cơ.

Tự Đức năm thứ 5, trải làm phó lãnh binh ở Định Tường, An Giang, rồi thăng vệ úy.

Năm thứ 12, cửa biển Đà Nẵng có biến động, Hiên lấy hàm chưởng vệ sung quân thứ tán tương.

Năm thứ 15, hộ lý tổng đốc Nam Ngãi.

Năm thứ 17, thăng bố thống chế doanh Long Vũ, kiêm quản hậu quân, trải coi Tả hữu quân. Gặp lúc Nam kỳ có việc sung làm hải phòng sứ ở Tả trực kỳ, ủy cho huấn luyện các biền binh và việc sửa sang các đồn bảo.

Năm thứ 21, mùa thu, giặc Ngô bên nhà Thanh, đánh hãm tỉnh Cao Bằng, quan quân bị thương, Vua cho sung làm Khâm sai Thái Nguyên đạo Thảo nghịch Tả tướng quân và cho 80 lạng bạc, cùng thanh gươm Vua dùng để long trọng quyền hành. Hiên tới quân thứ, cùng với Bình khấu tướng quân là Đoàn Thọ tâu bày kế sách dẹp vỗ tình hình ở ngoài biên (lời nói chép ở truyện Đoàn Thọ). Vua khen và nhận lời, đổi sung làm hiệp thống quân thứ Lạng Sơn; rồi lĩnh tổng đốc ở Định Yên.

Năm thứ 2, phái viên của Pháp là quan ba An Nghiệp đã lấy Hà Thành, đem binh thuyền rời xuống Nam Định. Bấy giờ hòa ước chưa định, Hiên ủy cho lãnh binh là Nguyễn Văn Lợi và thương biện là Phạm Văn Nghị đón đánh ở đồn Độc Bộ, không địch nổi, tàu Pháp chạy thẳng lên sông Vỵ Hoàng bắn phá rồi chiếm giữ lấy thành. Hiên bị cách chức gắng sức báo hiệu chuộc tội. Rồi sai các quan ở quân thứ

Digitized by Google

cho Hiên là vốn có công lao, tâu xin cho khai phục hàm phó quản cơ, về quê rồi ốm chết, thọ 82 tuổi, con là Oanh được tập viên tử.

Digitized by Google

QUYỂN 29

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XIX

- Hồ Uy - Nguyễn Chí - Vũ Lã
- Lê Chỉ Tín - Nguyễn Khắc Trạch
- Nguyễn Hữu Thái (phụ chép Lê Viết Huy, Đỗ Thiện Kế)
- Đào Đình Bảo (phụ chép Dương Duy Thanh, Lê Sâm, Đào Danh Văn)
- Trần Tú Dính - Trần Liên Huy
- Nguyễn Công Hợp - Ngô Văn Địch
- Bùi Quỹ - Phạm Khôi
- Trương Quốc Dụng (phụ chép Trần Huy San)
- Trần Huy Phác
- Nguyễn Đăng Huân - Ngô Thế Vinh
- Phạm Thế Trung - Tạ Hữu Khuê
- Doãn Uẩn (phụ chép con là Chính)
- Hà Học Hải
- Phạm Chi Hương

*
* *

Hồ Uy

Người huyện Phong Điền, phủ Thừa Thiên. Khoảng năm Minh Mạng, ra đầu quân, trích sung vào viện Thương trà. Thiệu Trị năm thứ 6, bổ làm Thị vệ bậc thứ 5, vì sát hạch vào hạng bình, trải thăng lên bậc thứ 2.

Tự Đức năm thứ 12, phái đến quân thứ Quảng Nam. Trận đánh ở Hải Châu có công, bổ làm Cẩm binh phó vệ úy; rồi đổi sang vệ Khinh kỵ viện Thượng tứ, sung làm hiệp lĩnh Thị vệ, ở ban trực. Hồi lâu, thăng Chưởng vệ, quyền giữ ấn

Digitized by Google

triện doanh Long vũ.

Năm thứ 19, gian dân là Đoàn Trưng, Đoàn Trực họp bọn lũ gây biến, bức hiếp thợ làm ở xưởng Dương Xuân kể có nghìn người, sấn vào cửa Ngọ môn, chuyển tới cửa Tả dịch. Viên thị vệ là Nguyễn Thịnh, chỉ huy sứ là Phạm Viết Trang đóng cửa chống cự, đều bị thương. Giặc phá cánh cửa vào đến nhà Duyệt thị, Uy ngăn chống, Trực chém phải Uy bị thương tai bên phải. Uy hô to bảo Nội giám kíp đóng cửa chái bên tả; tức thì ra hiệu lệnh gọi những người túc trực ở xứ Thị vệ, ty Cẩn tín tới bắt giặc. Bấy giờ giặc Trưng đem bè lũ ước năm sáu trăm người tới trước điện Thái Hòa sắp nghỉ vệ, gọi vệ loan giá đem kiệu ra đón Đinh Đạo. Kiệu nửa đường, Uy gặp hét lên bắt lui; lại trỏ biển binh ở sở công tác mắng rằng: "Bọn ngươi cam chịu theo giặc ư?" Chúng đều rút lui tan đi, Uy sấn đến đâm, tên giặc Trực ngã xuống, rồi bộ biền kế tiếp đến, Trưng cũng bị bắt, bắt hết được cả bọn lũ. Đến khi đình thần xét tâu công trạng, cất bổ Uy làm đô thống doanh Long Vũ, tấn phong là Dũng nghĩa tử, nhưng vẫn sung làm quản lĩnh Thị vệ đại thần; gia thưởng cho 1 cái bài vàng có 5 chữ "sắc tứ Trung dũng tướng", 1 cái bài đeo bằng ngọc quý, 1 cái nhẫn đeo tay bằng vàng dát mặt ngọc kim cương liền nhau và 10 lạng vàng, lại gia cho 1 cấp trác dị; vào triều đứng hàng dưới ban văn thự hiệp biện. Rồi sau đổi làm Tiền quân đô thống, kiêm chưởng Tả quân.

Năm thứ 23, quân thứ ở Bắc kỳ thường bị thua, Uy xin theo đi đánh dẹp. Vua cho là bên ban vũ đương cần người, không cho.

Năm thứ 26, Hà thành có việc sai sung làm Tổng thống quân vụ, đem đại binh tới đầu địa giới cõi Thanh Hóa, Ninh Bình nghiêm mật đóng đồn xem cơ hội mà làm. Gặp tỉnh Nghệ An có tên Trần Tốn khởi loạn, đổi làm An tĩnh tổng thống đại thần. Tháng 4 năm ấy, bị ốm, vua sai thị vệ đi

Digitized by Google

ngựa trạm cấp cho sâm quế của vua dùng. Rồi sau vì phái đi không có công trạng gì, cho triệu về về giáng làm chưởng vệ, nhưng quyền chưởng Tiền quân. Năm thứ 28 thời chết.

Uy vốn có dũng lược, vua suy nghĩ cho phục lại nguyên hàm đô thống. Con có 3 người, Trực tập tước làm đến Cẩm binh suất đội; Tiến vào danh sách anh danh, trải thăng Phó quản cơ; Chất vào lệ tùy, trải thăng chánh Thất phẩm sung Sử quán đằng lục.

*

Nguyễn Chí

Người huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, ông là Tiến Trực được ân tứ thọ dân. Chí có dũng lực, Minh Mạng năm thứ 9, ra đầu quân, thường theo tàu thủy tới Tân Ba và tiểu Tây Dương làm việc công. Vì am hiểu đường đi biển, bổ chánh đội trưởng, trải thăng quản cơ vệ úy.

Tự Đức năm thứ 20, thăng làm chưởng vệ sung Thuận an đốc phòng; rồi cất lên bổ Thủy sư đề đốc.

Năm thứ 24, thăng thự đô thống, vì coi giữ thuyền rồng không cẩn thận bị bãi, một hồi lâu lại bổ đô thống.

Năm thứ 30, cáo bệnh xin về hưu. Vua cho là Chí giúp việc lâu ngày có phần khó nhọc, ơn ban cho sa lụa mỗi thứ đều 3 tấm, và 50 lạng bạc. Chưa bao lâu thời chết, thọ 73 tuổi.

*

Vũ Lã

Tên tự là Trọng Đỉnh, người huyện Lễ Dương, tỉnh Quảng Nam. Lã là người cương trực, có kiến thức mưu lược. Năm Minh Mạng ra đầu quân. Đầu năm Tự Đức trải làm cai đội, chuyển làm hiệp quản. Được khá lâu, rồi lĩnh phó lãnh binh ở Quảng Ngãi.

Digitized by Google

Năm thứ 21, đổi bổ vệ úy kiêm quản ty Trấn phủ; rồi cất lên bổ đô chỉ huy sứ ở vệ Cẩm y.

Năm thứ 26 bổ thống chế doanh Tiền phong. Bấy giờ có toán thổ phỉ ở nước Thanh từ Hưng Hóa lan tràn quấy nhiễu miền thượng du Thanh Hóa. Vua cho tỉnh Thanh là trọng địa ở Hữu Kỳ, sai Lã sung làm đề đốc quân vụ, cùng với Tham tán là Nguyễn Chính đem lính kinh đến ngay, đốc thúc đánh dẹp. Kịp khi toán giặc trốn tránh, Lã cùng Chính mưu tính việc làm cho tốt về sau. Xin đặt nha Sơn phòng, để thời thường thay phiên nhau đi tuần phòng cho mạnh thanh thế. Vua y theo. Khi về vào ra mắt. Vua dụ rằng: Chuyến đi này dẫu không có công lao mấy, nhưng mới thử qua một tý đã có thể mưu tính sớm được yên tĩnh, rất là khen ngợi, thưởng cho 1 đồng kim tiền.

Năm thứ 27, ở An Tĩnh có loạn Mai Tấn, vua sai Lã sung làm hiệp đốc, cùng với thống đốc là Lê Bá Thân đem binh thuyền tới Linh Giang phòng giữ đánh dẹp. Khi thành Hà Tĩnh đã thu phục được, cho triệu về thăng bổ thống chế quyền chưởng Hậu quân sung làm hải phòng phó sứ ở Kinh kỳ. Rồi sau ốm chết, thọ 68 tuổi, truy tặng hàm đô thống, chiếu lệ cấp cho tiền tuất.

*

Lê Chí Tín

Người huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Lúc mới ra đầu quân, khi ấy Hiến tổ chưa lên làm vua, chọn vào hầu trong. Vì là thân cẩn, được tin yêu, hầu hạ hơn 10 năm, trải thăng đến cai đội. Khi Hiến tổ lên ngôi năm đầu, bổ làm Thị vệ bậc 3, lâu năm làm tới chưởng vệ.

Tự Đức năm thứ 1, quyền chưởng ấn triện doanh Hổ uy, quản lính Thị vệ đại thần; trải làm thống chế đô thống, rồi đến Tiền quân Đô thống phủ đô thống.

Digitized by Google

Năm thứ 9, viện lệ xin về hưu. Vua cho Chí Tín sức lực còn thể theo làm việc quan được, cố lưu ở lại.

Năm thứ 13, chết ở chỗ làm quan, gia ân cho tiền, lụa rất hậu, sai quan đến tế.

Năm thứ 33, vua lại nghĩ Chí Tín là thần bộc của triều trước, chuẩn cho được liệt tự ở đường Phương gia ngoài cửa Khiêm cung.

Khi trước, vợ Chí Tín là Hoàng Thị sung làm nữ quan ở Nội đình phong làm Thục nhân. Con có 2 người, con lớn là Chí Hiếu lấy Nghĩa chưởng công chúa, bổ làm phò mã đô úy, làm đến phó vệ úy; con thứ là Chí Trung đỗ cử võ, làm viện khanh ở viện Vũ bị; cháu là Phái được ấm thụ Hàn lâm viện kiểm thảo.

*

Nguyễn Khắc Trạch

Tên tự là An Phủ, người huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, trải làm huyện thừa huyện Yên Lạc, bổ tri huyện huyện Yên Lạc.

Năm thứ 19, đổi làm đồng tri phủ Yên Khánh, rồi vào làm Viên ngoại lang bộ Hình.

Đầu năm Thiệu Trị đổi làm Lang trung, nhiều lần thăng đến án sát sứ Hà Tĩnh và Hải Dương.

Tự Đức năm thứ 1, đổi làm án sát sứ Hà Nội. Trạch đi đến đâu cũng thích khuyến dạy các sĩ tử, các học trò tài vào bậc nào thành đạt vào bậc ấy, học tập thường đến vài trăm người.

Năm thứ 2, bổ bố chính sứ ở Gia Định; rồi hộ lý tuần phủ ở Định Tường. Rồi lại bổ bố chính sứ ở Vĩnh Long.

Năm thứ 8, lấy hàm Hàn lâm trực học sĩ, sung chức Sử quán toản tu. Tới năm sau, 67 tuổi, sắp xin cáo lão, nhiều

Digitized by Google

người cho là chưa tới lệ, khuyên nên ở lại. Trạch nói: "Người xưa chuộng mạnh bạo rút lui, thà theo chí hướng của mình". Bèn dâng sớ trần tình xin về. Vua y cho, và ban cho áo triều bào để vẻ vang khi về làng.

Khắc Trạch đã được an nhàn, lấy vườn rừng tư thích. Năm tuổi đến 80, được dự ban cấp bạc lụa; lại vì có con là Vỹ được vinh hiển. Năm thứ 31 gặp kỳ khánh tiết ban ân, lại được thưởng cho đồ vật. Rồi chết, thọ 91 tuổi. Con là Phổ, Giảng, Vỹ đều đỗ hương tiến, Phổ, Giảng trải làm Thú lệnh; Vỹ hiện nay bổ Hiệp biện đại học sĩ, sung làm thương biện ở phủ thông sứ Bắc kỳ; còn Nghiêm, Trình, Xứng cũng do tập ấm bổ quan, Bính thì đỗ tú tài.

*

Nguyễn Hữu Thái

Người huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, bắt đầu bổ tri huyện Thụy Anh, rồi đổi đi 2 huyện: Kim Sơn, Đông Triều; trải thăng đồng tri phủ Bình Giang; rồi triệu vào bổ giám sát ngự sử.

Tự Đức năm thứ 5, cáo bệnh về hưu.

Hữu Thái làm quan có chính sách nhân huệ, sau khi mất, các thần ấp: Tuy Lộc, An Hòa ở Kim Sơn và Hoằng Kinh An sinh ở Đông Triều đều lập đền thờ.

Lại có người cùng huyện với Hữu Thái là Lê Viết Huy và người ở xã Vĩnh Lộc là Đỗ Thiện Kế, cũng vì kính cẩn chức vụ làm đến ấn quan. Viết Huy tên tự là Nguyên Thông, năm Tự Đức thứ 8, đỗ hương tiến, bổ Tri huyện Thanh Chương, chuyển làm tri phủ ở hai phủ Nam Sách, Kinh Môn; kế tiếp giám sát kho tàng tỉnh Hà Nội; rồi cất lên hàm Hàn lâm viện thị độc, lĩnh án sát Nghệ An. Trải thăng Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ. Thiện Kế, năm Tự Đức thứ 28, đỗ phó bảng,

Digitized by Google

nhiều lần thăng làm biện lý ở 2 bộ Hình và Lễ. Khi chết tặng Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ.

*

Đào Đình Bảo

Người huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, bắt đầu bổ tri huyện Thiên Lộc, thăng tới tri phủ Thiên Trường.

Năm thứ 14, thăng làm đốc học ở Hà Tĩnh, tiếp thu bè bạn, chăm chỉ dạy bảo, được sĩ tử theo học nhiều.

Năm thứ 18, gia hàm Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, vẫn lĩnh chức như cũ rồi chết, thọ 67 tuổi.

Về sau, người cùng quận là Dương Duy Thanh và Lê Sâm ở huyện Đông Yên, cùng Đào Danh Văn ở huyện Tiên Lữ, đều làm học chức có tiếng. Duy Thanh, năm Minh Mạng thứ 9, đỗ hương tiến, bổ tri huyện Kim Anh, nhiều lần thăng hàm Hàn lâm viện Thị độc, sung Sử quán biên tu.

Thiệu Trị năm thứ 7, bổ đốc học Hà Nội. Duy Thanh tính rất hiếu, để tang theo hết lễ, trải mùa rét, mùa nóng không thay đổi. Người đều khen.

*

Lê Sâm

Bắt đầu bổ văn hàm, rồi ra ứng thí. Minh Mạng năm thứ 9, cùng Duy Thanh đỗ hương tiến, bổ làm tri huyện Mỹ Lương thăng làm tri phủ Từ Sơn, tại chức được 8 năm, đổi làm tri phủ Quốc Oai. Năm Tự Đức thứ 6, bổ làm đốc học Hà Nội.

*

Đào Danh Văn

Thiệu Trị năm thứ 1, đỗ tiến sĩ, do chân Hàn lâm bổ

Digitized by Google

làm tri phủ Lạng Giang; rồi bổ đốc học Quảng Trị.

Tự Đức năm thứ 5, lấy hàm Thị độc, sung làm Sử quán biên tu, thăng lện Thị giảng học sĩ, lĩnh đốc học Nghệ An, rồi chết ở chỗ làm quan. Con là Toại đỗ Cử nhân, bổ tri huyện Mỹ Lộc rồi về hưu.

*

Trần Tú Dĩnh

Người huyện Kim Đồng, tỉnh Hưng Yên.

Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, do chân hành tấu bộ Hộ, nhiều lần thăng tới Lang trung.

Năm thứ 13, bổ làm Kinh triệu doãn, bị việc phải mất chức, vâng phái theo chiếc thuyền đồng lớn thay đổi đi Việt Đông, Giang Lưu Ba làm việc quan, trước sau trải hơn 10 năm đi đường biển cộng 9 lần, nếm đủ mùi gian hiểm, sau khai phục đến Lang trung phủ nội vụ.

Thiệu Trị năm thứ 7, vì còn mẹ già, tuổi gần 80, được xin về phụng dưỡng. Tú Dĩnh đặt tên hiệu là Kim Sơn quan đạo lão nhân. Tước tác có quyển Gia lễ và quyển "Quan đào thị tập" thọ 60 tuổi thời chết.

*

Trần Liên Huy

Tên tự là Bảo Quang, người huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương cống tuổi mới 18, có tiếng khen là anh tuấn. Bắt đầu bổ tri huyện, kỳ khảo mãn đủ 3 năm xét công, được thăng tri phủ Kiến Thụy, vì cha mẹ già xin về phụng dưỡng.

Tự Đức năm đầu, bổ làm đốc học ở Bình Định, triệu về thăng làm Hồng lô tự thiếu khanh, sung Sử quán toản tu.

Năm thứ 17, gia hàm Quang lộc tự thiếu khanh, lĩnh

Digitized by Google

chức sử quan như cũ rồi bị ốm chết.

*

Nguyễn Công Hợp

Khi xưa tên là Công Thuyên, người huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Minh Mạng năm thứ 6, đỗ hương tiến, làm tri huyện An Định, rồi thăng làm đốc học ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh; trải 12 năm được tiếng là xứng đáng với chức vụ, gia Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, rồi triệu vào làm chưởng ấn ngự sử đạo kinh kỳ, đổi sang Quốc tử giám tư nghiệp, rồi thăng làm Tế tửu.

Tự Đức năm thứ 4, cáo bệnh về hưu rồi chết, thọ 63 tuổi. Công Hợp là người có học vấn, làm giáo chức lâu, chăm việc dạy dỗ, học trò được thành tựu khá nhiều, sĩ phu đều suy tôn. Ngày thường cư xử lấy hạnh nghĩa, được tín với làng mạc cùng với 2 em hòa thuận thân yêu, con cái đều theo lễ phép, liệt vào hạng thanh khâm (tràng áo xanh tức là học trò) có 9 người; em là Duy Thành có tiếng là hạnh nghĩa, có truyện chép riêng.

*

Ngô Văn Địch

Người ở huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây. Bố là Bát, đỗ hương tiến, làm quan đến đốc học ở Quảng Trị. Văn Địch, Minh Mạng năm thứ 8, đỗ tú tài sung bổ vào Quốc tử giám sinh, được bổ tri huyện Kim Sơn, thăng đồng tri phủ ở Yên Khánh, đổi làm giám sát ngự sử, Hình khoa chưởng ấn cấp sự trung; trải làm án sát ở Hưng Hóa, Hưng Yên và Quảng Ngãi.

Đầu năm Thiệu Trị, thự Hình bộ tả Thị lang, bị giáng làm Binh bộ viên ngoại lang; kế đổi làm Thái bộc tự khanh, biện lý công việc bộ Công.

Digitized by Google

Năm thứ 4, thự Bố chính sứ ở Phú Yên lại đổi đi Biên Hòa, rồi vào làm hữu thị lang bộ Hộ.

Tự Đức năm thứ 1, làm tuần phủ ở Biên Hòa.

Văn Địch trải làm quan có tiếng là tài năng mẫn cán, rồi sau bị việc giáng 4 cấp không được làm nữa. Năm thứ 7, tỉnh Cao Bằng có biến động, vua bảo là đất Cao Bằng ở vùng thượng du, trong yên dân ngoài chống giặc, phải nhờ đến tay có tài chính trị, bèn khởi phục cho Địch làm Hồng lô tự khanh, lĩnh bố chính sứ ở Cao Bằng. Khi tới nhận chức, dâng kế sách mưu tính ngoài biên, rồi chết, được truy thụ bố chính sứ Cao Bằng. Con là Toại, đỗ hương tiến làm quan đến Hộ bộ lang trung.

*

Bùi Quỹ

Tên tự là Hữu Trúc, người huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Ông là Vinh Thận đỗ hương cống đời Lê. Quỹ, Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, do hàm Hàn lâm viện biên tu, bổ làm tri phủ Triện Phong, đổi làm viên ngoại lang bộ Công, trải thăng đến lang trung.

Năm thứ 17, cất bổ làm án sát sứ ở Quảng Trị; rồi triệu về làm biện lý bộ Công, thăng lên hữu thị lang, lại chuyển sang bộ Hình.

Đầu năm Thiệu Trị, thự Hình bộ hữu tham tri.

Tự Đức năm thứ 1, đổi làm Lễ bộ hữu tham tri, sung làm chánh sứ đi sang Yên Kinh. Năm sau, Trung triều sách phong sứ là Lao Sùng Quang tới đô thành Phú Xuân, Quỹ cũng từ Yên Kinh về tới. Được bổ làm tả phó đô ngự sử ở viện Đô sát. Khi tại chức, giữ phong hóa pháp độ, thường dâng sớ tham hặc các đại thần; lại tâu xin cho hiệu chính bộ "Đại Việt sử ký", sửa lại bộ "Đại Nam nhất thống chí" và quảng tập "Đại Nam phong nhã thống biên", để sáng tỏ việc

Digitized by Google

văn trị. Các lời trình bày ý kiến, phần nhiều đều được thi hành. Rồi sau có việc phải giáng làm Sử quán biên tu.

Năm thứ 4, thự án sát sứ ở Tuyên Quang, rồi bổ Hồng lộ tự khanh sung Sử quán toản tu; nhiều lần thăng đến Hàn lâm viện trực học sĩ, thăng Lại bộ tả tham tri, sung chức như cũ.

Năm thứ 12, sung đi công cán, khi từ Sơn Tây trở về có dâng tờ mật sớ trình bày về các công việc đề phòng ngăn giữ, và từ Quảng Trị trở ra Bắc, các quan lại hay hay dở; những đồn ở cửa biển nào hiểm hay dễ, nói rất rõ ràng đầy đủ. Vua cho là lời nói thẳng các quan lấy đó làm răn.

Năm ấy, đổi làm tuần phủ hộ lý tổng đốc Bình Phú. Tỉnh Bình Định gặp luôn mấy năm mất mùa. Quý đến nhận chức thung dung vỗ về, sự đau khổ lâu đã hồi tỉnh lại.

Năm thứ 14, bị ốm chết ở chỗ làm quan, thọ 66 tuổi, được truy thụ tổng đốc.

Quý ở sứ chức lâu ngày, noi theo phép thánh hiền hay sửa đổi đi, càng để ý tìm tòi. Tính giữ chất phác mộc mạc không thích bóng bẩy bề ngoài. Thường nói: Học giả trước hết cốt phải một lòng thành thực làm đầu, bọn sĩ phu đều khen. Khi đi sứ có trước tác tập "Yên đài anh thoại". Con là Chúc, đỗ Tú tài; Liêm làm quan đến tòng lục phẩm.

*

Phạm Khôi

Người huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Ông là Dư, đỗ tiến sĩ đời Lê Cảnh Hưng, làm quan đến Đông bình chương sự. Khôi, Minh Mạng năm thứ 10, cũng đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm biên tu bổ tri phủ Diên Khánh, đổi sang lang trung bộ Binh.

Năm thứ 17, thự án sát sứ Lạng Sơn, vì có việc bị giáng, bổ làm giám sát ngự sử. Thường hay nói việc, cùng với người

Digitized by Google

cùng viện là Lưu Quý can ngăn việc vua ngự hồ Tịnh Tâm, (chép ở truyện Lưu Quý) rồi làm hộ lý kho Vũ khố; trải làm án sát tỉnh Bình Định và làm phủ thừa ở phủ Thừa Thiên. Đầu năm Thiệu Trị, bổ làm Kinh triện doãn thăng lên hữu Thị lang bộ Binh, quyền hộ tuần phủ Trị Bình rồi triệu về kinh.

Năm thứ 7, xây dựng Xương lăng, bàn dựng thêm lâu gác và thành bọc ngoài, công trình nặng lớn, không ai dám nói cả. Khôi dâng sớ đại lược rằng: Đời xưa, chế độ về lăng tẩm của các đế vương đều theo giản ước, không phải là sợ khó nhọc, không phải là tiết kiệm tiền, chỉ theo lễ cho xứng đáng mà thôi. Đạo hiếu lấy hợp lễ là quí, huyệt chôn, đường dưới đất, thành bao chung quanh, đền thờ ở mả, bi đình, đều là lễ phải tất cả. Còn như thành xây cho rộng rãi, lâu gác cho nguy nga, dù nhiều chẳng phải là phong, dù ít chẳng phải là kiệm. Xưa, Hán Văn đế dựng Bá Lăng, Đường Thái tôn xây Hiến lăng, mà Trương Thích Chi, Ngu Thế Nam đều can nên kiệm ước, hai vua ấy theo làm, để tiếng khen nghìn thuở. Lại, Hán Quang Vũ làm Nguyên lăng, xuống chiếu theo giản ước, sau Minh đế muốn tăng thêm chút ít, về sau người hiểu rõ ý lễ, còn có câu nghị luận. Cứ xem thế, thời các đế vương được gọi là đại hiếu là do đó (tức là dễ) mà không phải ở kia (tức là xa phí) rất là rõ ràng. Cúi mong nhà vua cốt theo giản ước, về huyệt chôn, đường dưới đất đều theo quy chế như ở Hiếu Lăng, còn điện thờ, viên đình, sở núi, đá giả, nên phỏng theo Thiên thu mà châm chước. Xây dựng, để cho thiên hạ muôn đời sau đều rõ ý của nhà vua bớt xa xỉ tỏ ra cần kiệm. Tờ sớ dâng lên, vua dụ rằng: Bớt xa xỉ theo kiệm ước là thịnh tiết của đế vương, song không phải như thế, há có lẽ lấy của cả nước mà tiết kiệm với cha mẹ hay sao? Chuẩn giao cho đình thần bàn định cho thỏa hợp, nếu xét như nghị trước còn có khoản nào nên phải xét nghĩ lại chuẩn cho cứ thực trình bày, cốt mong thỏa đáng, thớ thấy lời dụ như thế

Digitized by Google

mà không dám nói. Lời tâu của Phạm Khôi có đúng hay không? Chuyển cho xét rõ trình bày tâu lên.

Tự Đức năm thứ 1, được thự hữu tham tri bộ Lễ.

Năm thứ 7, quyền hộ tổng đốc Hải Yên, rồi lại về hộ lý việc bộ.

Năm thứ 10, thự tổng đốc Bình Phú. Rồi sau ở Trà Úc có biến động, Khôi giữ chức cố ra sức mưu tính ngăn chống.

Năm thứ 12, bị ốm chết ở chỗ làm quan. Vua xuống sắc cho quan có chức trách ở nơi ấy cho đưa đám tang về và sai quan đến tế.

Khôi tính cương trực, trải làm quan hơn 30 năm chưa từng tậu ruộng, nhà, răn bảo con cháu nên giữ thanh bạch như thường. Con là Đản được ấm thụ làm đến tri phủ.

*

Trương Quốc Dụng

Khi trước tên là Khánh, tên tự là Dĩ Hành, người huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, bổ Hàn lâm viện biên tu, dần dần thăng đến Hình bộ lang trung, bị việc phải miễn quan, theo bộ Lại ra sức báo hiệu chuộc tội.

Năm thứ 14, được khởi phục Tư vụ theo quân thứ ở Phiên An; lại theo tham tán đại thần ngăn lui được quân Xiêm. Khi việc yên, lại làm chủ sự, cất lên làm viên ngoại lang bộ Hộ, rồi đổi làm án sát sứ ở hai tỉnh Quảng Ngãi, và Hưng Yên. Dâng tấu chương cho là dân gian áo mặc quá qui chế, lại ruộng nhà mua bán đã lâu năm, thường thường gây ra kiện cáo, quan có chức trách đều lấy ý đoán, rút tại không có định chuẩn. Tâu xin sức nhắc rõ lại thứ áo mặc và niên hạn cầm chuộc ruộng đất. Việc giao xuống có trách nhiệm bàn lại để thi hành. Buổi đầu năm Thiệu Trị, quyền biện công việc bộ Lễ, thăng bổ Tả thị lang trải đổi sang Lại, Hình, Công ba bộ.

Digitized by Google

Năm thứ 6 thự tả Tham tri bộ Công.

Tự Đức năm đầu, dâng sớ trình bày về 4 việc: dè dặt tài dụng, thương sót việc hình ngục, tỉnh giảm sự tiêu phí vô ích, và sửa đổi thói tật của sĩ phu. Vua khen nhận lời. Rồi sung làm Kinh duyên giảng quan, coi Khâm thiên giám kiêm giữ ấn triện viện Đô sát, thăng lên thượng thư bộ Hình, sung Quốc tử giám tổng tài.

Năm thứ 15, bọn giặc ở Hải Yên khởi loạn vây sát đến tỉnh thành Hải Dương. Vua theo lời đình thần đề cử, sai Quốc Dụng sung làm Hải Yên thống đốc quân vụ đại thần, đốc quân tiến đánh. Khi Quốc Dụng tới nơi quân thứ, bàn định cùng với Đào Trí và Phạm Tam Tỉnh, từ tỉnh Hưng Yên đem quân sang đông, chuyển đánh lấy lại phủ Bình Giang; lại chia quân tới hạ lưu sông Nghĩa Trụ làm cầu nổi đánh phá đồn giặc, Quốc Dụng tự đem tướng sĩ tiến đến cứu viện tỉnh thành, bọn giặc thua rút lui. Quốc Dụng theo cửa tây vào thành, đóng đồn trại, giặc lại họp quân đến vây. Rồi sau, Quốc Dụng từ trong thành bày kế cho quân ra đánh, cả phá vỡ quân giặc, giải được vây.

Năm thứ 16, thăng Hiệp biện đại học sĩ, thống đốc quân vụ như cũ.

Năm thứ 17, đánh giặc ở Quảng Yên, quan quân bị thất thế, quân thủy bộ của giặc 4 mặt ùa cả đến, Quốc Dụng cùng tán lý là Văn Đức Khuê, tán tương là Trần Huy San đều bị hại (chép ở truyện Văn Đức Khuê). Việc đến tai vua, vua rất cảm động thương xót sắc cho đưa đám về, sai quan đến tế; lại sai đình thần bàn rõ công quả. Đã lâu chưa thấy dâng lên. Vua dụ rằng: Năm ngoái quân thứ ở Hải Yên, trận đánh tại La Khê, Linh Đồng, Trương Quốc Dụng suy tính thất cách, tội ấy cố nhiên khó từ chối được, nhưng trẫm nghĩ Quốc Dụng là người giúp việc cũ, mà tụi giặc ở mặt nước nhỏ nhặt ấy, không phải là chỗ thành nhân thủ nghĩa (tử tiết để trọn

Digitized by Google

nghĩa), mà bị dao ngăn đạn lạc đến nỗi bỏ mạng nơi chiến trường, rất là đáng tiếc. Chuẩn cho truy tặng hàm Đông các đại học sĩ. Năm thứ 33, được liệt vào thờ ở đền Trung nghĩa.

Quốc Dụng là người trầm tĩnh, dẫu làm quan chưa từng rời quyển sách, người đều suy tôn là học rộng. Tương truyền là nhà làm lịch bị thất truyền, Quốc Dụng làm quản lĩnh Khâm thiên giám hàng ngày truyền dạy cho, đến nay mới nối được nghề học ấy. Quốc Dụng ngày thường có kiến văn được điều gì đều ghi chép cả, có tập "Thoái thực ký văn lục" truyền lại ở đời.

Con là Quốc Quán, đỗ hương tiến, vì mộ quân nghĩa dũng theo đi quân thứ, nên được đặc cách bổ làm chủ sự.

Văn Đức Khuê đã có truyện riêng.

*

Trần Huy San

Người huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, năm Tự Đức thứ 9, đỗ tiến sĩ bổ lấy hàm Hàn lâm thị độc, sung làm tán tương quân thứ Hải Yên.

*

Trần Huy Phác

Người huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An. Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, bổ làm tri phủ ở Ninh Thuận, vào làm viên ngoại lang bộ Lại, thăng Lang trung.

Năm thứ 14, đổi làm án sát sứ Lạng Sơn, gặp bọn thổ khấu từ châu Thất Truyền bức đến tỉnh thành, tuần phủ là Hoàng Văn Quyền đem quân ra chống chọi, bị giặc bắt được, Huy Phác một mình ở trong thành, quyết đóng chặt cửa thành cố giữ. Hàng ngày thường giương lọng đi tuần coi trên thành, giặc bốn mặt bắn vào như mưa, Huy Phác không động đậy. Trải hơn một tháng, giặc bỏ vây đi. Việc đến tai vua, xuống

Digitized by Google

chiếu khen ngợi, gia cho hàm bố chính, thưởng một cấp quân công.

Năm thứ 17, bổ bố chính sứ ở Cao Bằng, nhậm chức được ba năm, bị việc phải giáng làm viên ngoại lang bộ Lễ, được một thời gian lâu, bổ làm án sát sứ Quảng Bình.

Thiệu Trị năm thứ 1, đổi làm án sát sứ Thanh Hóa; rồi bị đốc thần tâu lên tham hặc, phải cất chức, theo bộ ra sức chuộc tội.

Năm thứ 2, phái đi Tân Gia Ba, bị gió bão trôi dạt không rõ sau ra sao. Tự Đức năm đầu, truy tặng Lễ bộ chủ sự.

Huy Phác là người kháng trực, cùng với bạn đồng liêu phần nhiều không hợp, đến đâu đều có tiếng là người liêm cán. Cháu (gọi bằng ông) là Chiểu đỗ hương tiến.

*

Nguyễn Đăng Huân

Tên tự là Hy Khiêm, người huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây. Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, do hàn lâm bổ làm tri phủ Điện Bàn. Tính người thanh liêm cẩn thận, bình dị gần dân, mỗi khi đi đều thường đi bộ, xử đoán hết tình, thường có người kiện về ruộng, trước hết mở bảo cho hai bên biết, rồi chỉ nói một câu là xử đoán xong, hai bên nguyên, bị đều phục; việc khác cũng thế. Coi chức vài năm, người trong quận yêu như bố mẹ. Vì có tang bố xin về, ai đưa đồ tiễn biếu đều khước từ. Sau lĩnh lang trung bộ Lễ, theo xa giá đi tuần qua hạt cũ, nhân dân đón đường yết kiến, nhiều người đưa biếu tiền lụa, đều không nhận. Rồi chết, túi làm quan vẫn rỗng tếch, duy có một cái áo mùa đông mới ban cho để khâm liệm. Đại thần (tức ngự sử đài) đem việc tâu lên, Vua rất tiếc nói rằng: Đáng giận là lúc Đăng Huân sống không có ai đề cử đến; truy thụ cho hàm Lang Trung, sai hậu cấp cho gia đình; lại sai quan có chức trách ở địa phương thường hỏi thăm

Digitized by Google

người mẹ. Sau dân ở Điện Bàn truy nhớ phụ thờ vào Văn từ của quận. Con là Điện do quân công được bổ tri huyện.

*

Ngô Thế Vinh

Tên tự là Trọng Dực, tiên tổ trước ở Ái Châu, là dòng dõi tiên Lê khai quốc công thần Chương khánh công. Sau dời đến Sơn Nam, nay là người huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Thế Vinh tư chất thông minh nhanh nhẹn, được bố dạy bảo rất nghiêm, nên từ thuở nhỏ không thích gì khác, chỉ chăm học thôi.

Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, bổ Hàn lâm viện biên tu, bổ tri phủ phủ Định Viễn, chuyển về viên ngoại lang bộ Lại, thăng lang trung bộ Lễ.

Năm thứ 15, sung làm giám khảo trường thi hương ở Hà Nội, vì duyệt quyển không kiểm xét kĩ phải tước chức.

Thế Vinh về làng, sớm tối hầu mẹ, dựng nhà riêng để đọc sách, gọi là Dương đình. Học trò bốn phương nghe tin đều đến, trải 18 năm, thường cáo từ mệnh lệnh cho gọi ra. Khoảng năm Tự Đức, vua thường sai trung sứ đến nhà lấy những thơ văn trước tác ra dâng lên để xem. Rồi sau tổng đốc ở Định Yên là Nguyễn Đình Tân dâng sớ xin khởi tụng ngoài cách lệ, Vua cho đòi tới kinh. Khi đến, cho tới nhà Duyệt thị, Vua sai ứng chế trình bày cọng 4 làn. Thế Vinh cứ sở học trình thưa. Về chế nghệ thời từ chối là không biết làm, cùng các sách ngày thường chưa đọc đến, đều không dám suất lược vua trình thưa. Quyển văn đều để lại trong Nội. Rồi gia ơn cho khai phục sở cũ là tiến sĩ, cho về làng để yên việc điểm đạm rút lui. Các công khanh phần nhiều làm thơ văn tiễn biệt. Về đến nhà rồi chết, thọ 54 tuổi.

Thế Vinh về học lực phần nhiều có chỗ độc đáo, thường gnét lối học thi cử cũ hẹp hòi. Khi làm lang trung bộ Lễ, có

Digitized by Google

nói với trưởng quan tâu xin đổi định phép thi. Về cách thức làm văn được ban ra, đều chính tự ông lựa chọn cả. Lại thích dạy bảo kẻ tiến không mỏi. Khi ở quan và sau khi về điền viên chưa từng bỏ giảng tập. Các học trò đều liệu tư chất mà mở bảo, có nhiều người được hiển đạt. Có trước tác những tập thi văn; lại thường san định hai bộ Đại học, Trung dung, cùng tập "Trúc đường tùy bút", "Nữ huấn tâu thư". Còn các tập lúc tuổi già thảo ra chưa kịp hiệu chính.

*

Phạm Thế Trung

Người huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, lúc nhỏ thông minh lạ thường. Minh Mạng năm thứ 10, đỗ tiến sĩ, bắt đầu bổ Hàn lâm viện biên tu, lĩnh tri phủ Tư Nghĩa; trải bổ Viên ngoại lang bộ Lễ, chuyển sang lang trung bộ Lại, thăng bổ án sát Bình Định, thăng bổ chính sứ.

Năm thứ 17, bổ tả thị lang bộ Lễ, sung chánh sứ sang Yên Kinh, khi tới Bắc Kinh, gặp ngày vạn thọ khánh tiết, dâng thơ chúc, được gia hậu thưởng. Khi đi sứ về, đổi làm tả thị lang bộ Hình, chuyển làm phủ doãn Thừa Thiên. Hiến tổ Chương hoàng đế khi còn ở đông cung, được chọn và chú ý riêng, vì chướng ngại việc công phải thiên sang tả. Thiệu Trị năm đầu cất làm biện lý bộ Hộ, bổng đổi làm bố chính sứ ở Hưng Hóa, rồi tiến thự hữu tham tri bộ Hộ, lại đổi sang bộ Lại. Tự Đức năm đầu, các đại thần có điều tiếng bất hòa, bị ngôn quan (tức ngự sử đàn hặc quan) đề cử tâu lên, việc giao xuống bộ Lại, thời Trung cứ luật dẫn đoán bàn định dâng lên, Vua khen cho là không kiêng nể người quyền quý, bộ Lại đã có người; rồi kế sung kinh duyên giảng quan, kiêm quản Viện Hàn lâm. Năm thứ 3, do tuần phủ làm hộ lý Ninh Thái tổng đốc, ở chức hai năm vì mắc việc bị miễn chức phải về, chết năm 84 tuổi, vốn tên là Thế Lịch, sau vua cho tên như ngày nay, tự hiệu là Chỉ trai.

Digitized by Google

Tạ Hữu Khuê

Tên tự là Thụy Phủ, người huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, bố là Hữu Độ, thờ mẹ rất hiếu, được vua xuống sắc cho nêu khen, đã có truyện chép Hữu Khê tính không chịu bó buộc, Minh Mạng năm thứ 9, đỗ hương giải, do chức hành tẩu bộ Hộ, chuyển làm tri huyện Từ Liêm, bị mắc tội về dân ở huyện mất trộm và không đề phòng để đê vỡ phải về bộ nghe đợi. Năm thứ 14, lại đổi tri huyện Tứ Kỳ, Thiên tri phủ Thuận An, tỉnh thần cho là liêm cán đề cử lên, bị triệu ra mất đối đáp từng điều được xứng chỉ, thưởng cho kỷ lục hai thứ vẫn về phủ nhận chức. Thiệu Trị năm thứ 4, vào làm giám sát ngự sử đạo Kinh kỳ, thăng Hộ khoa chưởng ấn cấp sự trung. Năm Tự Đức thứ 2, thự án sát sứ ở Quảng Bình, chưa bao lâu có chỉ đổi tới Quảng Trị, vì dân bộ và bảo lưu lại nên lại về Quảng Bình, rồi cất làm Quang lộc tự khanh biện lý công việc bộ Lại, quyền giữ kho thương trường, lại đổi sang bộ Công. Năm ấy có thi hội sung tri cống cử, lại ra làm bố chính sứ ở Quảng Bình, bị mắc việc phải giáng bốn cấp và dời đi nơi khác. Năm thứ 16, bổ hàn lâm viện thị giảng sung Sử quán biên tu, rồi mắc tật về hưu.

Hữu Khuê có tài trị sự, nên đến đâu cũng được tiếng, sau khi về khuyên dân sửa cửa cống, lập nghĩa thương dân lấy làm thuận tiện, sau vì ốm chết.

Khi trước Hữu Khuê coi phủ Thuận An thấy phủ chưa có Văn từ, Hữu Khuê xuất bổng lộc làm quan đứng lên xướng lập, sau khi chết, người ta nhớ đức, phụ thờ ở Văn từ. Con có ba người, Đĩnh đỗ tú tài, Dực là viên tử và Gia là ấm sinh.

*

Doãn Uẩn

Người huyện Thư Trì, tỉnh Nam Định, Minh Mạng năm

Digitized by Google

thứ 9, đỗ hương tiến, lúc đầu bổ Hàn lâm viện điển bạ, rồi thự bộ chủ sự, chuyển Viên ngoại lang. Năm thứ 14, thự án sát sứ ở Vĩnh Long; giặc Khôi làm phản giữ thành Phiên An, kế đến hãm tỉnh Vĩnh Long, Uẩn ra trú nơi thuộc ấp bí mật họp quan lại sĩ tốt và quân nghĩa dũng thừa cơ đánh úp thu lại tỉnh thành. Vua khen cho công chuộc tội lại giữ chức cũ, rồi chuyển biện lý bộ Hình, lại đổi án sát sứ Thái Nguyên. Bấy giờ các đạo binh hội họp để đánh giặc ở Vân Trung, Uẩn đốc coi quân lương ở Bắc Cạn, tùy liệu vận chở tiếp tế, lại liệu đặt đồn ở đường để truyền đệ tin tức và yên họp thổ dân, cùng với bố chính là Lê Trường Danh dâng sớ xin cho bốn huyện: Bình Xuyên, Phú Lương, Văn Lũng, Đại Từ ở phủ Bình Phú, đặt làm phủ Tòng Hóa, Vua theo. Năm thứ 17, thiêm Lại bộ hữu Thị lang, lại đổi sang bộ Hình; gặp thổ ty ở Thanh Hóa không được yên tĩnh, Vua sai Hiệp biện đại học sĩ là Trương Đăng Quế làm kinh lược, Uẩn cùng Nguyễn Đăng Giai làm phó, Uẩn đốc coi đạo Nông Cống đem quân đánh lũy giặc ở Thọ Thăng phá vỡ được, chuẩn gia quân công kỷ lục hai thứ. Năm thứ 18, cho việc kinh lược đã ra manh mối, lại về biện lý việc bộ. Năm thứ 20, tiến thự hữu tham tri bộ Hộ, cùng với Hiệp biện đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn tới Bình Định thi hành cách quân điền (đã nói ở truyện Vũ Công). Năm thứ 21, sung phó Khâm sai cùng với Lê Văn Đức tới Trấn Tây hội ý mà làm. Năm đầu Thiệu Trị đi công cán trở về, thế rồi bàn định tội lỗi các tướng biên ở Trấn Tây, Uẩn vì mới tới tiếp biện chưa được bao lâu được miễn nghị, rồi quyền lĩnh tổng đốc ở Thanh Hóa, lại triệu về. Năm thứ 3, mùa xuân có khí trắng khắp trời, Vua xuống chiếu cầu lời nói thẳng, Uẩn dâng sớ nói: "nhân đinh ở Nam Kỳ còn ít, mà binh dao hơi nặng nên đông tây trốn tránh tản cư, xin hoãn lại một lần tuyển duyệt, cùng bỏ thuế quan tân để khỏi lo cho dân", Vua theo.

Năm thứ 4, bổ tuần phủ An Giang cùng với tổng đốc

Digitized by Google

Nguyễn Tri Phương dâng sớ xin dời đặt đồn ụ ở Trấn Tây, lại tâu nói việc ở Trấn Tây khi lâm thời xin cho gọi lính để đủ dùng.

Mùa thu năm ấy ở Kinh sư có gió mưa lớn bị lụt, sai trăm quan nói việc đắc thất, Uẩn cùng Tri Phương điều trần ba việc (lời nói thấy ở truyện Tri Phương). Năm thứ 5, lại cùng Tri Phương, Nguyễn Hoàng mật tâu việc định liệu ở ngoài biên, Vua giao xuống đình nghị. Tháng 5 năm ấy Uẩn từ Thông Bình tiến quân liền bạt được đồn giặc ở Vịnh Bích, lại tiến phá quân Lạp ở sách Sô, quân địch lại phản đánh đồn sách Sô, Uẩn đặt phục binh chia ra tả hữu mà đánh, phá vỡ lớn; vua dụ rằng: "Doãn Uẩn mưu tính phải khớp, từ khi xuất sư đến giờ ba lần tâu công rất là khen ngợi, gia luôn quân công cộng ba cấp". Tháng 7 cùng Tri Phương bạt được đồn Thiết Thằng thừa thắng lấy lại Trấn Tây, tin thắng trận tâu lên, thưởng gia hàm Binh bộ Thượng thư, lại gia quân công một cấp, kỷ lục hai thứ và bài đeo bằng ngọc có hai chữ "phúc thọ", nhẫn đeo tay bằng ngọc kim cương, kim ti có bốn chữ "long vân khê hội", kim khánh có hai chữ "kỷ công" mỗi thứ đều một cái, cùng tuyên chỉ úy lạo, dụ bảo nên đem đại quân chiếm cứ lấy đất cho chí hết cõi Lạp Man. Tháng 9 tiến thự Binh bộ thượng thư, sung Tham tán đại thần; tháng ấy, cùng Tri Phương tiến đánh Vĩnh Long, lại đánh được quân Lạp ở thành Ô Đông, Vua ban cho chiếc áo "đoàn long" vua mặc và nhân sâm vua dùng. Tháng 11, tên Xiêm mục là Chất Tri cùng tên Nặc Ông Gium nước Cao Miên xin giảng hòa, Vua sai đưa quân về Trấn Tây đóng đồn.

Năm thứ 7, sứ Cao Miên lại triều cống, vua dụ rằng: "Doãn Uẩn trận đánh ở Thông Bình sách Sô đã dựng công đầu cho chí thẳng tới Thiết Thằng, định Trấn Tây, tiến tới Vĩnh Long, bức gần Ô Đông đều là bầy mưu lạ chống chế bằng được, sắc cho bài vàng "An tây mưu lược tướng". Việc

Digitized by Google

võ công ở Trấn Tây cáo xong, cho tấu khải ban sư, bổ An Hà tổng đốc, dụ báo cái ý nên bình định an tập, lại sai trung sứ đi ngựa trạm cho cái quạt vua ngự trong có đề bài thơ: "bình định Xiêm Lạp" (bình định được nước Xiêm nước Chân Lạp) và một tập "ngự chế chinh Tây kỷ tiệp "(tập sách vua làm ghi việc thắng trận ở Trấn Tây), cùng một chiếc chén rót rượu bằng ngọc với một con báo có vằn tròn bằng vàng. Vua nói: "chén rượu bằng ngọc tỏ ra ôn nhuận cứng rắn, ôn hòa như hòn ngọc; con báo có vằn tròn bằng vàng là nêu giống ấy có thể thủ thế vi, biết cả văn cả võ". Tháng 6, ghi công ở Trấn Tây, được tấn phong Tuy thịnh tử.

Tháng 7, mười hai cỗ bảo pháo hoàn thành, vua làm bài minh ghi công Uẩn vào cỗ pháo Thần uy phục viễn đại tướng quân thứ nhất, lời văn là: "Mong quân Vua tôi, nên phải dấy binh, phấn đấu đi trước, ba trận tâu công, văn thần mưu lược, sớm đã phụ công, trời sinh uy tướng, dẹp yên cõi xa, ghi công vật báu, để ức muôn đời". Lại sai đình thần bàn công các tướng đánh ở Trấn Tây để dựng bia đá ở Vũ miếu, có 6 người được ghi công là: Vũ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Hoàng và Tôn Thất Nghị. Năm Tự Đức thứ 2, chết ở nơi làm quan, thọ 55 tuổi, tặng Hiệp biện đại học sĩ, thụy Văn Ý và liệt tự ở đền Hiền Lương.

Uẩn, trước tên là Ôn, sau vua cho tên như ngày nay, con là Chính được nối phong Tuy thịnh nam, do Lại bộ chủ sự, thự tri phủ Phú Bình, gặp quân thổ khấu vây bức phủ thành cố thủ được một tháng có lẻ, tuyệt đường cứu viện hết cả lương thực, bèn gieo mình xuống sông chết. Việc đến tai vua, Vua nói: rất khó được người như thế, thật không thẹn với người xưa, cũng không thẹn con cháu bậc danh thần, tặng Hàn lâm viện thị độc học sĩ, tập ấm cho người con được chánh cửu phẩm văn giai sau được liệt tự vào đền Trung Nghĩa.

*

Digitized by Google

Hà Học Hải

Tên tự là Sơn Phủ, người huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, tính cương trực, mới 20 tuổi đã có tiếng văn hay. Minh Mạng năm thứ 9, đỗ hương tiến, ở nhà giảng đọc, sau mới ra giáo chức. Thiệu Trị năm thứ 7, đổi tri huyện Duyên Xuyên, giữ liêm bình được lòng dân. Tự Đức năm đầu, sung Sử cục, dân ở huyện tới cửa khuyết xin cho ở lại, Vua cho triệu ra mắt và ra bài sách "lý nhân" (trị nhân) cho thi thử, vua bảo: "đối với dân không sách nhiễu, đó chưa đủ được nhiều", bổ cho thừa chỉ, nhưng vẫn lĩnh huyện, ở chức được 4 năm, kinh lược sứ là Đặng Văn Thiêm lại đem thành tích về chính trị tâu lên, Vua khen, rồi chết ở chỗ làm quan, truy thụ Hàn lâm viện thị độc.

*

Phạm Chi Hương

Tên tự là Sĩ Nam, người huyện Đường An, tỉnh Hải Dương, ông cụ là Chi Nghiễm đỗ hương cống đời Lê, làm quan đến tham chính. Chi Hương, Minh Mạng năm thứ 9, đỗ hương giải, do hữu thông phán ở Quảng Ngãi, bổ làm tri huyện Mộ Đức, chuyển làm chủ sự ở ty Hộ bộ, rồi đổi làm viên ngoại lang, bị mắc việc phải miễn chức, rồi khởi phục dần dần thiên đến lang trung bộ Lại. Đầu năm Thiệu Trị, bổ Hàn lâm viện thị độc học sĩ, sung Sử quán biên tu. Năm thứ 5, đổi làm Hồng lô tự khanh, sung phó sứ sang Yên Kinh, khi về bổ lang trung ty kinh chương bộ Hình, kiêm chưởng đại lý tự. Năm đầu, Tự Đức cất làm án sát sứ ở Sơn Tây, thiên bố chính sứ ở Thanh Hóa, vào làm tả thị lang bộ Lễ. Năm thứ 5[1], sung chánh sứ sang Yên Kinh, năm ấy xen hai kỳ đều tiến cống, Chi Hương cùng Phan Huy Vịnh đều đi, trải 3 năm mới về nước, được thưởng lạo thêm lên (đã nói ở truyện Huy

(1) chỗ này có thể lầm, vì trên đã có năm thứ 5 rồi.

Digitized by Google

Vịnh), rồi tiến hữu tham tri bộ Công, sung Sử quán toản tu, kiêm chưởng đô sát viện. Năm thứ 13, vì là chức ngôn quan mà im lặng không nói, phải thiên tả hữu thị lang bộ Công. Năm thứ 14, ra khám đê sông Thiên Đức, bổ làm tuần phủ Lạng Bình, đất biên giới năm năm báo động có giặc luôn, gặp quân thổ ở Bắc Ninh khởi ngụy, tỉnh Lạng Sơn bị trơ trọi, thế giặc lại càng bành trướng, Chi Hương đặt phương lược ngăn giữ trọn vẹn được tỉnh thành, lại tiến quân đánh dẹp thu phục được tỉnh thành Cao Bằng, có chỉ bổ Ninh Thái tổng đốc vì thấy tuần phủ thiếu người vẫn để làm việc, rồi ghi công dẹp giặc ở thành Tiên Bảo, gia cho một cấp quân công và cái khánh vàng có bốn chữ: "liêm bình cần cán".

Năm thứ 17, sung Hải An quân thứ tham tán quân vụ, thu phục được phủ thành Hải Ninh, lại được thắng trận từng gia ban thưởng, lại thống binh chuyển tới Cao Bằng đánh dẹp.

Năm thứ 19, mùa xuân, vì quan quân thu được đồn Cầu Phong gia cho một cấp quán công. Tháng 7, làm Ninh Thái tổng đốc kiêm tri cả việc biên phòng ở Lạng Bình. Mùa đông năm ấy võ công cáo thành, được ban thưởng những hạng: phúc thọ ngọc, kim tiền và trân bảo.

Năm thứ 21, làm tổng thống Lạng Bình quân vụ, đám giặc lại đánh Quyển A, Chi Hương hội binh đánh được, thừa thắng giải vây ở Lạc Dương. Tháng 6, tiến lên đồn Phú Thứ ở Cao Bằng đốc coi đánh dẹp, thế rồi mượn đường trở về, giặc đem hết quân đón đánh, Chi Hương gặp giặc dừng lại, nhân đó dụ hàng, tên đầu giặc là Ngô Côn xin cho về rồi đầu thành, Chi Hương bèn trình bầy trong trạng tâu lên. Vua sai các bề tôi nơi quân thứ xét bàn, Chi Hương về tỉnh Lạng đợi án, chuẩn cho Thương biện Bắc thứ quân vụ. Năm thứ 23, án xét phải lấy lại chức tước, rồi khai phục Thị giảng học sĩ lĩnh bố chính sứ ở Thái Nguyên, năm sau chết ở chỗ làm quan, thọ 67 tuổi, có trước tác quyển "Tinh Thiều" (đi sứ) tập đầu và tập thứ hai.

Digitized by Google

QUYỂN 30

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XX

- Nguyễn Cư
- Nguyễn Trọng Hợp

*
* *

Nguyễn Cư

Tự là Dịch Phủ, người huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội, tằng tổ công là Thẩm, đỗ tiến sĩ năm Vĩnh Thịnh (1705-1719) đời Lê Dụ Tông, từng giúp việc chính phủ, bố là Khắc Gia gặp nhà Lê lúc cuối vận không ra làm quan. Cư bẩm tính chân thật thờ cha mẹ có hiếu. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) ông đỗ hương tiến, bổ tri huyện Hưng Nhân, trải làm đồng tri phủ ở hai phân phủ: Nam Sách, An Khánh. Trong năm Thiệu Trị (1841-1847) vào làm giám sát ngự sử thường trình bày công việc đều thiết thực thẳng thắn.

Tự Đức năm đầu (1848) từ hạ tới thu hiếm mưa ông có dâng sớ xin hiểu suốt nỗi khổ của dân, sửa lại việc hình ngục để chậm trễ, tiết kiệm việc dùng tiền tài, lại bàn việc xây dựng ngôi thọ phần của thái trưởng công chúa, bắt dân phu làm việc nhiều phiên nhiều cần hạ lệnh cho bộ Công bãi đi, và đại thần là Nguyễn Tri Phương thường cùng với bạn đồng liêu cãi cọ không hòa. Cư trình bày trong bản tham hặc tâu lên. Vua dụ rằng: "lời nói có thể thống, thưởng cho 10 lạng bạc để khuyến khích người trung trực dám nói.

Năm thứ 2 (1841), bấy giờ đương có việc bang giao sứ mà công việc xây dựng liên tiếp nặng nề, Cư bèn cùng với người đồng niên viện Đô Sát là Vũ Nguyên Oanh dâng sớ trình bày tình trạng tật khổ của dân ở những hạt: Thừa Thiên,

Digitized by Google

Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An. Sớ rằng: "bậc đương quốc trọng thần chỉ biết chăm việc xu phụ giữ chức phận của mình mà dân sinh mừng hay lo không hề đoái tới; vị quan lại địa phương chỉ biết thúc thuế giấy tờ rườm rà là hết bụng, mà nỗi ẩn tình của làng quê chẳng thấy tâu lên, ông lại nói: năm trước hiếm mưa, đình thần xin lỗi, mà trong tập trình bày các khoản đã biết nguyên do mắc lỗi cho nên không được mưa hòa, nhưng nhìn lại chỉ là lời nói suông, xem việc làm ngày này, tưởng cũng như các tệ khi xưa; lại nói: phủ Thừa Thiên là căn bản, nơi Sở tại xin định liệu tha giảm những thuế đất và đinh, còn các hạt xin lo nghĩ trước dân được ban gia chẩn tế v.v...". Ông được chỉ cho xuống các tỉnh chiểu sự trình bày ở trong tập tra hỏi rồi kíp gửi giấy má vào tâu, lại sức cho châm chước xét định tha miễn thuế khóa có hơn kém; Nguyễn Cư còn sung vào việc đi công cán ở Gia Định, khi về nói: "nhân dân từ Quảng Nam trở vào nam đến 6 tỉnh bị điêu tàn tật dịch, phần nhiều đi Ô-đông Hạ-châu [1], hiện về không có mấy mà lại đi càng nhiều, bởi vì những người điều hành không khéo thể tất đức ý của triều đình lại thuế khóa làm việc nặng nề phiền phức; ông nói hết cả tình hình ở trong, gây hấn ở ngoài, tình trạng đáng lo, vì đương lúc này ngoài việc tai ương tốn thiếu, mà lo ngại lại dồn dập; vậy xin ra ơn tốt đẹp, vỗ về, bảo vệ, chẳng gì cần thiết bằng dân ấy; hoặc tróc nã trói buộc phục tòng duy trì chẳng gì cấp bách bằng lúc này; xin sắc cho các tỉnh theo ân chiếu khám rõ, cứ thực xét làm; lại xin chia ban cho các tù phạm đều đóng riêng từng sách";

Tờ tấu dâng lên, vua xem xong bèn sai các tỉnh theo y lời chiếu dụ lập tức trù liệu mà làm, còn khoản chia ban tù phạm cho bộ Hình xét rõ trình bày tâu lên đợi chỉ sửa đổi. Mùa đông năm ấy lại dâng sớ nói: "từ Quảng Trị trở ra bắc lệ khí chưa hết, lại gặp khóa kỳ thanh tra, đường trạm cung

(1) Có lẽ là vùng nam Campuchia.

Digitized by Google

ứng không khỏi phiền phức mệt nhọc, xin đình miễn cho lần này". Vua theo.

Cư ngày thường giữ chức đài gián, trải 3 năm tùy việc bàn luận trình bày, phần nhiều thấy được thu nhận, thế rồi bị việc phải miễn chức, về nghỉ chết ở nhà. Sau được con là Trọng Hợp làm quan to nên được tặng là Lễ bộ thượng thư.

*

Nguyễn Trọng Hợp

Tên là Tuyên, sau lấy tên tự là Hành, hiệu là Kim Giang, biệt hiệu là Quế Bình, tính thông minh, khảu khỉnh, lúc nhỏ cha mẹ chết cả, quyết chí học hành chịu khổ, nhà nghèo, vẫn như thường. Năm Mậu ngọ - Tự Đức thứ 11 (1858) đỗ hương tiến, bấy giờ Nguyễn Trọng Hợp 21 tuổi, đi thi hội dân số chưa đủ, nên bổ sung vào phủ Tùng Thiện Công [1] để tu thư (soạn sách). Vì thế được học tập càng rộng, ý nghĩa càng sâu, Tùng Thiện Công thường khen có tài tể tướng. Năm Ất sửu thứ 18 (1865) đỗ tiến sĩ, bổ làm tu soan Viện Tập hiền, chuyển đi tri phủ Xuân Trường, đổi làm Thị độc ở Nội các, được ra vào hầu hạ nơi cấm cận nên Văn học Chính sự được biết nhiều, rồi tuyển làm phủ Thừa Thiên, rồi lĩnh phủ doãn, có tiếng về chính trị.

Trước đây trong kinh kỳ các lò nung mà dân phục dịch hằng năm kể có hàng nghìn, chi phí cũng bạc vạn, Trọng Hợp cùng với bộ Công trao đổi chủ trương xin giảm bớt số đó. Vua cho lời tâu là phải, vì thế kho tàng của nhà nước hàng năm có giôi ra.

Năm thứ 26 (1878) mùa đông, nước Pháp phái tên An Nghiệp đánh úp lấy Hà Thành, Đông Nam Ninh cũng kế tiếp không giữ được; vua cho Trọng Hợp là người có tài cán, sai làm tán lý kịp thời tới hội họp mà làm, thế rồi An Nghiệp

(1) Tùng Thiện Công Miên Thẩm sau được phong là Tùng Thiện Vương, con thứ của vua Minh Mạng.

Digitized by Google

có ý giảng giải, nên có chỉ thăng Trọng Hợp làm tuần phủ Hà Nội cùng với Viên tổng đốc mới là Trần Đình Túc cùng tới bàn việc giảng hòa. Khi tới Hà Thành, An Nghiệp phái người đón vào thành nghỉ ngơi, có quân đi tuần phòng. Nơi trụ sở, Trọng Hợp cùng Đình Túc yên lặng đợi chờ; bấy giờ những quân Việt gian bị An Nghiệp lợi dụng mưu toan ngăn trở công việc, đêm muốn gây biến, trong bọn chúng có người biết ngăn đi, mưu ấy bèn thôi. An Nghiệp đem việc khai thương ra hỏi và bảo: "Tân quan đã đến đây định giảng hòa đã được chưa?" Bọn Trọng Hợp đáp: "Vì chưa có toàn quyền, chỉ biết vâng lệnh cho ra đây, như nghe theo là may hoặc nói về việc hòa hiếu thôi". An Nghiệp nghe xong bụng được yên, cùng nhau thương ước. Sáng sớm mai quân thứ Sơn Tây cho bọn Cờ đen đến dưới thành khiêu chiến, tên An Nghiệp nghe báo lên ngựa ra đón đánh bị giết chết ở Cầu Giấy, những phái viên Pháp nghi ngờ, việc thương lượng nửa chừng biến đổi, tên quan hai Pháp là Biên (tên người), nối các công việc, có yêu cầu rút quân về, sau mới chịu thâu ước. Bọn Trọng Hợp qua lại thương giải không chịu theo, tên quan hai Khoanh biết không thể hạ được, lại hướng về bọn Trọng Hợp nói: "Cũng chuyên giữ như bụng An Nghiệp trước, đợi khai thương bàn định xong, tức thì giao trả các tỉnh". Trọng Hợp bàn riêng với Đình Túc rằng: "họ đã muốn thôi chiến tranh, nếu Lưu đoàn [1] chưa rút lui, sợ mất hòa khí cả toàn cục", bèn tới thương lượng cùng viên thống đốc tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm đóng quân không động vội, rồi về Thành thương giảng. Tên quan hai Khoanh dự bàn ước, rằng phải như lời hắn muốn mới thôi. Bọn Trọng Hợp lấy làm khó, luôn mấy hôm chủ trương bàn định chưa quyết, gặp lúc khâm sai là Nguyễn Văn Tường từ Gia Định đi với tên thống sát Pháp là Phi Lạc (có tên gọi Hoắc Đạo Sinh) [2] tới hội đồng bàn bạc đính ước giao

(1) Chỉ Lưu Vĩnh Phúc, quân cờ đen.
(2) Có lẽ là Filattre

Digitized by Google

lại thành. Trọng Hợp cùng với vài người đi theo, đáp phụ chiếc tàu thủy tới nhận tỉnh Ninh Bình và ủy thác trước cho viên án sát mới là Trương Gia Hội tới Bắc Ninh gọi lính rồi chuyển tới cùng phụ thuộc coi giữ. Vừa khi đi thời quân Bắc Ninh chưa tới mà phái viên người Pháp đã giao thành rồi đi, còn nguyên lính mộ vài nghìn người mà phái viên Pháp đã mộ, còn đứng đầy khắp ngoài thành. Họ thấy một mình Trọng Hợp cưỡi ngựa tới, đều nhìn nhau ngơ ngác. Trọng Hợp tuyên dụ uy đức của triều đình, họ mới chút yên, xin cùng giữ thành. Khi quân Bắc Ninh tới, đều tản mát quay về. Trọng Hợp lại xin cẩn thận lựa chọn quan lại có tài năng để vỗ yên dân chúng. Trọng Hợp ở vừa đủ một tuần (12 hôm), chuyển làm tuần phủ Nam Định, hộ lý Định An tổng đốc; Hợp cho nơi ấy đất thì trọng mà tư cấp lại việc dâng sớ xin cho người. khác thay, vua dụ rằng: "Nhà ngươi khi còn làm Kinh triệu, ta nghe được lòng dân, nên cố gắng cùng với người đồng sự chấn chỉnh lại mọi việc mới xứng lựa cất lên".

Trọng Hợp bèn tâu nói: "về vùng Nam, sông bể dài suốt mà đất vừa rộng vừa mặn, dẫu không có vật sản phì nhiêu, nhưng ruộng đất gấp nhiều phải lấy cung cấp cho các nơi. Nay mới bắt đầu hoàn phục, việc sửa sang khó khăn. Vâng lời dụ chỉ, cốt ở vỗ yên khiến binh dân sớm có hy vọng yên ổn tụ họp, nhưng vì quân phí ở Bắc biên chưa tỉnh giảm, nhân viên nông nghiệp gấp việc đạc điền. Vết thương tàn tệ hãy còn, nếu không được khoan cho giả hạn khó mong sinh sống; vả Nam hạt thực là một ngoại hộ ở Bắc Kỳ, ngày trước cùng với ngoại quốc giao hội không nên, không bày tỏ hình thế. Vùng Sơn Bắc [1] ở vào thượng du dễ mạnh lên, còn vùng Nam hạt [2] thuộc vào hạ du là nơi xung yếu, không có rừng núi hiểm trở chỉ cậy có binh lực thôi. Từ khi gọi bắt lính nhiều nơi, lính đã không tập luyện sẵn sàng, lại dân gian làng

(1) Chỉ vùng Sơn Tây và Bắc Ninh.
(2) Nam hạt là vùng Nam Định, Thái Bình.

Digitized by Google

mạc sinh sống chưa yên, tình quân càng thấy ngặt nghèo, chính là lúc nên cho hoàn tụ. Vậy mong nhà vua vì toàn kỳ chú ý xếp đặt hình thế sở tại thuộc thần hạt sau này. Xin khoan cho việc trưng thu giao dịch để được chút thư thái. Đến như đám thổ phỉ ở ven biên, vì núi khe cây cỏ lẫn lộn, lấy dân Sơn Bắc, thêm vào lính Thổ-dũng cũng đủ tư trợ được việc. Còn Nam hạt và dân Hải Dương gần biển dùng vào việc binh trái hẳn tính tình, dẫu nhiều cũng vô ích, xin bãi cho về, nuôi lấy toàn lực để cải thiện trọn vẹn đã, sau sẽ bổ vào việc binh bất giữ vững "bờ cõi".

Lại có tập bí mật nói: "Dựng nước phải có thế có quyền. Hiện nay về đại cục cái nghĩa theo thời sao cho việc bớt người yên rất là to lớn. Việc thương ước với nước Thanh, không đề cập tới Điên Trung [1], đó là không muốn có nghị định thông sang tỉnh Vân Nam, song ta cũng cùng với nước Pháp hòa hiếu đã lâu, khoản đó không có gì trái lạ. Hiện nay quân Thanh đóng 10 dinh ở Cao Lạng, thế lực 2 tỉnh ấy đơn nhược, nếu ta tạm để quân khách đóng đó, để ta chuyên lo về các đường Tuyên Thái cũng là đắc sách. Đến như đoàn Bảo Thắng Thương đạo là Lưu Vĩnh Phúc, khó bỏ được cái lợi là mượn cớ có danh có nghĩa. Thế là ngang, xin liệu chỗ cho đóng để được yên ổn khỏi sinh phức tạp." Vua đều cho là phải.

Trọng Hợp lại cho đoàn thuyền tỉnh Nam, không tập quen đường biển thường thường bị thất lợi, nên mướn mộ thuyền Việt Đông [2] chở để đoàn vận tải được nhanh chóng. Vua phê bảo và khen ngợi.

Bấy giờ có thương nhân do bộ Hộ cho đặt các công ty làm sợi bông, tre, gỗ, gạo, muối, lò sát sinh, đồ gốm và vóc lụa ở tỉnh Nam, xin chịu thuế và xin vì dân nộp thay thuế lương, phụ nộp cả tiền sung công. Vua giao xuống tỉnh xét.

(1) Điên là vùng Vân Nam, Trung Quốc.
(2) Việt Đông là Quảng Đông, Trung Quốc.

Digitized by Google

Trọng Hợp phúc tâu lại có nói: "đặt ra công ty có một hai người chỉ là đục khoét thôi, và cách sinh sống đến phải tiêu sơ. Nay sông Cấm đã cho khai thương để thông lợi với tàu ngoại quốc đến đỗ. Về việc thương mại của nước ta được tụ hội, nắm lấy quyền lợi chỉ ở Nam Định làm cốt yếu. Vậy thuế khóa của nhà nước không nên để sát lậu, nhưng phải tính trước để tiện lợi cho nhà buôn, thời thuế khóa mới đầy đủ; nếu khoản ấy khoản khác bị bó buộc thu cả, thì lợi vào nhà nước có ít mà người buôn chịu tệ bệnh rất nhiều, cho thi hành rất không tiện; vả thuế thóc là thuế chính, cũng tự dân thu nộp đã có cách thức sẵn có, nếu cho người buôn cầu lợi nộp thay lại cùng với người coi kho thông đồng với nhau, thời di động ra vào mối tệ đủ trăm khoanh. Tóm lại đều làm tệ cho dân mà rất không có ích cho nhà nước". Tờ sớ dâng vào, vua cho là phải và bảo địa phương phải như thế mới xứng.

Năm thứ 29 (187) ông dâng sớ nói: "cố gắng giúp việc sắp được 3 năm, tự xét từ khi giữ chức, noi theo công lý, vỗ yên dân một phương, kính phục đức ấm nhà vua, không dám không gắng. Đến như tuyên dương uy đức của nhà vua, thân minh việc quân lữ, khiến tướng hiện giữ mệnh lệnh, quân lính đều mạnh giỏi, thời tài của tôi thực không kịp, mong nhà vua soi xét lựa chọn người lương cán khác, may được đổi tội cho một chức giúp ở bộ, ngõ hầu con ngựa xoàng được ra sức giong ruổi để mưu báo đáp".

Vua không bằng lòng phê dụ rằng: "ngươi cũng là một người có tài trị dân, cố gắng những việc chưa tới là khó đó". Thế rồi lại trích tâu "phiên niết là Phan Minh Huy và Tôn Thất Thận làm việc trái phép và kho ở tỉnh để thiếu hụt, tình tệ quả thực". Vua khen.

Khi trước đồn ở cửa biển Trà Lý [1] thường có quân buôn gian lận ra vào, Trọng Hợp lo lâu ngày sẽ kết bè đảng, thường

(1) Trà Lý thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay.

Digitized by Google

vẫn nói luôn. Tới bấy giờ quả có đơn kêu cướp bóc. Trọng Hợp bèn phái quân đốt bỏ phố sá ở đồn, dời dân lương thiện vào cả bên trong đồn, chia đặt chỗ ở để sinh sống và chịu thuế, lại xin đặt thêm thương biện (văn viên ngũ lục phẩm) hiệp cùng lãnh binh lấy gò cũ lập đồn coi giữ.

Năm 31 (1878) mùa xuân, vua dụ rằng: "Trọng Hợp có tài lược, không phải thiên về nhu hòa, dẫu là tân tiến, nhưng coi trị nơi đó cũng không có phú, cho bổ thụ tuần phủ vẫn hộ lý, ban khánh ra ơn, cũng là xét người ngụ ý khuyến khích còn đợi 3 năm khảo xét làm gì".

Trọng Hợp giữ trách nhiệm ở tỉnh Nam đã lâu, khuyên dân làm ruộng trồng dâu, đắp đê khơi ngòi, dựng cửa nước, dân lấy làm tiện; khi biên giới tây bắc báo động chưa dẹp xong, gọi lính đài tải lương thực không thiếu; lại thường xét tâu các phủ huyện có tài năng hay không và xin lập quân tuần tiễu vùng biển, mọi điều dâng lên. Vua cho chuyên coi mọi việc. Bèn mộ luyện quán nghĩa dũng, đặt pháp thuyền, nhân đó cho đi tuần tiễu và chép rõ quân pháp mà bộ đã kiểm xét, mọi người đều tuân mệnh. Từ đó cửa biển ở kinh cho tới con đường Bắc Hải được thông đồng không lo có giặc biển nữa. Gặp năm mất mùa dân đói, Trọng Hợp trước hết cho rộng khuyến hóa, lại xin mở kho thóc để phát chẩn dân nhờ đó mới sống. Bấy giờ Sở thương chính ở Hải Dương mới mở, quân gian thương không có lợi, phao tin loạn xạ, Trọng Hợp cùng tổng lý thương chính là Phạm Phú Thứ thương lượng mưu tính bí mật ngăn chặn, lời phao lên cũng chỉ.

Năm thứ 33 (1880), cho ở ngoài đã lâu, vả ốm, lại nghe sắp lựa chọn người sang Tây, dâng sớ xin sung một chức phó nhị, để trải xem tình hình ngoại quốc.

Vua sắc bảo rằng: "Nay nhà nước đương cần nhân tài, xét bệnh tình, trẫm cũng ái ngại, nên bảo trọng cái thân hữu dụng để mưu toan báo bổ". Mùa đông năm ấy được vào thay

Digitized by Google

làm tả tham tri bộ Lại kiêm quản lý Thương bạc đại thần. Sang năm đình thần đề cử sung phái viên sang Tây.

Vua nói: "Trọng Hợp có học thức, thơ văn cũng luyện, vả có nết tháo thủ, có tài quyết đoán, trước kia trẫm chưa biết nay dẫu là đã muộn, vậy sai đi chuyến này, đã thỏa được ngày thường mong mỏi, ngõ hầu có ích chăng? Đặc cách cho sung chánh sứ". Rồi vì có việc không quả quyết đi.

Năm thứ 36 (1883) làm thự Lại bộ thượng thư. Mùa hạ năm ấy Dực tôn Anh hoàng đế lên chầu trời, Phế đế lập, người Pháp đem quân thuyền đánh phá thành Trấn Hải. Bấy giờ đang gặp quốc tang, việc tới bất kỳ, lòng người lo sợ, vua sai Trọng Hợp tới trước thương giảng. Chiếc thuyền phái đi thông tin, mới ra cửa Thuận, đã bị pháo bắn chìm, mọi người càng sợ. Trọng Hợp mạnh bạo cùng với tùy thuộc đi chiếc thuyền nhẹ thuận dòng trở xuống, đêm qua Lộ Châu, trăng nước tờ mờ, khí trời bốc lên quãng giữa che cả mắt, quân Pháp trông xa không phân biệt được, bắn ra như mưa. Trọng Hợp bèn sai người thông dịch xé chăn vải trắng viết chữ "Âu", vội đốt hóa vất trong thuyền để tỏ bảo. Quân Pháp từ trong lửa sáng phảng phất thấy hiệu cờ, tiếng pháo bèn thôi, rồi ông Hợp lên tàu tên thượng súy, cùng với viên đô thống Pháp ra mắt. Viên đô thống yêu cầu lấy đồn Lộ Châu làm tin, Trọng Hợp cố sức chống chọi, bảo việc ấy chưa được biết, nếu hòa hiếu không thành thì sao, qua hôm sau cùng với tên đô thống tới kinh. Bèn đưa Hợp làm phó toàn quyền cùng với chánh toàn quyền là Trần Đình Túc đều tới sứ quán giảng định hòa ước. Rồi lại được chọn làm khâm sai tới Bắc kỳ kinh lý mọi việc. Bấy giờ đại cục ở Bắc Kỳ hơi khác, vừa lúc trong kinh có việc biến, tình thế muôn việc đều khó. Khi Giản Tông Nghị hoàng đế [1] lên ngôi, Trọng Hợp về kinh đem việc thương thuyết không có công trạng xin giải chức đợi tội, rồi được

(1) Tức là Ưng Đăng, niên hiệu Kiến Phúc (1883-1884)

Digitized by Google

chuẩn cho trả hàm hồng lô tự thiếu khanh, sung sơn phòng phó sứ ở Thanh Hóa, chưa bao lâu lại khởi phục thực hàm, quyền thụ lý Sơn Hưng Tuyên tổng đốc. Gặp sau khi quân của đoàn Lưu Vĩnh Phúc rút lui, quân giặc cỏ hiệp cùng với quân tản dũng đầy dẫy giày xéo hầu như không còn chỗ nào yên. Trọng Hợp đánh dẹp vỗ về đều được cả. Khoảng năm, sáu tháng lửa đốt báo hiệu giặc giã mới tắt, làng mạc dân dân hoàn phục như cũ.

Hàm Nghi năm đầu (1885) thăng hàm thị lang nhưng vẫn thụ lý, tới khi nghe tin ở kinh nhà vua đã chạy, Trọng Hợp cùng với Hà Nam tổng đốc là Nguyễn Hữu Độ và Phan Đình Bình tới phủ Pháp Súy thương giảng, thế rồi Hữu Độ, Đình Bình về kinh thương định mưu tính việc đại sự, còn Trọng Hợp lại quay về Sơn Tây. Vừa lúc Cảnh tông Thuần hoàng đế [1] lên nối ngôi, đại sự đã định, rồi Độ lại về kinh, Trọng Hợp mới có lệnh quyền biện kinh lược, liền chuẩn cho bổ tổng đốc, tiến thự Hiệp biện đại học sĩ, nhưng vẫn coi việc ở kinh lược sứ.

Vua dụ rằng: "Việc Bắc Kỳ nhất thiết ủy cho khanh, gia cho cái khánh ngọc có chữ: "Hiếu hạnh trung trinh" để khuyến khích. Bấy giờ cả toàn kỳ bị xâm lăng loạn lạc, Trọng Hợp chỉ lấy thành tín làm tin lại cẩn thận lựa chọn quan lại, liệu phương xếp đặt việc, việc có manh mối. Năm Đồng Khánh thứ hai (1887) Hợp dâng sớ xin cho người thay để vượt biển về kinh, đêm hôm tới cửa Đà, vua chiêm bao thấy một người cười bảo: "Trọng Hợp đã tới cửa Đà"; tới sớm hôm sau gặp có tờ tư của bộ tướng làm phòng sứ ở cửa Đà đưa vào tâu, vua phê bảo cho viện thần biết, hai hôm sau Trọng Hợp quả đến vào chầu, vua rất mừng, có làm bài thơ và tựa để tỏ lòng, thân ái như sau:

(1) Tức là Đồng Khánh, (1886-1888

Digitized by Google

Phiên âm

Long Thành thiên lý viễn　　Phượng khuyết cửu trùng thông.
Tạc dạ tinh thần hội　　Kim triệu úy khí đồng.
Đại cữu Dương Thúc Tử,　　Thân hốt Tống Hàn Công.
Đài các văn chương phú,　　Biên cương phẩm vọng sùng.
Thùy dụng giang san trách,　　Hiền khanh tín phỉ cung.

Dịch nghĩa

Lòng thành xa nghìn dặm,　　Cửa quyết chịu lân thông.
Đêm qua chiêm bao gặp,　　Sớm nay lý khí cùng.
Đại cữu giống Dương Hựu,[1]　　Thân hốt nọ Hàn công.[2]
Văn chương lừng đài các,　　Phẩm vọng nức biên cương.
Cần gì phải hình vẽ,[3]　　Điềm ứng được hùm bay.[4]
Non sông ai trách nhiệm,　　Hiền khanh bậc tận trung.

Trọng Hợp họa lại dâng lên, vua son phê: "hay hay, lời nói đồng tâm, sắc như cắt vàng, tình sâu tín giao, mới có như thế"; rồi chuẩn cho lấy hàm ấn lĩnh Lại bộ Thượng thư, sung Cơ mật viện đại thần, Quốc sử quán tổng tài, Kinh diên giảng quan.

Năm thứ 3 (1888) mùa xuân, thự Văn Minh điện, Trọng Hợp dâng sớ từ lược rằng: "tài lượng không nên giả hão, ân vinh cũng chẳng nhầm lâu, thần giữ chức ngoại phiên, không chút công trạng, gần đây đội ơn cất đến hàm này, nay lại tấn

(1) Tấn Dương Hựu tự Thúc tử, khi ở trấn vẫn mặc áo cừu nhị đeo đai ngọc, không mặc áo giáp, chỉ cốt sửa đức mà người Ngô phải kiêng, khi chết dân dựng bia ở núi Nghiễn, gọi là trụy lệ bi.

(2) Tống Hàn Kỳ đỗ tiến sĩ, trải thờ 3 triều làm đến hữu bộc xạ, phong Ngụy quốc công, tính trung trực, gặp việc lớn không ngại nguy hiểm hiềm nghi, khi Tây Hạ phản, làm kinh lược Hiệp tây, khiến Nguyễn Hiệu phải xưng thần, lừng tiếng trong ngoài.

(3) Thương Thành Thang chiêm bao thấy Phó Duyệt, sáng dậy cho vẽ hình đi tìm, thấy Phó Duyệt làm thợ nề ở Phó Nham, đón về giúp nước, sau làm tể tướng.

(4) Chu Văn Vương nằm mộng thấy gấu bay, khi đi săn gặp Lã Vọng ngồi câu ở sông Vy, hỏi ra mới rõ tên hiệu là Phi Hùng, đón về tôn làm thầy giúp nhà Chu đánh Thương Trụ.

Digitized by Google

lên bậc cao. Sao kham nổi được; khi xưa Dương Thúc tử thường nói: chân học trò trắng mà được đến trọng vị, phải lấy thịnh đầy làm răn, Sơ Quảng [1] là thầy ta đó". Ôi! Thúc Tử là bề tôi công lao trọng vọng, thần đâu dám so sánh, nhưng đọc đến 3 lần cũng đáng là bậc thầy của thần. Xin cho đợi tội được giữ nguyên chức. Vua không bằng lòng, lại cố xin từ, mới được như lời xin, rồi mắc bệnh xin gia hạn về nghỉ.

Tới sang năm nhà vua hiện nay lên ngôi (tức Thành Thái) có chỉ cho triệu, Trọng Hợp đi tàu binh của Pháp, mới ra khỏi cửa biển Đồ Sơn vài dặm, gió bão nổi to, tàu máy bị rỡ nồi hơi nóng, lênh đênh ngoài biển 7 đêm ngày suýt bị chìm đắm, rồi trôi vào cửa biển Đại Chiêm. Gió dần yên, cứu thuyền cũng đến, vì viên toàn quyền đại thần biết tàu ra biển hẳn bị gió, nên sai nhiều binh thuyền đi tìm khắp cả mới gặp. Tới khi đến cửa Khuyết vào yết kiến, vua sai cùng với Tuy Lý công là Miên Trinh, Hoài Đức công là Miên Lâm và Trương Quang Đản cùng sung vào chính phủ. Hợp lại thăng thự Văn Minh điện đại học sĩ, sung Cơ mật viện đại thần Quốc sử quản tổng tài, kiêm quản Khâm thiên giám sự vụ và ban cho chiếc khánh ngọc có chữ: hiếu hữu đoan lương; Trọng Hợp tâu xin mở đặt nhà Kinh diên, đại lược nói:

"Nhà vua có công đã chăm chính đạo, học vấn càng quý ngày tân, xin cho ngày thường giảng quan và nội các thần sớm tối thay phiên vào hầu để hỏi han được đầy đủ, ngoài ra cũng tùy từng lúc vào ra mắt gặp việc khuyên can noi theo đường chính, ngõ hầu gần gũi những người hiền nhân quân tử ngày một nhiều, nối tỏ đức quang minh để thỏa lời từ huấn của tam cung. Lại xin sắc rõ cho các thượng tư trong ngoài đều xét thuộc hạ mình ai luyện đạt tài năng và liêm bình hết

(1) Sơ Quảng, tự là Trọng Ông, có trí thức xa, đời Hán Tuyên đế làm đến thái tử thái phó, cố xin về hưu, có nói: người hiền lắm của thời tổn chí, người ngu lắm của càng nhiều lỗi.

Digitized by Google

lòng việc dân, do bộ Lại hội lại đóng thành sách, gặp chỗ khuyết thời sung bổ; ai tâm thường cho giữ nguyên hàm về hưu dưỡng. Đến như ai mệt mỏi yếu đuối không kham nổi, có hình tích kém cỏi trích ra tham hạc tâu lên, nếu thượng tư im lặng a dua, cùng chẳng hay chính mình bảo ban thuộc hạ thời chiếu lệ nghiêm xử, để đường sĩ đồ "được trong sạch".

Bấy giờ gặp năm hạn hán, Hợp cùng với chính phủ thần dâng sơ lược rằng: "Xưa Chu Tuyên Vương nhân hạn hán ra tai sợ hãi tu tỉnh, từ bậc nguyên tể đến hàng bá quan đều thận trọng các việc; nay hạn hán đã trải hàng tuần nam bắc đến thế. Trước đây trải bao việc, vết thương chưa bình phục và giặc cướp ở Bắc Kỳ hãy còn đầy dẫy, nếu một hột thóc không thu được, thời chồng chất nỗi thống khổ, hun đúc khắp lê dân, lấy gì chịu nổi. Nhà Vua mới nối ngôi, cần giữ thành pháp, vẫn nghĩ ban ơn huệ cho thứ dân để tới đạo trị, thế mà chưa có điềm hay ứng hiện, há chẳng phải tệ nát chồng chất chưa bỏ, chức tư chưa đề cử lên và nỗi ẩn oan của dân chưa đạt lên trên nên mới đến thế. Bọn thần điều hòa không có phương kế muon việc cam chịu tội, chỉ biết kính cẩn sửa sang việc nhân sự, mong sao được bổ cứu. Vậy xin sắc rõ cho các thần công, ở trong từ chính phủ tới bộ, viện, tự, các, đều nghĩ chăm chỉ xây dựng, tỏ rõ thực lòng thực đức. Trước hết từ triều đình, đoan chính lấy căn bản; ngoài thời từ kinh lược sứ đến phương mục thứ lệnh, đều có trách nhiệm chăn dân. Hiện nay muốn cùng dân yên nghỉ, cốt ở hết sức tìm tòi các tệ mà bỏ đi, vì tài lực của dân nộp vào thuế chính cũng chỉ có một phần, mà ngoài đó nào tạ sự để vơ vét. Nào nhân việc bắt mang lụy, quan phủ bảo chờ đợi, tư dịch đòi yêu sách, thời phí tổn không biết gấp mấy, biết được tệ ấy, giảm một chấm son, còn một chấm máu. Không vì tha giảm thuế má chưa được thức, chỉ cốt đơn giản thanh bạch có cứu tế. Đó là một việc triệu lấy được hòa khí; Lại như giấy tờ án kiện liên can cả người làm chứng, hết thẩy bắt giam, trải qua ngày

Digitized by Google

tháng vẫn để đó không xử đoán. Một bản án chưa kết, mười người bị phá sản, các phủ huyện đã nhiều như thế, ở tỉnh lại im lặng như không nghe thấy. Quá lắm như chỗ giam cầm ở tỉnh cũng thế, rất là kinh ngạc, bỏ được tệ ấy, đó lại là một việc triệu được hòa khí. Dân đã đến đói, chẩn không cách hay, ruộng cày thiếu tiện; kịp thời nên cốt ở khuyên bảo, không bắt hết sức để được trồng trọt thứ khác, hoặc chuyển dời cho chấp sự để đổi chác, để khi có khi không; cùng dân Bắc Kỳ đã bị lâu về trộm cướp, phân biệt thiện ác, để tâm vỗ về, đó là cốt yếu vì dân phải mưu tính. Vậy nên thế nào cùng nhau cố gắng cho tốt, nếu trong bụng chỉ vì dân, thời dân khí đã hòa, năm năm mùa màng phải thuận, đối với trên đỡ khỏi quên ăn mất ngủ, đối với dưới hả hê cho dân chúng đợi ngày mây mưa!".

Mùa đông năm ấy, trời lại mưa dầm, lệ khí thỉnh thoảng lại phát, Trọng Hợp lại tâu nói: "gặp thiên tai phải cố gắng khuyên răn. Sử sách có kê cứu, xin xuống dụ biếm giáng để rõ cái lỗi của bọn thần tử, mà trong thâm cung tĩnh mịch của nhà vua cũng nên cẩn thận sợ hãi kính trọng điềm răn bảo. Về quan cai trị đều thận trọng, sửa mình cho thẳng thắn, chớ có manh tâm làm bậy, để giúp nhà vua, mới mong chuyển tai làm lành được". Tờ sớ dâng vào, từ chỉ (chỉ của mẹ vua) cho là a tôi dụ bảo nhau cố gắng.

Năm thứ 2 [1], chuẩn y lời tấu cho ấn định ngạch binh cả trong lẫn ngoài, cùng các dực vệ chung quanh hoàng thành với các cửa cổng ở kinh thành đều dựng nhà quân xá cho đến mẫu cờ, màu trang sức của quân đều theo ở Hội điển mà làm.

Lại tâu nói: "Tự Đức năm đầu các chính khanh tại triều đình dâng sớ có xin: phàm đồ ngự dụng và đồ ban cấp đều nên kiệm ước, được nhà vua khen và nhận lời, nên bớt xa xỉ chuộng kiệm ước, 30 năm có lẽ thường như một ngày. Nay

(1) Có lẽ là Thành Thái năm thứ 2 (1890).

Digitized by Google

nhà vua mới lên nối ngôi, mong theo cái đức cung kiệm của Tiên hoàng đế, để bụng nhận lời can, tôn người hiền, vui điều thiện, lời nói bên cạnh mình phải xét, chớ cho mình là thông minh. Xin phàm các vật nhà vua dùng đều theo kiệm ước, lại xin đình lại những sắc phái nhân viên đi tìm mua các vật kiện, lời rất thống thiết.

Quốc gia từ năm Quý mùi sau khi hữu sự, tế Giao chưa cử hành, đến bấy giờ Trọng Hợp bàn xin 3 năm một lần tế Giao để theo cổ lễ, khi lễ thành ban cho khánh vàng và vàng lụa. Năm ấy bộ Hộ dâng bản nghị định mới, về mức đánh thuế, Trọng Hợp tâu nói: "thuế chính cũng là thường điển của nước, hiềm chứa chất tệ hại đã lâu, nên thuế của nước không được sung túc mà dân thêm bệnh, xin sức rõ cho các địa phương hết thẩy khi thi hành không được nhiễu sách".

Năm thứ 3 (1891), có chỉ chuẩn cho được thực thụ, lại dâng sớ từ, lược rằng: "Thần nhỏ mọn hèn hạ được Dực tông Anh hoàng đế cất nhắc lên, đoái hoài gặp gỡ rất sâu, thần vốn trí nông, tài hèn, chưa có cái gì được bổ ích, thường truy nhớ đức ấm của tiên đế, nước mắt giàn giụa khắp mặt, tự cho thân này bó buộc không thôi được, nhưng muôn việc khó xứng đáng bù đắp lại. Nay nhà vua nối sáng nghiệp lớn, trên có Tuyên Nhân thái hậu là bậc thánh triết mà ở triều đình trăm quan không ai là không tỏ rõ bụng trung giúp rập nhà vua. Thần lẫn đương việc phụ tá, tài năng thi thố chưa thấy kiến hiệu và chưa được xứng đáng trách nhiệm đã tác thành cho. Thần vâng mệnh được vài tháng đã được gia thự hàm này, nhưng đương lúc công việc bề bộn, chưa dám làm rườm tai vua, nên gắng gượng nhận chức, nhưng riêng lòng lại hổi lòng càng thấy thẹn trong tâm. Nay mọi việc đã bớt, kinh lý còn nhiều và nhân dân chưa được yên sở, chính lúc nhà vua đang lo nghĩ siêng năng cùng là ngày thần công nên hết lòng giúp rập, còn thần chức vị đã cao lại gấp tấn phong cho bậc

Digitized by Google

cao nữa, thời công luận ra sao? Vậy xin cho cứ hàm này để giúp việc, miễn khỏi lời răn về yêu cầu sủng lộc, cho được trọn tiết c ng trung".

Vua không chuẩn cho từ, lại xin cho Hiệp biện đại học sĩ là Nguyễn Chính và Đoàn Văn Hội sung làm phụ đạo đại thần và khởi phục cho nguyên tổng đốc là Nguyễn Thành Ý cùng nguyên tuần phủ là Đoàn Khắc Nhượng làm giảng ốc để ngày cùng với giảng quan thay phiên vào hầu, và sớm tối hàng ngày xin nhà vua ra nơi tiện điện hỏi han sách sử. Lại nói: "đứng nhân quân tĩnh tâm nuôi đức không một lúc nào nơi nào mà không phải là học, trong thâm cung sau khi chăm chỉ cố gắng cũng nên có lúc ra vào thư thái và vui vẻ thân cận những bậc hiền sĩ đại phu, để di dưỡng tinh thần rộng thêm trí lự. Nay xin sau khi kinh diên giảng giải công việc nhàn hạ, gặp lúc tạnh hòa nên ngự đi du lãm trong một hai tháng một lần. Những ngày xe giá về, có Nội các xét những sách vở thường dâng đưa theo, để bọn thần cùng các phụ đạo, nhật giảng, thị vệ chư thần thay phiên theo hầu đợi có hỏi han sách sử và xét hỏi mọi việc về dân tình; lại trị thổ tục, điền công, v.v... như thế thì vui chơi có lúc, học vấn ngày tiến đến cõi quang minh". Gặp lúc lễ suy tôn đã thành, tấn phong cho Vĩnh Trung tử, cố sức từ không được.

Năm thứ 5 (1893) mùa xuân lên thọ 60, vua sai các thần[1] là Đồng Sĩ Vịnh mang lời dụ của vua và kim tiền ngũ phúc, ngân tiền phi long đủ 5 màu cùng gia thêm gấm hoa vàng thuần bằng nhiễu và sa v.v... tới nơi thự sở truyền chỉ ban cấp cho để làm lễ thọ. Rồi cùng với chính phủ thần dâng sớ xin trả lại chính, lược rằng: "Nay nhà vua năm đã tiến, có chí học hạnh và đức vua ngày một lớn, bọn thần giữ mãi chính sự về then chốt đã lâu, trong tâm rất là không yên,

(1) Các thần là quan làm việc tại Nội các, tỉnh thần là quan làm việc tại tỉnh và bộ thần là quan làm việc tại các bộ.

Digitized by Google

xin cho đình việc sung vào phụ chính để điều theo chức sự mà làm. Kính mong nhà vua lo xa nghĩ sâu, chút nhớ đến việc phó thác là trọng, để tâm vào học vấn, theo nhận lời can, xa lánh chơi bời, cố gắng kỹ càng mọi chính sách, để thần công đều hết chức ty, thời lê trị khá mong dần tiến được." Vua dụ rằng: "chớ nên từ".

Năm thứ 6 (1894) có việc bang giao, được sai sang thành Pa-ri nước Pháp sửa việc sính lễ, khi về lại sung chức như cũ. Năm thứ 8 (1896) vì ốm xin giả hạn về 6 tháng để tĩnh dưỡng; vua đặc cách cho hạn 3 tháng cùng ban cho sâm quế và bạc, sai trung sứ hộ đưa ra khỏi đô thành. Năm thứ 9 (1897) mùa xuân lên vin lệ xin trí sự, xuống chỉ ưu đãi và cho; lại xuống dụ rằng: "Từ xưa những người có công nghiệp, quốc gia vẫn ỷ trọng, nên thường thường tới ngày trí sự, ân lễ vẫn ưu đãi. Đó là khích lệ cái khí tiết, tiến thời khó, lui thời dễ, để khuyên nhủ kẻ sau này; phụ chính đại thần, Văn Minh điện đại học sĩ Vĩnh Trung tử Nguyễn Trọng Hợp là khoa giáp cựu thần, có công với quốc gia, trẫm vì tuổi nhỏ nối ngôi chính thống, khanh ở chính phủ hết lòng giúp rập, trong vỗ yên nhân dân, ngoài cố kết lân hiếu. Tám năm qua, công khen thực nhiều; nay răng tóc dẫu chưa suy, nhưng lo nhọc ngày chồng chất dễ bề mắc bệnh. Mùa thu năm ngoái giả hạn cho về, ta vẫn ngày mong; vì nghĩ tuổi cao đương ở nơi thiện địa (chỗ kinh đô vua ở). Mong cho ân nghĩa trọn cả đôi đường. Nay xuân tới viện lệ xin về hưu, trẫm đâu nỡ trái nhã ý lần nữa. Nên theo lời xin mà trong tâm vẫn mến không ngày nào quên được. Vậy gia cho hàm thái tử thái bảo hàng năm chi bổng cho 3 phần 4, đặc cách sai Lễ bộ tham tri là Trần Chí Tín mang tờ dụ và 1 chiếc kim bài, 10 chỉ sâm Cao Ly, 4 thanh quế, 5 lạng vàng và 10 tấm lụa, tới truyền chỉ ban cấp cho, và tuyên bảo tinh thần sở tại mỗi tháng hỏi thăm 1 lần, rồi tư bộ tâu lên. Khanh nếu bệnh đã lui, thân thể khỏe mạnh, có muốn vào triều yết, hễ lâm thời

Digitized by Google

cho trình bày lên, hoặc có việc gì quan yếu, nên tuyên triệu, đều chuẩn cho vào kinh triều yết để tỏ ý trẫm nghĩ đến người cũ nhớ tới người hiền. Khanh nên trên hết thể tất đến lịch triều có lòng quyến ngộ, bụng nghĩ đối với nhà vua, dẫu có bàn bạc phong nguyệt, nói đến nông thư, những lòng trung hiếu dạy bảo cháu con, hoặc bậc hiến lão có xin nói điều gì để dùng sáng tỏ cho nước. Ấy là trẫm hậu vọng đó!".

Từ đó hễ gặp có đại triều hội là tới kinh vào yết, vua cho ngồi ôn tồn hỏi han có lòng quyến luyến thêm lên. Trọng Hợp lại tâu xin cho sửa tập Chư thần liệt truyện từ Quảng Trị trở ra bắc, để tỏ hình tích có lúc hành tàng mà tâm không có tiến thoái.

Mùa xuân năm Nhâm dần (1902) vua ra Bắc tuần, có vào chơi nhà, Trọng Hợp vội ra nghênh bái. Vua thân nhấc dậy cho vào ngồi, hỏi han hồi lâu và ban cho 1 tấm gấm rồng màu vàng sẫm cùng 1 đồng kim tiền. Khi xe vua về kinh đưa đến cửa biển Cấm Hải mới cáo từ xin về.

Mùa hạ năm ấy bị ốm chết, thọ 69 tuổi, tỉnh thần đem việc tâu lên.

Vua rất thương nhớ truy thụ cho Cần chính điện đại học sĩ và bài chế cáo rằng:

"Trọng Hợp, con cháu công hầu, điềm lành loan phượng; chính sự từng trải việc đời, thanh gươm lại giữ thành quách, gặp hội minh lương triều trước, chim hồng cất cánh bay cao; lừng danh Âu Á đường trường, vó ký ra tài vượt biển; tuổi thơ ta mới lên ngôi, giúp việc Cơ công (tức Chu công nhà Chu) thay chính. Tám năm cáng đáng, trên vì đức dưới vì dân; 2 nước giảng hòa, đó không ghét đây không chán; phong hội đổi mới, áo mũ như xưa; khoa danh không hổ như Vương Hiếu Tiên (Vương Hổ đời Tống), tể phụ đứng đầu như Phòng vương quốc (Đường Phòng Huyền Linh); 8 cột ngất trời, đương mở tài mưu bên áo cổn (áo vua mặc); 3 hưu (3 lần xin về

Digitized by Google

hưu) đình đắp, đã mơ bỏ mũ chẳng cài trâm; công thành vội khứ, đạo cao khó lưu.

Lại rằng: còn bậc đại lão, tựa hồ nước có thi quy (quẻ bói hay); đương lục gian nan, nỡ vội về thần Cơ Vỹ (2 vị sao trong nhị thập bát tú); đức cũ để các triều, việc đã yên khi đậy nắp; vẽ thành hình 4 phụ (bên cạnh vua có 4 quan chức là: nghi, thừa, phụ, bậc), công còn để ở vạc ghi; được yên nay mà nhớ xưa, nên tỏ trung mà mến thiện; đã đứng hàng ban tột bậc, lại đầu các vị nhân thần. Đường Hưng nguyên tặng Giả Ẩn Lâm làm bộc xạ, không quên lời can thẳng thắn bấy giờ; Tống Bảo Khánh phong Trịnh Thanh Chi làm Ngụy công, còn nghĩ công lao giúp vận khi trước.

Vua tôi trọn nghĩa thủy chung, xưa nay cùng văn khen ngợi".

Lại đặc cách cho tế một tuần và bài văn rằng:

"Than ôi! Từ xưa: phong vân mở hội, gặp gỡ cũng kỳ, lòng còn miếu xá, thấn tỏ an nguy, sống vinh chết thương, không khóc người ấy thì khóc ai.

"Khanh như vị thuốc sâm linh, thiên tư vàng ngọc, trí càng to tâm càng khít, nghiêng cũng chống nguy cũng trị, trẫm mới nối ngôi, khanh làm thai phụ. Ngoài đôn hòa hiếu, trong vững mối giường, ngày càng giúp mãi, trăm quan noi theo, sau trước 8 năm, chính sự 1 mực, trẫm không dám sánh Giáp Thành (Thái Giáp Thành Vương), khanh cũng không thẹn Chu Doãn (Chu công Y Doãn); định đem vẽ tượng gác lân đúc vàng chim cưu; cùng nước đều vui, muôn đời có tiếng. Khanh bèn răn bảo khi lên, cổ nhân giữ mức; trước bệ dâng biểu, giũ áo về rừng; nọ gò nọ cây, nói đi nói về; trẫm cũng khen là hiền đạt, không muốn trái nữa. Song khanh thân ở đồng quê, lòng luyến cửa quyết; trung thành cảm khích, chưởng tấu thời xem; lại còn danh thần nối truyện, xin giúp sửa biên, chí vẫn chưa nhụt, bụng thực không khi. Năm ngoái vào chầu,

Digitized by Google

thần sắc y nguyên. Năm nay ra Bắc, xe giá theo hầu trẩm cũng tới nhà tỏ vẻ tương tri, một nhà quân tướng, muôn thủa cũng ký, khanh lại trình bày thơ biển, đọc chẳng quên niêm; đầy lòng trung ái, chan chứa đủ điều; thường nói: 4 triều nguyên lão, 7 chục mày râu, thời thế gian nan, tuổi già còn lại; thời thường vào yết, hoặc quyết điều nghi; nào ngờ gặp nữa chưa hay, trận đau tạ thế; há chẳng trông gió nhớ mong mà thấy cúc lan nghĩ ngợi ư!"

Trọng Hợp là người liêm cẩn đoan trang trọng vọng, tự giữ trong sạch kiệm ước, ít nói cười, chưa từng chê khen nhân vật, nhưng trong bụng đã tỏ rõ phân biệt, người đều nghiêm sợ, không dám cầu cạnh riêng, trải khắp trong ngoài 30 năm có lẻ. Bụng vốn công bằng trung chính, tiết lại thanh bạch kiệm cần, người không nói vào đâu được; khi giúp chính phủ, cùng với đồng liêu bày mưu vạch kế, cùng chung hòa khí, trong sửa sang mọi chính, ngoài hòa mục lân bang. Phàm mọi việc giúp nước lấy phải, giữ tiết lớn, nén kiêu hãnh, người đều trọng vọng về phong nhã; đã về điền viên, họ hàng bè bạn đều tới thăm, hoặc hỏi han những việc trước sau gian hiểm, đều cười không đáp, thỉnh thoảng hoặc ngụ ý về sơn thủy ngâm vịnh vui thích. Hàng ngày chăm việc trước thuật, thường chơi xem các danh thắng ở Lộc Dã Nam Vang, mượn hứng làm từng thiên từng thập (10 thiên là 1 thập), lòng thành ưu ái không rõ tình đã hiện ra lời nói rồi. Khi bình thường cùng họ hàng và phụ lão trong làng đối xử lấy tình thuần nhã thân mật, ở trong làng nào dựng Văn Từ, sửa đình thờ thần và đền thủy tổ, đền Thái phó công, đều ra sức chu đáo, dẫu chi phí lớn không tiếc. Về làng được 7 năm gọi chỗ ở là nhà Minh nông, vui chơi trong cảnh nông phố, giữ đạm bạc như chưa từng có quyền vị. Còn nhà ở Hà Thành, viên thống sứ cùng các quan Pháp thời thường qua lại thăm hỏi, khi có đại hội Đông dương công đồng được dự thương lượng bàn định. Lúc chết, các bạn đồng liêu ở kinh nghe tin không ai là không

Digitized by Google

mến tiếc, có làm bài văn truy điệu rằng:

"Duy công, thần hòa như xuân, lòng trong tựa nước. Canh đường sánh hệt Ngụy công (Tống Hàn Kỳ phong Ngụy quốc công), sân hòe nẩy chồi Vương Hổ; khoa mục sẵn nền, cá vượt cửa sông ba đợt sóng, văn chương đắc vị, bằng tung gió xoáy chín từng mây. Khi thủ khi vĩ, lúc triều lúc quận; Anh miếu được khen là tri ngộ, đại bang cũng tỏ khắp thanh danh; triều đình có người rồi sau quốc thế mới tôn, sứ thần khi tới, là hỏi thăm phu tử, gặp hội y thường ngọc bạch (đôi nước thông hiếu đưa lễ vật làm tin) cưỡi bè ngưu đẩu vượt năm châu (Hán Trương Khiên đi sứ nước Nhục Chi, phải cưỡi bè vượt biển, qua các địa phận ngưu đẩu mới tới); tả hình phủ phất khuê chương (cổ lễ phục: áo châu đều trang sức hình cái phủ cái phất ngọc khuê ngọc chưởng) giúp vận Hồng bàng truyền muôn thủa.

Lại rằng: "Đức nghiệp đầy trong nước, trung hiếu khắp triều đình, trên đôi bậc anh linh thăng giáng, dưới phụ lòng mong mỏi sĩ dân; lời khen bậc nguyên lão 4 triều, lại gọi đứng thần tiên lục địa; từ quốc triều trung hưng tới nay. Trương Thái Sư, Võ Đông Các được tiến thoái thung dung, đến công lại thấy; xét hoàng Lê thế thần ghi chép, Thái phó công, Bình Chương công được ân vinh chung thủy, cũng bậc sánh so.

Cuối thiên lại nói: "lòng vua nhớ cũ, mệnh quý càng tân; há chẳng phải công lao dẹp trước, bậc vương thần không lỗi bởi quên mình; nên mới được cảm động trung thành, người quân tử có chung vì biết nhún v.v..."

Hôm cất đám, Pháp quan lớn nhỏ đều tới đưa đám và cho binh mã đi diễu võ [1] đến hai ba trăm người; còn quan lại sĩ thứ khắp toàn Bắc kỳ, được cầm đầu dây buộc ở xe quan tài, hoặc đi đưa đám kể có vạn người có lẻ, vì thành tín sẵn có cùng ân nghĩa cảm hệ mới được như thế. Thực là

(1) Nguyên văn là "đàn áp". Ở đây có nghĩa là diễu võ ra uy.

Digitized by Google

bậc trung hưng tể phụ ở quốc triều mà văn chương sự nghiệp có phong tiết như cổ đại thần, nên sau Quảng Khê Trương quận công lại có hoa khai kế tiếp: Sinh thời có trước tác bộ "Kim Giang Thi văn toàn tập" và "Tây sà thi tập" phát hành ở đời. Con có 2 người là Duy Tiếp, Duy Môn đều đỗ đạt vinh hiển; Duy Tiếp đỗ cử nhân năm Thành Thái thứ 3, làm quan đến Sơn Tây án sát sứ. Duy Môn đỗ cử nhân năm Thành Thái thứ 12 bổ làm chủ sự.

Digitized by Google

QUYỂN 31

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXI

- Phạm Sĩ Ái (phụ Phan Trứ)
- Đỗ Quang.
- Phạm Bá Điêu.
- Nguyễn Văn Lý.
- Nguyễn Thường
- Vũ Phạm Khải.
- Đặng Quốc Lang
- Đoàn Danh Dương
- Nguyễn Đức Chính
- Bùi Duy Kỳ
- Nguyễn Huy
- Hồ Mậu Đức
- Nguyễn Hàm Ninh
- Phạm Phi
- Vũ Trọng Bình
- Nguyễn Huy Lịch

*
* *

Phạm Sĩ Ái

Tự là Đôn Nhân, người huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương[1], tằng tổ là Thuyên đỗ tiến sĩ đời Cảnh Hưng Lê Hiển Tông (1740) làm quan cấp sự trung, Sĩ Ái, Minh Mạng năm thứ 13 (1832) đỗ tiến sĩ, lúc đầu bổ vào viện Hàn lâm, cùng với người đồng huyện là Phan Trứ đều danh vọng ngang nhau, trải bổ tri phủ Cam Lộ, rồi chuyển vào làm viên ngoại lang

(1) Nay thuộc Mĩ Văn, tỉnh Hải Hưng.

Digitized by Google

bộ Lại, chuyển làm lang trung, đổi ra làm án sát sứ ở Hà Tĩnh, lại vào làm thị lang bộ Binh, năm thứ 21 (1840) sung chủ khảo trường Gia Định, rồi ốm chết, có trước tác bộ "Nghĩa Khê thi tập".

Phụ chép Phan Trứ - Tự Thành Chương, cùng với Sĩ Ái đỗ tiến sĩ cùng một năm, lúc đầu bổ vào viện Hàn lâm trải viên ngoại lang bộ Binh, rồi án sát sứ Quảng Bình, chuyển vào tả thị lan, bộ Lại, chuyển làm bố chính sứ Bình Định, rồi lại triệu về coi việc bộ. Tự Đức năm đầu (1848) đổi bố chính sứ Bắc Ninh. Năm thứ 4 (1851) thự tuần phủ Thuận Khánh, năm ấy chết ở chỗ làm quan, thọ 67 tuổi, em Trứ là Khắc Nhân cũng đỗ hương tiến.

*

Đỗ Quang

Tên tự là Huy Cát, người huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương, Minh Mạng năm thứ 13 (1832) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm viện biên tu, bổ làm tri phủ Diễn Châu, rồi chuyển làm lang trung bộ Công, trải bổ án sát sứ Quang Trị. Đầu năm Thiệu Trị (1841) cất làm thị lang bộ Công, lại đổi trực học sĩ viện Hàn lâm sung Sử quán toản tu. Năm thứ 5 (1845) chuyển thị lang bộ Lại, tiến thự tham tri bộ Lễ đều kiêm giữ sử chức như cũ. Tự Đức năm đầu, thụ tuần phủ Định Tường, vì tàu ngoại quốc lậu thuế bị tội miễn quan.

Vua bảo: nghe tin Đỗ Quang ở Định Tường bị khử chức, dân ở hạt khóc như mưa, nếu không phải ngày thường được lòng dân, sao có như thế, cho khởi phục Hàn lâm viện trước tác, rồi lĩnh án sát Nghệ An, lại chuyển Hồng lô tự khanh, lĩnh bố chính sứ Nghệ An, cho cái án trước ở Định Tường phải di chuyển bồi thường. Tổng đốc là Tôn Thất Cáp dâng sớ nói là người liêm chính, xin miễn cho; xuống chế cho miễn, lại đổi lĩnh bố chính Nam Định. Năm thứ 9, đổi quang lộc tự khanh sang biện lý bộ Lại, sung Kinh duyên nhật

Digitized by Google

giảng quan; Vua khen cách giảng luận lời đơn giản lẽ tỏ rõ cùng với Tô Trân cùng xấp xỉ ngang nhau, tiến Lại bộ thị lang.

Năm 13 (1860) thự tuần phủ Gia Định; trước đây quân ta đóng đồn ở Bình Dương, làm nơi quân thứ đại đồn, bên hữu đồn tạm đặt làm tỉnh, khi Quang tới dời tạm tỉnh ra Bình Long làm nơi chứa lương. Mùa xuân năm sau quân Pháp cử binh đổ bộ lên đánh, quân thứ đại đồn và tỉnh lỵ tạm bị phá vỡ cả Quang lúc đóng Biên Hòa, vì trách nhiệm ở nơi quân thứ được giảm nhẹ cách chức lưu dùng, Quang bí mật ủy người tới dụ hào mục sĩ dân ở Gia Định đứng tuyển mộ để đợi cơ sự. Mùa đông quân Pháp tới hãm tỉnh Biên Hòa, ông bèn tới địa phương Tân Hòa cùng với phó lãnh binh là Trương Định đem sĩ dân giữ chỗ yếu để chống cự. Năm thứ 15 (1862) tháng 5, hòa nghị thành phải cắt đất, cho triệu về Kinh bổ tuần phủ Nam Định, Quang lời lẽ ân cần dâng sớ nói: "hôm thần về, sĩ dân đứng che kín cả và nói: nay cha bỏ con, quan bỏ dân, quan về lại làm quan, dân thời không được làm dân của triều đình nữa. Tiếng khóc đầy đường, thần cũng phải gạt nước mắt mà đi; trộm nghĩ, thần hèn kém không tài, nhưng từ trước tới nay xung quanh cùng với dân, vốn không dám tính đến ngày nào về; nay thần được gọi về, mà nghĩa dân từ trước vì triều đình xuất tài xuất lực không rõ bỏ thân nơi nào, như thế trên phụ triều đình, dưới phụ trăm họ, tội không thể chối được. Nếu lại lạm dự chức phận ở địa phương Nam Định, thời sĩ dân Gia Định ra sao? Công luận ở trong nước ra sao? Thần còn có bụng thực rõ hổ thẹn; huống thần kiến thức nông hẹp, nếu có gắng gượng làm việc chỉ là tư chất cầu lộc cũng không chút báo bổ. Xin thu về thành mệnh, bãi chức cho về điền lý, để hả lòng oán giận của sĩ dân, mà phải nào còn cái tiết liêm sĩ của thần hạ".

Vua xem lời tâu cho triệu kiến và dụ rằng: "Trẫm đã biết

Digitized by Google

bụng nhà người là Đỗ Quang, mà ngươi là Đỗ Quang cũng nên biết bụng trẫm không nên như thế", Tờ sớ giao cho bộ Các giữ. Gặp lúc quê mình ở Hải Dương có quân thổ khấu làm rối loạn, mẹ Quang và gia quyến phải lánh nơi khác, tổng đốc Nam Định là Nguyễn Đình Tân dâng sớ kể tình trạng, vua sai hậu cấp cho, rồi cho về thăm mẹ và cho bạc cùng thuốc men. Quang đón mẹ về làng, rồi liền đó cáo bệnh, được chỉ hậu cho.

Mùa đông năm sau tới kinh, được thự hữu tham tri bộ Hộ, vua nói: "Đỗ Quang ngày nay đổi khác không như trước, vả chí khí người trượng phu có nhầm lẫn về sáng như thu công về chiều, vậy ngày xây dựng công nghiệp còn nhiều, ngươi chớ lấy đó mà nhụt chí, nên cố gắng lên".

Năm thứ 17 (1864) Quang làm thự tuần phủ Bắc Ninh, vào bệ từ, Vua dụ rằng: "Ngươi vốn có khí tiết, hễ gặp việc phần nhiều hay tranh chấp lý luận, nhưng việc có Kinh có quyền không nên cố chấp, phải khả thủ thương lượng châm chước mới được việc". Rồi đổi thự tham tri bộ Binh, kiêm hữu phó đô ngự sử ở viện Đô sát, sung tham tán quân vụ Hải An quân thứ, lại thự tuần phủ Lạng Bình, rồi mắc bệnh xin giả hạn. Rồi có chỉ đổi hộ tuần phủ tỉnh Bắc Ninh. Vua bảo Đỗ Quang từ khi Nam kỳ trở về đến nay, thường vin là bất tài vô dụng, không từng làm được một việc gì, ý thường như bất mãn, muốn nghỉ việc về hưu, trẫm thường răn bảo, giao bộ theo chỉ, sức cho gấp chữa bệnh, để chóng khỏi tới nhận chức, rồi theo lời tới tỉnh Bắc làm việc.

Năm thứ 19 (1866) việc ngoài biên đã cáo xong, lại dâng sớ trần tình xin nghỉ, được sắc úy lạo lưu lại và bảo: "ý trẫm gấp dùng người, mà ngươi cứ lấy tình riêng làm rườm tai ta mãi, lòng ngươi có yên không?" Lại gia cho ban thưởng và nói: "biết ngươi tình cảnh thanh bần nên ban cho". Được hơn tháng bệnh nặng thêm, cho về nghỉ, về đến nhà rồi chết, thọ

Digitized by Google

60 tuổi, tin cáo phó đến tai vua, vua dụ rằng: "Đỗ Quang ra làm quan 30 năm có lẻ, thanh bạch trung chính chăm chỉ cẩn thận, được tiếng trong ngoài, trước đây ở Nam kỳ dẫu gặp gian nan vẫn giữ một tiết, kịp tham tán quân vụ ở Hải An tỏ có công lao. Hằng năm tới nay nhân ngoài biên có báo động, nên đặc cách khởi phục còn trong khi có bệnh để vỗ yên nơi trọng khẩn, không ngờ bệnh thế ngày thêm, bèn cho nghỉ việc về làng. Ta vẫn nghĩ tới người đương lúc cần dùng, không may vội chết, thực là đau xót, cho truy tặng Lễ bộ thượng thư, còn con đợi chỉ sẽ lục dụng, lại ban lộc cho mẹ để sinh sống và sai hữu tư thường tới hỏi thăm. Em Quang là Vinh cũng đỗ hương tiến.

*

Phạm Bá Điều (tức Thiều)

Người huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh (Quế Võ, Hà Bắc) em con nhà chú với tổng đốc Khôi. Minh Mạng năm thứ 13 (1832) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm viện biên tu, bổ làm tri phủ Tư Nghĩa, chuyển sang viên ngoại lang bộ Hộ, vì mắc việc phải chuyển làm Binh bộ ty chủ sự, sung sửa chữa bộ Minh Mạng chính yếu. Năm thứ 19 (1838) bổ đốc học Sơn Tây, lại triệu bổ tư nghiệp Quốc tử giám, rồi làm tế tửu. Khoảng năm Thiệu Trị (1841-1847) từng thiên án sát sứ ở 2 tỉnh: Ninh Bình, Nghệ An. Tự Đức năm đầu (1848) cất làm thái bộc tự khanh sung Sử quán toản tu; năm thứ 8 (1855) được hàm ấy về trí sự.

Bá Điều trải lần về ban học chức, khi cáo lão về nhà dạy học, học trò tới học đông, năm 64 tuổi thì chết. Con là: Đệ đỗ cử nhân, Địch được ấm thụ đều trải bổ tri huyện, còn Tuân và Trinh đỗ thú tài.

*

Digitized by Google

Nguyễn Văn Lý

Tự là Tuần Phủ, người huyện Thọ Xương tỉnh Hà Nội[1], cao tổ là Hy Quang Hiển làm quan nhà Lê đến Công bộ thượng thư Hiển quận công, về sau con cháu có nhiều người hiển đạt, đến đời bố là Vọng đỗ sinh đồ đời Lê, gặp Tây Sơn không làm quan; Văn Lý lúc nhỏ có chí học, Minh Mạng năm thứ 13 (1832) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm biên tu bổ tri phủ Thuận An, chuyển sang viên ngoại lang bộ Lại, từng làm lang trung. Đầu năm Thiệu Trị (1841) đổi án sát sứ ở Phú Yên, vì mắc việc phải miễn quan, lại khởi phục làm tu văn quy, mắc bệnh về nghỉ, sau bổ giáo thụ phủ Thường tín, rồi lĩnh đốc học Hưng Yên. Vốn tinh thông về Dịch lý, năm Tự Đức thứ 17 (1864) bị triệu tới Kinh sai bói quẻ Thi, lại tự nghĩ tuổi già bày tỏ thành thực phụ tâu nói: "địa diện Hải Dương là nơi yếu hại xin đặt 3 đồn để ngăn cửa biển, cùng 4 cửa biển lớn ở Nam Định thực là nơi phì nhiêu xin cho thời thường khai khẩn". Lời tâu dâng lên được xuống chỉ ưu đãi cho về, rồi theo tuổi xin về dưỡng lão, được gia Hàn lâm viện trước tác trí sĩ, năm 74 tuổi thời chết.

Văn Lý việc học rất ngay thẳng, giốc đạo lại trung thực và thơ văn chuộng về ý cách, nên nội các là Hà Quyền cùng đô ngự sử là Phan Bá Đạt thường giao tiến lên vua; trước đây văn niên là Thương Sơn công có đề bài tựa ở tập thơ, khen là bậc văn học kỳ cựu, lại nói: "đãi cát mới thấy vàng, đẽo đá mới được ngọc, đó là con người đã suy xét đến cùng cực, nên thơ văn mới được xương thịnh". Đủ thấy suy tôn khen ngợi là thế. Trước sau giảng học được 20 năm có lẻ, người tới học thành tựu cũng nhiều, có trước tác 4 quyển "Đông Khê thi tập", 5 quyển "Văn tập" và 1 quyển "Tự gia yếu ngữ"; con là Quỳnh theo học về từ hàn, bổ làm cung phụng và Hữu Quý đỗ cử nhân.

(1) Nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

Digitized by Google

Nguyễn Thường

Người huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An, năm Minh Mạng thứ 11 (1830) đỗ tú tài sung cống sinh, bổ vào giám sinh Quốc Tử Giám. Năm thứ 14 (1833) phái theo quân thứ ở Gia Định, khi việc yên, đổi làm tri huyện Thọ Xương. Thiệu Trị năm đầu (1841) bổ tri phủ Cam Lộ, năm thứ 6 (1846) đổi tri Tương An phủ [1]. Gặp quân Thổ khấu cướp bóc quấy nhiễu, Thường bày cách vỗ dẹp, sở hạt được yên, việc đến tai vua được thưởng nghị tự. Mất ở chỗ làm quan.

Thường giữ chức được thanh bạch liêm khiết, trải làm thú lệnh hầu 20 năm, đến đâu cũng có huệ chính, dân phần nhiều nhớ tới. Con là Khánh và Tường đều đỗ hương tiến, Khánh làm đến tri huyện Duy Xuyên, Tường làm đến tri phủ Tương Dương.

*

Vũ Phạm Khải

Tự là Đông Dương, người huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình. Khi xưa ông tổ là Diên gặp lúc khai khẩn mở mang ruộng biển, bèn lập thành ấp thành làng và ông tổ là Nghiệm làm hiệu sinh đời Lê. Khải lúc sinh ra, khi nhỏ có tướng lạ, Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương tiến bổ tri huyện Quỳnh Lưu, gặp lúc ở Quỳ Châu báo động có giặc, được cử giúp việc quân, rồi cất làm Lễ khoa cấp sự trung, ở chức thường bị nha, sai, lễ thần đổi lấy tháng quý xuân xem ngày lễ Giao; Khải nói: "tế Giao bách thần mới nhận chức, là lễ rất lớn, rất nên làm trước, để đến tháng quý xuân không nên". Vua xuống chiếu lời trình bày, không bàn nữa, ông lại thường cùng giám sát ngự sử là Lưu Quý dâng sớ ngăn việc trùng tu sổ tuyển lính ở Định Tường, cùng can ngăn ra chơi hồ Tịnh Tâm, và nói việc thượng thư Nguyễn Trung Mậu bị trói. Lại cùng cấp

(1) Tương An phủ là phủ đệ của Tương An công, con Minh Mạng.

Digitized by Google

sự Đặng Quốc Lang dâng sớ nói việc Trấn Tây (lời nói thấy ở truyện Quỳ và Quốc Lang).

Năm thứ 19 (1830) được sai đi liêm phóng ở Bắc kỳ rồi điều trần tâu lên 13 khoản, vua khen.

Thiệu Trị năm đầu (1841) đổi làm biện lý bộ Hình rồi thăng sang hồng lô tự khanh, sung Sử quán toan tu, sửa soạn bộ "Thực lục tiền biên", bắt đầu từ quốc triều mới gây dựng, nhưng việc từ năm Đinh mùi (1787) trở về trước ghi chép còn thiếu, mà từ Mậu thân (1788) đến Tân dậu (1801) còn chút bản thảo cũ ghi chép rất khó. Khải cùng với đồng quán sưu tầm tập lại có thứ tự đâu ra đấy. Rồi ông đổi sang thị độc học sĩ sung biện Nội các sự vụ, thăng hữu thị lang bộ Hình sung toản tu, được vài tháng lại vào các. Khải được ở gần nên văn học được vua biết đến. Vua thường hỏi về ý thơ nói những câu tam tứ ngũ lục thất bát cửu và các thể cách có từng xét rõ không; về Hà Thanh có 2 thuyết, một thuyết nói nghìn năm thì trong, một thuyết nói năm trăm năm thì trong, thuyết nào là phải; cổ nhân ghi chép từng ngày phải lấy can chi để phối hợp, hoặc chỉ cử lên một can hay một chi có rõ văn ở đâu không? Trải năm có 12 ngày trực bắt đầu từ đời nào? Khải đối đáp đều được như ý nhà vua.

Vua thường buổi tối ra ngự ở Đông các lấy tập thơ vua làm ra, nhan đề là "tài thành phụ tướng, tiên thiên hậu thiên" sai Khải chú giải; lại sai tập lại 9 thiên "hoàng huấn thi" và "Chỉ thiện đường hội tập". Vua thường gọi ông là "hồ tu thượng thư" (Thượng thư râu ria), ngày được lựa chọn để ý đến.

Tự Đức năm đầu (1848) vua đương lúc cung kính im lặng, Khải phần nhiều làm tờ khải trình bày tâu lên, vua cho 100 lạng bạc và báo: "biết người nghèo nên giúp người để phụng dưỡng 2 thân". Khải có tài khí hay kiêu thượng, vua cũng thường răn bảo, gặp khi có tiệc rượu, cùng với đồng tọa nói năng xấc xược, bị đài thần nghị luận tham hạc, bảo là

Digitized by Google

câu nói không có đạo lý. Vua giao bộ Lại bàn xử, phải chuyển làm Hàn lâm viện thừa chỉ, nhân đó vin có 2 thân tuổi già xin về chung dưỡng. Vua cho. Khải đã về làng sớm tối vui vầy với cha mẹ, lại vui bảo bè bạn học trò, dẫu lúc về vẫn được các giới bấy giờ tôn trọng, quá nữa có người tới tận nhà đem việc cơ yếu về thời sự lợi hay hại hỏi han, cũng nói không giấu. Rồi ông bị đòi và sai nghiêm trác những người thân cận làm nguy biển. Sau lại bổ ông làm Sử quán biên tu, được ít lâu có tang bố xin nghỉ chức, kế đến tang mẹ lại lưu lại ở làng. Gặp lúc Bắc kỳ có giặc phải báo động, giặc hãm phủ Thiên Quan, Khải đem con em mặc đồ để trở màu đen ra tòng quân thu lại phủ thành. Việc đến tai vua, vua sai làm bang biện mọi việc ở tỉnh Ninh Bình, và mưu tính công việc phải sau này.

Năm thứ 18, (1865), cho triệu bổ thị độc học sĩ sung toản tu ở Sử quán, thường vì thơ văn được hỏi han luôn. Việc ở Nam thùy [1] bùng lên, Khải có bàn luận và chủ trương đánh; đến bấy giờ vua hỏi cách thức về cổ văn, Khải nói: "làm ra chương Thường vũ, Ân vũ và dựng bia Bình hoài, đều là ghi sự thực của An Cao tông, Chu Tuyên vương và Đường Thái tông về cách dùng binh". Lại sai phúc duyệt các thiên vua làm ra, Khải cũng cứ thẳng trình bày cùng tâu việc kín có niêm phong dâng lên, hoặc can ngăn những điều khó nói, Khải nói: "nay nơi biên đình nhiều biến cố, thần không hay thi thố được chút mưu kế gì, nếu lại lấy lời hư văn đón ý kiến của nhà vua, thì trong tâm không yên".

Năm thứ 21 (1868) gặp năm khánh tiết, đang soạn thuật đổi làm Hàn lâm viện trực học sĩ, nhưng vẫn kiêm sử cục. Khải thường thảo cách thức làm văn dâng lên, vua phần nhiều khen thưởng, rồi ra làm thương biện để ngăn giữ vỗ yên công việc ở Ninh Bình. Năm thứ 23 (1870) Khải làm

(1) Ở đây là sự kiện thực dân Pháp gây sự xâm chiếm Nam kỳ.

Digitized by Google

quyền biện bố chính sứ ở Thái Nguyên. Nơi ấy từng bị giặc chồng chất giày xéo, Khải đến nơi vài tháng, tên đầu sỏ giặc là Đặng Chí Hùng đột nhiên kéo tới, mà tỉnh không có hiện binh, việc ngoài biên rất khẩn cấp, Khải bèn đưa thư dụ Chí Hùng việc họa phúc, và đem hiện tình tâu lên, lại được chỉ chuẩn cho đánh dẹp vỗ về kiêm cả. Đồng thời vua chuẩn cho tham tán Lê Bá Thận, hợp với tuần biên Trần Văn Mỹ tiến dẹp. Đường vận chuyển lương thực bị nghẽn, Khải cho mình là cương lại nhận trông coi chở lương, đạo binh của tham tán đóng đồn Mới, Khải đóng ở đồn châu Bạch Thông, Văn Mỹ đem quân tuần biên đóng phủ Thông Hóa (lời nói thấy ở truyện Văn Mỹ), thế rồi giặc tới vây châu đồn đánh hãm, Khải bị giặc bắt, định tìm Cách vỗ về, Khải đem tình trạng của giặc trình bày dâng sớ lên. Vua rất tiếc, kíp sai bày cách cứu về.

Kịp lúc tờ dụ tới, thời đồn Mới ở phủ kế tiếp mất, Khải bèn dụ Chí Hùng hàng, thu về 3 đồn ở Châu phủ Mới và quan binh đạo khác mất voi súng đều nộp trả; tân phiên là Phạm Chi Hương tới đồn Mới tiếp nhận, có sắc chỉ giao cho quân thứ mới xét xử; còn Khải về tỉnh Bắc đợi án. Tập án dâng lên, phải giáng 3 cấp lưu dùng, bổ làm tả thị lang bộ Hình, kiêm sung Sử quán toản tu. Khải tới Kinh bị đài thần hặc tâu, vua sai giao xuống đình luận, lời nghị định chưa trình bày rồi bị ốm chết.

Vua đặc cách phê rằng: "không phải xuất chinh, không phải nhơ nhớp với giặc, sau lại có thực trạng không thể so sánh như lệ khác. Đài thần [1] nói là có lỗi, lấy tình hình mà chuẩn xét, cho giáng làm Hàn lâm viện thị độc học sĩ, nhưng sung Sử quán toản tu, gia cho tiền tuất 300 quan. Sau lại được sắc hỏi thăm gia đình và những thơ văn trước thuận. Bấy giờ có 3 quyển thơ, 18 quyển văn dâng lên.

(1) Đài thần: quan ở ngự sử đài.

Digitized by Google

Con là Kế Xuân đỗ tú tài, sau khi Khải chết được 10 năm, Kế Xuân xin ứng hạch tới cửa khuyết. Khi về vua bảo Kế Xuân, cha người là Vũ Phạm Khải khi xưa đã được kén chọn biết đến, cho 30 lạng bạc đem về sửa lễ tế cha ngươi, còn thừa giúp lương cho ngươi, đó là lòng vua trọng kẻ sĩ nghĩ đến người cũ. Thực là số lạ.

*

Đặng Quốc Lang

Tự là Ôn Như, người huyện Mỹ Hóa, tỉnh Thanh Hóa, cao tổ là Đỉnh đỗ tiến sĩ đời Lê Chính hòa Hy tông hoàng đế (1680-1705) làm quan hiến sát sứ ở Tuyên Quang. Quốc Lang năm Minh Mạng thứ 12 (1831) đỗ giải nguyên, bổ tri huyện Hưng Nguyên, trải tri phủ ở 2 phủ: Diễn Châu, Quỳ Châu.

Năm thứ 20 (1839), triệu về cho làm Công khoa cấp sự trung, gặp thường cấng sớ nói: "Số lại dịch ở các địa phương rất nhiều, không phải là không những nhiều, xin liệu giảm bớt, để thành lại tệ". Năm thứ 21 (1840) cùng với ngự sử là Vũ Phạm Khải tâu nói: "Thổ dân ở Trấn tây cùng bảo nhau làm phản, lần lượt phái quân đánh dẹp, chưa được yên lặng. Đó vì họ là thổ dân, lâu đã quen thói man di, theo rồi lại phản, chỉ duy nghe tên thổ tù, nay đánh được không phải là khó, vỗ được yên mới là khó. Ôi! một hạt Trấn tây, cùng với Xiêm là lân cận, mà triều đình có đặt quận huyện nơi đó, để dùng dân đó ở đất đó thôi, nay đã đi không dám trở về, mà người chưa đi rồi cũng lén trốn. Sợ sau này thổ dân đi hết, đất ấy thành không, người về cả Xiêm, thành ra Xiêm nhờ đó mà hữu dụng, còn đất ở ta thành ra bỏ phí hóa vô dụng. Hiện nay điều cốt yếu không gì bằng vỗ về, thời quân bội bạn quay đầu về mà người Xiêm không dám manh tâm nhòm ngó nữa.

Ông lại cùng cấp sự là Lưu Quỹ dâng sớ nói: "hiện nay tới kỳ tuyển lính ở những địa hạt: Tuyên, Hưng, Cao, Thái,

Digitized by Google

Lạng Sơn và Quảng Yên, địa thế rộng xa, núi khe hiểm trở, hành trình tới tỉnh có kẻ hàng tuần, đi lại chi phí không tiện cho dân, mà sai phái một phen cũng là phiền phức. Xin cho tỉnh thần sửa sổ sách, do bộ xét hạch, còn khoản sai quan tới tuyển duyệt, ý định nên tạm đình", vua theo.

Thiệu Trị năm đầu (1840) sai đi khám lại việc quân điền ở Bình Định, Quốc Lang tùy việc phân xử, dân không tranh tụng nữa, vua khen. Ông lại cùng với Lưu Quý dâng sớ nói: "sứ bộ sang Yên Kinh, cùng phái viên đi xuất dương mà nội vụ giao cho đơn kê khai, trong có các đồ ngoạn hảo, tường vật trân kỳ, không phải hiện nay cần khẩn, xin cho đình lại. Lại cùng Quý "điều trần việc ngoài biên ở Trấn Tây, xin cho nghỉ binh để yên dân để làm kế yên cho ta tạo thành cho người. Lại dâng việc có niên phong cẩn thận cộng 4 điều: 1 là dùng người; 2 là yêu dân, 3 là nên khen người có tiết nghĩa, để đôn đốc phong tục; 4 là gồm châu thành huyện để đỡ những phí". Vua cho lời tâu đều phải.

Năm thứ 3 (1843) được thăng thự lang trung bộ Lại, rồi đổi làm án sát sứ ở Hưng Yên, cùng với thự phủ là Nguyễn Đình Tân cùng nhau gièm pha, biếm làm viên ngoại lang bộ Lễ, dần làm lang trung. Tự Đức năm đầu (1848) bổ án sát sứ Bắc Ninh bị lụy, lại vào làm lang trung bộ Hình, cất lên Đại lý tự thiếu khanh, gặp có chiếu cho tu soạn Việt sử, bổ Hồng lô tự khanh, sung sử cục toản tu, rồi mắc bệnh về hưu.

*

Đoàn Danh Dương

Người huyện La Sơn tỉnh Hà Tĩnh, lúc nhỏ xinh đẹp lạ, văn lại hay. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương tiến, bổ tri huyện Hưng Nguyên, lại chuyển sang huyện Nga Sơn. Tự Đức năm thứ 4 (1851) cất làm tri phủ An Nhân, đến đâu đều có chính tích hay, phẩm trật đã mãn 3 năm đáng lẽ được thăng, quân dân tới cửa khuyết xin lưu lại. Vua cho có tài trị

Digitized by Google

dân, lại đổi làm tri phủ Hoài Nhân, được lần tiến lên thị giảng học sĩ, lĩnh án sát sứ Gia Định, năm thứ 8 (1855) đổi bố án sát Vĩnh Long, rồi mắc bệnh về hưu.

*

Nguyễn Đức Chính

Tự là Thiện Trai, người huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam. Có tiếng văn học. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương tiến, lúc đầu vào các, trải thăng tham biện, đổi làm biện lý bộ Binh. Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) làm tham tri bộ Binh, đổi ra tuần phủ Hà Tĩnh. Tự Đức năm đầu (1848) đổi về tả tham tri bộ Lại. Bấy giờ mới mở nhà Kinh diên, sung làm nhật giảng quan, lại đi khâm sai làm phó chủ khảo trường thi hội. Năm thứ 3 (1850) bị ốm chết ở chỗ làm quan.

Đức Chính là người thanh bạch thẳng thắn, trải khắp trong ngoài, làm việc chu đáo cẩn thận. Hôm chết, vua thương cảnh thanh bần, đặc cách gia cho 400 quan tiền, vải lụa đều 20 tấm. Con có 2 người, Luận được tập ấm bổ làm quan đến tri phủ Diễn Châu, còn Xưởng bổ thụ cửu phẩm.

*

Bùi Duy Kỳ

Tự là Thượng Hàn, người huyện Vũ Tiên tỉnh Nam Định[1], lúc đầu đỗ tú tài, bắt được tên đầu giặc có công bổ làm tư vụ bộ Binh, trải thăng lang trung bộ Lại. Tự Đức năm thứ 3 (1850), đổi làm án sát sứ tỉnh Ninh Bình, rồi đổi ra tỉnh Tuyên Quang; năm thứ 7 (1854) vào chiêm cận (vào chầu ra mắt), vua sai trình bày lời nói, Duy Kỳ điều trần 3 việc: "1, lệ lính thú do tỉnh Sơn Tây trích phái đi, không quen thủy thổ, xét 5 huyện: Tây Quan, Hùng Quan, Sơn Dương, Phù Ninh và Lập Thạch thuộc hạt Sơn Tây, cùng địa hạt Tuyên Quang gần liền, khí hậu không cách xa lắm, xin cho toàn đội

(1) Nay là Vũ thư, Thái Bình.

Digitized by Google

tính tuyển ở những huyện ấy đóng thú canh giữ thường xuyên, để người và đất cùng hợp thủy thổ. Lại bên hữu tỉnh thành có chỗ đất bỏ không, sai lính thú khai khẩn để nhờ lương ăn cho lính, khi lúa chín, một nửa nộp quan, một nửa cho lấy mà ăn, để yên hàng ngũ; 2) hạt Tuyên Quang cùng với tỉnh Vân Nam nước Thanh tiếp cõi, gần đây nghe Vân Quý giặc cướp nổi dậy như ong. Nếu trong đất họ khí thế giặc chưa bình, thời cương giới của ta chưa chắc đã bình yên vô sự, vả thổ man thuộc hạt, lấy đồng loại tụ họp với nhau. Xét tên nào về kỹ nghệ cũng có chỗ khá, xin cho làm tướng, để chiêu tập chia ra bộ ngũ, lập lính hương binh, để dự bị lúc hữu dũng; 3) các phủ huyện châu ở thượng du trải đặt lưu quan, nhưng đất xa chướng khí nặng, có danh không thực; vậy nơi men biên giới đều liệu đặt thành phủ huyện, có thừa thứ thổ dân, để dễ khiến tin theo":

Vua giao tờ ấy cho đình nghị, rồi cất cho làm thái bộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ Tuyên Quang. Năm thứ 13 (1860) vào làm hữu thị lang bộ Lại, lại đổi sang bộ Công, chuyển tới bố chính sứ Quảng Bình, rồi được nguyên hàm về hưu dưỡng, được nhàn hạ nơi lâm tuyền trải 10 năm có lẻ. Chết năm 80 tuổi; em là Duy Phiên tự Tử Mỹ, đầu năm Thiệu Trị (1841) đỗ tiến sĩ, bổ làm Hàn lâm biên tu, trải quyền ấn vụ ở phủ Quảng Oai.

*

Nguyễn Huy

Người huyện Vĩnh Lộc tỉnh Thanh Hóa, Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương tiến, trải tri huyện ở 3 huyện: Bảo Lộc, Thanh Liêm, Thanh Sơn, chuyển tri phủ Quảng Ninh, lại nội chuyển làm giám sát ngự sử, thăng công khoa chưởng ấn cấp sự trung, đổi lang trung bộ Hình. Tự Đức năm thứ 14 (1861) thự án sát Nam Định, lại bổ làm hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ. Gặp giặc Khởi nguỵ ở hạt bên cạnh, ông

Digitized by Google

đem binh đóng đồn phòng thủ. Năm thứ 17 (1864) triệu làm biện lý bộ Công, tiến Quang lộc tự khanh, hộ lý ấn quan phòng ở kho thóc.

Đủ niên lệ 70 tuổi, trần tình xin trí sĩ, vua xuống chỉ ưu đãi. Mất năm 72 tuổi, con là Tĩnh đỗ hương tiến.

*

Hồ Mậu Đức

Tự là Lệnh Phủ, người huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, lúc nhỏ xinh đẹp có tiếng thần đồng, Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương tiến, lúc đầu thự tri huyện Đông Triều, ở chức vị được 5 năm, vì cha mẹ già xin về phụng dưỡng. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) đổi làm tri huyện Hương Sơn, quyết nén lui những cường hào giảo quyệt, hưng điều lợi trừ điều hại làm việc cốt yếu, khi công việc hàn hạ, ông giảng tập, lại làm đến Lạo hiên, văn phong trong huyện tiến mạnh. Rồi mắc việc bị cách thức, đầu năm Tự Đức (1848) khai phục cử nhân do bộ làm thừa biện. Mắc bệnh xin về, đóng cửa dạy học không biết mỏi, học trò thành tựu được nhiều, chết năm 60 tuổi. Con là Ngô đỗ tú tài, Đồng đỗ hương tiến.

*

Nguyễn Hàm Ninh

Tự là Thuận Chi, người huyện Bình Chánh tỉnh Quảng Bình. Minh Mạng năm thứ 12 (1831) đỗ hương giải, thự tri huyện Lục Ngạn, vì có tang nghỉ chức rồi mắc việc đổi tên, lại được khai phục tự dung, thăng đến chủ sự, lại bị miễn chức về. Đầu năm Thiệu Trị (1841) làm các hành tẩu, trải viên ngoại lang bộ Hình. Năm thứ 6 (1846), chuyển Lễ bộ lang trung, đổi án sát sứ Khánh Hòa, vì nhầm tới thuyền ngoại quốc phải nghị luận trích đi đóng thú, lâu mới lại khai phục Hàn lâm viện trước tác, lại bị khiển trách, rồi chết năm 61 tuổi.

Digitized by Google

Hàm Ninh lấy văn học nổi tiếng, mà số thi lạ, hễ thăng quan là bị miễn khứ; về thơ văn thời trầm tĩnh hùng mạnh khi đè nén khi phô trương và sở trường về lối ngũ ngôn. Thương Sơn công vẫn thường khen, nay có thơ tập văn gọi là Tĩnh trai.

*

Phạm Phi

Người huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Năm đầu Minh Mạng (1820) bổ đội trưởng vệ Cẩm y, có công làm đến phó vệ úy vệ Khinh kỵ. Năm thứ 14 (1833) quân Xiêm đến xâm phạm những châu Cam Lộ, Phi cùng vệ úy Lê Văn Thụy, phụng mệnh đem quân tới dẹp. Gặp quân Xiêm ở châu Ba Lan, ba lần giao chiến đều được, bắt được tướng Xiêm là Mạn Tôi Khôn La Mân ở trận. Quân Xiêm phải lui, tin thắng trận thưởng gia quân công 1 cấp, rồi đổi phó lãnh binh ở Bắc Ninh. Vua lại cho việc ở Cam Lộ bọn Thụy quản lĩnh một số quân thiên lật đi đánh dẹp bắt sống được tướng Xiêm, thời công nên ghi, gia phong cho Thụy làm Thông cương Nam mà Phi là La phong Nam. Sau trải theo đánh nhau ở Vân Trung, chuyển sang lãnh binh tỉnh Thanh Hóa, tiến lên chưởng vệ vẫn lãnh quân như cũ. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) triệu về Kinh coi dinh Hùng nhuệ. Tự Đức năm đầu (1848) vì tuổi 70, xin cáo lão về nghỉ.

*

Vũ Trọng Bình

Tự là Sư Ấn, người huyện Phong Phú tỉnh Quảng Bình. Minh Mạng năm thứ 15 (1834) đỗ hương tiến, trải làm tri huyện Hòa Đa, có tiếng về hành chính, vào làm giám sát ngự sử, thiên Hộ khoa chưởng ấn cấp sự trung, dâng sớ hạch đổng lý thanh tra là Nguyễn Chấn tham tang, được thực đúng, thăng lên làm án sát sứ ở Thái Nguyên. Năm đầu Thiệu Trị

Digitized by Google

(1841) lĩnh bố chính sứ Phú Yên. Tự Đức năm đầu (1848) bổ Thừa Thiên phủ doãn, dâng sớ xin cho khơi sông Lợi Nông, đắp đê ngăn nước mặn và giảm miễn thuế công điền 3 thành trong 10 thành. Năm thứ 6 (1853) tới kỳ 3 năm xét công tội, vua cho Trọng Bình là người thanh cần không nhiễu, thưởng cho 1 chiếc khánh bằng vàng tía hạng lớn có 4 chữ: "liêm bình cần cán", rồi cất làm tuần phủ Hưng Yên. Năm thứ 7 (1854) mùa thu, tên đầu thổ phỉ là Bì Văn Tăng họp đảng cướp huyện Phù Cừ, Trọng Bình phái quân đánh phá tan, bắt được tên súng của ngụy là Lê Duy Cự (tức tên là Kỳ Đồng).

Năm thứ 9 (1856) làm hộ lý tổng đốc Ninh Thái. Bấy giờ báo lụt ra tai dân tình khó kiếm ăn, Trọng Bình tâu xin gia hạn hoãn mọi việc lính trốn và thiếu thuế, vua đều chuẩn cho thi hành. Lại gặp Hà Bắc đê vỡ, vua bảo việc trị hà rất khó tìm người, đình thần cho Trọng Bình là người tài cán lão luyện đề cử lên, đổi làm quản lý mọi việc đê chính và dụ bảo phải hết lòng mưu tính. Trọng Bình liền tâu xin: trước hết cho khơi sông Thiên Đức để chia thế nước, lại tính định việc công phí đắp đê. Vua theo, lại xuống dụ rằng: "công trình đắp đê ở Hà Nội rất khẩn thiết, các huyện ở vùng thượng lưu thế nước xông xói, rất là nơi phải hạ thủ trước, cốt nên châm chước liệu định, chậm chóng không nên nệ về thành kiến, thành ra thất sách".

Năm thứ 11 (1858) đổi ông làm thự An Tĩnh tổng đốc, mưu tính việc vận chở ở sông, vua giao bộ bàn định thi hành. Năm thứ 14 (1861) hạt Nghệ An báo được mùa, vua mừng có ghi làm bài thơ (thấy ở nhị tập Tự Đức chế thi) đưa cho xem. Trọng Bình lại bày tâu 3 việc về dẹp yên vỗ về ở Bắc kỳ: 1 là đổi lại đổi tệ việc quan; 2 là miễn trừ lương của lính; 3 là miễn tội cho người ra thú. Vua khen phải, cất bổ Tổng đốc. Năm thứ 16 (1863) chuyển Hộ bộ thượng thư, kiêm

Digitized by Google

Công bộ sung Cơ mật viện đại thần; lại cho trước đây ở Nghệ An lại dân đều yêu phục, thưởng thêm 1 cấp trác dị và 1 thẻ bài kim khánh lớn có chữ "liêm bình cần cán", lại chuẩn cho người con được thừa ấm gia thêm 1 trật, thông lục cho trong ngoài đều biết để khuyến khích.

Trọng Bình xin từ, vua không không chuẩn cho lại dụ rằng: "việc thưởng khuyến là điển thường, khen một người khuyên trăm người, cũng là cái ý tự họ Ngối [1] trước. Năm thứ 17 (1864) mùa xuân, quân Thổ phỉ nhà Thanh vào cướp tỉnh Lạng Sơn, tờ hịch cáo cấp. Vua liền đổi Trọng Bình làm Tổng đốc Ninh Thái, sung Kinh lược những đạo: Ninh, Thái, Lạng, Bình, cho 30 lạng bạc và phái 1500 lính đi theo. Trọng Bình mang cờ tiết ruổi đến Bắc Ninh, Cao Bằng, lại bị giặc hăm con dường chở lương không thông, liền bày cách vận chở tiếp tế rồi tiến quân ở Quang Lang (thuộc Lạng Sơn). Giặc bỏ đồn trốn ngay ban đêm, đường trạm lại thông đồng, chuyển tới thành Lạng, đưa hịch cho các thân hào tỉnh Cao Bằng tụ họp quân nghĩa dũng, hoặc giữ đất đóng ngăn để chống chọi, hoặc đặt phục binh đón đánh để phá hoại. Rồi tự đem đại binh đóng đồn ở phố Câu Phong, giặc gánh úp lúc không ngờ, quân ta liền vỡ, Trọng Bình lại thu quân cố sức đánh bèn được.

Năm thứ 19 (1866) tới kỳ 3 năm xét công tội, vua cho Trọng Bình là người liêm cần mẫn cán, đến đâu cũng được tiếng, tiến thự Hiệp biện đại học sĩ lĩnh chức như cũ. Tháng 3 năm ấy thu phục được Cao Bằng, bọn phỉ mục là: Trương Cận Bang, Lưu Sỹ Anh, Hoàng Trung, Ngô Hòa Khanh lần lượt tới cửa quân hàng. Trọng Bình ban sư về Bắc, xin: "lựa

(1) "Ngối Hưu ở cuối đời Vương Mãng khởi binh giúp Hán Quang Vũ phá giặc Xích uy, Quang Vũ đãi lễ khác hẳn mọi người, nhưng Hưu muốn tự chuyên về mặt phương diện quốc gia lại ra hàng Công Tôn Thuật rồi mắt bệnh phẩn uất chết, có lẽ vua dùng điển ấy để khuyến khích Trọng Bình chăng, nhưng còn tồn nghi.

Digitized by Google

những tên giặc hàng mà khỏe mạnh lấy 200 tên đồn làm đoàn Hướng nghĩa, đặt tên đầu mục để kiểm thúc và phái tới nơi quân thứ tỉnh Thái. Ông lại mưu tính việc nên làm sau này có 4 điều: 1 cho dân vay tiền mua đồ binh khí; 2 phái quân đóng giữ cho thay đổi về Nghệ An; 3 lựa chọn thổ hào làm quản đồn, đứng mộ quân nghĩa dũng coi giữ; 4 khuyên thổ hào mộ lập quân đồn điền".

Vua đều theo: Bấy giờ các tỉnh ở Bắc Kỳ, về vùng biên giới luôn luôn báo động, nên đều dâng sớ xin cho đặt thành trì các phủ huyện và mộ quân nghĩa dũng, cấp súng ống để nghiêm việc phòng bị. Vua cho là nhọc dân, chuẩn giao Trọng Bình cùng tổng đốc Sơn Tây Nguyễn Bá Nghi thương nghị. Trọng Bình tâu nói: "thành trì là hiểm hữu hình mà nhân tâm là hiểm vô hình, không nên bắt dân đã nhọc sức lâu rồi, lại hưng lực dịch nữa và thêm lao phí". Vua theo lời bàn; tới khi trong Kinh có việc tên Đoàn Trưng khởi nghịch. Vua cho nơi căn bản làm trọng, triệu Trọng Bình về, đổi lĩnh Lại bộ thượng thư, kiêm quản Quốc tử giám sung Cơ mật viện đại thần. Gặp lúc Nguyễn Tri Phương cũng từ Hải Dương đến để vào chầu, vua nhân hỏi: "quan lại chứa chất tệ hại đã quen, xin lựa chọn vị đại thần ra đó trừng trị thời quan lại mới thanh bình". Vua cho khó có người. Tri Phương thưa: "lấy Trọng Bình". Vua nói: "nơi biên viễn vẫn là trọng mà Kinh sư lại trọng hơn". Không cho.

Trọng Bình tính cương trực lại ở ngoài lâu, từ khi về tham việc then chốt, cùng với viện thần bàn bạc, gián hoặc có chí chiết hoặc mất hòa khí, vua nhân đó ban cho chùm vải, tỏ ý phải tương thân. Trọng Bình lại nói năng nóng nảy sơ suất, thường được bảo ban, Trọng Bình xin từ việc nơi Cơ mật. Vua lại dụ rằng: "người ta có phải ai cũng Nghiêu Thuấn mà hay tận thiện, ưắm cũng liệu việc răn bảo, mong đổi lỗi theo thiện để thành toàn cả. Nếu cứ lấy một việc một lời nói

Digitized by Google

làm bất mãn, thời vẫn còn có ý hiềm oán, há mong đổi lỗi được ư!" Trọng Bình lạy tạ.

Năm thứ 21 (1868) các hạt: Trị, Bình, An, Tĩnh về bên lương giáo không cùng nhau yên ổn, đang chọn sung khâm sai tới xử trí. Gặp giặc Ngô ở Cao Bằng lại làm phản, ban đêm đánh úp lấy thành. Vua cho Trọng Bình tình thế vốn đã am hiểu, chuẩn cho bổ hiệp biện lĩnh tổng đốc Hà Ninh, nhưng sung Khâm sai đại thần ở 3 nơi quân thứ Tuyên Thái Lạng, để mưu tính lương thực và đánh dẹp.

Năm thứ 22 (1869) đổi sung tổng thống Lạng Bình, khi Lạng Bình đã khôi phục, giặc lại dời cướp Tuyên Quang, Trọng Bình cùng tán tương Nguyễn Văn Tường thương lượng xin chủ súy nhà Thanh là Phùng Tử Tài đem quân hội dẹp. Vua khen khéo về từ mệnh, sai đặc cách khen ngợi và sai chuyên sung hộ dẫn cơ lược đánh dẹp vỗ yên theo lời thương lượng, kiêm tri cả các việc đánh dẹp chở lương ở Sơn Hưng Tuyên. Năm ấy Phùng Súng về Đường [1] tên là Hàng Phí ở Lạng Sơn là Tô Tử lại cùng với Tăng A Dã họp đảng phản lại và các thổ phỉ là Đặng Văn, Hoàng Anh lại khởi lên, vua chuẩn cho hợp Bắc Lạng làm một đạo, đổi ông làm hiệp thống Bắc kỳ quân vụ cùng với tổng thống Đoàn Thọ đóng quân thứ ở Lạng Thành. Giặc Tô đêm đến đánh úp, Thọ bị chết trận, Trọng Bình cũng vượt thành chạy. Vua nghe tin lấy làm giận, lấy lại chức tước của Trọng Bình, rồi lại nghĩ công lao tài cán, tạm cho hàm Hồng lô tự khanh, lĩnh bố chính sứ Thái Nguyên. Năm thứ 27 (1874) ở Nghệ An có biến loạn về tên Mai Tấn, đổi lĩnh tuần phủ Nghệ An, Trọng Bình kiêm làm cả đánh dẹp vỗ về rồi cũng êm lặng.

Vua cho bộ Lại giữ chức cân nhắc nhân tài, Trọng Bình vốn giữ tiết tháo liêm chính, đổi làm tả tham tri bộ Lại. Năm thứ 28 (1875) ở Bắc Ninh có bão lụt lựa sung Khâm sai tới

(1) Về Đường: là về Tàu.

Digitized by Google

xét và chẩn cấp, rồi hộ lý tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Chẳng bao lâu vì tuổi già xin về nghỉ, vua không bằng lòng lại dụ rằng: "nhà ngươi một lòng công trung, trước sau không đổi, huống hồ lỗi chưa bổ ân chưa gia, đương lúc gian nguy này, sao nỡ đã cáo lão, chuẩn y cho thực thụ.

Năm thứ 32 (1879) Phùng Súng lại tới nơi quân thứ ở Thái Nguyên, vua cho Trọng Bình vẫn có tiếng thuần lương, lại cùng với Phùng đề đốc quen biết, sai tới thương thuyết việc quân, rồi chuyển về tỉnh Bắc tính việc chẩn tế.

Năm thứ 33 (1880) mùa thu Trọng Bình vào chầu vua, vua cho triệu vào hơi việc ngoài biên ở Bắc hà và nhân đó hỏi rằng: "việc trận mạc ở ngoài biên ở Bắc hà chưa biết ngày nào được yên, hiện nay tham tán thời nhiều, chưa có người nào vốn có phẩm vọng, nên cùng với Hoàng Tá Viêm bàn luận không hợp. Khanh như sung một chức hiệp đốc hoặc biên vụ, tự liệu cùng với Tá Viêm thương nghị có giúp nên được việc chăng?" Trọng Bình thưa rằng: "thần tính thô suất, việc binh lại không phải sở trường, không dám tự đương, duy cho thần lý nhiệm ở Sơn, nếu gặp việc cùng thương lượng tưởng cũng có chỗ nghe nhau". Vua lại hỏi: "Khanh trị dân như thế nào mà thấy dân yêu?" Trọng Bình thưa rằng: "duy không dung túng lại tư, nghiêm bắt trộm cướp và sức cho phủ huyện hết thảy các tạp tụng không được để lâu và thuế lệ hàng năm chính thân phải chiếu cố, quân hành cho rõ".

Vua muốn lưu lại để sung vào bộ Lại, lại cho viên lại ở Bắc kỳ phần nhiều là người mới, Trọng Bình là lão thành khá nhờ được trấn áp, lại chuẩn cho về Sơn Tây. Bấy giờ ở Bắc kỳ có lời nghị luận về việc vận chuyển không được ngay thẳng, Trọng Bình định phúc lại việc nên làm ở tàu thuyền và tự xin qua lại trông coi, vua cho thuyền chính mới bắt đầu, Trọng Bình đã cán làm, lại xin tự đương lấy, đổi làm Tổng đốc Định Yên kiêm trông coi việc đó.

Digitized by Google

Năm thứ 35 (1882) lên thọ 70, vua dụ rằng: "Trọng Bình trải làm quan 3 triều, dẫu tính thiên định kiến nên thường vấp váp, nhưng một lòng thực thà trung hậu ưu ái đến già không đổi, cho bạc tiền phẩm vật để khuyến khích cần lao và tỏ rõ cái ý dưỡng lão".

Năm thứ 36 (1883) mùa xuân, quân Pháp từ Hà Nội tới bức bách tỉnh thành, lái tàu tới sông Vị Hoàng bắn phá, quân bộ sấn vào cửa đông. Bấy giờ hòa ước chưa định, Trọng Bình cùng bố chính Đồng Sỹ Vịnh, án sát Hồ Bá Ôn ở thành chống chọi, còn đề đốc Lê Văn Điểm ra thành giao chiến từ giờ Mão đến giờ Ngọ, Điểm thì chết, Ôn bị thương, thành mất hẳn, Trọng Bình bị cách chức về Kinh đợi xét.

Kiến Phúc năm đầu (1883), lại khởi phục thương biện công việc tỉnh Nghệ An, rồi triệu về cất làm Hộ bộ thượng thư, vì già xin về hưu. Đồng Khánh năm đầu (1866) chuẩn cho hàm thượng thư được hưu trí, ân cấp cho nửa bổng. Năm Thành Thái thứ 10 (1899) chết ở nhà, thọ 91 tuổi. Tinh thần tâu lên, vua thương nghĩ là cựu thần truy thụ Hiệp biện đại học sĩ, cấp cho tiền tuất. Lại cho người rể là Thừa Thiên phủ doãn Hoàng Côn (nay thự tổng đốc Thuận Khánh) được trả hạn về lo liệu công việc.

Trọng Bình là người cứng rắn thẳng thắn thực thà ngay thẳng, đến đâu cũng có tiếng liêm bình, dẫu sở đoản về cách dùng binh, nhưng sở trường về cách trị dân, nên sau khi đi, dân vẫn thường nhớ. Trải khắp trong ngoài 50 năm có lẻ, thực xứng câu Hán Chương đế nói "An tĩnh chi lại, khẩn bức vô họa", nghĩa là: Kẻ lại yên tĩnh, rất thành thực không hoa mỹ. Hôm chết có đoái bảo con em rằng: "cả đời ta chỉ giữ 3 chữ" không dối vua", nay tỏ rõ đã được miễn. Con có 2 người, lớn là Liêm, đỗ cử nhân khoa Tự Đức Đinh mão, làm đến Hàn lâm thị giảng học sĩ, khoảng năm Đồng Khánh theo Phù Quốc công là Phan Đình Bình đi hiểu dụ để dẹp yên trong

Digitized by Google

hạt, bị giặc hại. Thứ là Trinh cũng đỗ hương tiến làm đến huấn đạo.

*

Nguyễn Huy Lịch

Tự là Ôn Như, người huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa. Lúc nhỏ cha mẹ mất sớm, chăm học, nhà cửa rỗng không, vẫn điềm nhiên, tuổi 20 có tiếng văn hay. Minh Mạng năm thứ 6 (1825) đỗ hương tiến, khi bộ duyệt lại vì có tì tích bị truất. Năm thứ 12 (1831) lại cất làm hương a, lúc đầu theo hậu bổ tỉnh Sơn Tây, trải làm huyện doãn ở Cẩm Khê, đất huyện phần nhiều là rừng rú, quân thổ khấu thường cướp bóc, Huy Lịch bày nhiều cách bắt dẹp, dân nhờ đó được yên, cất làm tri phủ Lạng Giang. Thiệu Trị năm thứ 2 (1872) mùa xuân, vua ra Bắc tuần, Huy Lịch sung làm việc ở nơi công quán được đắc lực, vua khen, vào làm Công khoa cấp sự trung, rồi chuyển làm lang trung bộ Lại. Tự Đức năm thứ 2 (1849) đổi làm Kinh triệu thừa, được tiếng về hành chính, thăng thụ Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ Quảng Nam. Năm thứ 8 (1855) quyền chưởng ấn tổng đốc quan phòng; mùa đông năm ấy cửa Đà có báo động, được tả thiên Hàn lâm viện thị độc sung sử quán biên tu, được hơn năm vì ốm xin về.

Huy Lịch tính điềm đạm đơn giản tĩnh mịch, khi làm quan thanh bạch cẩn thận được yên thân. Sau khi qui điền, lấy sách vở làm vui, làm điều nghĩa bảo ban học trò, lấy thi lệ khuyên răn con cháu. Trải 30 năm vết chân chưa đến thành thị, các viên thú mục tới cai trị đều trọng là người có khí độ, thường muốn đề cử lên, Huy Lịch đều cảm tạ, xin rút lui để được an điềm. Đầu năm Kiến Phúc (1884) thời chết, thọ 85 tuổi. Con có 9 người, 3 người đăng khoa. Huy Cửu chân ấm sinh đỗ tú tài, Huy Vũ đỗ cử nhân, cả hai đều làm tri huyện, Huy Cáp đỗ tú tài, con Cáp là Huy Di năm Thành Thái thứ 9 (1897) cũng đỗ hương tiến.

Digitized by Google

QUYỂN 32

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXII

- Trần Tiến Thành
- Bùi Ái (con là Bân)
- Lưu Quý
- Nguyễn Hoàng Nghĩa (phụ: Nguyễn Thường, Trần Tuấn, Phan Du, Bùi Viết Tâm, Trần Mậu, Bùi Thố, Đinh Nho Điển).
- Vũ Văn Bản
- Nguyễn Đức Huy
- Lê Lượng Bạt
- Trần Ái
- Lưu Lượng
- Nguyễn Hữu Hòa
- Nguyễn Đình Thi.

*
* *

Trần Tiến Thành

Khi trước tên là Dương Độn, tự là Thời Mẫn, hiệu Tốn Trai, sau tráng quốc húy đổi là Mẫn, được vua cho tên như ngày nay. Tiên tổ là người tỉnh Phúc Kiến nước Tàu, đời làm quan với nhà Minh nhà Thanh; lúc đầu dời đất chuyển sang Nam, làm nhà ở huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên. Cha là Bá Lượng, Minh Mạng năm đầu (1920) vì có văn học ra ứng cử, trải tri phủ Tân Bình, sau được con quí hiển, tặng Lễ bộ thượng thư. Thành lúc nhỏ khảu khỉnh lạ, có khí thức, năm 13 tuổi để tang cha thực hết lễ, không khác gì người lớn, thức giả phần nhiều cho là có đại khí; khi hết trở, chăm việc

Digitized by Google

học, văn ngày một tiến, bấy giờ, ở Quốc tử giám có lời khen là bẩm sinh nhanh nhẹn như Văn Trường.(1)

Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm biên tu sung làm hành tẩu viện Cơ mật. Thiệu Trị năm đầu trải Viên ngoại bộ Lại và Lang trung bộ Binh, ra làm án sát sứ tỉnh Thanh Hóa. Tự Đức năm đầu (1848) chuyển thái bộc tự khanh, biện lý bộ Hộ; tới năm sau sung giáp phó sứ sang Yên Kinh, rồi có chỉ đình lại, đổi làm biện lý bộ Lại kiêm quản ấn triện Đại lý tự; chẳng bao lâu, cất làm bố chính sứ ở Gia Định, chuyển về thị lang bộ Công sung biện Các vụ, có tâu xin cho in khắc 2 pho Ngũ kinh, Tứ truyện đại toàn, ban cấp các sĩ tử học tập, vua theo.

Năm thứ 8 (1855) quân ác Man ở Quảng Ngãi làm loạn, sung làm tán lý quân vụ, khi bình được giặc Man, đưa làm tham tri bộ Binh, sung Kinh diên giảng quan. Năm thứ 14 (1861) chuyển Công bộ thượng thư, kiêm sung đốc phòng cửa biển Thuận An, có dâng sớ trình bày về việc nên phòng thủ, vua cho lời tâu là phải, khi việc đốc phòng đã đơn giản, đổi sang Hộ bộ kiêm quản Khâm thiên giám sung Cơ mật viện đại thần, nhưng thường tới nơi phòng sở để kiểm đốc, rồi chuyển sang bộ Binh, kiêm quản Viện Tập hiền.

Năm thứ 17 (1864) toàn quyền nước Pháp là Hà Ba Lý vào Kinh, sung làm Khâm sai toàn quyền phó sứ để củng định ước, thưởng cho 1 chiếc Kim khánh hạng nhì có chữ: "liêm bình cần cán". Bấy giờ việc binh nhung ở Hải An, lâu chưa thấy tâu công, vua thân làm tờ sắc dụ khuyên răn cố lệ các tướng sĩ, chọn phái đại thần cầm cờ tiết mang tờ dụ tới nơi tuyên bảo. Tiến Thành xin đi, hôm vào bệ từ, vua dụ rằng: "Khi xưa Đường Bùi Độ có tự xin làm tuyên úy Hoài Tây nhưng công hiệu mẫn khanh mà nay lại được đại thần trong nước, ta đã lựa chọn để ý đã lâu vì cơ mưu hiểu hết, lại

(1) Tức Nguyễn Cửu Trường.

Digitized by Google

khẳng khái xin đi. Vậy cho được tiện nghi làm việc và xét kỹ tình quân thế giặc từ trước tới nay bởi đâu sinh chậm trễ. Và nay làm thế nào, tính toán nắm được thắng trận chóng tâu công, mà kế hay phải đích thực cho được vẹn toàn, một mặt mật thương với các thứ thần liệu cơ mà làm cho ổn thỏa, một mặt viết vào tập tâu lên để đợi chỉ, trong một tháng xong việc thời về để đỡ mong mỏi".

Tiến Thành tới Hải Dương gặp dân đang đói, tức thì tiện việc trích gạo ở kho 3.000 phương giao cho phủ huyện chia phát chẩn, rồi viết tập tâu lên xin tội. Vua cho gấp việc chẩn tế được miễn tội. Bấy giờ các cảng đạo ở Thanh Nghệ nhiều chỗ nông lấp, Tiến Thành tâu xin cho khơi đào ra, vua chuẩn giao cho 2 tỉnh khám xét mà làm.

Năm thứ 19 (1866) tới kỳ 3 năm xét công quả, tập sách dâng lên, vua nói: "Tiến Thành được tri ngộ đã lâu vả có cơ thức, hàng năm nay bày mưu vạch kế ở trong khu phủ được việc cả, tiến thự hiệp biện đại học sĩ, đổi lĩnh bộ Công, kiêm hàm như cũ, lại sung Tổng tài Quốc Sử quán.

Năm thứ 20 (1867) tâu nói: "khi nước mới dựng, Nam Bắc 2 kỳ đều đặt tổng trấn, hết thảy việc thường tùy liệu mà làm, duy việc lớn mới tâu lên, nên đều nhanh nhẹn được việc, xin cho Hà Nội và Bình Định đều đặt một nha Kinh lược, lại cho Phan Khắc Thận, Thân Văn Tiếp, Đào Trí, Phạm Chi Hương được sung cử. Vua theo: Gặp 3 tỉnh: Vĩnh Long, Vĩnh Tường, Hà Tiên có việc, sung làm Khâm sai đại thần tới Gia Định cùng với chủ súy Pháp giảng thuyết việc biên cương không có công trạng, giáng làm tham tri, gia ơn vẫn lĩnh thượng thư, còn thì kiêm sung như cũ. Rồi vì mẹ ốm xin ở nhà năm ba hôm để hầu thuốc, được chuẩn cho sâm quế và phái thầy thuốc tới trị.

Năm thứ 22 (1869) ngày quân báo ở 3 đạo Bắc kỳ tới, đình thần cử lên, sung làm Khâm sai, tới Bắc Ninh, ở đó xếp đặt để yên các trấn.

Digitized by Google

Vua nói: "giúp việc cơ mưu trong màn tướng cũng không nên thiếu, Tiến Thành trước ở Binh bộ công việc đã hiểu, lại bổ làm Binh bộ thượng thư và thưởng cho 1 đồng kim tiền hạng lớn có 2 chữ: "viết trung", cùng dụ bảo cái ý hễ việc xong sẽ ưu thưởng để bạt cho".

Tháng 7 năm ấy lại được tờ dụ rằng: "Tiến Thành được thâm cảm tri ngộ, hết sức giúp rập, ngày đêm không trễ, râu tóc đều bạc, mà mẹ đẻ tuổi ngoại 80 còn được khỏe mạnh, há chẳng phải báo ứng về đời hiền làm trung ư! Nước có bề tôi như nhà có con cái, tưởng lòng người mẹ ngày thường dạy bảo cũng chẳng ngoài đó. Nay nhân có lễ khánh điển, ơn ban khắp cả, cái đạo yêu già ta mến già ngươi và cách gián tiếp giúp về đạo hiếu, thực không thể thiếu, bèn ban cho thuốc men báu vật (người mẹ được 1 đôi lộc nhung, 4 chi sâm Cao Ly, là the vóc lĩnh cộng 7 thước, về Tiến Thành 1 đôi lộc nhung, 10 chi sâm Cao Ly, quế Thanh hạng nhất 2 thanh, dầu lá sam 1 lọ). Sai hiệp lĩnh thị vệ là Nguyễn Đình Phả cùng viên ngũ phẩm thuộc các, mang cấp cho tại nhà, lại miễn cho người mẹ không phải lạy tạ.

Năm thứ 23 (1870) vua ra duyệt đồn lũy ở Thuận An, thưởng cho 1 chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng mạn thủy tinh và 1 chiếc kim khánh hạng lớn có những chữ "liêm bình cần cán", rồi cho làm thự Hiệp biện lĩnh chức kiêm sung như cũ.

Năm thứ 25 (1872) vì có tang mẹ xin về đến khi hết trở, được vua phê bảo: "khanh về chức phận, giao nghị, trách vọng như thế, há nên để vắng lâu, cấp cho 500 quan tiền và nghỉ 3 tháng để lo liệu cho xong việc chay ma".

Năm thứ 26 (1873) mùa xuân lại chuẩn cho thăng thực thụ và dụ rằng: "Khanh được tri ngộ trước hết, vả đã lâu cất nhắc đến bậc cao lại cho thịnh danh. Đó là muốn đoái đến tên, nhớ đến nghĩa, thực mình thận vật, giúp rập thịnh đại không lo, không phải là hậu đãi về đã tri ngộ. Nay khanh về

Digitized by Google

đạo làm con đã được trọn vẹn, thời đạo làm tôi nên nghĩ cho trọn vẹn, mới mong đối với nước là trung thần, đối với nhà là hiếu tử, mệnh vua mệnh mẹ chẳng đã trọng ư! Một chữ thành bậc thánh hiền truyền thụ cho rất là cốt yếu cũng chưa dễ đã thực hành. Khanh vốn có học thức đâu có đợi trẫm phải nói, may ra miễn được nhầm lẫn, mà còn nhầm lẫn nhận biết xấu hổ mới là tận thiện."

Tiến Thành dâng sớ xin từ, lược rằng: "thần đội ơn cất nhắc, cho giúp việc giữ về binh khu tham cả cơ vụ trải 10 năm có lẻ. Phàm các việc đều noi theo sự tính toán của nhà vua và kính chịu cả mọi phương lược, thần không chút có phương lược nào để xứng đáng ngôi cao, may được nhà vua thể tuất chu toàn cho, không những giữ cho không có lỗi lớn mà lại được trọn cả đạo hiếu. Hàng năm nay bốn phương nhiều nạn, các tướng sĩ đều tỏ hết tiết nghĩa ở ngoài biên, mà thần một mình được ra vào hầu hạ nơi tả hữu, bí mật mưu mô việc miếu đường, thực là nhà vua lấy hiếu trị thiên hạ. Nhà vua thể tất cả quần thần, nên thương thần còn mẹ mà không để thiếu phụng dưỡng một ngày. Năm trước gặp lễ đại khánh tiết ban cho mẹ thần các phẩm vật, mẹ thần từng bảo thần rằng: "ơn vua long trọng đến cả mẹ như thế, mẹ nay không dám có con nữa". Khi mẹ thần ốm, lại được sắc cho thái y bốc thuốc điều trị và thường được trung sứ tới hỏi thăm. Thần mỗi khi hầu thuốc, mẹ thần giục tới triều và khóc bảo rằng: "ân tư như thế, con dẫu kiếp tái sinh làm khuyển mã cũng khó xứng bù được. Trước sau lời dạy bảo của mẹ thần, thần đâu dám quên, nay thần ngày thờ mẹ đã hết. Gần đây chuẩn cho hết 3 tháng phải tựu chức, thần không dám vượt mệnh, phải mặc đồ đen ra giúp việc, đó là khi có binh cách không tránh hiềm nghi, cổ nhân vẫn thường làm. Thực là nhà vua châm chước cho tòng quyền mà thần cũng khỏi hiềm nghi về vượt ngoài tang chế. Nay lại vội gia sủng mệnh mới, thần thực chưa giải về công nghị ra sao. Kính xin thu

Digitized by Google

về thành mệnh, vẫn cho thự hàm giữ một chức để hết sức giống ngựa hèn cố gắng lên mà giong ruổi, đó là hậu vọng của thần".

Tờ sớ dâng vào vua phê bảo: "đó là điển thường mà khanh cho là khí quá, trẫm cũng không ép, tạm theo ý kiến, để khanh thi thố mưu toan báo đáp, tỏ lời khuyên răn của người hiền mẫu, xứng đáng là bậc hữu dụng cho quốc gia, may việc biên sớm xong, thưởng cho cũng chưa muộn".

Năm thứ 26 (1873) Hà Nội, Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình kế tiếp bị thất thủ, khi Nguyễn Văn Tường tới Hà Nội giảng giải thu về 4 tỉnh, vua cho Văn Tường là do Tiến Thành đề cử lên mới được biết, xuống dụ rằng: "Văn Tường cùng với trẫm được tri ngộ, dẫu do từ khi làm huyện lệnh ở Thanh Hóa mà mới biết tiếng thôi, nhưng phần nhiều do Tiến Thành cử ra, nhân đó mới dần tiến lên. Nếu cho là vô tri, theo lệ sống lâu lên lão, thời truy nguyên ra việc thưởng nên thôi ư!" Vậy thưởng thụ hiệp biện tiến thự Văn minh điện đại học sĩ, còn hàm vẫn như cũ. Đó là biết tiến người hiền nên được thượng thưởng. Khi vào triều kiến thường được ưu lễ, gọi là Trần khanh mà không gọi tên.

Lại xuống dụ rằng: "chức đại thần không nên thân hành việc nhỏ, tự nay hễ việc ở bộ như các trọng sự: quân cơ, quân chính, phái binh, trừ nhung, mới nên quan trọng biện bạch rồi thủ quyết dâng phiến lên. Còn chuyển giao cho tham thị hội đồng bàn định mà làm, để được tụ hội tinh thần, mưu sâu lo xa, ngày nghĩ giúp rập, mong được kiến hiệu".

Năm thứ 31 (1877) có ngũ tuần đại khánh, xuống dụ bảo: "Tiến Thành một lòng trung ái, càng già càng chăm, thực có độ lượng kiến thức, quyết đoán được việc lớn, chuẩn thụ cho điện hàm, thân rót chén rượu ban cho, đó là đặc cách.

Năm thứ 35 (1881) mùa đông cho chiếc áo cừu mà vua vẫn mặc và một bài thơ:

Digitized by Google

Phiên âm: Khởi hiệu lâm hiên tự giải cừu,
Quân thần nhất thể bản đồng hưu.
Cố tri lão giả y ưng hậu,
Phân dữ khinh ôn loát trang do.

Dịch: Há phải lâm hiên [1] mới cởi cừu,
Vua tôi một bụng vốn cùng hưu.
Tuổi già áo mặc nên dày dặn,
Ấm cúng san cho để mạnh mưu.

Tiễn Thành rất cảm kích, kính họa lại 2 luật:

Phiên âm: (1)
Trịnh trọng phân ôn cáp thủy cừu,
Thiên ân vô địch xí thừa hưu;
Biên mông hóa ngoài di tiêu cán,
Bổ cổn đa tàm phạt viên do.

Dịch: An cần chia ấm cấp cho cừu,
Ơn huệ đâu từ bởi được hưu;
Ngoài chở che ra ăn ngủ trễ,
Thẹn nhiều vá cổn thiếu bày mưu.

Phiên âm: (2)
Tấp niên dục tệ Ấn Anh cừu,
Ty thổ xuân tàm lão vụ hưu;
Y bí thử thân hà dĩ báo,
Di phùng niệm trọng cảm do do.

Dịch: Bao năm muốn nát áo Anh cừu [2]
Nhả sợi tằm già vẫn chẳng hưu;
Áo mặc che thân chi báo đáp
Vá may nghĩa trọng dám chầy mưu.

---

(1) Khi nhà vua ban cho đình thần mà không ngự ở nơi chính tọa, mà ở bình đài thì gọi là lâm hiên.

(2) Ấn Anh: làm quan đại phu nước Tề về đời Xuân Thu có đức tiết kiệm, nên được quý hiển ở đời, sách sử khen là Ấn Trọng Bình.

Digitized by Google

Vua khen nói rằng: "lập ngôn có phong thể". Năm ấy lên thọ 70, lại được vua cho bài thơ:

Phiên âm: Tam thập dư niên tri ngộ thâm,
Thủy chung vĩnh thỉ nhất đan tâm.
Thừa xa hoàng cố huyền xa lệ,
Trượng quốc vưu ân báo quốc thầm.
Nhị thiện duyên khai hoài Phó đỉnh,
Thất tuần hóa hiệp tán Ngu cầm
Thọ tư dữ thí cô lưu ý,
Thường hứa toàn thu tục tụng âm.

Dịch: Ba mươi năm lẻ biết nhau sâu,
Một tấm lòng son vẫn trước sau.
Xe cưới đoái hoài ngày gác cất,
Gậy hoa vẫn để bụng mong đền.
Tiệc ngày hai bữa nhờ tay Phó (Thương Phó Duyệt)
Tuổi thọ bảy tuần gẩy nhạc Ngu (Ngu Đế Thuấn)
Thọ ấy so cùng lòng giữ lại,
Thường mong trọn vẹn nối thanh âm.

Và một thiên tự văn, thuật cái ý trước sau tri ngộ, cố gắng cùng nhau giúp rập, cùng trương bình bằng đoạn gấm chính tay vua viết và phẩm vật mừng thọ (áo triều bào chánh nhất phẩm 1 cặp, gậy linh thọ 1 chiếc, chén ngọc 1 đôi, hoa bình 1 đôi và vàng bạc tiền gấm vóc sa chiu các hạng v.v...), sai các thần là Hồng Sâm tới nhà ban cho.

Năm thứ 36 (1882) Tiến Thành vì già ốm tâu nói: "bệnh tình của thần liên miên ngày tháng, xin trả hạn để chữa thuốc đã đến hai ba lần, gần đây lại phát, tăng giảm không thường, liệu không phải hàng tuần đã khỏi. Nếu lại xin nghỉ, thời cái tội làm nhơ nhớp tai vua càng lớn; vả công thự không phải là nơi dưỡng bệnh, nằm lâu sợ người ta nói, nếu tạm về nhà

Digitized by Google

riêng, thời xa cách việc cơ mật, lòng rất không yên, đương lúc sự cố ấy vẫn thấy nhà vua quên ăn trễ ngủ. Thần, tấm thân dầu mắc bệnh, bụng thường lo giấu, còn một hơi thở cũng không dám chút trễ nải. Trộm nghĩ: Thần chất vốn ngu thiển, phụng sự tả hữu 30 năm có lẻ, mà nhà vua đối với ngu thần không khác cha hiền đối với con, kể về ân tình khó trạng được hết, đoái về phận nghị đâu dám thoái thác. Thần đương lúc trẻ khỏe sống chết còn không dám hồi cố, huống năm nay tuổi ngoại 7 tuần, tính tri năng vẫn còn, đâu dám tiếc cái thân tàn, chỉ vì thần đã tôi niên lệ, vừa gặp việc cơ mật bề bộn, chưa dám viện lệ xin. Thời kẻ chê người luyến sạn (sách Tấn thư: ngựa hèn còn luyến hột đậu ở chuồng) có ngại cho người hiền; lại vừa nhân nghỉ bệnh, thời người cho là thấy khó, thoái thác cáo ốm. Chúng khẩu còn nóng hổi chồng chất bời bời những lời chê bai, thần đương ốm trong tâm rất là đau khổ. Vả thần suốt đời trung thực sau trước không trái, mà tâm của thần, bệnh của thần bậc đại thần ở triều biết rõ đã lâu, thần chỉ lòng lại hỏi lòng, duy có mặc họ, mình chỉ một niềm thôi, vậy nên ở thự, hoặc nên về chỗ ngụ trị bệnh khỏi, lại vào hầu, đợi ban ân cách".

Vua phê bảo: "bệnh của khanh là lão bệnh, ta đã hỏi thầy thuốc, họ nói: không ngại. Vậy cứ yên tâm ở thự đợi khỏi vào hầu nghe việc cơ mật, bất tất phải nghỉ hạn ở ngoài xa cách không tiện".

Tháng 6 năm ấy có chiếu để lại, cho hoàng trưởng tử là Thụy Quốc công (nay truy tôn Cung huệ hoàng đế) nối nghiệp lớn, mà Tiến Thành sung phụ chính đại thần, Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết (nguyên họ Tôn Thất đổi theo họ mẹ) sung đồng phụ chính đại thần; trước một hôm tấn tôn, tự quân cho trong chiếu một đoạn: "sắc cho răn bảo điều hay" có triệu các phụ chính tới bàn, thời Tường, Thuyết đều nói: "duy nhà vua quyết định. Tiến Thành cũng để tâm lĩnh hội; kịp khi

Digitized by Google

đọc chiếu, Văn Tường cáo bệnh không ở trong ban, Thuyết đứng cạnh Tiến Thành, lúc Tiến Thành đọc đến đoạn ấy, thấy khẽ tiếng để hỏi bộ, Thuyết bèn giả cách có tình trạng kinh ngạc lạ lùng, khi đọc xong vặn hỏi Tiến Thành. Tiến Thành lựa lời đáp rằng: "Sao lại không đọc, vì lão phu gấp ho nên thiếu tiếng hóa nhỏ đó". Thuyết lại chứng rõ là không phải, bèn cùng nhau mưu việc phế lập: Bấy giờ Tường, Thuyết cậy có binh quyền, đình thần đều sợ lửa bùng không ai dám làm gì, Tiến Thành muốn thôi không được, cũng phải cúi theo. Phế đế lập, thăng thụ Thái bảo Cần chính điện đại học sĩ, Tiến Thành cố sức từ không được. Sau đó bọn khoa đạo là Hoàng Côn tham hặc về đọc tờ di chiếu lại đọc bớt đi, vua giao đình nghị, đình thần xét cho là khi truyền đọc viết chế thư bị nhầm lẫn, ghép luật phải đánh trượng và cách chức. Phế đế cho là bậc cựu thần thuộc 4 triều, chuẩn cho giáng 2 cấp được lưu. Tiến Thành từ đó hằng ngày bị Tường, Thuyết bức bách, bèn vịn có bệnh xin giải chức Cơ vụ về nhà riêng ở Dinh thị để tiện cấp dưỡng. Khi Tường, Thuyết lại mưu phế lập, có ủy người đem nguyên tờ bản thảo nói rõ cùng Tiến Thành, cốt được nghe theo. Tiến Thành bác đi nói rằng: "phế lập là việc đại sự, sao nên đề cử luôn thế, ta đã bãi chức về không dám dự". Tường, Thuyết lại rất nghi, ngay đêm hôm ấy Tiến Thành bị trộm giết chết, người đều ngờ có người sai khiến, mà không dám nói. Tường, Thuyết lại cho bản án xét trước phải giáng lưu khí nhẹ, xin giáng làm Binh bộ thượng thư. Đồng Khánh năm đầu (1886) viện thần là Nguyễn Hữu Đỗ, Phan Đình Bình vì đó trình bày xin cho gia ơn truy phục nguyên hàm và chiểu lệ cấp cho tiên tuất.

Tiến Thành tính vốn trung thực, làm quan thanh cần. Dực tông Anh hoàng đế rất là chọn lựa quyến luyến. Mỗi khi mắc bệnh xin nghỉ, hễ bớt đỡ lại vội vào lạy tạ chầu chực, được tuyên triệu sắc hỏi đã khỏi chưa? Tiến Thành lại lạy tạ tâu nói: "bệnh thần hiện nay may đã đỡ"; lại sắc bảo: "trẫm

Digitized by Google

thường thể tất các thần công, thấy khanh một lúc lạy tạ nhiều đến 2 lần, trong tâm ta không được yên, miễn là khanh hết lòng mọi việc để yên quốc gia, còn về tiểu tiết trẫm không nỡ trách". Tiến Thành lại thường phụng họa bài thơ: "ngự chế nguyên nhật thi" (vua làm bài thơ ngày mồng một đầu năm) như sau:

Phiên âm:

Thiên tải minh lương nhất thể đồng,
Khu khu sỉu nhục thốn tâm trung.
Tự tàm đa lũy như kim nhật,
Cảm nghĩ suy trần khởi đại phong.
Bán thế hải sơn ân mỹ báo,
Trấp niên duy ác lão vô công.
Ngạc đàm ngưu chữ tần nam vọng,
Tinh về điền ba hận vị công.

Dịch:

Nghìn năm hết thảy muốn minh lương,
Ưu nhục trong tâm chút vấn vương
Thẹn gặp ngày nay đầy mắc nạn,
Muốn đem gió lớn thổi tan mù.
Nửa đời chữa báo ơn sơn hải,
Đôi chục không công hổ vận trù
Đầm Ngạc bến Ngưu, Nam ngoảnh vọng,
Dạ trang lấp sóng giận chưa công.

Được vua phê bảo "thanh luật ý tứ không một điệu gì là không hợp, từ trước tới nay hiếm có, khiến người đọc đi đọc lại đến 3 lần, không xiết cảm khích tấm lòng ưu ái, ở lời thơ tưởng thấy rõ cả". Xem từ khi trải khắp trong ngoài 40 năm có lẻ, quan đến tể phụ mà vẫn nghèo như trước. Mỗi khi gặp ngày giỗ thường cảm khóc rằng: "cha ta đi làm quan, bấy giờ ta còn bé không được theo hầu cơm nước thuốc thang, đã không được dự, tới khi linh cữu từ Gia Định về, hết thảy việc tang đều nhờ em đồng đường của ta thay giúp. Ta lại không tỏ được hiếu kính, nên dẫu quan cư nhất phẩm, triều đình

Digitized by Google

ban cho, liêu thuộc đưa tặng, chưa từng thiếu thốn mà ăn mặc vẫn kiệm ước như cũ, thực vì đau đớn cho cha ta không hưởng được phú quí. Và cảm tổ cô ta siêng lao dạy bảo nuôi nấng mới thế, không phải là dám trộm lấy danh dự". Đủ rõ thói nhà thanh ước và cách trì gia là như thế. Vả hay vì nước dâng hiền để lấy người thờ vua, lòng vui đạo có dáng quân tử, nên người đều phục có độ lượng bậc đại thần. Tới khi tuổi già gặp lúc gian nan, bị chết về nạn, người phần nhiều đều mến tiếc. Con có 2 người, Tiến Huấn làm tri huyện Hậu Lộc, Tiến Hối, khoa Thành Thái Tân mão đỗ hương giải, hiện làm án sát sứ ở Bình Định; cháu là Tiến Mưu lấy ấm sinh được tập tu soạn, hiện làm tri phủ An Sơn. Em Tiến Thành là Nguyên Phác và Vĩnh Dự đều đỗ tú tài, Vĩnh Dự làm đến viên ngoại lang, con là Tiến Đàm cũng đỗ cử nhân.

*

Bùi Ái

Người huyện Phong Doanh tỉnh Nam Định. Ái lúc sắp sinh, bố chiêm bao thấy người nói "khá khá", nên đặt tên đệm là Kha; tính thực thà thẳng thắn, cố sức chăm đọc sách. Minh Mạng năm thứ 15 (1834) đỗ hương tiến, bổ tri huyện Hàm An. Đầu năm Thiệu Trị (1841) lĩnh tri phủ Hòa An, chuyển viên ngoại lang bộ Lại, lại thiên lang trung. Tự Đức năm thứ 4 (1851) đổi án sát sứ Quảng Ngãi, rồi đổi Lạng Sơn.

Vua dụ rằng: "Bùi Ái ở Quảng Ngãi nghe được lòng dân, được người tuần lương như thế cũng khó, thưởng cho 10 lạng bạc để tỏ ý khuyến liêm khen thiện". Khi tới chức đánh dẹp giặc lưu manh từng phá vỡ, thăng thái bộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ Cao Bằng, rồi thăng lĩnh tuần phủ Lạng Sơn.

Năm thứ 12 (1859) làm thị lang bộ Binh lĩnh tuần phủ Sơn Tây, hộ lý ấn tổng đốc quan phòng ở Sơn Hưng Tuyên. Gặp tên thổ tù là Bạch Công Trân xưng nghịch, Ái thân đem quân đánh bắt, cùng với giặc đánh nhau ở nơi quân thứ, con

Digitized by Google

là Bân theo đi bị chết trận, Ái cầm quân tiến trước đuổi giặc đến Sài Sơn bị đạn bắn phải, rút quân về chữa vết thương, tiếp được tờ lục tới. Truy tặng cho Bân là Hàn lâm viện thị độc, Ái cảm ơn khóc lóc, vết thương thành nguy kịch rồi chết, thọ 59 tuổi. Việc đến tai vua, vua xuống dụ thương xót, sai quan tới tế, ghi lục cho con đợi bổ dùng. Năm thứ 32 (1878) được liệt tự vào đền Trung Nghĩa, sau con là Chấn đỗ tú tài được ấm thụ kiểm thảo, trải đến chủ sự, rồi mắc bệnh xin về, gặp binh đao lại tới, bực giận tự gieo mình xuống sông chết.

*

Lưu Quỹ

Hiệu là Nguyệt Giang, người huyện Thanh Trì tỉnh Hà Nội; bố là Thuyên, Gia Long năm đầu (1802) được lục dụng, từng thăng tham hiệp trấn Sơn Tây, trải chức vụ đều có tiếng khen thanh bạch. Khoảng năm Minh Mạng duyệt sổ đinh Bắc Thành để bắt đầu tuyển lính, Thuyên độc giữ liêm chính, vua sai người sau khi xét hỏi, xuống chiếu khen ngợi lại đổi làm hiệp trấn Lạng Sơn.

Minh Mạng năm thứ 16 (1835) Quỹ đỗ tiến sĩ, bổ tri phủ Nam Sách, triệu bổ giám sát ngự sử, gặp việc dám nói, thường vì thời kỳ làm ruộng, dâng sớ xin đình công dịch. Lại nhân hạn hán, ông xin đình việc hình ngục. Bấy giờ sổ tuyển lính ở Định Tường có thêm số đinh, mà tính trừ đi năm thành không bằng 10 thành, bộ Hộ hặc là che giấu dối trá, vua sai quan đến trùng tu lại sổ sách. Quỹ cùng cấp sự trung là Vũ Phạm Khải dâng sớ ngăn đi, vua không bằng lòng. Lại cùng Phạm Khải can vua ngự hồ Tịnh Tâm, vua khen đều cho 2 tấm sa hoa. Thượng thư là Nguyễn Trung Hậu bị việc phải gông trói, rồi lại được tha, Quỹ cùng Phạm Khải dâng sớ nói: "xét rõ tội trăm quan, xin tiến thoái lấy lễ để cổ lệ giữ thói liêm sỉ, lại dâng sớ trình bày 3 điều về tệ hại bấy giờ, nói

Digitized by Google

thẳng ngay về lại tệ, vua giao xuống đình nghị châm chước mà làm. Gặp bộ Lễ xin cho xét hỏi về bùa chú của nhà chùa, Quỹ dâng sớ bàn về việc ấy; lại cho các tỉnh từ Nghệ An trở ra Bắc bị đói, xin cho hoãn thuế mùa đông năm ấy. Vua theo. Rồi thăng làm bình khoa chưởng ấn cấp sự trung.

Thiệu Trị năm đầu (1841) dâng sớ trình bày 10 điều về trị đạo: 1- Cẩn thận về tính thiên trọng; 2- Suy tôn việc thành tín; 3- Xét trị thể; 4- Cẩn thận dùng người, 5- Chăn nuôi lê dân; 6- Cẩn thận tài lợi; 7- Khước bỏ vật lạ; 8- Làm rõ giáo hóa; 9- Công bình hình phạt; 10- Rộng đường ngôn lộ. Ông được thưởng bó lụa 10 cuốn, ông thường cùng với cấp sự Đặng Quốc Lang dâng sớ nói việc duyệt tuyển ở những tỉnh men ngoài biên thuộc Bắc kỳ; lại xin đình chỉ mua những vật quí đẹp trân kỳ, cùng xin bãi binh ở Trấn Tây (lời nói thấy ở truyện Quốc Lang); xin phái đi xem xét hành cung đường thủy đường bộ từ Quảng Trị trở ra Bắc. Ông luôn có sớ trình bày về hiện tình; lại xin bãi việc khơi sông. Vua giao xuống 2 bộ Hộ Công thảo luận. Ông lại nói rút nhân đinh ở huyện Tống Sơn Thanh Hóa để lệ thuộc vào đồn ụ thiên lệch quá, xin liệu miễn cho. Sau khi việc công về chuyển làm Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, sung Sử quán biên tu, được ít lâu có tang mẹ xin nghỉ chức, về làng dưỡng bệnh rồi chết.

Quỹ vốn giữ phong tiết, làm quan rất thanh khổ, người thường không thể kham nổi, sĩ luận khen ngợi là vì đó!

*

Nguyễn Hoàng Nghĩa

Người huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh, cha là Doãn Văn hiệu sinh đời Lê. Hoàng Nghĩa lúc nhỏ khảu lạ, tuổi 20 có tiếng văn hay nhưng thường khốn đốn về trường ốc, sau đỗ cống cử vào thái học. Minh Mạng năm thứ 16 (1835) đỗ tiến sĩ, bổ Hàn lâm viện biên tu, trải thự tri phủ Tĩnh Gia rồi

Digitized by Google

chết.

Hoàng Nghĩa đường quan hoạn không được hiển đạt mấy, nhưng về văn học thực tay lão luyện, có hy vọng cho sĩ tử.

Bấy giờ ở La Sơn có *Nguyễn Thường, Trần Tuấn, Phan Du, Bùi Viết Tâm,* và ở Thạch Hà có *Trần Mậu, Bùi Thố,* ở Hương Sơn có *Đinh Nho Điển,* cũng trước sau lấy khoa cử đỗ đạt đức lưu phẩm trật được tiếng khen cả.

Thường đỗ phó bảng Minh Mạng năm thứ 10 (1829) từng làm tri phủ Lý Nhân, mắc bệnh về nghỉ dạy học.

Tuấn đỗ cử nhân Minh Mạng năm thứ 9 (1828), trải bổ tri huyện Địa Linh, tri phủ Khoái Châu, án sát sứ Lạng Sơn. Khoảng năm Tự Đức làm đồng lý đường hải cảng ở Nghệ An[1], rồi chết, tặng Quang lộc tự khanh.

Mậu đỗ phó bảng Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) bổ Hàn lâm viện kiểm thảo; đầu năm Tự Đức (1848) được sắc cùng soạn Vịnh sử phủ, rồi chết. Truy thụ Lại bộ chủ sự.

Thố đỗ phó bảng Tự Đức năm thứ 2 (1849), trải bổ án sát sứ ở Quảng Ngãi Bình Định, lại lĩnh đốc học Hải Dương, rồi tới tuổi dưỡng lão nghỉ việc.

Viết Tâm, Tự Đức năm thứ 21 (1867), cử bổ tri huyện Chương Đức, rồi tạm thay việc ấn ở 2 huyện: Thọ Xương, Vĩnh Thuận, thăng tri phủ Hoài Đức, năm thứ 30 (1877), viện Hàn lâm cử sung soạn cách soạn văn, rồi triệu bổ thị giảng, rồi lang trung bộ Hộ.

Du cùng *Nho Điển,* cùng đỗ tiến sĩ, Tự Đức năm thứ 28 (1875) Du trải tri phủ 3 phủ: Quảng Ninh, Quảng Trạch và Điện Bàn, rồi thăng đốc học Thanh Hóa; Nho Điển làm đến hồng lô tự khanh, biện lý công việc bộ Hình.

*

(1) Thanh Hóa.

Digitized by Google

Vũ Văn Bản

Khi trước tên là Ngọc Giá, hiệu là Tùng Loan, tiên tổ là họ Nguyễn tên Lộng, người Ái châu; khi Lê triều mở nước ra ứng nghĩa dựng công to, được đặc phong Thái Nguyên quận công, vì có vũ dũng nên cho họ Vũ, sau theo Thái tổ đóng đồn ở thành Lục Niên núi Thiên Nhẫn, rồi làm nhà ở phía Nam núi, gọi là Quyết xá, nay là xã Việt An châu La Sơn tỉnh Hà Tĩnh, trải 13 đời truyền đến cha Bản là Trí làm phòng ngự đồng tổng tri. Khi Bản mới sinh khảu khỉnh, khi 20 tuổi thời Lê triều thờ tiến sĩ Bùi Dương Lịch và Phan Bảo Định làm thầy, rất thâm thúy về Dịch, cùng với Hoành sơn Nguyễn Đức Hiển, Trung cần Nguyễn Văn Giao và Văn trường Nguyễn Thái Để đều nổi tiếng, bấy giờ gọi là Diễn Hoan [1] tứ hổ. Minh Mạng năm thứ 6, khoa Ất dậu ông cùng với 10 tên trong bọn Hà Học Hải, Nguyễn Hoàng Nghĩa đều là danh sĩ, tới kỳ đệ nhị văn quyển đều vào hạng hỏng, khảo quan yêu tài đổi phê lấy đỗ, khi treo bảng đều lĩnh hương tiến, kịp lúc về bộ việc giác ra đều bị truất. Năm thứ 15 (1834) lại cất giải đỗ luôn bảng ất thuộc lễ vy, do hàn lâm kiểm thảo theo ra hậu bổ ở Hà Nội, trải tri phủ Lý Nhân, chuyển thự phủ Thiên Trường. Thiệu Trị năm đầu (1841) vì dân mới mộ ở phủ hạt trốn tránh bị cách, chẳng bao lâu lại được khởi phục điển bạ, chuyển Binh ty tư vụ, đổi huyện doán Võ Giàng, rồi đổi huyện Phù Mỹ. Tự Đức năm thứ 2 (1849) mới mở nhà Kinh diên, đình thần cho có văn học đề cử lên, được triệu về ứng làm bài chế, được xứng chỉ đổi bổ tu soạn sung vào khởi cư trú, rồi mắc bệnh về, chết năm 57 tuổi, truy thụ trước tác.

Bản, tính thành thực chất phác, ngày tri phủ ở Thiên Trường có một án mạng chưa bắt được tên phạm, viên thú trước tra xét 5 năm chưa được tình trạng; Bản mới tới nhậm

(1) là Diễn Châu và Hoan Châu, tức Nghệ Tĩnh ngày nay.

Digitized by Google

chức, tỉnh ra lệnh gấp. Bản bèn trai giới tới cầu đảo ở chùa Huyền Quang, khi mơ màng chiêm bao thấy con nhện con ở trước án, kết thành 2 chữ "tiểu nguyệt", tỉnh dậy mừng thầm rằng: tên phạm nhân là Tiểu. Mật hỏi quả có người, mới tra tấn, đã thú phục. Người ta đều cho là thần, làm khúc hát để tán tụng việc ấy, có câu rằng: "độ thế tế dân tâm thị phật, cấm gian trích phục đạo hà thần", dịch nghĩa: giúp dân độ thế tâm là Phật, bắt phạm trừ gian đạo rất thần. Đó là tinh thành cảm cách mới như thế.

Lúc bình sinh ngoài sách vở không thích gì, đến đâu cũng mở man dạy học, trở về Nam thời có Trương Quang Đản, Đoàn Văn Hội và Trần Nhượng; trở về Bắc có Nguyễn Tư Giản, Nguyễn Đình Nhuận, hoặc lấy văn hiển vinh đều là học trò cả. Sau khi chết, đông các Quang Đản có cảm nhớ bài thơ rằng:

Phiên âm: Hồng Sơn vân ám Đẩu quang vi,
Thùy bả tư vàn vị phát huy.
Cựu thảo tầm lai đăng hạ độc,
Nhĩ đề diện mệnh thượng y y.

Dịch: Sao đẩu, núi Hồng mây che tối,
Ai đem Nho giáo phát huy ra.
Dưới đèn vở cũ tìm ra đọc,
Mắt thấy tai nghe vẫn rành rành.

Và phó đô ngự sử là Đình Nhuận có câu tường thuật về hành trạng rằng: "nội triều ngoại quận đa vi danh thần, giảng tập chi hữu tố giã; chi lan ngọc thụ ấm mãn đình giai thanh bạch chi hậu dị giã", nghĩa là: trong triều ngoài quận được nhiều danh thần, là bởi giảng tập sẵn có; chi lan cây ngọc bóng rợp sân thềm là vì thanh bạch để cho; chứng thực là người được suy tôn như thế đó! Con là: Tuân, Hướng, Chiểu, Bỉnh, Vỹ và Chúc; Chúc 3 lần đỗ tú tài, có văn học được dự thi hội đủ phân số, con Tuân là Phường và Tấn đều tú tài,

Digitized by Google

con Chiểu là Thiện, con Chúc là Chấp đều cử nhân, Thiện làm giáo thụ ở Hà Thanh, Chấp làm hậu bổ ở Nghệ An.

*

Nguyễn Đức Huy

Người huyện Văn Giang tỉnh Bắc Ninh [1], Minh Mạng năm thứ 15 (1834) đỗ hương tiến, bổ tri huyện Phú Lương, tới kỳ khảo mãn (hoặc 3 năm hay 6 năm, xét công trạng) được thăng tri phủ Ứng Hòa, rồi vào làm giám sát ngự sử, mắc bệnh rút lui về ở nhà, được 10 năm lại triệu bổ ngự sử, chuyển sang lang trung bộ Hình. Tự Đức năm thứ 15 (1862), đổi án sát sứ ở Cao Bằng, rồi mắc bệnh chết.

*

Lê Lượng Bạt

Tự là Trọng Vựng, người huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An. Minh Mạng năm thứ 15 (1834) đỗ hương tiến, đổi tri huyện Hưng Nhân, kỳ khảo khóa được đầu, chuyển làm tri phủ Cam Lộ, thăng đốc học Nam Định. Tự Đức năm đầu (1848) làm thị giảng sung Sử quán biên tu, được chiếu đi tìm tòi sách sót lại, khi về thăng Lễ bộ lang trung gia Hồng lô tự khanh sung Sử quán toản tu, rồi bố chính sứ ở Thanh Hóa, giữ chức được 3 năm, dễ dàng không nhiễu dân, có tiếng về hành chính. vua khen, thưởng cho chiếc khánh vàng màu thắm có chữ "liêm bình cần cán", thăng thự hữu tham tri bộ Hộ, kế chuyển Lễ Lại 2 bộ, rồi cho thực thụ.

Lượng Bạt trải làm khanh phó đã lâu, thường kiêm giữ ấn triện đô sát viện; làm quan thanh bạch cẩn thận, thế rồi quyền chưởng Lại bộ thượng thư, mắc việc phải tả chuyển thị giảng học sĩ, chết chỗ làm quan, được truy phục Hàn lâm viện trực học sĩ.

(1) Văn Giang nay thuộc huyện Châu Giang tỉnh Hải Hương.

Digitized by Google

Trần Ái

Tự là Trọng Ngọc, người huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An. Cha là Lâm, Gia Long năm đầu (1802) đỗ hương cống, làm đến tham hiệp trấn Sơn Tây. Minh Mạng năm thứ 15 (1834) Ái đỗ hương tiến, năm thứ 19 (1838) đổi tri huyện Thăng Bình, mắc tội bị miễn chức, tới Tây thành ra sức chuộc tội. Thiệu Trị năm đầu (1841) vì ốm xin về đọc sách dạy học, người theo học nhiều. Tự Đức năm thứ 15 (1862) lại khởi bổ huấn đạo Thanh Chương, ở chức 5 năm, tuổi vừa 70 xin trí sự rồi chết.

Ái chăm học thích cổ, có trước tác quyển "Thông giám cương mục" và quyển "Chu Văn Công gia lễ", phụ án có nói: trưng dẫn rộng rãi, trì luận tinh vi. Con là Vỹ thi hộ đỗ khoa ất. (1)

*

Lưu Lượng

Tự là Di Hầu, người huyện Bố Trạch tỉnh Quảng Bình, Minh Mạng năm thứ 16 (1835) đỗ hương tiến. Thiệu Trị năm đầu (1841) lĩnh tri huyện An Lạc, lại thăng tri phủ Thuận An, năm thứ 6 (1846) cất làm giám sát ngự sử, thự Lại khoa chưởng ấn cấp sự trung. Tự Đức năm đầu (1848) đổi án sát sứ Thanh Hóa, chuyển hồng lô tự khanh, biện lý bộ Hình; năm thứ 5 (1852), sung phó sứ sang Yên Kinh (2), khi về tiến Hộ bộ tả thị lang kiêm quản ấn triện ở ty Thông chính. Năm thứ 10 (1857) lĩnh tuần phủ Hưng Yên, rồi triệu về. Vua hỏi tình hình tai ương ở Bắc kỳ, Lượng điều trần tâu lên rất kỹ, lại xin khấu lưu số gạo ở thuyền bang là 10 vạn phương giảm giá bán ra, để giúp lương thực cho dân. Vua cho là phải, bổ tả tham tri bộ Lại, tham biện công việc

(1) Hội thi Ất khoa là phó bảng.
(2) Yên Kinh là Bắc Kinh, Trung Quốc.

Digitized by Google

ở viện Cơ mật, rồi bị ốm chết.

*

Nguyễn Hữu Hòa

Khi trước tên là Toàn, người huyện Hương Thủy phủ Thừa Thiên. Lúc nhỏ chăm học. Khoảng năm Minh Mạng từng đỗ tú tài, theo lệ 40 năm vào hạng hạch dự, lúc đầu bổ huấn đạo Hòa Vang. Thiệu Trị năm đầu (1841) đình thần cho có học hạnh đề cử lên, được thăng Kiểm thảo, sung giảng tập phủ hoàng đệ, rồi thăng tu soạn sung làm bạn đọc của hoàng tử. Tự Đức năm đầu (1848) thăng làm thị độc học sĩ sung hành tẩu sở Ty luân trong Nội các. Ông trải án sát sứ Định Tường, Quảng Bình, chuyển bố chính sứ Hưng Hóa, hộ lý tuần phủ. Bấy giờ ở Hưng Hóa thường luôn báo động ở ngoài biên, Hữu Hòa là người cán luyện, giữ chức đã lâu, nên đánh dẹp vỗ yên được tùy nghi. Năm thứ 15 (1851) ông được thăng bổ tuần phủ, năm thứ 16 (1862) đổi về tham tri bộ Công, sung làm đổng lý ở sở Vạn niên. Chẳng bao lâu, chết chỗ làm quan. Vua cho rằng trước ở Hưng Hóa thường có quân công, truy tặng thượng thư, gia cấp cho gấm sa lụa và lục dụng cho người con. Năm thứ 22 (1868) có tứ tuần đại khánh tiết, truy nghĩ bậc giảng trưởng cựu thần, cho tế lễ ở nhà.

*

Nguyễn Đình Thi

Tự là Bích Lập, người huyện Quảng Điền phủ Thừa Thiên, có tài biện. Khoảng Minh Mạng năm đầu (1820) đầu tên vào sổ lại, trải thăng chủ sự. Tự Đức năm thứ 4 (1851) bổ viên ngoại, sung vào sứ bộ hành nhân sang Thanh. Năm thứ 12 (1859) cửa Đà Nẵng có báo động, cho Thự hàm lang trung, sung làm Từ hàn ở quân thứ Quảng Nam. Năm thứ 16 (1863) thự án sát sứ Quảng Ngãi, bấy giờ có giặc Man ở Thạch Bích, đánh dẹp được yên, rồi đổi tới Bình Thuận. Năm thứ 18 (1864)

Digitized by Google

bổ Hồng lô tự khanh, biện lý bộ Hộ, chuyển thị lang, làm hiệp lý Kinh kỳ thủy sư.

Năm thứ 22 (1868) Tuyên Quang có giặc ngoài biên, sai ông sung tán lý quân vụ. Đình Thi cùng nguyên tán lý là Trần Đình Túc (bấy giờ đổi sung Thương biện Sơn Tây) có dâng sớ trình bày việc khu xử bọn quân Lưu Đoàn (tên Vĩnh Phúc), lược rằng: "nơi Bảo Thắng (tên đất thuộc tỉnh Hưng Hóa) là nơi có thể 3 buôn bán sinh lợi được, đảng Lưu Đoàn phần nhiều hung dữ, thường cùng với Hà Quân Xương (tên nhà buôn nước Thanh) tranh nhau ở đó đánh thuế người buôn và muốn chiếm nơi đó để làm sào huyệt. Sau này sợ nền móng đã thành, khó mà cấm át, xin do tổng thống Nguyễn Bá Nghi thương lượng cùng với Thanh súy là Phùng Tử Tài sớm sức cho về Đường, để thư việc ngoài biên.

Vua cho lời nói là phải, gặp quân thổ phỉ nước Thanh là Hoàng Anh chia đồn cướp bóc quấy nhiễu, Đình Thi cùng tán tương Nguyễn Hữu Điểm và đốc binh Tạ Hiện đem binh cố sức đánh liền hạ được 3 đồn (Bình Trạch, Thọ Sơn, Chiêm Hoa).

Vua khen thưởng bổ tham tri, đổi sung tham tán quân vụ ở Lạng, Bình, Ninh, Thái. Đình Thi giỏi về từ lệnh thường lôi kéo biền binh người Thanh hội lại đánh dẹp, phần nhiều nghe theo. Chẳng bao lâu lại chuẩn cho về Tuyên. Năm thứ 24 (1871) Thái Nguyên có tên thổ phỉ trốn là Lục Chi Bình tụ họp quấy nhiễu ở 2 xã: Phương Viên, Nam Mẫu. Vua sai Đình Thi chuyển coi quân vụ ở quân thứ Thái Nguyên, lại thương khó nhọc ban cho sâm quế. Thế rồi đảng giặc ngày càng lan kết càn bậy, vua cho Đình Thi mưu tính là thất sách, phải tả chuyển hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ Thái Nguyên. Năm thứ 27 (1874) có chỉ cho về Kinh, mới đến Thanh Hóa, gặp lúc Nghệ An có tên Mai Tấn gây biến, tham tán Tam Tuyên là Lê Thuyết tự Sơn Tây dời quân hội lại

Digitized by Google

đánh dẹp, xin cho lưu lại sung làm tán lý. Chợt lại báo đám thủy phỉ ở Hải Dương (tên Khách Công), đánh hãm phủ huyện tiến bức tỉnh thành. Vua sai Thuyết trích phái Đình Thi cùng đề đốc Nguyễn Văn Hùng gấp đường tới cứu viện, chưa tới tỉnh Hải Dương thời vòng vây đã giải, Đình Thi theo lời chuẩn cho về Kinh, lấy nguyên hàm sung hiệp lý thủy sư rồi thăng thị lang bộ Lại.

Năm thứ 34 (1881) chuyển làm tham tri, vẫn hiệp lý như cũ, rồi chết ở nơi làm quan, thọ 66 tuổi. Em là Đình Tuân đỗ phó bảng làm đến đốc học, con là Hữu Dự đỗ cử nhân làm tri huyện huyện Sơn Hòa.

Digitized by Google

QUYỂN 33

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXIII

- Nguyễn Cửu Trường
- Lê Duy Trung (phụ: Nguyễn Đình Dao, Phạm Gia Chuyên, Bạch Đông Ôn)
- Phạm Văn Nghị
- Doãn Khuê (con: Chi, Giáo)
- Nguyễn Văn Siêu
- Nguyễn Dục
- Lê Duy Di
- Hoàng Chính
- Nguyễn Khắc Thuật (phụ: Nguyễn Hiệp, Phạm Bá Phẩm, Lê Đắc Quang)
- Trần Dương Quang
- Nguyễn Đăng Tuyển
- Lê Dụ
- Lê Đình Đức
- Phạm Văn Thuật
- Lê Hữu Thương
- Bùi Tuấn
- Đỗ Huy Uyển (con Huy Liệu)
- Vũ Nguyên Doanh
- Phan Tam Tỉnh
- Lê Quang Bình

*

Nguyễn Cửu Trường

Tiên tổ người huyện Quý Hương tỉnh Thanh Hóa [1] sau

(1) Huyện Quý Hương là huyện Tống Sơn, nay là Hà Trung tỉnh Thanh Hóa.

Digitized by Google

dời làm nhà ở huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Cửu Trường lúc trước sung cống sinh bổ Quốc tử giám. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) ông đỗ tiến sĩ, trải cấp tu soạn, rồi bổ tri phủ Kiến Xương, chuyển vào nội làm viên ngoại lang sung Cơ mật viện hành tẩu. Thiệu Trị năm đầu (1841) cho làm thị độc học sĩ tham biện công việc Nội các, từng gia Thái bộc tự khanh, sung làm việc ở Các như cũ, rồi bị khiển trách, phải theo sang Đông ra sức chuộc tội. Năm thứ 4 (1844) ông lại được Thị giảng học sĩ sung làm việc ở Các. Năm thứ 6 (1846) đổi làm bố chính sứ Hà Nội, trở về làm hữu thị lang bộ Lại, lại sung làm việc ở Các. Tự Đức năm đầu (1848) sung Kinh diên nhật giảng quan.

Vua cho Cửu Trường chăm chỉ cẩn thận, thừa chỉ được rõ ràng, đặc cách cho ăn lương nhị phẩm.

Cửu Trường có văn học, theo hầu trước sau ở Nội các trải 10 năm có lẻ, được liệt triều quyến luyến tri ngộ, năm thứ 5 (1852) bổ tuần phủ Biên Hòa, vào bệ từ, vua cho bài thơ tỏ ra yêu mến như sau:

Phiên âm: Hoàng các tằng trăm bút,
Thanh phiên hựu kiến tinh.
Xuân phong dương huệ trạch,
Cam vũ nhuận biên manh.
Báo q uốc chân vong bệnh,
Lâm dân yếu tự thanh.
Duy cờ an nhẫm tịch,
Tảo văn phục đăng Doanh.

Dịch: Tài bút nơi Hoàng các,
Dựng cờ chốn thanh phiên.
Gió xuân lừng huệ trạch,
Mưa ngọt khắp biên manh.
Quên đau đền nợ nước,
Thanh bạch cốt yêu dân,

Digitized by Google

Chiếu chăn mong phẳng lặng,
Sớm tối tựa lên tiên.

Năm thứ 6 (1853) vì đau mắt, chuẩn cho về nghỉ rồi chết ở nhà.

*

Lê Duy Trung

Tên tự là Hy Vĩnh, người huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội [1]. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm biên tu, cấp tri phủ Vĩnh Tường, sau bổ đốc học Thanh Hóa, vì ốm xin về.

Duy Trung lúc nhỏ bố chết thờ mẹ có hiếu hạnh được tiếng với làng mạc; làm quan thời liêm khiết yêu dân, từ khi nhận học chức tới khi lui về dạy học vui vẻ giảng bảo, ai nói đến đều khen là bậc tiên tiến, đường cư xử thời nhã đạm. Khi chết thọ 69 tuổi.

Người cùng thời là *Nguyễn Đình Dao* và *Phạm Gia Chuyên* cùng đều điềm đạm nhún nhường tỏ rõ chí khí, cốt chỉ bảo hậu học được tiến đạt. *Đình Dao* hiệu là Nhận Trai, người huyện Thanh Trì, đỗ hương tiến làm đến thự ở phủ Tiên Hưng, sau về dạy học, có quyển "Nhận trai văn tập" truyền bá ở đời. *Gia Chuyên* người huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ làm quan đến Tư nghiệp. Còn *Bạch Đông Ôn* người huyện Kim Bảng đỗ tiến sĩ, làm quan lang trung, về dưỡng bệnh rồi xin hưu trí. Điềm đạm không có mưu sinh, cả ngày chỉ thích vui rượu, người cho là cao thượng.

*

Phạm Văn Nghị

Hiệu là Nghĩa Trai, người huyện Đại An tỉnh Nam Định. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ tiến sĩ. Do Hàn lâm tu

(1) Nay thuộc huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây.

Digitized by Google

soạn, làm tri phủ Lý Nhân, khi tại chức, dân có tranh tụng, lấy nghĩa hiếu bảo, không thích giấy tờ án kiện, bè bộn, rồi chuyển Sử Quán biên tu, nhân ốm cáo về dạy học, chúng bạn học trò đông, được thành đạt cũng nhiều, mà số nhiều là đỗ đạt làm quan. Nơi ở gần cửa biển Đại An, thấy chỗ đất bỏ không ở bờ biển, bèn chiêu tập người cùng quê khai khẩn lập thành hương ấp, gọi là trại Sĩ Lâm. Tự Đức năm thứ 11 (1858) khởi phục lĩnh đốc học Nam Định; năm ấy ở Trà Úc có báo động [1] ông dâng sớ xin kết tập nghĩa dũng theo quân đánh giặc, khi đến thời binh lửa đã chuyển về Nam. Vua cho Văn Nghị phấn dũng khích lệ chí khí cao thượng đáng mừng, đặc cách thưởng lạo, và cho về giữ nguyên chức. Gặp giặc ở Đông bắc quấy nhiễu, Văn Nghị đem chiến sĩ tụ tập trước, coi giữ đồn Thượng nguyên được vài tháng bèn thôi, rồi gia Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, xin nghỉ dưỡng bệnh.

Văn Nghị cùng Doãn Khuê đều được sĩ vọng quy phụ, và ưu đãi tri ngộ cả, gặp Khuê vào triều cận, vua thong thả hỏi tới bệnh tình của Văn Nghị, và cho vàng tiên thuốc men, lại dụ rằng: "Không phải khen về tiến nhanh thoái chóng đâu, khen về chí tiết gặp việc hay phấn phát đó!"

Năm thứ 19 (1866) sung làm thương biện trông coi vùng biển đóng quân ở Hà Cát; lại vâng chỉ đem chiến sĩ tuần phòng ở vùng biển, tới nơi quân thứ vùng đông hội họp mà làm.

Năm thứ 26 (1873) ông được thăng Thị độc học sĩ, cho thẻ bài vàng. Mùa đông năm ấy Hà Thành có việc, Văn Nghị dâng sớ xin chiêu tập quân nghĩa dũng để phòng bị và tới đồn Độc Bộ ngăn chặn. Do đám quân trơ trọi không chống nổi, ông cho quân rút lui và cố kết các thân hào đóng đồn ở Ý Yên để đợi triều đình sai khiến. Khi hòa hiếu đã định, sung làm thương biện việc tỉnh, rồi viện lệ đến tuổi xin về dưỡng

(1) Chỉ sự kiện Pháp đánh vào Đà Nẵng năm 1858.

Digitized by Google

lão. Vua cho. Sau vì cái án để thất thủ thành, đình nghị phải lấy lại chức tước. Vua cho là: ta không thể khuất pháp luật, tỏ ân súy vậy (lời nói thấy ở truyện Doãn Khuê).

Văn Nghị đã về, làm nhà ở động Liên Hà tỉnh Ninh Bình, tự gọi là Liên Động chủ nhân. Thú thần đem tình trạng dâng lên, vua cho bạc 100 lạng và xuống dụ rằng: "An cư, dưỡng lão, dạy bảo hiền tài, cũng đủ mưu toan báo đáp, không nên tự cho là bất túc." Chết năm 76 tuổi, vua chuẩn cho khai phục nguyên hàm là Thị độc học sĩ. Con trưởng là Giảng thi hội đỗ phó bảng, làm quan đến bố chính sứ ở Thanh Hóa; con thứ là Hân, Hàm, Phả đều lính hương tiến.

*

Doãn Khuê

Người huyện Thủ Trì tỉnh Nam Định [1], là em con nhà chú với hiệp biện đại học sĩ Doãn Mẫn. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ tiến sĩ, do Hàn lâm biên tu, bổ tri phủ Ứng Hòa. Đầu năm Thiệu Trị (1841) Thiên giám sát ngự sử, mắc bệnh xin về. Tự Đức năm thứ 14 (1861) bổ Nội các thừa chỉ, lĩnh đốc học Nam Định. Bấy giờ tổng đốc Sơn Tây là Bùi Ái đề cử ông lĩnh đốc học Sơn Tây. Gặp quân thổ khấu ở phía Bắc Sơn Tây làm phiến loạn, Khuê xin đem con em và quân nghĩa dũng hiệp cùng lính tỉnh dẹp bắt, thu lại các phủ Lâm Thao và Quảng Oai. Trận đánh ở Đan Hà, con là Giác bị chết trận và Khuê bị kim sang xin nghỉ hạn để chữa.

Năm thứ 16 (1863) lại lĩnh đốc học Nam Định và cho rằng trước kia ở quân thứ Sơn Tây có công lao, gia cho Quang lộc tự khanh. Năm thứ 19 (1866) ông vào chiêm cận, vua cho triệu kiến úy lạo hỏi han và ban cho vàng tiền thuốc men cùng thẻ tử Kim bài có chữ "hiếu nghĩa", lại cho tự mình trình bày, Khuê xin cho về ban học chức, vua rằng: "giáo sĩ

(1) Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

Digitized by Google

nên trước phải lực hành sau mới học văn, ngươi nên hun đúc dạy bảo nhân tài để cung dụng cho quốc gia."

Năm thứ 20 (1867) ông làm thương biện việc tuần phòng ở vùng biển, rồi sung doanh điền sứ. Vua dụ rằng: "Người vẫn tỏ rõ liêm trực, phàm dân tình lại tệ cho được chuyển tâu đợi lệnh xếp đặt." Khuê chiêu tập những dân lưu tán ở 2 huyện Tiên Hải, Đại An để khai khẩn thêm đất bỏ hoang lập làm làng ấp.

Năm thứ 26 (1873) thành Nam Định bị thất thủ, án xét phải trượng đồ, cho chuộc tội miễn chức. Vua bảo Lễ bộ rằng: "Doãn Khuê và Phạm Văn Nghị về học hành được sĩ phu ở Nam Định kính trọng bắt chước, thực vì nước, nêu chính được phong hóa và ràng buộc được lòng người. Trước đây vì công ơn, trẫm không thể khuất pháp luật cho gia ơn, vậy ghi chép để tỏ khuyến khích phong hóa."

Năm thứ 29 (1876) sung làm thương biện việc ruộng đất. Trước kia phái quân đi tuần phòng ngoài biển, theo quân thứ vùng đông giúp được việc, cho khai phục thị giảng học sĩ, lại có sự trạng về mộ người khai khẩn làm ruộng, phục cho cả nguyên hàm trước. Khi chết thọ 66 tuổi. Con là Chi, lĩnh hương tiến theo đi quân thứ ở Khuê Sơn có công lao, bổ Hàn lâm viện tu soạn, sau đem lính mộ theo đi quân thứ ở Hải Dương, từng lập được chiến công, thăng lên Trước tác, sung Tán tương quân vụ, rồi do Thị giảng sung tri phủ Bình Giang, gặp quân thổ khấu, đánh nhau ở Lạc Sơn bị chết trận, tặng Thị độc. Năm thứ 32 (1879) cho thờ ở đền Trung Nghĩa, mà Giác cũng chết về quốc sự, tặng điển tịch.

*

Nguyễn Văn Siêu

Tự là Tốn Ban, người Hà Nội, tiên tổ sinh ra ở làng Kim Lũ huyện Thanh Trì, sau phụ vào sổ ở huyện Thọ Xương. Khi

Digitized by Google

tuổi 20 ông đọc sách cốt để sức về lời cổ văn, không chuyên về học khoa cử, tới lúc đã đỗ hương tiến, thường cáo từ không đi tuyển cử, chỉ ở nhà tranh dưỡng chí, tới 10 năm có lẻ, sau mới đỗ tiến sĩ ất khoa [1] về Minh Mạng năm thứ 19 (1838) bổ Hàn lâm viện Kiểm thảo. Thiệu Trị năm đầu (1841) thự Viên ngoại lang bộ Lễ, rồi bị tội miễn chức, đến lại khơi phục thăng Nội các thừa chỉ. Tự Đức năm đầu (1848) đổi làm thị giảng học sĩ. Năm sau ông đi sứ sang Yên Kinh, trở về bổ vào viện Tập hiền, trải án sát sứ ở Hà Tĩnh, Hưng Yên. Bấy giờ đương có lời bàn về việc hủy đê, Siêu điều trần dâng lên cho là bất tiện, khảo cứ được rõ ràng. Sau vì mắc việc phải chuyển đổi, ông cáo bệnh về làng, rồi lại phục chức Hàn lâm Viện thị độc, bèn viện lẽ đến tuổi xin về hưu, năm 74 tuổi thì mất.

Văn Siêu ở Hàn Các đã lâu, nên cáo văn điển sách của triều đình phần nhiều ông soạn thảo cả, vì thế văn học được vua biết đến. Đương thời đều tôn trọng ông. Tới tuổi già rút lui, thích bảo ban kẻ hậu học, mà giảng sách biện biệt ngay thẳng chỗ giống chỗ khác lấy nghĩa lý làm chủ, có trước tác 6 quyển về "Chư kinh khảo ước", "Chư sử khảo ước", "Tứ thư trích giảng" và "Tùy bút lục", cùng 4 quyển thi tập, 5 quyển văn tập, 5 quyển Địa chí loại, nay có san hành. Con là Dĩnh bổ làm phân phủ ở phủ Nho Quan.

*

Nguyễn Dục

Tự là Tử Minh, người tỉnh Quảng Nam, tiên tổ quê ở Lễ Dương, sau chuyển làm nhà ở Hà Đông [2]. Dục lúc nhỏ hiểu biết nhanh nhẹn, có tiếng văn hay, Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đi thi hội trúng ất khóa (phó bảng). Có mẹ già xin cho phụng dưỡng tới khi chết. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843)

(1) Là Phó bảng.
(2) Nay thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Digitized by Google

lúc đầu bổ Kiểm thảo, chuyển đồng tri phủ ở Kiến Thụy, lại đổi trước tác sung Sử quán biên tu, chuyển Nội các hành tẩu. Năm thứ 7 (1847) vì ốm xin về, lấy sách vở làm vui được 10 năm có lẻ, học trò có nhiều người thành tựu. Tự Đức năm thứ 14 (1861) lại khởi lĩnh giáo thụ ở Điện Bàn, chuyển đốc học Quảng Ngãi. Năm thứ 17 (1864) đổi bổ viên ngoại, lĩnh lang trung bộ Lại. Bấy giờ sinh viên ở Quốc tử giám phần nhiều vắng thiếu, vua nhân hỏi tham tri bộ Lại là Phạm Phú Thứ rằng: "Ở tỉnh Quảng Nam có người nào phẩm hạnh đoan chính không" Phú Thứ thưa: "Có Dục", tức thì cất lên tế tửu vì đặc cách lựa chọn, chẳng bao lâu xin từ có bệnh. Vua úy dụ lưu lại, rồi sung phó chủ khảo trường Bình Định. Năm thứ 21 (1868) đổi thị độc học sĩ, lại lĩnh đốc học Quảng Nam. Năm thứ 25 (1872) cất lên thị lang bộ Lễ sung giáo đạo ở nhà Dục Đức. Dục khăn áo nghiêm chỉnh chỉnh tề nên hoàng tử vẫn kính sợ. Năm thứ 27 (1874) tháng 2 có tế Giao, vua chuẩn cho hoàng tử tế thay, khi mới tới đàn sở, Hữu quân là Lê Sỹ tặng cái quạt lông, Dục bắc là không đúng, vua khen, thưởng cho sa lụa. Năm thứ 29 (1876) Dục tuổi 70, lại ốm xin cáo về, vua đặc cách cho nghỉ hạn 3 tháng, lại cho 50 lạng bạc, sắc cho địa phương thời thường hỏi thăm, khi mãn hạn lại phúc tấu. Năm thứ 30 (1877) Dục vì ốm lâu chưa lui, dâng sớ xin ở làng. Vua dụ rằng: "Dục về đức hạnh thuần chính lão luyện, gặp việc cẩn thận, lại hay xem xét chỉnh tề, nên hoàng tử biết nghiêm sợ, so với Đoàn Khắc Thượng còn hơn. Trước đây thường thường mắc bệnh xin về, trẫm cũng thương là suy lão, gượng theo lời xin, tưởng cũng còn lại, nên đặc cách cho vàng, chưa gia ân mệnh. Năm nay đã ngoại 70, cho thăng thự Lễ bộ hữu tham tri, lại chỉ cho nửa bổng được ở làng, hễ chữa bệnh thấy lui, chóng vào cung chức, để toàn ân ngộ sau trước và thỏa ý trẫm tôn trọng đạo thầy, chăm chú người ngay."

Dục liền dâng sớ nói: "Ghi đức định ngôi thứ, nhân công

Digitized by Google

ban hậu lộc, triều đình đã có thành pháp, mà bề tôi phải có đức vọng công lao sự nghiệp như Đông các đại học sĩ là Vũ Xuân Cẩn mới đáng được đặc cách gia ơn. Đến như thần vốn không có tài đức công trạng, nay vì ốm xin về, lại được chức phó khanh, chỉ cho nửa bổng, đâu dám tái lạm như thế." Vua không bằng lòng đặc cách cho bảo rằng: "Không phải là lạm." Mùa đông năm ấy chết ở nhà, thọ 71 tuổi. Tỉnh thần tâu lên, vua cho chiếu lệ cấp tiền tuất.

Dục là người trọng hậu, bình giản yên tĩnh, văn học lại thuần nhã, về hội khoa đứng đầu hàng huyện, làm quan thời liêm giới, thân sĩ ở Nam Châu thường suy tôn có học hạnh. Con là Thích đỗ tiến sĩ khoa Kiến Phúc năm đầu (1884) do biên tu sung Cơ mật viện hành tẩu; đầu năm Hàm Nghi, Kinh thành có loạn bị hại, tặng tu soan.

*

Lê Duy Di

Tự là Trọng Cung, người huyện Minh Chính tỉnh Quảng Bình, vốn được hàng huyện tỏ rõ tên họ. Anh họ là Huệ làm ấp lệnh, chết về quốc sự đã có truyện. Duy Di, Minh Mạng năm thứ 18 (1837) lĩnh hương tiến, bổ tri huyện Thanh Trì có tiếng về ơn huệ đối với dân. Trong năm Thiệu Trị cất làm giám sát ngự sử, gặp việc là tham hặc không có kiêng nể, thường tâu: đình thần cất nhắc thay đổi quan lại không đúng. Vua khen là thẳng thắn, cứng rắn sắc bén như sắt; lại dâng sớ xin nghiêm sức lối chơi đầu hồ ở trung cung (khi yến ẩm chơi ném tên vào hồ rượu ai thua phải phạt rượu) để ngăn những người kiêu hãnh.

Vua bảo lời tâu thực là cơ mưu ngăn lúc chưa nẩy mầm, rất là mừng rỡ, truyền chỉ khen ngợi. Trải làm án sát ở Biên Hòa và Gia Định.

Tự Đức năm thứ 3 (1856) đổi bố chính sứ Quảng Ngãi,

Digitized by Google

đến khi xin hoãng việc gọi lính đóng thuyền và thuế dầu ngoại ngạch cùng thuế vô danh tạp hóa đều tâu xin bãi.

Duy Di tính cương trực, biết việc gì là nói, thường dâng sớ xin kính tin bậc đại thần, nêu khen các công thần.

*

Hoàng Chính

Hoàng Chính tên tự là Thi Vu người huyện La Sơn tỉnh Hà Tĩnh, lúc nhỏ thông minh dĩnh ngộ, chăm chỉ học tập, thế nhưng thi nhiều lần không đỗ. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837) khảo hạch, ông được bổ làm tào quan ở bộ Công, rồi thăng làm Tư vụ ở bộ Công. Khoảng niên hiệu Thiệu Trị (1841 - 1847) ông được bổ làm thông phán ở ty Án sát tỉnh Quảng Bình, sau đó lại đổi làm Hữu thừa ty ở đất Kinh Triệu, rồi lại chuyển sang Thanh Hóa, trước sau đều làm quan hình án, cả thảy là 12 năm; người đời khen ông là người thẳng thắn công liêm. Năm Tự Đức (1859) ông được bổ làm tri huyện huyện Hoằng Hóa, kiêm coi giữ công việc ở huyện Mỹ Hóa. Lúc bấy giờ có bọn giặc biển ở tỉnh Quảng Yên tụ họp đánh phá châu Tiên Yên. Sau khi quan quân dẹp yên bọn giặc cỏ, triều đình muốn đề cử người có tài năng ra coi giữ đất này bèn đổi ông làm tri châu châu Tiên Yên. Năm Tự Đức thứ 18 (1865) ông được thăng làm Tri phủ phủ Thiệu Hóa, đến khi hết hạn, được vời vào làm viên ngoại lang ở bộ Hình rồi thăng làm lang trung, ít lâu sau lấy cớ bệnh tật xin về nghỉ hưu. Hoàng Chính là người thẳng thắn công liêm, những nơi ông đến làm quan đều có tiếng khen. Sau khi về nhà nghỉ hưu, ông thường đem các chuyện làm quan thường ngày ra để dạy bảo con cái, tự đặt hiệu là Cúc Viên chủ nhân. Ông mất năm 67 tuổi. Về sau do có con là Hoàng Cao Khải làm Văn minh điện đại học sĩ, phong Diên Mậu quận công, sung Cơ mật viện đại thần, Bắc kỳ kinh lược sứ, nên ông nhiều lần được truy tặng làm thượng thư bộ Lễ.

Digitized by Google

Nguyễn Khắc Thuật

Khi trước tên là Thiệu, người huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh [1]. Minh Mạng năm thứ 18 (1837) đỗ hương tiến, bổ tri huyện Quảng Yên, chuyển tri phủ Đoan Hùng, rồi chuyển làm bộ tào ở trong Kinh. Tự Đức năm đầu (1848) đổi án sát sứ Lạng Sơn, rồi lĩnh bố chính sứ Hà Nội. Năm thứ 15 (1862) gặp lúc dẹp được quân thổ khấu ở Bắc Ninh có công, thăng Thái bộc tự khanh lĩnh chức như cũ, rồi ốm chết ở chỗ làm quan thọ 51 tuổi.

Khắc Thuật làm quan chăm chỉ cẩn thận, điềm đạm không thích muốn cái gì, kẻ sĩ ở Giang Bắc đều tôn trọng.

Về sau người cùng huyện là *Nguyễn Hiệp, Phạm Bá Phẩm* và người huyện An Phong là *Lê Đắc Quang* cũng kế tiếp cẩn thận xứng chức.

Hiệp, đỗ giải rguyên Thiệu Trị năm đầu (1841) có tiếng văn hay, lúc đầu bổ tri huyện Thạch An, thăng tri phủ Thường Tín. Được Võ hiển điện đại học sĩ là Nguyễn Tri Phương dâng sớ đề cử lên. Vua cho triệu ông vào cửa khuyết ra đầu đề làm bài phú "tri bạch thủ hắc" [2] bắt-thi, được xứng chỉ, sung làm Nội các hành tẩu, từng thăng đến thị độc học sĩ ở viện Tập hiền, sau vì ốm xin về.

Bá Phẩm, đỗ hương tiến, Thiệu Trị năm thứ 3 (1843). Tự Đức năm đầu (1848) bổ huấn đạo ở Đan Phượng, năm thứ 15 (1862) tạm coi công việc ở huyện Tam Nông, vì bắt giặc có công thưởng đồng tri phủ. Năm thứ 19 (1866) lĩnh đốc học Bình Định, lại đổi tới Hải Dương rồi tuổi tới 70 được trí sự.

Đắc Quang đỗ hương tiến đời Tự Đức năm đầu (1848) bổ tri huyện Tứ Kỳ, rồi đổi giám sát ngự sử, từng thiên biện

(1) Nay thuộc Hà Nội.

(2) Tri bạch thủ hắc: Lão Tử nói: biết giữ sáng tỏ, tránh việc mờ tối, làm phép cho thiên hạ bắt chước.

Digitized by Google

lý ở Hộ Công 2 bộ, rồi cất làm phủ doãn Thừa Thiên. Năm thứ 27 (1874) vì mẹ già tuổi ngoài 80, vin lệ xin về hưu.

*

Trần Dương Quang

Tự là Thúc Khiêm, người huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định. Minh Mạng năm thứ 18 (1837) đỗ hương tiến, bổ tri huyện Lạc An, ở huyện đều là dân Man, phong tục chất phác lỗ độn, thích hát múa, Dương Quang đem 3 điều dạy bảo, lại sai mỗi ấp lựa một hai người khá giả tới huyện để học, dân đều theo quy ước. Sau vì có tang cha mẹ nghỉ chức, khi hết hạn nghỉ, đổi tri huyện Lập Thạch. Tự Đức năm đầu (1848) vì văn học có chỉ triệu thí, được trúng cách. Gặp lúc Tam Tuyên tổng đốc là Ngụy Khắc Tuần tiến cử lên vua, cho là ở huyện được liêm bình không nhiễu dân, nên có chỉ cho Trần Dương Quang trị dân được liêm bình mà văn học cũng khả quan, lập tức bổ dụng tri phủ Lâm Thao. Sau chuyển đốc học Hà Tĩnh. Vì ốm xin về, được ít lâu triệu bổ giám sát ngự sử. Khi ông tới chức, dâng sớ nói: "Việc sửa sang núi Thúy Sơn chỉ nhọc dân không tiện, lại xin đình lệ thượng ty sát hạch". Vua bảo lệ mới thi hành, há nên sớm ban lệnh tối lại đổi ư. Đợi sau này quả có tệ hại, lại cho xét bàn chưa muộn. Rồi thăng cho làm Thị độc viện Tập hiền, sung Kinh diên khởi cư chú, phân chia soạn vịnh sử phú. Được đặc cách khen ngợi, lại từng đi hỗ giá tới đài Trấn Hải, có ứng chế các bài làm, được khen thưởng. Năm thứ 10 (1857) cất làm Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, lĩnh án sát sứ ở An Giang, rồi chết, thọ 51 tuổi.

*

Nguyễn Đăng Tuyển

Tiên tổ là người tỉnh Bắc Ninh, ông là Vỹ, đỗ tiến sĩ, thuộc niên hiệu Bảo Thái (1720-1729) đời Lê Dụ Tông, làm thiếu bảo, phong Kế thiện hầu. Cha là Chiểu do đỗ hương cống

Digitized by Google

làm đến Hồng lo tự khanh, cuối đời Lê tránh loạn tới làm nhà ở Sơn Tây. Đăng Tuyển khi trước đỗ tú tài sung cống sĩ bổ vào Quốc tử giám sinh. Minh Mạng năm thứ 17 (1836), theo làm hậu bổ tỉnh Tuyên Quang, trải tri huyện Vị Xuyên, chuyển vào trong làm Hộ bộ chủ sự, thăng thừa chỉ, tiến thị độc, sung hành tẩu ở sở Ty luân thuộc Nội các. Vì văn học được vua biết đến. Tự Đức năm đầu (1848) thường được ứng chế thơ văn, lại soạn những quyển "Đào hoa mộng ký", "Nam thi quốc phong" dâng lên vua xem, rồi chuyển làm trước tác, sung Sử quán biên tu. Năm thứ 9 (1856) bổ tri phủ Thuận Thành, rồi mắc tật xin về hưu.

Đăng Tuyển đã về, vua thường sai trung sứ tới hỏi thăm và ban cấp rất hậu, lại được sắc sai soan vịnh sử ca, rồi bảo: hễ có việc tấu đối cho thực phong lại, do nơi thị vệ tiến vào nội; khi sách đã thành được xứng chỉ ban thưởng cho. Năm thứ 15 (1862) quân thổ khấu ở Bắc Ninh làm phiến loạn, con trưởng là Trạch ra tòng quân bị chết trận, vì hay dạy con giữ nghĩa, nên được chỉ khen thưởng. Vua lại thường bảo: "Nguyễn Đăng Tuyển và Đinh Kỳ Duyên có soạn chú sử ca, trẫm mỗi khi sai đọc lại nghĩ tới. Năm thứ 31 (1878) gặp ngày "Vạn thọ ngũ tuần đại khánh tiết" Đăng Tuyển soạn dâng thi tụng, được đặc cách ban tiền lụa để tỏ ưu đãi với bậc lão thần. Được vài năm thì mất, thọ 86 tuổi. Còn Trạch chết về quốc sự, tặng Văn lâu lang, con thứ là Trạc đỗ tú tài bổ Kinh lịch.

*

Lê Dụ

Người La Sơn [1] tỉnh Hà Tĩnh, Minh Mạng năm thứ 21 (1840) đỗ hương tiến bổ tri huyện Kim Động, thăng tri phủ Hòa An, chuyển vào bộ tào. Tự Đức năm thứ 11 (1858) theo

(1) Nay là Đức Thọ.

Digitized by Google

làm việc nơi quân thứ ở cửa biển Đà Nẵng thuộc Quảng Nam rồi cất làm án sát sứ Quảng Ngãi, rồi lại triệu làm biện lý công việc ở bộ Công, đại thần tiến lên vì là người có phẩm hạnh liêm khiết, trải bổ bố chính sứ ở Thanh Hóa, Tuyên Quang. Năm thứ 15 (1862) chuyển bố chính sứ ở Sơn Tây. Gặp tên đầu giặc ở Bắc Ninh cùng bọn thổ khấu ở Quảng Yên cấu kết nhau để cướp bóc, Dụ từ Sơn Tây vâng chiếu cùng với bọn lãnh binh là Vũ Tảo đem 3 đạo binh dẹp yên. Năm thứ 21 (1868) thự hữu tham tri bộ Lại, kế thự tuần phủ Nam Ngãi, gặp khi hạn hán dân bị đói, Dụ tâu xin bỏ thóc ra bán và bày nhiều cách để tiếp tế, rồi bổ hữu tham tri bộ Lễ, lại đổi bộ Hình. Năm thứ 27 (1874) tới Nghệ An hiểu lụ và quyền hộ tổng đốc ở An Tĩnh, được ít lâu cho rút về, chuyển làm hồng lô tự khanh, làm biện lý bộ Hộ, dần thăng tả thị lang bộ Hình, rồi chết.

Dụ làm quan thanh bạch liêm khiết, thường đọc câu cổ nhân nói: "người ta ăn được rễ rau (ý nói chịu nghèo khổ không thay đổi tâm tính) thời trăm việc đều làm được cả", để tự răn mình, nên khi ở Quảng Nam có nhiều huệ chính, về sau dân hãy còn nhớ; con là Triện, đỗ hương tiến.

*

Lê Đình Đức

Người huyện Bình Dương tỉnh Gia Định, Minh Mạng năm thứ 21 (1840) đỗ hương tiến, Thiệu Trị năm đầu (1841) do Lại bộ hành tẩu, trải tri huyện Phong Phú, tri phủ Lạc Hóa, có tiếng hay về hành chính, vào làm giám sát ngự sử đạo An Hà. Tự Đức năm thứ 5 (1852) cất lên án sát sứ ở Thanh Hóa, rồi đổi tới Vĩnh Long.

Năm thứ 12 (1859) ở Gia Định có việc, dân giáo phần nhiều nhân cơ hội ấy hách nhiễu bình dân, vua cho Đình Đức là người nơi ấy sai chuyên coi chống chế dự bị mọi việc, rồi lĩnh bố chính sứ ở Định Tường. Năm thứ 18 (1865) thăng

Digitized by Google

Công bộ thị lang, dâng sớ xin dời tỉnh thành Hà Tiên tới Ba Châu, để là chỗ dân ta đi lại, lại chiêu dụ những người mộ nghĩa đầu mục ở Vĩnh Long, Gia Định, Biên Hòa, Định Tường dời tới Ba Châu, cấp cho trâu cày, đồ làm ruộng để được yên nghiệp. Đình nghị cho là không tiện. Đức lại xin dời đặt ra nơi Sóc Trăng, vua sai đình thần xét duyệt thi hành, rồi đổi sang bộ Binh, kiêm lĩnh tả phó đô ngự sử ở viện Đô sát. Năm thứ 19 (1866) thự tuần phủ Nam Ngãi, rồi ốm xin về hưu. Mất năm 57 tuổi, được truy tặng cho thực thụ.

Đình Đức là người siêng năng cẩn thận, làm quan ít có lỗi. Con là Văn Huy làm tri huyện ở An Bác.

*

Phan Văn Thuật

Tên tự là Thức Phu, tiên tổ là Lương từ Nghệ An tới nhập tịch ở huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam. Thuật thiên tư sáng suốt nhanh nhẹn. Minh Mạng năm thứ 21 (1840) đỗ hương tiến, Tự Đức năm đầu (1848) bổ Hàn lâm trải tri huyện, tri phủ ở những huyện phủ Minh Linh, Phúc Long, chuyển viên ngoại lang, phái tới Hà Nội hội tra bản án xử tên giặc, vì làm việc nhanh nhẹn được việc, thăng thự quản đạo tỉnh Quảng Trị, cất bổ án sát sứ tỉnh Quảng Bình, rồi lĩnh bố chính sứ. Năm thứ 18 (1865) chuyển về biện lý bộ Hình, gặp tỉnh Quảng Nam bị đói, phái đi chẩn tế, có xin phát 2, 3 vạn phương ở kho gạo Kinh, giảm giá chiếu cố bán ra, để chi cần cấp cho dân, vua cho. Năm thứ 21 (1868) đổi lĩnh bố chính sứ ở Tuyên Quang, rồi mắc bệnh xin về. Mất năm 62 tuổi.

Thuật làm quan siêng năng tài cẩn, đến đâu cũng có tiếng hay về hành chính. Cháu là Quang, Thành Thái năm thứ 10 (1898) đỗ tiến sĩ, bổ tri huyện Lệ Thủy và Sáng đỗ tú tài.

*

Digitized by Google

Lê Hữu Thường

Tên là Hằng, người huyện Đăng Xương tỉnh Quảng Trị. Thiệu Trị năm đầu (1841) đỗ hương tiến, đi hậu bổ ở Quảng Nam, chuyển tri huyện Hà Đông. Tự Đức năm thứ 2 (1849) bị giáng xuống bát phẩm thư lại, theo bộ Hình ra sức chuộc tội, rồi khởi phục tư vụ, thự chủ sự, chuyển thự Viên ngoại lang, lĩnh quản đạo ở Hà Tĩnh. Năm thứ 14 (1861) thăng lĩnh án sát sứ ở Nghệ An, rồi đổi tới Quảng Yên, được lâu cất lên Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ, hộ lý tuần phủ. Năm thứ 18 (1865) có tang mẹ, bấy giờ quân hán phỉ ở các đạo sông biển thuộc Hải Yên [1] quấy nhiễu, nên việc ở quân thứ bề bộn, vua cho tạm gác tình, ở lại để dùng, cấp cho nhà 100 quan tiền để làm ma; khi việc ở quân thứ hơi thư, Hữu Thường xin về thủ chế, hết hạn công tới Kinh chiêm cận. Vua sai sung vào khâm phái đi kinh lý các việc tuần phòng ngoài biển ở các tỉnh từ Quảng Bình đến Nam Định, việc xong lại lĩnh chức như cũ. Hữu Thường tới Thanh Hóa cùng với tỉnh thần tính toán xin đặt pháo đài và đoàn kết dân quân nghĩa dũng để phòng đường biển, khi tới Nam Định cũng mưu tính như thế.

Vua đồng ý lời xin, rồi cho thực thụ.

Năm thứ 23 (1870) cất lên tuần phủ làm hộ lý Hải Yên tổng đốc, gặp tên đầu giặc là Hoàng Tế đốt hãm ở 2 huyện Thủy Đường, An Dương [2], Hữu Thường đem quân đánh lấy lại được. Năm thứ 26 (1873) sung làm quân vụ đại thần đứng trông coi 2 tỉnh ấy, từ tuần phủ đê đốc trở xuống đều theo tiết chế, đó là vốn đã am hiểu địa thế nhân tình, nên đặc cách ủy nhiệm cho. Sau giặc lại vào trong sông quấy nhiễu cướp bóc, Hữu Thường phái 3 đạo binh thuyền hợp lại đánh dẹp, thuyền giặc trốn nép các ngả sông phóng hỏa đánh úp

(1) Hải Yên là Hải Dương và Quảng Yên.

(2) Hai huyện Thủy Đường và An Dương nay thuộc thành phố Hải Phòng.

Digitized by Google

mặt sau. Bấy giờ đề đốc là Đặng Duy Ngọ thua chạy, đốc binh tiền đạo là Đinh Hỷ, phó lãnh binh quan là Trương Viết Cường đóng quân không động dụng, vua cho Hữu Thường trông coi không khéo, chuẩn cho cách lưu.

Mùa đông năm ấy, quân Pháp phái tên Ngạc nhi (tức An Nghiệp) hãm Hà Thành và truyền hịch bảo các tỉnh bỏ hết bến bãi, nhổ hết chông trại ở sông, yết thị việc thương ước và lái tàu tới Hải Dương đón tỉnh thần ra thương thuyết. Tỉnh đáp: chưa có mệnh lệnh của triều đình. Quân Pháp bèn chiếm thành, Hữu Thường cùng tuần phủ là Đặng Xuân Bảng, bố chính sứ Nguyễn Hữu Chính và án sát sứ Nguyễn Đại thoát chạy ra các huyện Gia Lộc, Cẩm Giàng đóng, rồi rút về Kinh, án định xử chém giam đợi lệnh. Năm thứ 29 (1876) tha cho giao làm ở quân thứ ra sức chuộc tội, chẳng bao lâu lại phục hàm tu soạn, thương biện công việc tỉnh Bắc Ninh. Năm thứ 33 (1780) thăng thự Hồng lô tự khanh, làm biện lý bộ Công, rồi cất Hồng lô tự khanh. Năm thứ 35 (1882) thự hữu thị lang. Hàm Nghi năm đầu (1885) thăng bổ tham tri bộ Công; bấy giờ ở Trị Bình có báo động, vua thân đi đánh, đổi làm tuần phủ Trị Bình. Khi việc yên cất làm Công bộ thượng thư, kiêm quản ấn triện Đô sát viện. Năm thứ 3 (1888) Hữu Thường vì tuổi già xin rút lui; vua cho là bậc lão thành không cho, thăng thự Hiệp biện đại học sĩ sung Thiên thành cục đổng lý đại thần. Năm ấy tháng 9, chuẩn cho nguyên hàm về hưu trí, cấp cho 20 lạng bạc và tơ nõn cùng nhiễu đều 1 tấm, rồi mất ở nhà, thọ 72 tuổi. Tỉnh thần đem việc tâu lên, gia ơn cho 50 lạng bạc.

Hữu Thường là người thông minh nhanh nhẹn có tài trị sự. Con là Hữu Tính cũng đỗ hương tiến, làm tri phủ Cam Lộ, nay lĩnh án sát sứ ở Nghệ An.

*

Digitized by Google

Bùi Tuấn

Tự là Trạch Phủ, người huyện Sơn Lãng [1] tỉnh Hà Nội. Thiệu Trị năm đầu (1841) đỗ tiến sĩ cập đệ do tri phủ Thọ Xuân, chuyển khảo Công viên ngoại lang, Tự Đức năm đầu (1848) bổ vào viện Tập hiền sung Kinh diên khởi cư trú, từng thăng Thị giảng học sĩ, đổi án sát sứ Sơn Tây rồi đổi tới Bắc Ninh, lại thăng Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ, chuyển tuyên phủ sứ ở đạo Phú Yên. Năm thứ 15 (1862) lại bổ bố chính sứ Bắc Ninh, gia ban chiếc thẻ bài Kim khánh mầu tía có 4 chữ: "liêm bình cần cán", rồi vào làm tả tham tri bộ Binh. Năm thứ 22 (1869) đổi làm tuần phủ và hộ lý tổng đốc Ninh Thái. Bấy giờ ngoài biên vùng Tây Bắc đã bao năm báo động có giặc, mà Bắc Ninh là nơi xung yếu, mùa thu năm ấy đám giặc Ngô Côn đem đồ đảng lại đánh tỉnh thành. Khí giới của giặc rất sắc bén, mà trong thành số lính còn lại 300 tên có lẻ, lại phần nhiều gầy yếu thế rất trơ trọi nguy cấp, Tuấn vội làm công việc giữ thành, sai người ở ngoài phố vào cả trong thành, lấy người khỏe mạnh để thêm quân, ở bộ thự mới được định, giặc đến vây thành, Tuấn ngày đêm ở trên thành đốc quân chống giữ. Sai trông chỗ giặc tụ họp bắn pháo lớn dữ dội. Ngô Côn trúng đạn bị chết. Tuấn bèn dự chọn những người cảm chiến, phòng bị để dùng khi hội dẹp. Tuần phủ là Ông Ích [2] và viện binh tới, trong ngoài đánh giáp công phá vỡ lớn, chém đầu giặc kể có hàng nghìn, vòng vây được giải. Sau đó đại binh hội họp đánh dẹp, mà xếp đặt việc quân cần đến lương gạo dầu củi đều dự tính trước, răn cấm không được phiền dân làm việc ấy, ngoài ra mưu tính phần nhiều trúng khớp, gặp Phùng quân môn là Tử Tài rất tôn trọng. Năm thứ 25 (1872) được thực thụ tổng đốc, rồi vì chưa chất khó nhọc mắc bệnh xin nghỉ, chưa được ai thay, đã chết ở chỗ làm quan. Thọ 65 tuổi.

---

(1) Nay thuộc Ứng Hòa, Hà Tây.

(2) Bản in chỉ có chữ Ông Ích, có lẽ là Ông Ích Khiêm.

Digitized by Google

Vua nghe tin rất thương xót, đặc cách xuống dụ lược rằng: "Hạt Bắc kỳ vẫn có tiếng là nơi làm quan ở chỗ nguy kịch, hàng năm tới nay gọi bắt lính lại là phức tạp khó khăn, thế mà viên đốc thần ấy giữ trách nhiệm trải 3 năm có lẻ, phân bố có phương pháp. Trước đây giặc bức gần tỉnh thành cố sức giữ đợi viện binh, rồi được không lo ngại, từ đó đại binh hội họp đánh dẹp, mọi việc quan hệ khẩn yếu, tùy liệu xong cả 4 mặt. Dẫu chưa dám so sánh với người xưa, nhưng tài bảo vệ che chở và giữ trọng trách phương diện quốc gia cũng là không phụ, mới được ủy dụng để đỡ cái lo của trẫm ở mặt Bắc. Chợt được tin ốm nặng, còn cố gắng gượng đợi mệnh; kịp lúc chuẩn cho nghỉ hạn ở ngoài, chưa kịp dời dinh thự đã vội mệnh chung thực rất đáng thương. Cho truy tặng Thái tử thiếu bảo, gia cấp cho tiền lụa làm ma, sai quan tới tế. Chuẩn cho tập ấm người con đợi sẽ lục dụng. Ôi! Coi nước như nhà là đạo thần tử, viên đốc thần ấy đã chịu lao khổ lâu ở ngoài, chết mới chịu thôi. Như thế mới là không thẹn. Nay các thần tử trong ngoài quả có quên mình chết theo nước như Bùi Tuấn trọn đạo làm tôi ấy, trẫm rất hậu vọng. Có công phải thù lao, thành điển còn đó, chớ cho là giúp việc chỉ một mình hay, không được triều đình soi xét tới."

Tuấn vốn là có tài cán mưu lược, tuổi già giữ nơi nguy kịch, mà trọn được hết chức phận, con trưởng được tập ấm bổ quan đến tuần phủ Hưng Hóa; con thứ đỗ hương tiến.

*

Đỗ Huy Uyển

Tự là Viên Khuê, người huyện Đại An tỉnh Nam Định[1]. Lúc nhỏ có văn tài. Thiệu Trị năm đầu (1841) thi hội đỗ phó bảng, bổ Hàn lâm viện Kiểm thảo, Tự Đức năm đầu (1848) mở nhà Kinh diên, vua đương hướng về văn học, sai giảng

(1) Nay là Nghĩa Hưng tỉnh Hà Nam Ninh.

Digitized by Google

quan xem xét đề cử lên để cho triệu thí, Huy Uyển ứng hạch được trúng cách, bổ đông tri Bình Giang, rồi triệu bổ làm giám sát ngự sử, ông có điều trần 4 khoản về thời vụ: 1- ít bàn luận, 2- bớt sai phái, 3- tại chức được lâu; 4- ngăn cấm kẻ kiêu hãnh.

Vua nói: lời trình bày phần nhiều nên thi hành, không như người cóp nhặt có thể so sánh được, cho truyền chỉ khen thưởng, rồi thiên làm đốc học ở Vĩnh Long.

Năm thứ 9 (1856) xuống chiếu cho bách quan đều đề cử những người đã biết. Thị lang là bọn Phạm Xuân Quế đều làm tờ tiến cử ông. Ông được chuyển Lễ bộ lang trung, thường khởi thảo những bài chiếu dụ dâng lên vua xem, vua khen. Cử làm Thái thường thiếu khanh làm biện lý bộ Hộ. Được ít lâu vì bị đau mắt, cho cáo lão về làng rồi chết năm 68 tuổi.

Đỗ Huy Uyển về nhà thích trước tác, nên nhiều người tìm đến viết văn, tới nay hãy còn truyền tụng. Con là Huy Liệu.

Huy Liệu tên tự là Tích Ông, lúc nhỏ sáng suốt, được tiếng văn hay, đỗ hương giải bổ làm huấn đạo huyện Yên Mô. Tự Đức năm thứ 32 (1879) đỗ tiến sĩ, thi đình được đệ nhất. Vua xem bài đối sách, phê bảo thực có học, không phải theo lề lối mà hay được. Lúc đầu bổ làm trước tác viện Tập hiền, trải tri phủ ở 2 phủ Đoan Hùng, Lâm Thao, từng lược văn học quán suốt rộng rãi, cho triệu thí nên cất làm thị độc vẫn lĩnh tri phủ. Kiến Phúc năm đầu (1884) chuyển Hồng lô tự thiếu khanh, làm biện lý bộ Hộ, rồi đổi tham biện công việc ở Nội các. Khoảng năm Hàm Nghi (1885), Kinh thành hữu sự [1], bị ốm xin về.

Liệu cùng với cha là Uyển văn chương kết cấu thành đạt một nhà, thực là đứng đầu ở Nam châu. Liệu lại có tính thẳng thắn khí khái. Sau khi đương sự vì cần người, nên có người

(1) Chỉ việc Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Bình.

Digitized by Google

muốn bức để ra giúp việc, đều tạ cả không chịu ra, rồi được vô bệnh tự nhiên chết.

*

Vũ Nguyên Doanh

Người huyện Quỳnh Lưu tỉnh Nghệ An, nhà nghèo chăm học, thờ cha mẹ được tiếng có hiếu. Thiệu Trị năm đầu (1841) thi hội đỗ phó bảng. Lúc đầu bổ Kiểm thảo, đổi tri phủ Thiên Phúc. Năm thứ 7 (1847) thăng Lễ khoa chưởng ấn cấp sự trung kiêm tra xét mọi việc ở Tôn nhân phủ, thường cùng với ngự sử Nguyễn Cư dâng sớ trình bày về tình trạng tật khổ của dân ở những hạt: Thừa Thiên, Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nghệ An (có nói ở truyện Nguyễn Cư). Nguyên Doanh làm đài gián [1] được lâu có tiếng. Ngày thường làm quan không để ai đến yết kiến riêng. Vua thường phái ra Bắc kỳ khám xét về án kiện, người đều tôn trọng là công bình ngay thẳng; Khi ở đình cũng từng có chương tấu đề cử lên. Năm thứ 8 (1855) bổ án sát sứ ở Gia Định, nhận chức được 3 năm, mất ở chỗ làm quan. Em là Vinh cũng đỗ hương giải.

*

Phan Tam Tỉnh

Tự là Hy Tăng, người huyện La Sơn tỉnh Hà Tĩnh, lúc nhỏ đọc sách qua một lượt là nhớ. Bấy giờ, những quan lại phần nhiều cho là khí độ sự nghiệp có hy vọng. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) Xuân thí đỗ hội nguyên, đình thí đỗ tiến sĩ cập đệ, do Hàn lâm biên tu, đổi tri phủ Gia Tĩnh. Tự Đức năm đầu (1848) triệu bổ giám sát ngự sử, thường bàn việc luôn, từng xin ban khen biểu dương những bề tôi tuẫn tiết cuối đời Lê, mà lời nói phần nhiều giữ phong tiết biết đại thể. Năm thứ 4 (1851) cất làm thị giảng học sĩ ở viện Tập hiền, sung khởi cư chú ở nhà Kinh diên, trải thiên án sát sứ ở Phú

(1) Làm quan can gián ở Ngự sử đài.

Digitized by Google

Yên và Bình Thuận.

Năm thứ 6 (1853) được triệu thí ở điện Khâm văn, lấy người có văn học tới dự thi cộng 41 người. Vua khen bài đối sách của Tam Tỉnh là kiến văn rộng, nhớ được lâu, chọn lựa cất lên đầu. Bấy giờ vua đương để ý tác thành cho người để đều được trọng thành cả, nên chọn lựa bổ Tam Tỉnh làm tế tửu ở Quốc tử giám. Gặp lúc nhà vua coi trọng việc học, nên sĩ tử nghe thấy tranh nhau khuyến khích cổ lệ. Tam Tỉnh lại sẵn lòng chăm siêng dạy bảo, thi hành đều có phép tắc, nên văn học không có phù hoa mà thành đạt được nhiều, sau này ai cũng nói không lúc nào văn học được thịnh như lúc bấy giờ. Sau gia Quang lộc tự khanh, lĩnh bố chính sứ ở Hải Dương. Khi vào bệ từ, vua dụ bảo ngay trước mặt là cho đề phòng chế ngự được tùy nghi, làm việc khá lâu. Lại vào làm tả thị lang bộ Hộ.

Năm thứ 15 (1862) ở Hải Dương báo động có giặc, đã tiến gần vây tỉnh thành, tờ hịch đưa cáo cấp, vua xuống lệnh cho đề cử người nào có thể thay được tổng đốc Hải Dương, các quan đều cử Tam Tỉnh. Vua sai ông làm hộ lý tổng đốc Hải An, nhân đó truyền cho bộ hội đồng cùng với đại quân trước hết đánh lấy lại phủ Bình Giang, rồi đánh luôn mấy trận phá được giặc, tỉnh thành giải được vây (đã nói ở truyện Trương Quốc Dụng). Khi xét công trạng được tiến lên thăng tuần phủ, nhưng vẫn hộ đốc.

Năm tứ 21 (1868) cùng với hải phòng sứ là Phan Bân tâu xin cho đặt các việc tuần phòng ở ngoài sông. Mùa đông năm ấy cho ông được thực thụ.

Tam Tỉnh là người đoan trang kín đáo, giữ trách nhiệm 7 năm, thanh liêm chăm chỉ tự mình cố gắng nên được tiếng về hành chính, rồi mắc việc phải chuyển làm Hồng lô tự khanh sung hiệp lý việc tuần phòng ở ngoài biển, bị ốm xin về, rồi mất. Được truy phục Hải Dương bố chính sứ. Tới nay ở Hải

Digitized by Google

Dương đều khen Tam Tỉnh là lương mục. Tam Tỉnh khi trước tên là Nhật Tỉnh, sau đổi tên như ngày nay. Con là Trọng Mưu đỗ tiến sĩ, nay lĩnh đốc học Quảng Ngãi và Cát Xu, Trọng Nghị đều đỗ hương tiến. Cháu Trọng Mưu là Huy Nhuận cũng cùng Trọng Mưu đỗ tiến sĩ cùng khoa, làm một họ có danh vọng ở Việt An.

*

Lê Quang Bỉnh

Tự là Trọng Thao, hiệu là Thận Trai, người huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên. Khoảng Minh Mạng năm đầu (1820) ghi tên vào sổ lại, chuyển bát phẩm điển ty ở tỉnh Gia Định, vì bắt giặc thường có công. Tự Đức năm thứ 7 (1854) Nam kỳ Kinh lược đại sứ là Nguyễn Tri Phương cho kham nổi công cán đề cử lên đứng đầu trong hàng lại dịch. Năm thứ 12 (1859) mùa xuân, quân Pháp hãm thành Gia Định, quan quân ta dời đóng ở đại đồn để triệu mộ quân nghĩa dũng, Quang Bỉnh khuyến mộ được 300 đi theo. Gặp nước Cao Man nhân có hiềm khích quấy nhiễu ngoài biên, Quang Bỉnh đem lính mộ theo quan quân tới dẹp đuổi được, rồi chuyển về nơi quân thứ, cùng với quản cơ là Trương Định đốc thúc đắp ụ lũy, thường cùng quân Pháp chống cự. Sau đó đại đồn và 2 tỉnh Định Biên kế tiếp bị hãm, hòa cục chưa thành, các thân biền ra ứng mộ, đều tôn Trương Định làm đầu mục. Quang Bỉnh đem sở bộ theo. Bấy giờ Phan Trung cũng khởi binh ở Biên Hòa, Định sai Quang Bỉnh tới yết kiến, Trung cùng nói chuyện cả mừng, giữ lại cùng giúp việc. Khi Định bị hãm ở trận đại cục hơi khác, Quang Bỉnh biết việc không thể làm được, bèn cùng bọn Trung lẻn tới miền thượng dụ ở Biên Hòa, tản lính mộ khai khẩn làm đồn điền để làm kế trì cửu đợi mệnh của triều đình.

Năm thứ 18 (1865) hòa ước đã định, xuống chiếu hưu binh, Quang Bỉnh cùng với bọn Trung về Kinh, vua khen là

Digitized by Google

nghĩa khí, cho the lụa, cất làm viên ngoại lang bộ Hộ. Năm thứ 21 (1868) lấy hàm ấy sung làm giám lâm phủ Nội vụ. Vì kiểm xét những hóa vật dâng vào để kho không được cẩn thận, bị giáng 4 cấp phải ly chức. Sau có chỉ đi công cán sang Đông; gặp 2 tỉnh Tuyên Thái có báo động ở ngoài biên, vua cho Quang Bình chịu được cần khổ từng trải gian lao, đổi sung làm bang biện ở quân thứ Thái Nguyên. Năm thứ 24 (1871) xét bổ tư vụ bộ Hộ, được vài tháng, thượng thư bộ Hộ là Phạm Phú Thứ lựa chọn xin thăng thụ chủ sự, sung chủ thủ kho thóc ở Kinh. Bộ Lại cho là mới thăng, đổi đặt là thăng lĩnh. Vua phê bảo rằng: "Người ấy dẫu việc nhỏ không cẩn thận, nhưng có công lao không nỡ bỏ, chuẩn cho thăng thụ chủ sự sung vào, rồi ghi tên đợi có khuyết viên ngoại lang cho tái lĩnh. Hoặc kham nổi việc quân chỗ nào phái tới, để tỏ cổ vũ dẫu nhỏ cũng không để sót." Rồi thăng làm viên ngoại lang bộ Công, sung phó quản đốc thuyền Viễn thông. Năm thứ 27 (1874) chuyển lĩnh lang trung ở ty Tào chính, sung thanh tra đồng lý ở Thanh Hóa. Khi ở Thanh về, đổi bổ lang trung nha Thương chính, chưa bao lâu vì già ốm xin về hưu trí. Khi mất 71 tuổi.

Quang Bình là người khẳng khái có khí tiết, dẫu xuất thân là đao bút, yêu thích sách vở, thường bảo con rằng: "Một bộ sách Chu tử tiểu học, đọc mà lại hành thời thánh công tưởng cũng được hơn nữa". Về trì gia lấy cần kiệm làm gốc, phàm những việc chơi bời vô ích đều nghiêm răn bảo, nên dạy con được thành đạt; con là Trinh, khoa Tự Đức Nhâm ngọ lĩnh hương tiến, nay lĩnh trước tác ở Nội các.

Digitized by Google

QUYỂN 34

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXIV

- Phan Đình Dương (phụ: Nguyễn Chính, Nguyễn Đức Lân.)
- Nguyễn Danh Vọng
- Đỗ Đăng Đệ
- Nguyễn Bỉnh
- Bùi Huy Phiên
- Nguyễn Huy Khởi
- Ngô Phùng
- Nguyễn Tường Phổ
- Trần Thiện Chính
- Nguyễn Oai
- Mai Văn Tuấn
- Vũ Văn Tuấn
- Đỗ Phát
- Phạm Phú Thứ
- Phạm Hữu Thước
- Hoàng Thiện Trường (phụ: Dương Phúc Vịnh).

*
* *

Phan Đình Dương

Người huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh, Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) đỗ tiến sĩ cập đệ. Do Hàn lâm biên tu, trải bổ tri phủ ở 2 phủ: Triệu Phong, Thường Tín. Tự Đức năm đầu (1848) bổ đốc học Hải Dương, rồi đổi về Hà Nội. Năm thứ 6 (1853) triệu làm tư nghiệp Quốc tử giám, gia thị giảng học sĩ, vẫn lĩnh chức như cũ. Năm thứ 9 (1856) lại ra lĩnh đốc học Bắc Ninh, mắc bệnh xin về dạy học, rồi mất năm 61 tuổi.

Digitized by Google

Bấy giờ người cùng ở nơi đó kế tiếp đăng khoa, thời huyện Gia Bình có *Nguyễn Chính*, huyện Đông Ngàn có *Nguyễn Đức Lân*.

Đức Lân khi trước tên là Đức Tiến, Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) đỗ phó bảng, bổ Kiểm thảo. Tự Đức năm đầu (1848) lĩnh tri huyện Tam Nông rồi đổi tri huyện Đan Phượng. Năm thứ 22 (1869) bổ chủ sự bộ Hình. Tính thẳng thắn, trái ý thượng tư, xưng bệnh xin về, bèn đóng cửa tạ khách, chân không giày tới thành phủ, thường suốt ngày ngồi ngay ngắn, xung quanh vách trát tiêu điều chẳng che mưa gió, mà vẫn yên ổn. Tuổi ngoại 50 thời mất.

Nguyễn Chính, đỗ tiến sĩ Thiệu Trị năm thứ 4 (1844), bổ biên tu, rồi bổ tri phủ Thiên Quan, làm đến đốc học ở Hải Dương.

*

Nguyễn Danh Vọng

Tự là Hy Lã, người huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Ninh, gia thế đều nghề nghiệp nho thư. Cao tằng tổ đều đỗ hương cống đời Lê, Danh Vọng lúc nhỏ chăm học. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) đỗ tiến sĩ cập đệ, khi đầu bổ Hàn lâm viện biên tu, trải thiên chủ sự, lĩnh tri phủ Trùng Khánh rồi đổi đốc học Hải Dương. Tự Đức năm đầu (1848) thự Quốc tử giám tư nghiệp thăng lên tế tửu, bị việc phải chuyển viên ngoại lang bộ Lễ, rồi mắc bệnh xin về. Mất năm 61 tuổi.

*

Đỗ Đăng Đệ

Tự là Thứ Khanh, hiệu là Tùng Đường, tiên tổ người tỉnh Thanh Hóa. Tổ 6 đời là Đăng Phú dời vào nam làm nhà ở núi Bình tỉnh Quảng Ngãi, cha là Đăng Uyên làm cai đội, sau được con quý hiển, tặng cương dũng tướng quân. Đăng Đệ lúc nhỏ có tiếng văn học. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) ông đỗ

Digitized by Google

phó bảng về lễ vy, do Kiểm thảo sung Nội các hành tẩu, ra làm huyện tể ở Tuy Hòa, thăng đồng tri phủ Thuận An. Tự Đức năm thứ 2 (1849) chuyển tri phủ Nghĩa Hưng, chẳng bao lâu vào làm giám sát ngự sử. Năm thứ 5 (1852) sai tới tỉnh Bắc Ninh tra xét án của tỉnh thần là Phạm Thế Trung bị nhũng loạn. Bấy giờ có lời chê bai là tuần phủ Hưng Yên Lê Chân và án sát Tôn Thất Loan tham lạm hơi đồng, các tỉnh bên cạnh đều biết, lại có bố chính Hải Dương là Nguyễn Hữu Bình mua riêng thuế quan vào mình, Đăng Đệ xét được thực sự, đều thanh minh tham hặc lên. Vua khen, rồi nhân mắc việc phải chuyển làm Hộ thừa biện, lại chuyển viện ngoại lang bộ Hình. Gặp quân ác Man ở Thạch Bích ngu xuẩn khởi loạn, tình nguyện xin tòng quân, gấp tới đồn Minh Long đánh phá trại Man. Bình định được giặc Man, đổi làm lang trung bộ Binh. Năm thứ 11 (1858) tờ biểu Quảng Nam có động, lại ông tới đó để hội đồng xem xét hình thế mưu tính mọi việc. Năm thứ 12 (1859) đổi án sát sứ Bình Thuận, rồi vì có tang mẹ, xin nghỉ chức.

Tháng 10 năm ấy có chỉ phải gác tình riêng, khởi sung bang biện quân thứ Quảng Nam, chẳng bao lâu cất lính bố chính sứ ở Định Tường. Năm thứ 13 (1860) tỉnh thành thất thủ phải cách chức theo đồng suất đại thần là Nguyễn Tri Phương ra sức sai phái, lại sung thương biện quân vụ. Khi hòa nghị thành, đổi về làm bang biện giúp việc nơi quân thứ Nghĩa Định. Năm thứ 18 (1865) lại làm hồng lô tự khanh, biện lý bộ Hình. Năm thứ 19 (1866) phái tới Nghệ An tra xét vụ án đốt phát đạo quan. Khi xong trở về cất làm Kinh triệu doãn. Ở mọi đô thành tập quán chuộng phù hoa xa xỉ, hết thảy sửa chính lại. Năm thứ 21 (1868) Kinh sư bị hạn hán, vua sai cầu đảo rồi được trận mưa. Vua khen vì dân hết chức trách, cho một đồng kim tiền, lại cho một bài thơ để tỏ yêu mến. Cuối bài thơ có câu: "Duy dư hữu khuyết lại nhĩ bổ, tận nhĩ chức phận thiên bất phụ" (dịch nghĩa: Ta có khuyết

Digitized by Google

điểm ngươi bổ cứu, ngươi hết bổn phận trời không phụ). Rồi đổi biện lý bộ Hộ. Bấy giờ bố chính Quảng Ngãi là Nguyễn Đức Trứ tham lam biến lận, Đăng Đệ dâng mật sớ tham hặc, vì việc không đáng bí mật, phải giáng hai cấp ly. Năm thứ 24 (1871) đổi sung Tịnh Man tiểu phủ sứ. Năm thứ 27 (1874) cất làm thị lang bộ Binh, nhưng vẫn sung sứ chức, phái bắt tên ngụy mục Phạm Văn Hiên và bốn tên đồ đảng, thưởng gia một cấp. Gặp quân ác Man lại xuống cướp bóc. Vua cho Đăng Đệ, thất về phòng phạm, giáng bốn cấp được lưu, rồi đổi về thị lang bộ Hộ, chuyên tham tri.

Năm thứ 29 (1876) sung chủ khảo trường Thừa Thiên, tiến thăng thự Lễ bộ thượng thư, sung Quốc sử quán phó tổng tài kiêm quản cả Quốc tử giám. Năm thứ 32 (1879) mùa xuân có hội thí sung làm chủ khảo. Năm sau sứ nước Y pha nho tới Kinh, vua sai sung làm chánh sứ toàn quyền đại thần. Năm thứ 34 (1881) thăng thự thượng thư, mùa thu năm ấy 68 tuổi vì ốm xin rút lui. Vua cho và dụ rằng: "Đỗ Đăng Đệ tha cẩn thận chức phận, giữ gìn không có lỗi lớn, nhưng vì ốm yếu chưa tới niên lệ xin về hưu, xét lời trần tình cũng là bất đắc dĩ, không phải kẻ vô tài tầm thường so sánh được, cho gia ơn hàng năm chi nửa bổng suốt đời thì thôi". Đồng Khánh năm thứ 3 (1888) thời chết. Thọ 75 tuổi.

Đăng Đệ có trí thức mưu lược, ở triều đoan nghiêm thẳng thắn, gặp việc đám nói, bàn luận từ chương lại cùng tinh nhanh. Khi ở bộ Hộ sổ sách chứa chất như núi, xem qua một lượt không sót chỗ nào. Trúc Đường Phạm Phú Thứ thường khen có tài không thể bì kịp. Sau khi qui điền, gặp lúc khó khăn như khoảng năm Giáp thân Ất dậu là chỗ nơi dụng binh không có ngày nào được rỗi. Quan địa phương tới hỏi cơ mưu phần nhiều được bổ ích. Hôm mất, tỉnh thần đem việc tâu lên, ân cấp cho nửa tiền tuất.

Đăng Đệ sinh bình trước tác thi văn có quyển "Tùng

Digitized by Google

đường di thảo". Cor. có 2 người, Toán đỗ tú tài, trải làm đến sơn phòng tư vụ, Duyên được tập ấm tòng thất phẩm. Cháu là: Quản, Tịch, Quân, Quản được ấm sinh, theo thừa phái việc sơn phòng, Tịch tú tài làm đến bang biện ở Nghĩa hành; Quân đỗ tiến sĩ cập đệ, Thành Thái năm thứ 7 (1894) làm đến đốc học.

*

Nguyễn Bỉnh

Trước tên là Văn, sau đổi tên như ngày nay, tên tự là Bảo Sơn, người huyện Bảo Lộc tỉnh Bắc Ninh. Thiệu Trị năm đầu (1841) lĩnh hương tiến, bổ tri huyện Thượng Lang, khi ba năm tới kỳ khảo mãn được đổi tri phủ Thiệu Hóa, chuyển viên ngoại bộ Lại, lang trung phủ Tôn nhân, rồi cất làm án sát sứ ở Ninh Bình, từng làm bố chính sứ ở hai tỉnh khấu khởi ngụy ở Bắc Ninh, con là Huy Do bị giặc hại, Bỉnh bèn xin về quê mộ quân nghĩa dũng đánh dẹp, rồi bị việc phải khiển trách, tĩnh đợi ở ngoài. Năm thứ 18 (1865) triệu bổ biện lý bộ Công, tiến tả thị lang, sung đổng lý ngôi Vạn niên cơ, lại lĩnh tả tham tri bộ Hình. Năm thứ 21 (1868) thự tuần phủ Hà Nội, chuyển làm thương biện công việc ở tỉnh Bắc Ninh, đứng chuyển vận lương thực cho các quân thứ ở Lạng Bình, Sơn Hưng Tuyên, rồi thực thụ tuần phủ ở Lạng Bình. Năm thứ 25 (1872) triệu về thự Công bộ Thượng thư, lại đổi sang bộ Hình. Tới niên lệ 70 xin về hưu. Vua cho Bỉnh tới tuổi 70 mà thanh bạch tiết tháo đáng chú trọng, cho thuốc men vàng lụa và thực thụ Hình bộ thượng thư trí sĩ.

Bỉnh làm quan thanh bạch, khi về nhà không có của thừa. Mất vào năm thứ 31 (1878) thọ được 75 tuổi.

Huy Do lúc nhỏ chí khẳng khái, gặp quân thổ khấu đánh hãm phủ Lạng Giang, tiến vây tỉnh thành Bắc Ninh, Huy Do đi đường tắt tới Lạng Sơn xin cho triệu mộ binh đánh giặc. Do cùng với binh Lạng Sơn đều tiến, thu lại phủ Lạng Giang,

Digitized by Google

thứ tới Xương Giang, sớm hôm sau bọn giặc tới đánh dữ, quân Lạng Sơn lui trước, Huy Do bị giặc bắt không chịu khuất rồi chết, tặng Hàn lâm viện biên tu.

*

Bùi Huy Phan[1]

Người huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định. Thiệu Trị năm đầu (1841) lĩnh hương tiến, đổi ra tri phủ Vạn Ninh. Tự Đức năm đầu (1848) dẹp quân hải khấu có công, chuyển viên ngoại lang bộ Hộ, thự Hà Tĩnh quản đạo, kế làm án sứ Quảng Yên, năm thứ 12 (1859) tiến thăng bố chính Lạng Sơn và hộ lý tuần phủ Lạng Bình. Năm thứ 14 (1861) giáng xuống Quang lộc tự thiếu khanh, biện lý công việc bộ Hộ, rồi lĩnh bố chính sứ ở Bình Định. Năm thứ 15 (1862) bọn giặc phiến loạn khởi ngụy ở Hải An, liên kết cả đường thủy lục đánh cướp các thuộc ấp, bức vây tỉnh thành Hải Dương. Vua đặc cách cho triệu Huy Phan về Kinh, phái sung Hải An thủy đạo.

Huy Phan về quê mình đem con tụ họp những quân nghĩa dũng ở bộ thự, do đường sông Nam Định tiến phát, đánh nhau với giặc ở Ninh Giang, thu lại phủ thành. Đảng giặc về bắc, thừa thắng cùng các quân đuổi đến Hàn Giang đánh luôn mấy trận đều phá vỡ. Mùa đông lại đánh được quân giặc ở quân thứ sông Nhân Sơn, tên đầu giặc trốn chạy, khí giặc đã lung lay. Sau đó thuyền giặc ngấp nghé lại tới, Huy Phan chặn ở sông đón đánh, giặc bèn trốn ra ngoài biển, được cất bổ bố chính sứ Quảng Yên và hộ lý tuần phủ.

Năm thứ 16 (1863) tháng 9 cùng với giặc đánh nhau ở Bà Lan bị thất bại, Huy Phan tự gieo mình xuống biển chết. Con là Tiến cùng rể là tú tài Nguyễn Quý Cận đều chết cả. Việc đến tai vua, vua rất tiếc và bảo: "Bùi Huy Phan thường lập chiến công, công đã gần thành mà mắc việc bất hạnh ấy,

(1) Có thể đọc là Phiên

Digitized by Google

cho truy tặng Quảng Yên tuần phủ, sai hậu cấp và cho tế, sau liệt tự ở đền Trung nghĩa. Tiến và Quý Cận tặng trung sĩ lang văn giai chánh thất phẩm. Con thứ là Tấn do ấm sinh bổ làm quan đến Hàn lâm viện thị giảng.

*

Nguyễn Huy Khởi

Tự là Hòa Khanh, người huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa. Thiệu Trị năm đầu (1841) lĩnh hương tiến bổ tri huyện Gia Lâm, đổi tri huyện Phú Xuyên. Tự Đức năm đầu (1848) chuyển làm Nội các thị độc, rồi bổ án sát Hưng Hóa, chuyển bố chính sứ Nam Định. Gặp năm đói cùng với tổng đốc Đào Trí và Lê Tuấn hết lòng mưu tính chẩn tế, lại đặt kho xã thương cùng khuyến bảo đắp đê khai khẩn ruộng nương được 17.000 mẫu có lẻ.

Vua xuống chiếu khen ngợi đều thưởng thêm một cấp, lại ban bài vàng tía có chữ "đồng tâm cử chức". Năm thứ 19 bổ tuần phủ Hưng Hóa, bấy giờ người Mèo Man sơn không chịu yên phận thường lan tràn xuống cướp bóc. Huy Khởi tâu nói: "Man Mèo ở xa ngoài biên là dân ngu dại không có nghề nghiệp gì khác. Trước nhân đói kém cướp ăn, sau vì chống cự quan quân nên sợ tội chưa dám đầu phục, đã cho thăm dò không phải là tụi to lớn và không có nơi đóng đồn tụ tập. Nay nếu tới dẹp, thời binh tới họ đi, binh đi học tới, chỉ cần nhiều cách dẫn dụ, họ tất quay đầu theo giáo hóa. Nếu có một hai tên ngoan cố, thời vỗ về tùng đảng đã quy phục sai bắt giải đón thưởng, hoặc chỉ dẫn vây bắt, cũng có thể loại bỏ được mầm ác". Lại nói: "Man Mèo từ trước không có qua lại quan phủ, không so sánh được như thổ dân, nên tới gần chỗ đó khai bảo mới dễ nghe theo, xin cho phái ủy người tùy liệu để chiêu dụ". Vua cho, và bảo nên mưu tính cho chóng xong để xứng đáng ủy nhiệm.

Năm thứ 23 (1870) đoàn mục là Lưu Vĩnh Phúc xin tới

Digitized by Google

vỗ yên, Huy Khởi đem việc tâu lên. Vua nói: "Vĩnh Phúc vốn cùng Hoàng Anh có cừu thù, khéo khuyến khích mà dùng, nhưng tính không thuần khó bảo, chớ nên quá vọng thành ra khó chế". Huy Khởi đã ở lâu Hưng Hóa, gặp giặc ngoài biên đây dẫy nên vỗ về chống chọi có phương pháp. Sau đó gia Binh bộ hữu tham tri sung tham tán đại thần, rồi lại về nơi nhậm chức. Năm thứ 28 (1875) tháng 2, vâng mệnh tới Kinh lý ở Thập châu [1]. Thập châu địa thế rộng dài vốn có tiếng đầy đủ giàu thịnh, quân lưu khấu phần nhiều thường dòm ngó. Huy Khởi đến chiêu dụ vỗ về, chia từng ban quân giặc ra hàng và vỗ yên thổ dân, mùa xuân năm sau mới xong việc. Năm thứ 33 (1880), thự Ninh Thái tổng đốc.

Huy Khởi về già đam mê đạo Phật, tự hiệu là bồ tát, ở Bắc Ninh trải vài năm xin về rồi chết, con là Khuê lĩnh hương tiến.

*

Ngô Phùng

Tự là Nguyên Trọng, người huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh. Viễn tổ là Phúc Thanh, khoảng năm Lê Hồng Đức (1470-1497) xuất thân khởi nghiệp là võ tướng, làm tổng binh trấn Thái Nguyên, trải 3 đời đều giữ ấn ở quận. Tổ 7 đời là Cảnh Hựu giúp nhà Lê diệt nhà Mạc (có công đầu) bậc thứ 8 đời trung hưng, phong Thái bảo Thế quận công, từ đó trải đời được công lao thế phiệt, nối nhau giữ uy tín. Ông là Phúc Lâm khoảng năm Cảnh Hưng (1740-1786) mới bắt đầu đỗ tiến sĩ phát về hàng giáp, làm đến thị lang bộ Công.

Phùng là cháu về ngành thứ, lúc nhỏ chăm học có tiếng văn hay, thường đi thi không đỗ, Thiệu Trị năm đầu (1841) được 37 tuổi mới đỗ hương tiến, tính ngay thẳng tự trọng, lúc đầu theo ra hậu bổ ở Hà Nội, đã lâu không được chuyển.

(1) Thập châu và vùng Tây bắc bao gồm Sơn La, Lai Châu, một phần Yên Bái, một phần Hòa Bình.

Digitized by Google

Tự Đức năm thứ 4 (1851), vua sai ông làm Kinh diên giảng quan, và cử những người có tiếng về học rộng tài cao, văn chương tao nhã và giỏi về thơ. Bấy giờ sung cử có 18 người, Phùng được dự về kỳ tuyển ấy. Khi ứng hạch hữu tư đem quyển dâng lên, vua phê các quyển ứng hạch, duy có Ngô Phùng là khá thông và Nguyễn Địch Giản (sau đổi là Tư Giản) là thứ, còn đều chưa đủ thâm thúy lấy được, nhưng đã sung cử cho điều bổ vào biên tu viện Tập hiền, sung làm khởi cư chú ở tòa Kinh diên, từ đó văn học được vua biết đến. Năm thứ 6 (1853) thăng lên trước tác, lĩnh thị độc ở viện Tập hiền, sai chuyên duyệt bài phú vịnh sử.

Năm thứ 9 (1856) do ốm có trần tình xin nghỉ trả hạn vì cha mẹ đã già, vua chuẩn cho lĩnh giáo thụ ở đạo Hà Tĩnh, để nhờ đó lấy lộc phụng dưỡng. Phùng đã về, vua thường sắc hỏi, kịp bài phú vịnh Sử đã thành, tiến lên vua xem, vua bảo lời lẽ cách thức được trội, ban thưởng gia cho.

Năm thứ 15 (1862) triệu bổ thị độc, thăng Quang lộc tự thiếu khanh, sung Quốc sử quán toản tu, rồi cáo ở chỗ làm quan. Thọ 59 tuổi, con là Liên đỗ cử nhân, trải làm Sử quán toản tu, nay chuyển bổ Lễ bộ thị lang, Cháu là Ngô Đức Kế mới đỗ tiến sĩ cập đệ.

*

Nguyễn Tường Phổ

Tự là Quảng Thúc lại tự là Hy Nhân, hiệu là Thứ Trai, người huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam. Cha là Tường Vân làm đến Binh bộ thượng thư (đã có truyện riêng), Tường Phổ lúc nhỏ khảu khỉnh lạ, khẳng khái có khí thức, học rộng nghe nhiều, ngoài chính Kinh ra, về kiếm thư cầm phả không nghề gì là không kiêm thông.

Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) đỗ tiến sĩ cập đệ, do Hàn lâm viện biên tu vào Các, rồi thăng tri phủ Hoằng An, có

Digitized by Google

tiếng liêm bình, duy tính thích cao thượng, đối với người phần nhiều không hợp. Bấy giờ nước Cao Man gây biến, ở tỉnh cần hương dũng 1.000 người, ông chỉ lấy 100 người tới ứng tuyển, bị thúc đốc bất lực phải cách lưu. Rồi lại khai phục đổi tri phủ Tân An, để tâm vỗ yên dân, có ai tranh kiện, đem lễ nhượng hiếu bảo thôi đi, nên ở phủ được vô sự, sau vì chính sách thu thuế vụng về phải biếm chức do bộ đổi bổ, rồi mắc bệnh xin về.

Tự Đức năm thứ 6 (1846) bổ giáo thụ ở Điện Bàn, chẳng bao lâu nhiếp biện ấn quán phòng ở Học chính. Về dạy người cốt thực bỏ hủ, trước nghĩa lý sau văn nghệ, tính cương mà khí hào, tự mình giữ kỷ luật rất nghiêm nên trách người quá nặng. Ông thường nói "ta bình sinh không hay khoan thứ cho người, nên đặt hiệu là Thứ Trai mà tự là Quảng Thúc đó là muốn châm biếm cái tính thiên lệch mà chưa được. Khi giảng dạy nhàn hạ, rèm buông nơi tĩnh viện, có ý tưởng tượng như tiên ở ngoài hình vật, lại thích uống rượu, mà uống phải say, ngồi ngoảnh trông tự hào rằng: "Vương Hiếu Bá có nói: danh sĩ không cốt ở tài lạ, cốt sao thường được vô sự, uống rượu thật thích, rồi đọc thuộc bài Ly tao [1], đó là danh sĩ". Một hôm có con chim bằng đậu ở giảng đường, ông bèn đối với bạn cố giao làm bài biên tập riêng. Bình sinh ông chỉ làm thơ, có nói: "ta không hay làm phú để cho rộng thêm, chỉ để lại quyển "thứ trai thi tập" thôi. Được vài hôm ông ốm đau rồi chết. Thọ 50 tuổi.

Anh là *Tường Vĩnh*, tự là Tử Tu, hiệu Cẩm Giang. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ phó bảng, do Kiểm thảo, sung giảng tập, trải quán các, chuyển án sát Định Tường, Khánh Hòa, từng thăng tuần phủ Định Tường, bị ốm chết ở chỗ làm quan. Con Tường Phổ là Tường Ấp đỗ tú tài làm đến đồng tri phủ. Là một họ làm quan có danh vọng ở Nam châu.

(1) Ly tao: tên Thiên Sở Từ mà Khuất Nguyên làm ra.

Digitized by Google

Trần Thiện Chính

Tự là Tử Mẫn, hiệu Trừng Giang, người huyện Bình Long tỉnh Gia Định. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) lĩnh hương tiến, trải hậu bổ Khánh Hòa, chuyển huấn đạo Long Xuyên, rồi bổ tri huyện, bị việc mất chức. Tự Đức năm thứ 12 (1859) thành Gia Định thất thủ, Thiện Chính cùng nguyên suất đội là Lê Huy tụ hợp dân dũng 5800 có lẽ ngăn chống quân giặc, bảo hộ đề đốc là Trần Tri về Tây Thái. Thứ thần [1] đem việc tâu lên. Vua khen cho khai phục nguyên hàm tri huyện, nhưng theo quân thứ sai phái, rồi thăng đồng tri phủ.

Năm thứ 17 (1864) thăng thị độc, lĩnh phó quản đạo ở Phú Yên, chẳng bao lâu cất lên Hồng lô tự khanh, biện lý công việc bộ Hộ, lại sung Kinh kỳ hiệp lý thủy sư. Vì thuyền đi tuần ra biển quá hạn, phải phạt bổng một năm. Năm thứ 19 (1858) phái tới Hương Cảng kén mua chiếc tàu thủy Thuận tiệp, bị mắc việc phải cách chức, rồi lại khởi phục Kiểm thảo, lĩnh tri phủ Hàm Thuận. Năm thứ 21 (1868) quản Hàn lâm viện là Vũ Phạm Khải cho là giỏi thơ đề cử lên cất bổ tu soạn sung chức ở Viện, được vài tháng cất lên Hồng lô tự thiếu khanh, biện lý công việc bộ Binh. Năm ấy đổi sung tán lý nơi quân thứ Sơn Tây, dẹp giặc ở đồn Mạn Hạ bị thất lợi phải cách lưu khá lâu. Đám giặc lại chiếm cứ hai đồn là Dò chợ, Trại đất, dựa vào hiểm trở cố chết giữ. Thiện Chính cùng hộ đốc Trần Bình đánh phá tan, cất Hồng lô tự tự khanh, nhưng vẫn sung chức. Sau vì cấp phát tiền lương không đúng lệ, cùng hút thuốc phiện, và cáo ốm để lấy vợ lẽ, việc phát ra, lại bị cách.

Năm thứ 26 (1873) chuẩn cho giả hạn, lấy hàm tán lý đi cùng với Thanh đoàn Lưu Vĩnh Phúc tới ngay Tam Tuyên thương lượng dẹp giặc, lại tiến dẹp ở Phù Ninh, thu lại huyện

(1) Thứ thần là những người làm quan ở quân thứ, cũng như tỉnh thần là quan ở tỉnh, bộ thần là quan ở các bộ, các thần là quan ở nội các v.v...

Digitized by Google

thành, cho khai phục hàm Hồng lô, hộ lý tuần phủ ở Ninh Bình. Năm thứ 27 (1874) bổ thị lang nhưng vẫn lĩnh tuần phủ. Rồi mất ở nơi ly nhậm. Bấy giờ 53 tuổi.

Vua nghe tin thương xót, chuẩn cho con đường đi, các tỉnh phái bất phu thuyền thủy lục tùy tiện đưa về kinh chỗ ngụ an táng.

Thiện Chính vốn có tiếng về làm thơ, trước tác những quyển "Trừng thi văn tập", "Nam hành thi thảo " và "Bắc chinh thi thảo". Con là Thiện Mai làm tri huyện Tuy Phong.

*

Nguyễn Oai

Khi trước tên là Thanh Oai, người huyện Phong Điền phủ Thừa Thiên, lúc nhỏ chăm học. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ tiến sĩ cập đệ, do Hàn lâm biên tu vào Các, rồi ra tri phủ Tuy An, có tiếng về hành chính; được ít lâu thăng thị độc, lĩnh án sát Thanh Hóa. Khi việc công rảnh rỗi, ông lấy dạy học làm vui, rồi chuyển tới hai tỉnh Hà Nội, Nam Định. Tự Đức năm thứ 13 (1860) thăng bố chính Hải Dương, gặp quân thủy phỉ là bọn Đoàn Ước, Tạ Phượng họp đảng quấy nhiễu cướp bóc, Oai không hay phòng chế, phải chuyển làm biện lý bộ Hình, chẳng bao lâu cất lên thị lang. Khi quân thủy phỉ đã bình, các đồn biển ở Hải Dương, người buôn nước Thanh đến đông đúc tụ họp, Oai tâu nói: "việc cấm chỉ thuyền buôn nước Thanh có 3 điều hại: một là gạo trong nước bị lén lút đưa đi mà thuế cảng hao thiếu, hai là người làm ruộng bị thất lợi mà cày cấy sinh lỗ hại, ba là dân buôn không chỗ trông mong tư cấp, cùng khổ làm gian là ba điều. Mà cho chiêu tập thuyền buôn nước Thanh thời có 3 điều lợi: một là cho cùng nhau đổi chác, liệu định thu thuế, hai là người làm ruộng ra sức cày cấy mà chỗ bỏ hoang ngày một mở mang, ba là người buôn có chỗ tư cấp không phải làm gian dối, mà từ trước đã xảy chân nay lại có con đường về, hoặc rút lui làm dân buôn,

Digitized by Google

hoặc tản mát làm nghề bẻ lái, chẳng vỗ yên chẳng đánh dẹp mà yên định" Vua cho là phải, lục giao cho tỉnh Hải Dương biết mà làm, vì Oai đã tới nơi đó xét kỹ tình hình rồi, rồi thự tham tri.

Năm thứ 19 (1866) đổi tuần phủ Thuận Khánh, bấy giờ 6 tỉnh Nam kỳ mới bắt đầu bị ngoại thuộc, tỉnh Bình Thuận cùng các tỉnh lân cận mọi người đều ngờ sợ, Oai hay trấn tĩnh cả, trong khoảng 6 năm việc lên hiếu không còn nói ra vào nữa. Năm thứ 25 (1872) tiến thự Hình bộ thượng thư, gặp lúc Bắc kỳ có báo động ở ngoài biên, quan quân đánh dẹp lâu chưa bình đình, đổi làm thự Ninh Thái tổng đốc kiêm sung trông coi việc quân và đồng suất cả việc quân ở Ninh, Thái, Lạng, Bình. Năm thứ 27 (1874) đánh dẹp chưa xong, cách trị cả việc quân ở Lạng Bình. Năm thứ 28 (1875) vua cho Oai ở Bắc Ninh đã lâu, chi phí rất nhiều mà chưa có tấc kiến hiệu nào, bắt giải chức, tạm cho hàm thương biện Thái Nguyên thứ vụ, để mưu kiến hiệu sau này. Liền mắc bệnh xin về rồi chết.

Oai có tính khoan bình hòa dị, thường giữ hiến pháp trong nước, thấy kẻ lại làm tờ có ý thâm thiểm, tất trách móc tận mặt và bảo: "ta trị ngục dẫu không dám bảo là vô oan nhưng gốc chỉ có một lòng bất nhẫn thôi". Khi tuần phủ Thuận Khánh, thổ tục hạt ấy không lấy quan quách chôn bố mẹ, ông thấy mà thương đứng quyên bổng mua quan tài sai người đứng chủ quản, gọi tên nơi đó là phường Xuân Thọ, vì có bụng từ thường na ná là như thế. Khi phụng mệnh đi thị sư vua có làm bài thơ cho rằng: "Khẳng hứa ngoan dân du Hán tái, Mạc phiên lân quốc phú Tuân phong, bắc môn tỏa thược tòng kim cổ, tiên khải hoàn tham hậu kính công" (Nghĩa là: Há để ngoan dân qua ải Hán, Không phiên lân quốc chịu tôi Tần, Bắc môn then khóa từ nay vững, Khải tấu rồi sau sẽ xét công). Đủ rõ việc biên giới ngoài bắc, nhà vua vẫn

Digitized by Google

thường để ý, nhưng đám thổ phỉ ra vào nơi rừng rú, nặng nề sơn lam chướng khí, lúc hàng lúc phản vỗ về đánh dẹp đều khó, nên không thành công rất là đáng tiếc. Khi chết vua thương khó nhọc, truy phục cho Hồng lô tự khanh. Con là Hà Hiệp cũng đỗ hương tiến.

*

Mai Anh Tuấn

Tự là Lương Phu, người huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa. Tổ 8 đời là Châu đương lúc nhà Lê trung hưng lấy võ tướng khởi nghiệp, bổ làm phụ quốc công thần Toàn quận công, từ đó trở về sau đời đời được công lao thế phiệt, đến tằng tổ là Chuẩn đỗ tiến sĩ cập đệ đời Vĩnh Khánh (1729-1732) Lê Duy Phường, làm Binh bộ thị lang Hương lĩnh hầu. Tổ là Mông làm đông bình chương sự. Cha là Trinh tránh loạn Tây Sơn, ẩn cư di dưỡng chí khí, đến quốc triều đầu năm Gia Long ra ứng, đầu về chân dật sĩ, bổ tri huyện Thanh Trì, có tập thơ "Mong trai" truyền bá ở đời.

Anh Tuấn lúc nhỏ đọc sách qua một lượt là thuộc tuổi mới 20 đã có tiếng về văn. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh. Anh Tuấn khi trước tên là Thế Tuấn, tới lúc đỗ, vua mừng được người cho tên là Anh Tuấn, lại cho bài thơ để tỏ yêu dấu. Lúc đầu bổ Hàn lâm viện trước tác, sung Nội các bí thư sở hành tẩu, chuyển thị độc, rồi đổi thị độc học sĩ sung biện công việc Nội các. Tự Đức năm đầu (1848) quan ở Việt Đông [1] là Ngô Hội Lân nhân gió bão phiêu dạt tới cửa biển nước ta, vua chuẩn cho đưa văn tới lưỡng Quảng sai phụ đáp thuyền buôn về nước, Lễ Hộ hai bộ chiếu lệ trước, xin phái quan thuyền đi hộ tống, đem nhiều thóc gạo và gỗ có tiếng để đẩy thuyền, lại 20.000 lạng bạc của công để dự bị kiếm mua hóa vật ở chợ.

(1) Quảng Đông, Trung Quốc.

Digitized by Google

Anh Tuấn cho nhà vua mới nhiếp chính, muốn ngăn cái mầm xa xỉ, dâng sớ nói thống thiết về việc đó, đại lược rằng: "về khoản sang Việt Đông đã được đình chỉ, trong ngoài đều biết, nay lấy việc cứ động thương kẻ mắc nạn để hòa mục lân bang mà kèm chuyến đi doanh thương mua bán đổi chác, thời lấy danh nghĩa đưa đi mà đem hóa lợi trở về, không rõ người nước láng giềng sẽ gọi cái thuyền ấy là thuyền gì? Vả nay con đường Lạng Sơn quân lưu khấu lan tràn đã có hàng tuần, tờ biên thư lại tới mà đương sự thời bất nhất. Nghĩ tới đó chỉ sinh ngờ ngẩn cho một nạn thường. Thiết tưởng việc làm trái ngược chưa đáng là nghĩa. Xin những hóa vật này cho đi theo thuyền đem mộ thưởng cho chiến sĩ để quét nhanh đám giặc "ngoài biên". Tờ sớ tâu vào, vua giáo xuống bộ Lại bàn tội, các đại thần liên tiếp dâng tớ xin khoan tha cho. Vua bèn trách nhẹ, rồi ra làm án sát sứ ở Lạng Sơn. Bấy giờ thế giặc đang bành trướng, người phần nhiều lấy làm nguy, Anh Tuấn vào bái mạng, tức thì tới nhận chức, mới được hơn một tháng đã đánh được giặc ở Hữu Khánh, được chỉ khen ngợi, nhân dâng sớ: "Xin đình việc lưu quan, bãi việc chuyển vận rèn tập thổ dõng để thư sức cho dân, và ngầm bài xích thế giặc". Sau đó giặc đo đường Tiên Yên nhòm ngó Lộc Bình. Anh Tuấn cùng chưởng vệ là Nguyễn Đạc đem quân tới đánh đuổi đến Yên Bác, giặc lui giữ Thiết Khê, Anh Tuấn bàn nên dừng binh để xem thế giặc, Đạc không theo cứ đánh trống tiến đi, Anh Tuấn sợ Đạc tiến một mình không có cứu viện, cũng đem quân sở bộ kế tiếp tiến đi. Tiên quân đã vào nơi hiểm địa bổ vây trại giặc ở dưới núi, giặc bỏ trại lên núi, Đạc thúc quân tranh nhau lên núi. Giặc lăn đá ném loạn xạ như mưa, khổ chiến được một lúc, chân Đạc bị thương rồi giặc gia hại. Anh Tuấn trong khi đi, nghe tin tiền quân bất lợi mà Đạc đã chết, chúng đều ngăn lại bảo tiến cũng vô ích, Anh Tuấn nói; "Đạc dẫu chết, tản binh còn ở trong núi, ta nếu không tới thời vào hết trong tay giặc." Bèn tới men núi thấy

Digitized by Google

bại binh ở trong rừng rậm dần dần lại về tụ hợp. Quân giặc lan tràn đây rẫy núi hang thừa thế mà đánh giết, Quân Tuấn địch không nổi bèn vỡ chạy, giặc vội đến tranh nhau che lấp, Anh Tuấn lấy gươm đâm bèn bị hại. Bấy giờ là ngày mồng 6 tháng 4 năm Tự Đức thứ 8 (1855). Việc đến tai vua, vua cảm động thương xót, thân bảo thị thần vì đó thở than chảy nước mắt, truy tặng Hàn lâm viện trực học sĩ, sai hữu tư hỏi thăm người mẹ.

Anh Tuấn là con người mẹ kế, gặp khi phong tặng, trình bày, vua chuẩn phong cho mẹ cả. Sau khi Anh Tuấn chết vua suy nghĩ sau cùng bàn phong cả mẹ đẻ, còn con thời ghi tên sẽ lục dụng.

Anh Tuấn ngày thường cùng với người ta hòa nhã dễ dàng mà thờ vua lấy điều trung can ngăn, khi lâm sự chí giữ nghĩa, nơi sở tại không vì ở ngoài rừng mà não loạn. Sau khi chết sĩ phu đều tưởng nhớ phong tiết, mà tỉnh thành Lạng Sơn vì đó dựng đền thờ.

*

Vũ Văn Tuấn

Người huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh [1]. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ tiến sĩ cập đệ, lúc đầu bổ Hàn lâm biên tu, đổi tri phủ Hà Trung. Tuấn là người bình dị gần dân, khi công hạ cho các trò tới giảng tập, thường đến vài trăm người. Tự Đức năm đầu (1848) triệu bổ thị giảng sung sử quán biên tu, khi dẫn ra mắt có trình bày trong bản tâu là: xin cho thuế ruộng ở Tống Sơn được chiết nộp thay tiền và cho triệt lính đóng thú ở ụ Trấn man". Vua theo. Năm thứ 5 (1852) bổ thị độc sung phó sứ sang Yên Kinh, trải 3 năm mới về nước, vua gia thưởng lạo (lời nói thấy ở truyện Phan Huy Vịnh), rồi cất thị giảng học sĩ. Năm thứ 10 (1857) đổi án sát

(1) Nay thuộc Hà Nội.

Digitized by Google

sứ Hưng Hóa, mắc việc phải giải chức theo quân thứ bắt giặc, rồi ốm chết, truy thụ Thị độc.

Khi trước Văn Tuấn ở Hà Trung có huệ chính, sau dân dựng đền thờ. Con là Hy trải bổ tri huyện.

*

Đỗ Phát

Tự là Tử Tuấn. Tiên tổ là người tỉnh Thanh Hóa, đầu năm Lê Hồng Đức 1470-1497) cùng với người làng tới nơi Quần Phượng ở bờ biển Sơn Nam dựng ấp khai khẩn ruộng nương, rồi làm nhà ở đó. Phát sinh ra sáng suốt khảu khỉnh, tuổi 20 học thuật càng tiến. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ tiến sĩ cập đệ, bổ Hàn lâm viện biên tu, vì cha mẹ già, cáo từ xin về phụng dưỡng. Tự Đức năm đầu (1848) khởi bổ tri phủ Ứng Hòa thăng đốc học Nghệ An. Sĩ tử theo học kể có hàng nghìn, rồi nội chuyển làm Quốc tử giám tư nghiệp, vì ốm xin về nghỉ. Gặp báo động có giặc ở đông bắc, triều đình cho ông ở lại làm thương biện tỉnh ấy, đem tráng sĩ đã mộ được phụ giữ bờ biển.

Năm thứ 17 (1864) cất làm Quang lộc tự thiếu khanh sung Sử quán toản tu, rồi lại chuẩn cho về tỉnh ấy làm thương biện kiêm kinh lý những ruộng bỏ không ở Hải Hậu huyện Giao Thủy, rồi tiến lên hồng lô tự khanh, sung Nam Định doanh điền phó sứ, kiêm thương biện công việc đê phòng ở ngoài biển, được ít lâu cho triệu đổi làm Quốc tử giám tế tửu, lại tái xuất làm doanh điền phó sứ kiêm sung tuần phòng ngoài biển.

Năm thứ 26 (1873) thành Nam Định thất thủ, Phát có dự làm công việc tuần phòng ngoài biển, đáng nhẽ phải trói đưa về kinh, vua chuẩn cho ở lại và khéo vỗ về tụ họp sĩ dân theo tỉnh sai phái ủy nhiệm, cố ra sức chóng trừ quân giặc biển để chuộc lỗi trước. Sau đó bản án dâng lên phải đánh

Digitized by Google

trượng đi đầy. Con là Bỉnh Thành dâng tờ xin chịu thay. Vua gia ơn cho chuộc tội phải miễn chức, rồi lại khai phục biên tu sung việc biện điển, lại lĩnh doanh điền sứ. Năm thứ 35 (1882) tuổi đã 70 xin về hưu, vua cho. Thành Thái năm đầu (1889) khai phục hồng lô tự khanh, lại cho tuổi cao có đức vọng tiến bổ thị lang, rồi cho trí sự. Khi mất thọ 81 tuổi.

Khi trước tỉnh Nam Định, cát ở biển ngày một đầy dẫy, thành nơi bỏ hoang trông không bờ bến, Phát trước sau làm doanh điền sứ đứng chiêu tập những nhà thực hộ. Khách hộ cho khai khẩn được thành ruộng mà sau khi niên hạn đã nhất định đầy đủ phải nộp thuế tính ra 10.000 mẫu có lẻ, nhân đinh đổ về sum họp lập thành những ấp: Quế Phương, Trung Phương, Trùng Quang, Thanh Trà, Doãn Đông và Lộc Trung đều sầm uất thành thôn xóm, người đều được nhờ. Con là Bỉnh Thành đỗ hương giải, bổ giáo thụ, trải thăng hàm trước tác.

*

Phạm Phú Thứ

Tự là Giáo Chi, hiệu là Trúc Đường biệt hiệu là Giá Viên, tiên tổ từ Bắc sang, lệ thuộc vào sổ ở huyện Diên Phước tỉnh Quảng Nam. Phú Thứ mẹ chết sớm, nhà nghèo chăm học, cùng với anh là cử nhân Phú Duy thờ cha mẹ rất hiếu. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ tiến sĩ cập đệ, lúc đầu bổ biên tu, trải tri phủ Lạng Giang, thăng thị độc, vì có tang cha mẹ nghỉ chức, khi hết trở sung Kinh diên khởi cư chú. Tự Đức năm thứ 3 (1850) bấy giờ nhân mưa rét, thấy nhà vua nào bãi triều, nào nhà Kinh diên cũng ít ra ngự, Phú Thứ dâng sớ can lược rằng

"Lễ đại đình ít thấy ra triều thị, nhạc nội uyển kèn trống suốt cả đêm, nhà Kinh diên lâu không tới giảng, chốn triều đình lâu không ban hỏi, thần tử ở bốn phương phủ huyện cũng lâu không được thừa chỉ thanh vấn. Lại nói: thái y

Digitized by Google

phương thuốc điều hòa, thực cũng quá ư nghệ thuật, quần thần dâng sớ thỉnh an, vì tình khuất cả lời nói". Lời lẽ trong tờ không còn kiêng sợ, na ná là như thế.

Vua cho lời nói khí quá khích, răn bảo không nỡ bắt tội, đình nghị cho là hủy báng định bắt đội đồ, nhưng giảng quan và ngôn quan xin khoan tha cho. Vua bảo: trẫm không nỡ bỏ, nhưng răn về nóng bậy quá, bèn bắt đi phối làm thừa nông dịch (chạy trạm về việc canh nông). Được đầy năm lại khởi phục làm điển tịch, phụng mệnh phái sang đông, rồi bổ tri phủ Tư Nghĩa. Địa giới phía tây phủ có bức lũy dài, đất không màu mỡ dân lại nghèo, Phú Thứ theo bậc lại trị khi xưa, khuyên lập kho nghĩa thương hơn 50 sở để dự bị chẩn tế. Dân lấy làm tiện. Chuyển ông làm viên ngoại lang bộ Lễ. Gặp quân ác Man ở Thạch Bích thuộc Quảng Ngãi làm rối loạn, quan quân tiến dẹp. Vua cho Phú Thứ trước đây có nhậm chức ở phủ Tư Nghĩa tình thế am hiểu phái đi theo quân thứ, Phú Thứ đem chi nhánh đánh phá trại Man ở Nước Dừa, dẹp yên. Trải thăng án sát sứ ở hai tỉnh Thanh, Hà rồi vào tham việc Các.

Năm thứ 12 (1859) vì ốm cáo, vua sai người ban cho sâm quế thuốc men, Phú Thứ lại vì cải táng ngôi mộ bố xin về quê. Vua nói: "người nếu muốn mưu báo đáp thời ngày còn dài, trẫm không trách về chóng mong kiến hiệu, cấp cho 20 lạng bạc bảo về, khi tới kinh tâu xin các việc: đắp đê khơi sông và tuần phòng huấn luyện ở Quảng Nam được cất làm thị lang bộ Lại, rồi thự tham tri.

Năm thứ 16 (1863) chủ súy Pháp ủy phái người tới báo về kỳ đi sứ, vua sai sung làm khâm sai đại thần tới Gia Định cùng với nguyên sai là Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp[1] cùng đi giảng thuyết. Vì không công trạng phải giáng một cấp được lưu. Lại sung phó sứ sang Tây cùng với chánh sứ Phan

(1) Cũng có thể đọc là Lâm Duy Hiệp.

Digitized by Google

Thanh Giản và bồi sứ Ngụy Khắc Đản cùng đi, kịp lúc về có dâng 2 tập: "Tây hành nhật ký" và "Tây phù thi thảo" mà tự trước tác ra.

Vua xem có cảm động, và làm một bài thơ để ghi có câu rằng: "lịch thiệp dĩ thân nam tử chí, mẫu thời vị tất phó không chương" (nghĩa là: thỏa chí nam nhi khi lịch thiệp, lo thời chưa chắc để tờ không). Rồi đổi bổ tham tri bộ Lại.

Năm thứ 18 (1865) tiến thự Hộ bộ thượng thư sung Cơ mật viện đại thần, có mật xin đặt 4 tuyên phủ sứ ở các địa đầu: Về Quảng Trị thì ở 9 châu Cam Lộ, về Bình Định thời ở nơi cùng cực về địa giới phía tây trên tổng An Tây, về Nghệ An thì ở phủ Trấn tây; về Hưng Hóa thời ở phủ Điện Biên [1] xây thành làm trường giao dịch chợ búa, ngoài sửa thuế thương chính mà ngụ ý về quân chính. Lại xin lập thổ tù đời đời được tiếp tập mà liệu đánh thuế khiến cha anh con em họ cùng nhau ngăn giữ. Đình thần cho lời trình bày thực có ý kiến làm mạnh vững nơi biên phòng, xin mật tư cho các tỉnh rõ xét rồi phúc lại, nhưng việc rút cục không thành.

Năm thứ 26 (1873) vì Hộ giấu lỗi rồi về hóa vật của nhà nước, phải giáng thị lang, rồi khai phục tham tri, vẫn thự thượng thư.

Năm thứ 27 (1874) ở Bắc kỳ mới mở nhà thương chính, các nước tới họp đông đúc, qua lại thành thù ứng, sự thể nặng nề; vua cho Phú Thứ am hiểu, và tài cán lão luyện, từng dự vào khu phủ, biết rõ trước sau, đổi thự Hải Dương tổng đốc, kiêm sung tổng lý thương chính đại thần. Phú Thứ nhân xin về quê thăm viếng một tuần, vua cho, và dụ rằng: "Phú Thứ nhà như không nghèo, nhưng làm bồi thần gần nơi khu mật đã lâu, nay nhân việc gấp, lại về quê thăm hỏi, cho bạc 10 lạng và bạc nén 10 nén, để tỏ thể tất thù lao và khuyến liêm. Ngươi đem về cung việc tế tự rồi chia cho họ hàng để

(1) bản khắc gỗ là Điện Bàn, xin đổi là Điện Biên.

Digitized by Google

vinh dự được vua ban. Hôm tới nhậm chức giữ một lòng công bằng thanh bạch, chớ bắt chước sáo hủ tục để phụ việc học và lời nói là được". Khi vào kinh ông dâng sớ nói: "những nơi giáo hạt ở Hải An, chính nên cần phong khẩn thiết, nếu dựa vào người tỏ ra đã quá hèn yếu. Gần đây các tài tướng ở đất bắc duy có Tôn Thất Thuyết và Ông Ích Khiêm là tương đối trội. Nay Ích Khiêm cáo bệnh về nhà. Thần khi về quê có ghé thăm hỏi, thời nói: "bệnh cũ ngày một giảm, răng ngựa năm một lớn, không ra mưu toan báo đáp, là người phụ ân phụ cả tâm" Vậy xin gia ơn chuẩn cho theo thần tới quyền cấp cho hàm tướng đốc, để được hiệu báo, may ra nhờ uy linh có thể được ít việc để thần chuyên tâm việc dân chính. Đó là thần theo thể đức ý của nhà vua, nghĩ tỏ trong bổn phận của mình đâu dám lấy tình riêng nơi chân lý, mà vì họ được có chỗ tác thành".

Vua nói: "Ngươi giữ chức tham bồi đã lâu, gặp việc nên biết kỹ. Nay tới đó vỗ yên phòng bị cốt được vững mạnh mà việc thương chính có quan hệ lớn, nên thi thố tài mưu làm cốt có lợi không hại, mà phải giữ bụng cố gắng lấy tiết tháo cho công bằng trong sạch. Bụng đã sáng suốt thời việc đều biến đổi xứng đáng cả. Còn Ích Khiêm như đã đổi hết lỗi trước, giao cho ngươi thiện hóa thêm, nhân cho bài thơ để cố gắng lên. Thơ rằng:

Phiên âm: Lưu hầu trạng mạo cự khôi ngô,
Cấp ngọa Hoài dương bệnh bất cồ.
Tuyền dũng chư thương nhiêu quốc phú,
Băng tiêu quần đạo tỉnh quân nhu.
Thanh vân tảo đạt ưu nhưng học,
Bạch tủ không đàm mạn tự nho.
Đông hải hùng phong như tán tích
Bản tào trùng tán Quảng Di Ngô.

Dịch nghĩa: Trạng mạo lại khôi ngô,

Digitized by Google

Cất nhắc người Hoài bệnh chửa lui
Suối mạnh nghề buôn gây quốc phú
Váng tan bọn giặc, đỡ quân nhu.
Đường mây sớm đạt nhưng còn học,
Tóc bạc bàn suông tự ngạo mình.
Gió mạnh biển đông công trạn tấn.
Hộ Tào lại nức tiếng Di Ngô.

Lại chuẩn cho họa lại dâng lên và ban cho 2 chi thượng hạng kim cương toàn sâm cùng một bình chè thượng hạng bích loa (hình con ốc màu biếc) ở Quan Đông (đều là của sứ bộ sang Thanh mua về), cùng dụ rằng: đó là đương chỗ giữ trọng nhiệm nhiều việc nguy kịch nên không quên."

Phú Thứ khi đi đường qua Thanh Hóa có hỏi biết Phan Đức Trạch trước khi làm niết sự ở Thanh (bấy giờ lĩnh bố chính ở Nam Định) làm việc phần nhiều không đúng, có tờ mật phong tâu lên. Vua giao tờ ấy xuống viện duyệt lại. Khi ông tới tỉnh, thì tỉnh thành sau khi binh hỏa dinh thự đốt phá, làng ấp tiêu điều, khi trước có bàn đặt nha thự để khai trương việc tuần phòng ở biển, đều chưa xây dựng. Phú Thứ ngày cùng phó viện mới là Nguyễn Tăng, Nguyễn Đa Phương mưu xếp đặt công việc dần dần đã có manh mối; gặp lúc đê huyện Văn Giang tỉnh Bắc vỡ, nước lụt tràn cả 2 phủ Bình Gianh Ninh Giang thuộc Hải Dương, dân đói phiêu lưu tản mát tới tỉnh đợi chuẩn kể có hàng vạn mà kho không còn của để. Phú Thứ xin phân trích ở kho gạo Hưng Yên 5 vạn phương phát chẩn cho, lại cho dân cầm cố đồ đạc cấp cho nhà có của. Lại phái thuộc hạ đem những người khỏe mạnh tới huyện Đông Triều cày cấy khai khẩn sinh sống, chờ khi nước xuống cho về làng mục, dân nhờ đó mới sống. Khi nha thự về thương chính đã xong, hội đồng lãnh sự mở cảng chiêu thương, một dải sông Cấm thuyền xe tụ họp đông đúc thành ra nơi lạc thổ.

Digitized by Google

Năm thứ 29 (1876) chuẩn cho được thực thụ, Phú Thứ lại xin đặt trường mua gạo ở chợ An Biên huyện An Dương và xã Đồ Sơn huyện Đông Triều, cho dân mua gạo và đánh thuế. Bấy giờ sở thương chính mới mở, quân giặc biển chưa hết. Như đảo Cát Bà ở Quảng Yên [1] trước vẫn là nơi sầm uất ra vào của giặc và lưu dân Khâm châu tới ở đó phần nhiều càn gỡ ngang ngược; vua chỉ việc quan hệ tới phong cương, sai Phú Thứ phái xét tình trạng, nên đánh dẹp nên vỗ về tùy liệu khu xử. Phú Thứ tức thì phái thương biện là Lương Văn Tiến tới hiểu dụ, lưu dân đều yên nghiệp, bèn đặt bang trưởng và đầu mục cho khai danh sách chịu thuế thành ra biên hộ, một hạt Quảng Yên tạm được yên lặng.

Năm thứ 31 (1878) thăng thự hiệp biện đại học sĩ, vẫn lĩnh tổng đốc. Trước đây tên thổ phỉ nước Thanh là Lý Dương Tài chia quân quấy nhiễu 2 tỉnh Lạng Bắc mà huyện Đông Triều và Nam Sách cùng đó tiếp cận, đã tâu lên. Vua chuẩn cho Đông Thành đề đốc là Tôn Thất Hòe đem quân 500 người chia đồn đóng giữ; đến bấy giờ lại tâu nói, lính ở lâu chi phí rộng mà nhân hạ sinh trễ nải. Xét ra nơi đó ruộng đất bỏ hoang nhiều đến 21.800 mẫu có lẻ, xin cho đặt nha phòng khẩn, vừa phòng thủ, vừa khai khẩn, khiến người và đất chịu đựng được lâu, trông thấy mưu toan được vĩnh viễn và trình bày mọi việc nên phòng khẩn". Vua cho đó cũng là việc hưng lợi trừ hại, y lời xin cho thi hành. Tháng 11 năm ấy gặp tiết trời mưa rét, sai người đem cho 10 chi sâm dụ bảo cái ý keo sơn.

Năm thứ 32 (1878) gặp thất tuần khánh tiết của Nghi Tiên Chương hoàng hậu, xin về lạy mừng, vua cho và chuẩn cho Lê Điều đến thự thay. Rồi vì quân buôn giảo quyệt khởi xướng phao đồn, đem việc mật tâu lên, lại chuẩn cho ở lại làm việc. Sau đó viện bạc thần tâu nói: "Phú Thứ cùng với

(1) Nay thuộc Hải Phòng.

Digitized by Google

thủ lĩnh Pháo tình không hòa hợp nên có lời trách móc. Đại lược gạo xuất ra cho người buôn của Pháp thời nghiêm cấm mà ở người Thanh thời thường buông tha. Ở tỉnh Ninh Hà thời nghiêm cấm mà ở Trà Lý, chỉ một nơi đó là cho. Đều do Đông đốc [1] làm cả, xin lựa phát người khác thay. Vua cho họ là lời lẽ có một mặt, không chuẩn cho thay đổi, chỉ mật dụ nghiêm trách để đổi lỗi ra sức mà làm, khiến cho yên lặng tình hình buôn bán và hết lời nói phao lên. Không thế sẽ kết tội gây biến, gặp Khâm phái ngự sử là Dương Quản lại cho hạt ấy phần nhiều có người buôn nước Thanh chở trộm gạo và viên giám đốc việc tuần phòng ngoài biển là Lương Văn Tiến (anh em họ ngoại với Phú Thứ) cậy thế chở gạo ra ngoài quốc v.v... thanh minh tâu lên. Vua sai nguyên chuẩn cho thự đốc là Lê Điền đổi sung Khâm sai tra xét, Phú Thứ mắc bệnh xin về kinh chữa thuốc và đợi án; Điền lại tâu xin cho ở lại vài tháng để giúp được am hiểu, vua cho.

Năm thứ 33 (1880) về kinh yên đợi. Khi bản án dâng lên, vua chuẩn cho giáng làm quan lộc tự khanh, lĩnh tham tri bộ Binh, rồi ốm xin về. Năm thứ 34 (1881) thời mất, bấy giờ tuổi được 62, tỉnh thần tâu lên, vua thương tiếc dụ rằng: "Phú Thứ kinh lịch nhiều khó nhọc, đi đông sang tây, dẫu yếu đuối cũng vâng mệnh không dám từ chối. Về việc tới trông coi Thương chính ở hải Dương, khi tới nơi công việc đều có manh mối, sau này nên lấy đó noi theo. Những lưu dân gian phỉ chứa ác ở Quảng Yên, ông tới kinh lý cũng được yên. Rồi mở đồn điền ở Nam Sách, thực là lo xa chu đáo, đó là công cán ngày thường rực rỡ đáng nêu. Gia ơn cho truy phục nguyên hàm thự hiệp biện đại học sĩ và chuẩn cho thực thụ cũng sắc cho địa phương tới tế 1 tuần" Đủ thấy quyến luyến chú ý là như thế.

Phú Thứ khi xưa tên là Phú Thứ, ngày đỗ tiến sĩ được

(1) Đông đốc là Tổng đốc tỉnh Đông.

Digitized by Google

vua ban cho tên như ngày nay về văn học tài biện thực là đứng đầu ở Nam châu. Vua khi nhàn hạ có đàm luận về văn chương. Thường nói: "văn của Khắc Đàn theo cổ nhưng cứng, văn của Thanh Giản cũng theo cổ nhưng nhã, còn Phú Thứ chưa nhã cứng lắm nếu cố gắng cũng thế". Ngày làm tổng đốc Hải An có quyển khắc các sách như: "Vạn quốc công pháp", "Bắc vật tân biên", "Hàn hải kim châm", "Khai môi yếu pháp", "Tòng chính di quy bản thảo" và tự làm bài tựa gồm các yếu lược. Đó là muốn cho những người có chí được rộng kiến văn để bổ ích chothực dụng. Vả ai dẫu làm quan xa mà tình trạng chốn quê quán chưa từng không quan tâm. Như khi ở Hải Đông, hạt Quảng Nam luôn năm đói kém, mà việc tuần phòng ở ngoài biển thì gạo cấm khá nghiêm, bèn thương lượng tạm bỏ điều cấm, hoặc quyền nghi cho thuyền chốn người Thanh, người Kinh đáp chở gạo bắc về Quảng Nam phân tán phát mại. Ông còn bỏ liêm bổng ra mua 1.000 phương gạo gửi về chia ra phát chẩn cho dân đói ở huyện hạt, nhân đó cứu sống được nhiều người, đến nay người vẫn còn nhớ. Ông có viết quyển "Tây hành nhật ký", "Tây phù thi thảo" và "Giá viên thi văn tập" truyền bá ở đời. Con có 4 người: Phú Tường đỗ tú tài ấm bổ tu soạn, lĩnh tri phủ Quảng Trạch, mắc tội về làm lang biện trông coi công việc khơi sông ở tỉnh mình, Phú Khanh làm bát phẩm ở Khánh Hòa, Phú Khang bổ Hàn lâm viện biên tu, bị ngụy đảng bắt giữ, tặng trước tác và Phú Lẫm làm bang biện ở huyện Hòa Vang.

*

Phạm Hữu Thước

Tự là Dưỡng Hối, người huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) lĩnh hương tiến, lúc đầu bổ tri huyện Yên Lập, trải bổ đồng tri lĩnh tri huyện Quế Hương, thăng tri phủ Trường Định. Tự Đức năm thứ 10 (1857) triệu bổ giám sát ngự sử lĩnh Hình khoa chưởng ấn cấp sự trung,

Digitized by Google

đổi án sát Quảng Yên, mắc việc bị cất chức, theo quân thứ ở Hải An. Sau lại chuyển tới Lang Bình, chưa chất công lao được khai phục, dần dần làm đến thị giảng, sung tán tương quân vụ, lại cùng với giặc giao chiến bị thất lợi phải cách chức hiệu lực. Rồi từng sung việc trông coi vận chuyển dẹp bắt có công, bổ Hàn lâm biên tu. Năm thứ 32 (1878) được thị độc lĩnh bố chính sứ Tuyên Quang, rồi ốm chết. Thọ 60 tuổi, tặng thị độc học sĩ.

*

Hoàng Thiện Trường

Khi trước tên là Trọng Nguyên, người huyện Hương Thủy phủ Thừa Thiên, Thiệu Thị năm thứ 7 (1847) đỗ tiến sĩ cập đệ. Tự Đức năm đầu (1848) do Hàn lâm biên tu thự tri phủ Tuy Phước, rồi vào làm giám sát ngự sử ở đạo Thanh Hóa, đổi thị độc sung giáo tập ở nhà Tôn học. Năm thứ 8 (1855) chuyển làm lang trung bộ Lễ, quyền nhiếp tá lý Tôn nhân phủ. Năm thứ 10 (1857) ra làm án sát sứ ở Định Tường, chẳng bao lâu thự bố chính sứ Nam Định, quyền chưởng ấn Định An tổng đốc quan phòng. Năm thứ 12 (1859) đổi bổ Thái bộc tự khanh, biện lý bộ Binh. Mùa đông năm ấy gia hàm Lễbộ thị lang, sung sang sứ nước Thanh, rồi vì nước Thanh có việc không đi được, vẫn giữ biện lý bộ Binh như cũ. Năm thứ 16 (1863) bổ thị lang lĩnh Lễ bộ tham tri, lại chuyển sang bộ Hộ, kiêm quản ấn triện đô sát viện. Mất ở chỗ làm quan. Cháu lấy làm con là Trọng Từ, Minh Mạng năm thứ 19 (1838) đỗ tiến sĩ làm đến án sát Quảng Nam.

Lại *Dương Phúc Vịnh*, người huyện Phong Điền, xuất thân đỗ phó bảng, Tự Đức năm đầu (1848) bổ đông tri phủ ở Nghĩa Hưng. Năm thứ 7 (1854) đổi ngự sử đạo Hải An. Năm thứ 9 (1856) thự Binh khoa chưởng ấn, rồi chuyển án sát sứ ở Bình Định. Năm thứ 14 (1861) cất lên Binh bộ thị lang, hộ lý Ninh Bình tuần phủ quan phòng. Năm thứ 17 (1864) thì chết.

Digitized by Google

QUYỂN 35

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXV

- Lê Sỹ
- Trần Đình Túc
- Nguyễn Tấn
- Nguyễn Văn Phong (em: Văn Nhã)
- Nguyễn Văn Vỹ
- Nguyễn Tư Giản (con là Kham)
- Văn Đức Khuê
- Phan Đình Tuyên
- Phạm Ý
- Phan Trung

*
* *.

Lê Sỹ

Người Phong Lộc tỉnh Quảng Bình. Trước do chân Anh danh được phái đi theo Trấn tây quân vụ. Thiệu Trị năm thứ 3 (1837) bổ làm suất đội Hổ uy Hữu vệ đội, có nhiều công được cất lên chức Thành thủ úy, sung Quảng Nam tả cơ hiệp quản. Tự Đức năm đầu (1848), bổ Tả bảo phó vệ úy, thuyên chuyển mãi đến Lãnh binh tỉnh Ninh Bình. Năm thứ 12 (1859) sung đốc binh quân thứ Quảng Nam. Đến khi xét công trạng quân thứ được bổ làm binh vệ úy. Năm thứ 14 (1861) bổ Biên Hòa phó đề đốc, rồi triệu về thự chức chưởng vệ, quyền chưởng công việc Vũ lâm dinh tả dực, kiêm chưởng các vệ Kinh tượng. Năm thứ 16 (1863) lĩnh tuần phủ Thuận Khánh. Năm thứ 17 (1864) bổ thự chưởng cơ, quyền chưởng Vũ lâm dinh Hữu dực. Mùa thu năm thứ 19 (1866) tên nghịch Trương

Digitized by Google

phạm cửa khuyết [1], Sỹ thúc quân bản bộ chặn bắt bọn giặc, có công được lên chức Vũ lâm đinh thống chế, phong tước Kiên dũng nam và thưởng kim bài có chữ "Tưởng trung", nhẫn vàng, kim tiền. Sau đó, do hàm ấy quyền chưởng Hữu quân lại kiêm quản Thượng tứ viện. Năm thứ 20 (1867) thự chức Hữu quân đô thống. Năm thứ 36 (1883) thực thụ chức Hữu quân đô thống phủ đô thống chưởng phủ sự, cầm quân giữ thành Trấn hải cửa Thuận An (Thừa Thiên).

Mùa thu năm ấy, nước Pháp đem binh thuyền đến đánh, Sỹ cùng thống chế Lê Chuẩn và phó phòng luyện Lâm Hoành chia quân ra chống giữ, cầm cự nhau trong 2 ngày, tiếng súng không ngớt. Quân Pháp bèn chia nhau xuống những chiếc thuyền nhỏ bằng gỗ sam vào bờ rồi theo lối đường Thái Dương ở phía sau đánh úp. Thành bị hãm, Sỹ cùng Chẩn, Hoành và chưởng vệ Nguyễn Trung đều bị chết. Đầu năm Kiến Phúc (1883) gia tặng tước Kiên dũng tử.

*

TRẦN ĐÌNH TÚC

Trần Đình Túc tự là Trọng Cung, tổ tiên là người Thanh Hóa. Tổ đời trước là Đống theo vua Thái Tổ [2] vào Thuận Hóa, lập ấp, lên ở Gio Linh thuộc Quảng Trị để ở. Dòng truyền 5 đời đến An, làm quan tham chính trụ quốc, tước Đông Triều hầu. Từ đó đời đời công lao danh vọng càng có tiếng.

Cha Túc là Trung, theo Thế tổ Cao Hoàng đế [3] ở Gia Định, vào làm Thị thư viện rồi bổ Phú Yên hiệp trấn. Đình Túc là con thứ hai, bắt đầu do chân ấm sinh được vào Quốc tử giám. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) lĩnh chân hương tiến, bổ tri huyện Bất Bạt. Khi quan thượng ty tiến cử Túc là

(1) Chỉ cuộc khởi nghĩa Đoàn Trưng, Đoàn Trực.
(2) Chỉ Nguyễn Hoàng.
(3) Chỉ Nguyễn Ánh.

Digitized by Google

người trị dân có thành tích. Túc được bổ chủ sự Hộ bộ. Tự Đức năm thứ 3 (1850) bổ tri phủ Vĩnh Tường, sau vào làm Binh bộ viên ngoại lang rồi lại thự Phú Yên quản đạo. Sau đó vì cha mẹ già về phụng dưỡng.

Năm thứ 9 (1856) lại được dùng sung chức tùy biện Quảng Nam quân thứ. Vua cho đi ngựa trạm vời vào kinh hỏi về 3 chước: "đánh, giữ hay hòa". Đình Túc nói xin dâng kế "thanh dã" [1] khiến chúng tiến hóa cũng không kiếm được gì, cùng kỳ lý rồi hòa cũng không sao. Năm thứ 12 (1859) lại sung chức bang biện Quảng Nam quân vụ. Sau đó Nam kỳ đánh nhau, được bổ Hồng lô tự khanh sung tán tương Biên Hòa quân thứ. Vì Biên Hòa thua trận, bị lột chức lưu dụng.

Năm thứ 15 (1862) được trả lại nguyên hàm làm biện lý Hình bộ. Năm sau, xin mộ dân khai khẩn ruộng hoang ở Thừa Thiên, Quảng Trị, vua cho giữ nguyên hàm sung làm đồn điền sứ. Túc mộ dân lập ấp, lại đắp con đê ngang ở Hưng Bình để vệ nông. Năm thứ 19 (1865), vì có công lao, gia chức Hộ bộ hữu thị lang vẫn sung việc doanh điền, lại ban cho 1 tấm kim khánh có chữ "Liêm, Cần, Cán" Bấy giờ dân Quảng Trị bị đói, ông xin cho khai sông Vĩnh Định, lấy công việc thay chẩn, lại xin khai mỏ sắt Lưu Bảo. Vua đều theo lời.

Năm thứ 21 (1866) phái đi công cán Hương Cảng. Khi về, lĩnh chức Hà Nội tuần phủ sau đổi đi Thương biện Sơn Tây quân vụ, rồi lại sung tán lý Tuyên Quang quân thứ.

Năm thứ 23 (1870) lĩnh Hưng Hóa tuần phủ, sau sung chức Hưng Hóa tán lý, rồi mắc bệnh trở về, lại làm đồn điền sứ.

Năm thứ 26 (1873) quân Pháp đánh úp khu đông nam tỉnh thành Hà Nội, kế đó tỉnh Ninh cũng không giữ được. Phái viên của Pháp là Gạc Nhê [2] có ý muốn nói chuyện.

(1) Chữ Hán là *Thanh dã*, có nghĩa như vườn không nhà trống.
(2) Chi François Garnier.

Digitized by Google

Vua cho Đình Túc lĩnh Hà Nội tổng đốc cùng với tuần phủ mới là Nguyễn Trọng Hợp, án sát sứ Trương Gia Hội đi giảng thuyết, nhận lấy thành trì và định thương ước. Đình Túc tâu rằng: "Người Âu lan tràn đến cõi Đông này không phải chỉ có một nước, thời không thể lấy sức mà chống được là đã rõ ràng rồi. Nay xin nên chuyển một cục thế. Vậy các đạo quan binh tổng thống, hiệp thống mới phái, đều đình lưu lại hết, thần xin cùng các quan đồng sự đi ngay Hà Nội giảng thuyết cho kịp cơ hội" Vua cho đi.

Khi đã đến Hà Nội, sáng hôm sau quân thứ Sơn Tây đem quân cờ đen đến đánh, Gạc Nhê chết trận, phái viên Pháp rất ngờ. Nửa chừng việc sắp hỏng thì họ yêu cầu phải rút quân trước rồi định hòa ước sau. Đình Túc cùng Trọng Hợp nhất định giằng, trở đi, trở lại bàn cãi nhiều lần, nói rằng cần giao trả thành trước, hòa hảo xong thì binh khắc rút. Phái viên Pháp không chịu nghe theo, lại dự thảo sẵn các khoản hòa ước, bắt phải theo đúng yêu cầu của họ. Hàng ngày cứ giằng co mãi không quyết. Bấy giờ Khâm sai Nguyễn Văn Tường cùng với viên Thống sát Pháp là Phi Lát từ Gia Định đến bèn họp nhau bàn định, ổn thỏa rồi ấn định ngày giao trả thành. Đình Túc, khi lâm sự, cứ lấy lòng thành thực xử trí, cho nên công việc cũng được xong xuôi.

Sau đó, xét đến công doanh điền khi trước, cho thực thụ Tổng đốc. Đình Túc cho là mình già ốm nhiều lần dâng sớ xin về hưu. Vua dụ giữ lại.

Năm thứ 33 (1880) Túc lại nhắc đến việc này xin hưu trước. Vua nói rằng: "Trần Đình Túc, trước đây cái việc tứ tỉnh, đã đem thân mạo hiểm làm việc, thao lược tài cán đáng khen, cho gia hàm hiệp biện đại học sĩ và sai chọn người thay. Đình Túc lại nói rằng: "Cao Tháp thuộc Hà Nội cũng những nơi liền kề thung lũng ở các tỉnh Sơn, Hưng, Thanh, Ninh, xin đặt những đồn núi tích trữ lương thực để tiện việc phòng

Digitized by Google

giữ" Vua giao cho đình thần bàn.

Năm ấy Túc được vời đến bàn việc. Khi vào yết kiến, vua yên ủi, thăm hỏi cho mỗi tháng lĩnh nửa lương cũ để chi dùng và sai quan hữu tư thỉnh thoảng thăm nom.

Năm thứ 35 (1882) Hà Nội lại thất thủ, tổng đốc Hoàng Diệu hy sinh. Vua thấy Đình Túc giỏi giang, lão luyện, lại dùng cho sung khâm sai đại thần, lĩnh Hà Ninh tổng đốc đi giảng thuyết lấy lại thành trì rồi tùy tiện mà vỗ về cho yên. Xong việc, mùa đông năm ấy xin về hưu. Vua cho phép. Khi gặp chiến dịch Thuận An, lại tạm gọi ra làm Lễ bộ thượng thư sung làm định ước toàn quyền đại thần, đi thương nghị giảng hòa. Đình Túc sau khi về hưu, thấy thời buổi đương lúc nhiều việc khó khăn, không làm gì mà ngồi ăn lương thời không yên tâm, trước sau nhiều lần dâng sớ từ chối, vua đều xuống ưu chiếu không cho từ.

Năm Thành Thái thứ 3 (1891) dụ rằng: "Trần Đình Túc là bậc cựu thần lão thành, hồi hưu đã hơn 10 năm, nay tuổi, đức đều cao, rất đáng khen ngợi. Vậy thực thụ là Hiệp biện đại học sĩ, cấp (mỗi tháng) nửa lương như cũ. Đến năm Thành Thái thứ 4 (1892) thời mất tại nhà. Thọ 84 tuổi. Được tin báo tang, vua sai hậu cấp cho để lo việc tang và ban tế. Túc có làm ra quyển "Tiên Sơn toàn tập". Con là Đình Phác đã trải nhiệm nhiều chức, nay bổ kinh triệu doãn.

*

Nguyễn Tấn

Nguyễn Tấn, tên tự là Tử Vân, người Quảng Ngãi. Tổ tiên quê ở Chương Nghĩa, sau dời đi Thạch Trụ thuộc Mộ Đức làm nhà ở. Ông của Tấn là Công Tuy làm tri phủ Kiến Xương, có lỗi phải miễn chức. Tấn chăm học. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) đỗ hương tiến, bắt đầu được bổ giáo thụ, rồi làm qua từ huyện, tri phủ, có tiếng thanh liêm, công bằng. Năm Tự

Digitized by Google

Đức thứ 3 (1855) làm giám sát ngự sử, đàn hặc nhiều việc hợp ý vua. Gặp bấy giờ biên giới Bắc (hà) không yên, ông được sung chức bang biện Hưng Yên tỉnh vụ đã đem quân đi giải vây Đường Hào, sau đi thự án sát sứ Thái Nguyên.

Năm thứ 17 (1864) thổ phỉ Thái Nguyên đã tạm yên, lại gặp lúc ác Man đá vách [1] quấy nhiễu. Tấn được tin, dâng sớ xin đi dẹp. Vua khen ngợi, cho thăng thị tộc, sung chức tĩnh man tiểu phủ sứ, ban cấp cho ấn quan phòng. Chức tiểu phủ đặt ra bắt đầu từ đó.

Tấn ở Thái Nguyên về, điều trần phương chước rằng: việc tiểu phủ nên làm trước những điều cần cấp: 3 huyện thượng du, phàm những dân cư linh tinh tiếp gần địa phận núi, đều chiếu theo cái lệ đoàn kết của dân biên giới Lạng Sơn, cứ 1 hoặc 2 khu, lại đào hào đắp lũy, lựa toàn những nơi xung yếu tiếp gần với dân cư mà đặt canh phòng để tiếp ứng. Ngạch binh là hơn 3.600 người thì chia làm 3 phần: 1 phần cho về ở làng để đoàn kết với dân, có đặt ra đầu mục để quản đốc. Họ có xin khí giới thời chế phát cho. Chiếu lệ có thưởng, có phạt. Còn 2 phần thì đồn lập làm 6 cơ, mỗi cơ là 8 đội, mỗi đội 50 người, thường xuyên phát lương cho để chiếm đóng phòng chặn. Sĩ, dân ai có tình nguyện mộ đi đóng quân thì chiếu theo cái lệ chiêu mộ ở Bắc kỳ mà làm. Những người Man đưa đường cũng cho chúng đầu thú dễ dàng. Kẻ nào cố phạm thì xử vào quân Pháp. Thương hộ phạm tội thời tùy theo nặng nhẹ nghĩ tội. Vua thấy lời điều trần khá, có kiến thức, cho làm.

Tấn mới đến quân thứ, ngắm hình thế, cấm bọn buôn rong, đặt thêm đồn bảo [2], khai khẩn đất hoang. Rồi dựng sách có rào vây xung quanh, khích lệ quân sĩ, đánh lùa thẳng vào sào huyệt, Man được tin, không người nào không khiếp sợ.

(1) Chữ Hán là Thạch Bích, nên quen gọi là man Đá vách.
(2) Đồn có thành nhỏ vây xung quanh.

Digitized by Google

Tấn lại chọn những phạm bị giam, người nào mạnh khỏe thì dồn lập thành đội thiên thiện [1], đặt ra quản suất để phòng sai phái. Bấy giờ có người Man đầu hàng ở nguồn Thanh Cù tên là Đinh Cấp xin chiêu tập người Man đầu hàng ở các sách, được 4 - 5 trăm tên, theo đi đánh giặc. Tấn đem việc tâu lên. Vua bảo: "Lấy Man chống Man, có thể đỡ được binh lực". Cho làm. Tấn bèn đem hơn 2 nghìn quân, chia làm 3 đạo tiến đánh, lấy lại được nhân dân, trâu bò kể hàng mấy trăm. Các sách man thuộc các cơ Thanh Bồng và 1, 2, 4, 6 lần lượt ra đầu hàng. Tấn bảo lấy điều ân đức, tín nghĩa, người Man đều vui lòng giúp việc. Tấn lại đánh phá hai sách Lang Lôi, Lang Y chém được thủ cấp Man, lấy lại được dân kinh. Bấy giờ các man Nước Lũng, Nước Trang, Nước Nhĩ nghe mong manh đều trốn xa. Dân biên hơi được yên ổn.

Tấn lại điều trần về công việc kinh lý, đại lược nói rằng: ruộng đất chúng màu mỡ, rừng núi lại sản xuất nhiều thứ, nói về lợi hại thời có thể lập phù trường [2] đánh thuế Man còn thương hộ thời bãi đi là phải. Từ nay phàm sách Man nào đến hàng, chiếu theo điền thổ, sản vật mà định thuế: Có ruộng thời mỗi sách 20 hoặc 30 hộc thóc, không có ruộng thời 1, 2 nghìn hoặc 3, 4 nghìn sợi mây; hoặc (sách nào) bắt được kẻ thông đồng với phỉ thời có thưởng. Lại lập ra phù trường[3] mỗi tháng 3 phiên, binh khí, trâu bò, thóc lúa đều không cho được mua bán riêng với nhau, ước lượng hóa vật, chia ra làm 40 thành mà lấy thuế 1 thành. Mỗi cơ cả năm phải nộp 30 quan thuế. Hai cơ Thanh Bồng, Thanh Cù nộp 1.550 quan; chia ra làm 2 kỳ để nộp. Và bãi tên hiệu các nguồn đi, trích lấy sổ dịch mục, thương hộ và phụ thương lập làm đội phiên dịch tiếng Man, chi lương cho để chia phái đi làm việc, cứ 3 tháng một lần thay. Tên nào chạy vào sách Man xui giục làm

(1) Đổi ác theo thiện.

(2) (3) Có lẽ là chợ, chữ Hán là phù trường. Đây là nơi buôn bán ở miền Tây Quảng Ngãi - Nguyễn Tấn có tham gia đánh dẹp ở vùng này.

Digitized by Google

bậy thì khép vào tử hình. Vua y lời tâu. Tấn vừa tiễu trừ, vừa phủ dụ, ác Man đều dẹp được hết.

Vua cho là xếp đặt được thích đáng, thưởng cho 1 tấm khánh bằng vàng tía khắc 4 chữ "Liêm, Bình, Cần, Cán", rồi thăng lên chức Binh bộ tả thị lang, vẫn làm chức vụ cũ. Tấn xin cứ giữ hàm cũ làm việc để truy chuộc tội cho ông cha. Vua dụ rằng: "Giữ phép luật của nước nhà cần như thế là phải. Ngươi có thể làm được cái thành hiện giữ yên lâu dài cần đi ngay biên giới Bắc kỳ làm báo chương lớn cho nhà nước. Thế là báo đáp một cách ngoại lệ cũng được. Năm thứ 23 (1870) quân thú Bắc kỳ luôn luôn thất lợi, Tấn xin đi để ra sức. Vua ngại không có người thay, không cho đi. Năm thứ 24 (1871) Tấn ốm chết, truy tặng Binh bộ tham tri, ban tế và xét dùng các con. Vua lại thấy ông làm quan thanh bạch nhà nghèo, cấp cho mẹ y mỗi tháng 3 quan tiền, 3 phương gạo; sau lại cấp thêm cho 50 quan để làm ma.

Tấn vốn người tài năng tri thức, dũng cảm thao lược, Tuy Viễn quận công Trương Đăng Quế thường khen ông là khi lâm sự biết xử trí. Việc trở về dẹp Man, người ta nói là có 2 điều khó: Một là rừng sâu khí nặng là điều kỵ của việc hành quân. Hai là tính người Man bất thường, đói thì đốn, no thời đi, vỗ về khó. Thế mà trong vòng 6 năm, năm nào đánh dẹp, vỗ về cũng dễ dàng cả. Lại có 6 điều lạ là: 1 - Dấu biên nhiều nạn hổ, từ khi Tấn đến thời hổ không làm hại nữa. Đó là một điều lạ. 2 - Núi cao, mưa dầm hàng tuần (thế mà) hễ quan quân ra đi là tạnh mưa. 3 - Sông Ba Tư có con cá lớn thường làm hại dân Man, Tấn làm bài văn tế cá thì nạn cá cũng hết. 4 - Ngày Tấn mất những người Man được tin, cùng nhau than tiếc. 5 - Tướng sĩ 6 cơ và người trong châu dựng đền ở Hoành Sơn để thờ. Cung bảo Nguyễn Chính và tham chính Lê Lượng Bạt làm bài minh để nêu (công đức) có những câu rằng:

Digitized by Google

Công thành, công tâm,
Úy cực cảm thâm.
Giang sơn bi phong,
Thùy chư vô cùng.

Dịch nghĩa: Vừa công thành, vừa công tâm,
Sợ rất mực, cảm kích thâm.
Non sông bia tạc,
Lưu danh muôn năm

(Bài của Nguyễn Chính)

Lại những câu rằng:

Thạch bích lân tuân,
Man tính nan tuần,
Hạnh hữu Tử Vân
Nhất tẩy biên phần
Sơn úy, Thủy mi,
Nhất lộ thanh di.
Nhân tâm tư chi,
Như nghiễn chi bi.

Dịch nghĩa: Vách đá chởm chởm,
Tính Man khó thuần
May có Tử Vân,
Một quét giặc biên
Ngách núi, ven sông,
Một loạt đều yên.
Lòng người nhớ ơn
Như bia núi Nghiên [1]

(Bài của Lượng Bạt)

Bia và đền sau dời về phía đông Thọ Sơn ở Thạch Trụ, nay hãy còn.

(1) Dương Hổ làm quan đời Tấn (Trung Quốc) đóng trấn ở Tương Dương, có đức chính, khi chết nhân dân nhớ ơn dựng đền thờ ở núi Nghiễn Sơn (Nghiễn nghĩa là nghiên, tức là núi cái Nghiên, cho nên ở đây dịch là núi Nghiên để tiện gieo vần.

Digitized by Google

Năm Thành Thái thứ 10 (1898), lấy hàm con truy tặng Lễ bộ thượng thư. Lúc sống, Tấn có làm ra quyển "Phủ Man tạp lục" được lưu-hành. Có 3 người con, là Thân và Cẩn chính điện đại học sĩ, Túc liệt tướng Diên Lộc quận công về hưu; Khiêm được ấm thụ bát phẩm, và Văn làm kinh binh chưởng vệ, hiện là hộ thành đề đốc.

*

Nguyễn Văn Phong (em: Văn Nhã)

Nguyễn Văn Phong, tên tự là Hữu Niên, người Tuy Viễn thuộc Bình Định, cùng với em là Văn Nhã, đều có tiếng văn học, người ta vẫn chắc sẽ trở thành bậc đại tài. Phong thi nhiều lần không đỗ, do chân phủ cống vào giám sinh Quốc tử giám. Khoảng năm Thiệu Trị (1841 - 1847) bổ điển bạ rồi làm Tu soạn sung hoàng tử bạn độc. Năm đầu Tự Đức (1848), do chức tư phủ An Nhơn vào làm giám sát ngự sử. Khi dẫn vào yết vua, được cất lên chức lang trung, rồi qua làm Quang lộc tự khanh tham biện các vụ. Sau đổi đi thự bố chính Nghệ An rồi bổ phủ doãn thừa biện. Năm thứ 9 (1856) bổ tuần phủ Ninh Bình, chưa bao lâu thăng thự Ninh Thái tổng đốc. Năm thứ 17 (1864), bọn phỉ bên đất Thanh lan tràn sang quấy các tỉnh Lạng Bắc, để đường trạm không thông, bị cách chức lưu dụng. Sau đó cải bổ Công bộ thượng thư kiêm Lễ bộ, rồi lại đổi sang Lại bộ kiêm Công bộ. Năm 21 (1868), đổi sang làm Hình bộ thì được miễn việc cách chức lưu dụng.

Văn Phong tâu nói về cái tệ những cha cố đạo, dân đạo kiêu ngạo khiêu khích và quan sở tại bênh, bỏ thành kiến, rồi điều trần 3 khoản:

"- Cha, cố đạo khi giảng đạo ở hạt nào, phải đến quan sở tại trình thực, nếu có đi lại thăm nom ai, cho được dùng 1 cỗ võng màu lam, hoặc 1 con ngựa; không được tiếm dùng tàn lọng, nghi trượng, trống khẩu; không được mang theo quá hơn chục người. Nhà thờ, không được đào hào đắp lũy.

Digitized by Google

"- Sức rõ cho các quan tỉnh, đạo phủ, huyện phải công bằng xét xử, không được phân biệt đối xử.

"- Thông sức cho bọn linh mục, giám mục phải răn bảo dân đạo an thường thủ phận, không được kiêu ngạo, lông lao". Vua cho là lời nói có thể dùng được, bèn theo.

Năm thứ 21 (1868) bọn phỉ người Thanh ở Bắc Ninh lại nổi lên, Phong trước làm việc ở đây, thuộc hết tình hình giặc, bèn cho sung khâm sai đại thần đến tuyên bố (đức chính), an ủi, phòng bị và trấn áp. Dụ rằng: "Khanh tuy tuổi cao, nhưng khí lực còn mạnh, cần nên tuân theo thể lệ mà làm việc để xứng với sự ủy thác".

Phong đến tỉnh, đóng ở trong thành. Bọn Ngô Côn đến vây ngặt. Phong cùng tổng đốc Bùi Tuấn bám sát lấy thành cố thủ, thời vừa gặp Ông Ích Khiêm dẫn viện binh đến, trong ngoài giao nhau bắn. Côn trúng đạn bị thương chết. Phỉ tan, giải được vòng vây.

Tháng 8 năm ấy (1868), tướng nhà Thanh là Phùng Tử Tài tiến quân đến đồn Quang Lang, tỉnh Bắc, tải lương không được tiếp tục, tướng Thanh nhiều lần phàn nàn. Phong bị giáng chức lưu dụng, rồi đổi đi lĩnh Hà Ninh tổng đốc.

Năm 24 (1871) vì đến lệ 70, xin về hưu trí. Vua dụ rằng: "Việc biên giới chưa xong, cần có một vị lão thần để trấn cho được yên. Phong lại lấy cớ có bệnh cố xin. Vua bèn cho. Đến năm 25 (1872) mất. Thọ 71 tuổi, truy tặng là Hiệp biện đại học sĩ.

Văn Nhã, Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đỗ hương tiến, làm quan đến bố chính Vĩnh Long, can việc phải miễn chức. Con Phong là Hữu Luân cũng đỗ thi hương, chưa kịp ra làm quan. Cháu là Hàm Hanh được ấm thụ Hàn lâm điển bạ.

*

Digitized by Google

Nguyễn Văn Vỹ

Nguyễn Văn Vỹ người Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh, là người trầm nghị có mưu lược. Khoảng năm Minh Mạng vì có văn học, do chân phủ cống vào Giám được chọn bổ dự hạng và đã được thăng tri huyện Kim Động. Tính người hào mại thường ân hận vì không được do chân khoa cử tiến thân, lúc rỗi việc công thường đàn hát thích chí. Rồi can tội ngủ đêm ở nhà cô đầm bị lột chức.

Khi đã phục chức chuyên tâm về cử nghiệp. Năm Thiệu Trị thứ 3 (1843) đỗ á nguyên kỳ thi hương, trải nhậm phủ, huyện có tiếng tốt.

Tự Đức năm thứ 7 (1854) được cất chức Hồng lô tự thiếu khanh lĩnh án sát sứ Hà Nội. Gặp bấy giờ Cao Bá Quát (cử nhân giáo thụ Quốc Oai) mưu làm giặc, ngầm dụ bọn thổ mục Sơn Tây họp đảng ở Hà Nội gây việc, Vỹ cùng phó lãnh binh Ngô Nghệ hội tiễu ở Đồng Dương (tên xã), bắt được trùng quân đô thống ngụy là bọn Nguyễn Văn Tuấn. Vua ban khen.

Bấy giờ hai tỉnh Hà Nội, Bắc Ninh liền năm bị vỡ đê. Vua nói đê chính rất có quan hệ đến lợi hại của dân, sai đình thần chọn cử người cần cán, am hiểu, thông thạo sung làm việc đê. Đình thần đồng thanh cử Vũ Trọng Bình và Vỹ. Vua chuẩn cho Vỹ thăng Thái bộc tự thiếu khanh tham biện đê chính.

Năm thứ 14 (1861) giặc biển Quảng Yên rủ nhau tụ họp đi cướp bóc, lan đến Hải Dương. Vỹ được đổi sung khâm phái Hải An quân vụ, cùng với đê đốc Nguyễn Tiến Phát đánh giặc ở phủ Kinh Môn, hạ luôn được 5 đồn. Việc tâu lên, vua xuống dụ khen thưởng, lại khuyên răn rằng: "Vỹ vốn giỏi việc binh, nhưng nên suy nghĩ chín, đừng quen như những trận thắng nhỏ". Thế rồi đảng phỉ phạm đồn Cổ Pháp, lãnh binh Bùi Quang Chu bị chết. Vỹ, một mình mang quân bản bộ đi trước

Digitized by Google

đánh lui được giặc, được cất bổ lên chức Binh bộ thị lang tham biện quân vụ.

Năm thứ 15 (1862) Vỹ đóng ở phủ Nam Sách, bị phỉ vây hãm lâu ngày, tuyệt đường cứu viện, bức phá vòng vây ra. Phỉ bắt được đem khóa giam ở trong thuyền. Đến trận đánh ở Thanh Lâm, quan quân theo bắt được thuyền giặc, Vỹ nhân đó được thoát thân và bị tội lạc chức [1] cho lệ theo quân thứ, Tổng thống Nguyễn Tri Phương thấy người tài cán tâu xin cho quyền sung bang biện quân vụ. Bống có báo thành Thái Nguyên bị hãm, Tri Phương sai Vỹ mang quân đi lấy lại được thành, giết được tên mạo xưng Lam Sơn chính thống là Thanh và ngụy Đắc, ngụy Vân, ngụy Nghiêm tại trận. Vỹ lại cùng lãnh binh Lê Tuân tiến lên phá sào huyệt phỉ ở châu Bạch Thông rồi lui về đóng ở Chợ Rã [2].

Gặp bấy giờ hai động Man Nậm Bố, Lũng Vai đi đốt phá dân động Thượng Giáo, Hạ Hiệu, Vỹ sai tri phủ Thông Hóa là Bùi Quang Huy đi tiễu. người Man lừa lúc bất ngờ đến đánh úp quân Vỹ. Vỹ trúng tên lạc bị thương, quay về Hải Dương.

Năm thứ 18 (1865), 300 chiếc thuyền giặc biển từ Cát Bà chia từng toán đến quấy nhiễu. Tri Phương lại sai Vỹ đốc quân đánh, bắn chìm được thuyền giặc, chém được cừ mục giặc rất nhiều. Giặc cả sợ tan vỡ.

Năm thứ 19 (1866), Vỹ lại đi chợ Chu [3] (tên đất thuộc tỉnh Thái Nguyên), đánh phá đồn phỉ, bắt và chém được hơn 80 tên. Khâm sai Vũ Trọng Bình thấy Vỹ mạnh giỏi, thông thạo, đạt lý, gặp việc ứng phó được tức thì, liền dâng sớ xin khai phục cho chức thị độc lĩnh án sát sứ Cao Bằng. Vua y cho, rồi sau chuẩn cho quyền bố chánh.

(1) Cũng như truất chức.
(2) Chữ Hán là Dã Thị.
(3) Chữ Hán là Chu Thị.

Digitized by Google

Năm thứ 21 (1868), tên phỉ đầu hàng là Ngô Côn lại phản, đánh úp lấy tỉnh Cao Bằng, Vỹ lại bị bắt. Vỹ vốn có tiếng là tướng văn luôn đánh với giặc và thắng luôn. Côn sợ Vỹ nhưng lại tiếc không nỡ giết, muốn để dùng. Vỹ không chịu theo, bèn bị giam ở đồn Túc Sơn. Chưa bao lâu quan quân đến đánh, phỉ bỏ đồn chạy, lại đem Vỹ về. Vỹ bị cách chức, hiệu lực để chờ án.

Năm thứ 23 (1870) Vỹ sung Bắc kỳ quân thứ thương biện quân vụ, dẹp bắt giặc, có công, thứ thần lại dâng sớ xin lượng cho khai phục. Vua thấy việc xét nghĩ chưa xong, thưởng cho bạc hậu và dụ khuyên phải cố gắng. Tháng 10 năm ấy Vỹ ốm chết ở trong quân. Việc tâu lên, ban cho 100 quan tiền. Đến khi đình thần nghĩ công tội của các tướng, viện cái lệ truy tặng của Phạm Chi hương và Vũ Phạm Khải tâu xin cho Vỹ. Quan Nội các cho là Vỹ 2 lần bị giặc bắt, được giặc nuôi nấng, có hại đến danh tiết, tâu bác đi. Vua bảo: "Vỹ bị bắt 2 lần đều do quan quân đem về được, không có tình trạng theo giặc hay là trốn thoát. Người xưa 3 lần thua bị bắt, sau cũng còn phấn phát lên được. Nếu trách rằng không "chết" thì "chết" mà không có ích cho việc, cũng không thể nhất thiết coi như nhau được. Huống chi ngày thường, Vỹ cũng gian lao nhiều, không may chưa chuộc được tội mà đã chết, há nên không có một "hàm" để cũng được như kẻ không vết vả gì sao? Thực là không nỡ. Vậy chuẩn cho truy phục nguyên hàm thị độc". Cháu Vỹ là Trinh Mai cũng đỗ hương tiến; Trinh Túc, Trinh Lý đỗ tú tài.

*

Nguyễn Tư Giản (con là Kham)

Nguyễn Tư Giản tên tự là Tuân Thúc, người huyện Đông Ngàn Bắc Ninh [1]. Tiên tổ là Quốc Thực, buổi đầu Lê trung

(1) Nay thuộc Đông Anh, Hà Nội.

Digitized by Google

hưng đỗ tiến sĩ, làm thái tể tước Lan quận công, sau đó đời đời khanh tướng là một nhà có tiếng ở Giang Bắc. Ông là Án, buổi đầu Gia Long đỗ hương cống đã làm qua tri huyện Tiên Lãng. Cha là Tri Hoàn cũng đỗ hương tiến, bổ lang trung Hình bộ. Tư Giản, khi 20 tuổi đã nổi tiếng văn học, Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) đỗ tiến sĩ. Năm mới 22 tuổi đã do chức tu soạn Hàn lâm viện bổ tri phủ Ninh Thuận. Năm đầu Tự Đức (1848) bổ cấp sự trung, ít lâu đổi sang Tập hiền viện thị độc, sung Kinh diên khởi cư chú.

Vua từng nhân bận việc, nghỉ giảng sách, Tư Giản cùng với đồng liêu dâng sớ can. Lại lược rằng: "Tòa Kinh diên đặt ra là để giảng rõ đạo học của thánh hiền, bồi dưỡng đức độ đấng nhân quân, hiểu nỗi u uẩn của dân tình, xét sự được mất của trị đạo, không gì không do ở đó. Gần đây tòa Kinh diên đã không hay ngự, nơi tiện điện lại ít triệu (bọn thần) đến đối đáp. E rằng cái thế vua tôi ngày một cách, lời giúp ích ngày một xa; dân tình ngày một bị che lấp ở dưới, muôn việc ngày một ngăn trở ở trên, sẽ bắt đầu từ đây vậy. Nay mấy tháng khan mưa là trời đã răn bảo trước. Vậy cúi xin bệ hạ soi gương đời trước, hăng hái chí xưa. Ngày giảng thì thân đến truyền phán, ngày nghỉ thì triệu (bọn thần) đến hỏi han. Vua cần dụ lấy việc dâng lời hỏi để giúp điều đức, không được lấy việc chiều ý làm hay; khuyên lấy việc mạnh bạo thẳng thắn can ngăn, không nên lấy nói hết làm lời làm sợ. Những kẻ châu hầu tả hữu, kẻ nào gian tà thì đuổi đi, kẻ nào nịnh hót thì truất đi, nhất thiết những thứ quí lạ, trò vui chơi không được dâng lên trước mặt. Như thế thì những lúc động, tĩnh, khởi, cư, một mảy tư riêng không lẫn vào. Rồi sau tư dục sạch thì lẽ trời thuần túy, lòng hư không thì mối thiên sẽ lọt vào, tất có sự thực về hàm dưỡng, điều ích về thành tựu. Đem đó mà thi thố thì việc thiên hạ không có gì. Nếu không như thế thì chốn Kinh diên chẳng qua chỉ là một nơi bàn thơ, luận văn là những việc ngọn ngành, bọn thần chưa

Digitized by Google

dám cho là có ích". Sau được bổ Hàn lâm viện thị giảng học sỹ vào làm việc Nội các. Tư Giản ở lâu nơi thanh bí [1], coi bản thảo diễn ra lời văn được hợp ý vua, hàng ngày được gặp vua, từng theo vua đến những nơi hành cung và đêm cũng được triệu vào chầu.

Vua nhân bàn về quốc sử đến việc Quốc Thực, khen là cha con truyền nối vẻ vang mà giữ mình thanh bạch, thân trọng có phong cách bậc tướng thần đời xưa. Giản giập đầu tạ ơn. Vua bảo: "Ngươi là con cháu bậc danh thần, nên lo nối dõi thói nhà", rồi khen ngợi vui mừng giờ lâu.

Năm thứ 14 (1861) tháng 4, Giản xin phép về thăm cha mẹ, tế tổ tiên. Bấy giờ Nhị Hà luôn hàng năm bị vỡ đê, những thuyết về bỏ đê, đắp đê không đến chỗ thống nhất. Vua nhân vời Giản đến Đông các dụ rằng: lần đi này cần nhớ lấy việc trị hà hôm nọ, hỏi han xem xét cẩn thận sao tìm được chước tốt nhất để hồi tâu. Đến tháng 8 phục mệnh, ông dâng sớ cực lực nói về cái hại bỏ đê và nhân điều trần 10 điều về công việc trị thủy như sau:

1- Đắp đê bờ biển để hãm thế nước.

2- Khơi sa bồi ở cửa biển.

3- Làm bờ đập để phòng nước lụt lớn.

4- Chắn những cửa sông nhánh để bảo vệ dòng sông chính.

5- Khơi những đường tiêu nước cũ để thoát nước.

6- Lấp những dòng nước đục lại cho sạch bùn ứ.

7- Tích trữ sẵn để trù kinh phí.

8- Trả công hậu để giúp đỡ dân phu làm đê vất vả.

9- Mở lạc quyên rộng rãi để giúp vào công trình lớn đó.

10- Đặt ra lính coi sông để chuyên phòng giữ sông.

(1) Nơi thanh tĩnh bí mật, nơi nghiêm cấm.

Digitized by Google

Sớ tâu lên, vua giao xuống cho quan coi việc bàn bạc thi hành. Mùa đông năm ấy, do hàm cũ sung làm biện lý đê chính sự vụ, kiêm việc khơi mở con sông Thiên Đức [1]. Khi vào bệ từ, vua ban cho một bài thơ trường thiên để tỏ ý (thơ chép ở Thánh chế thi tập).

Một thời gian lâu, được tiến lên chức Lại bộ thị lang, vẫn sung Đê chính. Gặp khi Nam kỳ có báo động, ông dâng sớ bàn về việc cương giới, đều được vua cho lưu lại để xét.

Năm thứ 15 (1862) phương đông bắc, thổ khấu phiến động. Giản được đổi làm Tham biện Hải An quân vụ. Em ông là Năng Ái bấy giờ đương tri phủ Diễn Châu, xin mộ dõng theo anh đi đánh giặc. Vua cho.

Tư Giản ở quân thứ, gặp giặc đã từng đánh bại giặc ở cầu Phú Thái. Sau đó thì bọn giặc lan tràn, Giản bị khép tội tham dự việc quân không nên công trạng gì, bị cất chức cho đi tòng quân, bèn bị ốm xin về.

Năm thứ 18 (1865), Giản được khởi phục làm chức tu soạn dần dần thăng lên chức Tập hiền viện thị độc, rồi đổi sung Hồng lô tự thiếu khanh biện lý Hộ bộ.

Năm thứ 21 (1868), thăng Hồng lô tự khanh, sung phó sứ, cùng với Lê Tuấn, Hoàng Tịnh sung sứ Bắc Kinh. Khi về, bổ Quang lộc tự khanh, lại thự chức tả thị lang Lại bộ sung biện Các vụ. Năm thứ 25 (1872), bổ tham tri quyền lĩnh thượng thư Lại bộ sung Quốc sử quán phó tổng tài kiêm quản Quốc tử giám, và vẫn kiêm lĩnh công việc Nội các. Năm sau lên thự thượng thư sung Cơ mật viện đại thần. Mùa hạ năm ấy, Giản được đình thần cử sung chức chánh sứ sang Tây. Nhân ông dâng sớ trình bày về điều được, điều hỏng. Vua bèn thôi không sai nữa.

Tháng 10 mùa đông, bốn tỉnh Bắc kỳ hữu sự, có thư cáo

(1) Tức sông Đuống chảy qua vùng Bắc Ninh.

Digitized by Google

cấp, Tư Giản cùng với Binh bộ Trần Tiễn Thành, Hộ bộ Phạm Phú Thứ, Lễ bộ Lê Bá Thận ngày đêm vào trực trù tính việc cơ mật trọng yếu. Vua ban khen. Sau đó bị lạc chức phải đi sở Sơn phòng Chương Đức để hiệu lực làm việc khai khẩn.

Năm thứ 31 (1878), gặp tiết ngũ tuần đại khánh của vua, dụ rằng: "Tư Giản vì văn học mà được dùng đến, không phải đã không lâu ngày và hiện nay ít người hơn được. Nay gặp lúc nước nhà luôn hàng năm có việc khánh tiết, cần đến từ chương. Vậy chuẩn cho khai phục Hàn lâm viện thị độc học sĩ sung quản Hàn lâm viện. Khi Giản đã nhận chức được mấy tháng, lại sai khảo duyệt bộ Việt sử cương mục.(1)

Vua từng hỏi Giản về quẻ Khôn trong Kinh Dịch từ chỗ các chữ "Khôn Nguyên hanh" đến chỗ các chữ "An trinh cát", bản nghĩa và truyện không giống nhau, cách chấm câu cũng khác, đều phải đoán định cho rõ, cần trả lời minh bạch. Giản trả lời cho là lời bàn nói của bốn nhà: Dương Giản đời Tống, Cù Thị đời Minh, Nhâm Khải Vận và Đường Thôi Cảnh đời Thanh là văn thuận, lý rõ, so ra hơn các thuyết khác. Vua khen là lực học và có kiến thức rồi cho thăng mãi đến Hộ bộ tả thị lang quản Hàn lâm viện như cũ.

Năm 30 (1878) vì có bệnh, ông nhiều lần dâng sớ tâu bày xin nghỉ chức về quê. Đến năm đầu Đồng Khánh (1886) Bắc kỳ kinh lược sứ xin lại dùng Giản ra lĩnh tổng đốc Ninh Thái. Vua bảo rằng: "Tư Giản là bậc lão thần của tiên triều, chuẩn cho thực thụ tổng đốc. Giản tại chức được 1 năm, thì lại ốm phải về rồi chết. Thọ 68 tuổi.

Tư Giản làm quan từ khi còn ít tuổi, đã từng trải qua những chức cao sang trọng yếu gần 40 năm. Mỗi khi triều đình có những cuộc bàn luận lớn lao về văn điển sách khó khăn, thì phần nhiều Giản được bàn bạc mà soạn ra. Giản có trước thuật ra các tập "Thạch nông thi văn", 3 quyển "yên

(1) Ở đây chỉ bộ "Khâm định Việt sử thông giám cương mục".

Digitized by Google

thiếu thi thảo", 1 quyển "Yên thiếu văn thảo", 1 quyển "Trung châu Quỳnh dao tập", 1 quyển "Tiểu tuyết sơn phòng cổ lục", 1 quyển "Thạch Nông tùng thoại", 3 quyển "Hà phòng tấu nghị". Trước ông tên là Văn Phú, sau đổi ra tên ngày nay. Con là Kham nối nghiệp đại khoa. Các con thứ là Cơ, Cảnh, Khải đều đỗ hương tiến, Chuẩn, được ấm thụ kiểm thảo, Viên đỗ tú tài. Con Cơ là Doãn Thạc đỗ cử nhân.

Cha Kham trước nằm mộng thấy trong mặt trăng có chữ "Ứng" mà sinh ra *Kham*, nên đặt tên tự cho Kham là "Ứng Tân" Kham lúc còn bé, trầm tĩnh hiếu học. Tự Đức năm thứ 24 (1871) đỗ tiến sĩ, bấy giờ Tư Giản đương giữ việc Nội các. Ngày hôm sau dâng biểu tạ ơn, vua nói rằng: "Bố dạy con là đây, nhà nước chọn nhân tài cũng là đây, chỉ còn cái cha con nhà ngươi gắng gỏi lên mà thôi".

Bắt đầu Kham được bổ Hàn lâm viện biên tu. Tư Giản nhân dâng chương xin cho Kham một hạn 10 năm về nhà đọc sách. Vua chuẩn cho hạn 5 năm. Đến khi hết hạn, Hải An tổng đốc Phạm Phú Thứ lấy cớ văn học tiến cử Kham. Triệu đến thử, hợp ý vua, bèn cho thăng vượt lên Hàn lâm thừa chỉ sung hành tẩu Nội các Ty luân sở.

Năm thứ 31 (1875), hộ tòng vua đi chơi núi Thúy Vân[1] được họa bài thơ vua làm. Vua xem đến câu "Hốt kinh phong vũ lai thiên thượng" (Bỗng sợ gió mưa từ trời xuống), vua thưởng câu này và bảo rằng "Câu thơ của ngươi giống như câu của cha ngươi (Vạn khoảnh trong lòng chưa có bến). Sao ngươi không bảo cha ngươi lại sớm. Vớt lại lúc xế chiều chưa phải đã là muộn, người ta ai cũng có cái sở trường. Trẫm hàng ngày vẫn mong đấy".

Sau được thự thị giảng học sĩ lĩnh án sát sứ Bình Định. Năm thứ 35 (1882) Kham được đổi đi Quảng Nam, đến năm sau triệu về Tham biện việc Các. Vua có cho bài thơ rằng:

(1) Tức là núi Dục Thúy ở Ninh Bình.

Digitized by Google

Thế chưởng trí luận dị luyện ti
Khẳng giáo nhân đoạt Phượng hoàng trì
Vân lôi chí cấp giang hồ hoãn
Báo quốc phương xưng cán cố nhi.

Dịch nghĩa: Đời giữ ti luân [1], tơ trắng tốt,
Há chịu người cướp áo phượng hoàng [2]
Mây, sấm chí vội, giang hồ hoãn,
Báo nước mới là con nối cha [3]

Ít lâu thăng Quang lộc tự khanh sung biện Các vụ. Năm đầu Đồng Khánh (1886) ốm chết. Thọ 44 tuổi, được truy thụ Lễ bộ hữu thị lang. Con là Vinh Tích đỗ tú tài.

*

Văn Đức Khuê

Văn Đức Khuê tên tự là Mỹ Phủ, người Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An. Cha là Đàm đã tri huyện Thủy Đường. Đức Khuê, Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) đỗ tiến sĩ, vì mẹ già, xin về nuôi phụng dưỡng. Tự Đức đầu năm (1848) bổ biên tu, lĩnh Quảng Bình đốc học. Năm thứ 12 (1857) triệu về làm Hình bộ viên ngoại lang. Sang năm sau đổi sang Hàn lâm viện thị độc lĩnh Quốc tử giám tư nghiệp, rồi thăng thụ thị độc học sĩ lĩnh chức phó sứ đi Yên Kinh (Bắc Kinh). Khi đến Quảng Tây, vì có giặc nghẽn đường lại trở về. Năm thứ 14 (1861), bổ Kinh kỳ đạo chưởng ấn kiêm hạch Tôn nhân phủ sự vụ. Gặp bấy giờ Nam kỳ hữu sự, Khuê mộ dõng đi theo quân thứ Biên Hòa cùng với hiệp tán Thân Văn Nhiếp, Nguyễn Túc Trưng trù biện việc quân, giữ chỗ hiểm đón đánh, luôn luôn ngăn được quân địch. Vua xuống chiếu khen ngợi khuyến khích và

(1) Nơi soạn chiếu chế ở Tòa Nội các. Chữ ti luân có nghĩa đen là sợi tơ.
(2) Chỉ chức tể tướng.
(3) Có hai nghĩa: 1 - con nối nghiệp cha, 2 - con chuộc lỗi cho cha, chưa rõ nghĩa nào là đúng, vì bố Kham là Tư Giản cũng hay chữ làm quan to giữ nội các, nhưng lại mấy lần mất chức.

Digitized by Google

bổ lang trung Binh bộ, tham tán quân vụ. Rồi sau Biên Hòa không giữ được, bị phạt lột chức cho đi Gia Định hội đồng với tuần phủ Đỗ Quang, lãnh binh Trương Định, bố chính Đỗ Thúc Tĩnh, án sát Nguyễn Văn Nhã tập hợp quân nghĩa dũng để hiệu lực. Quân thứ đại thần Nguyễn Tri Phương muốn tâu xin giữ Khuê lại theo giúp việc quân thứ. Nhưng Khuê từ chối, lén tìm đường đi Gia Định cùng với các quan tập hợp nghĩa binh, sửa sang súng ống, khí giới chờ khởi sự. Gặp khi hòa nghị thành, rút ông về, bổ chức Hồng lô tự khanh lĩnh phủ sứ Phú Yên. Lúc này đương đói, Khuê tận tâm trù tính việc chẩn cấp, dân nhờ vậy được qua cơn đói.

Năm thứ 16 (1863) triệu về biện lý Hình bộ sự vụ. Bấy giờ ở Hải Yên, giặc biển đương bành trướng, vua cho Khuê làm hộ lý Hải Yên tuần phủ quan phòng.

Năm thứ 17 (1864) Khuê sung Hải An quân thứ tán lý coi đạo quân thủy. Năm này, cùng với hiệp thống đại thần Trương Quốc Dụng đánh giặc ở Quảng Yên. Quân giặc, thủy bộ bốn mặt ùa đến, Quốc Dụng sai chia quân ra 3 đạo chống đánh: Phó lãnh binh Hồ Tí ở tiền đạo bị thua trước. Giặc thừa thế, trung quân Trương Quốc Dụng bị giặc giết chết. Đức Khuê ở Hậu đạo nói: "Đại thần đã chết, ta mặt mũi nào sống lấy một mình", rồi mang quân xô tới đánh mà chết. Việc tâu lên, vua truy tặng là bố chính sứ Quảng Yên, sai ban cấp hậu cho để tống táng và lục dụng một người con. Năm thứ 30 (1877) được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Đức Khuê khi còn nhỏ mồ côi bố, thờ mẹ rất hiếu, làm quan thời thanh liêm kiện ước. Khuê từng bảo con rằng "Ta không phải không biết gây dựng sản nghiệp cho các ngươi, nhưng đã không có đức để lại cho con cháu, thì cũng không muốn" chứa của bất lương để lại mối nguy cho chúng về sau". Ông vốn tên là Giai, sau được vua ban cho tên hiện nay. Con là Sỹ, do chân ấm sinh được bổ tặng chức Kiểm thảo. Con

Digitized by Google

thứ là Thùy đỗ tú tài.

*

Phan Đình Tuyển

Phan Đình Tuyển tên tự là Thuấn Cử, người La Sơn thuộc Hà Tĩnh. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) trúng Ất khoa[1] kỳ thi Hội. Bắt đầu bổ Hàn lâm viện kiểm thảo. Được bổ qua giám sát ngự sử và Tôn nhân phủ lang trung rồi cất lên chức án sát sứ Bắc Ninh, rồi có tang nghỉ việc. Sau được bổ biện lý Lại bộ sự vụ rồi chuyển sang Hồng lô tự khanh lĩnh Kinh triệu Doãn. Hồi giữa niên hiệu Tự Đức, do chân Bắc Thứ tán lý lên lĩnh chức Lạng Sơn tuần phủ. Bấy giờ giặc phỉ ở Quảng Tây lan tràn, thành Lạng ở giữa chỗ xung yếu. Đình Tuyển cầm quân đóng giữ bị giặc giết, được truy thụ tuần phủ. Năm thứ 32 (1879) được liệt thờ ở Trung nghĩa từ. Có 3 người con: Đình Vận, đỗ phó bảng, Đình Phùng đỗ tiến sĩ, Đình Thuật đỗ cử nhân. Các anh là Văn Nhã, Văn Phong, Văn Dư cũng đỗ đạt có tiếng.

*

Phạm Ý

Phạm Ý, trước tên là Văn Tường, người Quảng Điền, Thừa Thiên. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844), trúng ất khoa kỳ thi hội, do chân kiểm thảo qua làm tri huyện An Ngãi, tri phủ Quảng Hóa, vào làm ngự sử rồi thăng chức chưởng ấn. Tự Đức năm thứ 12 (1857), lĩnh Khánh Hòa án sát rồi chuyển sang án sát Gia Định. Năm thứ 14 (1861) tỉnh thành hữu sự, đại đồn bị thất thủ, Ý bị cách chức lưu dụng đổi về biện lý Công bộ. Chưa bao lâu thự chức bố chính sứ Bình Thuận. Năm thứ 21 (1868) bổ Hộ bộ thị lang kiêm quản Thông chánh sứ. Bấy giờ việc quân các tỉnh Bắc kỳ đương khẩn cấp, vua sai Ý cùng với ngự sử Hồ Trọng Dĩnh đi xem xét tình hình phỉ, tình

(1) Tức phó bảng.

Digitized by Google

hình dân và quân ta quân Thanh và tình trạng hiện hành của các tỉnh, để về tâu. Năm thứ 24 (1871) ông làm thự Công bộ tham tri rồi bổ tuần phủ hộ lý Bình Phú tổng đốc, vì mẹ già xin về gần phụng dưỡng, được đổi bổ tham tri Hình bộ. Năm thứ 26 (1873) thự tổng đốc Hải An. Bấy giờ tỉnh thành mới hữu sự xong, Ý là người phát thực làm việc cần được thiết thực, quan Đại Pháp cũng tin. Chưa đầy một năm, vào thự thượng thư Công bộ kiêm quản Quốc tử giám. Năm thứ 28 (1875) đổi thự tổng đốc Bình Phú. Nhân được triệu tờ sắc nói rằng: "Bình Định là địa phương lớn ở Tả kỳ, thực khó được người bổ nhiệm. Ngươi làm việc ở đấy nên như hồi ở Hải Dương là xứng đáng chức vụ. Cứ nên lấy công bằng, thanh liêm làm căn bản, không để Trần Văn Nhiếp riêng có tiếng tốt ở trước mắt mình". Lại bảo rằng: "Trần Bình trước làm việc ở Hà Nội, trẫm từng đem bài thơ cổ (làng ấy nhiều ngọc báu. Thận trọng đừng chán cảnh thanh bần) dụ bảo, nhưng không hề chịu nghe ta. Đến khi đi Sơn Tây để sinh tai tiếng. Việc đã qua không nói làm gì, nhân tiện thì phàn nàn thôi". Khi Ý đã đến nhậm chức trù tính tâu bày việc cơ mật quân thứ và xin hợp hai đạo quân tĩnh man ở Quảng Ngãi, Bình Định làm quân thứ Ngãi Định. Vua nghe lời.

Năm thứ 31 (1878) tiết ngũ tuần đại khánh, được gia hàm Hiệp biện đại học sĩ. Năm thứ 33 (1880) mất ở nơi làm việc, cấp cho một nghìn quan tiền, hai cây gấm tàu, sai quan ban tế. Có hai người con, người cả là Doãn Khánh làm thông phán; người thứ là Doãn Hoài đỗ tú tài, đã làm đến chức tư vụ.

*

Phan Trung

Phan Trung tên tự là Tử Đan, tên hiệu là Bút Phong, trước tên là Cư Chính. Tổ tiên người ở Phúc Kiến (Trung Quốc). Tổ bốn đời sang nước Nam làm nhà ở Ninh Thuận

Digitized by Google

thuộc Khánh Hòa. Trung là người cương nghị có khí tiết. Thiệu Trị năm đầu (1841) đỗ hương tiến đã tri huyện Tân Thịnh, vì có mẹ già xin về phụng dưỡng. Sau vì phát ra việc tranh tụng bị cách chức.

Tự Đức năm thứ 14 (1861) Nam kỳ có báo động, Trung mộ hơn một nghìn lính dõng cùng với lãnh binh Gia Định là Trương Định theo quân đi đánh dẹp, được khai phục quan tịch và đã thăng thị giảng học sĩ. Khi hòa nghị thành, triệu về kinh bạt bổ thị độc học sĩ, sung Khánh Hòa điền nông sứ cấp cho ấn quan phòng và sai đem bọn dõng mộ đi khẩn điền. Bắt đầu đến nhậm chức, Trung cùng với Bình Thuận doanh điền sứ Nguyễn Văn Phương điều bát dân phu đào con cừ Đồng Mới dài 1023 trượng, thủy thế làm cho hơn hai nghìn mẫu ruộng đất có nước cày cấy, dân được tiện lợi.

Năm thứ 32 (1879) tiết thất tuần đại khánh, Trung được sung làm Tả trực kỳ khâm điểm [1]. Vua cho vời vào điện riêng, Trung tâu thưa từng khoản tường tận. Vua khen là người trung nghĩa khảng khái, cho bạt bổ thị lang Hộ bộ, vẫn sung chức điền nông sứ. Năm thứ 36 (1883) triệu về kinh. Năm đầu Kiến Phúc (1884) vì tuổi già xin về nghỉ rồi mất năm 71 tuổi. Khi ở kinh sư tiễn chân Trung, nhà thơ có tiếng đương thời như hiệp biện Bùi An Liên cũng có tặng thơ và Trung họa rằng:

Xuất túc Hương giang dịch lộ hoành
Ngũ canh phong vũ dạ tần kinh
Quân ân trù điệp sinh hà bổ
Thế lộ khi khu lão vị bình.
Lặng thủy duy chu yên nguyệt ẩm
Tùng phong quải kiếm ngẫu vân canh
Nghị hòa miếu toán vô di sách
Hội kiến Hoàng hà vạn lý thanh.

(1) Quan ở các địa phương được vua chấm về kinh chúc hỏ.

Digitized by Google

Dịch nghĩa: Ra trọ Hương giang giữa đường cái,
Năm canh mưa gió, hãi hùng luôn.
Ơn vua chồng chất, đời vô bổ,
Đường đời gập ghềnh, già, chưa san
Lãng thủy buộc thuyền đón trăng uống (rượu)
Tùng phong treo kiếm gặp (lúc) cày mây.
Nghị hòa triều tính không sót chước,
Sẽ thấy Hoàng Hà [1] muôn dặm trong.

Lòng ưu ái của Trung biểu lộ ra lời thơ là như thế.

(1) Một con sông lớn ở Trung Quốc. Sông này nước vốn đục, khi nào nước trong người ta cho là điềm lành. Cho nên có câu "Hoàng hà thanh, thánh nhân sinh" - Hoàng hà trong thời thánh nhân sinh ra - (Từ nguyên). Không biết có phải ở đây định dùng điển ấy.

Digitized by Google

QUYỂN 36

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXVI

- Dương Trí Trạch;
- Phan Huy Khiêm (phụ: Lê Như Dạng, Ngô Xuân Kình, Lê Huy Tiến)
- Phạm Huy Bính
- Dương Doãn Hài
- Hồ Sỹ Tuấn
- Phạm Tiến Chẩn
- Phan Thúc Trực
- Trịnh Lý Hanh (phụ: Vũ Văn Lý, Trần Vỹ, Nguyễn Hữu Tạo, Hoàng Đình Chuyện, Hoàng Đình Tá)
- Trịnh Xuân Thưởng
- Nguyễn Văn Hiển
- Trần Nhượng (anh là Soạn, em là Thúc Nhân)
- Phan Hữu Tự (cháu họ: Huy Liễn)
- Nguyễn Tạo
- Ông Ích Khiêm
- Nguyễn Tăng Doãn
- Phạm Huy
- Cao Trọng Sính
- Hồ Trọng Đĩnh
- Nguyễn Văn Lợi.

*
* *

Dương Chí Trạch

Người Thượng Phúc [1] Hà Nội, lúc nhỏ thông minh.

(1) Nay là Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Digitized by Google

Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ hương giải. Buổi đầu Tự Đức bổ Thanh Trì huấn đạo, thăng giáo thụ phủ Thái Bình rồi nhân ốm xin nghỉ. Năm thứ 26 (1873) được đình cử là người văn học, hạnh kiểm đứng đắn, bổ đốc học Nam Định, sau ốm về rồi mất năm 66 tuổi.

Trí Trạch có tiếng là thờ cha mẹ có hiếu, tính điềm đạm, xử thân, tiếp xúc với người nhất thiết theo lễ; việc giảng tập càng chăm chỉ. Trạch từng bảo: dạy người không ngoài qui củ, việc học cốt ở nghiên cứu kinh sách, văn chương cần có căn cứ và tao nhã, là điều trước hết. Học trò bốn phương theo về nhiều.

*

Phan Huy Khiêm

Tự là Kỷ Chi, người Ngọc Sơn, Thanh Hóa. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ hương tiến, hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848), do chân Hàn lâm viện kiểm thảo bổ tri huyện Thọ Xương. Làm quan có tiếng giỏi, được gia chức đồng tri vào làm giám sát ngự sử. Đến khi làm án sát sứ Quảng Bình thời bị lỗi phải giáng chức đổi nơi khác. Sau lại bổ ngự sử, chuyển sang làm Hình khoa cấp sự trung rồi thăng Quang lộc tự thiếu khanh biện lý Hình bộ. Sau đó sung chức Kinh kỳ hải phòng tham biện, rồi lại bổ Hồng lô tự khanh ra lĩnh bố chính sứ Nghệ An.

Năm thứ 26 (1873), sung Hải An thủy đạo hiệp đốc, từng đón đánh giặc biển ở biển Ngọc Mai, phá được. Vua triệu về cho thăng thị lang Hộ bộ kiêm quản Đô sát biện ấn triện, Khâm sai đi công cán Nghệ An rồi ốm mất. Truy thụ là tả phó đô ngự sử.

Lại còn *Lê Như Dạng, Ngô Xuân Kinh, Lê Huy Tiến,* đều là người cùng huyện với Huy Khiêm. *Như Dạng*, Tự Đức năm thứ 11 (1858), chân cử nhân được bổ tri huyện Tứ Kỳ rồi chuyển đi tri phủ Lâm Thao, sau lĩnh lang trung Lại bộ.

Digitized by Google

Năm thứ 30 (1877) được cất lên chức án sát sứ Lạng Sơn rồi lại thăng bố chính sứ sung Tam Tuyên tán lý quân vụ. Hồi đầu niên hiệu Đồng Khánh (1886) lĩnh tuần phủ Ninh Bình, rồi ốm chết.

Xuân Kinh, tên tự là Tử Anh, Tự Đức năm thứ 14 (1861), chân cử nhân sơ bổ tri huyện Quế Dương, rồi triệu về bổ giám sát ngự sử, chuyển đi quản đạo Hà Tĩnh, trải qua án sát Truyên Quang, biện lý ba bộ Lại, Hình, Công, ra lĩnh bố chánh sứ Quảng Bình, thời bị biếm đổi về lang trung Lại bộ. Hồi đầu niên hiệu Kiến Phúc (1864) lĩnh án sát sứ Ninh Bình rồi về hưu.

Huy Tiến, Tự Đức năm thứ 20 (1867), chân cử nhân sơ bổ đi Dực Thiện, rồi tri huyện Tiên Hải. Hồi đầu niên hiệu Kiến Phúc (1884) lĩnh viên ngoại lang bộ Lại rồi đổi sung sơn phòng sứ Thanh Hóa. Con là Khắc Doãn, đỗ hương giải.

*

Phạm Huy Bính

Tự là Nguyên Bưu, người Vĩnh Lộc thuộc Thanh Hóa. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) đỗ hương tiến. Tự Đức năm thứ 7 (1854) bổ Hà Nội kinh lịch, rồi trải qua tri huyện Thạch An, Thủy Đường, kế đó cất lên chức đồng tri lĩnh tri phủ Ninh Giang. Năm thứ 16 (1863) triệu về làm Sử quán biên tu. Một thời gian lâu, đi lĩnh đốc học Quảng Bình, chuyển về lang trung Công bộ, rồi bổ án sát Khánh Hòa. Sau đó đổi làm Hồng lô tự khanh sung chức Sử quán toản tu. Huy Bính sớm nổi danh là người tài trí, làm quan suốt gần 30 năm, đến lúc tuổi già được bổ nhiệm vào chức vụ trong sử quán, thời bị bệnh về, rồi mất năm 84 tuổi. Con là Khai, đỗ tú tài.

*

Dương Doãn Hài

Tự là Ngu Doãn, người Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An. Tổ

Digitized by Google

bốn đời là Lệ, đỗ chế khoa đời Lê, làm hữu thị lang Lại bộ. Doãn Hài lúc trẻ thông minh lanh lợi, Tự Đức năm thứ 3 (1850) đỗ hương giải, bổ Hàn lâm viện kiểm thảo. Khoảng đầu niên hiệu Tự Đức bổ tri huyện Bất Bạt rồi thăng tri phủ Thăng Bình, hết lòng làm việc, được dân phủ ca tụng. Năm thứ 2 (1856) đi thự đốc học Bình Định. Gặp bấy giờ Nam kỳ hữu sự, tổng đốc Phạm Quý cử Hài đi thương nghị việc tỉnh, mộ học trò của mình lập làm nghĩa hiệu [1]. Năm thứ 12 (1857) chuyển về lang trung bộ Công quản đốc việc quân phòng thủ đồn Thừa Phúc. Rồi sau bổ thị độc học sĩ lĩnh án sát Thanh Hóa, chưa bao lâu đổi đi Ninh Bình. Bấy giờ ở Nho Quan, Thổ khấu [2] nổi lên, Hài hết sức dẹp yên, được thưởng thăng thụ án sát sứ quyền chưởng ấn quan phòng tuần phủ, rồi lại do chân hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ Thanh Hóa. Năm thứ 17 (1864) triệu về làm hộ lý Vũ khố lang trung sung tán lý Hải An quân thứ. Bị ốm xin nghỉ thì gặp can việc bị mất chức về.

Năm thứ 23 (1870), ở Ninh Thái có giặc, tổng nhung đại thần Hoàng Tá Viêm dâng sớ xin cho Hài theo quân thứ. Hài nhiều lần lập chiến công, quyền sung tán tương Tam Tuyên quân thứ, đóng ở Quán Tư, liên tiếp phá được đồn giặc.

Năm thứ 26 (1873) Hà thành hữu sự, Hài theo đại quân có thắng trận, được bổ Hàn lâm thị giảng tán lý quân vụ. Sau đó Tá Viêm dâng sớ xin lưu Hài lại sung đồn điền Tân hóa đạo. Hài chiêu mộ điền tốt, phát tranh mở ruộng, tự mình dẫn đầu, thời gian mấy năm dần thành làng xóm. Gặp kỳ đình cử xin cho Hài sung vào Sử quán. Tá Viêm tâu nói việc đồn điền chưa xong, lại thôi.

Năm thứ 31 (1878), được cất lên chức Quang lộc tự thiếu khanh sung tán lý đạo (quân) Sơn Hưng Tuyên. Bị ốm, mất

(1) Nghĩa: nghĩa quân; hiệu; đơn vị quân đội.
(2) Giặc cỏ địa phương.

Digitized by Google

ở trong quân. Doãn Hài, tính cương trực, làm quan có tiếng thanh liêm, kiệm ước. Con là Quế Phổ cũng đỗ hương nguyên.(1)

*

Hồ Sỹ Tuân

Tự là Tử Thuận, người Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) đỗ tiến sĩ. Do chân Hàn lâm bổ đi tri phủ Quảng Oai. Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1840), chuyển vào lang trung Lễ bộ, thăng thị giảng học sĩ sung Sử quán toản tu. Năm thứ 14 (1861), Quảng Yên có giặc, do hàm ấy đi thự Quảng Yên tuần phủ. Sỹ Tuân đến nhận chức, sửa đắp thành trì, vỗ yên nhân dân, đem quân dẹp bắt, bọn giặc liền rút lui về Vạn Ninh. Sang năm sau Tuân lại cầm quân tiến đánh, cả phá được, rồi bỗng bị ốm mà chết.

Vua bảo: "Sỹ Tuân đóng giữ một thành trơ trọi, có công trạng xác thực, cho truy thụ bố chánh sứ, nguyên hàm thự Quảng Yên tuần phủ như cũ". Con là Bác, Tân, đều đỗ tú tài. Tân làm quan đến chức Kinh lịch.

*

Phạm Tiến Chẩn

Người Hương Thủy, Thừa Thiên. Bố làm ngự y ngoại khoa. Tiến Chẩn, thân thể to lớn khỏe mạnh, sức ăn khỏe gấp 7, 8 người. Từ bé quen bơi lội, trông mây, trông trăng biết trước được gió mưa. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) vào lính thủy. Năm thứ 5 (1845), vua ra cửa Thuận An. Bấy giờ giữa tiết Tiểu mãn, bão nổi lên, dây kéo thuyền ngự bỗng đứt. Những vệ sĩ hổ tòng sợ luống cuống không biết làm thế nào. Tiến Chẩn liền xuống nước kéo đầu dây nối lại, được vô sự. Vua rất lấy làm lạ, khi trở về, xuống sắc ban khen và chuẩn cho thực thụ đội trưởng.

(1) Tức giải nguyên: đỗ đầu cử nhân trong kỳ thi hương.

Digitized by Google

Tự Đức năm thứ 7 (1854), vua đi Đông Lâm săn bắn, chiếc thuyền bằng (mũi) vua đi, ven ruộng nước lầy, không tiến lên được. Tiến Chẩn liền ghé vai vào thuyền tiến lên. Hôm ấy được rất nhiều chim. Vua vui lòng, liền bạt bổ Chẩn lên chức cai đội. Năm thứ 11 (1858), vì Chẩn ở lâu trong quân đội rất thuộc quân luật, chuẩn cho thăng phó quản cơ sung chức hiệp quản đội ấy. Năm thứ 13 (1860), vua chấm thi ai lấy tiếng thét lên làm vỡ được chum thì được liệt vào hạng ưu. Tiến Chẩn trúng tuyển, được thực thụ quản cơ. Năm thứ 14 (1861) sung phó vệ úy, rồi thực thụ. Năm thứ 20 (1867), sắc ban tế ở miếu Thai Dương phu nhân. Bấy giờ gió mưa ban ngày trời tối sầm lại, bão biển thổi dữ, có chiếc sào thuyền rơi xuống nước. Tiến Chẩn nhảy xuống vớt, sức gió mãnh liệt, Chẩn bị thuyền cản không ngoi lên được bị chết. Vua được tin, thương tiếc, sau mỗi lần đi Thuận An, thường nhắc đến. Năm thứ 21 (1868), được truy thự Chưởng vệ. Con là Tiến được chân quan viên tử.

*

Phan Thúc Trực

Phan Thúc Trực người Yên Thành, Nghệ An, tổ bốn năm đời đều đỗ hương cống triều Lê. Cha là Vũ gặp lúc Lê Mạt, ẩn dật học tập. Rồi đầu niên hiệu Gia Long, Ông nhiều lần lên trường quây trướng dạy học, kinh sử thường ngày từng đọc thuộc lòng, người ta đều tôn là bậc học rộng. Thúc Trực ở nhà học cha, thông minh, xem rộng, nổi tiếng hay chữ. Hồi lâu đi thi hương luôn bị quan trường đánh hỏng. Trực bèn lấy chân tú tài sung cống sinh vào học trường Quốc Tử Giám. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đỗ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, được bổ Hàn lâm viện trước tác. Tự Đức năm đầu (1848) được vào Nội các, rồi thăng Tập hiền viện thị độc sung Kinh diên khởi cư chú. Vâng mệnh làm thơ văn, luôn được vua khen ngợi. Năm thứ 4 (1851), vâng chiếu đi Bắc kỳ tìm

Digitized by Google

kiếm sách vở xưa còn lại. Năm sau về tới Thanh Hóa thì ốm chết, được truy thụ Thị giảng học sĩ.

Trước đó, chỗ ấp Thúc Trực ở có dải sông Cám Giang, hàng năm nước lụt, làm cho nhiều đồng ruộng bị lầy đọng, cỏ rả, không cày cấy được. Thúc Trực, sau khi đỗ về, giúp dân đào cừ, đắp đập. Từ đó chứa nước, tháo nước thuận tiện dân được nhờ. Sau khi ông mất, người trong ấp nhớ ơn, lập đền thờ. Những sách trước tác ra có: "Diễn châu phỉ chí", "Cẩm Đình hiệu đảm thi tập", "Bắc hành nhật lan phả thi tập". Trước tên là Dưỡng Hạo, sau lấy tên tự là Hành Quý. Con là Vĩnh, đỗ cử nhân; Định, tú tài.

*

Trịnh Lý Hanh

(Phụ: Vũ Văn Lý, Trần Vỹ, Nguyễn Hữu Tạo, Hoàng Đình Chuyên, Hoàng Đình Tá).

Trịnh Lý Hanh người Tranh Trì, Hà Nội. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đỗ tiến sĩ, đã được bổ tri phủ Thái Bình. Tự Đức năm đầu (1848), bổ vào Tập hiền viện sung Kinh diên khởi cư chú, phụng sắc cùng làm bài phú vịnh sử. Từng nghe tin bố mẹ ốm, xin về, được vua ban cho sâm quế thuốc men; đến khi có tang, lại ban cho tiền để lo việc tang ma. Năm thứ 11 (1858) bổ án sát sứ Nam Định rồi chuyển vào Quang Lộc tự khanh biện lý Hộ bộ. Gặp lúc Bắc kỳ, Thổ khấu nổi lên, được phái đi hội biện quân vụ. Năm thứ 16 (1863), vào làm hữu thị lang Hộ bộ, rồi lên thự hữu tham tri. Năm thứ 18 (1865) thăng Lạng Bình tuần phủ, rồi ốm chết tại chức. Con là Tiên Sách, Đình Kỷ, đều do chân cử nhân ra làm quan.

Lý Hanh, trước tên là Đình Thái, sau đổi ra tên này. Những người cùng một địa phương với Lý Hanh đỗ đạt kẻ trước người sau cùng một thời bấy giờ là:

Digitized by Google

Vũ Văn Lý, người Nang Xang, đỗ đồng tiến sĩ, Thiệu Trị năm đầu (1841) làm chức tế tửu.

Trần Vỹ, Nguyễn Hữu Tạo, người Từ Liêm, đều đỗ khoảng năm Thiệu Trị: Vỹ, do chức thị giảng đi lĩnh đốc học Hà Nội, Tạo thăng mãi đến bố chính sứ Sơn Tây.

Hoàng Đình Chuyên và em là *Đình Tá*, người Thanh Trì. Đình Chuyên đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 2 (1849), làm đến án sát rồi bị giáng chức đổi đi lĩnh đốc học Ninh Bình. Đình Tá, tiến sĩ Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) cuối cùng làm đến tri phủ Nghĩa Hưng..

*

Trịnh Xuân Thưởng

Tự là Đôn Mậu, người Đông Ngàn, Bắc Ninh [1]. Đỗ tiến sĩ Thiệu Trị năm thứ 7 (1847), khi dâng biểu tạ ơn, vua bảo quan Nội các rằng: "Trịnh Xuân Thưởng, dáng mạo đoan trang, thực xứng sự ước mong của trẫm" Tự Đức năm thứ 2 (1849), do chân Hàn lâm biên tu bổ đi tri phủ Hàm Thuận, chưa kịp khởi hành, thời vì có đình cử, đổi bổ làm thị giảng sung Sử quán biên tu. Năm thứ 5 (1852), bổ đi đốc học Quảng Nam thì bị giáng luôn xuống đến 4 cấp lìa khỏi chức. Năm thứ 10 lại được dùng làm Hình bộ tư vụ, qua làm Tôn nhân phủ viên ngoại lang rồi chuyển sang chức lang trung.

Xuân Thưởng tính bướng, cho nên suốt 19 năm trời bị chìm đắm ở hàng quan dưới. Sau được bổ đi án sát Sơn Tây, bị việc phải đổi xuống chức, lại vào làm đài lang, chưa đến nhận chức thời mất, thọ 56 tuổi. Vua lấy làm tiếc, truy phục cho chức cũ.

*

(1) Nay thuộc Đông Anh ngoại thành Hà Nội.

Digitized by Google

Nguyễn Văn Hiển

Tự là Doãn Trai, người tỉnh Quảng Trị. Tổ 3 đời dời đến huyện Phù Cát thuộc Bình Định. Cha là Văn Sỹ, chân cử nhân làm quan đến tri huyện.

Văn Hiển đỗ nhị giáp tiến sĩ Thiệu Trị năm thứ 7 (1847), bổ Hàn lâm viện tu soạn. Tự Đức năm đầu (1848) qua làm tri phủ Kiến Tường rồi sau đổi đi tri phủ Điện Bàn thuộc Quảng Nam. Hiển gặp việc quyết đoán sáng suốt, lại và dân đều tín phục. Quan tỉnh là Lê Dần, Đặng Kham vốn vẫn khen ngợi, biết rõ và làm sớ tiến cử lên. Gặp năm thu hoạch kém, Hiển trù nghĩ mấy điều cứu đói, phần nhiều được, quan tỉnh đem dùng. Phủ Trị (Điện Bàn) kiêm lý cả hạt Diên Phước. Những dân nghèo khổ già yếu, Hiển đem xét hỏi trước, chia ra hạng nghèo khổ nhất, nghèo khổ vừa, lập sẵn danh sách, rồi khuyến quyên được hơn 2 vạn quan để cấp giúp. Thóc kho cho lĩnh thì lựa đất đặt ra trường lĩnh, căn cứ danh sách chia thành khu, xét tên yết biển, tùy theo nơi ở xa gần mà ấn định cho giờ khắc tới lĩnh. Dân nghèo lấy làm tiện. Quan tỉnh khen là trù hoạch xếp đặt được kỹ càng, nên ơn trạch được tới tay kẻ nghèo. Tuần phủ Gia Định Phạm Thế Hiển vâng mật chỉ về mật xét tình hình Quảng Nam, cho là cái việc Hiển xử trí đối với dân nghèo nói trên rất có chính thuật, đem việc tâu lên. Vua ban khen, cho cất lên chức Hàn lâm thị độc vẫn lĩnh phủ ấy, để khuyến khích cho kẻ hết lòng về việc dân. Sau vì có bà tuổi già, tâu bày xin về phụng dưỡng. Ngoài thì giờ chăm sóc thăm nom bà, lại dạy học trò, nhiều người được thành tựu. Tổng đốc Bùi Quỹ dâng sớ cử người học thức phẩm hạnh đứng đắn, lại bổ dụng Hiển làm đốc học, học trò càng đông. Đến khi bờ biển hữu sự, Hiển làm bang biện Thi Nại quân vụ. Khi việc yên, được thưởng thụ Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, rồi sau thăng án sát sứ Quảng Ngãi. Vua bảo: Nguyễn Văn Hiển ngày thường bàn luận rất có mưu

Digitized by Google

cơ thao lược, cho đổi sung Biên Hòa quân thứ tán tương. Sau thăng lĩnh Thừa Thiên phủ phủ doãn, chưa kịp tới lỵ sở có chỉ cho đổi lĩnh tuyên phủ sứ đạo Phú Yên. Rồi mất vào năm 39 tuổi, truy tặng Phú Yên tuyên phủ sứ. Hiển có làm ra quyển "Đồ bà thành ký" và quyển "Bình Định, Phú Yên, Quảng Nam đạo chí". Em là Văn Chính, Văn Dĩnh, con là Văn Ngoan, đều đỗ cử nhân, đời đời có vì văn học được hiển đạt.

*

Trần Nhượng

(anh là Soạn, em là Thúc Nhẫn)

Tự là Ngu Quan. Tiên tổ từ miền Bắc theo Thái tổ Gia Dụ hoàng đế [1] vào Thuận Hóa mộ dân khẩn ruộng, rồi nhân ở luôn đó, nay thuộc về Quảng Điền, Thừa Thiên. Tổ bốn đời là Nghị làm quan nhà Lê. Tổ (ba đời) là Gián, gặp loạn Tây Sơn, được tin Thế Tổ Cao hoàng đế đóng quân ở Gia Định, mang con em đến theo. Gián nhiều lần có quân công, được bổ chức tham luận rồi chức trị hầu. Cha là Đản, đỗ sinh đồ khoảng năm Gia Long, vì có văn học bổ vào Nội các hành tẩu, rồi sau bị ốm về khuyến khích con học, dạy học trò, nhiều người thành đạt. Nhượng là người con thứ hai, trẻ tuổi lanh lợi. Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) đỗ hương tiến. Tự Đức năm thứ 13 (1860) bổ huấn đạo Duy Xuyên, rồi qua thăng viên ngoại lang sung Cơ mật viện hành tẩu, phái đi Đà Nẵng công cán. Xong việc về đổi bổ thị độc lĩnh án sát sứ Nghệ An. Chưa bao lâu, anh là Soạn cũng lĩnh Kinh kỳ đạo chưởng ấn. Nhượng thấy mình tài học kém anh, làm tập tâu xin thay chức anh. Vua cho phép và chuẩn cho hai người đổi chức cho nhau. Năm thứ 25 (1872) lấy chân Kinh kỳ đạo chưởng ấn theo khâm mạng đại thần Nguyễn Tri Phương đi Hà Nội công cán. Kịp khi hòa nghị thành trở về bái yết, vua nói rằng:

(1) Chỉ Nguyễn Hoàng.

Digitized by Google

"Trần Nhượng trước thự án sát Nghệ An tâu xin cử anh thay chức mình, "anh thuận, em kính, không hổ tên là Nhượng", rồi cất lên chức Hồng lô tự khanh biện lý Lại bộ. Được hơn tháng, lên lĩnh bố chính Nam Định, sau lại đổi lĩnh (chức ấy) ở Nghệ An, Hà Nội rồi đi hộ lý Hưng Yên tuần phủ. Năm thứ 30 (1877) đổi bổ Hàn lâm viện trực học sĩ sung làm giáo đạo ở Dục Đức đường. Nhượng xin từ. Vua dụ rằng: "Chức giáo đạo có cái trách nhiệm giữ gìn chính đạo, mở mang kiến thức. Người đã được đình cử là người phẩm hạnh nghiêm chính, vậy chuẩn cho sung chức ấy". Năm ấy người anh là Soạn bị có việc phải giáng xuống chức viên ngoại lang, em là Thúc Nhận thì làm biện lý bộ Lễ. Người cha, vì quan hàm của Nhượng, được gia tặng thị độc học sĩ. Nhượng cùng với anh và em dâng tờ biểu vào tạ ơn, do bộ Lại tâu thay xin vua cho biết về thứ bậc xếp hàng. Vua chuẩn cho đứng thứ bậc anh trước em sau để khuyến khích điều anh thuận em kính.

Năm thứ 33 (1880), Nhượng thăng tuần phủ Thuận Khánh. Rồi lại đổi đi (tuần phủ) Nam Ngãi, dâng sớ xin cấm chỉ đồng tiền khác hình dáng để phòng mối tệ, ổn định lòng dân. Lại nêu rõ cho là Hộ bộ làm không đúng. Quan bộ cũng dâng sớ cãi. Vua cho rằng về việc tải tiền, trước xin cấm, sau lại xin cho phép, tiền hậu bất nhất, quan bộ cũng không tránh được lỗi. Còn như tiền thuế, quan tỉnh không chịu tuân mà trích thu thì cũng là dựa nhau. Vậy đều phạt giáng cấp lưu dụng.

Năm thứ 36 (1883) Nhượng vào làm Công bộ tham tri kiêm Đô sát viện hữu phó đô ngự sử, rồi ra làm hộ lý tổng đốc An Tĩnh kiêm sơn phòng sứ.

Hồi đầu niên hiệu Kiến Phúc (1854), dâng sớ xin cho Nguyễn Văn Tài làm lãnh binh, quan phụ chính Nguyễn Văn Tường hặc là việc tâu xin không đúng, đổi xuống làm Lễ bộ thị lang rồi lại đổi đi bố chính sứ Quảng Ngãi thì bị bệnh về

Digitized by Google

nghỉ. Nhượng thường viết 8 chữ: "An thường, thủ phận, thị long, gia phúc" (1) dán ở bên phải chỗ ngồi để dạy con cháu.

Đến năm đầu hoàng thượng nối ngôi, lại mời ra dùng, cất lên chức Lễ bộ tham tri sung Kinh diên nhật giảng quan. Chưa bao lâu, xin về hưu rồi mất ở nhà năm 65 tuổi. Con là Thiện, được ấm thụ Hàn lâm viện điển tịch. Soạn và Thúc Nhẫn đều vì có chân khoa bảng được hiển đạt.

Soạn, tên tự là Tốn Thủ. Thiệu Trị năm thứ 4 (1844) đỗ phó bảng, làm quan đến tuần phủ Hà Tĩnh, rồi về hưu.

Thúc Nhẫn, trước tên là Bình, sau đổi ra tên này, tên tự là Hy Nhân. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 20 (1867) thăng mãi đến tham tri Lễ bộ. Hồi phế đế (Hiệp Hòa) sai đi cửa Thuận thương nghị giảng hòa với phái viên Đại Pháp. Đến khi Hải thành không giữ được, phẫn uất nhảy xuống sông tự tử.

*

Phan Hữu Tự

Phan Hữu Tự, người Đông Thành thuộc Nghệ An. Tổ năm đời là Trọng Hưng, hồi đầu Lê tòng quân có công lao to, làm quan đến thiêm sự viện Thiếu thiêm sự hiển phụng đại phu, sinh 18 người con, thọ 94 tuổi. Tổ bốn đời là Phi Khâm, con út, bắt đầu do khoa mục được hiển đạt, đỗ hương cống á khôi đời Lê và thi hội trúng liền tam trường, làm quan đến Thanh hình hiến sát phó sứ Lạng Sơn. Cha là Phi Hiệu, đỗ tú tài năm đầu quốc triều Gia Long, thi hương luôn bị đánh hỏng. Sinh được một con trai, chí chỉ cốt khuyến khích sao làm trọn được đạo cha. Hữu Tự lúc bé là người kỳ dị minh mẫn, thành tài về giáo dục của cha, nổi tiếng hay chữ trong châu quận. Đỗ tú tài nhiều khoa trong triều Minh Mạng,

(1) Nghĩa là: "giữ gìn bổn phận, yên trí cảnh bình thường, không cầu cạnh gì cả, thế là làm thịnh, thêm ấm phúc gia đình.

Digitized by Google

chỉ chuyên nghề giảng dạy làm trọn chí cha. Khoa Quý mão Thiệu Trị năm thứ 3 (1843), thi đỗ hương tiến và đã qua thi hội được phân số, nhưng cố xin ở nhà chờ khoa thi để tiện dạy tư, học trò ưu tú trong quận theo học càng đông.

Năm thứ 7 (1847), phái làm hành tẩu Lại bộ, sung sơ khảo trường Gia Định. Tự Đức năm đầu (1848), dự trúng đình khiêu[1], được đi hậu bổ ở tỉnh Hưng Yên, nổi tiếng là người giỏi giang thông thạo, trong vòng 4 năm qua tạm thay công việc các phủ huyện Tiên Lữ, Tiên Thi, Tiên Hưng. Năm thứ 7 (1854) thăng giáo thụ Khoái Châu, lại đi tạm thay việc các huyện Kim Động, Phù Cừ, Tiên Thi, Duyên Hà. Phàm tới đâu, đều nổi tiếng là thanh liêm cần cán, dân đều yêu mà sợ, không ai dám thỉnh thác việc riêng. Mỗi khi bàn giao công việc cho quan nói xong, liền lên đường ngay hôm đó, trở về với túi không. Quan tỉnh Vũ Trọng Bình vốn biết tiếng, nên động đâu có khuyết là phái đến. Trong 8 năm trời đi thay các phủ huyện kể đến 6, 7 chuyến, quan tỉnh luôn xin cho thực thụ không được mà vẫn bình thản, không có ý nóng nảy chen cạnh gì.

Năm thứ 9 (1856) vì có mẹ già đã 70 tuổi, xin về phụng dưỡng. Quan tỉnh tỉnh ấy xét là người làm quan thanh liêm kiệm ước, dâng sớ xin cho đổi về Diễn Châu ở nguyên quán giảng dạy để tiện việc trông nom mẹ già. Vua cho phép. Qua năm thứ 10 (1857) có đặc chỉ cải bổ làm tri huyện Đông Sơn ở tỉnh bên cạnh, để được ở gần phụng dưỡng mẹ già, vì thương cảnh nhà thanh bạch, muốn cho lấy lương để nuôi mẹ. Rồi sau thăng lĩnh tri phủ Thiệu Hóa cùng hạt; dân rất được vui vẻ, quan tỉnh luôn luôn xin cho thăng chức. Năm thứ 14 (1861) thăng bổ đồng tri rồi sung chức phân khảo trường Thừa Thiên. Xong việc lại về sung chức như cũ.

Bấy giờ Trọng Bình chuyển về tổng đốc Nghệ An, dâng

(1) Triều đình chọn cử người đi làm việc.

Digitized by Google

sớ xin đổi Tự về bang biện các công việc giang vận, hải phòng ở phủ Diễn Châu hạt nhà. Rồi lại cho Quỳ Châu là hậu lộ của Nghệ An, cho kiêm lĩnh cả phủ chức phủ ấy. Nguyên là năm đó ở Nam kỳ có cáo cấp, các tỉnh ven núi, ven biển đều có phòng bị khẩn, nên phần nhiều chọn những người thổ trước giỏi giang sung làm. Năm thứ 15 (1862) cuộc giảng hòa xong, bỏ phòng bị. Tự được thăng bổ Trừng tự ty viên ngoại lang bộ Lại. Chưa đầy năm, được phép về phụng dưỡng mẹ già. Sau khi về quê, quây trường dạy học, trường mở ít lâu, học trò ưu tú theo về rất đông. Ngoài việc nuôi mẹ, dạy học ra, không có chí đồ việc gì khác, kẻ thức giả khen là cao thượng. Năm thứ 17 (1864) Trọng Bình lại dâng sớ xin chọn đặt chức Diễn Châu kiểm biện và lại cho Hữu Tự sung làm. Hữu Tự cũng vẫn mở trường dạy học ở nơi gần thành để tiện khi bất thần ứng hành việc công. Tự thường nói với người ta rằng: "Thế (nước) thay đổi, thời buổi khó khăn, mình không bổ ích cho việc nước. Nếu như dạy học có thể lưu được chút ơn về sau, thế cũng là đủ rồi". Sau đó nuôi mẹ xong, ốm rồi mất ở nhà năm 60 tuổi.

Hữu Tự là người đứng đắn nghiêm nghị, ngày thường không có cáu gắt, không bông đùa. Thờ mẹ già rất cẩn thận, người trong quận đều khen là hiếu hạnh. Trị việc nhà rất có phép, con trai, con gái đều nghề nào nghiệp ấy, giữ lễ phép tuy nghèo. Vả việc học rất là chính đạo, dạy người thường trước cần phẩm hạnh, nhân nghĩa sau mới đến văn bài, lúc tiến lúc lui, dung nghi cử chỉ tất phải nghiêm chỉnh theo lễ, vào trong nhà nghiêm lạnh như tờ, cho nên học trò mộ về phong cách, mô phạm mà ham vui theo học, về sau nhiều người thành đạt, có người làm đến tri mục một phương. Con là Hữu Trí, chân ấm sinh, tú tài, hiện tri huyện Tùng Thiện nghỉ phép về nhà. Con thứ là Phu vì theo quân thứ có công, thưởng hàm cửu phẩm. Con út là Xuy, chân viên tử.

Digitized by Google

Huy Liễn là người cháu họ con thứ ba trong phái họ Hữu Tự, hiện là Uẩn Trai. Tổ 4 đời là chân sinh đồ trong thời Lê. Tổ 5 đời là Doãn Cầu, làm đồng tri ở Gia Hưng. Cha là Đức Hàm, đỗ 5 khoa tú tài trong khoảng Gia Long, Minh Mạng, sau vì có cháu là Huy Quán quan to do đó được tặng triều liệt đại phu Hàn lâm thị độc học sĩ. Huy Liễn là con thứ ba, lúc còn trẻ đi theo Hữu Tự, có tiếng về văn học, phẩm hạnh. Thiệu Trị năm đầu đỗ tú tài. Khoa Nhâm tý Tự Đức thứ 5 (1852), cả 3 anh em cùng đỗ hương tiến bảng giáp, bảng ất. Sau ở lại quê học tập và dạy học kể có hơn 10 năm, học trò theo đến học nhiều, có kẻ hiển đạt. Kịp tới khi đến lệ được ra làm việc, được sung làm giảng tập trong phủ Phù Cát Thuận công. Sau bổ đi huyện doãn Kim Động, có tiếng liêm, cần. Khi tới nhậm mới được hơn trăm ngày, một hôm gần nửa đêm, Liễn nghe phía ngoài huyện lỵ có tiếng ồn ào như có quan quân, thân ra tuần xét thì im lặng không thấy gì cả, bèn về ngủ. Được một lúc, không bệnh tật mà mất. Quan thượng ty cùng dân hạt không ai không lấy làm lạ, lại yêu mến mà thương tiếc, cấp giúp và mang về quê chôn rất được ưu hậu.

Huy Liễn là người thành thực đứng đắn, cho nên lúc chết cũng khác. Sau vì con là Huy Quán hiển quí, nên được tặng trung nghị đại phu Thái bộc tự khanh. Con thứ có công được thưởng hàm cửu phẩm.

*

Nguyễn Tạo

Tự là Thăng Chi, người Lễ Dương, Quảng Nam. Chu tên là Đạo, có tiếng khen là nhà dòng dõi phẩm hạnh nhân nghĩa. Tạo lúc trẻ có tiếng hay chữ, Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) đỗ hương tiến, 6 lần đến lễ vi[1] đều bị hỏng. Tự Đức năm thứ

(1) Tức thi hội.

Digitized by Google

15 (1862) mới được do lệ tuổi bổ huấn đạo huyện Gia Lộc. Nhân có việc đổi bổ đi Hương Trà. Sau thăng biên tu, sung Tập hiền viện khởi cư chú, giữ việc chú thích các thơ và sử vua làm ra cùng biên tập các sách sử yếu. Năm thứ 18 (1865) đổi lĩnh huyện Phù Cát. Huyện này mới đặt, đất rừng rậm có nạn hổ báo, lại lắm trộm giặc, từ trước vẫn phải quan quân đến đóng. Tạo tận tâm vỗ yên, lưu nhậm được 3 năm thì ruộng đất mở mang, trộm giặc yên, nạn hổ cũng hết. Bấy giờ có 2 thôn An Lạc, Vĩnh Thắng nhiều đinh, ít ruộng, Tạo khuyên bảo được thôn Chính Lộc đem 25 mẫu công điền nhượng cho. Quan tỉnh là Thân Văn Nhiếp đề cử là hạng tôi xuất sắc, được dụ ban khen, hậu thưởng cho một tấm "Liêm, Bình, Cần, Cán" nhị hạng tử kim khánh lại thăng thụ chức yếu khuyết[1] tri phủ, giao cho bộ bổ ngay và thông lục đi cho các thú lệnh trong kinh và các tỉnh biết việc khuyến khích đặc cách đó.

Bấy giờ Hữu Tạo đã có chỉ lĩnh chức Lại khoa cấp sự trung, chưa kịp nhận chức, liền cải bổ đi phủ Hoài Đức. Qua một năm, thăng thị độc lĩnh án sát sứ Hải Dương. Các phủ huyện Nam Sách, Đông Triều trong tỉnh hạt bị bọn phỉ người Thanh là Tăng Á Trị quấy nhiễu, quan quân đương tiến đánh. Tạo vận lương tiếp tế, lại cùng với tán lý Ông Ích Khiêm, đề đốc Đặng Duy Ngọ mang lính dõng quầy đánh, cả phá được thưởng 1 đồng Tam thọ kim tiền. Năm thứ 25 (1872) có tang cha đời chức. Khi hết tang, thăng thụ thị độc học sĩ sung biện các vụ. Năm thứ 27 (1874), Phạm Như Mại, Nguyễn Tấn ở Nghệ An và Nguyễn Hàm ở Hà Tĩnh lập thế ỷ giốc gây biến loạn, thành Hà Tĩnh thất thủ. Vua cho là Quảng Bình tiếp giáp, cần phải đề phòng, đánh dẹp. Tạo là người am hiểu lão luyện, được thăng bố chánh tỉnh này, chưa bao lâu thời đổi đi Nam Định.

(1) Yếu khuyết: Hạt trọng yếu.

Digitized by Google

Tạo từng nhân khi tâu việc kèm việc xin cho kinh lý miền núi Quảng Nam, vì cho rằng miền thượng du hạt này, một giải tá giang từ đồn Bảo Định đến đồn Phúc Sơm rừng gò hoang vu phần nhiều là rộng rãi màu mỡ. Xin đặt nha sơn phòng, chọn người địa phương giỏi giang trông coi công việc, trích hương binh đến đóng để khai khẩn và lượng tha những tù tội cho đến ở để khẩn khoang. Hiểu dụ những thân hào vật lực, nếu ai tình nguyện mộ điền tốt, sắm lấy đồ vật, lương thực, điền khí, dồn lập thành đội ngũ, đặt người cai quản đưa đến khai khẩn, đều chiểu lệ có thưởng có phạt. Vua y lời xin, cho Tạo là người tốt, giỏi mà có lòng, cho đổi lĩnh chức ấy. Hôm bái mạng ra đi được vua phê bảo rằng: "Ngươi chuyến này nên làm thế nào sớm được thành hiệu, khiến cho dân ngày thêm được vui về điều lợi". Khi Tạo đến sơn phòng, lại dâng sớ xin lấp sông Vĩnh Điện, mở sông Ái Nghĩa. Bấy giờ nhân có hạn mất mùa, Tạo trù tính xin 8 điều:

1- Ngăn giữ những nơi danh sơn để giữ gìn địa mạch.

2- Làm lối dẫn thủy để giúp cho nghề nông.

3- Hoãn việc kén lính nhiều để dân được hồi lại.

4- Miễn hết điền tô, thâu thuế năm ấy.

5- Mỗi năm, thuế vụ đông đổi làm hợp thu về vụ hạ năm sau.

6- Cấp chẩn để đỡ túng đói cho dân.

7- Đình việc phái đến quyên khuyến.

8- Đình việc phái người đến thu mua cao da trâu. Vua đều nghe lời.

Năm 31 (1878), vì Tạo trước ở Nam Định để bọn nha lại coi kho làm thiếu khuyết của công, đến khi ở sơn phòng thời giặc Man phát ra nên bị cách chức hiệu lực, về tỉnh chuyên làm việc doanh điền và khơi sông. Năm ấy dân đói to, ủy ông đi trù việc cứu chữa nạn đói đắc lực, được trả lại hàm

Digitized by Google

biên tu và đổi hàm bổ đi giáo thụ Thăng Bình rồi lại quyền chức đốc học tỉnh ấy, học trò tin theo nhiều. Khoảng niên hiệu Hàm Nghi thăng Trước tác sung Cơ mật viện thừa biện, ông xin từ chối không đến. Bỗng gặp kinh thành có cáo cấp, tỉnh hạt xôn xao lên, bị quan Pháp nghi ngờ, Tạo được đòi về Kinh cho theo Tả trực kỳ khâm sai Phan Liêm để về hiểu dụ cho yên, khi việc xong, do nguyên hàm sung Sử quán thừa biện, mới được mấy tháng, thời mắc bệnh về. Từ đó không có ý ra làm quan nữa, làm sẵn ngôi sinh phần ở cái gò phía đông nam nhà, trồng nhiều hoa cỏ, cây cối, rồi thường mời thân thuộc khách khứa đến đó du lãm, uống rượu luận văn hoặc bàn những việc hồng hoang, hải ngoại, cho qua những năm tàn, nghĩa là có cái phong cách của Đường Tư Không, Biểu Thánh vậy. Mất năm 70 tuổi. Thành Thái năm thứ 5 (1891) truy thụ Hàn lâm viện thị giảng. Bấy giờ chính phủ đại thần Văn minh đại học sĩ Kim Giang Nguyễn Trọng Hợp vốn quen biết Tạo, nhân đặt cho tên hèm là Hữu Khang, đó là bắt chước đời xưa đặt riêng tên hèm cho nhau vậy.

Tạo là người thanh liêm, giỏi giang, làm quan ở đâu đều có tiếng tốt, được vua phê rằng: "Quan giỏi hiếm có". Lại có dụ rằng "Ai thanh liêm tài giỏi được như Nguyễn Tạo thời hậu thưởng". Tạo vốn được vua phân biệt yêu mến là như vậy đó. Khi tuổi già xin kinh lý mọi việc là có lòng cáng đáng công việc, nhưng bận việc công lại không được ở yên một nơi với chức vụ, lại nhân luôn gặp biến cố, nên khó làm trọn được ý định. Thức giả lấy làm tiếc.

*

Ông Ích Khiêm

Trước lên là Ích Khiêm, tên tự là Mục Chi, người Diên Phước, Quảng Nam, lúc nhỏ là người trí tuệ. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đỗ hương tiến mới 15 tuổi. Vua cho mời vào Tả thi lậu viện cho thử lại bằng bài thơ lấy đầu đề là: "Thiếu

Digitized by Google

niên đăng cao khoa" [1]. Bài làm của Ích Khiêm có câu:

Đắc lộ giai anh tuấn
Hà tài đáp thánh minh.

Dịch nghĩa: Thanh niên gặp bước tiến lên
Có tài gì để báo đền thánh minh.

Vua ban khen. Bắt đầu bổ Các thuộc rồi chuyển bổ Kim Thành tri huyện. Tự Đức năm thứ 15 (1862) can việc thu bổ tiền tu tạo huyện lỵ bị cách chức. Gặp bấy giờ giặc biển ở Hải An cùng với phỉ Ước, phỉ Độ họp đồ đảng cướp bóc, Ích Khiêm xin mộ dõng theo quân thứ hiệu lực chuộc tội, được phục lại hàm tri huyện, sung vệ hiệp quản Chiến sĩ. Lâm trận đốc chiến có công, được bạt bổ tri phủ sung đốc binh. Năm thứ 18 (1865), giặc biển phạm các đồn Quỳnh Lâu, Yên Trì, Khiêm cả phá được, bắt và chém hơn một trăm tên. Lại cùng với phó vệ úy Phan Đình Thỏa mang quân thu phục được thành phủ Hải Ninh, được thăng thị độc sung tán tương, gia thưởng 1 tấm kỷ công tử kim khánh. Đến khi quan quân khải hoàn, được cất lên chức Hồng lô tự khanh biện lý Lễ bộ. Năm thứ 20 (1877) vua thấy Ích Khiêm trước ở Hải Dương mộ thủ hạ hơn 600 tên lập thành Thành dũng cơ tiễu phỉ có công, cho bạt bổ Thị lang Binh bộ và ban cho 1 tấm Hiếu nghĩa tử kim khánh. Gặp lúc tên phạm trốn bên đất nhà Thanh là Vi Tái Thọ tụ đảng ở Bắc Ninh gây việc, vua sai Khiêm sung khâm phái Bắc Ninh tiễu phủ sứ, ban cho quần áo, 20 lạng bạc rồi cho đi đánh. Ích Khiêm đến quân thứ, chia phái quan quân đi thám bắt được 65 tên phạm. Ít lâu, bọn phỉ ở Thái Nguyên trở nên hung dữ, quân bộ biên bị thua. Tổng đốc Ninh Thái Phạm Chi Hương tâu xin cho Khiêm coi hạt Thái. Ít lâu, vì tiến đánh thất lợi bị thương. Việc tâu lên, vua cho là quan văn như thế cũng hiếm có, cấp cho 10 lạng bạc chữa thuốc. Lại dụ rằng chữa mau để đi đánh để thu lấy cái thành

(1) Nghĩa là "trẻ tuổi đỗ cao".

Digitized by Google

hiệu đã hăng hái đánh giặc, đừng thấy thua một trận mà chán nản".

Năm thứ 21 (1868), bọn phỉ tiến đánh ở Cao Bằng lại nổi lên. Vua sai Chi Hương đi Cao Bằng trù tính đánh dẹp, Ích Khiêm thời quyền giữ ấn tổng đốc quan phòng. Chưa bao lâu, Khiêm đổi sang (tán lý quân thứ Lạng Bình, cùng với đề đốc Nguyễn Viết Thành hội họp với phó tướng Tạ Kế Quý nước Thanh đánh phỉ ở Thất Khê, cả phá được, có trong nửa ngày đốt luôn được hơn 30 đồn giặc. Kiêm được thưởng các hạng nhẫn vàng khảm pha lê lóng lánh. Sau bị việc để cho quân bộ biền đi đốt nhà cướp của, khép vào tội đồ, vẫn cho phép mộ lính dõng theo đi đánh giặc.

Năm thứ 22 (1869) bọn phỉ nước Thanh là Ngô Côn đem đồ đảng đánh vây tỉnh thành Bắc Ninh, khí thế rất hăng. Bọn khâm sai Nguyễn Văn Phong, đình thần Bùi Tuấn bám chặt thành cố giữ. Ích Khiêm được tin, từ huyện Kim Anh ban đêm binh voi gấp đường xông tới đánh. Trong ngoài giao nhau bắn, Côn bị trúng đạn lạc, bèn giải được vây, được phục hàm bố chính sung tán lý, và thưởng thêm 1 đồng kim tiền "Vạn thế vĩnh lại" hạng lớn, 1 tấm bội bài bằng ngọc quí và 50 lạng bạc. Khiêm lại đốc suất đi với lãnh binh Hà Nội Trương Trường Hợp và quyền đề đốc quân thứ Thái Nguyên Nguyễn Văn Nhuận đánh phỉ ở xã Thanh Tước bắt và chém được rất nhiều. Phỉ sợ, rút lui. Ích Khiêm đời quân về quân thứ Sơn Tây. Gặp lúc bọn phỉ chia nhau đóng giữ Phú Bình, Đại Từ, chẹn lối sau của Thái Nguyên, Ích Khiêm liền đem quân bản bộ và quân đạo Sơn Tây, hợp tiễu để giải nguy cấp cho tỉnh Thái.

Năm thứ 23 (1870) Khiêm cùng với tham tán Lê Bá Thận đánh phá đảng lũ của Hoàng Văn ở trong rừng Lục Ngạn, được cất bổ lên tham tri Binh bộ và đổi sang tán lý Lạng Bình, ít lâu thăng lên tham tán. Bấy giờ bọn phỉ Tô lại

Digitized by Google

chiếm cứ thành Lạng. Ích Khiêm sai bắn đại bác vào cửa đông thành, bỗng bị phỉ bắn trả lại làm chân trái bị thương, bèn mang lính tùy tòng trở về Hải Dương. Vua thấy luôn lập chiến công, ban cho sâm quế, xuyên tam thất, bạc cùng đồ vật và gia ơn cho được cách chức lưu dụng, nghỉ giả hạn rồi lại tới quân thứ. Nhưng thứ thần tâu rằng hôm bị thương, Khiêm đã chọn lấy 200 lính giỏi ở đồn để hộ vệ mình (trở về), Khiêm lại bị giáng xuống Quang Lộc tự khanh vẫn sung tán lý.

Năm thứ 24 (1871) Ích Khiêm đóng quân thứ ở Đông Triều dẹp phỉ được thắng lợi luôn. Mùa hè năm ấy, bọn phỉ lại cướp Sơn Tây. Khiêm được thăng thụ thị lang gia hàm tham tri đổi tham tán quân thứ Sơn Tây, chuyên đốc lạo quân Sơn, phàm việc quân cơ được làm tập tâu riêng phát đệ.

Năm thứ 25 (1872), tháng 2, Khiêm cùng tán tương Nguyễn Dy phá tan sào huyệt phỉ ở Quán Tư, lấy lại huyện Trấn Yên, được thưởng thêm 1 tấm kim bài. Ích Khiêm lại họa địa đồ Sơn Hưng Tuyên dâng vua. Vua xem, nói rằng: "Nay hãy trù tính Hưng trước, Tuyên sau". Ít lâu, vì trận đánh ở Đại Đồng thua, rút lui, bị cách chức lưu dụng.

Năm thứ 26 (1873) bọn phỉ vây ép đồn Phong Đăng, Khâm mạng Nguyễn Tri Phương và thống đốc Hoàng Tá Viêm muốn thừa hư đánh úp lấy sào huyệt phỉ ở Đại Đồng, kíp đòi các đạo binh sách viện. Ích Khiêm vốn bất hòa với Tá Viêm, bèn lấy cớ giặc đông, đường hiểm, lại vin cớ có bệnh, rồi lui quân đóng một nơi. Tri Phương cho là Khiêm tiến hay ngừng tự ý, không tuân tướng lệnh, hặc xin cách chức giao cho theo quân thứ Tuyên Quang sai phái. Sau vì có bệnh trở về.

Năm thứ 27 (1874), tổng đốc mới Hải Dương Phạm Phú Thứ là người cùng huyện với Khiêm, nhân về thăm bố mẹ, tạt qua nhà Khiêm Khiêm nói: "Bệnh cũ ngày một hết, tuổi ngày một cao, không ra lo toan báo đáp thời là người phụ ơn, phụ lòng". Đến khi Phú Thứ về kinh tâu xin cho Khiêm chức

Digitized by Google

tán tương để đi quân thứ Bắc Ninh đánh dẹp. Vua y cho, lại thấy Khiêm là người dũng nhưng vô lễ, răn rằng: "Người có lễ độ phải lưu tâm trau đồi kinh Thi, kinh Thư thì mới là viên tướng văn nho". Ích Khiêm mới đến quân thứ, đánh phỉ ở Yên Định rồi tự thu quân về. Tổng đốc Bắc là Lê Thuyết[1] thấy Ích Khiêm đánh trận tổn hại nhiều và tự tiện đem quân về không theo tướng lệnh, bèn bắt khóa giam lại, tâu xin xử trí. Khiêm liền bị triệt về kinh chờ án. Nhân mắc bệnh tâm hỏa, được cho về.

Năm thứ 35 (1882) vua nghĩ tình vất vả, giỏi giang, dùng lại làm Hồng lô tự khanh biện lý Hộ bộ. Ích Khiêm tâu bày về kế sách nước mạnh dân giàu, đại lược nói rằng: "Dụng binh tất trước hết phải lý tài, mà sinh tài thời không gì bằng khai mỏ. Lạng, Bình, Ninh, Thái, Tam Tuyên có nhiều khoáng sản. Thần, từ khi tòng quân đi qua các mỏ, hỏi các phụ lão, biết rõ về lợi hại, đã nghĩ kỹ rằng cái thượng sách làm cho phú cường tướng không ngoài việc đó. Xin cứ mỗi cái mỏ đặt ra chánh phó sứ mỗi chức một người, rồi chiêu mộ phu mỏ sửa sang khí cụ, chỉnh đốn kỹ thuật để khởi công khai. Lại chọn văn võ đại thần cho sung chức Bắc kỳ kinh lược kiêm chánh phó tổng khoáng đại thần, để trông coi, đôn đốc và trấn áp, cho được có đầu mối. Lại ở chỗ tiếp giáp hai hạt Bắc Ninh, Thái Nguyên đóng doanh mở ra cục đúc tiền và lập trường diễn võ, rồi chọn tráng binh đến đấy và duyệt để dùng phái đi đàn áp và phòng khi hữu dụng". Vua đều cho là phải, nhưng việc biên giới chưa rồi nên không quả quyết làm. Rồi Khiêm được bổ thị lang sung tham lược kinh kỳ hải phòng coi đắp các đồn Thái Dương, Lộ Châu. Ích Khiêm, ý muốn làm mau xong, có vẻ nghiêm khắc, tàn bạo. Vua hạ dụ khiển trách, giáng xuống chủ sự, cho đời đi phòng thủ đồn Hòa Quân. Ích Khiêm nhân làm bảo thơ cảm hoài rằng:

(1) Đây là Tôn Thất Thuyết.

Digitized by Google

Cô tửu tha ca đường giới khúc
Lâm lưu điếu Khuất Nguyên hồn
Hòa quân đài tội cam thần phận
Vũ lộ, lôi đình vạn lý môn.

Định nghĩa: Mua rượu, hãy hát khúc Đường Giới [1]
Tới dòng, khó viếng hồn Khuất Nguyên
Hòa quân chờ tội, thần cam phận
Ở uy của vua xa dặm ngàn.

Chưa bao lâu được phục hàm thị giảng tham biện phòng vụ. Đến khi đồn cửa Thuận không giữ được, Ích Khiêm thu hơn 700 quân về đến bến Nam Phổ vẫn chưa thôi tiếng trống hiệu. Việc tâu lên, vua quở, đổi sang chức biện lý Lễ bộ. Sau đó Nguyễn Văn Tường, Lê Thuyết mưu với nhau phế lập, giả cách thuận cho phế đế nhượng ngôi, lui về phủ cũ, rồi mật bảo Ích Khiêm và Trương Đăng Thê mời vua đến nha Hộ Thành cho uống thuốc độc giết chết.

Đầu niên hiệu Kiến Phúc (1854) thăng thụ thị lang tấn phong tước Kiên Trung Nam. Tháng 5 ấy, mang 50 lính đi thẳng về quê ở tỉnh Quảng Nam. Bọn Ngự sử Đào Hữu Ích đàn hặc là tự tiện bắt binh mã giao thông với phủ đệ, Khiêm lại bị cách chức phát đi an trí ở Bình Thuận rồi mất ở trong ngục, bấy giờ 55 tuổi. Hồi đầu niên hiệu Hàm Nghi (1885) truy phục hàm thị độc.

Ích Khiêm vốn có mưu lược, chỉ phải cái tính nóng nảy. Dục Tông Anh hoàng đế yêu về tài, cho nên y nhiều lần ngã lại nâng lên và từng đã xuống dụ tha thiết khuyên răn rằng: "Từ xưa sai đường, tất thận trọng chọn người có ngũ đức [2] để ủy thác cho ba quân, thực là có quan hệ đến dân sinh, quốc sự. Cho nên quẻ Khiêm phải có sự khiêm ti là tự tu

(1) Đường Giới Khúc, chưa rõ điển ở đâu.
(2) Ngũ Đức: là 5 đức tính tốt làm tướng: Trí, nhân, dũng, nghiêm, minh. Hình như xuất xứ ở Tôn tử binh thi, không nhớ rõ, còn cần tra lại.

Digitized by Google

dưỡng bản thân, mà quẻ Sư Trinh có sự tốt lành là dùng được người đúng. Tôi kính. Ngươi vốn con người học thức mà ra, phải cái tính khí cương cường nóng nảy, phàm việc không chịu ở sau người và vững theo mệnh người. Việc ngươi đánh dẹp bọn phỉ ở tỉnh Bắc, khí tiết, công lao, trẫm đều đã rõ hết. Cho nên, không vì chút sai lầm mà vội bỏ, có mưu lược gì đều nghe theo; có lỗi nhỏ thời che chở, cố tình thương tiếc bảo toàn cho. Trẫm đối với ngươi là như thế nào? Thế mà gần đây được tin là ngươi đến đâu phần nhiều dung túng cho quân sĩ làm càn. Nếu quả thực như vậy thời dân còn trông mong gì! Từ xưa, danh tướng nhân, minh dụ để người ta tâm phục, cũng đủ để người ta sợ uy, cho nên đến đâu cũng thành công. Nếu chỉ có dũng cảm mà không có trọng hậu để điều hòa thời không phải là điều mà danh tướng cần có. Huống chi binh là đồ dữ, chiến là sự nguy, mà ngươi làm theo cái tính đố kỵ như thế, thời chẳng biết thận trọng vì nước vậy, chứ cũng chẳng biết tiếc thân mình hay sao?! Nay trẫm vì ngươi mở cho cửa pháp luật, để thức tỉnh nhà ngươi khỏi giấc mộng say; nếu ngươi còn biết hối cải để khỏi phụ cái ơn tri ngộ, thì là điều mà trẫm rất mong mỏi. Bằng cứ còn vô biên, quên lời ân cần dạy bảo, thời trẫm sẽ phó mặc cho công luận triều đình, dù ngươi có tài cũng không tha luôn mãi được". Ấy, Khiêm được vua dạy chu đáo như vậy.

*

Nguyễn Tăng Doãn

Tự là Tử Cao, người Hải Lăng thuộc Quảng Trị, đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847). Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848) do chân hậu bổ đi tạm thay việc huyện Bồng Sơn, can việc phải về bộ hiệu lực chuộc tội, rồi được khai phục sung vào Nội các hành tẩu. Năm thứ 18 (1865) lĩnh viên ngoại lang Cẩn tín ty, được phái đi cùng với bố chính Quảng Năm Đặng Huy Trứ sang Quảng Đông do xét tình hình nước ngoài.

Digitized by Google

Sau bổ chủ sự lĩnh viên ngoại lang Hộ bộ, rồi lại phái đi thủ đô nước Pháp. Năm thứ 23 (1870) cùng với quản đốc Lê Huy đi Hương Cảng, Áo Môn công cán. Ít lâu, bị giáng đổi xuống Binh bộ tư vụ. Sau một thời gian, bổ viên ngoại lang lĩnh án sát sứ Nghệ An. Năm thứ 26 (1873), do chân Hồng lô tự khanh sung bồi sứ sứ bộ sang Tây, cùng với chính sứ Lê Tuấn, phó sứ Nguyễn Văn Tường đi đến Gia Định. Gặp lúc Bắc kỳ hữu sự, bèn cùng với Thống soái Pháp Giu Bi Lê định hòa ước rồi trở về. Sau được cất lên chức tả thị lang Lại bộ và lại cùng Nguyễn Văn Tường đi Gia Định cùng với Thống soái Pháp Cơ Lăng giảng định bản thương ước. Năm sau, vì Thương chính mới mở, phái đi Hải Dương, Hà Nội điều tra, trù tính công việc nên làm. Rồi lại vì có hiệp lực đánh giặc biển có công, được thưởng 2 lần quân công kỷ lục. Sau đó thì lĩnh tuần phủ Hải Dương kiêm lĩnh công việc Thương chính.

Năm thứ 30 (1877) triệu về bổ Tả tham tri Lại bộ sung chánh sứ sang Tây. Vua để ý đến việc mất đất đai, muốn nhân việc tính cách lấy lại. Khi Doãn sắp khởi hành, vua ban sắc rằng: "Đại phu ra nước ngoài, xem việc gì nên làm thì làm, nếu có lợi cho nước nhà, mong cố gắng lo toan". Đi sứ về, thăng Lại bộ thượng thư sung Cơ mật viện đại thần.

Năm thứ 32 (1879) ốm chết tại chức, vua sai đưa về quê chôn và sắc cho tỉnh thần ban tế. Con là Tăng Ý, đỗ hương tiến, làm đến phủ doãn Thừa Thiên, Tăng Khác, ấm thụ kiểm thảo.

*

Phạm Huy

Tự là Bá Chước. Tổ tiên là người Nghệ An. Tổ 16 đời là công thần nhà Lê. Đến khoảng Hồng Đức mới đời đến ở Hải Lăng thuộc Quảng Trị.

Digitized by Google

Huy, lúc nhỏ chăm học, đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) bổ tri huyện Châu Lộc. Huy khuyên dân bỏ thóc ra lập nghĩa thương, có năm bị mất mùa, đem giúp cho dân khỏi đói, được cất lên đồng tri phủ rồi qua tri huyện Chân Định lại chuyển về Mỹ Lộc. Quan tỉnh thấy là người có tài đức công lao, đề cử được thăng lên Thị độc Nội các lĩnh chưởng ấn cấp sự trung. Ít lâu, bổ thị giảng học sĩ lĩnh án sát Quảng Nam, rồi bổ bố chính hộ lý tuần phủ Hưng Yên. Tự Đức năm thứ 20 (1867), lĩnh Kinh triệu doãn, can việc bị đổi xuống chủ sự, phái đi khám mỏ vùng Quảng Bình ốm rồi chết, truy phục viên ngoại lang. Sau vì có con là Ngọc Thọ làm quan to, được tặng Thái bộc tự khanh.

*

Cao Trọng Sính

Tự là Hy Liễu, người Đông Thành thuộc Nghệ An. Đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847), được bổ huấn đạo huyện Lệ Thủy, sau thăng giáo thụ Thiên Tường rồi qua tri huyện ở 4 huyện Chân Ninh, Hàm Yên, Hoằng Hóa, Hòa Đa. Làm quan thanh liêm, kiệm ước có tiếng tốt, được cất lên chức đốc học Quảng Bình. Tự Đức năm thứ 17 (1864), lĩnh Quốc tử giám tư nghiệp rồi chuyển sang lĩnh lang trung Binh bộ. Vì trước ở Hoằng Hóa làm việc đào sông, không nộp thuế, án xét phải đền hơn 4 nghìn quan tiền công, được cho khoan hạn tìm nộp. Sau lâu, lại ra lĩnh học quan Bình Định rồi lại đổi đi đốc học Bình Thuận. Những học trò trong hạt và hào mục ở 2 huyện Tuy Lý, Hòa Đa tình nguyện đền thay xong khoản tiền đó. Quan hữu tư đem việc tâu lên, vua bảo "ở lâu được lòng dân", rồi chuẩn cho bổ Hàn lâm viện thị giảng học sĩ lĩnh án sát sứ Bình Thuận. Sau đến niên lệ xin về hưu. Mất năm 73 tuổi.

Trọng Sính là người tính nết điềm đạm, hòa nhã, giản dị và gìn giữ với mọi người, lòng rất ham được dạy dỗ những

Digitized by Google

kẻ hậu học. Làm giáo chức nhiều nơi, nhà luôn túng thiếu, vẫn bình thản như không vậy. Học trò, nhiều người thành đạt, có kẻ làm đến tư mục một phương.

*

Hồ Trọng Đĩnh

Tự là Tử Tấn. Tổ tiên vốn người ở Vũ Lâm thuộc Triết Giang (Trung Quốc). Tổ xa đời là Hưng Dật làm thái thú Diễn Châu khi về nước, để lại người con thứ hai ở đây. Sau lại từ Diễn Châu đi Quỳnh Lưu. Tổ 12 đời là Ước Lễ, đỗ tiến sĩ đời Lê, làm chuyển vận sứ. Từ đó kế thế khoa bảng.

Trọng Đĩnh đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) Hồi đầu Tự Đức (1848) bổ Kinh lịch Ninh Bình tạm thay việc huyện Kim Sơn, được xét cử vào ưu đẳng, cất lên chức Tri phủ Kiến Đường. Rồi triệu về làm giám sát ngự sử, lại chuyển sang lang trung Hộ bộ và thăng Kinh triệu thừa. Thế rồi bổ Hồng lô tự khanh hộ lý ấn quan phòng Vũ khố, được thưởng 1 tấm "Liêm, Bình, Cần, Cán" tử kim khánh. Sau lại ra sung hà đi sứ Bắc kỳ được thăng Quang lộc tự khanh Hải Dương, Hải Phòng hiệp lý kiêm quản Nhu viễn quan Thương chính sự vụ. Gặp lúc đó bọn giặc lưu động ở biên giới phía bắc là lũ Hoàng Anh đương tụ họp nhau, Trọng Đĩnh được đổi sung Lạng Bình tán lý quân vụ, hộ dẫn tướng nhà Thanh đi đánh lui được. Bấy giờ có đô thống (nhà Thanh) là Lưu Tùng Linh cũng người Triết Giang tặng Đĩnh bài thơ có câu rằng:

Quái đắc tự văn Nam quốc thịnh
Phong lưu nho tướng Vũ lâm chi

Dịch nghĩa: Văn vật nước Nam sao thịnh lạ,
Tướng nho phong lưu chi (họ) Vũ Lâm.

Sau được thự Bố chính sứ Tuyên Quang.

Năm thứ 24 (1871), do hàm bố chính hộ lý tuần phủ Quảng Yên. Địa thế tỉnh này liền núi, giáp biển, là nơi quần

Digitized by Google

tụ trộm giặc. Khi đã nhậm chức, Đĩnh dâng sớ xin đóng chiến thuyền lập đồn kiểm soát, mộ tráng lính dõng cho tập thủy chiến để phòng dùng đến.

Năm 26 (1873) tỉnh Bắc kỳ hữu sự, Quảng Yên rất cô lập, hẻo lánh, dân tình hơi được yên, lại tùy cơ đánh lui giặc biển, giữ được vô sự. Năm sau dùng tên phỉ đầu hàng Chung Quốc An dẫn đường, và ủy bọn chánh, phó lãnh binh Nguyễn Trung, Hoàng Đình Hướng, hai mặt thủy, bộ đánh ép lại, phá được sào huyệt giặc ở Bình Long, rồi việc tâu về. Bấy giờ gặp giữa tết Nguyên đán, nhận được tờ tâu, vua cả mừng, làm bài thơ chí sự, hạ sắc ban thưởng và gia cho 3 cấp quân công, rồi liền cho thực thụ.

Đĩnh trị nhậm ở đấy suốt 8 năm, đến năm thứ 31 (1878) được triệu về bổ tả tham tri Lại bộ, kiêm công việc Đô sát viện, rồi chuyển sang tham tri bộ Hình, Hộ Công thự Công bộ thượng thư. Bổng nhân có bệnh xin về nghỉ, bị ngự sử tâu hặc, thời có chỉ cho lấy làm tham tri về nghỉ chữa bệnh, rồi mất năm 65 tuổi. Đĩnh có làm ra tập "Công hạ thi thảo". Con là Trọng Bàn, chân cử nhân bổ kinh huyện.

*

Nguyễn Văn Lợi

Tự là Tư Nghĩa, người Lễ Dương thuộc Quảng Nam. Có sức khỏe, đầu quân hồi đầu niên hiệu Thiệu Trị, được tuyển vào Cẩm y vệ. Khoảng năm Tự Đức, được bổ đội trưởng, sát hạch võ nghệ liên tiếp trúng ưu điểm, được thăng cai đội. Năm thứ 19 (1866), việc khởi biến của nghịch Trương, có công đuổi bắt bọn nghịch, được ban thưởng Tưởng công ngân và bạt bổ phó quản cơ. Sau được thăng phó vệ úy lĩnh lãnh binh tỉnh Nam Định, đốc việc đắp đê điều đắc lực. Năm thứ 26 (1873) tỉnh thành có động, bị cách chức cho theo quân thứ tỉnh Bắc hiệu lực, phái đi quyền sung đốc binh, có dự chiến công. Tĩnh biên phó sứ Nguyễn Hữu Độ xin cho khai

Digitized by Google

phục chức tinh binh suất đội vẫn theo công việc quân thứ. Năm thứ 36 (1883) có bệnh về nghỉ rồi mất năm 69 tuổi. Thành Thái năm thứ 11, gia ơn truy phụ hàm lãnh binh. Con là Trọng Đĩnh, hiện chân tòng bát phẩm sung Sử quán đằng lục.

Digitized by Google

QUYỂN 37

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXVII

- Đặng Trần Chuyên
- Đỗ Thúc Tĩnh
- Đặng Toán
- Lê Đình Diên
- Lê Bá Thận
- Bùi Sỹ Tuyển
- Nghiêm Xuân Lượng (em: Trọng Phát, Thiều; em họ: Phương)
- Nguyễn Thanh Phong
- Trương Gia Hội
- Vũ Duy Thanh
- Nguyễn Thái
- Trần Hữu Dụ
- Trần Văn Hệ
- Hoàng Văn Tuyển
- Nguyễn Mại
- Phan Sỹ Thục
- Nguyễn Thái Thể
- Đặng Đức Địch
- Nguyễn Huyên
- Nguyễn Thông
- Trần Văn Tuy
- Vũ Huy Dực
- Trần Huy Tích
- Phạm Huy
- Phan Đình Thực
- Lê Đình Dao

*
* *

Đặng Trần Chuyên

Tự là Mông Trai, người An Sơn, Sơn Tây[1]. Tự Đức năm đầu (1848) đỗ tiến sĩ, do chân Hàn lâm bổ tri phủ Kiến Thụy, rồi triệu về bổ giám sát ngự sử. Năm thứ 9 (1856) thăng thị độc sung Việt sử cục toản tu. Năm thứ 13 (1860), do chân lang trung Hình bộ ra làm án sát sứ Bắc Ninh. Bấy giờ thổ khấu hạt Bắc nổi lên, ông đi đánh bắt có công trạng. Năm thứ 16 (1863) cất lên Quang lộc tự khanh biện lý Hình bộ

(1) Nay là Quốc Oai, Hà Tây

Digitized by Google

sự vụ, rồi lại đi lĩnh bố chính sứ Quảng Bình. Sau đổi sung Hải An quân thứ tán lý, luôn phá được giặc, thu phục được phủ thành Hải Ninh. Thăng chức hữu tham tri Lại bộ, và được ban kỷ công kim khánh. Sau đó, phụng chỉ chuyển đi Thái Nguyên hội tiễu bọn cổ phỉ. Năm thứ 19 (1866), đổi bổ tuần phủ Nam Định, hộ lý Định An tổng đốc quan phòng. Năm ấy, khi võ công đã xong, được thưởng các hạng kim tiền song long hạng lớn, nhẫn vàng nạm thủy tinh và quạt ngọc. Chuyên trị nhậm (ở đây) 4 năm, việc thưa, dân yêu, không phiền toái, được gia ban tấm tử kim khánh "Liêm, Bình, Cần, Cán". Rồi ốm mất tại chức. Vua thấy Chuyên từng đi việc quân, nhiều lần có công to, hạ dụ cho truy thụ tổng đốc và sai quan ban tế. Con là Nghị, được ấm thụ tu soạn, đã lĩnh quản đạo Đông Triều.

*

Nguyễn Mại

Nguyễn Mại, trước tên là Khắc Cần, người Yên Lạc [1] thuộc Sơn Tây, Tự Đức năm đầu (1848) đỗ tiến sĩ, bổ Hàn lâm viện tu soạn sung thừa chỉ Nội các. Năm thứ 3 (1850), lĩnh đốc học Bắc Ninh rồi bổ Tập hiền viện thị giảng học sĩ. Năm thứ 9 (1856) thự Quảng Bình án sát sứ, có đại tang nghỉ việc. Khi hết tang, biện lý Lại bộ sự vụ rồi ra lĩnh án sát sứ Nghệ An. Kế đó, cất lên chức Quang lộc tự khanh lĩnh bố chính sứ Quảng Bình. Năm thứ 15 (1862), bang biện tỉnh vụ Sơn Tây, vì dẹp giặc thắng lợi nhiều lần được gia thưởng quân công kỷ lục và đổi lĩnh bố chính sứ Thái Nguyên. Sau đó, triệu về cho thự Hình bộ hữu tham tri, rồi thự Hà Nội tuần phủ. Năm thứ 21 (1868), tên đầu sỏ giặc Cờn họp đảng đánh chiếm các vùng thượng du, Mại được sung Lạng Bình quân thứ tham tán quân vụ đại thần, cầm quân tiến đánh. Mại đem tướng hiệu hạ đồn giặc ở Tú Sơn, luôn phá được sào

(1) Nay thuộc Vĩnh Phú.

Digitized by Google

huyệt giặc ở Lạc Dương, Bông Phong, rồi thừa thế tiến áp tỉnh thành Cao Bằng, đóng quân ở đồn Phú Thứ. Sau giặc đem toàn lực lại đánh, Mại chống đỡ không nổi, đồn vỡ, bèn bị hại. Việc tâu lên, cho truy thụ Tuần phủ, gia tặng Binh bộ thượng thư và cho một người con được ấm thụ thất phẩm văn giai. Năm thứ 31 (1878) được liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Sau, con là Thiệu, khoảng niên hiệu Kiến Phúc đi theo việc quân được bổ Hàn lâm viện tu soạn.

*

Đỗ Thúc Tĩnh

Tự là Cấn Trai, tổ tiên là người Quảng Ngãi. Tổ 5 đời là Hữu Hiệu, đỗ hương cống triều Lê, làm quan đến Quảng Ngãi khâm sai tuần phủ kiêm Bình Man sứ. Tổ 4 đời là Hữu Nghi cũng làm quan triều Lê tri huyện Bình Sơn. Tổ 3 là Hữu Kiệt, khoảng năm Gia Long đã trải làm tri huyện Diên Phước, Hòa Vang thuộc Quảng Nam. Cha là Như Tùng, nhân theo cha mà nhập tịch ở Hòa Vang, do chân tú tài làm tri huyện An Định.

Thúc Tĩnh lúc nhỏ mồ côi bố, nhà nghèo mà chăm học, thờ mẹ và anh rất cẩn thận, có tiếng hiếu hữu. Tự Đức năm đầu (1848) đỗ tiến sĩ bổ biện tu, thự tri phủ Thiệu Hóa, sau đổi về Diên Khánh. Bấy giờ Diên Khánh đất bỏ hoang, dân hao mòn, Thúc Tĩnh tìm mọi cách vỗ về: mộ dân xiêu đến lựa đất cho ở, làm nhà cửa cho cấp cho điền khí, kẻ ốm đau thời thuốc thang, kẻ đói rét thời khẩn cấp, được người ta gọi là Đỗ phụ [1].

Năm thứ 7 (1854), có chỉ gọi về làm giám sát ngự sử, nhưng dân ái mộ, cho đổi thự thị độc. Chưa bao lâu lại xuống chiếu bổ ngoại lang Binh bộ viên. Quan tỉnh thấy việc mộ

(1) Đỗ Dụ đời Tấn (Trung Quốc) làm quan ở Tương Dương, dẫn nước sông vào tưới cho hơn vạn khoảnh ruộng. Dân được nhờ ơn, gọi là Đỗ phụ (cha họ Đỗ) - (theo Từ Hải)

Digitized by Google

(dân) lập (ấp) đã sắp xong, xin cho lưu lại làm nốt. Vua dụ rằng: Thức Tĩnh là người thanh liêm cần cán vào hạng nhất trong hàng phủ huyện, cho thực thụ thị độc vẫn lưu lại đấy làm việc để khuyến khích cho những viên quan tốt. Thế rồi việc mộ dân lập ấp thành hiệu, được 143 người và 241 mẫu ruộng. Quan tỉnh đem việc tâu lên, được cất lên Hồng lô tự khanh. Rồi qua án sát Khánh Hòa, chuyển sang bố chính, lại đổi về biện lý Binh bộ.

Năm thứ 14 (1861), Gia Định, Định Tường nối nhau thất thủ, Thức Tĩnh dâng sớ xin đi. Vua khen là người trung nghĩa khẳng khái, cho sung khâm sai mang dụ chỉ đi. Lại cấp cho 30 lạng bạc, đi ngựa trạm đến 2 tỉnh Long, Hà tuyên thị cho sĩ dân và chiêu mộ nghĩa dũng, rồi hợp lực cùng tổng đốc Trương Văn Uyển tuần phủ Phan Khắc Thận thương biện việc quân. Phàm mọi việc được tùy tiện mà làm: Binh lương cho phép trù định lấy, viên biền, cho phép cất đặt lấy, lính dõng cho phép tổ chức huấn luyện lấy, tiền thóc, cho phép quyên phát lấy, đến như tướng sĩ, ai có công, được khen thưởng, sợ hãi rút lui, được chém đầu đem rao để thị uy. Đặc biệt ban cho quyền trọng như vậy để mong công việc có thành hiệu. Sau chuẩn cho lĩnh tuần phủ Định Tường. Thúc Tĩnh dâng sớ xin triệu tập binh sĩ, tích trữ lương, chọn chỗ hiểm lập đồn luyện quân để phòng lúc đánh, lúc giữ. Lại xin thuê những người Xích mao [1] và người Thanh hiện ở Gia Định để làm nội ứng mặt thủy, mặt bộ. Vua nghe lời và dụ rằng: "Thúc Tĩnh tiết thứ xem xét tình hình, trù nghĩ phương lược, mọi khoản đều hay. Hiện nay triệu tập binh dõng, tích trữ tiền, lương đều kể có hàng vạn. Tuy còn đương lắng chờ cơ hội, chưa thể vội vã đem dùng, nhưng vì nước làm việc như vậy tin là có lòng trung thành mưu tính sâu xa. Thương tình nhà ngươi vất vả, cho thăng thụ Lại bộ thị lang vẫn lĩnh chức

(1) Không rõ là gì.

Digitized by Google

cũ". Năm thứ 15 (1862) Thúc Tĩnh chết. Ông là người khẳng khái, dũng cảm thao lược, có chí mà chưa đạt, vua rất lấy làm tiếc, truy tặng tuần phủ và gia cấp cho gấm lụa bạc tiền. Con là Hữu Điển, được ấm thụ chức tư vụ, thăng mãi đến tri phủ Ninh Hòa.

*

Phan Sỹ Thục

Người Thanh Chương thuộc Nghệ An. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 2 (1849), do chân Hàn lâm bổ tri phủ Cam Lộ. Thục thân đến xem xét tình thế 9 châu, tâu trù tính công việc sửa sang, rồi lại bổ đi tri phủ Kiến Thụy. Năm thứ 9 (1856), bổ Tập hiền viện thị độc chuyển đi quản đạo Phú Yên, lĩnh tuyên phủ sứ rồi nhân ốm được cho cáo quan. Năm thứ 18 (1865) tổng đốc An Tĩnh Hoàng Tá Viêm dâng sớ cử người có sĩ vọng [1] xin cho lĩnh đốc học tỉnh. Vua cho. Năm thứ 20 (1868) triệu về bổ Lại bộ lang trung, thăng Hồng lô tự khanh biện lý Lễ bộ sự vụ. Rồi lại bổ thị lang Lại bộ cho đi bố chính Quảng Ngãi. Sau sung chánh sứ đi Yên Kinh [2], trở về can việc, bị đổi xuống Hồng lô tự khanh. Năm thứ 28 (1875), cất lên lang trung Hình bộ phái đi Nam kỳ xem xét. Khi trở về, dâng sớ nói 9 châu là lối sau của kinh thành phải sửa sang trước và tự xin cáng đáng công việc. Việc giao xuống Cơ mật viện bàn bạc cho thi hành. Năm sau chuyển đi bố chính Quảng Bình. Sau lại thăng tuần phủ Quảng Trị thời có đại tang từ chức. Hết tang, bổ tham tri Lại bộ, lại ra làm tuần phủ Quảng Trị. Năm thứ 26 (1873), vì việc có nạn báo không phát chẩn ngay cho dân bị biếm xuống viên ngoại lang rồi bị ốm về nhà.

Hồi đầu niên hiệu Thánh Thái (1889) lại dùng ra làm Quang lộc tự thiếu khanh lĩnh đốc học Nghệ An rồi mất tại

(1) Người được học trò hâm mộ.
(2) Tức Bắc Kinh ngày nay.

Digitized by Google

chức. Năm thứ 7 quan trấn thủ đem tình hình nghèo khổ tâu lên, được truy tặng Quang lộc tự khanh.

Sỹ Thục làm quan hơn 40 năm, trong cái nhà tranh vách đất, hũ gạo luôn bị rỗng không mà vẫn thản nhiên. Có người hỏi rằng: làm quan mà vợ con đói rét, chẳng cũng là kiểu ư? Thục nhân thuật lại lời của ông cha rằng: "Ở đời nên được nhân dân yêu, không nên làm cho nhân dân sợ, làm quan cần phải thanh liêm để không thẹn cái tiếng khoa bảng, chớ thấy nhà nghèo, bố mẹ già mà đổi tiết tháo. Vì vậy, chung thân không dám sai lời". Khi giảng dạy học trò, ăn mặc, tới, lui, đều nghiêm theo lễ phép. Ngoài kinh sách ra, thiên văn, địa lý, bói toán không gì là không nghiên cứu, ngày thường được mọi người mến nết. Năm Ất dậu niên hiệu Đồng Khánh (1886) trong quận ấp bị cuộc binh hỏa tàn phá, có lân họ đi qua vùng Thục ở, đều bảo nhau đừng xâm phạm đến. Vì thế làng xóm ấy được toàn vẹn. Những sách trước thuật có các tập: "Câu trình thuật phú", "Câu trình thi tập", Thù thế thi văn". Con là Kiện được ấm thụ đãi chiếu, con thứ là Bật, Ngạc, Ky, đều đỗ hương tiến, Bằng đỗ tú tài.

*

Đặng Toán

Tự là Tiết Phủ, người Giao Thủy, Nam Định. Thi hội trúng Ất khoa Tự Đức năm đầu (1848) do chân Hàn lâm viện kiểm thảo bổ đồng tri phủ Nam Sách rồi lĩnh đồng tri phủ Tĩnh Gia. Gặp năm đê Nhị hà vỡ, được phái đi khám xét các đường sông, lĩnh chức đê chính viên ngoại lang. Nhân thấy bãi biển Nam Định sa bồi, đi chiêu dân khai khẩn lập thành tổng Lạc Thiện cho lệ thuộc vào huyện Giao Thủy. Sau được cất lên chức thị giảng học sĩ lĩnh án sát sứ Bắc Ninh, sau lại đổi đi Ninh Bình. Năm thứ 20 (1867), hộ lý tuần phủ Lạng Bình. Bấy giờ bọn phỉ Quảng Tây lan tràn, Toán trù nghĩ công việc xử trí tên Tô Tú và chia chúng đến ở mọi

Digitized by Google

nơi, dâng sớ lên. Vua ban khen, thưởng một lần kỷ lục.

Năm thứ 23 (1840), bọn giặc vây hãm tỉnh thành, vì trách nhiệm ở quân thứ, được xử nhẹ giáng xuống Hàn lâm viện thị giảng đổi sung quân thứ tỉnh Bắc, rồi lại đổi đi Thương biện Lạng Sơn thứ tỉnh sự vụ, sau vì trận đánh ở Vân Trì thắng lợi được khai phục Hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ Cao Bằng. Năm thứ 27 (1874) lĩnh tuần phủ Ninh Bình thản vô sự đã gần qua 2 kỳ xét công, Toán được thăng lĩnh tổng đốc An Tĩnh, nhưng chưa kịp nhậm chức thời ốm chết, thọ 68 tuổi. Con là Tiến ấm thụ kiểm thảo.

*

Nguyễn Thái Thể

Tự là Khải Phủ, người Lương Sơn [1], Nghệ An. Lúc trẻ có tiếng hay chữ. Ban đầu đỗ kỳ thi hương Minh Mạng năm thứ 15 (1862), vì phạm trường quy, bị lột tên đuổi về. Thể lại càng cố sức đọc sách. Đương thời, những học trò ưu tú ở vùng Anh, Diễn theo về học nhiều và cũng nhiều người thành đạt. Tự Đức năm đầu (1848) lại chuẩn cho được đi thi. Năm ấy đỗ hương thí, sang năm liền trúng kỳ thi Nam cung [2] đỗ tiến sĩ, bổ Hàn lâm viện biên tu, rồi thăng mãi đến Tập hiền viện thị độc sung Kinh diên khởi cư chú.

Thể, sinh thời không có thị hiếu gì khác, chỉ lấy sách vở làm vui, ngoài những khi giảng dạy, đàm luận, lại vì dân làng mở mang nguồn lợi trồng chè và cây cối ở núi. Mọi người đều cho là ích lợi, đến nay nhớ tới công đức, dựng riêng ngôi đền để thờ ông. Con là Tuân, tên tự là Đam Như, chân phó bảng làm tới tri phủ Quỳ Châu, con thứ là Trực và cháu là Du, đỗ hương tiến.

*

(1) Nay là huyện Đô Lương, Nghệ An

(2) Kỳ thi Hội tổ chức ở bộ Lễ, cũng gọi là kỳ thi Nam cung.

Digitized by Google

Lê Đình Diên

Tự là Cúc Linh, người Thanh Trì, Hà Nội. Tự Đức năm thứ 2 (1849), đỗ tiến sĩ, do chân Hàn lâm bổ tri phủ Tân An, can việc bị mất chức rồi ốm về nhà. Sau đó vào Nội các làm sách. Năm thứ 11 (1858) được khai phục kiểm thảo rồi thăng biên tu. Năm thứ 13 (1860) lấy chân tu soạn lĩnh đốc học Nghệ An rồi lại đổi đi đốc học Hà Nội. Sau triệu về làm tư nghiệp Quốc tử giám nhân ốm chưa kịp nhậm chức rồi lại lĩnh đốc học Hà Nội. Năm thứ 23 (1870) được cáo quan về làng. Về sau được đình cử làm tế tửu Quốc tử giám bèn lấy cớ ốm xin từ chối. Mất năm 60 tuổi.

Diên, tính giản dị, thanh đạm, cho nên tự ví với hoa cúc. Bình nhật lắm bệnh, thường muốn được lui về sớm để dạy học. Giảng dạy theo điều thiết thực, học trò theo học nhiều, thành đạt cũng nhiều.

*

Đặng Đức Địch

Đặng Đức Địch, tên tự là Cửu Tuân, người Giao Thủy, Nam Định. Lúc trẻ có chí học tập, trúng Ất khoa Lễ vi [1] Tự Đức năm thứ 2 (1849). Do chân Hàn lâm kiểm thảo bổ tri huyện Hàn Yên rồi thăng trước tác lĩnh đốc học Hải Dương. Sau triệu về làm giám sát ngự sử, vì việc nói năng, bị đổi xuống sung chức Tập hiền viện hội tu sử yếu, rồi lại bổ tu soạn sung Kinh diên khởi cư chú. Sau bị ốm về nghỉ giả hạn. Năm thứ 27 (1874) lại dùng ra lĩnh đốc học Nam Định rồi thăng thị độc học sĩ dung Sử quán toản tu. Sau lại do chân Hồng lô tự khanh biện lý Lại bộ sự vụ chuyển sang tả thị lang, rồi lại đổi sang Hình bộ kiêm Tôn nhân phủ hữu tôn khanh.

Đức Địch làm quan được vua biết là người công bằng cần

(1) Tức là thi Hội, tổ chức ở bộ Lễ, nên gọi Lễ vi, cấp phó bảng.

Digitized by Google

cán, cho nên luôn được cất bổ, đều là do tự ý vua. Năm thứ 36 (1883) thự tuần phủ Quảng Ngãi, từng gặp những thuyền Việt Đông [1] bị bão dạt đến, hết sức chu cấp giúp đỡ họ được sống toàn vẹn, nên người Việt Đông khen là có ơn huệ. Kiến Phúc năm đầu (1884) bổ Lễ bộ tham tri sung Sử quán toản tu. Năm ấy lĩnh thượng thư Hình bộ vẫn kiêm chức sử quan. Hồi đầu Đồng Khánh (1886) bổ thượng thư Lễ bộ sung Kinh diên giảng quan, được ban một tấm kim khánh "Liêm, Bình, Cần, Cán". Mùa đông năm ấy dâng sớ xin về trí sĩ. Vua cho. Sau khi về, Địch giảng dạy học trò ngay ở nơi nhà ở và rong chơi nơi đồng ruộng trong mười năm trời. Học trò thành tựu cũng nhiều. Con là Tiến, đỗ tú tài.

*

Lê Bá Thận

Tự là Thẩm Chi, biệt hiệu là Xuân Sơn, trước tên là Hồng Tân, người Hương Thủy thuộc Thừa Thiên. Tự Đức năm đầu (1848) thi hội trúng Ất khoa, do chân Hàn lâm kiểm thảo bổ tri huyện thự tri phủ Khoái châu. Rồi vào Nội các, qua thừa chỉ, thị độc thời bổ thị giảng học sĩ tham biện Các vụ. Sau thăng lĩnh bố chính sứ Nghệ An, đổi dần mãi lên Binh bộ tham tri rồi đổi sang thự tả phó đô ngự sử Đô sát viện. Năm thứ 21 (1868) phỉ người Thanh lan tràn quấy nhiễu Thái Nguyên, vua cho Bá Thận sung tham tán Ninh Thái đạo. Bấy giờ cổ phỉ đánh phá phủ Phú Bình, Thận mang quân đánh phá được. Sau đó bọn giặc lại tụ tập ở trong rừng Lục Ngạn, Bá Thận cùng tán tương Ông Ích Khiêm đánh lui, được cất bổ lên thượng thư Binh bộ vẫn sung tham tán. Gặp khi phủ thành Thông Hóa không giữ được, tuần biên Trần Văn Mỹ bị chết, Bá Thận tâu báo về, lời lẽ phần nhiều bưng bít, bị giáng xuống bố chính Thái Nguyên. Sau đổi về Lễ bộ thị lang rồi lại thăng tham tri thự thượng thư.

(1) Thuyền của Quảng Đông, Trung Quốc.

Digitized by Google

Năm thứ 26 (1873), Trần Quang Hoàn ở Hà Tĩnh khởi biến, đánh phá đạo thành, vua cho Bá Thận làm thống đốc quân vụ cùng với hiệp đốc Vũ Lã mang binh thuyền đến Linh giang phòng bị đánh dẹp. Bấy giờ gặp khâm sai Nguyễn Văn Tường đi hỏa thuyền đường biển đến giáp gần bờ biển chỗ ấy, khẩn cấp tốc quân chia nhau bắn đốt các đồn giặc ở Mũi Đao, Tàu Đầu, Bá Thận nhân đó kế tiếp lên đánh, thu lại được đạo thành. Tin thắng trận báo về, vua gia thưởng Bá Thận một cấp quân công, rồi triệu về cho thăng thự hiệp biện đại học sĩ vẫn lĩnh Lễ bộ và kiêm Cơ mật viện. Bá Thận dâng sớ từ chối đại lược rằng: "Thần vâng mệnh cầm quân, may nhờ mưu lược triều đình mà giữ yên được cho dân một phương, chứ thần không có tài năng gì. Nay lạm nhận chức cơ mật, thời cơ mưu ứng khó thần diệu, định liệu tinh nhanh không bằng Phú Thứ, học thức sâu rộng, kế hoạch tinh tường không bằng Nguyễn Tư Giản, tới việc liệu chước, luôn luôn trúng thời cơ thời không bằng Nguyễn Văn Tường, mà hàm nhất phẩm tôn vinh. Thần e sức không đủ mà miễn cưỡng làm thời mối lo không gì lớn bằng". Vua không nghe, dụ rằng: "Khuyến công, thù lao là điển lệ long trọng của triều đình, nay chực bỏ điển lễ đi thời lấy gì khuyến khích người đời". Khi đã khai phục chức cũ lại kiêm cl·ưởng Lại bộ, rồi lại đổi sang Lễ bộ. Năm thứ 29 (1876), vua cho Bá Thận là người chính đính, cẩn thận, biết mệnh trời, cho sung chức Dục Đức đường sư bảo. Năm thứ 31 (1878) gặp tiết ngũ tuần đại khánh, dụ rằng: "Bá Thận một lòng phác thực trung thành, cẩn thận tinh tường, làm việc ở kinh lâu ngày, giỏi giang thông thạo, chuẩn cho thực thụ hiệp biện". Sau đó can vào việc phạm tất, vua phê hỏi, lại lấy cớ là đến thỉnh an để che đậy. Vua cho là dối trá, nhân lại được tin là Bá Thận xử trị việc gia đình hà khắc, tàn nhẫn, liền xử phạt trượng đồ, rồi ốm chết, bấy giờ 60 tuổi. Vua thương tình có công lao trước, cho truy phục tham tri và cho con được ấm tử. Lại cấp cho gấm sa, lụa vải

Digitized by Google

và 700 quan tiền để lo ma. Đến năm Thành Thái thứ 15, quan trong viện xin cho khai phục nguyên hàm hiệp biện.

Bá Thận là người giỏi giang lanh lợi, làm quan suốt 30 năm biết chăm lo chức vụ, xử trí việc gia đình có điều nghiêm mà nóng. Có 4 người con: Bá Cẩn, do chân ấm tử làm quan, được bổ mãi đến tri phủ Diên Khánh, Bá Nhượng, do chân đãi chiếu sung Sử quán thừa phái, Bá Đằng đỗ hương tiến, do chân tu soạn đi hậu bổ Thanh Hóa; Bá Cáo lấy công chúa, bổ phò mã đô úy.

*

Nguyễn Huyên

Người Yên Mô, Ninh Bình. Tự Đức năm thứ 2, thi hội trúng Ất khoa, bổ tri huyện Tiên Du. Năm thứ 9 (1856) lĩnh đốc học Ninh Bình, làm việc 7 năm rất được thỏa lòng hâm mộ của học trò, được triệu về bổ Hàn lâm viện thị giảng học sĩ sung Kinh diên khởi cư chú. Rồi ốm xin nghỉ. Năm thứ 19 (1866), bổ Lễ bộ viên ngoại lang, lâu rồi chuyển lên lang trung. Năm thứ 22 ra lĩnh án sát sứ Hải Dương. Sang năm sau ốm về rồi mất, truy tặng Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.

*

Bùi Sỹ Tuyển

Tự là Thăng Phủ, người Thanh Chương, Nghệ An. Khoảng năm Minh Mạng, do chân tú tài qua kỳ hạch, được bổ huấn đạo rồi thăng đi giáo thụ Thường Tín. Tự Đức năm đầu (1848) thi hội trúng Ất khoa, bổ Hàn lâm viện tu soạn, vâng mệnh làm những văn thơ vua ra đầu đề được hợp cách. Rồi bổ Tập hiền viện sung Kinh diên khởi cư chú, sau thăng thừa chỉ rồi qua làm đốc học hai tỉnh Quảng Bình, Hải Dương. Năm thứ 9 (1856) triệu vào lĩnh lang trung bộ Binh rồi lại cất lên Hàn lâm viện thị độc học sĩ lĩnh đốc học Quảng Nam. Vì Tuyển học rộng và ở giáo chức lâu năm nên được học trò mến mộ.

Digitized by Google

Năm thứ 15 (1862) bổ Hồng lô tự khanh sử quán toản tu, rồi mất năm 66 tuổi.

*

Nghiêm Xuân Lượng

(Em: Trọng Phát, Thiều, em họ: Phương)

Tự là Bá Thức, người Từ Liêm, Hà Nội. Tự Đức năm đầu (1848) đỗ hương tiến, do chân giảng tập ở Vĩnh Lộc quận công phủ, bổ tri huyện Diên Hà, chuyển về giám sát ngự sử rồi bổ viên ngoại lang Lại bộ. Sau do chân Hàn lâm viện thị độc lĩnh án sát sứ Ninh Bình. Năm thứ 26 (1873), đổi đi thự án sát sứ Nam Định, vì việc tỉnh thành thất lợi bị lột chức đi hiệu lực chuộc tội rồi mất. Thành Thái năm đầu được truy phục nguyên hàm.

Em là *Trọng Phát*, tên tự là Tử Trường và *Thiều*, tên tự là Thúc Quang, đều đỗ kỳ thi hương. Trọng Phát làm quan đến án sát sứ Tuyên Quang, Thiều, đến Nội vụ phủ giám lâm.

Em họ là *Phương* cũng đỗ hương thí Tự Đức năm thứ 21 (1868). Thăng mãi đến tri phủ Đa Phúc thời cất lên giám sát ngự sử, rồi lĩnh án sát sứ Cao Bằng, gặp khi chiến sự nổi lên, Phương sang Trung Quốc không thấy trở về.

Họ Nghiêm trước chưa hiển đạt, đến 3 anh em Xuân Lượng đều có tiếng. Em họ là Phương cũng là người chăm lo công việc. Con Thiều là Xuân Quảng nay đỗ tiến sĩ.

*

Nguyễn Thanh Phong

Tự là Bá Hổ, người Hòa Vang thuộc Quảng Nam. Đỗ hương tiến Tự Đức năm đầu (1848), do chân Hàn lâm viện điển tịch bổ đi nhiều phủ huyện. Tính giản dị, dân yêu, được ca tụng là "Phật vàng vào cõi". Triệu về làm quan Kinh chưa được bao lâu thời lĩnh án sát sứ Quảng Bình từng trông coi

Digitized by Google

việc khơi sông, ông thường nói với người ra rằng: "Hại của công, tốn sức dân mà e không thành công; thà làm giặc chẳng muốn đào sông". Bấy giờ hạt Lạng Bình ở Bắc kỳ có cáo cấp, được đổi sung quân thứ tán tương, vua dụ rằng: "Nguyễn Thanh Phong, người ta cho là khá, trẫm đã rõ rồi, nên phải hết sức, hết lòng không phụ ủy thác". Thanh Phong tới quân thứ rồi ốm chết, truy thụ thị độc học sĩ.

*

Nguyễn Thông

Tự là Hy Phàn, hiệu là Kỳ Xuyên, người Tân Thịnh, Gia Định. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 2 (1849) bắt đầu bổ huấn đạo Phong Phú, đổi nhiều nơi rồi về Nội các tu soạn, dự làm sách "Nhân sự kim giám". Khi xong, thưởng thụ trước tác. Năm thứ 12 (1859) Gia Định có cáo cấp, xin đi tòng quân. Năm thứ 14 (1861) kinh lược đại sứ Phan Thanh Giản tiến cử về có văn học, được thăng lĩnh đốc học tỉnh Vĩnh Long. Gặp bấy giờ thân sĩ lục tỉnh (Nam kỳ) dựng miếu Khổng Tử ở phía đông tỉnh thành. Ông có làm ở cạnh một cái lâu gọi là Hoa văn lâu, để dạy học ở trong. Hồi ấy học trò bỏ học đi tòng quân, đến lúc đó mới lại được nghe thấy tiếng đến học tập. Lâu rồi thăng thị giảng học sĩ lĩnh án sát sứ Khánh Hòa. Năm thứ 22 (1869), cho rằng việc Phan Thanh Giản tử tiết có quan hệ đến phong giáo, tâu xin nêu khen để khích lệ người sau, nhưng sớ bỏ không thi hành. Năm thứ 23 (1870) đổi về biện lý Hình bộ. Mùa đông năm ấy được bạt thụ Quang lộc tự khanh thự bố chính Quảng Ngãi, dâng sớ tâu bàn về công việc thủy lợi và trồng cây, lại xin định rõ về việc Sử học và ban cấp thư tịch. Vua đều nghe theo.

Bấy giờ hạt Quảng Ngãi đất xấu, dân nghèo, Thông làm tại chức được hơn 1 năm, đào ngòi đào cừ, đắp đập, đắp bờ dẹp yên tệ lại nhũng, trấn áp bọn cường hào, dân được dễ chịu. Nhưng công việc cũng chưa xong, thời liền bị có án

Digitized by Google

mạng, tội nặng đem xử nhẹ, bị phạt ly chức. Dân được tin, khác nào bị mất cha mẹ. Gặp lúc ấy khâm sai Nguyễn Bính nhân có việc công đi qua, họ bèn kêu xin giữ Thông lại để làm cho xong công việc. Bính đem việc đề đạt lên xin rộng hạn cho Thông ở lại trù tính làm cho xong. Sau rồi có chỉ triệt về kiểm biện sở ở Tàng thư lâu để hiệu lực. Bấy giờ Thông về có bệnh xin nghỉ, về sơn trang ở Bình Thuận lập Thi xã ngâm vịnh để tự mua vui.

Năm thứ 27 (1874), lại khởi phục cho làm tư vụ lĩnh Lễ bộ chủ sự. Triều đình lại căn cứ về văn học cử lên lĩnh Quốc tử giám tư nghiệp, hội với Bùi Ước, Hoàng Dụng Tân khảo duyệt bộ Khâm định Việt sử thông giám cương mục.

Năm thứ 30 (1877) dâng sớ xin về mở đồn điền khai khẩn vùng thượng du Bình Thuận, được thăng thụ thị độc học sĩ sung doanh điền sứ. Sau lại đổi bổ Quang lộc tự thiếu khanh lĩnh Bình Định bố chính sứ. Chưa bao lâu lại vì ốm xin thoái chức.

Năm thứ 32 (1879), địa phương gặp có bạo động vì người Man, vua sai Thông cùng với điền nông sứ Phan Trung xử trí. Khi việc xong, Thông được thăng Hồng lô tự khanh sung điền nông phó sứ kiêm lĩnh học chính, rồi sau mất năm 68 tuổi.

Thông là người học hỏi sâu rộng, tâu bàn rất có kiến thức, các quan trong triều đều coi là bậc có tài. Có làm ra các sách: "Việt sử cương giám khảo lược", "Ngọa du sào thi văn tập", "Kỳ xuân thi văn sao", "Kỳ xuyên công độc". Con là Trọng Lỗi, ấm sinh.

*

Trương Gia Hội

Tự là Trọng Hanh, người Bình Dương, Gia Định. Cha là Thừa Huy, khoảng năm Gia Long làm đến Thiêm sự phủ thiêm

Digitized by Google

sự. Sau can việc bị cách chức rồi lại khởi phục làm chủ sự.

Gia Hội đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 2 (1949), qua huấn đạo Long Thành chuyển đi tri huyện Trà Vinh, có tiếng tốt, được bổ tri phủ Hoàng Trị rồi đổi đi Hàm Thuận. Năm thứ 28 (1875) vào làm giám sát ngự sử, thăng Hộ khoa chưởng ấn rồi chuyển lĩnh lang trung Binh bộ.

Năm thứ 26 (1873), 4 tỉnh Hà, Ninh, Hải, Nam nối tiếp nhau cáo cấp, Gia Hội được thăng án sát Hà Nội dẫn giám mục Bình, linh mục Đăng ở nhà thờ đạo Kim Long và cùng với tổng đốc mới Hà Ninh là Trần Đình Túc đi thương thuyết. Khi mới đến tỉnh, phái viên Pháp là An Nghiệp [1] mời vào thành nghỉ ngơi.

Chưa kịp nói chuyện thời bỗng Lưu Vĩnh Phúc mang quân từ nơi đóng quân ở Hương Canh [2] đến áp chân thành khiêu chiến, An Nghiệp liền ra ngoài thành đón đánh. Vừa mới ra tới Cầu Giấy thì quân Lưu đánh úp giết chết. An Nghiệp chết rồi, bộ thuộc của y thấy thế sinh ngờ, bèn giam Gia Hội lại. Được mấy hôm, có phái viên Đại Pháp là Tập Bô [3] từ Gia Định tới trông thấy, bắt Gia Hội và nói với quan Pháp rằng: "Trước tôi làm tham biện ở Hoằng Trị". Khâm sai Toàn quyền đại thần Nguyễn Văn Tường cùng với thống sát Pháp Hoắc Đạo Sinh đến Hà thành giảng hòa trả lại 4 tỉnh, Văn Tường thương ủy cho Gia Hội đi ngay Ninh Bình quyền nhận lấy tỉnh thành, giao cho viên quan mới đào nhiệm kiểm nhận rồi lại quay về Hà Nội. Bấy giờ tỉnh hạt sau khi mới hữu sự xong, dân bên lương, bên giáo thù hằn nhau, Đình Túc ủy cho Gia Hội chia đường đi hiểu dụ, rồi cũng được yên tĩnh. Sau được thăng lĩnh bố chính sứ Hà Nội.

Năm 28 (1875) tuần phủ Thuận Khánh Lê Đình Tuấn có

(1) Tức Francis Garnier.
(2) Nay thuộc Vĩnh Phú.
(3) là Tabo.

Digitized by Google

sự bất hợp với phái viên Pháp. Vua thấy Gia Hội là người miền Nam Trung, địa thế, nhân tình đều am thuộc, và trước nhân khi hữu sự đã từng làm tri phủ ở đây, xử trí được thích đáng, họ cũng phục tình, bèn chuẩn cho thay lĩnh tuần phủ Thuận Khánh. Chưa được bao lâu thời mất tại chức năm ấy 55 tuổi. Vua thương tiếc, cho truy thực thụ, chiếu hàm tặng tiền tuất.

Gia Hội là người trầm tĩnh có trí thức, làm việc lanh lợi giỏi giang, thường lấy điều thanh đạm tự xử, chẳng những bạn đồng liêu tôn phục mà quan Pháp phần nhiều cũng tôn. Có 2 người con: Gia Tuấn được ấm thụ kiểm thảo, Gia Mô, đãi chiếu.

*

Trần Văn Tuy

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 3 (1850). Qua làm thừa biện Hộ bộ, chuyển sang Nội các biên tu rồi thăng tri huyện Hòa Vang. Năm thứ 15 (1862) lĩnh Lại bộ chủ sự, chưa được bao lâu thời đổi sang thự trước tác lĩnh Nội các thị độc. Năm thứ 17 (1864) quyền sung Tôn nhân phủ lang trung. Năm thứ 18 (1865) cất lên Hồng lô tự thiếu khanh biện lý Binh bộ sự vụ, chuyển đề lĩnh án sát sứ Quảng Bình rồi lại đổi đi Bắc Ninh. Năm thứ 20 (1867), có tang cha, rồi rời chức. Tháng 11 năm ấy, vì trước làm án sát Bắc Ninh đã không xét kỹ tờ phiến lục bộ Hình, lầm đem tên tù bị xử trảm giam hậu Lý Anh xử vào tử tội, bị giáng bổ xuống Lại bộ tư vụ quyền sung viên ngoại lang. Năm thứ 22 (1869), khai phục hàm thiếu khanh trước và biện lý Binh bộ. Bấy giờ việc quân báo ở 3 đạo quân Bắc kỳ đến hàng ngày, việc quân cơ rất bận, bộ thần vâng chỉ làm việc được tinh tường lanh chóng. Vua khen, thưởng Văn Tuy 1 đồng kim tiền. Năm thứ 24 (1871) thăng thụ Hồng lô tự khanh vẫn biện lý Binh bộ. Năm 25 (1872) thăng thụ thị lang

Digitized by Google

sung biện Các vụ, rồi thự tham tri Hình bộ, lại đổi sang Công bộ sung khâm sai, đi Hưng Yên tra cứu cái án thần phủ Tôn Thất Đản nhũng lạm, xa xỉ. Năm thứ 26 (1873), đổi đi thự tuần phủ hộ lý Định Yên tổng đốc quan phòng. Chưa được bao lâu, lại đổi về thự Hình bộ tham tri quyền biện Các vụ. Vì công việc quan Các tâu hặc quan Viện, Tuy làm việc sơ suất, lại làm riêng tờ phiếu tâu xin giao phiếu Các không hợp lệ, bị giáng xuống Quang lộc tự khanh vẫn lưu lại làm việc và lại kiêm quản Thông chính sứ ty. Năm thứ 28 (1875) cất bổ lên Hộ bộ hữu tham tri kiêm quản Đô sát viện. Năm thứ 29 (1876), can việc khinh dối vua (việc chép ở truyện Hoàng Tuyển), bị xử mãn trượng đồ [1]. Sau đó thì tổng đốc tỉnh Sơn Tây là Vũ Trọng Bình dâng sớ xin tha, cho theo tỉnh Sơn Tây sai phái, được sung lang biện tỉnh vụ, rồi lại khai phục Hồng lô tự khanh hộ lý tuần phủ Quảng Yên. Năm thứ 33 (1880) thăng thụ bố chính vẫn lĩnh tuần phủ. Năm thứ 34 (1881), Bắc kỳ bị bão lụt, quan khâm sai khoa đạo Phan Đình Phùng từ phía Bắc trở về, tâu nói Văn Tuy hàng ngày say rượu, ở lâu nơi biên giới e sinh trở ngại, liền bị triệt về giáng xuống Quang lộc tự khanh biện lý Binh bộ. Năm thứ 35 (1882) thời ốm chết khi ấy 75 tuổi, được truy thụ thị lang. Con là Văn Vỹ, nay là tham tri Công bộ mới bị giáng chức đương chờ bổ.

*

Vũ Duy Thanh

Tự là Trừng Phủ, người Yên Khánh thuộc Ninh Bình. Lúc trẻ thông tuệ, xem đâu nhớ đấy, 14, 15 tuổi biết làm văn. Anh là Đề, là học trò giỏi mà Duy Thanh học lại còn hơn. Bắt đầu đỗ hương tiến. Thi hội trượt, về lại càng chăm học. Gặp tang mẹ, thương nhớ gầy rộc người đi, dân làng khen là có hiếu. Tự Đức năm thứ 4 (1851) trúng Ất bảng (kỳ thi

(1) là đánh đủ 100 trượng rồi cho đi đày.

Digitized by Google

hội). Mùa hè năm ấy lại mở chế khoa. Vua tự thân ra văn sách, nhắc Thanh lên hàng đầu, cho đỗ đệ nhất giáp cát sĩ cập đệ đệ nhị danh [1], bổ Hàn lâm viện thị độc. Qua Tập hiền viện thời bổ Quốc tử giám tư nghiệp rồi thăng tế tửu.

Duy Thanh, tính chất phác, ngay thẳng, đối với mọi người vui vẻ giản dị, không cạnh tranh. Nhưng đến khi luận về sự sai lầm của tục học và cái tai hại của dị đoan thời tất ra sức nói. Thanh từng dâng sớ nói rằng: muốn được thực tài tất phải khôi phục phép dạy, phép thi của cổ nhân, và liệt ra 8 mục:

1- Cẩn thận phép dạy ở trường từ các làng.

2- Kén chọn tổng lý và tá lại

3- Dựng xã thương

4- Giữ nghiêm phép dạy ở các trường phủ huyện.

5- Nghị đổi lại phép thi hương

6- Mở rộng phép dạy ở các nhà quốc học

7- Chọn thầy bạn cho các tôn sinh

8- Sửa định lại việc ban phát kinh sách.

Lại nói rằng: "Thánh nhân đời xưa lập ra pháp luật chính là cũng thấy rõ cái sự lý đáng làm mà không làm được, rồi muôn đời sau noi theo mà không thể thay đổi. Nay nghị ra pháp luật, chỉ lo là không được tin. Bàn nghị ra không chu đáo, thì thi hành không được tin; thi hành không được tin thời người ta không biết đâu mà theo; thế mà muốn cho người ta phục tòng, học tập giáo (hóa) là việc khó. Pháp tắc của tiên vương thường lâu không biến đổi là vì nghị ra được chu đáo, thi hành được tin. Pháp tắc đời sau thay đổi bất thường là bởi nghị ra không được chu đáo, thi hành không được tin. Cho nên, ông Chu Công đã phải suy nghĩ thâu đêm suốt sáng. Sách Đại Dịch đã phát ra cái nghĩa tiên canh [2] cũng là lo

(1) Thường gọi là bảng nhãn.

Digitized by Google

vì cớ đó. Vả lại, thánh nhân chế tác tất phải nhằm cơ hội. Nay bệ hạ cao minh, triều đình nhàn hạ, lúc có thể cố gắng được, chính là cái cơ hội vững vàng, thi thố của nhân tài. Nếu phép dạy còn chưa có định luận thời tìm tòi cái căn nguyên lập pháp, xét cùng rồi thứ tự thi hành, sáng rõ ra cho khỏi trái, khắc cứu cho khỏi lầm, mà để lại điển hình cho muôn đời về sau. Chứ không nên tạm nhằm vào một điều, một tiết bổ trợ chút ít mà thôi". Sớ tâu lên, giao xuống bộ Lễ, rồi không quả quyết thi hành. Khi gặp việc Trà Úc xảy ra, Duy Thanh cảm khái nói rằng: "Tương lai, sự thể chỉ có tranh (luận) về hòa với chiến". Rồi vâng tờ chiếu, dâng lời tâu phong kín mà đốt bản thảo đi. Sau ốm mất tại chức năm 53 tuổi.

*

Vũ Huy Dực

Người Quế Dương, Bắc Ninh. Trước chân tú tài bổ huấn đạo Thanh Hóa. Đến năm Tự Đức thứ 4 dự thi khoa Bác học hoành từ, đỗ đệ nhất giáp cát sĩ cập đệ đệ tam danh [1]. Bấy giờ đã hơn 50 tuổi, được bổ Hàn lâm viện thị giảng sung Kinh diên khởi cư chú rồi thăng đốc học Hà Nội. Năm thứ 12 (1859) bổ Quốc tử giám tế tửu, sau sung Sử quán toản tu thời đến lệ tuổi về nghỉ, rồi mất ở nhà năm 75 tuổi.

Con là *Huy Thụy*, lúc trẻ có khí khái, bắt đầu mộ dõng đi tòng quân. Tự Đức năm 19 (1866), được thưởng chánh lục phẩm rồi thăng tri phủ Lạng Giang. Năm thứ 26 (1873) cất lên thị độc sung tam Tuyên quân thứ tán lý rồi thăng Hồng lô tự khanh lãnh bố chánh Thái Nguyên. Can về việc chiêu dụ bọn đầu sỏ giặc Chu Kiến Tân, Triệu Ba Đan, bị giải chức.

(4) Hào Trinh quẻ Tốn Kinh Dịch nói: "Tiên canh tam nhật, cát" nghĩa là "trước ngày Canh 3 ngày thời tốt". Trước ngày Canh 3 ngày là ngày Đinh. Đinh, ý nói việc gì cũng phải đinh ninh lo lắng từ trước thì tốt.

(1) Tương đương thám hoa.

Digitized by Google

Sau vì nã bắt được 2 tên nghịch này, được phục chức thị giảng sung tiểu phủ sứ.

Sau đó, trận đánh ở Nà Miêu, cùng với đề đốc Nguyễn Văn Hùng đều bị giặc bắt. Vua nghĩ tình lập được chiến công đã lâu, sai tìm cách cứu về. Năm thứ 31 (1878) đóng ở đồn chợ Mới, tên đầu sỏ phỉ Lý Dương Tài lại đánh đồn, bị trúng đạn pháo chết, được truy phục Hồng lô tự khanh và ấm thụ cho con Chánh cửu phẩm.

*

Nguyễn Thái

Tự là Lý An, người Nam Đàn thuộc Nghệ An. Lúc trẻ thông tuệ kỳ dị, có tiếng hay chữ. Tự Đức năm thứ 4 (1851) thi hội trúng Ất khoa. Mùa hè năm ấy thi khoa bác học hoành từ, đỗ đệ nhị giáp cát sĩ xuất thân [1] được bổ Hàn lâm viện trước tác sung Vận hải sở tu thư. Năm thứ 6 (1853) thự đốc học Quảng Ngãi, trật mãn được thực thụ. Năm thứ 9 (1856) triệu về làm Tập hiền viện thị giảng sung Kinh diên khởi cư chú. Vâng mệnh làm những văn thơ vua ra đầu đề được hợp cách, được cất lên Thị độc học sĩ.

Thái ở lâu nơi thanh bí [2], luôn được vua hỏi đến và ban khen. Năm thứ 14 (1861) bổ án sát sứ Hưng Yên rồi thì mất.

Thái mới đầu là chân hương cử, trúng liền 4 khoa tú tài, sau đó đỗ thi hương, rồi thì thi hội, thi chế khoa, không một kỳ nào rớt cả, người ta cho là hiếm có. Con là Trinh, đỗ tú tài.

Trần Huy Tích

Người Thọ Xương, Hà Nội. Cha là Vy, đỗ hương tiến, làm đốc học, rồi thăng Thái bộc tự khanh, sung Sử quán toản tu.

Huy Tích lúc nhỏ tuấn tú hơn người, đỗ Thi hương năm

(1) Tương đương hoàng giáp.
(2) Nơi thanh tĩnh, bí mật tức chỗ vua làm việc.

Digitized by Google

23 tuổi. Tự Đức năm thứ 4 (1851) đỗ khoa bác học hoành từ, vào viện Hàn lâm tiếng tăm khắp nơi. Bổ tri phủ Nam sách, can việc phải mất chức. Sau lại được bổ đốc học Hải Dương, bị ốm về, lánh đến ở huyện Thanh Liêm. Nhà suông bốn vách, vẫn thản nhiên như thường. Gặp buổi đời biến cố ngày một nhiều, Huy Tích thường ở một mình trong một nhà riêng, suốt ngày ngồi ngây như si, không hề nói đến việc đời, cũng không nói tới văn chương. Người đến thời lánh, ít khi được thấy mặt; gặp đường chào hỏi thời không trả lời. Cứ như thế gần 30 năm. Đến khi có tuổi, mới thấy cùng một vài nhà văn đi du lãm nơi sơn thủy. Gặp khi có đề vịnh đâu thời lời lẽ cũng thấy sáng sủa đáng đọc, biết không phải là si thực. Nhưng xét cái cớ tại sao không nói thời chẳng ai rõ cả.

*

Trần Hữu Dy

Người Đông Thành, Nghệ An. Đỗ cử nhân Tự Đức năm đầu. Năm thứ 4 (1851) thi khoa bác học hoành từ, đỗ đệ tam giáp cát sĩ xuất thân. Bắt đầu bổ Hàn lâm viện tu soạn, thăng tri phủ Vĩnh Tường có tiếng tốt. Sau triệu về bổ vào Tập hiền viện sung Kinh diên khởi cư chú, rồi ra bang biện các việc biện giang vận hải phòng ở Hà Tĩnh. Gặp bấy giờ ở Nam kỳ có cáo cấp, Dy xin mộ lính dõng đi tòng quân, nhưng chưa kịp đi thời mất.

Hữu Dy có tiếng hay chữ, chuộng khí tiết, chưa kịp đem ra thực dụng, thức giả lấy làm tiếc. Trước tên là Dực, sau đổi ra tên hiện nay. Con là Oanh, đỗ tú tài.

*

Phạm Huy

Người Hương Sơn, Hà Tĩnh, tư chất thuần thực, chăm học, đỗ tú tài nhiều lần. Tự Đức năm thứ 4 (1851) thi khoa bác học hoành từ, đỗ đệ nhị giáp cát sĩ xuất thân. Bắt đầu

Digitized by Google

thụ chức Hàn lâm viện trước tác, bổ vào Tập hiền viện sung Kinh diên khởi cư chú. Thăng mãi đến bố chính Nam Định rồi triệu về bổ trực học sĩ sung Sử quán toản tu kiêm Đô sát viện tả phó đô ngự sử. Ốm về quê rồi mất.

*

Trần Văn Hệ

Người Tuyên Chính, Quảng Bình. Đỗ tiến sĩ vào Tự Đức năm thứ 4 (1851). Bắt đầu thụ chức Hàn lâm biên tu, bổ tri phủ Ba Xuyên rồi chuyển vào Tập hiền viện thị độc. Sau vì có bố mẹ già xin về phụng dưỡng.

Năm thứ 18 (1865) lại dùng làm Nội các thị độc rồi thăng thị giảng học sĩ tham biện Nội các sự vụ. Năm thứ 21 (1868) thự bố chính sứ Hà Nội. Văn Hệ là người khiêm tốn, hòa nhã mà biết thận trọng chức vụ. Năm thứ 23 (1870) có bệnh được cáo quan. Năm thứ 31 (1878) lại dùng làm Thương biện Quảng Bình tỉnh vụ, rồi được phép nghỉ quan về quê. Năm Đồng Khánh thứ 3 (1888) mất ở nhà, 61 tuổi. Con là Xứng đỗ hương tiến.

*

Phan Đình Thực

Người Thanh Chương, Nghệ An. Tổ 11 đời, buổi Lê Trung Hưng có công được phong phụ quốc thượng tướng quân Vũ Nguyên Hầu, rồi sau đời đời có công lao hiển quí. Cha là Lệ đỗ hương tiến, ở nhà dạy học.

Đình Thực lúc trẻ thông tuệ kỳ dị, chưa 20 tuổi đã lên học trường phủ. Tự Đức năm thứ 4 (1851) thi hội trúng Ất khoa, thụ chức Hàn lâm kiểm thảo, làm sách văn uyển. Sách xong, sung Nội các hành tẩu rồi bổ đông tri qua ngồi 2 huyện Thanh Sơn, Thanh Thủy. Từng khai ứng ở khu ruộng Phương Giao trong huyện hạt, làm cho hàng năm được mùa, và tìm cách dẹp yên trộm giặc ở Trường Sơn, nhân dân ca tụng.

Digitized by Google

Được triệu về bổ Tập hiền viện thị giảng sung Kinh diên khởi cư chú, rồi ra sung thương biện Nghệ An phòng bị sự vụ. Gặp khi giặc biển ở Hải Dương là lũ Ước, Phượng vào cửa Cờn, Đình Thực mang quân hải phòng đánh lui. Giặc vào Quảng Bình thì bị bắt. Sau lĩnh án sát xứ Nam Định, nhiều lần dâng sớ bàn về việc cương giới, rồi bổ thụ Hồng lô tự thiếu khanh biện lý Hình bộ sự vụ. Năm thứ 23 (1870) can việc, bị phái đi quân thứ Tam Tuyên bị ốm về rồi mất năm 52 tuổi.

Đình Thực, tính hiếu hữu, cha mất, làm lều ra ở mồ ba năm. Dạy dỗ con em lấy điều nết na thực thà làm đầu. Sách làm ra có 2 quyển "Tam Thanh thi văn tập" và 3 quyển "Ký tria thi văn tập".

*

Hoàng Văn Tuyển

Người Phú Lộc, Thừa Thiên, có tiếng hay chữ. Tự Đức năm thứ 4 (1851) đỗ tiến sĩ. Do chân Hàn Lâm viện biên tu qua tri phủ Kiến An, có tiếng tốt, rồi chuyển về thự viện ngoại lang Cơ mật viện. Năm thứ 11 (1856) bổ thụ thị độc học sĩ tham biện Các vụ. Năm thứ 13 (1858), Gia Định có cáo cấp, được mang tờ dụ chỉ đến quân thứ xét hỏi tình hình. Tuyển bèn tâu bày công việc có 4 điều:

- Xin cho lập đồn, ngăn sông và đắp lũy ở chỗ phủ lỵ cũ phủ Tân Bình.

- Bỏ bớt những nha thưa việc cho khỏi phiền nhũng.

- Xin trích lấy quân đồn điền để sai phái, tuần phòng và dùng vào công dịch xây đắp. Còn như lính giản và lính chiến tạm thời hàng ngày chăm huấn luyện cho được tinh tường.

- Trích lấy tiền quyên cấp thêm cho binh, dõng các hạng. Vua đều nghe theo. Đến khi về, bạt bổ Quang lộc tự khanh vẫn tham biện Các vụ.Rồi sau đổi sang biện lý Binh bộ tham

Digitized by Google

việc Cơ mật viện. Năm thứ 16 (1863) bổ thự thị lang Binh bộ rồi chuyển lên Tham tri.

Năm thứ 18 (1865) Kinh sư có hạn, cầu đảo mãi không ứng nghiệm. Tuyển tâu nói: "Ở phía ngoài cửa thành, kẻ nghèo đói nối đuôi nhau ở dọc đường. Xin sai phủ thần làm riêng kho tạm, chi thóc gạo ra mà đem họ về nuôi nấng, ốm thời thuốc thang, chết thời chôn cất, để họ khỏi lang thang chết đói, có hại cho hòa khí". Vua khen nói phải.

Năm thứ 19 (1866), đổi đi thự tuần phủ Thuận Khánh rồi lại chuyển đi Nam Ngãi. Chưa bao lâu bổ Tham tri Hộ bộ. Năm thứ 21 (1868), Tuyên, Cao, Thái, Lạng luôn có cáo cấp biên giới, được sai đi sung Tả đạo tham tán đại thần, Tuyển ở quân thứ 1 năm, luôn kêu ốm xin nghỉ, bị giáng làm Quang lộc tự khanh lĩnh thị lang Binh bộ. Năm thứ 25 (1872) bạt bổ tham tri Hộ bộ hộ lý Bình phú tổng đốc.

Năm thứ 27 (1874), vua thấy nhà có mẹ già, ban cho sâm quế tiền lụa và phái người đến thăm sức khỏe cùng là xem người em thứ 2 và con đã trưởng thành chưa, có phụng dưỡng được không về phúc tâu, rồi sai đem việc ấy lục gởi cho Văn Tuyển biết để được yên tâm mà hết lòng với chức vụ. Rồi lại ban cho hai chi toàn sâm Quang Đông thượng hạng kim cương và một bình Thượng bích loa trà (những thứ này đều do sứ bộ đi Thanh mua về). Dụ rằng: "Đây đương là địa phương nghiêm trọng và lắm việc, cho nên không quên". Sau đó Tuyển dâng sớ xin về gần phụng dưỡng, được đổi về thự Thượng thư Công bộ sung Cơ mật viện đại thần.

Bấy giờ có một tập tâu của tổng đốc Hải An Phạm Phú Thứ mật tâu hặc bố chính Nam Định Phan Đức Trạch (việc chép ở truyện Phú Thứ) giao cho Cơ mật viện duyệt rồi trả lời. Tuyển đem nói cho kiêm quản đô đốc Trần Văn Tuy biết. Tuy nhân đó cũng đệ phiến tâu hặc Đức Trạch, lời hặc giống lời Phú Thứ đã hặc trước, như do một người làm ra. Vua cho

Digitized by Google

là Tuyển đem việc Viện nói riêng cho người ngoài biết, xử phạt trượng, cách chức, giao đến nha Thương chính hiệu lực để sai phái. Năm thứ 30 (1877) cho khởi phục Hồng lô tự thiếu khanh biện lý Binh bộ, đến năm thứ 32 (1879) thì mất. Vua nghĩ tình cũ, cho thực thụ Binh bộ tả thị lang. Con là Quỳ, chân ấm thụ, thăng dần đến kiểm thảo sung Sử quán khảo hiệu. Phùng ấm sinh học Giám.

*

Lê Đình Dao

Tự là Bá Ngọc, người Thuận Xương, Quảng Trị. Cha là Đình Khuê, bậc túc nho đời bấy giờ, đi thi bị quan trường đánh hỏng mãi, bèn ở nơi hẻo lánh dạy học, học trò theo học đông. Nhà rất nghèo, có nuôi một con trâu làm kế sinh nhai. Đình Dao khi còn nhỏ vừa chăn trâu vừa học, tối về, cha hỏi nghĩa sách, trả lời vỡ vạc. Cha lấy làm lạ, bèn bán trâu đi cho chuyên học tập. Khi lớn tiếng đồn hay chữ khắp nơi. Năm 25 tuổi đỗ thi hương, thi hội thời đứng đầu bảng phụ. Bấy giờ là khoa Tân hợi Tự Đức năm thứ 4 (1851), phó bảng không được dự kỳ thi điện [1], bèn theo lệ được thụ chức kiểm thảo sung biên tập hải thử sở [2]. Năm thứ 7 (1854) thụ chức đồng tri lĩnh huyện Phù Mỹ, kế đó sung phúc khảo trường Nghệ An. Khi xong việc về huyện lỵ thời bị việc phải đổi trở xuống chức Nội các điển bạ sung kiểm biên sách "Nhân sự kim giám". Sách xong, cho thăng kiểm thảo và ban cho bạc lạng, thế rồi chuyển đi kinh lịch Thanh Hóa. Năm thứ 16 (1863) đổi đi Tuy viễn kiêm nhiếp huyện Tuy Phước rồi thì có tang mẹ xin từ chức. Năm thứ 23 (1870) bổ thuyên vào tư vụ rồi qua thăng đốc học Quảng Trị. Năm thứ 30 (1877) bổ viên ngoại lang Hộ bộ lĩnh lang trung sung giám khảo 2 trường Nghệ An, Nam Định. Năm thứ 32 (1879) kỳ thi hội,

(1) Thi điện cũng là thi đình.
(2) Nơi biên tập sách vận hải.

Digitized by Google

sung tri cống cử. Rồi thì mất tại chức, được truy thụ quan hàm tứ phẩm, năm ấy 57 tuổi.

Đình Dao, tính thuận hòa chất phác, có phong độ cổ nhân, làm quan 30 năm, chìm đắm mãi hàng quan dưới, vẫn điềm đạm tự xử, không nói câu gì buồn bực với ai. Bấy giờ Dao có nhiều bạn đồng quận làm quan chức trọng yếu, hoặc có người khuyên chỉ cần đến bái yết một lần là được chân quan tốt, thì Đình Dao chỉ từ tạ nói là mình vụng về. Đến khi có tuổi, bè bạn nhiều người gặp bước làm to, nhiều lần tiến cử Dao lên hàng đại thần, đã xin được chỉ vua thì Đình Dao đã mất. Con là Đình Diễm, đỗ tú tài, Đình Luyện đỗ cử nhân, hiện nay làm Quang lộc tự thiếu khanh tham biện Các vụ; Đình Đạo, Đình Lạc hiện làm quan có lượng.

Digitized by Google

QUYỂN 3,

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXVIII

- Hoàng Diệu (phụ: Em là Văn Bảng, Chấn)
- Nguyễn Văn Quán
- Chu Duy Tĩnh
- Phan Hoằng Nghị
- Phạm Trinh
- Phan Sỹ
- Nguyễn Văn Hùng
- Nguyễn Đức Đạt
- Lê Tuấn
- Nguyễn Văn Giao (phụ: cháu gọi bằng chú bác là Hữu Lập)
- Mai Thế Quý
- Vũ Khắc Bôn
- Nguyễn Hanh
- Lê Đình Tuấn
- Ngô Văn Độ
- Nguyễn Cao Bính
- Trần Đôn Phục (phụ: Trần Trọng Quang)
- Phạm Hữu Chiểu
- Lê Khắc Nghị
- Trần Văn Chuẩn
- Đặng Văn Kiều (phụ: Ngô Đức Bình)
- Hoàng Hữu Tài
- Phạm Hy Lượng
- Trương Định
- Phan Đình Thỏa (vợ: Trần Thị Cô)
- Đồng Văn Quỳ.

*
* *

Hoàng Diệu

Tự là Quang Viễn, hiệu là Tĩnh Trai, trước tên là Kim Tích, người Diên Phước, Quảng Nam. Anh em sáu người đều đỗ. Diệu là con thứ. Tự Đức năm thứ 6 (1853), đỗ Ất khoa Lễ vi[1], do chân Hàn lâm kiểm thảo đi nhậm các huyện Bồng

(1) Thi hội: vì tổ chức ở bộ Lễ nên gọi là Lễ Vi. - Ất khoa là phó bảng.

Digitized by Google

Sơn, Tuy Viễn, Tĩnh Gia. Nhân sai lầm bị giáng, lại lấy tên chức tri huyện rồi chuyển đi tri phủ Lạng Giang, Đa Phúc, có tiếng tốt. Sau bổ án sát Nam Định rồi thăng bố chính Bắc Ninh. Năm thứ 30 (1877) thăng thự Hình bộ tham tri rồi liền đổi sang Lại bộ kiêm quản Đô sát viện. Phàm có việc thuyên chuyển, đề cử, đều một lòng công bằng, người ta đều khen là liêm chính. Năm thứ 31 (1878), dân Nam Ngãi đói, được sung khâm sai, mang cờ tiết đến nơi, tùy liệu mà chẩn cấp. Năm thứ 33 (1880) thăng thự Hà Ninh tổng đốc, cùng với quyền tổng đốc tỉnh Sơn Tây Nguyễn Hữu Độ dâng sớ nói về việc sửa sang biên phòng, lại cùng với Nguyễn Đình Nhuận mật tâu về chước phòng bị sẵn. Vua về khen ngợi, nghe lời.

Năm thứ 35 (1882), tháng 3, tàu binh Đại Pháp áp bờ, hàng ngày mang khí giới đi lại ngoài thành, phao ngôn là vào thành đóng. Diệu cho phòng bị nghiêm cẩn. Phái viên Pháp muốn cho dỡ hết đi, Diệu không nghe. Một hôm vào buổi sáng, phái viên Pháp cho người đến đưa chiến thư. Diệu cho án sát Tôn Thất Bá đi thương thuyết. Bá vừa mới ra khỏi thành thời quân Pháp đã xúm nhau bức bách bắn (vào thành). Diệu cùng với Tuần phủ Hoàng Hữu Bình chia đường đốc thúc chống đánh. Hồi lâu, quân hai bên đều có thương vong. Một lúc, bỗng thấy kho thuốc súng nổ tung, rồi quân Pháp trèo lên thang, thành bèn vỡ. Diệu đến Hành cung khóc, lạy nói rằng: "Sức thần đã hết rồi." Rồi đi thẳng đến phía trước cửa đền Quan công ở góc tây bắc phía trong thành, thắt cổ chết ở dưới một cây to, năm ấy 54 tuổi.

Diệu, tính cương trực, làm quan thanh liêm, liêm sự quyết đoán, có phong độ bậc đại thần.

Ngày Diệu tổng đốc Hà Ninh, vua thấy Diệu có mẹ già, ban cho sâm quế bạc sa để an ủi, thực là đặc ơn vậy. Tờ biểu tạ ơn của Diệu nói rằng: "Phận con khó báo, ơn mẹ càng tăng; việc nước chưa rồi, gia đình đâu ngó. Không trung với vua

Digitized by Google

thời không phải là hiếu, dám đâu để hổ cha mẹ thần. Việc có lợi cho nước là làm, ngõ hầu có thể báo đáp quà ban của nhà vua. Được vua châu điểm đoạn này. Đến khi tử tiết ở Hà Thành, vua thấy Diệu là bậc trung nghĩa khác người, sai quan tỉnh Quảng Nam ban một tuần tế, lại cấp 1 nghìn quan tiền để nuôi bà mẹ. Năm thứ 36 (1883) được thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Tuấn, châm ấm sinh tri phủ Anh Sơn.

Em là Văn Bảng, Chấn. *Văn Bảng* tên tự là Tuyên Tự. Lúc nhỏ thông tuệ, xem văn thơ của người cứ nhìn tới là nhớ. Tự Đức năm thứ 14 (1861) đỗ hương tiến, qua hậu bổ Quảng Ngãi, thông phán Quảng Bình, chuyên tri huyện Đông Sơn. Rồi vào làm giám sát ngự sử, vì cố chấp lời tâu không hợp lý, bị giáng xuống Tư vụ. Sau lại thăng tri huyện Nam Sách rồi đổi vào Hộ bộ viên ngoại lang. Năm thứ 32 (1879), đổi bổ thị độc lĩnh án sát sứ Quảng Bình, chưa bao lâu, được thăng Quang lộc tự thiếu khanh. Sau vì cả thành làm việc phần nhiều chậm trễ bị giáng. Năm thứ 36 (1883) thụ chức trước tác lĩnh án sát sứ Quảng Bình. Kiến Phúc năm đầu (1884) lĩnh (án sát sứ) Hà Tĩnh, vì có mẹ già xin về phụng dưỡng rồi ốm chết năm 50 tuổi. Thành Thái năm thứ 11 (1899) quan tỉnh thấy Bảng lúc sinh thời làm quan vốn có tiếng thanh liêm giỏi giang, nhân việc công mà có lỗi, xin cho truy thụ nguyên hàm Quang lộc tự thiếu khanh. Con bà Giản đỗ thi hương, sung trợ giao trường học; Bạt, châm ấm sinh đỗ tú tài.

Chấn, tên tự là Thúc Khởi, lại tên tự là Tử Uy, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 23 (1870), bổ huấn đạo. Qua tri huyện Chấn Ninh rồi lĩnh tri phủ Xuân Trường. Năm thứ 35 (1832) xin đưa linh cữu anh là tổng đốc Hà Nội về quê an táng rồi liền xin lưu lại nhà phụng dưỡng bố mẹ. Năm Đồng Khánh, ất dậu đổi thự trước tác lĩnh Quảng Nam đốc học. Sau vì giặc bức bách không chịu khuất mà chết, được truy tặng thị độc.

Digitized by Google

Con là Dự, ấm thụ đãi chiếu.

*

Nguyễn Văn Quán

Người Yên Thành thuộc Nghệ An, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 3 (1850). Bắt đầu bổ huấn đạo Yên Định, rồi thăng tri huyện Phong Doanh. Nhậm chức được 1 khóa xét công, vì trong điển xét công có đủ cả đức tài công lao, được cất lên tri phủ Quảng Ninh. Gặp khi có giặc biển thường lai vãng cửa Nhật Lệ cướp bóc, dân giáp biển nhiều người bị hại, Văn Quán lập cách đề phòng chế áp, nạn giặc bèn hết. Năm thứ 18 (1865) triệu về làm giám sát ngự sử, chuyển qua Lễ bộ lang trung, thăng Hồng lô tự khanh biện lý Hình bộ sự vụ đổng lý thanh tra Vũ khố, rồi đổi sang biện lý Công bộ. Năm thứ 26 (1873), vì có bố mẹ già xin về phụng dưỡng. Vua cho phép. Năm sau, dân Nghệ An nhân có việc sinh ra náo động, lại dùng ra làm thương biện tỉnh vụ, rồi ốm chết.

*

Chu Duy Tĩnh

Người Đông Yên thuộc Hưng Yên. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 3 (1850) được bổ tri huyện Tiên Ninh rồi lại chuyển đi huyện Lập Thạch. Năm thứ 26 (1873) triệu về bổ giám sát ngự sử, sau vì có bố mẹ già, được phép về phụng dưỡng, rồi rong chơi nơi đồng ruộng gần 20 năm. Bình sinh phẩm hạnh thuần túy tốt đẹp, được người trong huyện xã tôn trọng. Mất năm 69 tuổi. Con là Mạnh Trinh, đỗ tiến sĩ, nay bổ án sát Thái Nguyên, hiện cáo quan.

Phan Hoằng Nghị

Người Đông Thành, Nghệ An, ông cha do nghề võ làm nên. Hoằng Nghị là người có sức khỏe, đỗ võ cử Tự Đức năm thứ 5 (1852). Bắt đầu làm Cẩm y vệ hành tẩu, bổ Tinh binh

Digitized by Google

đội trưởng rồi chuyển sang Thái hùng cơ lục đội cai đội, rồi luôn luôn theo đi đánh dẹp, nhiều công lao, được thăng Nghiêm vũ vệ hiệp quản. Sau được chọn vào Vũ sinh vệ đi Bắc Ninh bắt giặc, rồi lại qua các huyện Lục Ngạn, Yên Phong tiễu phỉ có công, được bổ Cấm binh cai đội. Sau lại đi quân thứ Tuyên Quang rồi chuyển về quân thứ Sơn Tây đánh lấy lại huyện Phù Ninh, được cất lên phó quản cơ. Hoàng Nghị do chân võ cử đi tòng chinh lâu ngày, nên năm thứ 28 (1875) được thăng phó lãnh binh sung đốc binh quân thứ tỉnh Thái rồi ốm mất ở quân.

*

Phạm Trinh

Người Thanh Chương, Nghệ An. Đỗ võ cử Tự Đức năm thứ 5 (1852) được sung Kim ngô vệ thành tẩu. Rồi bổ đi cai đội tỉnh Quảng Yên, bắt giặc có công, được thưởng kỷ lục và thưởng công ngân 1 lài. Năm thứ 16 (1863) quan tỉnh dâng sớ cử những người có công lao, vì lâu năm được chuyển về Cấm binh cai đội, rồi vì công lao giữ thành năm trước, được thưởng hai lần kỷ lục quân công. Năm thứ 19 (1866) bổ quản cơ sung lĩnh phó lãnh binh. Kịp khi dẹp bọn phỉ Tô, có sự phòng bị bị đánh dẹp ở Tiên Yên, được nghị công. Năm thứ 21 (1868) thực thụ phó lãnh binh lĩnh lãnh binh quan, rồi mang quân đi Đông Triều bắt giặc. Năm sau được thực thụ lãnh binh quan, phái đi Hưng Yên đốc việc dẹp giặc thắng lợi. Năm thứ 24 (1871) cầm quân đánh dẹp các đồn ổ (giặc) ở những bến sông, đắc lực, được thưởng một cấp quân công. Sau đổi sung hiệp tán Hải Yên, có công được thưởng kỷ lục quân công, nhưng can việc bị giáng hai cấp.

Năm thứ 26 (1873), Bắc kỳ hữu sự, Trinh sai quản việc đưa thuyền đồng về kinh chờ chỉ, được truyền vời vào (triều) ban thưởng rồi sai lĩnh đê đốc Hải Dương. Vì trận đánh ở Phù Lưu thắng lợi, được khai phục những cấp bị giáng trước.

Digitized by Google

Sau đó bị quan tổng đốc tâu hặc, cho triệu về kinh, bộ xét ra Trinh là người hăng hái, dũng cảm có nhiều công, vua dụ cho làm chưởng vệ quyền chưởng ấn triệu Long Vũ tỉnh. Năm thứ 31 (1878) bổ vụ thống chế, rồi bị bệnh về nhà giữa năm 72 tuổi.

*

Phan Sỹ

Người Hương Trà thuộc Thừa Thiên. Đầu quân vào (dinh) Tiền phong khoảng năm Thiệu Trị. Tự Đức thứ 2 (1849) sát hạch về đấu gậy, dự hạng ưu, được bổ đội trưởng. Qua thăng suất đội rồi theo đi quân thứ Quảng Nam, Hải Yên, có chiến công, thăng mãi lên Cấm binh phó vệ úy. Năm thứ 21 (1868) sung lãnh binh tỉnh Hải Dương, chưa bao lâu thời đổi lĩnh Sơn Tây đề đốc. Bấy giờ có hơn nghìn phỉ lan đến huyện Sơn Dương. Sỹ cùng với lãnh binh Đỗ Đức Thịnh mang quân tiến đánh, bị phỉ vây, Sỹ đánh phá được, phỉ tan chạy. Sau lại đổi đi quân thứ tỉnh Tuyên. Tháng 7 năm ấy, trận đánh ở Nghĩa An, Sỹ thừa thắng đuổi theo, bọn phỉ bất ngờ ra vây, bị hại. Việc tâu lên, cho truy tặng đô thống chế. Con là Văn Quảng được ấm thụ Cấm binh đội trưởng rồi thăng suất đội.

*

Nguyễn Văn Hùng

Người Phong Lộc thuộc Quảng Bình, có dũng cảm thao lược. Tự Đức năm thứ 2 (1849) đầu quân được tuyển vào Cẩm y túc trực vệ. Vì sát hạch võ nghệ luôn trúng ưu hạng, được làm đội trưởng rồi thăng suất đội. Năm thứ 16 (1863) cất lên chức quản cơ thị phó vệ úy. Năm thứ 19 (1866) khi Nghịch Trưng nổi biến (việc chép trong truyện Hồ Uy), Hùng mang quân bắt nghịch có công, được bổ lĩnh Vệ úy kiêm trấn phủ ty, thưởng 1 tấm trung tử kim bài và 1 đồng kim tiền hạng nhỏ. Năm thứ 21 (1868), đổi lĩnh chỉ huy sứ chuyên coi vệ

Digitized by Google

Túc trực kiêm 3 vệ Trường trực, Thường trực, Kim ngô. Gặp khi Lạc Bình có cáo cấp biên giới, ra sung quân thứ phó đề đốc. Trận đánh ở Bằng Bột (tên đất thuộc Lạng Sơn) thất lợi, bị cách chức lưu dụng. Bống có tin báo thành Cao Bằng vỡ, Văn Hùng hiệp cùng biền binh nhà Thanh tiến đánh lấy lại được thành rồi chuyển về quân thứ tỉnh Bắc Ninh thì thắng luôn 2 trận ở Thanh Tước, Đào Sơn (hai tên đất đây trở xuống đều thuộc Bắc Ninh), được miễn cách chức lưu dụng. Năm thứ 23 (1870), trận đánh ở Tuân Đạo (tên đất), chém được một đầu mục và một đồng đảng phỉ, được thưởng Dũng cảm tử kim bài. Lại tiến đánh thắng lợi ở các địa hạt Lục Ngạn, Đông Triều, được thăng thụ chưởng vệ vẫn sung chức cũ. Năm thứ 24 (1871), bọn phỉ người nhà Thanh quấy nhiễu cướp bóc Tam Tuyên, đánh phá châu huyện. Vua thấy Văn Hùng dũng cảm giỏi giang, đổi bổ Tam Tuyên đề đốc, hùng đem quân tiến đánh, thu lại được 2 huyện Thanh Bi, Trấn Yên, lại đánh phỉ ở Liên Hồ, Ngọc Kỳ, cả phá được; được thưởng luôn mấy chuyến cấp kỷ quân công và kim tiền hạng nhỏ, hạng lớn. Sau vì trận đánh ở đồn Đông Lý bị giặc đánh bại, lại bị cách chức lưu dụng. Văn Hùng bèn hăng hái dẫn đầu, 2 trận Đồng Lũng, Lãnh Sơn (tên đất) liên tiếp thắng lợi, lại lấy lại huyện Phù Ninh, được miễn cách chức lưu dụng. Năm thứ 27 (1874), (tình hình) phỉ ở tỉnh Bắc lại nghiêm trọng, Hùng chuyển đi quân thứ tỉnh Bắc cầm quân tiến đánh ở Cổ Loa, Phù Lai (2 tên đất), chém giết được 5, 6 trăm tên phỉ người kinh. Tham tán Lê Thuyết cho 2 trận này rất là gian lao, lại đem việc Văn Hùng tiết thứ thắng trận tâu lên. Vua ban khen Hùng và cho tấn phong tước Mậu Công Nam vẫn lĩnh đề đốc. Năm thứ 28 (1875), cùng với tán tương Trương Quang Đễ chia đường đánh phỉ ở An Viên, Đông Lỗ (2 tên đất), bắt chém được tên đầu sỏ là Trận. Năm thứ 29 (1876) trận đánh ở đồn Nà Miêu, Hùng bị giặc bắt. Giặc mến tài không nỡ giết, giam ở trong đồn. Đến khi quan quân tiến đánh, nhân mang về

Digitized by Google

cho theo quân thứ hiệu lực để sai phái, không được bao lâu thời mất, năm 71 tuổi.

Văn Hùng có tướng tài, lâu năm trong hàng trận, cứ ngã rồi lại dậy, thực là có công lao, tài năng. Vua thương nhớ, cho truy phục hàm chưởng vệ vẫn giữ tước Nam. Có 3 người con là Phong, Mưu, Kế: Phong chân ấm sinh theo tỉnh làm việc; Mưu, Kế đều được vào Anh danh.

*

Nguyễn Đức Đạt

Tự là Khoát Như, người Thanh Chương [1] Nghệ An. Cha tên là Quang, đỗ hương cống triều Gia Long, làm đến Lại bộ viên ngoại lang. Đức Đạt, khoa Quý sửu Tự Đức năm thứ 6 (1853), cùng với người cùng tổng là Nguyễn Văn Giao [2] cùng đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh: một khoa 2 Thám hoa, từ xưa hiếm có. Bắt đầu thụ chức Hàn lâm viện thị giảng lĩnh đốc học Nghệ An, rồi triệu về làm Kinh kỳ đạo chưởng ấn. Năm thứ 23 (1870) lại lĩnh đốc học Nghệ An, rồi hộ lý tuần phủ Hưng Yên. Năm thứ 26 (1873), Bắc kỳ có cáo cấp Đức Đạt vỗ yên lại, dân, giữ vững đều được vô sự , bảo toàn cho hạt mình, có chiếu thư ban khen và cho thực thụ.

Đức Đạt vốn có danh tiếng lớn, khi tuổi già ăn mặc xoàng xĩnh, gởi tâm hồn nơi non nước, lấy giảng dạy trước thuật tự mua, dong chơi nơi đồng ruộng tới hơn mười năm, rồi mất năm 63 tuổi. Sách làm ra có các tập: "Nam Sơn song khóa", "Hồ dạng thi", "Vịnh sử", "Việt sử thăng bình", "Cần kiệm vựng biên". "Khảo cổ ức thuyết". Con là Khản Như, đỗ hương tiến, Thao, tú tài.

*

(1) Nay thuộc làng Hoành Sơn huyện Nam Đàn.

(2) Nguyễn Văn Giao quê ở Trung Cần cùng huyện. Nguyễn Đức Đạt và Nguyễn Văn Giao đều đỗ thám hoa.

Digitized by Google

Lê Tuấn

Người Kỳ Anh thuộc Hà Tĩnh. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 6 (1853). Bắt đầu thụ chức Hàn lâm viện tu soạn, bổ tri phủ Nghĩa Hưng rồi vào làm giám sát ngự sử. Qua Hộ bộ chưởng ấn cấp sự trung thì thăng Quang lộc tự thiếu khanh biện lí Hình bộ. Năm thứ 16 (1863) lĩnh án sát Nam Định, cùng với tổng đốc Đào Trì, bố chính Nguyễn Huy Dỹ sang sửa mở mang mọi việc, có chiếu thư ban khen (việc chép ở truyện Huy Dỹ), rồi sau thự bố chính Thanh Hóa.

Tuấn ở ngoài có tiếng tốt, lại cẩn thận giữ mình, luôn luôn từ chối việc bổ làm quan ngoài, vì thế được vua biết đến. Năm thứ 21 (1868) do chân Hàn lâm viện trực học sĩ vâng mệnh đi sứ sang Yên Kinh [1], vua ban cho bài thơ để làm vinh dự cho cuộc đi sứ, có những câu rằng:

Vạn lý trùng quan lưu tính tự
Tứ phương chuyên đối thận ngôn từ
Kim Sơn lập mã phong thanh nhãn
Phì Thủy thôi thuyền, thủy khoát tư
Đề tháp thừa tù kiêm thế diệm
Quy lai, hà sách hiến Đan trì.

Dịch nghĩa: Muôn dặm mỹ quan lưu họ tên
Bốn phương đối đáp giữ lời lẽ
Dừng ngựa Kim Sơn, tầm mắt xa,
Giục thuyền Phì Thủy, tư tưởng rộng
Đỗ cao, sứ trọng, đẹp gồm hai,
Khi về, chước gì dâng trước điện.

Khi về, bổ hữu thị lang Binh bộ, chuyển sang Tham tri bộ Hình rồi lên thự thượng thư. Bấy giờ ở ven biên giới Bắc kỳ, bọn cổ phỉ lan tràn, ở Quảng Yên, giặc biển cũng tụ tập làm trở ngại. Vua cho Tuấn sung khâm sai Bắc kỳ thị sư lại

(1) Tức Bắc Kinh, Trung Quốc ngày nay.

Digitized by Google

kiêm kinh lược đại thần. Tuấn dâng sớ nói về tình hình giặc và tâu bày công việc xếp đặt về sau ở các tỉnh ven biển, tất cả có 9 điều.

Tuấn thường đã từng mang một đạo quân lẻ loi vào sâu nơi trọng địa. Giặc thốt nhiên đến vây. Mọi người đều kinh hoảng, nhưng Tuấn, sắc vẫn bình tĩnh như thường, từ từ trù tính kế hoạch, cuối cùng rồi giải được vòng vây. Vua nghe tin, khen ngợi.

Sau đó, tình hình giặc núi đã hơi bớt, nhưng thế giặc vùng Hải Yên thời hung dữ, có chỉ vua cho Tuấn đốc suất quân vụ Hải Yên.

Năm thứ 26 (1873), triệu về sung chánh sứ sang Tây [1], Nguyễn Văn Tường làm phó, trước hết hãy đến Gia Định cùng với nguyên soái Pháp Du Bi Lê thương nghị. Lại phát giao cho sắc ấn toàn quyền tuân hành. Sau ông mắc bệnh mất ở Gia Định vào Tự Đức năm thứ 27 (1874). Được tin báo tang, vua vô cùng thương tiếc, dụ rằng: "Lê Tuấn, sớm đỗ liên khoa, trải nhậm lâu năm, phụng sứ sang tây, vì nghĩa không từ khó nhọc. Lại cho viên đồng sự quay trở về làm việc, rất là bổ ích. Nay việc giao hảo vừa xong, sứ bộ được tạm về, thời bị một chứng bệnh mà bỗng vĩnh biệt, thực là đau đớn. Vậy cho thực thụ thượng thư, tặng hiệp biện đại học sĩ." Rồi ban vàng lụa để lo việc tang. Lại hạ sắc: khi đám tang về qua kinh thành thời dừng lại ở bến sông. Rồi vua thân làm bài văn tự thuật danh phận tình nghĩa Tuấn lúc sinh thời rất là thiết tha, thương tiếc, và sai hoàng tử cùng quan hữu tư phụng chỉ ban tế để tỏ đặc ân. Bài văn rằng:

"Hỡi ơi! Thương thay! Hỡi Lê Tuấn ngươi sao vội phụ trẫm và vĩnh biệt vậy? Chỉ được thấy tiễn ngươi đi mà chẳng được thấy đón ngươi về. Thời trẫm làm sao cho đành lòng được. Hỡi ơi thương thay! Vả, ngươi không phải là học trò

(1) Sang Pháp.

Digitized by Google

của trẫm, chẳng mong gì ở ngươi tiến cử bạn hiền lương để báo đáp trẫm. Cái dùi trong túi chưa ló mũi ra[1]. Trẫm cũng chẳng phải đã đặc biệt hiểu biết ngươi. Vậy thời chẳng biết ngươi nghĩ thế nào mà quyến luyến với trẫm: người ta đều cầu ta làm quan ngoài mà riêng ngươi chỉ xin về triều Há rằng ngươi muốn lập dị để lấy tiếng là cao? Ở quận, tuy không có công trạng rực rỡ, nhưng mà nổi tiếng một vị quan tốt, đã là không phụ điều mong mỏi một vị phúc tinh. Thời ngươi từng còn muốn cầu tiến gì hơn nữa? Đi sứ Bắc Kinh, văn (từ) tuy chưa đủ, nhưng phẩm (chất) có thừa, là bậc lương thần giữa triều đình, sớm giữ một địa vị nhân tài hữu dụng, nên từ đó ngươi càng thêm cố gắng chăng? Khi Bắc phạt đi thị sư, đem đạo quân lẻ loi vào sâu trọng địa mà thần sắc vẫn bình tĩnh, cuối cùng giải được vòng vây bất ngờ, thì ngươi dũng cảm thế nào mà không biết sợ hãi như vậy? Hỡi ơi thương thay! Chỉ vì lòng trung mà thôi.

Việc đánh dẹp phía đông chưa xong, việc đi sứ sang tây lại gấp đến, ai cũng nói rằng khó kiếm được người, chỉ có dùng người ấy là hơn cả. Ngươi về yết vua chưa được mấy ngày, bấy giờ ngươi đã mang bệnh, ăn uống đã rất kém. Nhưng chỉ nghĩ đến công việc không bỏ hỏng được và cái khí tiết không kể đến thân của ngươi, nên trẫm cũng để cho ngươi đi mà luôn ngóng ngươi trở về. Hỡi ơi thương thay! Sao nay chẳng thấy ngươi về! Trẫm với ngươi không phải là thân thích, cố cựu, nhưng, riêng khen bụng ngươi giỏi vượt mọi người, nhanh hơn khanh tướng, ngươi đã cương quyết dũng cảm xin đi để báo đáp ơn tri ngộ. Trẫm đương mong tìm được người, cũng trộm lấy làm mừng rằng đã biết được người. Nay bản thảo hòa ước mới xong thì tin báo tang vụt tới, đáng mừng mà hóa ra buồn. Hỡi ơi thương thay!

Khi lâm hành, ngươi đã dự lo tất sẽ xảy ra biến cố, ý

(1) Nghĩa là tài năng chưa xuất hiện. Điển Mao Toại.

Digitized by Google

hẳn nghĩ rằng đi xa muôn dặm, nước xa không cứu được lửa gần, nên đã mật tâu về cách khéo xử trí nguyên có tờ phiến. Không ngờ quả nhiên vụt xảy đến tin cáo cấp phi thường mà khi đương còn bên cạnh trẫm, ngươi cũng không lường được (như vậy). Ôi! Sao ngươi sáng được điều xa mà không sáng được điều gần? Nhưng biết "thấy thỏ ngó đến chó, mất dê đi chữa chuồng" mà thương ủy phó sứ kíp về điều đình, rồi ngươi tiến tới (súy phủ Pháp) giảng giải, cuối cùng đã có thể chuyển nguy làm yên.

Ngày chiến tranh trở lại giảng hòa, thì công của phó sứ tức là công của ngươi vậy. Trẫm đương mong ngươi về mà cùng nhận sự luyến ái hậu tình của trẫm. Ngờ đâu, chỉ được nghe bài phú Hoàng ba [1] mà không kịp thấy câu ca tử mẫu[2], đến nỗi có cái ơn riêng chịu vất vả ngay khi sắp được trở về, khiến người ta biết bao thương tiếc. Hỡi ơi thương thay!

Vả ngươi chưa tới lục tuần, mắc cái bệnh hầu tỳ[3] không quan trọng, trẫm đã không ngại xa xôi nghìn dặm, ban thầy cấp thuốc liên tiếp dọc đường, tưởng rằng cái bệnh vô căn nguyên ấy không thuốc rồi cũng khỏi. Đâu có ngờ ngươi vội từ trần Hỡi ơi thương thay! Tại vất vả ư? Tại mệnh ư? Nếu mệnh ngươi chỉ có thế, sao không chết ở nơi lam chướng, trận mạc mà lại chết vào lúc bệnh tật tầm thường. Mệnh chăng? vất vả chăng? Hỡi ơi thương thay!

Lại thêm, ngươi vốn là người ít bệnh, cho nên trong bài thơ trẫm tiễn chân ngươi có câu: "Người ta sinh ở đời là gửi. Thọ yểu hiền ngu cũng chết thôi". Đó là cái tình lý chân thực. Đương lúc lo âu, hổ thẹn đè nén trong lòng điều sở nguyện bấy giờ chỉ có thế, cho nên chẳng màng đến việc lựa lời nói, muốn nói rõ chân tình, muốn dùng lời cảm động khích lệ ngươi cốt mong cho được thành công, chứ không có ý gì khác.

(1) Bài nói về tiến sử thần ở thiên Tiêu nhã Kinh Thi.
(2) Đoàn sử thần.
(3) Chưa rõ là chứng bệnh gì.

Digitized by Google

Nhưng lại có những chữ "thừa vân" (cưỡi mây) "chi thỉ" (mũi tên giữ lại) (Khi Tuấn đi sứ, vua cho bài trạo ca [1] có những câu rằng:

Vân Dương điền thổ khởi luân vong
Bất đãi Tào Mạt hoài phong mang
Quả nhiên tuyệt ốc nhiệt can trường
Nhất sinh đại lụy nhất triêu thường
Cẩu thừa bạch vân du đế hương[2]
Diệc miễn tam thỉ đi Đường Trang[3].

Dịch:

Ruộng đất Vân Dương há mất sao,
Không chờ Tào Mạt phải mang dao.
Quả làm dịu được lòng ta nóng,
Một đời phiền lụy, một mai đồn
Dù ta cưỡi mây về đế hương
Khỏi gởi 3 (mũi) tên cho Đường Trang.

"Cưỡng tật, huyền kiếm" cại những câu:

Trữ khanh phản đà báo thành công
Thị ngã dụ Thiên do cưỡng tật
Ngã tật năng kiên Khanh quốc y
Bình sinh chí nguyện chỉ như tư
Đạm giao do tất trọng nhiên nặc
Nhược đãi huyền kiếm chung hà vi.

Dịch:

Gượng bệnh treo gươm.
Chờ Khanh trở gót báo thành công
Đây ta kêu trời, còn gượng bệnh.
Ta khỏi được, Khanh là quốc y.

---

(1) Bài hát chèo đò.

(2) Cưỡi mây về đế hương: có nghĩa là chết

(3) Vua nước Tấn khi sắp chết, đưa 3 mũi tên cho con là Đường Trang Tông, bảo rằng: "Ta có 3 kẻ thù là Vua nước Lương, vua nước Yên và rợ Khiết Đan, ta chết còn di hận, cho con 3 mũi tên này, con đừng quên cái chí báo thù của cha". Sau người con diệt được nước Lương, lập nên nhà Hậu Đường, gọi là Đường Trang Tông.

Digitized by Google

Bình sinh chí nguyện chỉ có thế.
Tri giao, ắt nặng lời vâng nhận
Nếu đợi "treo gươm[1]" còn làm gì.

Thời lại là nói nghiêng về trẫm. Không ngờ người "gượng bệnh" còn đợi, mà kẻ "đeo gươm" đã mất rồi, chuyển thành ra lời thơ sấm, hối hận sao kịp. Hỡi ơi thương thay! Số mệnh ư?! Số mệnh ư?!

Ngươi từ khi đi Bắc Kinh về, xét kỹ tình hình của người của mình, dường như đã có ý kiến nhất định. Chuyến đi này cũng không phải là cẩu thả, mà là hy vọng (có kết quả) lớn lao. Không ngờ cơ hội chẳng chiều lòng, phải làm cho xong chuyện. Trong (tình thế) bất đắc dĩ đó, trẫm vẫn mong sao có được người giúp đỡ, không ngờ ngươi vội phụ trẫm. Có chí chưa đạt, ngó tả, nhìn hữu như mất chân tay. Đương cái lúc nhiều việc khó khăn này, người bạn lúc gian nan có thể thiếu được ư? Vạn nhất mà giấc mộng con hươu[2] khó thành sự thực, chim tinh vệ lấp biển[3] những uổng công, việc khôi phục bờ cõi chưa đền được ơn, mũi tên gồi lại vô công hiệu, thời ngươi ở lưới đất có biết, cũng ân hận không bao giờ nguôi. Hỡi ơi thương thay! Số mệnh ngươi ư?! Số mệnh trẫm ư?! Tài đức công nghiệp của ngươi, đã có ngòi bút của sử thần. Đây trẫn chỉ ghi lại cái tình tri giao đối với ngươi, gọi có mấy lời, rót mấy chén rượu, cho trọn cái nghĩa thủy chung vua tôi mà thôi. Hỡi ơi thương thay!".

Trước khi Tuấn sang Tây, vua đem việc mất đất chưa lấy lại được ân cần dặn dò. Hôm từ giả ra đi, lại ban thơ, tự

(1) Xưa Quý Trát Chi đi sứ, ghé qua thăm Từ Quân, Từ rất thích thanh bảo kiếm của Quý nhưng không dám nói xin. Khi Quý Trát đi sứ về thì Từ đã chết. Quý Trát bèn cởi thanh bảo kiếm treo vào mộ Từ rồi đi.

(2) Người nước Trịnh đi kiếm củi, giết được con hươu, sợ người ta thấy, giấu vào một cái hố, lấy lá chuối che lại, rồi một lát quên mất chỗ để, cho là giấc mộng. - Từ hải.

(3) Ở bờ biển có loài chim nhỏ tên là Tinh vệ, thường nhặt gỗ, đá lấp biển Đông. Nên khi người ta có điều gì ân hận thường ví là chim Tinh vệ lấp biển.

Digitized by Google

và ca thuật cái ý khuyến khích mong đợi, rất là chu đáo. Bài thơ rằng:

Bắc sinh, Tây phù, lưỡng độ cù,
Đông phương tự khả phản tam ngung.
Nam nhi chí khí đương như Thị
Gia thất tình hoài mị sở tư.
Nhân vật bổ di sơn hải tập,
Phong ba bội tỉ Động Đình hồ.
Thiên lân trung nghĩa thành công phản,
Mậu triển du vi tán viễn đồ.

Dịch:

Sứ Bắc, sứ Tây, hai độ gắng,
Phương Đông có thể sẽ thành công.
Nam nhi chí khí nên như thế,
Vợ con chớ để bạn quên lòng.
Nhân vật bổ di tập sơn hải,
Sóng gió gấp mấy hồ Động Đình.
Trời thương trung nghĩa thành công về.
Mở rộng mưu mô giúp (cuộc) tính xa.

Bài tự cho rằng việc cáng đáng trách nhiệm đó là rất khó khăn nặng nề, bể khơi muôn dặm, ngôn ngữ, phong tục không thông, mà chắn dòng nước phá ngang cho xuôi về biển, góp mọi vị thuốc lại để định phương, thì thật là khó khăn nặng nhọc. Cuối cùng, cảm động lấy điều nghĩa, mong mỏi sự thành công; lại nêu qua cái thế "Liên kê chi thế", muốn cho được rộng thêm đường lối, cân nhắc lợi hại. Rồi đón ý khéo dụ về cái nghĩa được bạn giúp đỡ nhiều, giảng bàn khúc chiết rất là chu đáo. Còn bài ca thì đã chú lược ở trên. Vì rằng nói chẳng đủ, nên lại có những bài này để nói thêm, muốn cho bầy tôi trong khi đi đường ngâm nga nhớ lấy, lại là khôn xiết gắn bó. Những bài đó lấy tên là "Trạo âu khúc" (khúc hát chèo đò), là "Phóng ca hành" (Bài hành hát phiếm). Bấy giờ Tuấn, một thân đảm đang trách nhiệm, báo đáp ơn tri

Digitized by Google

ngộ, khó khăn nặng nhọc biết là chừng nào. Tuấn, sau được liệt thờ vào Hiền lương từ. Có một người con tên là Hoàn đỗ hương tiến, làm đến Hàn lâm viện biên tu.

*

Nguyễn Văn Giao

(Phụ: cháu gọi bằng chú bác: Hữu Lập)

Tự là Đạm Như, người Thanh Chương [1] Nghệ An. Khoa Quý sửu Tự Đức năm thứ 6 (1853) cùng với người hàng tổng là Nguyễn Đức Đạt cùng đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ tam danh, thụ chức Hàn lâm trước tác sung hành tẩu Nội các Bí thư sở, rồi thăng thừa chỉ. Năm thứ 12 (1859), thăng thị giảng học sĩ đi khám xét việc đào sông ở Nghệ An. Năm thứ 23 (1870) làm tham biện Nội các sự vụ.

Văn Giao hầu việc gần nơi thanh yếu, được vua thường hỏi đến, phàm những việc cơ mật, trọng yếu tất thành thục trình bày, vua rất ngợi khen. Năm thứ 16 (1863) mất tại chức, 53 tuổi, được tặng Quang Lộc tự khanh.

Văn Giao, tính rất hiếu, cha mất làm lều ra ở ngoài mộ 3 năm. Khi làm quan, hai lần được vua ban thuốc quí về cho mẹ dùng. Lúc trẻ có tiếng hay chữ, mãi khi có tuổi mới tri ngộ, được vua yêu mến đặc biệt. Văn Giao cùng Phạm Thanh, khi mất vua đều lấy làm nhớ (việc chép ở truyện Thanh). Vua lại nói rằng: "Văn Giao có nhiều tài năng mà thuần hậu, chất phác, trẫm muốn được dùng người đó. Năm thứ 29 (1876), vua lại dụ rằng: Nguyễn Văn Giao thờ trẫm hết chức vụ, làm việc diễn tả chiếu, chỉ trong Bí các, chăm chỉ khó nhọc trong 10 năm, cho tặng Lễ bộ thị lang. Khi Văn Giao ở Các, có phụng sắc soạn ra: "Bách tử khảo", "Bát công sự", "Điệp tự vận", "Sử lâm kỷ yếu", "Kim, Nguyên Minh sử phú", "Sử luận", "Vạn sự vịnh sử", "Ngũ thiên tự thi" và 2 quyển "Lục nhâm

(1) Nay thuộc huyện Nam Đàn.

Digitized by Google

kỳ môn lược soạn", tiết thứ được vừa ý vua và được khen thưởng. Ngày thường ông làm tập "Quất lâm thi văn thảo". Con người anh tên là Hữu Lập.

Hữu Lập tự là Nhụ Phu, cha là Như Hiên, đỗ hương tiến hồi đầu niên hiệu Minh Mạng, tri huyện Yên Thế rồi lĩnh tri phủ Bút Phong, đến đâu cũng có tiếng tốt. Được triệu về bổ giám sát ngự sử, sau bị xuống chức. Như Hiên thờ cha mẹ rất có hiếu, sau khi về nhà, luôn có chiếu cho khởi phục ra làm quan, nhưng vì có cha mẹ già, xin từ chối. Như Hiên xử trị việc gia đình rất nghiêm, dạy dỗ có phương pháp. Em là Văn Giao cũng học được ở gia đình. Hiên có làm ra các tập: "Tô lâm thi thảo", "Độc trang thi thảo" và "Tác Sư Duyệt đáp tân hí văn".

Hữu Lập lúc bé học ở gia đình, đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 15 (1862), được bổ tri phủ Vĩnh Tường. Năm thứ 18 (1865), được vua mời hỏi về học thuật, thưởng cho một tấm kim khánh. Gặp khi đình cử Lê Văn Duyệt sung quản đạo Hà Tĩnh, Hữu Lập chấp tấu cho là không nên. Sau đó Lê Văn Duyệt bị phạt không xứng đáng chức vụ. Vua khen là Lập đã nói thẳng. Năm thứ 19 (1866) bổ án sát sứ Sơn Tây nhậm chức ấy 3 năm rồi vào thự thị lang Công bộ quan Hàn lâm viện, phụng sắc soạn ra bản văn bia "Nam quan kỷ công". Sau sung chánh sứ đi Yên Kinh (Bắc Kinh). Khi trở về bổ Hộ bộ tham tri sung Tàng thư lâu đổng lý, tập hợp điển lệ làm thành sách. Lâu rồi thăng tham tri Binh bộ sung Cơ mật viện đại thần. Dâng biểu xin từ, không cho phép. Rồi mất năm 51 tuổi. Hữu Lập làm quan, khi làm việc về, tay không lúc nào rời quyển sách, vì văn học mà được vua biết đến. Văn chương làm ra (có tính chất) một nhà văn học riêng. Khi sang sứ, những sĩ phu ở triều đình Trung Quốc cũng ca tụng. Có làm ra "Sứ trình loại biên", "Thí pháp tắc lệ". Con là Nghi, được ấm thụ điển tịch.

Digitized by Google

Mai Thế Quý

Người Can Lộc, Hà Tĩnh, đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 6 (1853), do chân Hàn lâm viện bổ đi tri phủ Lâm Thao, và dẹp phỉ có nhiều công được quyền hộ tuần phủ Quảng Yên. Năm thứ 21 (1868) sung hải phòng hiệp lý Hải Dương kiêm quản Nhu năng quan. Gặp khi biên giới phía bắc, bọn phỉ lan tràn, được sung tán tương quân thứ Lạng Bình rồi lại sung tán lý quân thứ Tuyên Quang đánh nhau với giặc Hùng Cốc thất lợi, bị giáng làm tán tương. Sau vì có chiến công ở các nơi Đài Nghi, Thung thị [1], Bạch Ngọc, được bổ tả thị lang Binh bộ sung tiểu phủ sứ Tuyên Quang.

Năm thứ 23 (1870), tháng 8, đóng ở đồn An Biên, bị tên đầu sỏ giặc Hoàng Anh đánh lén, quân vỡ, Quý bị thương, quay sang Vân Nam chữa thuốc rồi nhận tìm những lính dõng thạo việc để dùng. Vì thua quân, bị lột chức lưu dụng và đòi phải sớm về đánh giặc chuộc tội.

Năm ấy tổng thống Hoàng Tá Viêm xin bổ Quý làm bố chánh sứ Tuyên Quang, đốc quân đi thượng du đánh và chặn giặc. Thế rồi liên tiếp phá được giặc ở Phúc Ninh, Hương Mang. Đầu sỏ giặc Hoàng Anh bị bắt, được thăng thự tuần phủ Tuyên Quang. Quý từng đã đem sự việc các châu huyện thuộc hạt mới bị cướp bóc, xiêu tán, xin miễn cho những thuế bỏ trốn. Vua nghe lời. Thế Quý ở lâu nơi biên giới, gian lao, rồi ốm mất ở trong quân.

*

Vũ Khắc Bôn

Vũ Khắc Bôn tự là Trọng Phu, người La Sơn [2] Hà Tĩnh. Cha là Khắc Kiệm, đỗ hương tiến khoảng năm Gia Long, qua tri huyện Yên Định và Quảng Xương, giữ mình liêm chính,

(1) Có nghĩa là chợ Thung.
(2) Nay là Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh.

Digitized by Google

những khi rỗi việc công từng giúp học trò trong hạt giảng tập, sau thăng tri phủ Anh Sơn, chưa kịp đến nhậm chức thời chết.

Khắc Bôn mồ côi cha từ khi còn ở trong bụng. Mẹ là Phạm Thị, giữ tiết nuôi nấng. Bôn lúc bé thông tuệ, 14 tuổi đã có tiếng hay chữ. Tự Đức năm thứ 6 (1853) thi hội đỗ Ất khoa, bắt đầu bổ tri huyện Bố Trạch, huyện ở bờ biển, nhiều đất nước mặn, trước có cái đập ngăn ngước thủy triều bị bỏ đã lâu. Khắc Bôn về, sức dân phu đắp lại, không bị nước nặm làm hại nữa, dân được tiện lợi. Sau chuyển bổ đi tri huyện Yên Dũng, rồi thăng tri phủ Tĩnh Gia, mãn trật, vào làm Hình bộ lang trung. Thăng Thừa Thiên phủ thừa thời bị việc phải mất chức, được hiệu lực, đi lang biện quân thứ Lạng Sơn rồi mắc bệnh về nghỉ. Sau lại cho khởi phục làm trước tác lính đốc học Nghệ An, học trò tin theo nhiều, rồi thì mất.

Khắc Bôn làm quan thanh liêm, kiệm ước, sau khi về dạy học, chỗ ở không che được mưa gió, người ta ca tụng là quan liêm.

*

Nguyễn Hanh

Tự là Gia Cát, người Hòa Vang, Quảng Nam. Tính cẩn thận ở nhà có tiếng hiếu hạnh. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 5 (1852), đi nhậm phủ huyện rồi làm ngự sử, có tiếng giỏi giang. Thăng Hà Tĩnh phó quản đạo rồi đổi lĩnh án sát sứ Nghệ An. Vì việc phòng bị sơ sài ở quân thứ, bị cách chức đi hiệu lực quân thứ Tuyên Quang, được khởi phục làm bang biện rồi mắc bệnh về nhà. Gặp lúc dân đói, đi khuyến quyên giúp việc chẩn cấp đắc lực, được thưởng cho khởi phục làm thị độc. Khoảng năm Đồng Khánh, trong hạt không yên, khâm sai Phan Thanh Liêm ủy đi nhà thờ đạo Phú Thượng thương thuyết, bị giết ở giữa đường, năm ấy 67 tuổi. Vua

Digitized by Google

cho là chết vì việc nước, tặng Đại lý tự khanh

*

Lê Đình Tuấn

Tự là Thúc Trạch, người Hương Trà, Thừa Thiên, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 5 (1852), do chân Hàn lâm điển bạ sung Sử quán khảo hiệu chuyển đi tri huyện Đồng Xuân. Bấy giờ cương giới mặt biển Nam kỳ lục tỉnh có cáo cấp. Đình Tuấn khuyên dân quyên nộp tiền, thóc để giúp quân. Lại thân đi đốc bắt được tên phạm trốn là Đinh Văn Chính. Quảng đạo Phú Yên Nguyễn Trung Thành đề cử là người thanh liêm, giỏi giang, được cất lên tòng ngũ phẩm, lĩnh cấp sự trung Hình khoa, rồi thăng mãi lên Hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ Khánh Hòa. Vua dụ rằng: "Khánh Hòa đất nhỏ, dân ít, ngươi nên gia tâm vỗ về, đem lại đời sống tốt đẹp cho dân, đừng cam chịu tầm thường, thời là tốt. Sau được thực thụ (bố chính sứ), lâu rồi thăng thự tuần phủ Khánh Hòa. Kịp khi có cái việc người khách tên là Trần Khai Kim sợ bỏ trốn, Súy phủ Pháp thường nói đến mãi, Tuấn bị đổi xuống Quang lộc tự khanh lĩnh bố chính Quảng Trị hộ lý Trị Bình tuần phủ. Hôm bái từ đi nhậm chức, vua dụ rằng: "Quảng Trị đất xấu, dân nghèo. Ngươi trải nhậm mọi nơi đã lâu, nay đến đấy, nên vì dân chấn hưng điều lợi, bài trừ điều hại, sao cho dân được tỉnh lại. Đến như đất Cam Lộ cũng là chỗ rất quan trọng, xung yếu, nên thời thường gắng để mắt đến, trù tính làm việc thế nào khiến có lợi cho nước nhà mới xứng đáng sự ủy thác. Chưa bao lâu, chuyển về thị lang Hình bộ, rồi thăng quan tham tri quyền chưởng bộ vụ. Năm thứ 34 (1881) thời mất, thọ 50 tuổi. Vua được tin nói rằng: Tuấn trải nhậm lâu, siêng năng, cẩn thận không bao giờ thay đổi, nay vội chết, đáng tiếc, đặc gia cấp cho 300 quan tiền và sa lụa. Con là Đình Vỹ do chân ấm sinh làm đến tri huyện Vĩnh Bảo.

*

Digitized by Google

Ngô Văn Độ

Ngô Văn Độ, người Bạch Hạc, Sơn Tây. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 9 (1856). Do chân Hàn lâm viện biên tu ra tri huyện Kim Thành, qua tri phủ Nam sách rồi bổ về Tập hiền viện thị giảng sung Kinh diên khởi cư chú. Năm thứ 15 (1862), ở Sơn, Bắc có tin giặc, Độ tự xin về quê qui mộ dõng đi dẹp bắt. Sau đó thăng thị độc học sĩ lĩnh án sát sứ Nghệ An, vì mắc ốm chưa tới nhậm chức. Năm thứ 18 (1865), cổ phỉ ở Cao Bằng tụ tập, Độ được sung tán lý quân thứ Lạng Bình. Khi đem quân trở về đến tỉnh Bắc thì ốm mất, được tặng Quang Lộc tự khanh.

*

Nguyễn Cao Bính

Nguyễn Cao Bính người Thạch Hà, Hà Tĩnh. Cha là Thường Trân làm viên ngoại lang. Cao Bính lúc bé thông minh, lanh lợi, mười tuổi đã biết tập làm văn. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 8 (1855). Bắt đầu theo Tập hiền viện làm kiểm biện sách Vận hải, rồi lại sung làm kiểm biện sách Kim giám ở Nội các. Sách xong, bổ đi tri huyện Hòa Vang. Qua Hàn lâm viện tu soạn và hành tẩu Nội các Bản chương sở. Bấy giờ vì Quảng Nam quân thứ là Đào Trí có sớ tiến cử, được cất lên trước tác sung chức tùy biện quân thứ. Sau rồi lĩnh tri phủ Thuận thành. Năm thứ 18 (1865) bổ tán tương quân thứ Lạng Bình, sau thăng Hàn lâm viện thị độc học sĩ lĩnh án sát Hưng Yên, lại thăng bố chính sứ Cao Bằng rồi mất tại chức. Sau vì có việc, bị truy giáng xuống Hàn lâm viện thị độc. Con là Đôn, đỗ hương tiến.

*

Trần Đôn Phục

(Phụ: Trần Trọng Quang)

Người Mỹ Lộc, Nam Định. Cha là Quang, đỗ hương cống

Digitized by Google

hồi đầu niên hiệu Gia Long, bổ huyện thừa Chương Đức. Gặp khi giặc cỏ cướp bóc làng mạc, Quang mang quân đi đuổi bắt, bị giặc giết. Có sắc chỉ ban khen và gia hàm tri huyện.

Đôn Phục, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 8 (1855) bổ tri huyện Gia Lộc rồi chuyển đi tri phủ Nam Sách. Phủ này tiếp giáp với hạt Bắc Ninh, trộm giặc thường lúc ẩn, lúc hiện. Đôn Phục mang lính mộ theo tiểu phủ sứ tỉnh Bắc là Ông Ích Khiêm đánh bắt, có công, được bổ Hàn lâm viện thị độc vẫn lĩnh phủ ấy. Năm thứ 21 (1868), làm bang biện Bắc Ninh tỉnh vụ đốc vận quân lương Lạng Bình được đầy đủ, được gia hàm thị độc học sĩ. Bấy giờ phỉ đầy rẫy biên giới, triều đình Trung Hoa phái quân sang hội tiễu. Tạ thống lĩnh Quảng Tây cho tri huyện Thượng Lang Trần Trọng Quang dẫn đường sang đánh lấy lại được thành Cao Bằng. Nhân có bệnh về nghỉ rồi đổi sung Hải Dương hải phòng hiệp lý. Bấy giờ vì có việc, bị bãi chức hậu cứu rồi mất năm 52 tuổi. Trong khi ốm ở thành Cao, Đôn Phục có tự thuật 68 vần thơ.

Trọng Quang người Giao Thủy, đỗ kỳ thi hương năm Thiệu Trị thứ 2 (1842) do chân tri châu Đà Bắc đi tri phủ qua 2 phủ Hải Ninh, Lâm Thao. Giữa niên hiệu Tự Đức, chuyển về viên ngoại lang bộ Binh thì can việc phải miễn chức. Vì trước ở Hải Ninh có tiếng giỏi, chuẩn cho được theo Nội các làm sách để hiệu lực chuộc tội. Sau được bổ đi tri huyện Thượng Lang. Gặp khi cổ phỉ phá vỡ tỉnh thành Cao Bằng, đường đi đại đồn quân thứ bị nghẽn, Trọng Quang bèn sang Quảng Tây theo Tạ thống lĩnh về tiến đánh thu phục được (thành), được sung làm tuần biên lang biện. Sau đó, Cao Bằng lại bị phỉ chiếm cứ. Năm thứ 24 (1871), quân các đạo của ta lại lấy lại được, vua thấy Trọng Quang nhiều công lao, bổ làm hiệp sát sứ Cao Bằng, rồi Quang mất tại chức.

*

Digitized by Google

Phạm Hữu Chiểu

Tự là Huy Phủ, người Diên Phước, Quảng Nam. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 3 (1850), do chân điển tịch lĩnh giáo thụ Thăng Bình. Qua tri huyện 3 huyện Bồng Sơn, Phong Doanh, Chân Ninh rồi vào làm giám sát ngự sử. Rồi chuyển sang viện ngoại lang Công bộ, thăng lang trung, đổi sang Hồng Lô tự khanh thời sung làm quản đốc chiếc hỏa thuyền Mẫn thỏa đằng huy đi Quảng Bình làm việc quân. Năm thứ 24 (1871), Chiểu đánh nhau với giặc biển bị thương, vua sai mang cho sâm, quế và 30 lạng bạc. Sau vì vết thương nặng mà chết, năm ấy 48 tuổi. Theo lệ chết trận, cho truy tặng Hàn lâm viện trực học sĩ. Con là Quy, làm tư vụ Công bộ.

*

Lê Khắc Nghị

Tự là Dụng Chi, người An Lão, Hải Dương[1]. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 15 (1862). Vua xem bài biểu trong quyển thi, bảo rằng: "trẫm đọc thấy nghẹn ngào không thể đọc được hết. Người có lời văn trung nghĩa, tin chắc rằng cũng có cái lòng trung nghĩa để hòng báo đáp trẫm". Cho nên cất nhắc lên, do chân Tập hiền viện tu soạn bổ đi tri phủ Xuân Trường. Năm thứ 19 (1866), cất lên thị độc học sĩ tham biện Nội các sự vụ.

Khắc Nghị do văn học được mật hầu việc nơi nghiêm cấm, gần vua. Vua có lòng hậu đãi. Thường sai duyệt những thơ vua làm ra. Lại hỏi về phép cổ văn, bảo rằng (vua tôi) nói với nhau không giấu giếm điều gì cũng là cái ý những bài canh ca [2] vui mừng phấn khởi (của vua tôi vua Thuấn) đời xưa. Khắc Nghị trước tên là Cẩn, sau mới đổi ra tên này. Con là Mệnh Phả đỗ hương tiến, nay bổ huấn đạo Đông Quan.

(1) Nay thuộc Hải Phòng.

(2) Bài hát nhiều người xướng họa nối tiếp nhau.

Digitized by Google

Trần Văn Chuẩn

Tự là Trực Chi, người Tuyên Chính, Quảng Bình. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 15 (1862), do chân Tập hiền viện biên tu bổ đi tri phủ Thái Bình rồi đi án sát sứ Thanh Hóa. Năm thứ 23 (1870) sung phó sứ đi Yên Kinh, khi trở về bổ thị độc học sĩ tham biện Nội các sự vụ. Năm thứ 27 (1874) sung chức khâm phái đi Quảng Bình, tâu xin đặt huyện Tuyên Hóa. Vua nghe lời. Rồi chuyển về tả thị lang Lại bộ. Năm thứ 29 (1876) lĩnh tuần phủ Hưng Yên, rồi sung tham tán quân vụ Ninh Thái, Lạng Bình. Sĩ thứ tỉnh Hưng Yên làm đơn nói Văn Chuẩn khi làm quan ở đấy, thanh liêm cần mẫn, hết lòng việc dân, có kê rõ những thực tích, do Nam Định để đạt lên. Vua nói: tuy không có công lao đặc biệt nhưng cũng là tận lực. Sang năm sau lại cho về chỗ cũ. Năm thứ 23 (1870) lĩnh tổng đốc An Tĩnh, trù tính tâu xin đặt các đồn Sơn phòng, Tiên kỳ, Anh mặc. Năm thứ 36 (1873) triệu về thự thượng thư Công bộ quản lý Thương bạc sự vụ. Mùa thu năm ấy ra sung Bắc kỳ phó khâm sai, sau bị về kinh giải chức ở ngoài chờ xét. Năm đầu Kiến Phúc (1884) tạm bổ Hồng lô tự khanh sung Doanh điền sứ Quảng Bình. Ít lâu cho khởi phục làm hữu thị lang Binh bộ quyền lý An Tĩnh. Chuẩn xin đặt đồn Quyết Sơn và đắp la thành Nghệ An. Khoảng niên hiệu Hàm Nghi, gia hàm tham tri lĩnh chức như cũ, rồi năm ấy mất lại chức, được truy thự tổng đốc.

Văn Chuẩn thường lưu tâm về chính thuật. Trước phụng mệnh sang sứ Yên Kinh, có được bộ "Trần thi ngũ loại di qui" đem về khắc bản ấn hành. Năm đầu Thành Thái (1889) có chỉ ban khen. Con là Nguyên Quảng chân tú tài, thụ chức kiểm thảo đi lĩnh tri huyện Tuyên Hóa.

*

Digitized by Google

Đặng Văn Kiều

(Phụ: Ngô Đức Bình)

Tự là Tùng Niên, người Thạch Hà, Hà Tĩnh. Lúc bé hiếu học, nhớ lâu. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 5, qua bổ Hàn lâm viện biên tu sung Kinh diên khởi cư chú, rồi thăng thị giảng lĩnh đốc học Bình Định.

Bấy giờ vua chú ý đến việc nho học, mùa thu năm thứ 18 (1865) lại mở chế khoa, xuống chiếu cho trong kinh, các tỉnh có . ử những người văn học đều mời đến thi ở dưới cửa khuyết. Vua thân ra văn sách, Văn Kiều được chọn đứng đầu, cho đỗ đệ nhất giáp nhã sĩ cập đệ đệ tam danh [1]. Năm thứ 19 (1866) được bổ án sát sứ Quảng Bình. Năm thứ 23 (1870) sung Tôn học chưởng giáo rồi chuyển sang thị giảng học sĩ sung Sử quán toản tu. Năm thứ 26 (1877), Bắc kỳ hữu sự, dân Nghệ An nhân vậy không được yên tỉnh. Văn Kiều phụng chỉ đi hiểu dụ. Sau đó triệu về lại giữ chân thị giảng học sĩ toản tu, ở trong Sử quán 10 năm rồi mất tại chức.

Người cùng huyện là *Ngô Đức Bình*, đỗ tam giáp đồng nhã sĩ xuất thân cũng khoa ấy. Bắt đầu thụ chức Nội các tu soạn, rồi qua tri phủ 2 phủ An Nhơn, Điện Bàn rồi thăng mãi đến Quốc tử tế tửu, án sát sứ Quảng Bình.

*

Hoàng Hữu Tài

Tự là Đạt Chi, người Phúc Thọ, Sơn Tây [2], con cháu Thạc quân công Phùng Cơ đời Lê. Cha là Đồng, do chân chư sinh làm lên, được bổ đô chỉ huy sứ.

Hữu Tài lúc bé đọc sách, lại thạo võ lược. Tự Đức năm thứ 15 (1862) trúng Ất khoa kỳ thi hội, do chân Hàn lâm kiểm thảo đi tri huyện Chân Ninh rồi bổ tri phủ Diễn Châu.

(1) Tương đương thám hoa.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Digitized by Google

Tự cho mình là con cháu nhà tướng, nên khi tại chức thường vẫn luyện tập võ nghệ, sau được bổ Kinh vũ học đường phó học chính. Gặp khi biên giới phía bắc có giặc, dâng sớ xin đi tòng quân, sung chức khâm phái bộ vụ. Hữu Tài chọn huyện tráng dũng, đến đâu cũng có chiến công, giặc thường bảo nhau xa lánh. Năm 23 (1870) giặc Áo hợp đảng quấy nhiễu các vùng Kim Anh, Đa Phúc, Hữu Tài mang quân chống cự, bị hại.

Hữu Tài là người nóng thẳng, khi lâm sự hết lòng thủ tiết. Việc tâu lên, cho truy tặng Hàn lâm viện thị độc học sĩ.

*

Phạm Hy Lượng

Tự là Hối Thúc, tổ tiên là người Hải Dương, sau dời đến ở (huyện) Thọ Xương thuộc Hà Nội. Lúc còn trẻ có tiếng hay chữ. Đỗ ất khoa kỳ thi Hội Tự Đức năm thứ 15 (1862) thụ chức Hàn lâm kiểm thảo sung Tập hiền viện khởi cư chú rồi bổ tri huyện Yên Dũng. Năm thứ 20 (1867) triệu về làm Hộ bộ viên ngoại lang rồi thăng lên lang trung. Năm thứ 13 (1870), thăng Quang lộc tự thiếu khanh biện lý Hình bộ sự vụ. Mùa đông năm ấy sung phó sứ đi Yên Kinh, có làm ra tập Minh sồ, do Viên Toản người Quảng Nam ở trong triều đình Trung Hoa đề tựa. Đi sứ về, bổ Quang Lộc tự khanh vẫn biện lý Hình bộ. Năm thứ 26 (1873) lĩnh bố chính sứ Nghệ An. Gặp khi Bắc kỳ hữu sự, dân sở thuộc nhân vậy không được yên, can phạt ông không biết đề phòng chế áp, bị lột chức theo hiệu lực ở quân thứ Tam Tuyên để sai phái. Trải quyền sung bang biện tỉnh, thứ sự vụ Tuyên Quang, Hưng Hóa, rồi tạm sung tán tương quân thứ, nhân bị bệnh xin về điều trị. Năm thứ 36 (1883) lại dùng ra quyền lĩnh án sát sứ Ninh Bình rồi lại quyền lĩnh tuần phủ. Kiến Phúc năm đầu (1884) ốm về rồi mất, bấy giờ 53 tuổi. Năm Thành Thái thứ 9 (1897) truy phục Quang lộc tự khanh.

Digitized by Google

*

Trương Định

Người Bình Sơn, Quảng Ngãi, là con vệ úy Cầm ở Gia Định Hữu thủy vệ. Sau Cầm mất, Định nhân ngụ ngay ở nơi cha đóng quân. Định am hiểu võ nghệ, dũng cảm, mưu lược. Tự Đức năm thứ 14 (1861), thành Gia Định hữu sự, Định hưởng ứng việc nghĩa, chiêu mộ thú dõng được hơn 6.000 người, lại kiêm quản những đầu mục thân hào mộ việc nghĩa, dồn lập 18 cơ quân luôn chống đánh người Pháp, thu hoạch được súng ống khí giới và đúc chế thêm để dùng, được bạt bổ làm quản cơ lĩnh phó lãnh binh Gia Định.

Khi hòa ước đã định, xuống dụ cho Nam kỳ thôi việc binh, đổi bổ Định về Phú Yên. Bấy giờ dân khởi nghĩa các tỉnh cử Định làm đầu mục, trình bày xin đánh. Triều đình cho thế là trái hiệp ước, không cho, và sai khâm sai đại thần Phan Thanh Giản ve hiểu dụ. Định, mãi không chịu đến nhậm chức, cứ lúc ẩn, lúc hiện chống đánh, xưng là Trung thiên tướng quân, sau vì thất lợi bị chết. Con là Tuệ, cũng chết vì việc quân. Vợ Định là Lê Thị Thưởng không nơi nương tựa, trở về nguyên quán làm ăn.

Năm thứ 27 (1874), quan tỉnh Quảng Ngãi đem việc Định là người nghĩa khí đáng khen, vợ Định nghèo khổ đáng thương, tâu xin cấp dưỡng chung thân cho người vợ mỗi tháng 20 quan và 2 phương gạo.

Năm thứ 31 (1878), phiên thần Trà Quý Bình tâu nói một nhà cha con Trương Định trung nghĩa, biết rõ từ lâu, được chuẩn cấp cho 5 mẫu tự điền, cho người tộc thuộc là Văn Hổ thừa tự.

Năm thứ 24 (1871) [1] vua nghĩ đến Định, lại sai dựng đền ở xã Tư Cung sở tại để thờ, cấp thêm cho người vợ mỗi

(1) Có lẽ là năm thứ 34 (1881) mới phải.

Digitized by Google

tháng lên 10 quan và sai xã ấy thỉnh thoảng đến thăm nom. Sau khi thị mất, cho 100 quan tiền.

*

Phan Đình Thỏa

(vợ Trần Thị Cô)

Người châu Tiên Yên thuộc Quảng Yên. Châu này nguyên thuộc phủ Khâm châu nước Thanh. Tự Đức năm thứ 9 (1856), Thỏa làm cai tổng tổng Hải An, đến phủ Hải Ninh đệ đơn xin đem châu mình qui phụ, được bổ thụ cửu phẩm bá hộ. Năm thứ 15 (1862) tên nghịch Phượng khởi biến đánh vỡ phủ thành Hải Ninh. Đình Thỏa không chịu theo giặc, tự đứng mộ thủ dõng đánh lấy lại thành, được thưởng cai đội. Sau vì quyên giúp hơn 5 nghìn quan tiền quân nhu, được bạt bổ phó vệ úy.

Năm thứ 18 (1865), lại mang lính dõng đuổi đánh giặc biển ở Đăng Xuân, La Phù, thắng liên tiếp. Gặp bấy giờ thành Hải Ninh lại bị vỡ, Đình Thỏa cùng với đốc binh Ông Ích Khiêm đánh lấy lại được thành, được thưởng vệ úy. Tháng 10 năm này thời mất.

Đình Thỏa từ khi qui phụ theo quân thứ trong vòng 4 năm, đã bắt, chém được phỉ và đầu mục phỉ cả thảy hơn 180 tên, và bắt được của ngụy 1 trung quân đô thống, 1 đại tướng; lại thuê mộ dõng toàn người nước Thanh trợ chiến, luôn lập được chiến công; xác thực là có công lao vất vả. Vua ban khen, cho truy thụ chưởng vệ, sai sở tại dựng đền thờ, ban tên là đền Cần Trung, để nêu danh.

Người vợ là Trần Thị Cô, Tự Đức năm thứ 17 (1864), thân mang thủ hạ đi bắt được 1 tham mưu, 1 quản cơ của ngụy và 2 chiếc thuyền phỉ. Quan quân thứ đem việc tâu lên, thưởng cho 3 đồng ngân tiền phú thọ hạng lớn.

Digitized by Google

Đồng Văn Quỳ

Tự là Bộ Vân, người Chương Ngãi, Quảng Ngãi. Cha là Đạt, làm quan đến chức quản cơ. Quỳ lúc nhỏ am hiểu võ nghệ. Khoảng Tự Đức được tuyển vào giáo dưỡng sách, dự hạch liên tiếp được điểm ưu, được chọn bổ làm chánh đội trưởng xuất đội Bắc Ninh Tiền sai cơ suất đội. Bấy giờ tỉnh hạt có cáo cấp, trước sau cả thảy 6 trận có bắt chém được đồ đảng phỉ, trùng điệp được thưởng kỷ lục quân công và ngân tiền. Sau thăng quản cơ rồi đổi đi sung giám thủ kho tỉnh, vì mãn niên hạn thanh thỏa, được bạt bổ phó lãnh binh Sơn Tây, chưa bao lâu chuyển lên lãnh binh.

Năm 35 (1882), tỉnh thành thất thủ, bị cách chức, sau lại được dùng bổ sung làm Vũ lâm tả dực bang biện. Đến khi kinh thành hữu sự, theo vua đến Quảng Trị rồi ốm quay về, mất năm 55 tuổi. Đến năm thứ 11, hoàng thượng lên nối ngôi, gặp dịp cửu tuần khánh điển, cho truy phục nguyên hàm lãnh binh.

Quỳ, tính người hào mại, tuy xuất thân nơi quân đội nhưng ham đọc sách, từng lấy văn tự khuyên răn con cái. Có 5 người con: Cát Phủ đỗ hương tiến lĩnh huấn đạo Đức Phổ; Tốn, tùng bát phẩm sung Sở quán đằng lục; Tạo, chân ấm sinh theo tỉnh làm việc; Đạo chân viêm tử; Tuyển chân anh danh theo tỉnh làm việc.

Digitized by Google

QUYỂN 39

TRUYỆN CÁC QUAN - MỤC XXIX

- Lê Liêm
- Phan Văn Dư
- Hoàng Xuân Phùng
- Phạm Thanh Thục
- Thành Ngọc Uẩn
- Dương Danh Thành
- Vũ Như
- Nguyễn Văn Ái
- Ngô Quý Đồng
- Nguyễn Tiếp Phương
- Trịnh Văn Lâm
- Nguyễn Xuân Ôn
- Hồ Bá Ôn
- Hoàng Văn Hòe
- Vũ Túc
- Nguyễn Văn Liêm
- Trần Hy Tăng
- Hà Văn Quan
- Nguyễn Cơ
- Phan Duy Thanh
- Lâm Hoành
- Nguyễn Hữu Độ
- Nguyễn Đình Tựu
- Lê Văn Điếm
- Nguyễn Đăng Ngoạn
- Hoàng Hữu Thường
- Nguyễn Tài Tuyển

*
* *

Lê Liêm

Tự là Thanh Khê, người Lương Phú, Gia Định, là người thông minh lanh lợi có tài làm việc. Tự Đức năm thứ 5 (1852), đỗ hương tiến. Năm thứ 12 (1859) Gia Định có cáo cấp, mộ dõng đi tòng quân. Qua làm giáo thụ Hoàng Trị, tri huyện Kim Giang, chuyển sang tri phủ Định Viễn rồi đổi đi An Nhân. Bấy giờ quân nhu ở Bắc Kỳ rất tốn, Liêm quyên 1 vạn quan tiền để giúp quân, được thăng bổ viên ngoại lang Lại bộ. Năm 26 (1873) ông được đổi đi đốc học Bình Định, chưa bao lâu thăng án sát sứ Khánh Hòa.

Digitized by Google

Năm thứ 33 (1880), tiết ngũ tuần đại khánh, ông được sung khâm điểm[1], đi qua Quảng Nam gặp lúc dân đói, điều trần về công việc cứu hoạng. Vua khen là có học thức, cất lên chức bố chính sứ Bình Định, qua thăng chức thị lang Hộ Binh, Công 3 bộ thời chuyển lên thự tham tri Binh bộ kiêm tả phó đô ngự sử. Năm thứ 36 (1883) đổi đi thự tuần phủ Thuận Khánh. Năm Ất dậu niên hiệu Đồng Khánh (1885)[2] bọn hiệp quản Hồ Bình thuộc tỉnh gây việc, Liêm bị chúng bắt, việc tâu lên, bị giáng bốn cấp, ly chức. Sau lại bị phỉ dìm chết, khi ấy 58 tuổi, được truy thụ bố chánh sứ.

*

Vũ Túc

Tự là Nguyên Nhị, người Nam Trực, Nam Định, lúc trẻ có tiếng hay chữ. Tự Đức năm thứ 11 (1858) đỗ hương tiến, bắt đầu sung dực thiện ở phủ Phú Lương công rồi bổ tri huyện Bất Bạt. Bấy giờ cổ phỉ lan tràn, Túc mộ hơn 500 thủ dõng phòng ngự huyện hạt, rồi sung thương biện quân vụ quân thứ Hưng Yên, mang số dõng mộ trước theo sai phái. Thống đốc Hoàng Tá Viêm nhiều lần ủy đi các hạt Lâm Thao, Thanh Oai, đề phòng trấn áp và đánh bắt, có nhiều công trạng. Năm thứ 27 (1874) cất lên tri phủ Nam Sách, vì có tiếng tốt được gia Hàn lâm viện thị độc. Năm sau sung quản lý nha thương chính Hải Phòng. Năm thứ 13[3] thăng thị độc học sĩ lĩnh bố chính sứ Hải Dương kiêm phòng khẩn chánh sứ. Năm thứ 32 (1879) bổ Quang lộc tự khanh vẫn lĩnh chức như cũ. Túc nhậm chức ở đây lâu năm, gặp việc làm được trôi chảy, thường được triệu về sung làm việc Các, lại được thăng lĩnh tuần phủ Ninh Bình, đều vì quan tỉnh xin lưu lại rồi lại thôi.

(1) Được chấm về triều chúc hỏ.
(2) Ất dậu là năm 1885. Đồng Khánh năm thứ nhất là 1886 (theo niên triều Việt Nam, Hà Nội, 1984, tr.51)
(3) Niên hiệu này có lẽ nhầm.

Digitized by Google

Năm thứ 36 (1883) việc nghị hòa thành, chuẩn cho các quan tỉnh đều về chỗ cũ. Túc cùng với đông sự về đến Hải Phòng, vô cùng phẫn uất, nhân uống rượu quá say không dậy được rồi mất. Năm ấy 53 tuổi.

*

Phan Văn Dư

Tự là Lỗ Bảo, người La Sơn, Hà Tĩnh. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 11 (1868), thụ chức Tập hiền viện biên tu. Vì có văn học, vua biết đến, được bổ tri huyện Chương Đức, rồi vào làm giám sát ngự sử. Qua đi án sát sứ 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi có tiếng thanh liêm công bằng, được cất lên Hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ Biên Hòa, rồi lên thự thị lang Hộ bộ, lại chuyển sang Kinh triệu doãn. Kiến Phúc năm đầu (1884) hộ lý Trị, Bình tuần phủ, ốm xin về rồi mất.

*

Nguyễn Văn Liêm

Tự là Thoái Chi, người Yên Thành, Nghệ An. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 11 (1858). Bắt đầu thụ chức Hàn lâm viện điển tịch đi hậu bổ ở tỉnh Thanh Hóa. Qua thay công việc ở các huyện Hoằng Hóa, Mỹ Hóa và Đông Sơn, sau thăng tu soạn lĩnh huấn đạo Quỳnh Lưu. Năm thứ 26 (1873), được cất lên trước tác sung hải phòng Thương biện Nghệ An, phòng bị có phương pháp. Sau vì có đại tang rời chức. Năm thứ 33 (1880) triệu ra bổ viên ngoại lang bộ Hộ, sung Vũ khố phó giám lâm, lâu rồi bổ Nội vụ phủ lang trung. Kiến Phúc năm đầu (1884) thăng Hồng lô tự khanh biện lý Hộ bộ sự vụ rồi ốm về, mất năm 57 tuổi.

Văn Liêm ngày thường thờ cha mẹ có hiếu, làm quan có tiếng ngay thẳng. Trước tên là Sính, sau đổi ra tên này.

*

Digitized by Google

Hoàng Xuân Phùng

Người La Sơn, Hà Tĩnh, nhà nghèo chăm học. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 11 (1858). Bắt đầu bổ giáo thụ phủ Thường Tín. Năm thứ 24 (1871) bổ tri huyện Kim Thành. Gặp bấy giờ giặc biển vùng Quảng Yên hung hăng đánh, cướp huyện làng, Xuân Phùng mang lệ và dân hết sức giữ huyện ấy riêng được toàn vẹn, được cất lên tri phủ Kiến Thụy. Khi mãn trật được bổ viên ngoại lang Công bộ, rồi bổ lang trung. Sau bị đổi xuống viên ngoại lang. Rồi lĩnh đốc học Quảng Trị xong lại vào làm tào lang. Năm thứ 34 (1881) lĩnh án sát sứ Lạng Sơn, gặp lúc việc quân nổi lên, về kinh chờ lệnh. Hồi đầu Đồng Khánh lĩnh án sát sứ Quảng Trị. Năm sau triệu về lĩnh tuần phủ Hà Tĩnh kiêm biện công việc tiễu phủ. Nhậm chức xong, liền đem thời thế hiểu dụ (cho dân), những kẻ lầm đường, lạc lối nhất thời phần nhiều theo. Mới được mấy tháng thời ốm rồi mất, năm ấy 68 tuổi, được truy thụ Quang lộc tự khanh.

*

Trần Hy Tăng

Tự là Vọng Thù. Trước tên là Bích San, sau được vua ban cho tên hiện nay. Người Mỹ Lộc, Nam Định. Cha tên là Doãn Đạt, học rộng, đỗ Ất khoa kỳ thi Hội, qua làm Tập hiền viện kiểm thảo sung Kinh diên khởi cư chú, bấy giờ đi lĩnh huyện Thạch Thất, sau thăng mãi đến đốc học ở 2 tỉnh Sơn Tây, Nam Định rồi bổ án sát sứ Hưng Hóa. Làm quan nghiêm trang, cẩn trọng, có tiếng tốt.

Hy Tăng lúc nhỏ thông tuệ khác thường. Theo học cha. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 18 (1865), từ thi hương đến kỳ đình đối đều đứng đầu. Vua xem văn cho là lạ, phê rằng: "Ngươi trẻ tuổi mà liền trúng tam nguyên [1] cũng là hiếm

(1) (3) Đỗ đầu liền 3 kỳ.

Digitized by Google

có, đó là nhà ngươi tích đức mà được phúc vậy. Ngày sau, nếu trị nước giúp đời, quả được thành hiệu thì đó may cho nước nhà, không phụ tấm lòng kén chọn cất nhắc của trẫm. Nay cho cải tên là Trần Hy Tăng, cũng là cái ý mến mộ ngươi Lạn [1] vậy. Làm tôi mà được như thế cũng là không xấu hổ. Ngươi nên cố gắng!" Lại sai may ban cho lá cờ thêu 4 chữ "Liên trúng tam nguyên" [3] để tỏ sự yêu mến đặc biệt. Bắt đầu thụ chức Hàn lâm tu soạn sung Nội các bí thư sở hành tẩu, tiếp tục làm sách Nhân sự kim giám. Sách xong, bổ đi làm quan ngoài. Qua tri phủ 2 phủ Thăng Bình, Điện Bàn thời lĩnh án sát sứ Bình Định. Vì can việc bị đổi giáng chức, lại bổ đi tri phủ An Nhân. Năm thứ 22 (1869), cất lên chức Hồng lô tự thiếu khanh biện lý Hộ bộ kiêm quản thông chính ty, Hàn lâm viện ấn triện, rồi sau tham biện các vụ.

Hy Tăng ở nơi thanh bí, được vua năng hỏi đến, nói thẳng không có ẩn ý gì. Vua rất khen là người cương trực, ngày càng đối đãi thân. Sau được gia thị độc học sĩ vẫn làm việc Nội các.

Gặp bấy giờ vua muốn rõ tình hình nước ngoài, cho Tăng đi Trung Quốc công cán. Sau đó vì có tang cha rời chức. Khi hết tang lại sung làm việc ở Các rồi thăng tả thị lang Lại bộ lĩnh tuần phủ Trị Bình. Vua thân làm ban cho bài thơ rằng:

Bắc cố trùng sinh hạnh
Nam lai kỷ nhật thân
Nan bình ta quái sự
Tạm xuất tá nho thần
Lệ hải văn lan vận

(1) Tư Mã Tương Như đời Hán mến mộ nhân cách của Lạn Tương Như mà đặt theo tên. Nay vua Tự Đức đặt tên cho Bích San là Hy Tăng cũng là theo ý đó. Hy Tăng có nghĩa là bắt chước thầy Tăng Tử đời xưa.

Digitized by Google

Hoành sơn vũ lược tân
Đan xa kỳ tấu tích
Phục kiến chưởng ti luân.

Dịch: Ngó Bắc, đời vinh hạnh
Về Nam mấy ngày thân
Khó thay việc quái gở,
Tạm nhờ tay nho thần.
Lệ Hải văn lan chuyển,
Hoành sơn vũ lược mới.
Đơn xa [1] mong thành công,
Lại về giữ chế chiếu.

Và một bài dẫn, để làm vinh dự cho cuộc đi. Đoạn đầu bài dẫn nói rằng: "Kẻ hiền giả tranh lúc khó khăn mà nhường lúc bình thản, người quân tử lo trước mà ăn sau. Không gặp gốc to, bướu nặng, sao rõ được đồ dùng sắc của Thăng Khanh[2];

Tuy mặc dây lưng lỏng, áo cừu nhẹ cũng có thể thi thố tài năng của Thúc Tử [3]. Ngươi hãy đi đi, ta rất trông mong đó. Lại nói rằng: Phải tài năng như Khấu Công, nhiên hậu Hà Nội mới được toàn phú túc, có tài cán của Tiêu Hà rồi Quan Trung mới không thiếu lương thực. Vậy họ là người thế nào (mà làm được thế?) Chỉ là có chí (mà thôi). Đoạn cuối nói rằng: "Làm bài thơ "Cao cừu như nhu" mà Quốc vũ tử [4] không mất tiếng là chực họp ngựa tre để tiễn mà Quách Tế

(1) Có lẽ là xe đơn lẻ.

(2) Ngu Hủ tự là Thăng Khanh làm quan đời Hán, khi đến trị nhậm đất Bình Ca là nơi đương có giặc, bạn bè đến thăm phàn nàn rằng vớ được chỗ này đáng buồn, Hủ cười trả lời rằng: "... không gặp gốc to, bướu nặng, sao rõ được đồ dùng sắc."

(3) Dương Hổ tự là Thúc Tử làm quan đời Tấn, đóng trấn ở Tương Dương đối còi với tướng địch quốc là Lục Kháng nhà Ngô, thường chỉ thắt dây lưng lỏng mặc áo cừ nhẹ mà chăm điều đức, được người nước Ngô kính phục yêu mến, lúc chết còn nhớ tiếc.

(4) Chưa hiểu Quốc Vũ Tử là ai và bài "Cao cừu như nhu" thế nào. Thơ Cao Cừu trong kinh Thi không nói gì về Quốc Vũ Tử.

Digitized by Google

hầu [1] trở về được sớm" [2].

Sau lại thấy Hà Nội mới mở Thương chính, lại cho đổi lĩnh tuần phủ Hà Nội và lại ban cho một bài thơ rằng:

Sinh tài tế thế phỉ hư sinh
Huống thị tam nguyên bá đại danh.
Thiểm ủy hùng quan thành trách trọng
Hành đăng cường sĩ cự niên khinh
Nho thần lý quận Tư thi thố
Thương chính hưng bang hiệu nhật thành
Duy ngã hữu tâm phiền nhĩ ứng
Nhị hà, Hương thủy nhất thâm tình

Dịch:

Sinh tài giúp đời sống chẳng uổng
Huống đỗ tam nguyên tiếng lẫy lừng
Phiên gửi hùng phiên [3] trách nhiệm nặng
Bốn mươi há phải tuổi còn non
Nho thần trị quận nghĩ thi thố
Thương chính giàu nước công ngày nên
Nay ta có lòng phiền ngươi giúp
Dòng Nhị, sông Hương mối tình sâu.

Lại có một bài trường ca để tỏ ý, đoạn đầu có những câu rằng:

Xuân phong bách lý hựu thiên lý
Trường đình, đoản đình đệ lý dĩ
Tân niên, tân nguyệt tống nhĩ hành
Hữu ý tân đồ diệc bất dĩ.

---

(1) Quách Tế Hầu tức là Quách Cấp đời Đông Hán, khi đến làm quan mục ở Tính châu lần thứ hai, dân mộ đức khi trước tranh nhau ra đón. Mỗi khi đi hành hạt đến Mỹ Tắc ở Tây Hà lại có mấy trăm em nhỏ cưỡi ngựa tre đón ở dọc đường (đón chứ không phải đưa).

(2) Chỗ này chữ Hán là "cấp táo kỳ lai quê" (được kịp trở về sớm) không hiểu ý nói thế nào. Trong điển Quách Cấp không có nói gì đến việc trở về (xem chữ "trúc mã" ở Từ hải).

(3) Chữ Hán là hùng phiên, một nơi phiên trấn trọng yếu.

Digitized by Google

Dịch: Gió xuân trăm dặm lại nghìn dặm
Trường đình, đoản đình đưa liên miên
Năm mới tháng mới tiến chân ngươi
Có ý tân đồ [1] cũng chẳng thôi.

Đoạn cuối nói:

Sở học y hà? học trí dụng
Thông phương thức vụ kỳ vô úng
Nhạc thủy tu đương châm nhạc tâm
Trọc nhị bất hỗn thâm nan động
Bất tu chiết liễu tặng lâm hành
Văng phục canh ca bất tận tình
Đan đắc ngô dân thụ kỳ phúc
Như nhân, thùy tiểu bá tài danh.

Dịch: Học để làm gì? học để dùng
Hiểu rộng thức thời không bế tắc.
Vui nước [2] phải nên thực vui lòng,
Đục không trộn lẫn, sâu khó sức.
Chẳng cần tăng liễu khi lâm hành,
Đi lại nỗi hát, tình không hết.
Chỉ cần dân ta được hưởng phúc,
Nhân [3] thế, ai chê tài danh (nghiệp) bá [4].

Bấy giờ nhân khi hữu sự vừa xong, Hy Tăng làm việc giữ nhất mực, lại, dân sợ mà yêu.

Năm thứ 31 (1878), cải bổ tả tham tri Lễ bộ sung chánh sứ sang Tây. Tăng đến Kinh vào yết kiến vua xong, liền mắc bệnh rồi mất, năm ấy 38 tuổi. Vua làm thơ viếng rằng:

---

(1) Chữ Hán là tân đồ: cuộc toan tính mới.
(2) Chữ Hán là Nhạc thủy. Luận Ngữ có câu "Trí giả nhạc thủy" (người khôn thời yêu cảnh nước). Chữ nước dịch trên là nước non, không phải nước nhà.
(3) Chữ nhân đây là nhân huệ.
(4) Bá đây là chỉ về nghiệp bá của Quản Trọng đời Xuân Thu.

Digitized by Google

Long biên tài hướng Phượng thành hồi
Triệu đối do hi, vĩnh biệt thôi.
Giả Nghị thiếu niên nan cửu dụng
Hán văn tiền tịch chính hoàng khai.
Tam nguyên thanh giá lưu tàn trúc
Bán dạ phong sương lạc tảo mai
Không ức thừa tra tùy Bác vọng
Kỷ hồi thiên mã tự tây lai.

Dịch:

Long biên, vừa trở lại kinh thành
Còn mong vời hỏi đã vĩnh biệt.
Giả Nghị [1] tuổi trẻ khó dùng lâu,
Chiếu trước [2] Hán Văn đương mở rộng.
Thanh giá tam nguyên lưu sử sách
Gió sương nửa đêm rạng mai sớm.
Suông nhớ cưỡi thuyền theo Bác Vọng [3],
Bao giờ thiên mã [4] tự Tây về.

Lại dụ rằng: "Trần Hy Tăng chân khoa giáp xuất thân, có học vấn, kiến thức, trẫm đương mong y thi thố hữu dụng. Nhưng khí tinh anh quá phát tiết, cuối cùng không được dùng, mang theo chí nguyện mà từ trần. Người xưa nói: "Tiến mà sắc bén thời thoái nhanh chóng", thực là không sai. Trẫm lấy đỗ không ít người, nhưng không phụ tiếng khoa danh được như Hy Tăng cũng không có mấy. Thế mà "tìm khó, mất dễ" không xiết tiếc thương!" Rồi sai ban cấp hậu để mai táng. Khi đưa về lại sai tỉnh thần ban tế.

Hy Tăng trẻ tuổi làm quan, chính trực dám nói, trên được vua hiểu biết, lấy thành trực đối đãi như bạn bè, một

(1) Giả Nghị làm quan đời Hán Văn đế, chết sớm khi mới 33 tuổi.
(2) Cái chiếu phía trước khi Hán Văn đế đến cùng ngồi tiếp truyện Giả Nghị.
(3) (4) Bác Vọng hầu Trương Khiêu làm quan đời Hán đi sứ Tây vui lấy được ngựa tốt 2 xứ Đại Uyển mang về đặt tên là thiên mả - Hai câu này để nhắc nhở đến việc sai Hy Tăng sang sứ Tây.

Digitized by Google

sự tri ngộ hiếm có ở đời, học giới lấy làm ca tụng.

*

Phạm Thanh Thục

Tự là Thuần Chi, người Duy Xuyên, Quảng Nam, tính thanh liêm ngay thẳng. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 17 (1864). Bắt đầu bổ huấn đạo Duy Xuyên rồi thăng tu soạn lĩnh tri huyện Hương Trà có tiếng tốt. Vào làm giám sát ngự sử, chuyển sang viên ngoại lang Lại bộ rồi sau thự lang trung. Năm thứ 36 (1883), đổi bổ thị độc học sĩ lĩnh án sát sứ Quảng Trị, làm việc công bằng được dân yêu, rồi đổi về biện lý Binh bộ kiêm chưởng Đại lý tự ấn triện.

Kiến Phúc năm đầu (1884) vua dụ rằng: "Chức kinh triệu từ xưa vẫn trọng, cũng vì là việc khó. Gần đây bổ sung ít thấy được người giỏi." Bèn cho Thanh Thục lĩnh Thừa Thiên phủ doãn. Sau đổi đi bố chính sứ Bình Thuận chưa được bao lâu thời ốm chết năm 53 tuổi. Anh là Thanh Châu, Thanh Nhã, em là Thanh Nghiêm đều có tiếng hay chữ. Thanh Châu đỗ hương tiến Thiệu Trị năm đầu (1841), Thanh Nhã, phó bảng Tự Đức năm thứ 4 (1851), đều làm đến tri huyện. Thanh Nghiêm đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 26 (1873) chưa kịp làm quan. Con Nhã là Thanh Lượng, con Nghiêm là Thanh Túc cũng đỗ kỳ thi hương.

*

Hà Văn Quan

Tự là Tử Thạch, người Phong Lộc, Quảng Bình. Tằng tổ là Loan làm ký úy triều Lê. Tổ 3 đời là Thước, làm nội thị buổi quốc sơ. Cha là Nhàn, đỗ tú tài khoa Tân tỵ niên hiệu Minh Mạng.

Văn Quan, lúc trẻ có tiếng hay chữ. Tự Đức năm thứ 18 (1865) thi Hội đỗ phó bảng. Do chân Nội các kiểm thảo bổ đồng tri lĩnh huyện Gia Lộc rồi chuyển đi phủ Bình Giang.

Digitized by Google

Quan tỉnh thấy tâm địa, công việc khá, làm sớ tiến lên, rồi thăng thị độc lĩnh Hà Tĩnh quản đạo. Năm thứ 26 (1873), gia thị giảng học sĩ sung phó sứ sang Yên Kinh. Khi về, bổ Hồng lô tự khanh biện lý Binh bộ.

Năm thứ 28 (1875), vua bảo: Văn Quan bổ làm quan ngoài chưa lâu, chuẩn cho đổi bổ đi án sát Ninh Bình cho được thêm thông thạo. Văn Quan dâng sớ xin lưu lại Kinh để học tập chính thể. Vua cho phép. Năm ấy có cuộc duyệt lớn về trận pháp thủy binh, bộ binh, hình dong quân đội nghiêm chỉnh, được thưởng kim tiền nhiều lần. Năm thứ 31 (1878) cất lên Binh bộ hữu thị lang sung chủ khảo trường Nam Định, rồi thì thự tham tri.

Văn Quan dâng sớ tâu bày về binh chính, xin đốn lập đội ngũ, huấn luyện binh sĩ, liệu thêm lương soạn và rèn đúc súng ống để phòng khi dùng đến. Lại thấy đường biển nhiều khi bị nghẽn, xin chọn thủy binh lập đạo tuần tiễu. Các việc xin đều được giao xuống quan coi việc xem xét bàn định thi hành.

Năm thứ 34 (1881), vua dụ rằng: "Văn Quan làm quan là người biết lo nước yêu dân, chăm chỉ cố gắng, mà nhà có cha mẹ già, vậy ban cho sâm, quế, bạc, lụa làm đặc ơn." Năm sau vì cha mất, rời chức. Không bao lâu, lại gọi ra làm việc, cho thăng tham tri Binh bộ.

Kiến Phúc năm đầu (1884), lĩnh tổng đốc Hải An. Bấy giờ sự tình can cách [1], bọn Hán gian nhà Thanh xúi giục dân nổi biến, đường sá nghẽn trở. Văn Quan đi một mình đến nhậm chức, hết lòng vỗ về, toàn hạt được yên, có ưu chiếu khen ngợi. Bấy giờ quan Pháp ngờ có thông đồng với dõng nhà Thanh, bèn bắt Văn Quan đem về Gia Định, mang yên trí ở Côn Lôn. Mới hơn một năm, thì đến năm đầu Đồng Khánh (1886) hòa nghị thành, Quan từ Gia Định trở về, được

(1) Chưa rõ nghĩa.

Digitized by Google

bổ thị lang lĩnh tham tri Công bộ kiêm quản Đô sát viện. Quan dâng sớ từ chối không được y. Rồi lại bổ thực hàm, trông nom công việc xây dựng Cần chính điện. Tờ biểu tạ ơn của Quan có nói rằng: "Khi đem tấm thân hiếu nước, đã định lấy cái chết đền đáp; ngày đến chốn hoang vu muôn dặm, không ngờ được sống quay về." Lại: "Con chim trong lồng lại được thấy tầng mây xanh mà bay liệng, con ngựa hèn trong chuồng, lại được đem thử roi thúc trên con đường yên vui". Tháng giêng năm thứ 3 (1888), thự Thượng thư Hình bộ sung Cơ mật viện đại thần, rồi mất tại chức.

Buổi đầu Văn Quan mắc bệnh, vua nghĩ tình công lao vất vả, luôn ban cho sâm quế quí. Đến khi mất, hậu cấp tiền, lụa và cho ban tế tại nhà. Bấy giờ Quan 62 tuổi. Sách làm ra có quyển "Yên hành nha ngữ thi cảo". Con là: Văn Khai, ấm thụ Hàn lâm kiểm thảo; Văn Kháng, đỗ cử nhân.

*

Thành Ngọc Uẩn

Tự là Hành Chi, tổ tiên là người Việt (Quảng Đông). Tổ lâu đời là Quang Dụ làm quan nhà Minh, bổ sang trợ giáo Hoan châu, sau về Trung Quốc. Qua mấy đời nhà Minh mất, con cháu lại sang nước Nam, đến chỗ ở cũ trong thành Đông Quan, tức là huyện Thọ Xương thuộc Hà Nội ngày nay, làm nhà ở.

Ngọc Uẩn lúc trẻ chăm học, tính thành thực, ngay thẳng. Đỗ Ất khoa kỳ thi Hội Tự Đức năm thứ 18 (1865) đo chân Hàn lâm viện kiểm thảo bổ tri huyện Tiên Du. Năm thứ 25 (1872) bổ giám sát ngự sử, trần tình về có cha mẹ già, được bổ đốc học Hưng Yên để tiện hầu hạ phụng dưỡng.

Ngọc Uẩn chăm chỉ giảng dạy, học trò theo học nhiều. Trước sau làm học quan hơn 10 năm, gia hàm mãi đến thị độc học sĩ, và Đồng Khánh năm thứ 2 (1887) thăng Quang

Digitized by Google

lộc tự khanh, đều vẫn lĩnh chức như cũ. Năm thứ 3 (1887) được triệu về sung Quốc sử quán toản tu, rồi ốm mất năm 59 tuổi. Con là Trứ đỗ hương tiến, nay thụ chức tu soạn.

*

Nguyễn Cơ

Trước tên là Đức Kỳ, người An Lạc, Sơn Tây. Vốn là chân cử nhân đi mộ dõng theo quân thứ, sau được bổ giáo thụ. Tự Đức năm thứ 18 (1865) thi Hội đỗ phó bảng, thụ chức Hàn lâm tu soạn sung Nội các tu thư. Rồi cất lên trước tác, qua tri phủ 2 phủ Hà Trung, Tĩnh Gia, bổ Nghĩa Hưng đồng tri phủ lại triệu về làm cấp sự trung Hình khoa. Sau bổ Hình bộ lang trung, vì quan trên xét, có lời xin cho đổi đi chỗ ít việc để sung Sử quán biên tu.

Năm thứ 33 (1880) bổ Hàn lâm thị độc học sĩ sung toản tu. Hồi đầu Kiến Phúc bị giáng một trật về hữu dưỡng. Con là Đạm, đỗ hương tiến.

*

Dương Danh Thành

Hiệu là Tĩnh Hiên, lúc trẻ thông minh hiểu biết, 10 tuổi đã biết làm văn. Đỗ hương tiến Minh Mạng năm thứ 18 (1837). Thi Hội trúng cách, nhưng can viết trang sai lầm can công lệnh, giao bộ Lại luận tội, lâu rồi được tha về. Thành càng ra sức đọc sách giảng tìm về môm học các sách kinh, học trò theo học ngày một đông. Phiên sứ Nguyễn Đăng Giai rất trọng, cho con theo học. Tự Đức năm thứ 18 (1865), xuống chiếu cho trong kinh và các tỉnh tiến cử người có tài đức, tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Tri Phương xin tiến cử lên, được bổ cung phụng lĩnh huấn đạo An Lạc, rồi qua thăng trước tác lĩnh đốc học Bắc Ninh. Năm 70 tuổi hưu trí rồi chết.

Danh Thành, người hòa nhã giản dị và cẩn thận, chưa từng nói điều lầm lỗi của ai, vì tính hạnh chất phác, được

Digitized by Google

học giới đương thời kính trọng. Có làm ra tập: "Nhân luân giám", những điều bàn nói, sau khi làm quan đều theo được cả.

*

Phan Duy Thanh

Người Quỳnh Lưu, Nghệ An. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 17 (1864), bắt đầu bổ giáo thụ Bình Giang. Năm thứ 24 (1871) bổ đông tri phủ lĩnh tri huyện Bố Trạch. Qua tri phủ 2 phủ Quảng Trạch, Hoài Nhân, chuyển vào chủ sự Hộ bộ rồi thăng Vũ khố viên ngoại lang sung Giám lâm. Năm thứ 30 (1877) bổ đốc học Quảng Bình, nhậm chức 5 năm thời triệu vào làm lang trung Binh bộ. Năm thứ 36 (1883) gia Hàn lâm thị độc học sĩ lĩnh đốc học Sơn Tây, thì ốm về rồi mất năm 56 tuổi.

Duy Thanh có tiếng là liêm khiết, qua ngói phủ huyện đâu, lúc đổi đi là là khiến người ta nhớ. Khi coi giữ việc học càng chăm giảng dạy, mỗi khi giảng nghĩa sách, tất nghiêm chỉnh nét mặt, ngồi ngay ngắn chưa từng nản chút nào. Sách làm ra có: "Ngũ luân kim kính lục", "Tam hoặc châm", lại quyển "Cổ danh thần sự tích" là khuôn phép làm quan truyền làm sách gia huấn. Con là Phổ, Khang, đều chân cử nhân. Phổ năm Ất dậu niên hiệu Hàm Nghi thi Hội được thứ, trúng cách; khi vào Đình thí, nhân sẩy việc chưa kịp truyền lô. Cứ đến khoa thi, Phổ luôn mắc bệnh xin từ chối. Khang đỗ hương tiến.

*

Vũ Như

Tự là Đông Vấn, tổ tiên người ở Hải Dương, sau dời đến (huyện) Thọ Xương Hà Nội. Như đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 21 (1868), vào Đình thí đứng đầu. Bổ tri phủ Từ Sơn rồi chuyển đi đốc học Hà Nội. Được triệu về triều thử về văn

Digitized by Google

học, quả là uyên bác, được cất lên Quang lộc tự khanh sung biện nội các sự vụ. Năm thứ 35 (1882) quyền sung tuần phủ Hà Nội. Sau dời đến đóng ở huyện Từ Liêm. Năm sau, hòa nghị thành, kiêm lĩnh tổng đốc. Nguyễn Hữu Độ trở về ly sở làm việc, thì Như về kinh thụ chức Hàn lâm viện trực học sĩ sung Sử quán toản tu. Hồi đầu niên hiệu Đồng Khánh (1885), thăng Lễ bộ tham tri vẫn sung chức sử quan rồi ốm chết.

*

Lâm Hoành

Trước tên là Chuẩn, người Gio Linh, Quảng Trị. Đỗ phó bảng kỳ thi Hội Tự Đức năm thứ 21 (1868), được bổ tri huyện Kim thành nhiếp [1] phủ vụ Ninh Giang. Năm thứ 25 (1872), do chân Quốc tử giám tư nghiệp cất lên biện lý Lại bộ, rồi tham biện Nội các sự vụ bổ đi án sát sứ Nghệ An.

Năm thứ 31 (1878) sung phó sứ sang Yên Kinh, khi về, hộ lý tuần phủ Nam Ngãi. Sau đó đổi bổ bố chính sứ Quảng Ngãi, gặp lúc đời sống khó khăn, tâu xin khuyến quyên chẩn cấp giúp dân, cứu sống rất nhiều người. Năm thứ 24 (1881) bổ hữu thị lang Công bộ rồi thự hữu tham tri. Hoành dâng sớ nói cửa biển Thuận An là cửa ngõ Kinh sư, việc phòng bị rất là quan yếu. Và từ khi có ngoại hoạn đến nay hơn 20 năm, (người xưa nói) "buộc từ lúc chưa mưa" mà nay còn sợ khoáng như vậy lỡ thốt nhiên có việc xảy ra thời trồng cậy vào đâu." Vua chuẩn cho đi chỉ thị công việc sửa sang cửa biển. Năm thứ 36 (1883) sung Thuận An hải phòng phó phòng huyện, gặp bấy giờ nước Pháp đem chiến thuyền đến đánh, Hoành cùng với Hữu quân Lê Sỹ, thống chế Lê Chuẩn, chưởng vệ Nguyễn Trung đều bị chết (việc chép ở truyện Sỹ). Hồi đầu Kiến Phúc (1884) truy tặng Công bộ thượng thư. Con là

(1) Làm thay công việc chức to hơn khi chức này vắng hay khuyết.

Digitized by Google

Hoàn do chân ấm thụ biên tu làm đến lang trung Công bộ.

*

Nguyễn Văn Ái

Người Yên Lạc, Sơn Tây. Ban đầu chân tú tài đi tòng quân có công. Tự Đức năm thứ 22 (1869), đỗ tiến sĩ. Gặp bấy giờ ở biên giới, thế cổ phỉ bành trướng, Ái mộ dõng đi theo tiểu phủ sứ Ông Ích Khiêm tiến đánh. Rồi được bổ tri phủ Hoài Đức, việc quan khoan dung, giản dị, lại dân yêu mến. Bị việc phải miễn chức, sau lại dùng cho lĩnh đồng tri phủ Vĩnh Tường. Rồi lại triệu về làm Nội các thừa chỉ. Kế đó, sung tán tương quân vụ quân thứ Thái Nguyên thời ốm rồi mất. Vua thấy chưa được thi thố, lấy làm tiếc, cho truy thụ Thị giảng học sĩ. Con là Chí, đỗ hương tiến.

*

Nguyễn Hữu Độ

Tự là Hy Bùi, người Tống Sơn, Thanh Hóa, Tổ tiên theo vào vùng Thuận Quảng - từ hồi quốc sơ, lâu đời công lao thế phiệt, đến ông họ là Hữu Dật cùng hiển quí. Đã có truyền lại rằng khi Hữu Độ còn thơ ấu, từng được (ông họ) dạy cho 5 chữ: Kiền, Nguyên, Lợi, Trinh mà độ suốt 7 tháng không đọc được. Đùa nghịch với trẻ, không may ngã vào chảo nước nóng gần chết, được danh y chữa cho, qua đêm thời tỉnh khỏi. Lại một lần ngã xuống nước ở cửa biển, sóng lớn dồn dập không làm thế nào cứu được, sau giạt vào doi cát được thoát. Thức giả bảo rằng: nạn lớn không chết thời tất có lộc sau. Từ đó sức hiểu biết bỗng khác thường, bèn đi học, ngày một tấn tới. Nhưng đi thi nhiều lần không đỗ, lại vào nhà Thái học cố chí học tập. Tự Đức năm thứ 20 (1867) đỗ hương tiến, bấy giờ đã 35 tuổi. Bắt đầu bổ giáo thụ Kinh Môn rồi đi huyện doãn Nghiêu Phong. Bấy giờ thế giặc biển đương bành trướng. Khi đã đến nhậm chức, chuẩn bị đinh tráng, sửa thuyền ghe, luôn

Digitized by Google

đánh bại giặc ở các nơi Xuân Áng, Hà Nguyên, Lạc Viên. Tên đầu sỏ giặc là Hồ Vạn mang hơn trăm chiếc thuyền đến chực xâm phạm bờ cõi, Độ sai người đến giảng giải, giặc liền kéo đi. Độ nhận huyện có tiếng giỏi, thị sư Lê Tuấn có dâng sớ nói là người có thể dùng vào việc lớn.

Năm thứ 36 (1883), Thương biện tỉnh vụ Quảng Yên. Mùa đông năm ấy phía đông nam Hà, Ninh nối tiếp nhau thất thủ, Hữu Độ cùng với tuần phủ Hồ Trọng Đĩnh bàn nhau sửa sang việc giữ thành, nhân tâm hơi được yên. Bọn giặc biển thừa cơ ùa nhau kéo đến, bị Hữu Độ đánh bại ở La Đồn. Quá một tháng, Khâm sai Nguyễn Văn Tường cùng với thống sát Pháp là Phi Lạc đáp tàu thủy ra giảng định hòa ước, gặp Hữu Độ ở cửa biển, mời cùng đi, đến Hải Dương, ủy cho quyền biện công việc bố chánh sứ. Khi quan mới đến đổi làm bang biện Hải Dương tỉnh vụ. Năm sau sung giám đốc Hải phòng công sở, lại quyền sung tiểu phủ sứ đi tuần sát đường biển. Giặc Vạn đem toàn lực đến đánh tỉnh thành, gian thuyền ở bến sông. Thống soái Pháp từ Hải phòng sai chiếc tàu nhỏ đến thám thính. Đêm khuya bóng thuyền lộn lẫn, viên đốc phòng Tạ Hiện cho là thuyền giặc, phát pháo bắn đánh, chiếc tàu nhỏ bị thương quay về. Tiếp đó nhận được thư của nhà thờ đạo báo là quân Pháp đến ấn định đến ngày nào đó thời đánh thành. Tổng đốc Phạm Ý và cùng thành đều cả sợ. Hữu Độ bàn bạc làm tờ thư nhờ linh mục chuyển đạt giúp, việc bèn thôi. Giặc cho ta là có viện binh, cũng tự kéo đi. Sau đó, đánh nhau với giặc ở Kinh Môn bị thua, vì có công lao trước, được xử nhẹ. Bọn tiếp tục thư giặc nói sẽ đến đánh tỉnh và Hải phòng. Ý thỉnh cầu thống soái Pháp ra quân, và ủy Hữu Độ nói (với Tây) về địa thế núi sông rồi dầm mưa xông thẳng đến sào huyệt giặc, cả phá được. Từ đó đảng giặc không dám cấu kết, cả một vùng được yên. Năm thứ 28 (1875) gia hàm Hồng lô tự khanh sung Thương chính kiêm đốc Hải phòng.

Digitized by Google

Năm ấy, Độ xin nghỉ giả hạn về chỗ ở trong Kinh chăm nom cha mẹ, mồ mả. Vua hỏi về việc Bắc kỳ, Độ nói Bắc kỳ có 3 điều khó khăn lớn là việc đê, nạn lưu dân và thương chính, rồi tâu bày về những công việc nên làm: Việc đê điều công phu, phí tổn rất lớn, một phen xếp đặt có quan hệ đến lợi hại muôn đời, xin cho khám xét kỹ rồi bàn bạc với quan tỉnh làm tập tâu lên. Nạn lưu dân thì nói bọn này là những phỉ trốn bên nhà Thanh, hung hãn khó thuần lại được, trước đến giờ đã hao phí lương, tiền, rút cục vẫn không xong. Xin do địa phương tùy tiện xếp đất cho chúng đến ở, nếu chúng bướng ngạnh không hiểu lẽ thời thương nghị với quan Pháp hiệp lực tiễu trừ. Về việc Thương chính thời nói ý phái viên chức giỏi giang hiệp lực với họ cùng trông nom làm, mối lợi ta cần nắm vững dằng chuôi. Vua khen, nghe lời, rồi cải bổ làm Lại bộ biện lý sung tham biện Thương bạc sự vụ. Độ nhân lại dâng sớ nói việc chấm thi Hội, quan trường lấy đỗ bừa bãi, không xứng đáng, hình tích ám muội. Đình thần xét quả đúng, lại được cho là nêu tấu có sự thực, được thưởng thụ Quang lộc tự khanh lĩnh tuần phủ Hà Nội kiêm chưởng thương chính.

Sau khi đến nhậm chức, dâng sớ tâu về kế sách sửa trong phòng ngoài. Lại xin chia nước ra làm 5 đạo, đều đặt chức tuyên sát kinh lược truất trắc đại thần. Phàm mọi việc thuộc trong đạo, nhất nhất phải xem xét, phải xét thân hào địa phương tâu xin chọn dùng, khiến cho trong ngoài dựa vào nhau, như nanh vuốt giữ lấy nhau, nếu họ có sinh lòng nào thời quây quần lại mà hưởng ứng với nhau. Việc giao xuống đình nghị rồi bỏ. Độ lại tâu bày chính sách lớn về binh chính, tài chính cả thảy 8 điều, giao xuống đình thần bàn nghị, có đôi việc thi hành.

Bấy giờ (quân) đoàn của họ Lưu [1] cậy đông, kiêu căng,

(1) Ở đây là Lưu Vĩnh Phúc.

Digitized by Google

ngang trái. Hữu Độ biết đại cục sắp biến đổi, mà họ Lưu cùng binh lính người khách đều không đủ trông cậy, dâng sớ nói mãi về việc này. Lại tư xin đi (tuần) biên giới sung Đoan Hùng đạo tĩnh biên phó sứ.

Năm thứ 35 (1882) Hà thành thất lợi, Độ sung phó khâm sai vấn lĩnh tuần phủ Hà Nội, cùng với chánh sứ Trần Đình Túc cùng đến Hà Nội hội thương nhận thành trì làm việc. Bấy giờ quan Pháp muốn cho rút bỏ quân đoàn Lưu, thường nhắc đến mãi. Thống đốc Hoàng Tá Viêm cho việc di quân là việc khó, mà Hữu Độ vẫn cùng hắn (Lưu) đi lại thân thiện, xin giao cho Hữu Độ khu xử. Hữu Độ thời bảo rằng Vĩnh Phúc đã ở lâu dưới quyền Tá Viêm, xin giao cho Tá Viêm xử trí; hai người đều dâng sớ xin chỉ. Vua bèn dụ Hữu Độ lại sung tĩnh biên phó sứ, cùng với Tá Viêm hết lòng khéo xử trí việc ấy. Tháng 11, đổi đi hộ tổng đốc Hà Ninh. Độ dâng sớ xin từ chối không được. Gặp khi xảy ra việc Cầu Giấy, quan Pháp phóng hỏa đốt thành, Hữu Độ bèn đi đến đóng ở huyện Từ Liêm. Sau được tin trong Kinh cho biết thuyền binh Pháp đánh phá cửa Thuận, lại ký hòa nghị mới, Độ tuân dụ về nơi cũ làm việc.

Bấy giờ Hữu Độ với quyền thần đương làm việc không hợp nhau. Vua Hàm Nghi đã được lập nên, bèn bị bọn ngự sử nêu hặc, có chỉ triệu Độ về Kinh, nhưng thống soái Pháp cố ý lưu giữ lại.

Hàm Nghi năm đầu (1885) bổ làm Thị lang quyền lý tổng đốc Hà Nội. Tháng 5, Kinh thành hữu sự, tin báo đến, Độ cùng với các quan tỉnh đến súy phủ Pháp giảng giải việc nước rồi theo súy phủ vào Kinh, cùng với Tôn nhân đình thần tâu lên Thái hoàng thái hậu xin dựng Chính Mông đường lên nối ngôi.

Mùa thu năm ấy Cảnh Tông [1] lên ngôi, gia phong cho Độ làm bảo quốc huân thần thái sư Cần chính điện đại học

(1) Tức Đồng Khánh.

Digitized by Google

sĩ Cơ mật đại thần, Bắc kỳ Kinh lược đại sứ Vĩnh lại bá kiêm cố chư bộ nha sự vụ. Hữu Độ tùy theo việc chỉnh đốn lại, dần dần được đâu vào đó. Những hoàng thân, tôn thất và quan lại trước bị quyền thần biếm truất, đều tâu xin xá, cho về. Rước từ giá [1] ở Quảng Trị về, đến cư trú ở Khiêm cung, Hữu Độ tâu xin rước về cung điện để chính ngôi mẫu tắc, hậu đạo hiếu trị.

Năm đầu Đồng Khánh (1886) tên đầu sỏ phỉ ở Quảng Bình là Hoàng Hữu Phúc tập họp đồ đảng, đã lâu ngày là mối lo cho dân. Tháng 4 năm ấy Độ tâu xin ngự giá thân đi đánh, được sung ngự tiền thống soái quân vụ đại thần. Tháng 8 vua hồi loan, Độ dâng sớ xin từ chức kiêm cố bộ nha chư vụ. Vua ấy nay trong lúc buổi đầu lâm chính, lấy lời êm đềm yên ủi. Hữu Độ lại vin việc cũ về Trương Đăng Quế, Trần Tiễn Thành trong quốc triều (cho rằng 2 đại thần đó đều chỉ do chân điện hàm mà quản lý Binh bộ thôi). Dâng sớ cố sức trình. Vua chiều lòng ưng thuận.

Tháng 9, vua ra ơn cho tướng sĩ tòng chinh, dụ phong cho Độ tước hầu. Độ kiên quyết từ chối không nhận. Rước con gái thứ ba của Độ vào chầu, được phong hoàng quý phi, Độ nhân viện lệ xin được ở triều chầu hầu vua không cho. Năm thứ 2 (1887) phụng mệnh đi Bắc kỳ sung chức Kinh lược đại sứ, vua đặc ban cho cây lương ngọc như ý và long bài. Vua muốn đến nhà riêng tiễn chân, Hữu Độ khẩn khoản xin từ chối. Vua bèn sai các quan bộ, các đưa đến cửa Thuận.

Sau từ Bắc kỳ vào chầu dâng tờ mật sớ nói về 3 việc: Cẩn thận xin việc ẩm thực khởi cư có tiết độ, xử trị việc gia đình (xin chọn những nữ quan và lão thành cẩn hậu sung làm Nội đình sư phó để giúp đỡ về nội đức, nội trị) và kính thần (nói rộng về cái nghĩa tế đề [2], tế thường [3]; còn các

(1) Tức Thái hoàng thái hậu.
(2) Tế về mùa hạ.
(3) Tế về mùa thu.

Digitized by Google

tự điển khác không chép thời đều xin tỉnh bỏ).

Mùa đông năm ấy tấn phong Vĩnh Lại quận công. Về lỵ sở làm việc được 1 năm lại vào chầu. Bấy giờ mới dựng đỡ cơ đồ, công việc bề bộn, khẩn cấp, các quan luôn bị quở trách. Hữu Độ mật dâng thư can gián, vua rất nghe theo, cho giảm bớt công việc. Khi từ giã ra đi, lại dâng sớ nói: "Thần từ khi về triều xem những chương sớ, thấy các lẽ trong lời phê phán đã suy đi nghĩ lại, thấy sợ hãi bội phần. E rằng hoàng thượng, tấm lòng báo hiếu chưa được khuây khỏa, một niềm cần lao chứa chấp lo âu, làm cho tình vua tôi nhận đó mà cách trở, thường mang lòng ngờ sợ nhau. Thần rất lấy làm lo ngại. Hiện nay thời buổi, sự việc khác xưa, đã khó lại càng thêm khó. Ta cử động điều gì, người ta đều nhòm ngó. Tưởng vua tôi nên một lòng một dạ để giữ gìn lấy toàn cục. Vua rất cảm động về lời nói. Mùa đông năm thứ 3 (1887) Độ ốm rồi mất tại chức.

Ban đầu Hữu Độ mắc bệnh, vua luôn luôn sai trung sứ mang ban cho quế, thuốc quý và phái người đến điều trị, rồi thân lập đàn cầu cúng cho. Khi mất, bãi triều 3 ngày, hậu ban cho sa, lụa, tiền và ban một tuần tế. Ở Bắc kỳ, các công sở quân Pháp đều có đeo băng đen để tang theo quốc tục. Độ vốn được người Pháp yêu mến quí trọng là như thế. Con là: Hữu Lung, dự có công trong việc phò trợ, rộng ơn cho tặng thái thường tự khanh, phong tước Phả Lại bá; Hữu Tường chân cử nhân, bổ án sát Hà Nam, Hưng Yên, nay đổi đi Bắc Ninh.

*

Ngô Quý Đồng [1]

Tự là Ấu Chuyên, hiệu là Nại Am, biệt hiệu là Huyền Đồng Tử, người Hương Thủy, Thừa Thiên. Cha là Văn Giai,

(1) Chữ Hán: Đồng, còn có 2 âm nữa là: Thông và Dũng.

Digitized by Google

người khảng khái có chí lớn. Năm Kỷ mùi lệ theo dưới quyền Hậu quân Võ Tính, khi thành bị vỡ, mang mật thư lén đến hành tại dâng nộp, Thế tổ Cao hoàng đế ban khen bổ làm đội trưởng, vì có quân công thăng mãi đến tổng đốc Định Biên, sau vì có việc bị miễn chức.

Quý Đồng lúc nhỏ lanh lợi, thông minh. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 20 (1867). Bắt đầu thụ chức điển tịch rồi thăng biên tu sung Nội các bí thư sở hành tẩu. Năm thứ 28 (1875) do chân thị độc sung làm việc san định luật lệ rồi lại đổi bổ Hồng lô tự thiếu khanh tham biện các vụ. Bấy giờ công tử Hồng Sâm có tiếng văn học, Quý Đồng làm tập tiến cử những người (văn học) mình biết, cho sát hạch dự trúng hạng, Đồng được gia một cấp, rồi nhân có tang mẹ rời chức. Khi mãn tang, cất lên chức thị độc học sĩ sung biện các vụ.

Quý Đồng ở các, vốn có tiếng hay chữ, vâng mệnh làm những văn thơ vua ra đề, luôn luôn được hợp ý vua, trong 5, 6 năm thăng vượt lên đến hàm ấn quan. Vua từng bảo quan Các là Nguyễn Thuật rằng: "Nói về thơ thời Đồng đã là điêu luyện." Vỹ Dã vương cũng suy tôn là người văn học. Chỉ phải cái tính nông nổi, vội vàng tâu đối chiếu nhiều khi sơ suất, vua thường cho là không phải bậc nhân tài đại dụng mà rèn bảo và chuẩn cho bổ làm quan ngoài cho được lịch duyệt, chín chắn hơn.

Năm thứ 34 (1881) đổi bổ Hồng lô tự khanh lĩnh Quảng Bình bố chính sứ. Năm thứ 36 (1883) đổi phái đi quân thứ Sơn Tây rồi ốm chết ở trong quân khi 49 tuổi. Sách làm ra có tập - "Kiến Sơn sào thi văn tập". Con là An, do chân ấm tử thụ chức Hàn lâm viện cung phụng.

✣

Nguyễn Đình Tựu

Tự là Doãn Ngũ, người Hà Đông thuộc Quảng Nam. Đỗ

Digitized by Google

Ất khoa kỳ thi Hội Tự Đức năm thứ 21 (1868) được thụ chức tu soạn lĩnh Hộ bộ chủ sự. Năm thứ 22 (1869) mới đặt việc giảng tập ở Dục Đức đường, bộ thần thấy là có văn học phẩm hạnh, cử lên. Vua thân ra đề cho ứng hạch được dự hạng, thăng cho một trật rồi cho sung làm. Sau vì có cha mẹ già, cho đổi lĩnh đốc học Quảng Nam. Năm thứ 32 (1879) bổ thị giảng sung chức tán thiện ở Chính Mông đường, chưa bao lâu lĩnh Quốc học sĩ, sung phó chủ khảo kỳ thi Hội. Đồng Khánh năm thứ 3 (1888) thăng Hồng lô tự khanh lại lĩnh đốc học tỉnh rồi ốm mất năm 62 tuổi.

Đình Tựu, văn học uyên bác, hạn kiểm thuần hòa, đứng đắn, ở trong nghề giáo từ đầu đến cuối được người ta đều tôn là mô phạm. Con là Văn Hành chân ấm sinh đỗ tú tài.

*

Nguyễn Tiếp Phương

Người Thanh Chương, Nghệ An. Đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 20 (1867) bổ huấn đạo Hậu Lộc, theo kinh lược sứ Nguyễn Chính đi Bắc kỳ có công. Năm thứ 28 (1875), bổ tri huyện Mỹ Lộc, mãn trật, được triệu vào làm giám sát ngự sử, vì can việc phải giáng chức đổi bổ đi giáo thụ Đức Thọ. Năm thứ 35 (1882) sung Sơn phòng phó sứ Hà Tĩnh. Hồi đầu niên hiệu Thành Thái (1889) do chân Hàn lâm trước tác về nghỉ rồi mất năm 73 tuổi.

Tiếp Phương, ngày thường có tiếng là người hiếu đễ, mở mang điều lợi cho dân. Thấy chỗ ấp mình ở là nơi trũng chật hẹp, đã mang dân trong ấp ra mở mang sửa sang một dải Nghi Sơn cho rộng ra. Lại khuyên dân lên núi trồng chè và khẩn trương thêm đất châu thổ cày cấy; dân được nhờ mối lợi.

Tiếp Phương từng làm quan nhiều nơi, nhưng nhà vẫn nghèo túng. Ngày mất, phụ lão trong ấp bảo con em góp tiền

Digitized by Google

giúp đỡ việc tang. Trước tên là Lân, sau lấy tên tự gọi.

*

Lê Văn Điếm

Lê Văn Điếm người Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Đỗ phó bảng võ. Tự Đức năm thứ 21 (1868) bổ đi suất đội Quảng Bình. Theo quân thứ tỉnh Bắc đi bắt giặc, được cất lên Cấm binh cai đội sung đốc binh. Có công, được bổ lãnh binh quan, quyền Thanh Hóa phó đề đốc. Kế đó quyền sung đề đốc quân thứ tỉnh Sơn Tây. Văn Điếm có sức khỏe hơn người, ngày thường cai quản quân đội có khuôn phép và khéo đối đãi với binh sĩ, ở lâu nơi quân thứ có danh tiếng.

Năm thứ 31 (1878) lĩnh đề đốc Nam Định rồi bổ chưởng cơ lĩnh chức như cũ. Năm thứ 36 (1883) thành Nam Định thất thủ, cùng với án sát Hồ Bá Ôn đều bị chết, truy tặng đô thống.

*

Trịnh Văn Lâm

Người An Thi, Hưng Yên, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 21 (1868) được bổ giáo thụ Thái Bình. Rồi đổi bổ tri huyện Hà Đông, vì can việc bị đổi xuống chức liên bổ đốc học Hà Tĩnh.

Em là Bưu, đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 14 (1861) qua bổ tri huyện An Dương, thời thăng bổ tri phủ Tư Nghĩa. Rời niệu về bổ giám sát ngự sử, đổi sang Hình khoa cấp sự trung, thăng mãi đến án sát ở hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh. Bị hại trong cuộc binh biến năm Ất dậu hồi đầu Thành Thái được tặng Quang lộc tự khanh.

*

Nguyễn Đăng Ngoạn

Người Mộ Đức, Quảng Ngãi. Đỗ hương tiến Tự Đức năm

Digitized by Google

thứ 23 (1870), do chân Hàn lâm viện điển tịch lĩnh Nội các biên tu rồi chuyển lên trước tác. Năm thứ 26 (1873), Bắc kỳ có cáo cấp, theo khâm sai Nguyễn Văn Tường đi công cán, xong việc trở về được thưởng ngân tiền hạng lớn, hạng nhỏ, mỗi thứ 2 đồng. Bổng gặp khi bọn Trần Quang Hoãn ở Hà Tĩnh đánh vỡ thành đạo, lại theo thống đốc Lê Bá Thận phái ủy. Khi thành đã lấy lại được thụ hàm trước tác lĩnh phó quản đạo Hà Tĩnh.

Chưa bao lâu, ác man Thạch Bích nổi lên, vua thấy Đăng Ngoạn am thuộc tình thế (nơi đó) lại năng đi việc quân, cũng là người giỏi giang thông thạo, cho đổi sung Tĩnh man quân thứ tán tương, đốc quân tiến đánh sách Man, luôn được thắng lợi.

Năm thứ 30 (1877), bạt bổ thị độc lĩnh án sát sứ Bắc Ninh, rồi cất lên Hồng lô tự khanh lĩnh bố chánh sứ Thanh Hóa.

Năm thứ 32 (1879) đổi sung Sơn phòng tiểu phủ sứ Ngãi Định mang quân tiến đánh sách Man ở Long Võ, đánh dẹp, vỗ về đúng đường, được ban kỷ lục. Năm thứ 36 (1883) thăng Quang lộc tự khanh vẫn sung sứ chức. Hồi đầu niên hiệu Kiến Phúc (1884) thăng Binh bộ tả thị lang hộ lý Nam Ngãi tuần phủ quan phòng. Kịp khi kinh thành hữu sự, tỉnh thành nhân thế cũng không giữ được, Đăng Ngoạn lén trốn về quê, bị giáng 4 cấp ly chức, rồi ốm chết.

Đăng Ngoạn là người trầm tĩnh có học, đối với ai cũng không tỏ ra nóng nảy giận dữ bao giờ và gặp việc biết xử trí. Trước ở Ngãi Định, giặc Man lặng, dân sự yên, đến nay còn được người ta truyền tụng. Năm Thành Thái thứ 9 (1897) khai phục nguyên hàm. Con là Bàn được ấm thụ cung phụng, cũng đỗ hương tiến.

*

Digitized by Google

Nguyễn Xuân Ôn

Người Đông Thành, Nghệ An, tính cương trực, trọng khí tiết. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 24 (1871) do chân Hàn lâm biên tu đi thự tri phủ Quảng Ninh. Vì thành tích trị dân được tiến cử, có chỉ đổi đi đốc học Bình Định, dân xin giữ lại không được. Năm thứ 28 (1875) làm giám sát ngự sử, thăng Lễ khoa chưởng ấn ra lĩnh án sát sứ Bình Thuận rồi đổi đi Quảng Ngãi. Chưa bao lâu triệu về biện lý Lại bộ, dân tỉnh Ngãi lại liên danh ký đơn xin lưu lại. Vua sai ghi việc đó vào bản sự trạng để khuyến khích. Rồi lại chuyển sang Hình bộ. Ở Quảng Bình có những án kinh. niên còn bỏ lại vì tình lý khó khăn không xét ra được. Ôn khâm phái đi điều tra kết luận. Nhân thấy việc ở Bắc thành, ông mật tâu về điều trần các khoản. Bộ Lại khép tội là vi chỉ, bị cách chức. Đã được chuẩn cho lục đi rồi, lại được phê "Tạm cho ở lại làm xong việc phục mệnh". Sau được khởi phục Thị giảng lĩnh đốc học Quảng Bình.

Khoảng năm Hàm Nghi (1885) kinh thành hữu sự, vua dời đi nơi khác, địa phương nhân thế cũng không được yên tĩnh. Xuân Ôn bỏ quan về.

Xuân Ôn vốn có danh vọng, thân hào vui lòng hưởng ứng, đã bị quan Pháp bắt đưa về kinh nghĩ xử. Kịp đến năm đầu niên hiệu hoàng thượng lên nối ngôi, mong ơn được khoan miễn cho ở ngoài, nhân mượn nhà ngồi dạy học, rồi ốm chết.

Xuân Ôn lúc trẻ thông minh. Khi chưa đỗ, nhà không sẵn sách để học từng phải đến nhà người học chung, hoặc mượn sách về, chỉ đọc một lượt là thuộc. Làm văn thì hễ cầm đến bút là xong. Có khi làm văn về một đầu đề, làm đến 5, 6 thể mà cấu tứ đều khác nhau và đều tuyệt hay.

Tính thích làm văn gà cho người. Ở phủ huyện hàng năm đến ngày rồi mở kỳ thi khảo khóa, Xuân Ôn thường mang học trò đi theo, làm một cái lều lớn, ngồi ở giữa, hơn chục

Digitized by Google

học trò ngồi quanh bên phải bên trái. Rồi Xuân Ôn miệng cứ đọc suốt bài nọ, lại bắt đầu đến bài kia, người ta lấy làm kỳ như có sẵn bài nháp ở trong bụng. Đến khi ra làm quan, làm việc công bằng ngay thẳng, đến đâu cũng có tiếng tốt, cho nên sau khi đổi đi, người ta nhớ tiếc. Con là: Xuân Hải, đỗ tú tài; Xuân Vịnh, cử nhân.

*

Hoàng Hữu Thường

Người Hương Thủy, Thừa Thiên, đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 28 (1875). Do chân Hàn lâm đi thự tri phủ, vào làm viên ngoại lang Cơ mật viện, thăng Nội các tham biện, rồi chuyển sang Binh bộ biện lý, tham biện Thương bạc sự vụ.

Năm thứ 35 (1882), quan Đại Pháp đánh vỡ tỉnh thành Hà Nội, Hữu Thường theo cùng với khâm sai Trần Đình túc đến nơi lấy lại thành rồi lĩnh bố chính sứ Hà Nội, sau lại đổi bổ thị lang sung biện Các vụ.

Năm thứ 36 (1883) phế đế lập lên, trấn Hải thành thất thủ. Sau khi lại giảng hòa, được sai làm định ước tham biện chuyên chưởng văn thư sự vụ.

Bấy giờ ở Bắc kỳ sau khi hữu sự, lòng người ngờ sợ, trộm giặc nổi lên tứ tung. Sứ thần Pháp xin phái viên chức giỏi giang mau đến xử trí. Triều đình cử Đoàn Văn Hội và Hữu Thường. Thường được thăng thự tham tri Lại bộ sung phó khâm sai đại thần, cùng với Văn Hội đến bàn định về việc thuế lệ khai mỏ. Khi trở về, bổ sang Hộ bộ. Khi Cảnh Tôn Thuần hoàng đế bắt đầu lên nối ngôi, được bạt bổ Công bộ thượng thư. Năm thứ 3 (1888) cho thự hiệp biện đại học sĩ. Hữu Thường cố từ không được. Liền dâng sớ nói: Vương chế nói rằng: "nước không có tích lũy 6 năm thời là cần cấp; nước không có tích lũy 3 năm thời cho là nước không ra nước nữa." Cho nên việc tích trữ là chính sách lớn của nước, nên

Digitized by Google

suy tính kỹ mà dự phòng trước.

"Kinh sư là nơi trọng địa, quan lại, binh lính tụ tập đông số chi phát khá nhiều. Thừa Thiên số thóc thuế ít, không đủ dùng trong một hạt mình, đồng niên chi phí toàn nhờ ở Nam, Bắc hai kỳ. Những năm trước, Bắc kỳ chở thóc gạo về nộp kinh mỗi năm đến 15 vạn hộc, phương, Thanh Hóa chở đến 15 vạn hộc, phương, Nghệ An chở đến 4, 5 vạn hộc, phương. Ngoài số đó lại có gạo cước giá, gạo phụ hao chở đến bán ra, con số cũng nhiều. Cho nên hạt gạo được lưu thông, mỗi phương giá tiền chỉ 3, 4 quan, mà giữa khi gặp lúc mùa màng kém, dân gian còn có tình trạng ngặt nghèo. Huống nay số thóc Bắc kỳ phải chở đến đã cho chiết nộp bằng tiền mà lương bổng quan lại binh lính lại hậu hơn trước; lại, các tỉnh từ Thanh Hóa trở về phía Nam, sau cơn binh hỏa, 10 nhà thì 9 nhà không, số nhập năm nay không đủ cung số xuất, nên gần đây các tỉnh xin vay, xin miễn thuế, luôn luôn kêu hết ăn. Số hiện dự trữ ở kho Kinh chỉ còn có thể chi được 1 năm mà thôi, có xuất mà không nhập, tình hình tích lũy công và tư thật đáng buồn. Nếu không dự trữ tính trước, mà chỉ trông ở sự vận tải của hiệu Khách Công Xương, thảng hoặc gặp khi sóng gió, không thông đồng thời sự chi dụng của nhà nước lấy vào đâu! Tuy hiện nay có tàu thủy chở gạo đến bán, có thể đổi chác với họ được, phải cái dân gian tiêu thụ không nhiều, nhà nước thời cũng chưa mua trữ, cho nên số gạo chở đến cũng ít. Huống bọn lái buôn lắm mánh khóe. Nếu có chở đến cũng thừa cơ lúc mình thiếu ăn, cố tình kìm hãm để lấy lãi nhiều. Như thế mà mong cho nước có lương thừa, dân không sắc đói, tưởng cũng là chuyện khó.

"Vậy nay xin đặt ra Kinh mễ cục, bất cứ ai xin lĩnh (thầu), thì họ xuất vốn ra, nhà nước chỉ phát bằng cho để tiện thông thương. Chở đến, bất cứ nhiều hay ít, cho phép được đem bán cho dân. Còn thừa bao nhiêu, nhà nước sẽ chiếu

Digitized by Google

giá thị trường mà thu mua. Rồi quan, quân lĩnh lương, đến ngay tại chỗ mà lĩnh mà phát cũng tiện. Hoặc sức cho đem đến Kinh thương chứa lại, mỗi năm cần được 20 vạn phương gạo đủ để chi phát.

"Nhà nước đã mua thì họ chở đến ngày một nhiều; ngày một nhiều thời giá ngày một hạ. Lỡ khi chở đến không kế tiếp, giá gạo có hơi cao thì nhà nước phát bán ra để tiện cho dân. Như thế chứa chất sẵn sàng, lụt, hạn không đáng lo; hạt gạo thường đủ, công, tư có thể không quẫn bách. Đó cũng là một chước làm đủ dùng cho nước, đồi dào cho dân vậy." Vua rất khen ngợi nghe lời.

Tháng 7 năm ấy đổi lĩnh Binh bộ sung Sử quán phó tổng tài kiêm quản Văn thần, phò mã Quốc tử giám sự vụ. Chưa được bao lâu ốm chết.

Tổ tiên đều làm nghề chài lưới, riêng đến Hữu Thường lấy văn học làm nên. Học, giỏi về chính sự, người ta đều cho là giỏi giang thông thạo. Mới hơn 10 năm làm đến hiệp quý[1], đều là đặc cách cả. Khi mất, vua lấy làm tiếc, cho truy thụ hiệp biện, ban cho 100 lạng bạc, 500 quan tiền và lụa là, hóa vật các thứ. Con là Hữu Điềm, Lễ bộ chủ sự; cháu là Khải, đỗ hương tiến.

*

Hồ Bá Ôn

Hồ Bá Ôn tự là Cung Thúc, hiệu là Tùng Viên, người Quỳnh Lưu, Nghệ An, đời đời là một họ danh tiếng. Tổ là Trọng Dư đỗ hương cống triều Lê; cha là Trọng Tuấn, đỗ hương tiến Minh Mạng năm thứ 9 (1828) làm đến án sát, nhân sai lầm bị lạc chức, sau vì có con làm to, được tặng Hàn lâm thị giảng.

Bá Ôn là người khảng khái, lúc trẻ chăm học, có tiếng

(1) Có nghĩa như hiệp viện.

Digitized by Google

hay chữ. Đỗ Ất khoa kỳ thi Hội Tự Đức năm thứ 28 (1875), do chân Kiểm thảo sung Nội các biên tu rồi lĩnh tri huyện Hương Thủy. Năm thứ 30 (1877) thăng trước tác lĩnh Nội các thừa chỉ rồi chuyển lên Thị độc. Năm thứ 34 (1881) lĩnh án sát sứ Nam Định.

Trước, Bá Ôn ở Nội các từng vì văn học được vua biết đến. Mùa xuân năm thứ 36 (1883) vua 55 tuổi, tập thỉnh an của Bá Ôn có câu rằng:

Thiên tăng giáp lịch, lục lục hoàn lai vãng chi xuân.
Hải Ký tiên trù, ngũ ngũ diễn sinh thành chi số.

Dịch: Trời sinh tuổi thọ [1], sáu sáu [2] quanh xuân đi xuân lại;

Biển ghi thẻ tiên, năm năm [3] dài con số sinh thành. Được châu phê là câu mới mẻ và thưởng cho 1 cấp.

Tháng 2 năm ấy, quân Pháp đã lấy Hà thành, khi hòa ước chưa định, họ lại chạy tàu đến sông Vị Hoàng đánh ép thành Nam Định. Cửa Đông thành là nơi bị tấn công, tổng đốc Vũ Trọng Bình thương ủy cho Bá Ôn cùng đề đốc Lê Văn Điểm đem quân đến chống giữ. Rồi kịch chiến với họ. Điểm bị chết tại trận, Bá Ôn bị thương, nhưng buộc vết thương lại chống cự. Lúc ấy Kinh lược Nguyễn Chính đóng quân ở Đặng Xá, không chịu tiếp viện. Rồi Bá Ôn lại bị đạn ngã lăn ra đất, thành bèn vỡ. Quân sĩ đỡ Ôn ra nơi ở, có người khuyên cho lấy thuốc chữa thì Bá Ôn trả lời: "Đã không thể vì nước nhà bảo vệ được thành trì, nay thành mất thì mất theo, còn cầu gì nữa." Việc tâu lên, vua chuẩn ban cho 30 lạng bạc về quê chữa thuốc. Mới được một tháng thời Ôn mất, năm ấy 41 tuổi. Vua được tin, nói: "Không tránh cái chết mà mất theo thành, hơn kẻ tránh cái chết xa lắm". Rồi chuẩn cho đặc cách

(1) Chữ Hán là Giáp lịch.

(2) (3) Sáu sáu là 36, Năm năm là 25; muốn hiểu rõ nghĩa này cần nghiên cứu Hà đồ trong kinh Dịch.

Digitized by Google

truy tặng Quang lộc tự khanh và chiếu theo hàm mới tặng mà cấp tiền tuất, để khuyến khích những người khi lâm sự hết lòng tiết tháo. Có 3 người con: Kiện, ấm thụ điển bạ; Linh đỗ hương tiến; Tư, ấm sinh.

*

Nguyễn Tài Tuyển

Tự là Chu Sỹ, người Nam Đàn, Nghệ An, tính thành thực, chất phác, có tiếng là thờ cha mẹ có hiếu. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 30 (1877), bổ tri phủ Tương Dương. Tại chức, lưu đến việc canh nông, mộ dân khẩn ruộng núi, vỗ về dân Man, tất cả với tấm lòng thành tín, lại dân mến yêu. Sau do chân thị giảng sung sơn phòng phó sứ Nghệ An. Gặp khi quân Man cướp bóc ở địa giới (phủ) Tương, (phủ) Quỳ, Tài Tuyển đem quân tiến đánh, người Man đều đến quân đầu thú. Tuyển bèn đóng lại ở Quỳ Châu để chiêu dụ trấn áp. Có người thấy ở đây khí độc nặng, khuyên Tuyển dời về. Tuyển nói: "Đạo làm tôi phải tận tụy, khí lam chướng không đáng kể." Đã có lần bị nước lũ nguồn đột ngột đổ đến, lương thực chuyên chở không kịp, Tuyển cùng quân sĩ mấy ngày ăn một bữa, nhưng lấy công nghĩa kích thích, họ cũng đều bền chí. Kiến Phúc năm đầu (1884) vì vất vả quá nhiều sinh bệnh rồi mất ở trong quân, được truy thụ Hàn lâm viện thị độc.

*

Hoàng Văn Hòe

Tự là Vương Thực, người Đông Ngạn, Bắc Ninh. Cha là Đĩnh, đỗ hương tiến, làm quan mãi đến chức ngự sử rồi ốm, về nhà dạy học.

Văn Hòe lúc trẻ có tiếng hay chữ. Đỗ tiến sĩ Tự Đức năm thứ 33 (1880), thụ chức Hàn lâm viện tu soạn. Sau lại thấy học rộng cho mời đến thử được trúng tuyển, bổ thị độc lĩnh tri phủ Kiến Xương. Khoảng niên hiệu Kiến Phúc, sung

Digitized by Google

bang biện Bắc Ninh thứ vụ. Sau vì đi theo quân thứ không có công trạng, bị đổi xuống chức làm Kinh diên khởi cư chú. Hàm Nghi năm đầu (1885) Kinh thành hữu sự, chết trong nạn (nước). Hồi đầu niên hiệu Thành Thái (1889) được truy thụ trước tác. Anh Văn Hòe là Kỳ, cũng đỗ hương tiến.

Digitized by Google

QUYỂN 40 -

TRUYỆN TRUNG NGHĨA - MỤC I

- Phạm Trọng Tụy (Phụ: Đặng Tích);
- Nguyễn Thế Cát (con: Ngọc Chấn);
- Ngô Văn Thành (Phụ: Trần Văn Thạc, Nguyễn Văn Truyền, Nguyễn Phú Quyền, Bùi Văn Giá);
- Nguyễn Văn Thận (Phụ: Nguyễn Hữu Thuyên);
- Lê Văn Nghĩa (Phụ: Phan Văn Song);
- Lê Văn Thường (Phụ: Nguyễn Lộc, Vũ Văn Thường);
- Trương Văn Phượng (Phụ: Ngô Tá Đàm, Nguyễn Văn Tân; Ngô Doãn Phú, Trương Tử Tỵ, Nguyễn Văn Triêm, Đặng Văn Quyến, Lê Văn Tiêm, Đinh Văn Tự);
- Tăng Tháp (Phụ: Ngô Sỹ Thường);
- Nguyễn Đức Chung;
- Lê Văn Cư (Phụ: Trần Văn Du, Phạm Văn Trứ);
- Tống Phúc Minh (Phụ: Trương Văn Sử);
- Lê Huệ (Phụ: Bùi Văn Giảng);
- Bùi Đình Dự;
- Vũ Viết Tuấn (Phụ: Lê Kim Trợ, Hoàng Văn Quang);
- Nguyễn Đình Lộc (Phụ: Nguyễn Văn Cáo, Lê Phúc Sơn, Phạm Đức Hạnh, Nguyễn Văn Anh, Đỗ Văn Quyền, Nguyễn Xuân Trị, Đinh Quang Toàn, Bạch Văn Dụ);
- Phạm Văn Phạt (Phụ: Hoàng Phúc Lợi, Nguyễn Tiến Quang, Mai Văn Đằng, Nguyễn Văn Tuấn, Lê Văn Tứ);
- Bùi Tăng Huy (Phụ: Phạm Văn Lưu);
- Phạm Đình Trạc;
- Nguyễn Doãn;
- Nguyễn Duy Tân;
- Phạm Xuân Bích;
- Trần Văn Quản (con là Toản);
- Lê Quang Tiến;

Digitized by Google

- Nguyễn Điền (Phụ: Nguyễn Văn Nhàn, Trương Tường);
- Nguyễn Đạc (Phụ: Nguyễn Thọ Kỷ);
- Ngô Đức Tu;
- Phan Bân;
- Hồ Thiện;
- Lê Như Cường;
- Nguyễn Hữu Trì;
- Nguyễn Đình;
- Trần Tuyên (Phụ: con là Xuân Hòa, Hoàng Hữu Quang);
- Phạm Đức Hinh;
- Nguyễn Đăng Sỹ;
- Trần Đức Tráng;
- Nguyễn Khoa Dực;
- Dương Văn Phong;
- Nguyễn Văn Điểm;

*
* *

Phạm Trọng Tụy

(Phụ: Đặng Tích)

Người Đông Thành, Nghệ An. Tòng quân năm đầu niên hiệu Gia Long (1802), được bổ Nghiêm vũ vệ cửu đội trưởng, rồi bổ Tam đội thí sai chánh đội trưởng. Sau theo phó vệ úy Nguyễn Đình Phú đi miền đường núi Quỳnh Lưu đánh nhau với giặc, giao chiến mà bị chết. Năm Tự Đức thứ 9 (1856), được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Lại người cùng ấp là *Đặng Tích*, được tuyển vào chức Vũ vệ Thất đội. Thiệu Trị năm thứ 5 (1845). Trước theo hiệp thống đại thần Trương Quốc Dạng đi quân thứ Hải An, đánh ở Bình Giang, lúc giao chiến chém thủ cấp giặc, được bạt bổ đội trưởng và gia thưởng thí sai chánh đội trưởng suất đội. Lại sung thú Hà Hội rồi đi quân thứ Bắc Ninh theo đó lấy lại được phủ Phú Bình, xong, chuyển về Điên Sơn. Đến khi các trận Tuần Đạo thắng lợi, được cất lên tinh binh cai đội. Sau sung đốc binh quân thứ tỉnh Thái (Nguyên) theo tham tán Ông Ích Khiêm đi tiễu bắt giặc đắc lực, được thưởng 1 lần Kỷ lục. Sau đến trận Hà Hữu, Xuân Lãng thì bị thua, phải đổi xuống chức hiệp quản, nhân được phái đi đồn Phù Ninh, đánh nhau với giặc thì bị chết trận.

Digitized by Google

Nguyễn Thế Cát

(con là Ngọc Chấn)

Tự là Thế Bảo, quê ở Đông Thành, Nghệ An. Là người thông minh lanh lợi, có sức khỏe mưu lược. Năm 18 tuổi mới đọc sách. Đỗ hương tiến năm Gia Long thứ 2 (1813). Năm thứ 18 (1819) triều đình thấy đất Sơn Tây nhiều nơi xung yếu lắm việc, đặc cử Cát làm Tri huyện Phù Ninh [1]. Bắt đầu đến nhậm chức, bắt bớ, chế ngự có phương pháp, tróc nã được những tướng cướp đem trị tội, trong huyện được an ninh. Hạt ấy, trước đó chưa có Văn từ, Thế Cát đứng khởi xướng lập ra, lại xuất lương bổng ra lập tự điền, làm quan ở đấy 7 năm, hưng lợi, trừ hại, được dân ca tụng, tấm tắc khen là Cung Hoàng [2].

Minh Mạng năm thứ 7 (1826), huyện có tin báo giặc, Thế Cát thân mang lệ thuộc đến đồn Thọ Thế bắt phạm, giải về đến giữa đường qua khu rừng làng Tử Đà, bỗng gặp quân phỉ đón đánh, hoảng hốt ứng phó không kịp, bị giặc đâm chết vứt xác xuống sông. Xác trôi về đến trước cửa Văn từ xã Phượng Lâu, xã này sửa lễ đem mai táng, lại cảm về công đức, dựng đền thờ. Quan trấn thủ tâu lên, vua thương tiếc, gia thưởng 50 quan tiền và tặng đồng tri phủ. Tự Đức năm thứ 6 (1853), được liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Ngọc Chấn.

Ngọc Chấn tự là Thế Lợi, có sức khỏe, sức ăn gấp 5, 6 người, gồm tài văn võ. Đỗ kỳ thi hương Tự Đức năm đầu. Năm thứ 11 (1858) được phái đi đôn đốc việc (tập) hương dõng, lại đốc suất dân 2 huyện Đông Thành, Hưng Nguyên đào mở đường sông. Quan tỉnh tiến cử là người học hạnh khá, và kiêm thông võ nghệ, được bổ Hàn lâm điển tịch bang biện Diễn Châu sơn hải phòng chư quân sự. Gặp bấy giờ Nam kỳ

(1) Nay thuộc Vĩnh Phú.
(2) Chưa rõ nghĩa.

Digitized by Google

có cáo cấp, Ngọc Chấn xin mang thủ dõng theo thầy học là chưởng ấn Vũ Đức Khuê đi quân thứ Biên Hòa. Khi hòa nghị thành, trở về quê chờ bổ. Sau chuyến đi đó quân thứ Tây Bắc theo tổng thống Nguyễn Tri Phương sai phái, rồi liên bổ tri huyện lĩnh tri phủ Kiến Thụy. Bấy giờ ở Hải Dương, trộm cướp đầy dẫy, Ngọc Chấn làm việc một năm, bắt bớ cai trị có phương pháp. Sau đó giặc biển vào chẹn sông cướp bóc. Ngọc Chấn mang quân đóng chặn, bị giặc đánh bị thương rồi chết, được truy tặng Hàn lâm thị độc. Năm thứ 33 (1870), được liệt thờ vào Trung nghĩa từ, để tiếng ngàn thu. Con Chấn là Ngọc Đản, ấm thụ chánh cửu phẩm văn giai.

*

Ngô Văn Thành

(Phụ: Trần Văn Thạc, Nguyễn Văn Truyền, Nguyễn Phú Quyền, Bùi Văn Giá)

Ngô Văn Thành người Tân Hòa, Gia Định, đầu quân năm Gia Long, trải thăng Tượng quân vệ úy. Minh Mạng năm thứ 7 (1854), Phan Bá Vành gây biến ở các hạt Nam Định, Hải Dương, Thành vâng mệnh mang quân đi đánh ở sông Cổ Trai (thuộc tỉnh Hải Dương), bị hãm trận thất lạc cả thi hài. Vua được tin thương xót, tặng chưởng cơ, chi 300 quan tiền công, giao cho địa phương xây cái mộ giả, ban tế một tuần.

Lại Phó vệ úy *Trần Văn Thạc*, *Nguyễn Văn Truyền*, phó quản cơ *Nguyễn Phúc Quyền*, cai cơ *Bùi Văn Giá* cũng đánh bắt ngụy Vành, bị chết trận. Thạc, Truyền đều tặng vệ úy; Quyền, Giá đều tặng quản cơ, và đều liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Thạc, người Diên Phước, Quảng Nam; Truyền, người Phú Cát, Bình Định; Phú, Quyền, người Phú Lộc, Gia Định; Giá, người Nam Đàn, Nghệ An.

*

Digitized by Google

Nguyễn Văn Thận

(Phụ Nguyễn Văn Thuyên)

Người Mỹ Hóa, Thanh Hóa, có sức khỏe. Trước đầu quân, vì có công, thăng Mãi vệ úy trong 2 vệ Hữu dực, Tả dực Vũ lâm doanh. Minh Mạng năm thứ 4 (1833), nghịch Khôi làm phản ở Phiên An. Thận cùng phó vệ uý Nguyễn Hữu Thuyên mang quân Vũ lâm theo tướng quân Tống Phúc Cương đi tiễu. Đánh thành, giặc cố giữ sức, rút cục không lên được thành, Thận cùng Thuyên chết tại trận.

Hữu Thuyên người Tống Sơn, Thanh Hóa. Văn Thận được truy tặng thống chế, Hữu Thuyên tặng vệ uý, đều liệt thờ Trung nghĩa từ.

✣

Lê Văn Nghĩa

(Phụ: Phan Văn Song)

Người Lệ Thủy, Quảng Bình, là người dũng cảm, có mưu lược. Lớn lên đi đầu quân, thăng mãi đến lãnh binh quan Bình Thuận. Minh Mạng năm thứ 14 (1833), nghịch Khôi làm phản chiếm cứ thành Phiên An rồi giữ luôn cả Biên Hòa. Văn Nghĩa mang quân đi đánh. Bấy giờ thuyền giặc từ cửa biển Phu Gia chống cự quân ta. Văng Nghĩa bị thương, vẫn lặng thinh không động, cùng với phó vệ úy *Phan Văn Song* do kinh phái đến, hăng hái kịch chiến. Giặc thua kéo đi. Ngày hôm sau, giặc lại chia mặt thủy, mặt bộ áp đến đánh. Phan Văn Song đốc quân đến bắt, xông lên trước quân sĩ, bị chết vì đạn thuốc độc. Văn Nghĩa mang vết thương đã đứng trước ở trận. Các quân đều chạy lại giết giặc, giặc lại rút lui. Sau ngụy Bột lại thúc thuyền binh đến tiếp ứng. Văn Nghĩa đổi trận với giặc, giặc sợ, chỉ lảng vảng ở sông bắn lên, không dám úp vào bờ. Bỗng có một quân lén đánh úp, Văn Nghĩa chống cự không lại, cũng bị chết trận. Sau, cùng với Văn Song đều được truy tặng

Digitized by Google

chưởng cơ, liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Văn Song, người ở Minh Linh thuộc Quảng Trị

✣

Lê Văn Thường

(Phụ: Nguyễn Lộc, Vũ Văn Thường)

Trước tên là Hằng, người Kiến Hòa, Định Tường. Tòng quân năm Gia Long, thăng mãi đến lãnh binh quan tỉnh An Giang. Minh Mạng năm thứ 14 (1833), nghịch Khôi dấy loạn ở Phiên An. Thường mang quân đi hội tiểu, bị giặc bắt. Giặc dụ hàng, Thường không chịu khuất. Bấy giờ phó lãnh binh Hà Tiên *Nguyễn Lộc* cũng bị bắt, đương bị lưu giam ở trong thành. Thường bèn đồng mưu với Lộc ngầm sai gia nhân đốt kho thuốc súng của giặc. Việc tiết lộ, giặc đều giết cả.

Lại có phó lãnh binh cùng thành là *Vũ Văn Thường*, người ở Phong Điền, Thừa Thiên, cùng đánh nhau với nghịch Khôi ở Long Hồ, bị thương ở chân trái bị giặc bắt được. Giặc trao cho chức quan, không chịu theo, nhịn ăn mà chết. Quân thứ dò xét được tình hình, đem việc tâu lên. Lê Văn Thường được truy tặng chưởng cơ; Vũ Văn Thường, Nguyễn Lộc đều tặng vệ úy; và đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Lộc người Bình Dương, Gia Định.

✣

Trương Văn Phượng

(Phụ: Ngô Bá Đàm, Nguyễn Văn Tân, Ngô Doãn Phú, Trương Tử Tỵ, Nguyễn Đăng Triêm, Đặng Văn Quyến, Lê Văn Tiêu, Đinh Văn Tự)

Trương Văn Phượng người Phong Điền, Thừa Thiên. Đầu quân năm Gia Long thứ 10 (1811), từ đội trưởng thăng lên cai đội. Minh Mạng năm thứ 10 (1829), ông mang quốc thư sang Xiêm thông hiếu, xong việc trở về, được cất lên Thần

Digitized by Google

cơ Hữu vị phó vệ úy. Tiến đánh nghịch Khôi ở Phiên An [1] bị tử trận, truy tặng là vệ úy.

Lại trước sau chết về nạn (nước này) có người cùng phủ, là *Ngô Bá Đàm*, ở Hương Thủy, *Nguyễn Văn Tân* ở Hương Trà; cùng huyện là *Ngô Doãn Phú*, *Trương Tử Tỵ*; người ở Duy Xuyên, Quảng Nam là *Nguyễn Đăng Triêm*; người Phú Mỹ, Bình Định là *Đặng Văn Quyến*; người Kiến Hòa, Định Tường là *Lê Văn Tiêu*, *Đinh Văn Tự*. Bá Đàm (phó vệ úy) được tặng vệ úy, Văn Tân, Doãn Phú (đều thụ phó vệ úy), Tử Tỵ (cai đội), Đinh Văn Tự (phó vệ úy bị cách), đều được tặng phó vệ úy, và đều liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✢

Tăng Tháp

(Phụ: Ngô Sỹ Thường)

Người Đông Thành, Nghệ An, là người dũng tráng giỏi dang có sức khỏe. Tòng quân khoảng năm Gia Long, đến năm thứ 15 (1816) bổ chánh đội trưởng. Vì tiểu phỉ có công, được bổ Hoàn vũ vệ lục đội suất đội, phái đi trú phòng ở Trấn Ninh. Minh Mạng năm thứ 15 (1834) quyền lĩnh phó vệ úy, hiệp lực cùng Nhiên vũ vệ phó vệ úy Nguyễn Công Cận đánh phá ở Thanh Chương bị chết trận, được truy tặng là Minh nghĩa đô úy. Tự Đức năm thứ 9 (1850), liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Lại người cùng quê là *Ngô Sỹ Thường*, Thiệu Trị năm thứ 2 (1834) quyền lĩnh phó vệ úy sung giản bổ Phấn vũ vệ ngũ đội đội trưởng, thăng dần lên Chánh đội trưởng. Tự Đức năm thứ 15 (1862) phái đi quân thứ tỉnh Bắc, đánh nhau với giặc ở Trường Giang, bị chết, được truy tặng tinh binh cai đội.

✢

(1) Lê Văn Khôi nổi loạn chống triều đình năm 1833 tại Phiên An.

Digitized by Google

Nguyễn Đức Chung

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Cha là Đức Huyên làm Thái y viện phó. Đức Chung lúc nhỏ đi du học, đến năm Gia Long thứ 15 (1816) đầu vào Tiền phong dinh. Khoảng năm Minh Mạng làm qua chức cai đội, rồi thăng mãi đến vệ úy. Thiệu Trị năm thứ 5 (1845), bổ lãnh binh quan An Giang. Đến năm thứ 7 (1847), cửa Đà Nẵng có báo cấp, chuyển đi bắt giặc rồi chết trận, năm ấy 60 tuổi. Được truy tặng chưởng vệ, gia cấp tiền tuất và liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Điển bổ chân ấm thụ thiên hộ qua làm đội trưởng suất đội.

✣

Lê Văn Cư

(Phụ: Trần Văn Du, Phạm Văn Trứ)

Người Phong Đăng, Quảng Bình, là người khảng khái có khí tiết. Trước tòng quân có quân công thăng mãi đến Vũ lâm Tả dực nhất đội cai đội. Minh Mạng năm thứ 16 (1835) nghịch Khôi giữ thành làm phản. Văn Cư theo quân thứ Phiên An, mang quân đào đường ngầm [1] để công thành bị giặc bắt. Giặc Chấm tra hỏi, nhất định không nói gì, chỉ bảo rằng: "Ta nhận quan tước triều đình, nay bị bắt, có chết mà thôi". Giặc khen là nghĩa khí, không nỡ giết. Sau đó lại ngầm mưu nội công, việc tiết lộ, giặc bèn giết đi. Khi sắp bị chết, mắng giặc rằng: "Sau khi ta chết, một tụi nghịch tặc chúng bay sớm muộn cũng sẽ chầu đầu chịu giết thôi". Sau các tướng dò xét được tình hình đem việc tâu lên. Vua nói: "Văn Cư giữ tiết tháo không chịu khuất, mắng giặc mà chết, trung liệt đáng ghi." Rồi cho truy tặng phó vệ úy, cấp tiền tuất.

Bấy giờ người cùng tỉnh với Văn Cư là thự phó vệ úy *Trần Văn Du* và cai đội *Phạm Văn Trứ* cũng kẻ trước người

(1) Tạm dịch là đường ngầm (không phải đường hầm) có lẽ cũng như giao thông hào bây giờ?

Digitized by Google

sau chết vì nạn nước. Du được tặng vệ úy, Trử tặng quản cơ và đều liệt thờ Trung nghĩa từ.

✣

Tống Phúc Minh

(Phụ: Trương Văn Sử)

Người Bình Dương, Gia Định. Đầu quân năm Gia Long, thăng mãi đến Tráng vũ vệ phó vệ úy. Minh Mạng năm thứ 15 (1834), phái đi trú phòng ở phủ Trấn Ninh. Gặp khi thổ phỉ đánh vây phủ lỵ, Phúc Minh cùng quản cơ *Trương Văn Sử* ra sức đánh nhau với giặc và đều bị chết trận. Truy tặng Phúc Minh là vệ úy, Văn Sử là phó vệ úy và đều liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Văn Sử người Tống Sơn thuộc Thanh Hóa.

✱

Lê Huệ

(Phụ: Bùi Văn Giảng)

Người Minh Chính, Quảng Bình. Đỗ hương tiến Gia Long năm thứ 18 (1819). Hồi đầu niên hiệu Minh Mạng bổ tri huyện Thụy Anh. Huệ ở đây, chăm việc về nuôi dân, cốt trừ bỏ hoạn nạn cho dân. Mùa xuân năm thứ 5 (1824), Huệ nhận đi đốc thuế trong huyện, đến ấp Trà Hôi, bỗng do thám đồng đảng mưu đoạt lại, kéo đến như ong. Mọi người toan đưa Huệ tránh đi. Nhưng Huệ không động cựa, rồi mang đinh tráng ra sức chống cự, bèn bị giặc hại. Khi giặc chực đâm Huệ thì người tùy lệ của Huệ là *Bùi Văn Giảng* 4 lần lấy thân che đỡ cho Huệ, giặc bèn giết cả. Con ngựa của Huệ cưỡi, giặc bức bách đem cưỡi, nó không chịu đi, giặc đánh bị thương ở lưng. Ngựa liền trốn đi, sau lại trở về chỗ Huệ chết, phục đất mà kêu rồi mấy ngày sau cũng chết. Người ta lấy làm cảm động sự trung nghĩa đó. Việc tâu lên, vua lấy làm khen ngợi, truy tặng là đồng trì phủ. Quan huyện sau nhớ đến sự

Digitized by Google

oanh liệt, dựng đền thờ. Tự Đức năm thứ 9 (1856) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Bùi Đình Dự

Người ở Hậu Lộc, Thanh Hóa. Đỗ hương tiến Gia Long năm thứ 18 (1819). Hồi đầu niên hiệu Minh Mạng, bổ Hàn lâm sung sử quán biên tu. Qua đi giáo thụ Hoài Đức, đến năm thứ 8 (1827), thời bổ đồng tri phủ Thuận An. Năm thứ 11 (1830) thổ Khấu đến đánh phủ thành, Đình Dự mang quân chống cự, bị hại, truy tặng là tri phủ, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Vũ Viết Tuấn

(Phụ: Lê Văn Trợ, Hoàng Văn Quang)

Người Đông Sơn, Thanh Hóa. Đầu quân năm Gia Long, thăng mãi đến lãnh binh quan Trấn Tây. Minh Mạng thứ 21 (1840) đánh bắt phỉ Man ở đồn Sa Tôn và xứ Súc Chiết, bị chết về tên thuốc độc, được truy tặng chưởng vệ. Chiến dịch này, Cẩm y vệ phó vệ úy *Lê Kim Trợ* và Định Tường tả cơ quản cơ *Hoàng Văn Quang* cũng bị chết. Kim Trợ người Phù Cát, Bình Định, tặng Cẩm binh vệ úy; Văn Quang người Kiến Hòa, Định Tường, tặng phó vệ úy. (3 người) đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Đình Lộc

(Phụ: Nguyễn Văn Cáo, Lê Phúc Sơn, Phạm Đức Hạnh, Nguyễn Văn Anh, Đỗ Văn Quyền, Nguyễn Xuân Trị, Đinh Quang Toản, Bạch Văn Dụ)

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Năm Gia Long đầu vào quân Tuyển phong, qua thăng đến Tiền vệ phó vệ úy. Minh

Digitized by Google

Mạng năm thứ 15 (1834), trí châu Bảo Lạc Nông Văn Vân dấy loạn, đánh vỡ các thành Tuyên, Cao, Thái, Lạng. Đinh Lộc tiến đánh ở Cao Bằng, bị chết trận, truy tặng Cẩm binh vệ úy.

Lại quan chức các tỉnh cùng chết vì quốc sự hồi ấy là phó lãnh binh Thái Nguyên *Nguyễn Văn Cáo*, phó lãnh binh Nam Định *Lê Phúc Sơn*, thự Hữu vệ phó vệ úy Bắc Ninh *Phạm Đức Hạnh*, Tiền thắng cơ quản cơ *Nguyễn Văn Anh*, Trung quân Hữu chấn cơ phó quản cơ *Đỗ Văn Quyền*, Thần sách Hữu dinh cơ phó quản cơ *Nguyễn Xuân Trị*, Thái hùng cơ phó quản cơ *Đinh Quang Toản*, Hổ oai dinh Tả vệ cai đội *Bạch Văn Dụ*, đều được truy tặng, cấp tuất và được liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Văn Cáo, Phúc Sơn, Đức Hạnh, Văn Anh đều tặng chư quân vệ úy. Văn Cáo là người Phù Cát, Bình Định; Phúc Sơn, người Quảng Điền, Thừa Thiên; Đức Hạnh, người Vũ Tiên [1], Nam Định; Văn Anh, người Hương Sơn, Hà Tĩnh. Văn Quyền, Xuân Trị, Quang Toản, Văn Dụ, đều tặng quản cơ. Quyền là người Nghi Xuân, Hà Tĩnh; Xuân Trị người Đông Sơn, Thanh Hóa; Quang Toản người Cẩm Hóa, Thái Nguyên; Văn Dụ người Phú Vang, Thừa Thiên.

*

Phạm Văn Phạt

(Phụ: Hoàng Phúc Lợi, Nguyễn Tiến Quang, Mai Văn Đồng, Nguyễn Văn Tuấn, Lê Văn Tứ)

Người Tuy Phước, Bình Định. Đầu quân năm Gia Long, qua thăng Thần cơ dinh Trung vệ phó vệ úy. Minh Mạng năm thứ 20 (1839) gặp Xiêm gây họa ở Ba Xuyên, Văn Phạt vâng phái đi đánh bắt, bị chết trận, truy tặng vệ úy.

Đến Thiệu Trị năm đầu (1841), cùng bị chết về việc (nước) ở Ba Xuyên là: Trấn Tây lãnh binh *Hoàng Phúc Lợi*,

(1) Nay thuộc Thái Bình.

Digitized by Google

Gia Định, Hữu thủy vệ vệ úy *Nguyễn Tiến Quang*, An Giang phó lãnh binh *Mai Văn Đồng*, An Giang quản cơ *Nguyễn Văn Tuấn*, phó quản cơ *Lê Văn Tứ*. Phúc Lợi là người Phong Điền, Thừa Thiên, tặng vệ úy; Tiến Quang người Chương Ngãi, Quảng Ngãi, tặng Cấm binh phó vệ úy; Văn Đồng người Tống Sơn Thanh Hóa, tặng lãnh binh; Văn Tuấn người Bảo Hữu, Vĩnh Long, tặng Cấm binh phó vệ úy; Văn Tứ, người Hải Lăng Quảng Trị, tặng quản cơ. Mọi người đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

Bùi Tăng Huy

(Phụ: Phạm Văn Lưu)

Tự là Ngọc Uẩn người đạo Ninh Thuận (nguyên là phủ thuộc Khánh Hòa, nay mới đặt làm đạo). Tính người thao lược có khí tiết. Đỗ hương tiến Gia Long năm thứ 18 (1819). Hồi đầu niên hiệu Minh Mạng do chân Hàn lâm qua sung sử quán biên tu, có tiếng là người có học thức, phẩm hạnh, được thăng thị độc sung hoàng tử tán thiện. Năm thứ 5 (1824) bạt bổ làm thiêm sự hộ lý công việc trấn Quảng Trị. Chưa được bao lâu, chuyển lên thự Thừa Thiên phủ doãn, luôn vì việc công sai lầm, bị giáng nhiều lần xuống đến 7 cấp, đổi hàm bổ đi Binh ty chánh cửu phẩm, rồi thăng lên tư vụ. Sau Bắc Thành khám xét công việc đắp đê, khi trở về, được thăng chủ sự rồi chuyển lên viên ngoại lang. Năm thứ 11 (1830), theo Gia Định thành làm chuyên biện 2 tào Lại, Binh và kiêm lý từ chương rồi thì quyền biện Hà Tiên trấn vụ. Năm thứ 13 (1832), thự Hộ bộ thị lang, chưa đến 1 năm thời đổi thự Cao Bằng bố chính sứ.

Bấy giờ tri châu Bảo Lạc [1], Tuyên Quang là Nông Văn Vân gây rối loạn, đã lan đến địa giới châu Thạch An, Cao

(1) Nay thuộc Cao Bằng.

Digitized by Google

Bằng. Tăng Huy bảo án sát Phạm Đình Trạc rằng: "Giặc mới vào cõi, chưa thể biết rõ hư thực của ta, ta nên đặt mai phục đánh chẹn." Bèn lưu lãnh binh Phạm Văn Lưu giữ thành, rồi cùng với Đình Trạc chỉnh bị quân đội ra đi. Khi đến nơi thì tri châu Thạch Lâm là Nguyễn Bá Dật đã bị bắt rồi. Thế giặc hung dữ, ít không địch được nhiều, bèn đặt nghi binh ở các nơi mai phục để đánh lừa giặc rồi tìm đường rút về. Bấy giờ tỉnh thành binh ít, đánh hay giữ đều khó. Bọn Tăng Huy dâng sớ xin dời kho đi lập đồn để làm kế cố thủ. Vua cho cách làm thế không hợp, giáng 4 cấp lưu dùng. Bỗng bọn giặc 6, 7 nghìn tên tiến áp đến tỉnh thành, ra sức giết người, cướp của, lại đắp ụ đất, suốt ngày bắn vào trong thành. Bọn Tăng Huy bám lấy thành cố giữ. Hơn một tháng thì thuốc súng, gạo, muối sắp hết, mỗi ngày càng thêm nguy bách. Họ lên lâu trông xem thì thấy có một đạo quan quân có 1 con voi xăm xăm đi lại. Tăng Huy mừng thầm báo Đình Trạc rằng: "Viện binh đến rồi, cứ cố sức mà chờ thì được". Vụt nghe thấy giặc truyền gọi rằng: "Tuần phủ Lạng Sơn ở đây; thành Lạng đã về ta rồi, không hàng ta giết sạch". Huy liền lên cao nhìn ra thấy tuần phủ Lạng Sơn là Hoàng Văn Quyền ngồi ở lưng voi. Bèn sai trả lời rằng: "Tuần phủ bị bắt thì đã có tuần phủ khác". Đến chiều, Huy cùng bọn Đình Trạc bàn rằng: Việc hỏng rồi! Thà chết để toàn tính mạng một thành dân, binh. Rồi mặc triều phục, đặt án, hướng về cửa Khuyết lạy. Lạy xong, đem triều phục, văn bằng đốt đi, đoạn, tự thắt cổ mà chết. Đình Trạc, Văn Lưu cũng chết cả. Kịp khi tổng đốc Bắc Ninh Tạ Quang Cự tiến đánh lấy lại được thành, đem tình trạng tâu lên. Vua dụ rằng: "Gặp lúc sự thế trớ trọi, nguy khốn như vậy mà các viên đó ung dung vì nghĩa bỏ mình, không cầu thả tham sống, tình thực đáng thương. Vậy việc giáng cấp lưu dụng khi trước nay cho khôi phục cả và chiếu theo phẩm hàm cấp tiền tuất." Lại thưởng cho 100 lạng bạc giao tận nhà. Cho phép quan tỉnh mới chi sắm áo quan thu

Digitized by Google

liệm di thể chở về nguyên quán. Lại chuẩn cho chọn một chỗ đất cao ráo sạch sẽ ở tỉnh lập đền cúng tế, để khuyến khích những kẻ tận tiết. Đền đề biển là "Tam trung từ". Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) truy tặng Lễ bộ tham tri.

Đinh Trạc có truyện chép riêng.

Văn Lưu, người Tân Bình, Gia Định. Vì tòng quân có công, thăng mãi đến lãnh binh tỉnh Lạng Sơn. Khi Cao Bằng có cáo cấp, tự xin tiếp viện ở Lạng, nên Văn Lưu đem hơn trăm lính cơ đến tiếp ứng. Kịp khi thành bị vỡ, không chịu khuất mà chết. Tự Đức năm thứ 9 (1856), cùng với Tăng Huy, Đinh Trạc đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Phạm Đình Trạc

Tự là Bạt Khanh, người Đường Hào, Hải Dương. Tổ 4 đời là Thiên, hương cống đời Lê, làm quan đến Kinh Bắc tham nghị. Tổ 3 đời là Đôn, cũng đỗ hương cống.

Đình Trạc tính hạnh khoan hòa, ngày thường giao tiếp với người rất giữ lễ độ. Đỗ hương tiến Minh Mạng năm thứ 2 (1821), bắt đầu làm hành tẩu trong bộ, ai tiến cử cho đều không nhận. Sau triều đình tuyển cử đi tri huyện Hà Đông, lại triệu về bổ Lại bộ chủ sự, rồi thăng mãi lên lang trung.

Năm thứ 14 (1833), được đặc chuyển làm án sát sứ Cao Bằng. Gặp bấy giờ thổ tù Tuyên Quang là Nông Văn Vân phản nghịch, lan tràn đến Cao Bằng, thế rất mở rộng và hung hăng. Đình Trạc tính kế cùng thành cùng còn mất, bèn cùng với đồng sự mưu giữ lấy của cải, thóc lúa mà cố thủ. Qua hơn một tháng, quân cứu viện không đến, giặc quây đánh 4 mặt, pháo bắn như mưa, thành sắp bị vỡ. Đình Trạc nói rằng: "Trách nhiệm giữ đất đai, bổn phận nên phải chết." Rồi sai đào sẵn huyệt làm nơi để chết. Trước hết mặc triều phục quay về hướng bắc lạy, xong xuống huyệt nằm ngay ngắn rồi sai

Digitized by Google

lấp đất đi, nói rằng: "để cho vẹn toàn đời sống của ta vậy". Bố chính Bùi Tăng Huy, lãnh binh Phạm Đăng Lưu cũng đều chết cả. Khi sắp xuống huyệt Đình Trạc có làm bài thơ rằng:

Tân tỵ đông xuất thân
Quý tỵ đông thân tử
Quân, thân hữu thử thân
Phủ ngưỡng tài nhất kỷ
Cẩu hồ thần sự quân
Viết trung dã, tắc vị;
Cẩn hồ tử sự thân,
Thọ diên chỉ nhất hĩ
Khuê vi thiên lý trình
San phù dữ âu tử
Tam thập hữu tam nhật
Thần lực vân kiệt hĩ
Bất năng thủ vương thổ
Nguyện tử tự vương sự
Chiếu diểu khuyết đình vân
Chiêm vọng tình hà dĩ

Dịch:

Đông tân tỵ xuất thân;
Chết giữa đông quý tỵ.
Vua, cha (tử) có thân này
Báo đáp mới một kỷ.
Cẩu về tôi thờ vua
Rằng trung chưa thời chưa;
Cẩu về con thờ cha
Mới một tiệc thọ hí
Cách trở ngàn dặm xa,
Vợ yếu cùng con thơ.
Ba mươi lẻ ba ngày,
Sức thần đã tận tụy
Không giữ được đất vua,

Digitized by Google

Nguyện chết về việc vua.
Thăm thẳm mây quyết đình,
Trông vời không dứt tình.

Đến khi giặc bình rồi, việc tâu lên, vua xuống chiếu cho dựng đền Tam Trung ở tỉnh thành để nêu (danh tiết). Sách làm ra có các tập: "Học ngôi thi tập" và "Họa hồ", do Xương Sơn Công đề tựa. Con là Đình Nghị, do chân ấm thụ tri phủ Trùng Khánh.

✣

Nguyễn Doãn

Người Hải Lăng, Quảng Trị. Có sức khỏe. Đầu quân khoảng năm Gia Long, qua đội trưởng suất đội, rồi chuyển lên Cẩm y vệ Tam đội cai đội. Minh Mạng năm thứ 21 (1840) thăng Hồng dinh phó vệ úy. Thiệu Trị năm đầu thăng vệ úy làm phó lãnh binh An Giang. Bấy giờ đảng phỉ phá vỡ huyện Trà Vinh. Doãn cùng Bùi Công Huyên mang quân đánh lấy lại được. Lại liên tiếp phá được đồn phỉ ở súc Bào Tượng, Bổng Liên, được thưởng thụ vệ úy. Ông lại cùng Nguyễn Tiến Lâm, Nguyễn Tri Phương hợp quân giáp công thổ phỉ ở Súc Sâm. Bọn phỉ giữ lũy chống cự. Doãn bị thương ở chân phải, buộc vết thương ra sức đánh, quan quân kế tiếp tiến lên, bọn phỉ vỡ. Được thưởng một cấp quân công và ngân bài, kim tiền. Khi về ra làm phó lãnh binh quan Nghệ An. Chưa bao lâu chuyển đi lãnh binh quan Thanh Hóa, tiễu thổ phỉ có công, được thưởng một đồng Bát bảo kim tiền. Năm thứ 6 (1825), thăng thưởng vệ úy Hình kinh thành để đốc kiêm lý Thừa Thiên phủ vụ. Mùa đông năm ấy, đổi thự Long vũ dinh thống chế. Kỳ đại lễ (1) năm thứ 7 (1826) vì làm việc đuối kém, giáng xuống vệ úy. Kịp đến năm đầu Dực Tôn Anh hoàng đế (Tự Đức) lên ngôi, thấy Doãn trước ở Thanh Hóa thông thuộc

(1) Kỳ xét công trạng quan lại các tỉnh (3 năm một lần) vào những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi.

Digitized by Google

địa thế lại thăng làm lãnh binh (Thanh Hóa). Năm thứ 21 (1849) chuyển đi thự kinh kỳ Thủy sư nhất vệ chưởng vệ, cai quản hải vận thuyền, giải của công ở miền Bắc vào. Thuyền đỗ ở cửa biển Biện Sơn, bị thất hỏa, biền binh bị chết, của công bị đắm mất. Doãn vì phòng ngừa không tốt, bị phạt bổng 5 năm. Tự Đức năm thứ 11 (1858), thăng thự Tiền phong dinh thống chế kiêm quản Tả quân, sau lại quyền Hữu quân kiêm quản Hậu quân. Năm thứ 16 (1863) giặc biển ở Hải An quấy nhiễu, sai đi sung quân thứ thống quản thủy đại thần. Gặp khi toán phỉ xông vào giang phận Lương Sâm, Vũ Định, dùng hỏa công thủy đạo Cấm Giang, quan quân cả vỡ, Doãn bị giặc bắt không chịu khuất bị giết. Việc tâu lên, ông được truy tặng đô thống, cấp thêm 500 quan tiền. Năm thứ 33 liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Doãn, trước tên là Y, sau được vua ban cho tên hiện nay. Con tên là (?)..., được tập ấm ngành võ, vì có theo học, đi thi đỗ kỳ thi hương, hiện làm bố chánh sứ Quảng Bình.

+

Nguyễn Duy Tâm

Người Phú Vang, Thừa Thiên. Có sức khỏe. Tòng quân năm Gia Long, qua đội trưởng, cai đội rồi chuyển lên Tiền dinh Phấn vũ vệ vệ úy. Minh Mạng năm thứ 11 (1830) ra làm trấn thủ Quảng Yên. Mùa đông năm ấy, mang thuyền binh tiến đánh giặc biển, trận đánh ở Phục Lễ bị chết trận. Tự Đức năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

+

Phạm Xuân Bích

Tự là Ôn Như, người An Định, Thanh Hóa. Minh Mạng năm thứ 2 (1821), đỗ hương tiến được bổ tri huyện Thanh Oai. Rồi vào làm Công bộ viên ngoại lang, qua lang trung, thăng mãi lên Lại bộ tả thị lang. Năm thứ 13 (1832) bổ bố

Digitized by Google

chính sứ Hà Tiên thự lý tuần phủ quan phòng. Đến nhậm chức, duyệt quân số thấy thiếu nhiều, tâu xin tra xét. Vua sai cùng với tổng đốc Lê Đại Cương khéo léo xử trí, cần có khoan có nghiêm điều hòa, khiến cho binh lính vui lòng ứng dụng.

Gặp khi tên nghịch Khôi làm phản ở Gia Định, lính hồi lương thuộc tỉnh (Hà Tiên) mưu hưởng ứng, ban đêm xung phạm vào dinh thự. Xuân Bích cầm gươm chạy ra hô hào giết giặc. Bấy giờ quân sĩ đều chạy tán loạn, chỉ có một đầy tớ chạy theo Bích, chống cự với giặc một lúc lâu thì bị giặc bắt. Giặc ép đầu hàng, Bích lớn tiếng mắng rằng: "Chết thì chết, há chịu hàng bọn tù chúng bay". Bèn bị giết. Việc tâu lên, vua bảo: Xuân Bích ngày thường phòng ngừa sơ suất để đến sinh biến ở ngay cạnh nách, cố nhiên là có lỗi. Nhưng nghĩ việc xảy bất thần mà biết mắng giặc chịu bỏ mình, cho phép truy tặng tuần phủ và thưởng 100 lạng bạc phát về gia đình. Tự Đức năm thứ 9 (1856) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Trần Văn Quản

(con là Toản)

Người Hương Trà, Thừa Thiên, là người thông minh lanh lợi có tài làm việc. Minh Mạng năm thứ 5 (1824) vào Lại bộ tư thư lại, chưa bao lâu được bổ cửu phẩm rồi thăng mãi lên lang trung. Năm thứ 14 (1833), bổ án sát sứ Hà Tiên. Gặp khi nghịch Khôi dấy loạn ở Phiên An, hai đội binh hồi lương an hương thuộc tỉnh (Hà tiên) mưu hưởng ứng với Khôi, ban đêm họp đảng vây dinh quan. Quản thấy biến, vác dao chạy ra đâm chết mấy tên. Bỗng được tin báo thự (tuần) phủ Phạm Xuân Bích đã bị giết, Quản, thế bách không chịu khuất cũng bị giết nốt, khi ấy 50 tuổi. Việc tâu lên, cho truy tặng bố chính sứ. Con là *Toản* do chấn ấm thụ bát phẩm qua thăng

Digitized by Google

đến tri phủ Phú Bình, gặp khi Ngô Côn vây hãm, cũng bị chết vì quốc sự. Quản, một nhà cha con vì nước bỏ mình, đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Lê Quang Tiến

Tự là Miếu Tiến, người Hương Trà, Thừa Thiên. Có sức khỏe mưu lược. Đầu quân khoảng năm Minh Mạng, vì võ nghệ thông thạo, qua làm phó đội, thăng mãi lên phó vệ úy. Tự Đức năm thứ 11 (1858) được bổ lãnh binh quan Thanh Hóa rồi thăng đề đốc. Năm thứ 15 (1862) trộm giặc Hải An nổi dậy, đường thủy, đường bộ liên kết với nhau đánh phá, cướp bóc các làng thuộc hạ và vây ép tỉnh thành Hải Dương. Vua cho là Quang Tiến làm được việc, cho thăng sung Hải Dương quân thứ thủy đạo thống chế. Bấy giờ phỉ Minh, phỉ Nho mang hơn 200 chiếc thuyền vào sông Bạch Đằng cự chiến luôn mấy chục ngày. Quang Tiến cùng viên hiệp đốc thủy đạo là Bùy Huy Phiên, ban đêm cho triệu thân hào đến, bí mật dặn dò về cách ước thúc rồi tiến lại gần lũy của phỉ, phát pháo áp lại công phá. Thuyền phỉ có nhiều chiếc bị đắm chết. Bọn phỉ hoảng sợ, kéo hơn 500 chiếc thuyền chia đóng ở hải phận Cát Bà và Đồ Sơn. Quang Tiến bảo với Huy Phiên rằng xông thẳng đến sào huyệt giặc thì có thể thành công được. Bèn chia đạo ra mạo hiểm mà tiến đi trước. Đạo hậu là Khổng Trung, Phạm Do gặp giặc, chạy trước, nên 2 đạo Trung, Tiến bị phỉ giáp công, chống đỡ không nổi. Quang Tiến tự lao xuống biển, cùng với Huy Phiên đều bị chết, năm ấy 55 tuổi. Việc tâu lên, vua rất lấy làm tiếc, cho truy tặng đô thống chế và đặc ban cho tuất hậu. Năm thứ 33 (1880) được liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Quang Hậu, ấm thụ, làm đến suất đội Nghệ An, Huy Phiên có truyện riêng.

*

Digitized by Google

Nguyễn Điền (Phụ: Nguyễn Văn Nhàn)

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Đầu quân hồi đầu niên hiệu Minh Mạng, đến khoảng năm Tự Đức qua làm đội trưởng suất đội, thăng mãi đến lãnh binh Bình Thuận rồi thăng thụ chưởng vệ. Năm thứ 22 (1869), biên giới phía Bắc có cáo cấp, sung quân thứ đi đề đạo Sơn Bắc. Bấy giờ bọn phỉ ở đồn lan xuống, thế rất hung hăng. Điền tự lĩnh quân Tả đạo cùng với tán lý Ông Ích Khiêm, tán tương Trần Thiện Chính, chia từng đạo ra sức đánh, chém được hơn 30 thủ cấp phỉ, lại bắn chết nhiều tên, bọn phỉ hoảng sợ, bèn rút vào đồn cũ liều chết giữ. Điền cùng các đạo quân thừa thắng hợp nhau vây đồn rồi phá cửa, đào thủng lũy nhảy vào từng thứ nhất. Bọn phỉ ở mặt trước tan vỡ. Sau đó 3 mặt kia trở ra chống cự, vừa lúc có một toán thổ phỉ từ trong núi xông tới hợp chiến. Phỉ nhiều, mình ít không địch nổi, Điền cùng Nguyễn Văn Nhàn, Trương Trường đều bị chết. Việc tâu lên, gia tặng đô thống chế và chiếu theo lệ tập ấm, cấp tuất. Nhàn và Trường không rõ người về hạt nào. Nhàn lĩnh phó đề đốc, Trường, lãnh binh đều được gia tặng thống chế. Con (Điền) là Hổ, Tư. Hổ làm đến suất đội Bình Định, Tư làm đến cai đội ở Hà Tĩnh.

+

Nguyễn Đạc *(phụ: Nguyễn Thọ Kỳ)*

Người Phú Vang, Thừa Thiên, có sức khỏe. Đầu quân năm hồi đầu Minh Mạng, thăng mãi đến phó vệ úy. Thiệu Trị năm thứ 5 (1845), ra làm lãnh binh quan Hà Tĩnh. Hồi đầu niên hiệu Tự Đức đổi về Tuyên phong vệ úy. Năm thứ 4 (1851) thăng thự chưởng vệ làm lãnh binh Lạng Sơn. Gặp khi phỉ người Thanh là đảng tên Tam Đường hơn 2 nghìn tên rủ nhau cướp bóc ở Hữu Sản (tên đất). Đạc cùng án sát Mai Anh Tuấn mang binh, dõng tiến đánh. Bọn phỉ rút đi ẩn náu. Đạc bàn chia quân là 3 đạo tiến đánh. Khi đến Thiết Đàm, phía trước bị trở vì ruộng lầy, Đạc cùng 80 biền binh lội

Digitized by Google

trước. Phỉ thấy có ít quân, xông lại đánh lộn. Đạc cùng thự phó cơ *Nguyễn Thọ Kỷ* đều chết tại trận. Anh Tuấn đến sau cũng bị hại cả. Việc tâu lên, vua nói: "Đạc là chủ tướng, việc quân vốn quen mà tham thắng đến nỗi bị hại, thực đáng thương tiếc." Rồi cho truy thụ chưởng vệ, cấp tiền tuất gấp đôi và dùng một người con. Anh Tuấn có truyện riêng. *Thọ Kỷ* người Đông Ngàn, Bắc Ninh, cũng truy thụ phó cơ và đều được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

Ngô Đức Tu

Người Hương Thủy, Thừa Thiên, có sức khỏe. Đầu quân Minh Mạng năm thứ 5 (1824), theo quân thứ có công, thăng mãi đến lãnh binh quan tỉnh Hải Dương. Tự Đức năm thứ 14 (1861), thăng lĩnh đô đốc. Gặp khi giặc biển Quảng Yên rủ nhau tập hợp ở hải phận Hải Ninh quan quân bị thua. Vua thấy Đức Tu khỏe mạnh, giỏi giang, cho đổi sung quân thứ đô đốc. Trận đánh ở Trà Cổ, giặc đông không chống nổi, bị chết tại trận, được truy thụ, cấp tuất và liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

Phan Bân

Người Hải Lăng, Quảng Trị, có sức mạnh. Đầu quân Thiệu Trị năm thứ 2 (1842), qua làm đội trưởng suất đội thăng lên Lạng dũng cơ quản cơ. Tự Đức năm thứ 15 (1862) cất lên phó lãnh binh quan Hưng Hóa. Năm thứ 21 (1868), bổ chưởng vệ sung Hải An hải phận đề đốc. Gặp khi bọn phỉ người Thanh Ngô Côn cướp bóc Cao Bằng, quan quân thua trận, thế giặc hung dữ, vua cho Bân đổi sung đề đốc quân thứ Lạng Bình, cùng với tán tương Mai Quý mang quân đi đánh. Thế rồi Côn lại họp đảng lan tràn quấy nhiễu Thái Nguyên thời lại đổi về Thái Nguyên quân thứ để đề phòng ngăn chặn. Năm thứ 22

Digitized by Google

(1869), cùng với đề đốc Nguyễn Hữu Thân đánh úp đồn phỉ ở Chợ Mới, bị phỉ bắt. Bân không chịu khuất mà tự tử. Quan quân thứ cho dò la được tình hình và tìm được thi hài, đem việc tâu lên, cho truy tặng thống chế, cấp tuất gấp đôi và liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Hồ Thiện

Hồ Thiện người Đăng Xương, Quảng Trị, lúc bé học tập võ nghệ. Khoảng năm Minh Mạng do chân giáo dưỡng, nhiều lần theo đi đánh dẹp có công, được bổ đội trưởng suất đội rồi thăng phó quản cơ. Tự Đức năm thứ 9 (1856) sung Hùng nhị vinh hiệp quản rồi thăng dần lên phó lãnh binh Hà Nội. Lâu rồi lĩnh lãnh binh Quảng Yên. Năm thứ 17 (1864) bổ lên chưởng vệ sung quân thứ đề đốc Hải An, đánh nhau với giặc ở La Khê, không chống nổi bị giặc bắt. Không chịu khuất mà chết, được truy tặng thống chế. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Lê Như Cường

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Năm Minh Mạng đầu quân vào vệ Kỳ vũ, qua làm đội trưởng suất đội, đến hồi đầu niên hiệu Tự Đức thời ra làm hiệp quản Sơn Tây. Lâu rồi chuyển đi lãnh binh Lạng Sơn. Năm thứ 18 (1865) mùa thu, đi tiễu phỉ người nước Thanh, trận đánh ở Đồng Lâm bị chết trận, được truy tặng chưởng vệ. Năm thứ 33 (1880), liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Hữu Trì

Người Thọ Xương, Hà Nội. Lúc trẻ có đọc sách ít nhiều, khi lớn thì học tập võ nghệ. Thường khảng khái nói rằng ngày

Digitized by Google

sau nếu nhờ ơn nước được làm quan chức, tất phải đền được cơm áo. Năm Minh Mạng đi mộ nghĩa dũng, được bổ làm Bắc thiện cơ cửu đội, có nhiều công lao được thăng kiến công đô úy cai đội trì Tài hầu. Rồi đi đóng thú Gia Định, suốt 3 năm mới về theo đi bắt giặc ở phủ Thuận An, Bắc Ninh. Gặp khi thổ khấu rủ nhau tụ họp, do tên Trương Xý cầm đầu, đóng giữ Cấu Sơn đi cướp bóc bốn xung quanh, thế rất lớn. Hữu trì đưa quân đi đánh bắt giặc và bảo quân sĩ hễ ai sợ hãi rút lui là chém. Giặc mang đồng đảng chống cự. Hữu Trì cầm cự với giặc, ngóng phía sau mãi không thấy viện binh đến, mà giặc thời kéo đông lại vây, bèn ra sức đánh, chết tại trận. Người bình luận bảo rằng Hữu Trì lúc bình sinh có hiếu, nay đem một cái chết đền ơn nước thời không có hại cho lòng dũng cảm vậy.

*

Nguyễn Dĩnh

Người Bình Giang, Hải Dương, lúc bé thông minh, lanh lợi, tính hào hùng, khảng khái. Đi du học, chưa từng mở sách học dưới đèn, chỉ nghe người ta đọc mấy lần, liền nhớ không quên nữa. Hồi đầu niên hiệu Minh Mạng, ứng cử về việc văn hàn [1]. Bấy giờ hoàng đệ Kiến An công tính mến kẻ văn học, Dĩnh vì thơ văn được công biết đến. Có một hôm theo công bơi thuyền trên sông Hương, đàn địch đều nổi lên. Công ngẫu hứng đọc rằng:

Phi lưu trực hạ tam thiên xích

Dịch: Dòng trôi thẳng xuống ba ngàn thước

Dĩnh ứng khẩu đọc nối rằng:

Cầm sắt vô đoan ngũ thập huyền.

Dịch: Cầm sắt can gì năm mươi dây.

(1) Tức là văn chương.

Digitized by Google

Công ngợi khen, ban cho chiếc cẩm bào, nói rằng để thưởng về giải cú [1] cẩm sát...

Năm thứ 6 (1824), khoa Ất Dậu, xin về thi đỗ Tường dinh, được cất lên Hàn lâm viện điển bạ rồi qua thông phán Binh tào Bắc thành, chưa bao lâu, đổi về Binh bộ chủ sự.

Năm thứ 14 (1833), ngụy Khôi khởi nghịch ở thành Phiên An, quan quân tiến đánh, Dĩnh xin tòng quân có công được thăng thụ tri phủ Hòa An (thuộc tỉnh Cao Bằng). Phủ này mới đặt, chưa có thành trì, bị thổ phỉ kéo đến vây hãm. Người bàn mưu với Dĩnh rằng: "Giữ không vững được, đánh không thắng được, ở đây núi rừng không xa, nhân lúc đêm tối, có thể thoát ra được." Dĩnh cương quyết nói rằng: "Làm bầy tôi, chỉ kể là có trung hay không, còn mạnh yếu không đáng nói. Miếu Trung nghĩa ở làng cũ thờ tổ xa đời nhà ta, ngươi chẳng nghe nói ư? Đền Tam Trung ở đây thờ danh thần đời nay, ngươi không trông thấy ư? Ta được theo các ngài xuống chơi âm phủ là đủ rồi, há cam lòng làm một thằng sợ chết?" Bèn mở cửa phủ, thân mang gia đinh, lệ thuộc ra sức đánh, giặc nhiều không địch nổi, bị chết về tên thuốc độc. Vợ và 4 người gia đinh cũng đều bị chết. Việc tâu lên, vua rất thương xót, cho tặng viên ngoại lang Binh bộ. Quan tỉnh có câu đối viếng rằng:

Tiết nghĩa truyền gia thừa nhất mạch
Tinh thành thử địa đối tam trung

Dịch: Tiết nghĩa dùng nhà liên một mạch
Tinh thành, chốn ấy sánh tam trung

Dân phủ lập đền để thờ. Đầu niên hiệu Tự Đức (1848) được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

❋

(1) Nghĩa là câu văn hay, câu văn đẹp

Digitized by Google

Trần Tuyên

(Phụ: con là Xuân Hòa, Hoàng Hữu Quang)

Người Hải Lăng, Quảng Trị. Năm đầu Thiệu Trị làm bố chính sứ Vĩnh Long, cho trinh thám được tin lính Long nhuệ thông đồng với giặc, Tuyên liền lưu án sát Nguyễn Đăng Sỹ giữ thành, tự mang hơn 1 nghìn lính đến Lạc Hóa đánh bắt giặc. Giặc họp đông đảng lại chống cự. Tuyên chia quân làm 5 toán, đánh, đốt các thôn lạc của giặc. Đến chiều đem quân về Nô Động, quan quân nối gót nhau đi hàng một. Bỗng trời mưa gió tối sầm lại, quân mai phục của giặc bốn mặt vùng dậy. Quân sĩ hoảng vỡ; bọn vệ úy Lê Kỳ ở Hữu lộ lưỡng lự không tiến. Giặc xông đến đánh giết loạn bậy. Tri huyện Trà Vinh Hoàng Hữu Quang thấy Tuyên bị giặc đánh bức bách, rút gươm xông đến cứu, cùng Tuyên đều bị hại. Việc tâu lên, vua cho Tuyên chết là bởi tổng đốc Bùi Công Nghị đóng lại không đi, làm lỡ việc, quở trách rất nặng. Sau con Tuyên là Xuân Hòa cũng chết về quốc sự.

Xuân Hòa cử nhân năm Tự Đức, được bổ tri phủ sung Định Tường đạo binh bị. Vì đã mộ dõng mai phục giết lính ma tà 6 lần, được thưởng thự thị độc học sĩ. Gặp khi quân Pháp vào Định Tường, (vì) Xuân Hòa cai quản đạo Binh bị, bị Pháp bắt, cắn lưỡi mà chết, được truy tặng Quang lộc tự khanh.

Sau, vua từng bảo quan bộ Lễ rằng: "Cha con Trần Tuyên, tiết nghĩa tiếng thơm, vẻ vang sử sách, rất là hiếm có," rốt đều chuẩn cho liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

+

Phạm Đức Hinh

Tự là Tập Phương, người Đường Hào, Hải Dương. Minh Mạng năm thứ 7 (1826) do cống [1] được bổ Quốc

(1) Cống sinh do địa phương cống cử lên theo kỳ hạn.

Digitized by Google

tử giám sinh, rồi đình khiêu [1] bổ đi tri huyện Thượng Lung, thăng tri phủ Thái Bình rồi đổi về Ứng Hòa. Sau đó, do chân tùng ngũ phẩm theo làm Binh bộ thừa biện. Tự Đức năm thứ 10 (1857) lại bổ tri phủ Thái Bình. Năm thứ 14 (1861) tự nguyện đem lính mộ đi theo Gia Định quân thứ. Gặp khi giặc biển phá vỡ phủ Hải Ninh, có chỉ bổ Đức Hinh đi tri phủ Hải Ninh. Bấy giờ thế giặc hung tợn, đường Quảng Yên bị nghẽn, Đức Hinh mang dõng theo quân thứ Hải An đi đánh bắt giặc.

Năm thứ 15 (1862), giặc giữ phủ Nam Sách, Đức Hinh cùng với đạo quân Hồng lô Nguyễn Văn Vỹ đánh lấy lại. Ngày hôm sau giặc lại đến vây. Hinh cố giữ hơn một tháng, viện binh không đến, bèn xông vòng vây mà ra, binh vỡ, bị giặc bắt. Hinh mắng giặc mà chịu chết, khi ấy 54 tuổi. Truy tặng Hàn lâm viện thị độc học sĩ. Năm Tự Đức thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Đăng Sỹ

Hiệu là Điềm Trai, người Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Tổ tiên hiển quí trong triều Lê. Tổ 5 đời là Dụ, sau được phong tước Gia quận công.

Đăng Sỹ đỗ hương tiến. Minh Mạng năm thứ 9 (1828), bắt đầu bổ tri huyện Thạch Thất, thăng bổ tri phủ Xuân Trường rồi thăng mãi lên giám sát ngự sử qua làm án sát sứ 3 tỉnh Nghệ An, Hải Dương, Thái Nguyên. Tự Đức năm thứ 12 (1859) cất lên Thái bộc tự khanh lĩnh Thái Nguyên bố chính sứ. Gặp khi bọn giặc Vũ Minh lại xâm phạm, Sỹ chia quân ra đón đánh, thắng luôn. Ít lâu giặc cùng với bọn cổ phỉ họp quân đến hơn vạn tên, do Tùng Hóa tiến đến Đại Từ. Lãnh binh Vũ Thành án ngữ ở núi Cầu Vân (Cù Vân)

(1) Đình thần lựa chọn người bổ đi làm việc.

Digitized by Google

gặp giặc, bị thua. Giặc bèn thừa thế đến vây tỉnh thành. Bấy giờ trong thành chỉ có hơn 400 lính Đặng Sỹ đem điều nghĩa kích lệ lại, sĩ, mọi người đều tuân lệnh, đã từng ban đêm đem quân ra chém giết ở doanh giặc. Thế suy nhược, giặc lại đem địa lôi bắn phá góc bên hữu thành. Đặng Sỹ đem quân ra sức chống cự và đắp lại được, giặc không dám áp đến. Giữ bền được hơn 2 tháng, đường nghẽn, viện tuyệt, thành bị vỡ. Đặng Sỹ đến kho thuốc súng toan tự đốt mình, trong khi hoảng hốt chưa biết tìm đâu được lửa thì bị giặc bắt. Giặc dụ dỗ, không chịu khuất, giặc thi hành đủ ngón ác: Trước hết chúng đốt 5 ngón tay Sỹ, Sỹ hết lời chửi mắng; giặc đánh gãy răng, vẫn chửi không ngơi miệng; giặc bèn giết đi.

Trước đó Đặng Sỹ bị cái án gièm pha lẫn nhau, bộ Lại nghị xin tước chức. Đến nay việc tâu lên, cho truy phục Hàn lâm viện thị độc, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Trần Đức Tráng

Tên là Viên, người Phú Vang, Thừa Thiên. Đầu quân Minh Mạng năm thứ 9 (1828). Am tường võ nghệ, sát hạch luôn được trung hạng, qua thăng làm phó quản cơ Ninh Bình. Tự Đức năm thứ 14 (1861) sung lãnh binh Hưng Hóa đi thượng du đánh phỉ, luôn có công được thưởng quân công kỷ lục và ngân tiền. Năm thứ 18 (1865) Man Mèo lan tràn quấy nhiễu 2 châu Trấn Yên, Thủy Vỹ. Tráng đem quân đi đánh, vào sâu đường rừng, gặp phỉ, ra sức đánh, không địch nổi bị giặc hại, được truy tặng chưởng vệ, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Khoa Dực

Là con hiệp biện đại học sĩ Khoa Minh, cháu tham chỉnh Khoa Thuyên. Là người khảng khái có trí lược. Minh Mạng

Digitized by Google

năm thứ 12 (1831), vì tập ấm được bổ quan. Hồi đầu niên hiệu Thiệu Trị, thăng mãi lên án sát Hưng Hóa. Tự Đức năm đầu (1848), chuyển đi hộ lý bố chính tuần phủ Quảng Yên. Gặp khi phỉ người Thanh quấy nhiễu áp về phía tỉnh thành, Khoa Dực ra thành đốc chiến bắt sống được bọn Trần Viễn 164 người, tâu xin giải giao cho nước Thanh. Sau đó tổng trấn Quỳnh Châu ủy người mang binh thuyền đến sông Bạch Đằng đưa công văn nhận (tù binh). Sau lại ủy thư phủ Hoàng Bân mang chè, quạt, hoa quả sang làm quà và bạc tặng để thưởng cho bộ biền. Khoa Dực từ chối nói rằng: "Chuyến này bộ biền bên tỉnh tôi đã được hoàng thượng chúng tôi hậu thưởng rồi, món quà quí báu này xin hoàn lại, không dám nhận." Việc tâu lên vua khen là xử trí phải thể; lại cho rằng Khoa Dực chịu trách nhiệm một địa phương quan trọng mà vỗ về, phòng ngự phải đường, cho cất lên thự tuần phủ và gia một cấp quán công.

Mùa xuân năm thứ 7 (1854), bọn phỉ trốn lại quấy nhiễu. Khoa Dực tâu xin đặt thêm 3 bảo [1] An Lương, Bình Liêu, Kiên Bản, đóng giữ, tiểu thám để tiệt lối đến của phỉ. Vua theo lời xin.

Bấy giờ ở châu Vĩnh An có tên phỉ trốn Hoàng Cơ Long rất là giảo hoạt. Khoa Dực xin chi tiền cho thuê người bắt, Dực bị phạt xuống chức theo bộ hiệu lực chuộc tội.

Năm thứ 11 (1858) khởi phục [2] làm chủ sự rồi chuyển lên viên ngoại lang, lại thự án sát sứ Quảng Yên. Gặp bấy giờ phỉ người Thanh quấy nhiễu Hải Ninh phủ, Khoa Dực thân đi trước đốc chiến, bị chết trận, được truy thụ án sát. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

(1) Đồn có thành xung quanh.
(2) Dùng lại.

Digitized by Google

Dương Văn Phong

Người Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh. Minh Mạng năm thứ 14 (1833) vào làm Hiệu thuận cơ cai đội. Bấy giờ nghịch Vân nổi dậy, lưu đến Cao Bằng, Lạng Sơn. Tuần phủ Hoàng Văn Quyền mang quân đánh bắt. Phong đi theo, quân ta bất lợi, Văn Quyền cùng Phong đều bị giặc bắt. Giặc sai Phong gọi quan quân ở các đồn, phủ ra hàng, miễn cho tội chết. Phong hô rằng: "Viện binh sắp tới, nên giữ vững." Giặc giận đánh đau, Phong không chịu khuất. Lại dụ hàng, Phong mắng không ngơi miệng. Giặc cả giận, cắt lưỡi ném xuống sông. Tự Đức năm thứ 10 (1857) Binh bộ xét hỏi được sự thực, đem việc tâu lên. Vua khen là tiết liệt, truy tặng quản cơ. Năm 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

Nguyễn Văn Điểm

Người Bồng Sơn, Bình Định. Khoảng Minh Mạng đầu quân vào Tiền phong Hữu vệ. Năm thứ 15 (1834) đi theo quân thứ Gia Định. Bấy giờ ngụy Chẩm họp đảng giữ thành Phiên An. Quân ta quây đánh mãi không hạ được. Giặc nhè ban đêm xông ra đánh quân ta, Điểm bị bắt. Chẩm dụ Điểm rằng vào thành thì nói dối rằng: "Quan quân ở ngoài thành có số ít, giặc Xiêm đã đến, ở Bắc Kỳ thì giặc trộm nổi lên lại ở trong thành ai ra thú là giết cả", để lừa dối mọi người. Điểm giả cách nhận lời. Khi gặp giặc hỏi, Điểm đều nói phản lại và bảo rằng: "Thân đã bị bắt, há có tiếc gì một cái chết, cho nên đem sự thực mà bảo mọi người trong thành, khiến đều sớm tìm lấy đường sống. Thà rằng trái ý giặc mà chết, còn có thể làm thần há chẳng hơn là theo giặc chết mà làm ma quỉ ư?" Chẩm cả giận, đem giết rồi mổ gan, ăn thịt. Quân thứ dò xét được sự thực, đem việc tâu lên, vua ban khen và dụ Nội các rằng: "Văn Điểm là một tên lính quèn mà biết tỏ nghĩa lớn, trung phẫn kịch liệt, chí tiết so với người xưa cũng chẳng

Digitized by Google

kém mấy." Cho truy tặng làm cai đội chánh ngũ phẩm và chiếu phẩm cấp tuất. Lại khi dựng miếu chiến sĩ trận vong sửa tế thời Điểm cũng được dự. Con Điểm là Văn Hoan còn nhỏ, mỗi tháng cấp cho 1 quan tiền, 1 phương gạo; khi lớn thời lục dụng. Hồi đầu niên hiệu Tự Đức, Điểm được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Digitized by Google

QUYỂN 41

TRUYỆN TRUNG NGHĨA - MỤC II

- Bùi Quang Chu (Phụ: con là Quang Khoáng, Bùi Văn Nhật, Hoàng Văn Cổn)
- Trần Quang Hà
- Phạm Chân
- Hoàng Ngọc Chung
- Vũ Tảo (con là Thọ)
- Nguyễn Viết Thành
- Lê Tuân
- Nguyễn Văn Thuận
- Hoàng Tạo
- Trần Văn Mỹ
- Lê Huy Diệu (Trạc) (anh là Độ)
- Trần Hòa
- Bùi Thắng
- Vũ Hổ
- Hoàng Đình Nho
- Ngô Trực Nghĩa
- Đặng Hữu Khuê
- Trần Văn Uy
- Đặng Đình Khải
- Nguyễn Huy Tân
- Hoàng Văn Giảng (Phụ: Lê Thanh Bạch, Thanh Phái)
- Ngô Xuân Mỹ
- Nguyễn Dy
- Lê Đình Thức
- Phan Văn Đạt (Phụ: Lê Cao Dũng)
- Mai Thạc
- Nguyễn Tiến Thảng (Phụ: Nguyễn Hữu Quân)
- Đặng Văn Tại (Phụ: Trần Văn Xuân)
- Nguyễn Hữu Huân
- Nguyễn Hữu Điển (Phụ: Trần Mân)
- Nguyễn Thừa Duyệt
- Nguyễn Quang Tuyên
- Nguyễn Trung
- Hoàng Văn Trữ
- Nguyễn Tích (Phụ: Nguyễn Xuân Hào)
- Nguyễn Cao
- Nguyễn Huy Trác
- Trần Đôn

Digitized by Google

Bùi Quang Chu

(Phụ: con là Quang Khoáng, Bùi Văn Nhật, Hoàng Văn Cổn)

Tên là Thuân, người Hải Lăng, Quảng Trị. Minh Mạng năm thứ 16 (1835), bổ Nghệ An Tráng vũ vệ suất đội. Hồi đầu Thiệu Trị, lĩnh thành thủ úy Quảng Bình. Tự Đức năm thứ 10 (1857), triệu về bổ kỳ vũ phó vệ úy. Qua bổ phó lãnh binh quan Thái Nguyên rồi thăng bổ lãnh binh quan Nam Định. Năm thứ 15 (1862), tiễu phỉ ở đồn Cổ Pháp Hải Dương, giặc đồn lại chặn ép, Quang Chu cố sức đánh mà bị chết.

Con là *Quang Khoáng*, chân vũ sinh suất đội Nam Định đi Cao Bằng bắt giặc, được tin Quang Chu chết, xin về theo đi bắt giặc để rửa thù cha, lại bị giặc giết nốt, được tặng Cẩm binh cai đội. Quang Chu được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Sau đó, người cùng huyện là Bùi Văn Nhật, Hoàng Văn Cổn đều được tin đều đã chết về việc nước.

Văn Nhật, vì có võ nghệ được bổ Trung vũ vệ suất đội Nghệ An. Tự Đức năm thứ 15 (1862) lệ thuộc quân thứ Hải An, đi tiễu phỉ ở phủ Bình Giang, bị chết trận, tặng tinh binh cai đội.

Văn Tuyển, trước tuyển làm lính Cẩm y, bổ đội trưởng qua theo đi bắt giặc có công, được cất lên Tiền phòng vệ quyền hiệp quản. Tự Đức năm thứ 23 (1870), theo quân thứ Ninh Thái đánh phỉ ở châu Bạch Thông bị chết, tặng quản cơ và cũng liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

✣

Trần Quang Hà

Người Chương Ngãi, Quảng Ngãi. Đầu quân Minh Mạng năm thứ 15 (1860) qua thăng quản cơ rồi theo quân thứ Gia Định, An Giang, dự có chiến công, được bổ phó quản cơ sung

Digitized by Google

Sơn Tây quân thứ đốc binh. Năm thứ 21 (1868), sung phó lãnh binh quan Sơn Tây.

Bấy giờ cổ phỉ Chu Tường Lân quấy nhiễu, Quang Hà mang binh dõng đi đánh bị thua và bị thương. Sau đó đánh lui được bọn phỉ ở huyện Yên Lãng. Năm thứ 21 (1868), trận đánh ở Nghĩa An, đề đốc quân thứ Tuyên Quang Phan Văn Sỹ thừa thắng đuổi theo phỉ, bị phỉ xông ra vây lại. Quang Hà đến cứu, bị phỉ bắn chết. Việc tâu lên, cho truy tặng Chưởng vệ. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

+

Phạm Chân

Người Bình Chính, Quảng Bình. Đỗ tiến sĩ Minh Mạng năm thứ 19 (1838), bổ nội các thừa chỉ. Hồi đầu Thiệu Trị, do chân tri phủ thăng lang trung. Tự Đức năm đầu bổ án sát sứ Lạng Sơn. Gặp khi thổ phỉ rủ nhau tụ họp kéo đến bốn mặt vây thành. Chân cùng đồng sự khuyến khích binh, dõng ra sức chống giữ hơn một tuần, thành được toàn vẹn. Sau được đổi lĩnh án sát sứ Thanh Hóa, can việc phải miễn chức. Rồi được khai phục làm tư vụ theo việc từ chương ở quân thứ Gia Định thời bị chết trận. Được truy tặng chủ sự, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

+

Hoàng Ngọc Chung

Người Phong Điền, Thừa Thiên. Lúc bé đọc sách, tương đối am hiểu võ nghệ. Khi Dực tôn Anh hoàng đế (1) chưa lên ngôi, Chung vào làm thơ lại trong phủ, rồi qua thăng Binh bộ Bưu chính ty ty vụ. Tự Đức năm đầu (1848), chuyển vào Cẩn tín ty, cải bổ tam đẳng thị vệ rồi thăng mãi lên Trung quân Nhất vệ vệ úy sung hiệp lĩnh thị vệ trực ban. Năm thứ

(1) Tự Đức.

Digitized by Google

12 (1859), Gia Định có cáo cấp, vua thấy Ngọc Chung, cựu thần nơi tiềm để [1] là người trung thành cẩn thận, sai sung tán tương quân vụ. Tháng 3 năm ấy quân Đại Pháp phá vỡ Phú thọ hữu đồn. Ngọc Chung cự chiến bị chết. Việc tâu lên, vua rất thương nhớ, cho tặng thống chế, gia cấp 80 lạng bạc cùng gấm lụa. Sau liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Vũ Tảo *(con là Thọ)*

Người Hương Thủy, Thừa Thiên. Lúc bé đọc sách, lớn lên đầu quân. Vì có quân công, thăng mãi đến lãnh binh quan tỉnh Hương Yên. Tự Đức năm thứ 15 (1862), giặc biển là tên Ước, tên Độ từ Hải Dương ào đến hai huyện Phù Cừ, An Thi quấy nhiễu. Tảo đánh 7 trận, thắng liên tiếp, phỉ sợ trốn chạy, được cất lên phó đề đốc Sơn Tây. Gặp khi thổ phỉ phạm phủ Đoan Hùng, Tảo cùng đề đốc Phạm Hữu Xuân đánh lui, tiến lên lấy lại phủ thành, rồi đi cứu Tuyên Quang. Bấy giờ thành Tuyên đã bị vỡ, phỉ chia nhau đi quấy nhiễu. Bọn Tảo tiến quân, luôn gặp đồn phỉ, đốt giết hầu hết. Phỉ cả sợ, tan vỡ. Khi tới tỉnh thành, không nhọc một phát tên mà phỉ ở trong thành đều tự trốn chạy. Quan quân vào thành, thời kho tàng, tiền thóc, muối gạo, súng ống cũng không tổn hại lắm. Ông chiêu dụ Man mục, Man, Thổ, đốt phá sào huyệt phỉ, đóng củi giải phỉ Uẩn đem nộp, bèn lấy lại các châu Chiêm Hóa, Vụ thủy, Vĩnh Tuy, Tương An. Sau đó, phỉ trốn là bọn tên Tuần Ba (không rõ họ) đánh úp đạo quân hiệp quản Nguyễn Phu, Tảo cũng bắt được nốt. Quân thứ Tuyên Quang đã dẹp xong, đổi bổ về quân thứ Hải An. Mùa xuân năm thứ 17 (1864), trận đánh ở Nãi Sơn, bị phỉ bắt được. Phỉ dụ hàng, Tảo không chịu khuất mà tự sát. Truy tặng thống chế và gia cấp tiền tuất.

(1) Nơi hoàng thái tử ở khi chưa lên ngôi vua.

Digitized by Google

Tảo ở lâu nơi hàng trận, vốn thông thạo lược, vua rất lấy làm tiếc. Từng dụ sai các dinh, vệ, quả có ai dũng cảm và có phương chước như Vũ Tảo thời đem sự trạng tâu lên, sẽ khen thưởng cất nhắc vượt bực. Tảo được vua phân liệt, yêu mến là như vậy đó. Năm thứ 33 (1880) được liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Con Tảo là *Thọ*, hiếu mà dũng cảm, thương cha chết về phi mạng, thề giết giặc phục thù, mộ dõng đi theo quân thứ, được cất lên chức phó quản cơ. Năm thứ 18 (1865), cổ phỉ bên đất nhà Thanh lan sang quấy nhiễu Thái Nguyên, Thọ ra sức đánh, bị chết trận, được tặng quản cơ.

*

Nguyễn Viết Thành

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Đầu quân năm đầu Thiệu Trị (1841), được bổ đội trưởng. Tự Đức năm thứ 8 (1855)sát hạch đấu côn dự bình hạng, được thưởng chánh đội trưởng suất đội. Năm thứ 13 (1860), sát hạch súng điểu thương, lại dự ưu hạng, được thăng thưởng quản vệ. Năm thứ 16 (1863), theo quân thứ Lạng Bình rồi đổi thự lãnh binh quan Hải Dương. Năm thứ 21 (1868), sung phó đề đốc quân thứ Lạng Bình. Tháng 7 năm ấy, trận đánh ở đồn Túc Sơn, quân ta thua, tham tán Nguyễn Lệ bị chết; Viết Thành cũng bị giết. Việc tâu lên, cho truy thụ chưởng vệ, ấm thụ một người con tòng thất phẩm thiên hộ.

*

Lê Tuấn

Người Vĩnh Xương, Quảng Trị, tùng tráng, giỏi giang và có sức khỏe. Đầu quân năm đầu Thiệu Trị (1841), đến năm Tự Đức thứ 9 (1856) được bổ cai đội. Lâu rồi ra sung thành thủ úy tỉnh Thái Nguyên. Năm thứ 19 (1866) lĩnh phó lãnh binh quan cùng với bang biện Nguyễn Văn Vỹ mang binh,

Digitized by Google

voi đi phá sào huyệt phỉ ở núi Mã Hiến châu Bạch Thông, bắt sống được phỉ người Nùng, người Hán nhà Thanh. Năm thứ 17 (1864) thăng phó vệ úy sung lãnh binh. Sau đó phỉ lại phá vỡ châu Bạch Thông, Tuấn cùng tri châu Chu Xuân Lực chống không nổi bỏ đồn chạy, bị cách chức lưu dụng. Năm thứ 21 (1868), trận đánh ở chợ Mới bị chết trận, được truy thụ chưởng vệ. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

+

Nguyễn Văn Thuận

Tự là Sinh Sắc, trước tên là Chu, người Duy Xuyên, Quảng Nam. Tính lanh lợi, chính trực có sức khỏe dũng cảm, mưu lược. Đầu quân năm đầu Thiệu Trị (1841), qua đội trưởng chuyển lên suất đội. Khoảng năm Tự Đức, theo đi bắt giặc ở Sơn Bắc, có chiến công được thăng Cấm binh cai đội sung Quảng Nam Hữu cơ hiệp quản rồi bổ quản cơ. Lâu rồi cất lên phó lãnh binh quan Quảng Trị. Lại vì trước bắt giặc ở Sơn Bắc xuất sắc, được thăng lãnh binh quân thứ Lạng Thái, luôn đánh với phỉ liên tiếp thắng lợi. Năm thứ 21 (1868) đánh giải được vòng vây Bắc Ninh, được bạt bổ phó đề đốc, đổi đi sung Hải phòng quân thứ đuổi bắt giặc biển. Xong việc lại trở về Tuyên Quang quân thứ. Năm thứ 25 (1872), trận đánh ở An Thịnh, bị tử trận, khi ấy 56 tuổi, được truy tặng chưởng vệ. Có 2 người con: Văn Phong được ấm thụ thất phẩm đội trưởng; Văn Giải, Quảng Nam đội trưởng.

+

Hoàng Tạo

Tự là Thường Phu, trước tên là Tuấn Thăng. Người Vĩnh Lộc, Thanh Hóa. Cử nhân Thiệu Trị năm thứ 2 (1842). Đầu niên hiệu Tự Đức (1848), theo làm hành tẩu bộ Lại, qua bổ tri huyện Nghi Xuân, sung Đề chính chủ sự chờ thăng bổ tri

Digitized by Google

phủ Đức Thọ. Vào làm giám sát ngự sử, chuyển sang nội vụ phủ lang trung rồi ra làm bang biện quân vụ quân thứ tỉnh Thái. Năm thứ 13 (1870) lĩnh án sát sứ Cao Bằng. Bấy giờ cổ phỉ quấy nhiễu biên giới, Cao Bằng bị tàng phá đã lâu ngày. Gặp khi giặc từ Hạ Đống đến, bố chính sứ có việc đi vắng, một mình Tạo ở thành, lính thú không đầy 100. Tạo ra sức trù bị phòng ngự. Không bao lâu, hàng giặc là Nguyễn Tứ, Trương Thập Nhị nhằm ban đêm phản công, Tạo bị bắt, liền rút con dao con ra đâm cổ, sắp sửa chết, giặc giữ lại. Tạo nhịn ăn mà chết.

Tạo, bẩm tính cương trực, khi mới nghe tin Cao Bằng có giặc, thức giả đều đoán rằng thế nào Tạo cũng chết, sau quả nhiên như vậy. Tạo được truy thụ Hàn lâm viện học sĩ. Năm thứ 32 (1879) liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con thứ hai là Mậu, đỗ hương giải.

*

Trần Văn Mỹ

Người Đông Sơn, Thanh Hóa. Đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 3 (1850). Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848) bổ tri huyện Diên Hà, đủ trật, đi lĩnh tri phủ Diễn Châu. Năm thứ 18 (1865) sung tán tương quân thứ tỉnh Bắc rồi thăng án sát sứ Thái Nguyên. Lâu rồi bổ Hồng lô tự khanh lĩnh bố chính sứ. Năm thứ 23 (1870) sung Tuyên Thái Lạng khâm phái tuần biên. Gặp khi thủ (lĩnh) giặc là Đặng Chí Hùng cướp bóc ở Thái Nguyên, có chỉ hội tiễu. Đại quân đóng ở chợ Mới. Quyền bố chính Vũ Phạm Khải vì đi đốc lương, đóng ở đồn châu Bạch Thông. Văn Mỹ đem quân tuần biên đến Nà Cù, thấy đồn nào cô độc kém yếu, triệt bỏ đi rồi chuyển đến đóng ở đồn phủ Thông Hóa. Giặc đã phá đồn châu Bạch Thông, đến đánh Thông Hóa. Văn Mỹ hết sức chống giữ, nhưng viện binh mãi không đến, lương hết, bèn xông vòng vây ra, bị giặc bắt được, Mỹ làm bài "Nạn trung

Digitized by Google

thuật hành thứ sự trạng thi"[1] hơn 500 lời nói, rồi không chịu khuất rồi chết. Năm 33 (1880), liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Lê Huy Trạc *(Anh là Độ)*

Người Ngọc Sơn, Thanh Hóa. Đỗ hương tiến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843). Bắt đầu bổ Hàn lâm kiểm thảo biên chép văn qui đời Thiệu Trị. Tự Đức năm thứ 7 (1854) bổ tri phủ Cẩm Giàng. Bấy giờ giặc cỏ đương đánh phá chiếm cứ phủ thành. Huy Trạc được lệnh bổ, cương quyết mang hơn 10 người thân thuộc tùy tòng, từ giã mẹ ra đi nhậm chức. Anh là Huy Độ vốn người hữu ái, thấy thế nguy, đi theo với em. Khi đến nơi, theo đạo quân tỉnh Bắc đến lấy lại được phủ thành. Mới được hơn 1 tháng, giặc lại áp đến quây đánh. Huy Trạc mang hết lực lượng chống giữ. Thế rồi sức kiệt, thành vỡ. Huy Trạc cùng anh đều bị bắt, mắng giặc không chịu khuất, giặc đều giết cả. Việc tâu lên, cho truy tặng Hàn lâm thị độc, liệt thờ vào Trung nghĩa từ và ấm thụ cho một người con làm chánh cửu phẩm văn giai. Lại thụ hàm chánh cửu phẩm cho Huy Độ và sai quan hữu từ cấp nuôi cho người mẹ, đôi lúc thăm nom. Con Huy Trạc là Tập, sau đỗ thi hương.

*

Trần Hòa

Người Vĩnh Bình, Gia Định. Đỗ hương tiến hồi đầu Thiệu Trị. Thăng mãi đến Hàn lâm thị giảng sung bình bộ đạo An Giang. Tự Đức năm thứ 14 (1861) Man mục là ốc nha[2] Long[3] kéo đến quấy nhiễu bảo An Tập, Hòa mang quân đánh,

(1) Chữ Hán là "Nạn trung thuật hành di sự trang thi" (Bài thơ về sự trạng đi quân thứ thuật lại trong khi mắc nạn).

(2) (3) Ốc nha là chức quan; Long là tên người.

Digitized by Google

bị giặc giết chết. Vua cho rằng Hòa tuy khinh chiến bị bại, nhưng mà một quan văn mà trung dũng chết vì việc nước thời nghĩa khái đáng khen, cho truy tặng thị độc học sĩ và cấp tuất gấp đôi. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Bùi Thắng

Người Hương Trà, Thừa Thiên. Cha là Văn Thị, làm cai đội. Hồi đầu Thiệu Trị, Thắng đầu quân vào giáo dưỡng tam đội. Tự Đức năm đầu (1848) thăng dần lên chánh đội trưởng. Lâu rồi bổ Cấm binh cai đội sung Quảng Ngãi sơn phòng Tĩnh man cơ hiệp quản, sau ra làm Nghệ An trung vệ quản cơ. Năm thứ 20 (1857), ở Sơn Tây có cáo cấp biên giới, được phái đi bắt giặc có công, cất lên phó lãnh binh quan cùng với đề đốc Nguyễn Điền đánh phá ở đồn Man Hạ, bị chết, được truy tặng chưởng vệ, liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Hữu Huân, suất đội ở Sơn phòng Nghĩa Định.

*

Vũ Hổ

Người Phong Điền, Thừa Thiên. Lúc bé học tập võ nghệ. Hồi đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) đầu quân vào Tiền phong tam đội, sát hạch, liên tiếp được ưu, bổ Cấm binh đội trưởng, theo Nam Kỳ bắt giặc có công. Tự Đức năm thứ 11 (1858) thăng Thanh Hóa túc vũ vệ quản vệ. Năm thứ 18 (1865), đóng giữ các đồn Thù Sơn, Bạng Giáp. Giặc biển đánh thuyền vào quấy nhiễu cướp bóc, Hổ đánh nhau với giặc, bị giặc giết chết, được truy tặng Cấm binh phó vệ úy. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Hữu Trí làm kinh binh vệ úy.

*

Digitized by Google

Hoàng Đình Nho

Người Phong Điền, Thừa Thiên. Lúc bé học tập võ nghệ rồi đầu quân vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845). Tự Đức năm thứ 8 (1855) trúng võ cử, sung bổ vào Kim ngô hành tẩu rồi thăng cai đội. Năm thứ 19 (1866), phỉ trốn ở Bắc kỳ lén lút vào những khu vực canh phòng thuộc hải phận [1], Đình Nho đi tuần tiễu nã bắt đắc lực, được thăng Tiền cơ quản cơ Quảng Nam. Năm thứ 25 (1872) đóng giữ Điện Hải đồn, quân Đại Pháp vào cửa đồn, Nho ra sức ngăn chống. Chưa bao lâu, được cất lên lãnh binh quan Bình Định, đi đánh sách Man. Xong việc, thăng lĩnh hải phòng đề đốc. Năm thứ 36 (1883) mang quân phòng chận giặc biển, giặc lên bãi biển đánh nhau với Nho rồi Nho bị chết trận. Vua cho là đình Nho chết về việc công, thụ chức đề đốc rồi gia tặng thống chế.

+

Ngô Trực Nghĩa

Người Đông Thành, Nghệ An. Cha là Trực Tâm, do chân tú tài sung cử, sát hạch rồi bổ làm quan. Từng làm đông tri phủ Kiến Xương, nhân việc công sai lầm, về quê dạy học, học trò rất đông, và nhiều người thành tựu. Sau lại đi thi, luôn bị quan trường đánh hỏng, học đến bạc đầu không toại chí, phái nhà nho đương thời lấy làm tiếc.

Trực Nghĩa, lúc nhỏ thông minh, cũng có văn tài. Đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 6 (1846). Bắt đầu bổ huấn đạo Kim Thành rồi qua tri huyện Văn Chấn, có tiếng tốt, sau có đại tang phải dời chức. Năm thứ 13 (1860) đổi đi tri huyện Yên Hưng được phái sang Hải An quân thứ bổ vụ, đánh nhau với giặc bị chết trận, được truy tặng Hàn lâm viện thị độc. Năm thứ 32 (1889) liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Phú, ấm thụ chánh cửu phẩm văn giai.

---

(1) Chữ Hán là "Dương phận chư tấn".

Digitized by Google

Đặng Hữu Khuê

Người Phú Vang, Thừa Thiên. Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) vào làm thủ lại ở phủ Trấn Tĩnh quận công rồi xin đi mộ dõng theo quân thứ. Tự Đức năm thứ 14 (1861) thăng mãi đến phó quản cơ sung Thái (nguyên quân) thú đốc binh, luôn lập chiến công, được thăng phó lãnh binh quan Lạng Sơn. Bấy giờ phỉ người Thanh lan tràn quấy nhiễu. Hữu Khuê đóng giữ đồn Quang Lang, đánh nhau với phỉ bị thua, chết tại trận, được truy thụ lãnh binh quan, gia tặng chưởng vệ và liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Hữu Lai, do chân ấm sinh làm đến chánh đội.

✣

Trần Văn Uy

Người Phong Điền, Thừa Thiên, có sức mạnh, khi bé học tập võ nghệ. Tự Đức năm thứ 6 (1853), đầu mộ vào Tuyển phong vệ, qua thăng cai đội. Năm thứ 14 (1861), vua duyệt đấu côn, dự bình hạng, được bổ Trung tiệp phó quản cơ Nam Định, đi tuần trong tỉnh hạt bắt được thuyền phỉ, được cất lên chức quản cơ lĩnh phó lãnh binh quan Hà Tĩnh. Năm thứ 25 (1872), phỉ người Thanh quấy nhiễu Tuyên Quang, đổi sung Tuyên (Quang quân) thứ. Trận đánh ở An Thịnh, Uy dẫn đầu quân sĩ, ra sức chống đánh rồi chết tại trận, truy tặng chưởng cơ. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Nghiêm, ấm thụ thất phẩm đội trưởng.

✣

Đặng Đình Khải

Người Thạch Hà, Hà Tĩnh, đỗ hương tiến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846). Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848), bổ Hàn lâm kiểm thảo sung việc biên chép sách Đại Nam hội điển. Trải tri huyện 2 huyện Phong Đăng, Thủy Đường, mãn trật, được cất lên tri phủ Minh Giang rồi chuyển về Hộ bộ viên ngoại

Digitized by Google

lang. Sau lĩnh lang trung sung quân thứ Hải An có nhiều chiến công, được thưởng 2 lần quân công kỷ lục. Năm thứ 17 (1863) làm bang biện Hải Dương tỉnh vụ. Mùa đông năm ấy, trận đánh ở Lịch Liệt thất lợi, bị giặc bắt, mắng giặc không chịu khuất mà chết, truy tặng lang trung. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Huy Tân

Người Đông Ngạn, Bắc Ninh. Đỗ hương tiến năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), bổ giáo thụ Hoài Đức, quyền đốc học Hà Nội rồi vào làm giám sát ngự sử. Tự Đức năm thứ 15 (1862) được phái đi Bắc (Ninh quân) thứ đánh dẹp, trận đánh ở Xương Giang bị chết tại trận. Tặng Hàn lâm thị độc, liệt thờ vào Trung nghĩa từ và ấm thụ con làm chánh cửu phẩm văn giai.

*

Hoàng Văn Giảng

(Phụ: Lê Thanh Bạch, Thanh Phái)

Người Hải Lăng, Quảng Trị. Đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) được bổ tri huyện Tiến Lữ. Tự Đức năm thứ 12 (1859) bổ đồng tri lãnh tri huyện Kim Thành, lại đổi đi tri huyện Phù Cừ rồi thự tri phủ Khoái Châu. Sau bổ thị giảng lĩnh Hà Tĩnh quận đạo. Năm thứ 17 (1864) lĩnh án sát sứ Lạng Sơn, tiến đánh cổ phỉ, bị phỉ giết chết, truy thụ án sát sứ. Năm thứ 32 (1879) liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Lại người cùng huyện là *Lê Thanh Bạch* cũng đỗ hương thư năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Bắt đầu bổ huấn đạo Phong Doanh. Tự Đức năm thứ 11 (1858) do chân biên tu bổ đi tri huyện Nam Xang. Năm thứ 14 (1861), cất lên tri phủ Thuận Thành. Gặp khi thổ khấu lan tràn, Thanh Bạch đuổi đánh thắng luôn. Sau đó giặc phá vỡ phủ thành, Thanh Bạch cùng

Digitized by Google

con là *Thanh Phái* đều bị hại. Việc tâu lên, Thanh Bạch được tặng Hàn lâm thị độc; Thanh Phái, tặng điển bạ, đều liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Ngô Xuân Mỹ

Người Liêu Loại, Bắc Ninh. Đỗ hương tiến Thiệu Trị năm thứ 7 (1847), trải làm tri huyện Thủy Đường rồi theo quân thứ Lạng Sơn, sang đốc vận Lang đạo. Tự Đức năm thứ 5 (852) lĩnh tri phủ Tiệu Hóa, vào làm giám sát ngự sử rồi thăng Binh khoa chưởng ấn cấp sự trung. Năm thứ 34 (1881) bổ án sát sứ Quảng Yên, sau đổi đi Quảng Ngãi, thế rồi quyền thự bố chính sứ Quảng Nam thì mắc bệnh về. Hồi đầu niên hiệu Đồng Khánh, hạt Bắc Ninh trộm cướp đầy dẫy, Xuân Mỹ bị giặc bắt. Con là Ý khóc chạy theo xin lấy thân thay cho cha. Giặc đuổi cũng không đi, bèn bị giặc giết cả.

*

Nguyễn Di

Tự là Dục Xuân, người Yên Thành, Nghệ An. Tổ tiên quê ở Nghi Xuân. Tổ 4 đời là Huyền Nhân mới đến Yên Thành, yêu cảnh non nước rồi ở lại đó.

Di, đỗ hương tiến năm đầu Tự Đức (1848) do chân huấn đạo Quảng Điền bổ đi tri huyện Tuy Phong. Về kinh được dẫn đến yết vua, điều trần thời vụ 3 việc, hợp ý vua được thăng bổ tri phủ Trường Định, rồi đổi sung bang biện mọi việc giang vận, hải phòng Hà Tĩnh, sau được cất lên thị giảng lĩnh đốc học Quảng Bình.

Năm thứ 17 (1864), lĩnh án sát sứ Hưng Hóa. Gặp khi người Mèo núi ở các châu Tấn, Quỳnh, Luân, Lai nổi biến, Di đi trù tính việc quân. Đến đâu cũng hiểu dụ về đức ý của triều đình, họ đều đầu hàng đến đó, được gia thưởng kỷ lục quân công và ban 1 tấm "Liêm bình cần cán" tử Kim Khánh.

Digitized by Google

Năm thứ 17 (1866), vùng thượng du lại có việc nổi biến của người Mèo trắng, vì đánh dẹp, vỗ về phải đường, được gia thị độc học sĩ.

Năm thứ 22 (1869) sung Tuyên (Quang quân) thứ tán tương, rồi đổi lĩnh án sát sứ Tuyên Quang, lâu rồi lại về nhận chức cũ ở Hưng Hóa. Gặp khi bọn giặc Hoàng Anh xâm phạm, cướp bóc các châu huyện thuộc Sơn Tây, Hưng Hóa, Di sung tán tương quân vụ hiệp lực đánh lấy lại được huyện Trấn Yên. Lại cùng với đề đốc Nguyễn Hùng mang hơn nghìn quân đuổi giặc đến Đông Lý, mượn thế núi làm bẫy cầm cự với giặc. Sau đó lũ giặc rủ nhau tụ tập vây ép Đông Lý, ròng rã đến mười hôm, tin tức không thông, lương thiếu, viện tuyệt. Di bèn cùng với Hùng nhằm ban đêm mở cửa lũy xông ra đánh. Giặc, 4 mặt giao nhau bắn lại như mưa, Di bèn bị hại. Việc tâu lên, cho truy tặng Hàn lâm viện trực học sĩ, sai cấp hậu lo việc tang, liệt thờ vào Trung nghĩa từ, và ấm thụ 1 người con chánh bát phẩm văn giai. Sau dời việc tập ấm ấy sang cho cháu trưởng là Trừ Tốn được tòng bát phẩm.

Di là người có chí hướng, phẩm hạnh thuần hậu, thực thà, không chuộng kiểu cách. Làm quan thanh liêm, kiệm ước có tiếng tốt. Sách làm ra có "Ứng vật thi văn tập". Trước tên là Hân, sau đổi ra tên hiện nay.

*

Lê Đình Thức

Tự là Thuận Phủ, người Thanh Chương, Nghệ An. Trúng Ất khoa kỳ thi Hội năm đầu Tự Đức (1848) được bổ Hàn lâm kiểm thảo rồi thăng trước tác lĩnh Hình bộ viên ngoại lang. Sau rồi cất lên chức lang trung. Năm thứ 14 (1861), phái đi Thái Nguyên thanh tra án phỉ, gặp khi Thái Nguyên có giặc, tỉnh thần tâu xin lưu lại tham biện việc quân. Vua cho. Thế rồi giặc vây ép tỉnh thành, Đình Thức đốc quân chống giữ. Thành vỡ, Thức bị chết, truy thụ lang trung, liệt thờ vào

Digitized by Google

Trung nghĩa từ, và ấm thụ 1 người con chánh cửu phẩm văn giai.

*

Phan Văn Đạt *(Phụ: Lê Cao Dung)*

Người Tân Thịnh, Định Tường. Đỗ hương tiến năm đầu Tự Đức (1848). Năm thứ 13 (1860), quân Đại Pháp đánh phá thành Gia Định, Đạt cùng hương thân Lê Cao Dũng hưởng ứng việc nghĩa, mộ dõng khởi sự, bị bắt, đều không chịu khuất mà chết. Quan tỉnh đem tình hình tâu lên. Vụa thương xót, nhân xuống dụ rằng: "Bọn Đạt, một người chỉ mới đỗ đạt, một người (chỉ là) dự hàng hương thân, không ví được với những người có lộc vị. (Thế mà) trước đã bí mật chiêu mộ nghĩa dân hưởng ứng việc nước, lòng nghĩa khái đã là đáng khen; đến khi bị bắt, lại thủ tiết không chịu khuất, hoặc cả tiếng mắng giặc, hoặc ngậm miệng lắc đầu không chịu (uống) thuốc mê. Lòng trung phẩm kích thích, vạc (nước nóng) không từ, khảng khái quên mình, coi chết như về, hạng khí tiết như thế, làm cho kẻ ham sống toát mồ hôi, người trọng nghĩa thêm hăng hái. Những truyện móc lưỡi, giùi rốn tiếng thơm bất hủ đời xưa, nay lại được thấy ở bọn này. Thế là cái chết nặng hơn thái sơn, trẫm nghe tâu lấy làm đau thương, mà khen là hùng tráng. Vậy nên hậu cấp tiền tuất để khuyến khích phong tục. Văn Đạt cho truy thụ hàm tri phủ, cấp tuất 40 lạng bạc; Cao Dũng, truy thụ hàm suất đội, cấp tuất 30 lạng. Chờ khi việc yên, sẽ cho dựng đền thờ ở quê, một năm xuân thu 2 lần tế. Sự trạng thế giao cho sử quán kê cứu kỹ, dựng thành truyện."

Vua lại làm bài thơ cổ phong 72 vần và liệt rõ cả sự trạng rồi cho thông lục đi 6 tỉnh Nam kỳ khiến cho sĩ, dân đều được biết. Sau 2 người đều liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Digitized by Google

Mai Thạc

Mai Thạc tự là Khoan Chi, người Nga Sơn, Thanh Hóa. Cha là Sơn được bổ Trung thủy vệ suất đội.

Thạc, thân thể khỏe mạnh to lớn, mắt tròn mà biếc, hai lông mi dựng đứng. Khi còn trẻ có chí, theo nghiệp cho học tập võ nghệ. Gặp khi tuyển lính đến lượt người anh, Thạc tự xin đi thay. Vì có nhiều công, cũng được bổ Trung thủy vệ suất đội. Thạc tuy ở quân đội, nhưng thực thà, cần hậu như người văn nho. Khoảng giữa đời Tự Đức, có việc công ra biển, bị gió giạt đến Việt Đông [1], quan huyện ở đấy coi trọng (kẻ) người, hậu đãi cho về. Bấy giờ giặc biển hay cướp bóc mặt biển, quan địa phương thấy Thạc quen đường biển, ủy đem thuyền binh đi tiễu, Thạc bèn thừa lúc nước lên to lấy nhiều cát đá chở vào thuyền lớn, sai người ít tuổi mặc giả phụ nữ ngồi ở đầu thuyền mà mai phục chiến sĩ ở trong khoang, rồi đi lại cửa biển để đánh lừa giặc. Giặc quả nhiên theo vào trong kênh, bèn đột nhiên quay thuyền lại đánh, bắt được đồ đảng, tang vật rất nhiều. Giặc rất gờm, gọi Thạc là hổ biển và từng chờ Thạc ra biển thời đánh úp. Nhưng Thạc khéo khiến thuyền lại có phòng bị, nên giặc mỗi khi phạm đến là bị thua.

Năm thứ 30 (1877), Thạc đi giải lương tiến kinh về. Giặc dò biết, họp đồng đảng lớn, bé hơn chục chiếc thuyền để chờ Thạc. Khi Thạc đi đến biển Quảng Bình thời các thuyền đã đi trước. Vì Thạc đốc tải nên đi ở sau. Giặc dàn liền thuyền thành hàng trận chữ nhất chặn đường. Rồi hai bên cầm cự nhau một ngày một đêm, sóng biển gầm gào, thuyền giặc như đàn nhím họp. Thạc thấy việc cấp bách bảo những người trong thuyền rằng: "Giặc chú ý đến tôi đã lâu, nay chúng nhiều, ta ít, đánh không thắng mà trong chỗ sóng nước dữ dội này lại không phải chỗ giữ thế được. Chi bằng tôi chạy sang giặc để

(1) Tức Quảng Đông Trung Quốc.

Digitized by Google

khỏi lụy cho các ông." Bèn nhảy sang thuyền giặc, múa dao chém loạn. Giặc hoảng tránh, rồi xúm giáo lại đâm. Thạc ngửa mặt lên trời hô lớn, giết mấy tên giặc rồi nhảy xuống biển mà chết, năm ấy 54 tuổi. Làng Thạc có làm bài tường thuật để ghi nhớ.

*

Nguyễn Tiến Thảng *(Phụ: Nguyễn Hữu Quân)*

Tự là Thành chi, trước tên là Đăng, người Lễ Dương, Quảng Nam. Lúc bé thông minh. Đỗ ất khoa kỳ thi Hội năm Tự Đức thứ 2 (1849). Mới đầu bổ Hàn lâm viện kiểm thảo rồi bổ đông tri lĩnh huyện Tri Viễn. Làm việc thanh liêm, công bằng được dân tin phục. Sau vì chậm chạp việc kết nghĩ các án cướp, bị giáng bổ xuống chánh bát phẩm lĩnh kiểm thảo sung nội các hành tẩu. Năm thứ 21 (1868) phái đi theo quân thứ Lạng Bình, chưa bao lâu thăng biên tu lĩnh tri huyện Hương Trà. Sau cất lên thị độc học sĩ lĩnh án sát sứ Hà Nội.

Năm thứ 25 (1872) do nguyên hàm sung tán tương quân thứ Sơn Hưng. Vì đồn Đông Lý thất thủ, bị giáng 3 cấp lưu dụng. Rồi lại tiến đánh ở 2 đồn Đan Hà, Đồng Lũng, hăng hái xông đi trước bị chết trận. Việc tâu lên, vua thấy là quan văn mà có nghĩa khí, cho truy tặng thị độc học sĩ. Năm thứ 33 (1880) liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Tiến Gián, ấm thụ chánh cửu phẩm sung việc từ trác nha Sơn phòng Nghĩa Định.

Người cùng tỉnh là *Nguyễn Hữu Quân* tự là Trúc Hiên người huyện Duy Xuyên đỗ cử nhân khoa đinh mão Tự Đức năm thứ 20 (1867), thi Hội được dự phân số. Bắt đầu bổ huấn đạo lĩnh giáo thụ Quảng Trạch. Có đại tang về nghỉ việc, khi mãn tang đổi lĩnh Nam Sách. Năm thứ 25 (1872) làm thay việc phủ.

Bấy giờ hơn 90 chiếc thuyền phỉ và hơn 1.300 đồ đảng

Digitized by Google

phỉ ở Quảng Yên áp đến đánh phủ thành. Quân cùng với người làm việc lãnh binh [1] Hoàng Văn Trữ lên thành chống cự, bị giặc giết chết, được gia tặng thị giảng và cũng liệt thờ vào Trung nghĩa từ. Con là Hữu Đệ được ấm thụ đãi chiếu.

*

Đặng Văn Tại *(Phụ: Trần Văn Xuân)*

Người Quế Sơn, Quảng Nam. Có sức khỏe. Đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841), đầu quân vào Long vũ vệ tứ đội. Tự Đức năm thứ 20 (1867), đỗ võ cử, đến năm thứ 10 bổ chánh đội trưởng suất rồi thăng quản cơ bổ đi phó lãnh quan Bình Định. Lâu rồi đổi về Tiền phong dinh phó vệ úy. Năm thứ 33 (1880) ra làm lãnh binh quan Nghệ An, chưa bao lâu lính đề đốc Hà Nội. Năm thứ 36 (1883) đi Sơn Tây đánh phỉ, trúng đạn bị thương mất bên trái, trở về thự (đề đốc) Hà Nội. Tháng 10 năm ấy đầu mục phỉ là Sô họp đảng lan tràn đến quấy nhiễu Hương Quan, Nghi Cầu (2 xã thuộc phủ Hoài Đức, Văn Tại đốc quân áp chiến, bị phỉ giết chết. Việc tâu lên, cho truy thụ đề đốc, chiếu lệ cấp tiền tuất.

Viên võ cử *Trần Văn Xuân*, không rõ người về hạt nào, cũng bị chết trong trận ấy, được truy tặng Cấm binh đội trưởng.

*

Nguyễn Hữu Huân

Người Kiến Hưng, Định Tường. Đỗ hương giải Tự Đức năm thứ 5 (1852), qua chức giáo thụ thăng lên phó quản đạo. Năm 21 (1868), lục tỉnh hữu sự [2], Hữu Huân chiêu mộ nghĩa binh mưu đồ khôi phục, việc tiết lộ bị quan Pháp bắt đưa đi đày ở hải ngoại. Sau 7 năm được tha về, lại cùng với Âu

(1) Chữ Hán là "tác vi". Người không phải chức lãnh binh mà làm công việc lãnh binh gọi là "tác vi lãnh binh".

(2) Chỉ sự kiện thực dân Pháp xâm lược Nam kỳ.

Digitized by Google

Dương Lân tập hợp 3.000 quân, kháng cự với quân Pháp nhiều lần rồi lại bị bắt. Hữu Huân với hơn 100 người đầu mục đều bị chết.

*

Nguyễn Hữu Điển *(Phụ: Trần Mân)*

Nguyễn Hữu điển hiệu là Quy Trai, người Nam Đàn, Nghệ An. Cha là Bích đỗ cử nhân làm đến Tri huyện Thiên Thi có tiếng tốt.

Hữu Điển lúc trẻ chăm học, thờ mẹ có hiếu. Tự Đức năm thứ 6 (1853) đỗ tiến sĩ bổ Hàn lâm viện biên tu rồi thăng chủ sự. Năm thứ 9 (1856) thự tri phủ Binh Giang, nhận chức 2 năm, dân rất yên vui. Gặp khi thổ phỉ ở Hưng Yên đến cướp bóc trong hạt, Hữu Điển mang quân đi đánh bắt. Có người thấy thế giặc đương mạnh ngăn lại thì Điển nói rằng: "Tôi lạm được coi giữ đất này, dẹp giặc yên dân là phận sự của tôi. Nay giặc hại dân, có thể ngồi nhìn cho giặc thêm đắc chí ư?" Bèn tiến đi, giặc nhiều không địch nổi bị giặc giết. Ông được truy thụ Hàn lâm viện thị độc.

Trần Mân, người ở Quỳnh Lưu, cùng với người em tên là Tâm, Tự Đức năm thứ 20 (1867) đều bị phỉ Xá bắt, cả tiếng chửi mắng không chịu khuất. Giặc đều giết cả.

Quan trấn thủ đem việc tâu lên, vua thấy là dân mọn mà biết trung nghĩa, đều truy tặng cửu phẩm bách hộ và ban biển ngạch "Tiết nghĩa khả gia" [1] để nêu khen.

*

Nguyễn Thừa Duyệt

Người Hải Lăng, Quảng Trị. Quả cảm và thạo võ nghệ. Tự Đức năm thứ 7 (1854) đầu quân vào Giáo dưỡng đội, qua làm đội trưởng suất đội đi theo Hải An quân thứ rồi thăng

(1) Tiết nghĩa đáng khen.

Digitized by Google

cai đội sung hiệp quản. Năm thứ 21 (1868) đi quân thứ Lạng Bình rồi chuyển đi quân thứ Tuyên Quang, về tài cán, công lao tạm đủ được thăng phó lãnh binh Quảng Nam rồi bổ lãnh binh. Năm thứ 30 (1877) sung phó đề đốc quân thứ Thái Nguyên đi đánh phỉ luôn có công. Năm 33 (1880) thăng thụ chưởng vệ vẫn sung phó đề đốc tiến đóng quân ở đồn Bắc Kạn. Cỏ phỉ mang hết quân đến vây, Thừa Duyệt nhè ban đêm công tập, giặc nhiều không địch nổi, bị giặc thừa thế. Duyệt bèn tập trung thuốc súng, lương thực, súng ống, khí giới lại, đốt đồn mà chết. Việc tâu lên, cho cấp bội tiên tuất về gia đình và ấm thụ một người con chánh bát phẩm đội trưởng.

Thừa Duyệt vốn có thao lược, đương lúc thế giặc hung hăng, đồn Bắc Kạn trơ trọi, hẻo lánh; ban đầu dự tính cố giữ để chờ viện binh, kế đó thời mưu đánh úp để phá vỡ vòng vậy. Gặp khi thế lực khó chống đỡ, không nỡ tham sống chịu nhục, lại đem lương thực, khí giới phó cho một ngọn lửa mà không chịu để cho giặc dùng, khí tiết hơn kẻ bị giặc bắt mà chết xa vậy. Con là Thừa Cảnh, có học (nên) lại cho ấm thụ chánh bát phẩm văn giai.

*

Nguyễn Quang Tuyên

Người Phú Vang, Thừa Thiên. Có sức khỏe. Ứng mộ Tự Đức năm thứ 6 (1853), qua chức Tuyển phong đội trưởng thăng mãi lên Cấm binh cai đội sung thành thủ úy Tuyên Quang. Năm thứ 18 (1865) thăng hiệp quản lĩnh Hưng Hóa phó lĩnh binh quan. Bấy giờ Man Mèo nổi biến ở Thủy Vũ, Văn Bàn (tên 2 châu) lãnh binh Trần Đức Tráng đi đánh bị thua. Tuần phủ Nguyễn Huy Dỹ ủy án sát Nguyễn Dy cùng với Quang Tuyên đi dụ đầu mục ra thú. Vua thấy việc chiêu dụ vỗ về đắc lực, không phải đánh mà khuất phục được người, cho thăng quản cơ lĩnh chức như cũ. Năm thứ 23 (1870), phỉ

Digitized by Google

Mèo phạm phủ thành Điện Biên, Quang Tuyên đánh đuổi được, được cất lên lãnh binh quan. Năm thứ 25 (1872) đánh phỉ ở châu Sơn La bị chết tại trận, được truy tặng thống chế, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Nguyễn Trung

Người Phong Điền, Thừa Thiên, dũng cảm, có mưu lược. Tự Đức năm thứ 6 (1853), đầu mộ vào Tuyển phong vệ, vì am hiểu võ nghệ, sát hạch được ưu hạng, được bổ đội trưởng. Theo tỉnh Quảng Ngãi đi bắt giặc, bắn chết 2 tên phỉ Man, được thăng cai đội sung quân thứ Biên Hòa, rồi nhiều lần có chiến công được thăng lên vệ úy. Năm thứ 36 (1883) được thự chưởng cơ, cùng với Hữu quân Lê Sỹ, thống chế Lê Chuẩn đi đóng giữ cửa Thuận An. Khi Hải Thành thất thủ, Trung cùng Sỹ, Chuẩn đều chết (việc chép ở truyện Lê Sỹ), được truy tặng chưởng vệ, liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

*

Hoàng Văn Trử

Người Bạch Hạc, Sơn Tây. Trúng võ cử Tự Đức năm thứ 11 (1858), được bổ Thanh Hóa Cường vũ vệ Nhất đội chánh đội trưởng suất đội, rồi bổ Nghĩa vụ vệ hiệp quản. Kế đó đi quân thứ Sơn Tây, có nhiều chiến công, được quyền phó lãnh binh quan ở ngay quân thứ Năm thứ 24 (1871), theo quân thứ Hải Dương đóng giữ phủ Nam Sách. Sau đánh nhau với giặc bị chết, được truy tặng Minh Nghĩa đô úy phó lãnh binh quan. Con là Chất, bổ Sơn Tây Hữu hùng cơ suất đội; Dật Kế, do chân võ cử cầm quân.

*

Nguyễn Tích *(Phụ: Nguyễn Xuân Hào)*

Tự là Hy Phủ, người Lệ Thủy, Quảng Bình. Tự Đức năm

Digitized by Google

thứ 18 (1865) thi Hội đỗ phó bảng. Do chân Hàn lâm bổ đi đông tri phủ Vĩnh Tường rồi chuyển về Hình bộ Bắc điển ty chủ sự, sau lĩnh lang trung. Gặp khi giặc biển hạt Hải An nổi lên, quan quân đi đánh dẹp thì đình cử Tích là người dũng cảm mưu lược sung bang biện quân vụ. Tích được mệnh, cũng tự mong sẽ lập công nơi cương trường, khi ở quân thường hăng hái đánh giặc. Năm thứ 29 (1876), đánh nhau với giặc, giặc nhiều không địch nổi mà bị chết, được tặng chánh tứ phẩm liệt thờ vào Trung nghĩa từ.

Lại người (Bố) Chính, (Quảng) Bình là *Nguyễn Xuân Hào*, cũng là quan văn chết về (quốc) sự. Xuân Hào, đỗ hương tiến năm Tự Đức thứ 29 (1876). Do chân Tư vụ bổ đi tri huyện Thanh Hà. Đến hồi đầu niên hiệu Đồng Khánh được cất lên tri phủ Bình Giang. Rồi sau bang biện Hải Dương tỉnh vụ, mang quân đi bắt đảng phỉ, bị phỉ giết chết được tặng Hàn lâm viện thị độc.

*

Nguyễn Cao

Người Quế Dương, Bắc Ninh. Cha là Hanh, do chân hương tiến đi tri huyện Thủy Đường. Cao là người khảng khái, chuộng khí tiết, đỗ giải nguyên năm Tự Đức thứ 20 huyện An Dương. Năm thứ 36 (1883), thuyền binh Pháp từ Hải Phòng tiến lên Hải Dương, sai bắt dẫn đường, bèn nhảy xuống sông mà chết. Việc tâu lên, đến đầu niên hiệu Kiến Phúc (1889) được tặng Hàn lâm viện thị giảng. Con là Cơ đỗ cử nhân.

Digitized by Google

QUYỂN 42

HẠNH NGHĨA

- Nguyễn Du; - Phạm Hội; - Trần Doãn Đức;
- Lê Huy Bích (Phụ: con là Như Đính);
- Lê Quý Kiểm;
- Phan Duy Vĩnh;
- Dương Quang;
- Vũ Quang;
- Nguyễn Huy Đức;
- Nguyễn Trác Chi;
- Lê Mậu Chu;
- Tô Thế Mỹ;
- Phạm Hữu Chí;
- Nguyễn Văn Trinh;
- Nguyễn Đạo;
- Đỗ Xuân Cát;
- Nguyễn Trinh Hoằng;
- Nguyễn Duy Thành;
- Nguyễn Mậu Kiến;
- Trịnh Văn Diệm;
- Phạm Văn Thu;
- Hoàng Việt Tể;
- Vũ Huy Đấu;
- Nguyễn Văn Khoa;

*
* *

Nguyễn Du

Người Vĩnh Lại, Hải Dương [1]. Đỗ hương cống đời Lê. Gặp loạn Tây Sơn, ẩn dật dạy học. Hồi đầu niên hiệu Gia Long tiến cử những người ẩn dật, quan hữu tư cử Du để đáp ứng từ chiếu. Triệu đến yết kiến, vua khen là biết điều nghĩa, bổ trợ giáo Kinh Bắc, rồi sau bổ đốc học. Học trò nhiều người thành tựu. Mất năm Minh Mạng thứ 2 (1821) tuổi hơn 70. Có 4 người con là: Vỹ, đỗ hương tiến Gia Long năm thứ 18 (1837), Thịnh, khoa ấy cũng đỗ; Hoàn, Hướng đều đỗ cử nhân Minh Mạng năm thứ 12 (1831) và trước sau đều ra làm quan cả.

(1) Nay là Vĩnh Bảo thuộc thành Hai Phòng.

Digitized by Google

Phạm Hội

Tự là Ấn Thông. Tổ tiên là người Đường An, Hải Phòng sau đến Thọ Xương thuộc Bắc Thành rồi ở đấy.

Hội lúc nhỏ mồ côi, nhà nghèo không nơi nương tựa. Có 2 người chị quyết chí ở nhà thờ mẹ nuôi em, ai dạm hỏi cũng từ chối, ngày ngày kéo sợi để kiếm hai bữa cơm. Hội dần lớn, thờ mẹ càng hết lòng hiếu thảo. Mẹ thích uống nước Hồ Tây, mỗi ngày học xong, Hội lại xách bình đi múc nước về cho mẹ. Sau mẹ mất thời Hội đỗ hương giải. Bấy giờ 2 chị đã cao tuổi, không lấy chồng nữa.

Hồi đầu niên hiệu Minh Mạng (1820) Hội được bổ đi giáo thụ Anh Sơn rồi thì bị ốm về nhà dạy học, thờ chị như thờ mẹ. Phàm việc nhà, việc gì cũng bẩm với chị rồi mới làm, thuận hòa, không có điều gì xích mích. Học trò đều coi đó làm khuôn phép. Sau chị thứ chết, con Hội là Ngạch cũng chịu tang như thế. Người ta khen là một nhà chí hạnh.

*

Trần Doãn Đức

Người La Sơn, Hà Tĩnh. Cha là Thăng, nhà khá giả, ưa làm điều thiện. Thấy làng mình vốn chất phác, ít văn (học), bèn khảng khái bỏ tiền ra dựng văn từ, lại mời thầy về dạy con học để làm gương.

Doãn Đức lúc nhỏ chăm học, đỗ hương tiến Minh Mạng năm thứ 9 (1828), làm đến tri phủ Tĩnh Gia. Đức thường nghĩ đến nỗi chí cha, khắc in nhiều sách thiện phát đi các nơi. Sau vì tuổi già về hưu ở nhà, càng vui lòng làm việc thiện không biết chán. Mất năm 78 tuổi, người làng phụ thờ vào từ làng.

*

Digitized by Google

Lê Huy Bích

Tự là Huyền Chương, người Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Khi trẻ gặp loạn Tây Sơn, đi ẩn náu. Đến Minh Mạng năm thứ 7 (1826) Kính Giang hầu Nguyễn Đức Nhuận cho vào hàng ẩn dật, tiến cử về triều. Có mệnh đến mời, không từ chối được, khi đến triều, lấy cớ ốm đau khẩn thiết xin từ. Sắc ban cho chức Hàn lâm viện đãi chiếu rồi cho về. Từ đó, đóng cửa dạy học, học trò theo nhiều. Có làm ra 1 bộ "Kỷ sự tân biên". Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848) cho người đi tìm mua sách cũ, gia đình này đem dâng lên, được tàng trữ vào thư viện.

Con là *Như Đỉnh*, trước tên là Huyến, lúc trẻ có tiếng tài giỏi. Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đỗ hương tiến, đến khi bị duyệt lại cho là thiếu qui thức, bị truất. Tự Đức năm thứ 5 (1852) lại đỗ giải nguyên [1] làm đến tri huyện. Tính nóng thẳng lại cứng cỏi, luôn trái ngược ý với quan trên, bị đổi giáng chức xuống huấn đạo, bèn cáo quan về dạy học, học trò đến theo nhiều.

Năm thứ 30 (1877) quan trấn thủ lại vì văn học tiến cử, được cất lên lĩnh đốc học Khánh Hòa, sau đổi đi Nghệ An. Qua mấy năm rồi bị bệnh về rồi chết. Con là Như Thâm, đỗ tú tài.

*

Lê Quý Kiểm

Tự là Bá Tu, người Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Nhà rất nghèo, cha mẹ mất sớm, ở với chú. Nhà chú chuyên nghề nông, có đón thầy dạy con học. Quý Kiểm bấy giờ đã 18 tuổi, sáng sớm đi chăn trâu, tối về hỏi nghĩa sách, cứ qua mắt là nhớ. Thầy học lấy làm lạ, khuyên người chú cho theo học, vì vậy chuyên chú đến kinh sử.

Năm 22 tuổi ông đỗ tường sinh. Sau càng ứng cử càng

(1) Đỗ đầu thi hương.

Digitized by Google

đỗ tường sinh rất nổi tiếng hay chữ, ngang với người cùng huyện là Lương Kim Huyến, học trò theo học nhiều. Bấy giờ có câu rằng: "văn Kiểm, phú Huyến" nghĩa là nói về món sở trường của họ vậy.

Tự Đức năm thứ 5 (1852) đỗ hương tiến. Tính thuần cẩn điềm đạm, luôn từ chối không dự tuyển đi làm quan, ở nhà dạy học, học trò đến mấy nghìn người, nhiều người thành đạt, người ta đều tôn là bậc mô phạm.

Năm thứ 13 (1860), quan trấn thủ tiến cử về học hạnh, có chỉ bổ đi huấn đạo Nam Xang rồi thì mất. Con là: Quý Quýnh, đỗ tú tài; Quý Vỹ đỗ cử nhân.

*

Nguyễn Đạo

Tự là Suất Tính, người Lễ Dương, Quảng Nam. Lúc nhỏ mồ côi chăm học, đầu niên hiệu Minh Mạng (1820), 2 lần đỗ Tường sinh. Năm 40 tuổi, hạch theo lệ, được bổ giáo chức, vì có mẹ già xin từ chối ở nhà phụng dưỡng. Ở nhà, lấy việc cày ruộng, đọc sách làm nghề nghiệp, lấy hiếu, hữu, lễ, nhượng dạy con em, người làng đều cảm hóa theo. Tính chất phác ngay thẳng, đối với mọi người ít khi uốn mình chiều ý, nhưng mau chân cứu cấp khi hoạn nạn, vui lòng giúp đỡ khi túng thiếu. Hồi đầu niên hiệu Tự Đức (1848), mùa màng luôn bị thất bát, Đạo quyên chẩn không ngại tốn, làng Đạo ở và những thôn xã lân cận nhờ được qua sống rất nhiều. Đạo lại quyên thóc ra khuyên dân lập nghĩa thương làm kế phòng đói. Tỉnh đem việc tâu lên, tiết thứ được thưởng áo lụa mầu (2 chiếc) và phi long ngân tiền (12 đồng).

Từ năm Mậu ngọ đến năm Quý hợi (1858-1863), vùng bờ biển hữu sự, dân trong hạt đói, tỉnh thần phái ủy cho Đạo đi khuyên quyên được hơn 6 vạn quan. Đạo lại tự quyên của nhà để cấp cho hương binh và giúp việc phát chẩn, tiền cũng như

Digitized by Google

thóc đều kể có hàng vạn. Bộ thần [1] nghị công, được thưởng lạc quyên ngân bài và lạc quyên nghĩa sĩ ngân bài mỗi thứ 1 tấm.

Hai phường An Phú, Dục Thúy trong huyện không có đất, ăn ở lênh đênh trên mặt nước. Đạo khuyên dân xã mình trích ra hơn 20 mẫu công điền nhượng cho. Việc tâu lên, dân xã được thưởng 1 tấm biển 4 chữ "Thiện tục khả phong" [2].

Huyện hạt từ trước chưa có văn chỉ, Đạo phối hợp với thân sĩ trong huyện đi khuyến dân quyên cúng và nhượng đất công dựng văn chỉ ở ngay làng mình, đến nay có chỗ mà thờ cúng là do Đạo dựng lên vậy.

Đạo lại khuyến khích dân làng đặt ra học điền, dựng trường học văn, học võ, mời thầy về dạy. Cho chí đến chùa cầu đập, đồng ruộng, thủy lợi, hết thảy đều được sửa sang, việc gì cũng có rõ ràng đâu ra đấy, mà đều đôn đốc việc căn bản, cải thiện trong phong tục làm cái kế hơn hết về việc bảo (đảm) cư (tụ) [3] cho dân. Lâu rồi của để dành của dân đồi dào, gặp năm đói không phải xin nhà nước cấp giúp nữa. Hơn 40 năm dân trong làng không có việc thưa kiện gì phải đến quan. Học trò trong làng văn cũng như võ, đỗ đạt nối gót nhau, bèn thành một làng danh vọng trong hàng huyện. Qua phủ huyện về nhậm đều lấy Đạo làm trọng, thường mời đến hỏi về việc lợi hại trong dân xã, được nhiều điều bổ ích. Thượng thư Ngụy Khắc Đản, hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Chính Thủ, trong ngày bình trị đều muốn đem sự trạng hay ấy tâu lên, thời Đạo liền kêu là tiếng đồn quá với tình (thực) mà xin (miễn). Vốn là tính Đạo không ưa phô trương vậy. Người xưa, đối với những người con hiếu, cháu hiền, nhường của, cứu nạn, cho chí người học thức, đáng làm gương mẫu

(1) Bộ thần là quan ở bộ, cũng như tinh thần là quan ở tỉnh, các thần là quan ở nội các.

(2) Tục thiện đáng làm gương.

(3) "Bảo đảm cư tụ" chưa rõ nghĩa.

Digitized by Google

cho dân, đều làm biển nêu khen để chấn hưng những đức hạnh tốt, thời Đạo cũng hầu được như vậy đó.

Con Đạo là Thuật, có tiếng hay chữ. Năm mậu thìn (1868) thi Hội được trúng cách, đến kỳ phúc thí lại xuống bảng ất. Thân bằng đến mừng đều lấy làm tiếc, Thuật từ tạ mà bảo rằng: "Nhà tôi vốn nhà thanh bạch, tôi lại không có công đức gì, cái phúc quá to như vậy, sợ không đương nổi. Đó chính là các vị trong điều đáng mừng lại mừng thêm vậy". Con người hiểu phận mình biết vừa đủ là như vậy đó.

Các con hiền quí, Đạo còn lo là họ làm việc có hại đến âm đức, nên thường nhắc đến câu của cổ nhân rằng: "Nếu xuất hiện một vị tiến sĩ làm hại âm đức, thời không bằng xuất hiện một người bình dân biết tiếp tục phúc", để răn dạy các con. Cho nên các con đều có danh tiếng tốt trong sự nghiệp làm quan. Đạo mất năm 70 tuổi, do quan hàm của con, được tặng mãi đến Đô sát viện hữu phó đô ngự sử, tôn thụy là Trang Khải. Các con là: Tạo, có truyện riêng; Thuật hiện do chân thái tử thiếu bảo hiệp biện đại học sĩ được phong tước An Trường tử lĩnh Lại bộ thượng thư sung Cơ mật viện đại thần về hưu trí; Quýnh, cũng đỗ kỳ thi hương, chưa kịp làm quan; Thuyên đỗ tú tài. Con Thuật là: Chức, đỗ hương tiến, hiện chân Hàn lâm tu soạn chờ bổ; Kinh, cũng đỗ tú tài.

*

Phạm Duy Vĩnh

Người La Sơn, Hà Tĩnh. Chân cử nhân Minh Mạng năm thứ 21 (1940) luôn từ chối không chịu dự tuyển bổ. Hồi giữa niên hiệu Tự Đức bổ tri huyện Thiên Bản, có kẻ nhân có việc đưa rất nhiều vàng đến biếu. Duy Vĩnh nói: "Ta há ăn hối lộ mà khi quân hay sao", rồi từ chối không nhận. Sau bị bệnh về hưu, từng làm ra lời huấn để khuyên bảo con cháu là: "1- Huấn phải cần, không cần không mở mang được (sản) nghiệp.

Digitized by Google

2- Huấn phải kiệm, không kiệm tất phải nghèo nàn. 3- Huấn phải nhẫn, không nhẫn tất nhiều khi hỏng việc. Làm việc gì tất phải lấy lòng thành thực làm căn bản; có thành thực thời mọi việc đều không giả dối mà thành được điều đức. 1- Giới đừng tham, không tham nên sau mới giữ được cái phép riêng của mình. 2- Giới đừng dâm, không dâm sau mới tránh được cái họa của đạo trời. 3- Giới đừng gian, không gian sau mới khỏi mang cái tiếng trộm giặc. Hãy răn mình! Hãy răng mình! Biết ra thời phải suy cho hết lẽ; mọi lẽ đã tỏ thời tự nhiên là công chính quang đại mà có thể nên người." Người thức giả lấy làm khen ngợi.

⁂

Đỗ Xuân Cát

Tự là Bá Trinh, người Hoằng Hóa, Thanh Hóa. Cha là Thái, gặp buổi cuối Lê, khảng khái có chí. Buổi đầu quốc triều dấy nghiệp, Thái hưởng ứng việc nghĩa, theo vào Gia Định [1]. Sau có nhiều công được bổ tri phủ Hà Trung rồi can việc mãi phải bãi chức.

Xuân Cát đỗ hương giải năm đầu Thiệu Trị (1841) từ chối không xin tuyển (bổ), ở ẩn nấu dạy học. Xuân Cát lúc nhỏ đọc sách đã biết đại ý của chính học [2]. Học thì ưa nghĩ vấn và khéo dẫn giải. Ngày thường, tính hiếu cổ và giữ lễ. Thờ mẹ hết đạo hiếu, đến khi chịu tang làm nhà ra mộ ở 3 năm, ngày đêm không ngơi tiếng khóc. Việc chôn cất, cúng tế, nhất thiết theo lễ, không theo phong tục đương thời. Người làng được cảm hóa nhiều. Ăn ở với thân thích làng mạc thời thăm nom kẻ ốm đau, chu cấp kẻ về hạnh thực, sau mới đến văn nghệ. Thường nói: "Tồn tâm, dưỡng tính là điều quyết chí bậc nhất; tiến thoái ứng đối là sự nghiệp một đời; cử động không tiết chế mà làm lên được công nghiệp thời chưa từng

(1) Theo Nguyễn Ánh lúc chưa lên ngôi vua.

(2) Đạo học chính đính, trái với cái học dị toan, cái học a dua thời thế.

Digitized by Google

có." Ngoài kinh sách ra, Xuân Cát còn kiêm cả thiên văn, luật lịch đồ chí. Buổi đầu Tự Đức, vì đê sông ở Bắc kỳ vỡ, luôn phải sai quan kinh lý, Xuân Cát có làm ra Hà phòng ngũ thuyết [1]. Thức giả cho là có thực học về kinh tế. Gặp khi có chiếu tiến cử tứ khoa [2], đại thần giao cho tờ tâu để tiến lên, khi đến triều, bèn lấy cớ bệnh xin cáo. Vua cho được đi ngựa trạm về. Năm thứ 11 (1858), có cáo cấp giặc biển, Cát tới tỉnh nghị cùng dâng sớ tâu bày việc trấn thủ. Vua ban khen, sai tiến cử những người mình hiểu biết. Cát cố từ, rồi sau mất năm 59 tuổi, được tặng Hàn lâm viện biên tu.

Xuân Cát tự hiệu là Châu Tân cư sĩ, sách làm ra có các tập: "Châu tân văn tập", "Gia phả tự lệ" và "Lâm hành tập lục".

Em là Xuân Vĩnh, cử nhân, bổ tri huyện Thanh Chương. Có người đến biếu bạc, cự tuyệt không nhận. Họ ép nài thời nói rằng sợ anh Bá Trinh tôi biết. Làm quan có tiếng thanh liêm.

*

Dương Quang

Tự là Ôn Như, người Sơn Lãng, Hà Nội [3]. Cha là Thụy, hồi đầu Gia Long ẩn dật được tiến cử, qua bổ tri phủ Bình Giang rồi chuyển đi đốc học Sơn Tây gia thị giảng học sĩ rồi về trí sĩ.

Quang lúc trẻ chăm học, có tiếng giỏi, đỗ tường sinh, các quan to đều quí trọng tài, nhưng chật vật mãi về trường ốc, thi luôn hơn 10 khoa. Án sát Hoàng Đình Chuyên dâng sớ cử về học, hạnh, được mời nhưng có bệnh xin từ chối. Năm 50 tuổi thời người con là Khuê đỗ thi hương, kế đó lại đỗ tiến

(1) Chữ Hán là "Hà phòng ngũ thuyết" năm thuyết về việc đề phòng sông nước.

(2) Chữ Hán là tứ khoa: Đức hạnh, ngôn ngữ, chính sự, văn học.

(3) Nay thuộc Ứng Hòa, Hà Tây.

Digitized by Google

sĩ. Từ đó, Quang từ tạ từ văn khoa cử, ở ẩn một nơi, lấy kinh sách dạy dỗ con em.

Quang vốn tính nhân từ, trung hậu, đối với mọi người ôn hòa, chưa từng tỏ vẻ nóng giận. Ngày thường, giúp kẻ cùng nghèo cứu người hoạn nạn tất hết lòng, bảo người tất bảo điều thiện; có ai giận, tranh kiện nhau thời lấy lòng thành khẩn hiểu bảo dẫn dụ; cho nên nhiều người được cảm hóa. Từng gặp năm đói, khuyên người làng góp của chẩn cấp, làng được nêu khen là nghĩa hương.

Năm Quý dậu (1873), Hà Thành hữu sự, trộm giặc nổi to các thành phụ thuộc, nhiều nơi bị đánh phá, cướp bóc. Tri phủ hạt Quang ở là Phan Đức Trạch mới tới nhậm chức, sợ thành trơ trọi không giữ được, luống cuống không biết làm thế nào. Quang bèn khuyên làm cái kế đoàn luyện [1]. Quang vốn được hàng huyện hàng xã qui phục, cho nên người ta đều vui lòng hưởng ứng. Quang lại sai con thứ là cử nhân Lâm giúp đỡ, tổ chức hình, trù hoạch lương, hết sức phòng ngừ suốt hơn 2 tháng thì đảng phỉ dần dần giải tán, giữ được vô sự. Sau khi yên rồi, những kẻ bị giặc ép theo, Quang lại biện bạch giúp, nhiều kẻ được qua sống, quan trấn thủ đem sự trạng tâu lên, được thưởng thụ Hàn lâm viện cung phụng. Con là Lâm cũng được thưởng hàm ấy. Khi về già, có người con là Khuê lĩnh Định An tổng đốc sau đó hàm thượng thư về trí sĩ rồi chết. Lâm qua làm đến đại thần một địa phương. Các cháu cũng đỗ thi hương. Quang, vì con làm to, được phong mãi đến Thiêm sự phủ thiêm sự. Năm 84 tuổi thời mất, trọng về nết, nhiều người truy mộ.

*

Nguyễn Trinh Hoàng

Người Nghi Lộc, Nghệ An. Lúc bé nhà nghèo, tính rất

(1) Tức là tổ chức dân thành lập huấn luyện, ra để bao vệ hương thôn khi hữu sự.

Digitized by Google

hiếu, thường tự thân gánh nước, giã gạo để phụng dưỡng hai thân, lúc rỗi thời học. Tự Đức năm đầu (1848), đỗ hương tiến rồi luôn gặp cha mẹ chết, làm nhà ra ở mồ, thương cảm, dầu dãi nắng rét không chút đổi thay. Khi mãn tang, không muốn làm quan, bèn tới ấp Hòa Ninh tìm chỗ làm nhà ở, đọc sách và mưu sinh, tự hiệu là Thổ Luông cư sĩ. Ấp ấy chỉ thuần cát trắng, đất sỏi, không thể cày trồng, cho nên dân cư chỉ sinh sống về nghề cưa xẻ, không có cày cấy học hành. Trinh Hoàng rất xấu hổ, nghĩ cách cải hóa đi. Bèn thân mang dân ấp ra sức khai khẩn đất hoang, nạo hết các nổi trên mặt đất đem đổ đi, rồi tính mẫu quân cấp, bắt buộc phải cày cấy, mọi người kiếm được ăn mà rồi nghề cưa xẻ bỏ hết. Khoảng mấy năm mở mang mãi, thành ra ruộng thuộc. Hoàng lại tự mở trường tư để dạy con em trong ấp. Con em nào không học thời trách cứ vào cha anh. Hoàng càng chăm chỉ dạy dỗ, không lấy một mảy tiền công dạy học, cho nên người ta vui theo học. Ông làm những tập phúc từ như "Sĩ nông canh độc truyện", "Khuyến thiện quốc ngữ ca" và 4 khúc "Quân thần", "Phụ tử", "Huynh đệ", "Phu phụ". Hàng năm cứ đến tháng 2, họp dân để nghe giảng. Cho đến các việc cầu, đập, phòng đê, dẫy lợi, trừ hại, tất đều nhất nhất ra sức làm. Người ấp đều phục tòng lời dạy bảo, yên tâm với nghề nghiệp làm ăn, không ai là không yêu mà sợ. Hiện nay phong tục ngày một thuần hậu, văn học ngày một tiến tới, người trong ấp lần lượt đỗ các kỳ thi hương. Thực đúng con người mà bảo rằng: "Ở nơi đông ruộng thì phong tục tốt".

Trinh Hoàng cũng lấy cảnh ẩn dật làm vừa ý, suốt 40 năm, chưa hề đặt chân đến thành thị, và từng bảo con rằng: "Ta toan vì đạo (học), nhưng làm quan thì đạo (học) không thực hành được; ta toan vì đấng thân, nhưng làm quan thời đấng thân đã chẳng còn; thà yên phận ở đây cho trọn tuổi già". Danh sĩ có người khuyên ra làm quan, thời Trinh Hoàng trả lời rằng: "Cao thì Trinh Hoàng này không thể làm, thấp

Digitized by Google

thì Trinh Hoàng này không làm được. Củ lang, chè đắng Trinh Hoàng này chịu được". Ăn ở hiếu độ chăm chỉ làm ruộng để nộp tô, phú thời cũng là thờ vua, cứ gì phải làm quan." Tổng đốc Vũ Trọng Bình mộ vì phong cách, đến tận nhà thăm hỏi, toan dâng sớ tiến cử xin cho làm một chức phủ huyện ở gần địa phương, nhưng cuối cùng Trinh Hoàng lấy cớ có bệnh cố ý từ chối. Sau những nhà cầm quyền có những người muốn tiến cử, cũng đều không nhận. Mất năm 68 tuổi.

*

Vũ Quang

Tự là Mộng Lý. Tổ tiên quê ở Vũ Ninh, sau dời đến Bắc Thành, hiện nay là người Thọ Xương [1].

Quang đỗ hương tiến Tự Đức năm thứ 3 (1850) cha mẹ già, từ chối không xin tuyển (bổ). Sau bèn bổ đi giáo thụ Quốc Oai, danh sĩ nhiều người suy tôn, khen ngợi. Qua mấy năm mắc bệnh về nghỉ, yên lòng trong cảnh thanh đạm. Tỉnh cử cũng từ không đi. Dạy học, lấy trau dồi hạnh thục làm đầu, từng bảo học trò rằng: "học để làm người, con đường khoa cử là cái bậc thềm, đừng hỏi là trúng hay không trúng, chỉ nên hỏi học hay không học thôi. Nếu lấy cái lòng được, thua mà đi thi thời triều đình cầu để làm gì." Trước Duy Thành đi thi có một khóa đã vào tam trường, đám quan trường có một người vốn biết tiếng Thành, bảo nhỏ Thành rằng: "2 kỳ trước văn anh đã đứng đầu. Cố lên! Cố lên! Mau đỗ hương nguyên[2]". Duy Thành sau khi nhập trường, bèn lấy cớ ốm cáo về. Bạn thân cố ngăn lại thời Duy Thành cương quyết nói: "Cha tôi sinh ra tôi, thầy tôi dạy tôi, tôi lại không đỗ nổi một khoa thi hay sao mà phải nhờ người". Vì xấu hổ sợ người ta cho có ý tất thinh thác, mà dáng như mình không cầu cạnh cũng không đỗ kỵ gì. Thời bấy giờ người đồng tỉnh do khoa giáp

(1) Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
(2) Cũng như giai nguyên hay thu khoa.

Digitized by Google

hiển quí như Ngô Thế Vinh ở Bái Dương, Phạm Văn Nghị ở Tam Đăng, Doãn Khuê ở Ngoại Lãng đều coi Thành như bậc đàn anh. Học trò thành đạt, nhiều người có tiếng văn học, như tham tri lĩnh Quốc tử giám tế tửu Khiếu Năng Tĩnh là chân đỗ cao.

Duy Thành tính điềm đạm, lời nói việc làm không cẩu thả, luôn luôn tuân theo lễ phép. Người làng đều hóa theo thành thiện tục, không dám có kiện tụng gì đến cửa công. Khi chết, 72 tuổi, học trò làm bài văn tế có đoạn rằng:

Duy Đông duy công
Bản chân danh nho
Tiên sinh học chi
Đắc kỳ phạm mô
Duy Hoa Đường công
Cố Lê tiến sĩ
Đắc kỳ yếu chỉ
Duy tế tửu công
Đức hạnh đạo nghệ
Hoa ngạc tương huy
Tiên sinh kỳ đệ
Duy hoài đức công
Thái sơn, Bắc đẩu
Óc thủ tương hoan
Tiên sinh kỳ hữu

Dịch:

Duy [1] Đông Duy công,
Danh nho châu này,
Tiên sinh học được
Khuôn mẫu làm thầy.
Duy Hoa Đường công,
Lê triều tiến sĩ,
Tiên sinh học theo,

(1) Chữ Hán là duy, chưa biết dịch thế nào, nên tạm để âm chữ Hán.

Digitized by Google

Nắm được yếu chỉ.
Duy tế tửu công,
Đức hạnh đạo nghệ.
Hoa, đài đẹp chung,
Tiên sinh là đệ.
Duy Hoài đức công
Bậc thầy danh vọng
Tay bắt mặt mừng
Tiên sinh là bạn.

Thành vốn được sĩ phu yêu mến, hâm mộ là như vậy đó. Con là Duy Tuân, Duy Để đều đỗ tú tài. Cháu là Văn Tính, do chân tú tài được cử, khoa Tân sửu năm Thành Thái đỗ đồng tiến sĩ, nay hậu bổ ở Hải Dương.

*

Nguyễn Huy Đức

Nguyễn Huy Đức tự là Thành Phủ. Tổ tiên là người Gia Lâm, từ đời Lê Chính Hòa, nhiều đời đỗ đạt, là một họ có tiếng ở Giang Bắc. Tổ là Huy Trạch, gặp hồi Tây Sơn, không làm quan mới dời về ở Thọ Xương thuộc Bắc Thành.

Huy Đức khi còn nhỏ mồ côi, bẩm tính hiếu để. Thờ mẹ có hiếu. Tự Đức năm thứ 11 (1858), đỗ hương tiến, vì mẹ già không muốn đi xa, ở nhà dạy học để phụng dưỡng, sớm chiều thăm nom, quạt nồng, ấp lạnh rất chu đáo, mẹ cũng yên lòng. Nhà cầm quyền có người muốn tiến cử nhưng không nhận. Khi có tuổi, dời về ở Thanh Trì, suốt 17 năm, không đặt chân đến thành thị. Mẹ tuổi hơn 90, con cũng ngoài 70, con cháu tuân giữ lễ phép, hàng huyện hàng xã đều khen ngợi, hâm mộ. Bắc kỳ kinh lược đại sứ Hoàng Cao Khải trọng về phẩm hạnh, sớ tâu lên, được bổ Hàn lâm viện tước tác, vẫn cho ở nhà để chung dưỡng mẹ già. Sau mẹ mất, làm nhà ra ở mộ 3 năm và thương xót, theo như lễ. Rồi thì mất năm 75 tuổi. Học trò thành đạt nhiều, có người làm đến quan mục

Digitized by Google

một phương. Con là Huy Vỹ đỗ tú tài.

*

Nguyễn Mậu Kiến

Người Trực Định, Nam Định [1]. Nhà vốn giàu, tàng trữ hơn 300 bộ sách cổ. Mậu Kiến là người hiếu học, thông hiểu nhiều thứ, chân tuế cống được bổ Quốc tử giám sinh. Gặp năm đói, nộp tiền của ứng tuyển, được bổ quan tứ phẩm. Lại vì học rộng, nên được nhiều người tiến cử; Doãn Khuê, Phạm Văn Nghị nói là có biết binh lược. Tự Đức năm thứ 20 (1867), được sát hạch rồi bổ Lại bộ lang trung bang biện Nam Định. Rồi lại đổi đi sang bang biện quân thứ Lạng Bình, thăng mãi đến án sát Quảng Yên, Lạng Sơn, có nhiều công lao được gia Quang lộc tự khanh. Sau đó vì có việc bị lạc chức, theo Hồng Hóa sơn phòng hiệu lực để sai phái. Sau có vì biết thiên văn, bói toán, triệu vào trực ở Thị vệ xứ và năng được vua hỏi đến. Vua nói rằng học tương đối rộng, nói đều chính đáng, rồi cho khai phục là Hàn lâm viện kiểm thảo. Hơn 1 năm, lại cho về sơn phòng khai khẩn cho xong việc, rồi chết năm 61 tuổi [2].

Trước Mậu Kiến có làm Chiêm bái đường cho hiệu khắc các sách "Khâm định ngũ kinh", "Ngũ tử", "Cận tư lục" và "Độc thư lạc thú tam diệu pháp", rồi tàng trữ bản in ở trong (chiêm bái) đường. Đặt ra nghĩa trang điền 280 mẫu để nuôi người họ. Lại đặt ruộng hương học điền, lập ra khóa trình, con em trong ấp chẳng ai là không được học. Sau khi chết, các con làm thành tựu chí của cha, tiếp tục đã để ra hơn 100 mẫu làm ruộng nuôi lính của làng, ai ra lính thời cấp cho. Việc tâu lên, cho truy thụ hàm bố chính. Sách làm ra có: 2 quyển "Kính đài tập vịnh", 2 quyển "Dịch lý tâm biên",

(1) Nay thuộc huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình.

(2) Nguyễn Mậu Kiến (1819-1879) là nhà yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX của Thái Bình.

Digitized by Google

8 quyển "Chiêm thiên tham khảo", 2 quyển "Minh sử luận đoán khảo biện". Con là Bản, trong (chiến) dịch năm Quý mùi, chân huyện đoàn mang hương dũng về phụ giữ tỉnh thành, thành vỡ đánh với giặc bị chết, được tặng Hàn lâm viện tu soạn.

*

Nguyễn Trác Chi

Tự là Ngô Học. Tổ tiên là người Trung Quốc, trước lánh sang nước Nam, làm nhà ở An Phúc, Bình Thuận (nay thuộc đạo Ninh Thuận).

Trác Chi là người khảng khái, cùng với anh đi trọ học, có tiếng hay chữ. Khoảng năm Tự Đức, Nam kỳ có cáo cấp Trác Chi hăng hái bỏ học, bảo người anh rằng: "Nay chốn biên giới xa hữu sự, có thể không nghĩ gắng chút công lao ư? Bèn cùng nhau đều đi quân thứ Biên Hòa theo sai phái. Rồi tiết thứ khuyến quyên tiền bạc và bỏ của nhà ra mua sắm súng ống, lương thực để giúp quân. Lại mộ dân khẩn ruộng, thiết lập ra Ninh căn hộ. Quan quân thứ tâu lên, thưởng Trác Chi hàm thất phẩm văn giai, Bão Phác hàm chánh bát phẩm văn giai, để khuyến khích những người có lòng ham điều nghĩa. Năm thứ 22 (1869). Trác Chi được do hàm thất phẩm đổi bổ tư vụ nha điển nông, lâu rồi thăng thụ đồng tri, lĩnh tri phủ Diên Khánh, có lòng thanh liêm, chính trực, được dân ca tụng. Sau rồi can về việc chậm báo vụ cướp, phải đổi đi chủ sự quyền sung Thương cục viên ngoại lang tỉnh Bình Thuận. Chưa bao lâu, chuyển sang giám lâm kho tỉnh. Phàm những thói cũ người giữ kho đời (tiền) khoán lệ, nhất thiết không tiêm nhiễm. Năm đầu Đồng Khánh (1886) mắc bệnh về rồi mất năm 59 tuổi.

*

Digitized by Google

Trịnh Văn Diệm

Người Hoằng Hóa, Thanh Hóa, gia thế vốn giàu có. Diệm từ nhỏ đọc sách, đỗ tường sinh, tính khiêm tốn, cẩn thận, ưa bố thí, ngày thường, thường chu cấp người khi quẫn bách, trong ấp đến quá nửa người nhờ vả mà có ăn, người ta đều ca tụng công đức. Phàm việc nghĩa cử đều ra sức tán thành, dù tốn nhiều cũng không tiếc và làm việc nghĩa không biết chán nản. Gặp việc binh nổi dậy năm Bính tuất, Văn Diệm tính kế giữ cho toàn vẹn hương thôn, chúng ép không chịu theo, nên hai cha con đều bị giết. Hồi đầu niên hiệu Thành Thái được tặng Hàn lâm viện đãi chiếu. Con trưởng là Kỳ đỗ hương tiến.

*

Lê Mậu Chu

Tên cũ bên tả là chữ *ngôn*, bên hữu là chữ *chu*, người Vĩnh Linh, Quảng Trị. Thừa nghiệp cha, sinh kế gia đình được đầy đủ. Tính hào hiệp, chuộng nghĩa, gặp người nghèo nàn lam lũ cầu khẩn điều gì là giúp ngay, không chút ngại tiếc. Xóm có nhà tích trữ (hàng hóa) để bán cho người lấy lợi cao dương [1] kẻ mắc nợ có người mất cả gia sản. Chu lấy làm khinh ghét, nói rằng: "Tiền của, có thể nhiều lúc "không", há chẳng có thể nhiều lúc "có" hay sao. Ta sống ở đời (chỉ) có hạn". Rồi khuyên mẹ đem đốt những văn tự nợ, tính ra hơn 200 lạng bạc, hơn 3400 quan tiền và 370 hộc thóc. Quan (hữu) tư địa (phương) đem việc tâu lên, Minh Mang năm thứ 19 (1838), được chuẩn miễn cho 15 năm thuế [illegible]n, dao.

*

(1) Nghĩa là dê non, hạng dê thường lột da để làm áo cừu. Theo Hán ngữ tự điển, chữ cao dương còn có nghĩa là người thụ nạn. Ở đây, chưa rõ ý nói thế nào, tạm để nguyên âm chữ Hán và tồn nghi...

Digitized by Google

Phạm Văn Thu

Người tỉnh Phú Yên (từ đây trở xuống không rõ huyện) thờ mẹ rất hiếu. Mẹ ốm, thuốc men, cơm cháo chưa bao giờ trễ nãi. Khi mẹ chết, làm nhà ra ở cạnh mồ, sớm chiều lạy, khóc. Hổ báo đêm thường đi qua, không làm hại. Trước đó, rừng có báo động, tiều phu không dám đi. Người nhà khuyên Thu về, Thu không động sắc. 3 năm mãn tang, Thu trở về không thay đổi hình dạng, người ta cho là nhờ ở sự cảm động của lòng hiếu. Tự Đức năm thứ 20 (1867) thưởng cho ngân sa và tấm biển khắc những chữ "Hiếu hạnh khả phong".

*

Tô Thế Mỹ

Người tỉnh Bình Định. Lúc nhỏ đi học, thầy học dạy cho sách hiếu kinh, sớm hiểu biết nghĩa. Đọc đến câu: "Thờ cha mẹ, lấy điều kính, thuận làm đạo", hình như là có thấm được. Người cha tính nóng nảy, hay cãi cọ tranh giành với mọi người, Mỹ thường lấy lời dịu dàng can ngăn đi. Một hôm người cha có chuyện xích mích với hàng xóm, vác gậy chực đánh lộn, Mỹ ôm lấy chân kêu khóc, lại khéo có lời với người hàng xóm, họ cũng cảm lòng. Người mẹ thì tính hà tiện, mỗi khi ăn, tất hỏi đến giá tiền mua ăn; hễ hơi thấy chất tươi, chất béo là lo tốn, bỏ đũa xuống không ăn nữa. Mỹ khẽ dặn người nhà nói giảm giá thức ăn xuống, rồi lại nói với mẹ rằng: "Con nhờ có cơ nghiệp sẵn và sự cần cù, nên sự ăn mặc trong nhà không đến nỗi thiếu thốn".

Cha ốm, thuốc men, cơm cháo đều thân tự kiểm soát trông coi, sớm chiều săn sóc quên cả ăn ngủ. Khi cha chết, đem chôn ở núi. Đất nhiều hổ, Mỹ khuân đá đắp thành mộ, rồi làm nhà ra ở mộ 3 năm, hổ thường qua lại, không làm hại. Đến khi người mẹ ốm, dặn rằng đừng làm như trước thời bỏ bê việc nhà làm lụy đến con cháu. Khi mẹ chết, Mỹ đem

Digitized by Google

hợp táng ở mộ cha rồi lại làm nhà đến ở 3 năm, củi, nước tự tìm lấy, thương xót quá thành bệnh. Người làng thương mà khuyên về. Khi ấy Mỹ 38 tuổi. Tự Đức năm thứ 12, nêu khen là con hiếu và ban cho biển vàng và ngân sa.

*

Hoàng Việt Tế

Người tỉnh Quảng Bình, năm 15 tuổi đã cao lớn có sức khỏe. Một hôm cùng với cha đi hái củi ở núi, người cha bị hổ vồ, Tế vác gậy đánh liên tục vào đầu hổ. Hổ gầm lên và nhìn Tế trừng trừng. Tế càng bốc giận, đánh càng hăng. Hổ túng thế nhảy vồ Tế. Tế ngã lăn ra hơn 1 trượng, kêu tướng lớn. Người anh nghe tiếng, vội chạy lại đánh hổ để cứu rồi hộ vệ cha về. Người ta đều lấy làm lạ lùng.

Tự Đức năm thứ 12 (1854) nêu ban cho biển ngạch hiếu tử và ngân sa.

*

Phạm Hữu Chí

Người Đường Hào. Đỗ tú tài năm Tự Đức. Tính hiếu cần, chăm học, thờ cha mẹ, săn sóc thăm nom điều độ, chưa từng trễ nhác. Người cha lo là việc học (vì thế) sẽ bị ngăn trở, khuyên Hữu Chí đi học xa. Hữu Chí bèn làm cái nhà đọc sách bên cạnh nhà để dạy trẻ và cố sức học tập, không nỡ xa cha mẹ.

Khi cha chết, thương xót, chôn cất đủ lễ và làm nhà ra ở mộ 3 năm, không ngại mưa gió.

Lại, người trưởng tộc (trong họ Chí) lúc còn sống nghèo xơ xác, khi chết đi chỉ còn 2 đứa con 1 trai, 1 gái, đi lang thang không chỗ nương tựa. Hữu Chí lấy làm thương, xuất ra 100 quan tiền thuê người đi tìm chuộc về vỗ nuôi, làm nhà, tìm ruộng lập cho cơ nghiệp vĩnh viễn, có cái ơn giúp đỡ chỗ

Digitized by Google

tông thuộc. Người ta khen ngợi. Tự Đức năm thứ 13 (1860) chuẩn cho được nêu thưởng biển vàng hiếu nghĩa và ngân sa, vào bình hạng.

*

Nguyễn Văn Khoa

Nguyễn Văn Khoa người Khánh Hòa. Nhà vốn giàu, lạc quyên làm bá hộ. Tính hiếu hữu, thờ cha mẹ, cơm nước được đầy đủ sạch sẽ; áo chăn gối chiếu mỗi năm tất thay 2 lần, rất là hoàn hảo. Cùng ở chung với anh em, rất được hòa thuận. Người em muốn chia gia sản ra ở riêng, liền nhượng cho em chỗ tốt mà nhận chỗ xấu, tùy theo ý muốn của em, không có suy bì. Phàm những việc quan hôn tang tế trong làng đều bỏ của giúp đỡ. Miếu chùa cần lập thời bỏ của sửa sang, mỗi việc kể hàng nghìn. Gặp năm mất mùa thời khuyên mẹ quyên nhiều tiền thóc ra cấp cho người nghèo. Tự Đức năm thứ 18 (1865), nêu ban biển ngạch hiếu tử và ngân sa, lại thưởng cho người mẹ 1 tấm ngân bài.

Digitized by Google

QUYỂN 43

ẨN DẬT

- Đỗ Trọng Ngoạn
- Bùi Trú
- Lê Khắc Phối
- Tôn Đức Tiến
- Chu Doãn Trí
- Lê Bậc Triệu
- Lê Mẫn Đức

*
* *

Đỗ Trọng Ngoạn

Người huyện Siêu Loại tỉnh Bắc Ninh, dòng dõi làm quan đời tiền Lê. Lúc nhỏ gặp loạn Tây Sơn, ẩn ở núi Hiên Đường, làm nhà chỗ cây cối, lấy sách vở làm vui, những sách cổ thư điển chương của nước ta đều sưu tập, chứa cất, vui đạo chuộng chí. Chết năm 81 tuổi.

Tự Đức năm đầu (1848) thị giảng viện Tập hiền là Phan Thúc Trực vâng chiếu đi tìm những sách còn lại, Trực đến nhà, người con bèn đem ra những quyển cất chứa đã lâu như: "Ngã Việt tiền đại chí thừa" và "Lê mạt dã sử sự lục" được bao nhiêu tập. Thúc Trực đã được sách lại yên chỗ ở không tục, bồi hồi khen ngợi thán phục, nhân để lại bài thơ có cả tựa làm ghi.

*

Chu Doãn Trí

Tự là Viễn Phu, người huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh[1], bố là Doãn Mại đỗ tiến sĩ cập đệ đời Lê Cảnh Hưng (Hiến Tông hoàng đế) làm đến tham chính ở Hải Dương. Doãn Trí

(1) Nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Digitized by Google

lúc nhỏ mồ côi cha, theo học Lập trai Nguyễn Quý Thích [1] Bỏ học khoa cử cố chí đọc sách, làm thơ cổ văn, đem con em ra sức làm ruộng làm vườn, không cầu cạnh tiến đạt. Tới trung niên lại tập sách thuốc và nói: "ta xem quyển Nội kinh có nói: âm dương là tinh vi cho tính mệnh, thủy hỏa là ly hợp của nguyên lưu. Đó là phát những điều mà nhà nho ta chưa phát, hết lòng ta, cứu cấp người, sao lại không làm". Nên ngày thường làng xóm đều phục là sẵn lòng làm việc nên làm. Đầu năm Thiệu Trị (1841) xuống chiếu cho đề cử những người đi di dật thú thần mà có tiếng tâu lên, khi cho đòi tới, cố xin từ, được vua ban dê rượu và cho theo chí hướng, lúc chết 72 tuổi.

Doãn Trĩ tự hiệu là Tạ Hiên, có trước tác những tập "Tạ Hiên thi văn". Nguyễn Văn Siêu ở huyện Thọ Xương có làm bài hành trạng cho rằng: "Viễn Phu trước hết được thầy dạy, sau tự cố sức làm, yên lặng tìm tòi, trong ngoài như một, không phải qua người hướng đạo, rồi theo ý nghĩa mà làm được giỏi như thế ư!" Thức giả cho lời nói là phải. Trong năm Tự Đức, nội các Nguyễn Tư Giản ghi chép những bài thơ dâng lên và tâu nói: "Thơ Doãn Trĩ về cận thể còn non nớt bình thường, về cổ thi ý điệu cao khiết. Vì là người xuềnh xoàng quê mùa điềm đạm, từ khi 15 tuổi đến lúc bạc đầu không có khuyết điểm. Lại xử lý theo nghĩa lý giữ ước lễ ngoài ra không có cầu cạnh, mà tiếp nhân thời khiêm tốn hòa nhã cùng mọi việc không có cạnh tranh". Lại nói: "nghe lời nói, xem động tĩnh, khiến người nóng phải nguôi, người kiêu căng phải bình, thực là ẩn dật không xa người thân, trinh tín không dứt thế tục, có vẻ ngay thẳng cẩn thận, rõ ra bậc ẩn quân tử như Bình Nguyên đời Đông Hán". Được sĩ phu bàn bạc suy tôn là như thế! Sau khi Doãn Trĩ chết, xem lời văn phần nhiều tản dật, nay quyển thi văn nhiều người còn giữ.

---

(1) Có lẽ nguyên bản khắc nhầm, chính là Phạm Quý Thích.

Digitized by Google

Bùi Trú

Người huyện Đông Anh tỉnh Bắc Ninh. Lúc nhỏ chăm học, trong các học sinh có tiếng về văn, nhưng đã lâu khốn đốn về trường ốc. Minh Mạng năm thứ 5 (1824) cho là người dì dật, sung cống sinh đi thi hội cũng không đỗ, rồi có sắc chỉ bổ vào Hàn lâm, Trú cố từ xin về đợi khoa khác. Vua nói: "ngày nay từ Hàn lâm không nhận, ngày khác cần Hàn lâm không được", vua cho. Trú đã về càng cố sức đọc sách dạy bảo học trò, nhưng mỗi kỳ thi lại hỏng, thành ra vở xanh đầu bạc cho chí lúc chết.

*

Lê Bạc Triệu

Tự là Ôn Phủ, người huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa. Gia thế có danh tiếng văn học, em là Đức làm đến tuần phủ, có truyện riêng. Bạc Triệu sinh vào cuối Lê, không có bụng ra làm quan, thờ mẹ đọc sách. Khoảng năm Gia Long, 2 lần cho gọi đều cố từ. Chỗ ở thuộc làng Đại Trung có cái đầm thả sen, nhân đặt hiệu là Liên Khê. Tính thích rượu, có ai hỏi chữ nhờ làm văn đều mang rượu tới, cầm chén uống là hoa bút viết thành thiên. Người ta gọi là rượu tiên. Bụng dạ rộng xa mà nết na càng ngay thẳng trong sạch. Em là Đức ngày làm quan thường biên thơ khuyên nhủ, tết nhất có gởi về cái gì dẫu áo đẹp đồ chơi quí báu, tức thì cho người nghèo khốn không chút tham tiếc. Đó là chẳng muốn hình dịch ngoại vật mà cũng tác thành liêm khiết cho em, dạy học kể có hàng nghìn người, mà thành đạt cũng lắm. Đức cũng nhờ có gia học. Khi chết được 80 tuổi. Sau khi chết hễ nói đến Đại trung tiên sinh hay Điền phu đã tầu thời ai cũng biết.

*

Lê Khắc Phối

Người huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh. Sinh ra có tư

Digitized by Google

chất tốt, 7 tuổi đã học được văn, ý tưởng nhàn rỗng, người đều làm lạ. Năm 20 tuổi từ việc thi cử, làm nhà ở dưới núi Bạch đọc sách nuôi chí, về cảnh già nhiều người theo học, chăm bảo không biết mỏi. Tự Đức năm thứ 5 (1852) tuổi đã 80, gia ơn cho bó lụa. Sau thọ đến 100 tuổi thời chết.

Lại cùng huyện có *Vân Đình Thực* và ở Nghi Xuân có *Nguyễn Hành* cũng đều có tiếng khen là ẩn dật. Đình Thực tính điềm đạm khoáng đạt. Tự Đức năm thứ 5 (1852), vô lĩnh hương tiến, xin từ không tới tuyển quan, tự yên phận nơi rừng núi suốt được 30 năm. Sau ra làm giáo chức được 3, 4 tháng mắc bệnh xin về, tới núi Mã làm nhà ở đó, họp học trò dạy học lấy sách vở làm vui, không có ý cầu tiến nữa.

Hành tên tự là Tử Kính, là cháu Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khản làm tham tụng đời cố Lê và là cháu họ tiền tham tri Nguyễn Du. Hành chăm học, nhiều kiến văn, tự nghĩ phận mình là dòng dõi công thần đời Lê, trải loạn Tây Sơn, không có ý ra giúp đời, lại còn núm náu, chỉ lấy văn bài sách vở làm vui. Khi nhàn hạ ông dong chơi các danh thắng, vết chân đến đâu là phát sinh ngâm vịnh, đại ý phần nhiều là lời nói lo thời thường tục. Người đời đều cho là cao thượng, có trước tác những quyển: "Quan hải tập", "Minh quyên tập" và "Thiên địa nhân vật sự ký".

*

Lê Mẫn Đức

Người huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh. Lúc nhỏ thông minh dĩnh ngộ, ham học, đóng cửa đọc sách có khi vài tháng không đi đâu. Minh Mạng năm đầu (1820) được liệt vào tường sinh; thế rồi chán học khoa cử không chăm việc đi thi nữa, lấy thơ văn làm vui, thường chơi cảnh Hương Sơn đến các danh thắng ở Quảng Bình. Sau về làm nhà dạy học, người tới học, đều dạy về văn nghĩa lý nên cấp sách tới học ngày nhiều. Năm Tự Đức thứ 5 (1852), tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn Khắc

Digitized by Google

Tuần cho là người ẩn dật tiến lên triều đình, vua cho triệu tới cửa khuyết. Khi đến, cáo bệnh cố từ, vua bèn cho về, từ đó càng núm náu cùng với tiều phu mục đồng qua lại quãng sơn dã, phóng khoáng tự đắc, vách trát xung quanh trông thực tiêu điều mà vẫn thản nhiên. Thương Sơn công thường tặng thơ và ví như Bàng Đức (đời Đông Hán). Mất năm 65 tuổi. Có trước tác những tập thơ: lúc đầu gọi là "Hương Sơn phụ tập" và "Quýnh trai tập", sau khi về nhà gọi là: "Quy điền tập", lúc vãn niên gọi là "Mông Viên tập".

*

Tôn Đức Tiến

Hiệu là Lỗ Xuyên, người huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Mấy lần thi đỗ tú tài, ở nhà dạy học yên phận nghèo nàn kiệm ước chỉ chăm chắm về việc dẫn bảo hậu học về các Kinh sử chu tử bách gia cho đến cửu lưu [1] thuật số, không sách gì là không nghiên cứu tinh vi. Lại giỏi xem người, người mới tới học xem văn đủ biết người ấy sau này cùng hay đạt, mà xa gần theo học chất vấn điều nào khó, thời phân tích hết nghĩa lý cho hiểu. Nên người đời khen là văn học sâu rộng, học trò được hiển đạt có mấy trăm người. Khoảng năm Tự Đức thì mất, thọ 81 tuổi. Con có 5 người thời 4 người là Diễm, Soạn, Thân, Diên đều đỗ hương tiến, còn Đĩnh đỗ tú tài. Soạn trải làm huấn đạo, Thân làm đến viên ngoại lang và Diên bổ tu soạn.

*
* *

(1) Cửu lưu là Nho gia. Đạo gia. Âm dương gia. Pháp gia. Danh gia. Mặc gia. Tuy hoành gia. Tạp gia. Nông gia.

Digitized by Google

CAO TĂNG

- Linh Phong thiền (sư)
- Giác Ngộ hòa thượng
- Trần Viết Thọ
- Vũ Đức Nghiêm

*
* *

Linh Phong thiền (sư)

Không rõ là người thế nào, hoặc nói: họ Lê tên Ban. Người ở Kinh Triệu Bắc, chống gậy tích trượng sang Nam đến thành Quy Nhơn, (nay tỉnh Bình Định) thấy phía Đông Bắc thành độ 30 dặm có núi cao cây đá rừng suối cảnh trí sầm uất, bèn dựng gậy ở đó. Kết vỏ cây làm áo, tiêu dao ở trong hang núi. Người ta chỉ gọi là sơn động, ở được vài năm chỗ lưng chừng núi có nước suối chảy xiết, thấy phá gai góc chở đá to đến xây đắp dựng một cái am nhỏ kết bằng cỏ gianh và tre, không mấy hôm đã xong, tựa hồ có sơn binh ngầm giúp. Khi am thành gọi là chùa Dũng Tuyền, chùa gối vào ngọn núi rất cao, nước suối trong chảy réo xiết, 2 bên tả hữu dây mây quấn leo đã lâu và đá cây hoa đều khác lạ, rất sầm uất thắng địa. Bên tả chùa có cái nhà bằng đá, nào tường nào sân nào thềm 2 bên cao thấp như cảnh thiên nhiên vẽ ra. Sơn ông thường qua đó ngồi một mình niệm kinh, núi có nhiều hổ, cùng ở với một chú tiểu đồng và cùng chơi bời với hổ báo hươu nai quên cả vật và ta. Ngày rồi sư đi kiếm củi bó thành bó to, dẫu vài người có sức lực cũng không mang được, mà sơn ông một mình mang để dưới núi. Khách đi đường đến đều biết là củi của sơn ông mang để đó để đổi lấy gạo rau, kịp lúc ra lấy thời cho vào tay áo đi, không có so sánh nhiều ít, cứ như thế được mươi năm. Thức giả không rõ được tông tích.

Digitized by Google

Hiếu Ninh hoàng đế (tức Túc tông, chúa thứ 7 đời Nguyễn)[1], nghe tin yêu mến là bậc chân thiền, cho tên hiệu là: Tịnh Giác thiện trì đại lão thiền sư và đặt tên chùa là Linh Phong thiền tự. Chùa lợp lá đổi lợp ngói, cho biển ngạch và đôi câu đối là: Hải ngạn khởi lương nhân, vũ lộ phổ thiên tư phật độ; Linh Phong ngưng thụy khí, tường vân biến địa ấm nhân gian (Nghĩa là: Bờ Giác kết lương duyên, mưa ngọt khắp trời nhờ phật độ; Núi Linh đầy thụy khí, mây lành rợp đất phúc nhân gian).

Năm Hiếu Vũ hoàng đế (tức Thế tông, chúa thứ 8 nhà Nguyễn)[2] thứ 3, xuống sắc cho triệu tới bàn lý luận đạo Phật gần một tháng, rồi từ về, gia ơn cho áo cà sa và vòng ngọc móc vàng 1 cặp để làm pháp phục, tỏ sự quí mến khác thường. Tới khi Tây Sơn tiếm hiệu, Sơn ông đã về chầu Phật rồi. Các sơn tăng hội họp chôn cất, xây tháp ở bên hữu chùa và ở tháp có đôi câu đối rằng:

"Quyền thạch tiệm thành tiên, thản thản u trinh thường lạc độ;

Chúng lưu nan vi thủy, mang mang vô tế đồng đình thiên.

(Nghĩa là: Cất đá mới lên tiên, phẳng lặng bỗng yên nơi cực lạc;

Họp dòng khó nên nước, mênh mông không bến cảnh Đồng Đình).

Đến Thế tổ Cao hoàng đế (Gia Long) sau khi đại định thường có hỏi tới. Minh Mạng năm thứ 7 (1826) cho chiếc áo cà sa mới may và móc vàng vòng ngà 1 cặp để thờ, cùng lấy bạc ở trong kho 120 lạng sai sùng tu lại. Trước đây nhà vua khó ở, mới nằm ngủ chiêm bao thấy 1 lão tăng mặc áo vỏ gỗ đứng cạnh bên giường hầu quạt, đến sớm mừng thấy yên, bèn

(1) Tức Nguyễn Phúc Chú (1725 - 1738)
(2) Tức Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765)

Digitized by Google

đem mộng triệu bảo với các quan, nhân nhớ khi trước, có việc ông áo gỗ ở nút Linh Phong, bụng lấy làm lạ, nên có mệnh ấy.

Sơn ông là sư mà là ẩn giả, áo gỗ là sư tăng, cửa vàng ra mắt vua, nơi thạch thất niệm kinh, tới ngọc sàng báo mộng, qua lại người đời, sắc tướng đều không, nay thời chùa núi đều để lưu truyền, người hay tiên, hay cũng là bậc tỵ thế ư!

Khoảng năm Tự Đức, hiệp biện là Lương Khê Phan Thanh Giản mến cảnh ấy, thường tới du lãm có đề bài thơ rằng:

Phiên âm

Đại giác bất thần tác,
Không truyền thử địa danh.
Lai tòng sơn sắc tận,
Tọa khán hải vân sinh
Viên tặc như tương quán,
Phong hoa diệc hữu tình.
Nham tiền phất phiến thạch
Chử đính thính tuyền thanh.

Dịch

Đại giác chợt tới làm,
Không truyền tới mãi nay.
Tới thời sắc núi hết,
Ngồi thấy mây biển bay.
Vượn hạc cùng quen cả.
Gió hoa cũng có tình.
Trước non phẩy phiến đá,
Mống nước phải suối reo.

Hiệp biện đại học sĩ Vinh quang tử là Đào Tấn cũng cho là người ẩn cư xử thế. Đầu năm Hàm Nghi nhân có việc về nam, mượn tiếng tham thiền để lánh mặt, có lên núi tìm cổ tích, nhân được một bộ tạng Pháp hoa kinh giải, chính tay Sơn ông giải thích cọng 200 bản có lẻ cùng 7 cái ấn triện khắc bằng ngọc thạch là: Bán sơn trung tự, Khai sơn dũng tuyền ông, Nhân hiệu Sơn ông, Thạch trung kiến ngã, Tĩnh

Digitized by Google

phương, Tịch tính và Thạch thất, rất là cổ. Tấn lau chùi đưa cho sư ông (chùa này) cất giữ làm của quý báu. (Đào Tấn) tức cảnh có đề một câu như sau:

Giai sĩ từ bi minh thị Phật,
Sơn ông danh tự bán nghi tiên.

Dịch
Giai sĩ từ bi phải là Phật,
Sơn ông tên tuổi ngỡ là tiên.

Thành Thái năm thứ 7 (1875), bèn đem việc tâu lên, có tới tai lương cung, ban cho 70 lạng bạc, sai tỉnh thần trùng tu lại ngôi chùa ấy.

*

Giác Ngộ hòa thượng

Người tỉnh Gia Định. Không rõ họ, tự hiệu là Sơn Nhân. Khi trước ra làm việc đắp thành, đẽo đá rất chăm, chợt ở trong hòn đá lớn được một tượng Phật, bèn phát nguyện đem tượng vào rừng đoạn tuyệt với đời mãi mãi. Sau có người ở Phí Yên trông thấy trong chùa Thôn Không ở trên núi có người ở, trước đây người trong thôn có dựng chùa ở trên núi, mà núi lại nhiều hổ, đến bây giờ thấy Sơn Nhân ở đó bèn sợ hỏi. Sơn Nhân nói: "Ta là ta, hổ là hổ." Lại hỏi: "học chú ở kinh nào mà hàng được hổ?" Đáp: "chỉ có 6 chữ châm ngôn là: Na mô a di đà phật thôi." Bấy giờ dịch bệnh thịnh hành nhiều người nhuốm bệnh chết, độc thôn ấy có Sơn Nhân tụng kinh cầu đảo nên được yên. Gặp tỉnh quan là mổ (khuyết họ tên), có người con bị bệnh đau tim, cũng vái thuốc men không hiệu, người ta cho là có hổ nương thành yêu quấy nhiễu bèn sai người đi tới thỉnh Sơn Nhân hỏi: "tỉnh ở nơi nào?" Người tới thỉnh đáp: "ở hướng đông." Sơn Nhân nói: "người về trước ta biết rồi." Thế rồi Sơn Nhân quả đến trước vào bắt mạch và nói: "hổ nương hãy tha cho, họ vừa dại vừa ngây, hổ nương hổ nương tha đi." Chợt có tiếng động, hình như tấm lụa bay

Digitized by Google

vút đi rồi tan. Con viên mổ liền khỏi bệnh, tỉnh thần đem việc tâu lên. Thánh tổ Nhân hoàng đế [1] xuống sắc cho triệu vào nội, cho ngồi, rồi trình bày về câu hỏi, vì đâu được đắc đạo, và ban cấp rất hậu. Đều cáo từ không nhận.

Vua nói: "đời xưa có bảo: thuần nhất không pha là hòa, muôn loài đều tôn trọng là thượng, là người ấy ư!" Bèn cho hiệu là Sơn Nhân hòa thượng, lại sắc cho hòa thượng ở các chùa công nên đổi tên là Tăng cương để tỏ có phân biệt. Lại sắc cho ở chùa Giác Hoàng, hơn một tháng xin về núi. Đời truyền Sơn Nhân mặc áo vỏ cây đi dép gỗ rắn, đi bộ rất nhanh, khi về núi tuổi đã 80. Không rõ về sau ra sao.

✣

Trần Viết Thọ

Tự là Sơn Phủ, hiệu là Điềm Tĩnh cư sĩ, người Thuận Xương tỉnh Quảng Trị. Tính cương trực cùng người ít hợp, Tự Đức năm Tân Mùi (1871), đỗ phó bảng, trải làm phủ huyện thi hành chính trị được sáng rõ. Bấy giờ Nguyễn Hữu Độ làm biện lý bộ Lại có sớ đề cử lên, vì là người cứng thẳng dùng được và tổng đốc Vũ Trọng Bình cũng cho là chất phác thẳng thắn không nhiễu bạn tiến lên. Tự Đức năm thứ 30 (1883) chuyển làm chủ sự bộ Lại, sung Cơ mật viện hành tẩu, rồi mắc bệnh xin nghỉ và khảng khái lo phiền thời sự đóng cửa không chịu ra nữa. Đầu năm Hàm Nghi (1885) những quân mượn tiếng, tạo sự là xướng nghĩa cướp lấy tỉnh thành (Quảng Trị). Viết Thọ nghe biến, thân tới đem việc họa phúc bày tỏ phân giải, đảng ấy liền phân tán bỏ đi. Quan quân nhân đó thu lại tỉnh thành. Đầu năm Đồng Khánh (1886) cất bổ thị giảng học sĩ, lĩnh án sát sứ tỉnh Quảng Nam, rồi mắc việc phải tả thiên lĩnh đốc học ở tỉnh ấy. Được hơn năm, triều đình cho trước kia có công bài giải, lại thưởng bổ thị giảng.

(1) Chỉ Minh Mạng.

Digitized by Google

Viết Thọ dạy người ta lấy 2 chữ "tiết tháo" làm nghĩa thứ nhất, học giả đều tôn làm thầy. Thành Thái năm thứ 5 (1893) vì già xin về hưu, bấy giờ tuổi đã 59 tuổi, Tinh thần là Đào Hữu Ích cho là sĩ tử đương vui tin theo, cố gắng ở lại. Viết Thọ không chịu, tỉnh lại cố ý để lâu không để đạt việc ấy lên. Viết Thọ bèn dặn hiệu sinh mang ấn học chính quan phòng do tỉnh đưa nộp rồi bỏ đi.

Khi về nhà lấy tranh ước tự giữ mình, thường học môn tịch cốc muốn theo tiên nhưng không thành; rồi có chỉ chuẩn cho nghỉ khoảng vài năm, được truy phục nguyên hàm thị giảng học sĩ. Một hôm lại động khởi việc nghĩ trước, tới chùa Từ Hiếu gọt tóc ăn chay niệm Phật không nói đến việc đời nữa. Được khá lâu lại về nhà đổi chỗ ở làm am, gọi là am Cổ Tiên phụng thờ Tam giáo, hàng ngày ngồi trong đó ăn các rau quả để độ lúc còn sống, rồi dựng riêng cái lều để ở và đắp sinh phần mưu tính cho cái thân sau này. Một hôm cho gọi gia quyến bảo rằng: "xuất gia quy Phật để kết liễu cục sinh tử, đợi hôm nào được hợp cát, ta tự thiêu hóa, nên ghi nhớ lấy." Vợ con quanh khóc lóc can ngăn. Viết Thọ tuyệt nhiên không động tâm, duy đóng cửa ngồi im lặng. Đến đêm hôm sau giả cách ngủ, đợi canh khuya đốt lều ở, rồi chắm hương ngồi xếp chân bàn tròn, khi lửa bốc mạnh, trẻ con sợ hãi kêu gọi. Viết Thọ ở trong lửa xướng lên rằng: "chớ sợ, mau hộ niệm, mau hộ niệm." Người ta trông thấy lửa đã bén lên tay áo và lan lên tới mũ, còn cố chấp tay ngồi tề chỉnh như cũ, tới khi đã cháy ngã, đem lên giường, xem quyển gia phả thấy bút ghi năm tháng ngày giờ mỗ, ta tự hóa hỏa cái thân ở phía đông cái nhà này, Bật Phương và Lã Phẩm thu hài cốt ta đem táng ở ngôi sinh phần v.v... các sư ở chùa các núi tới hội họp vài trăm người mở giới đàn đọc kinh sám nguyện đủ một tuần. Sau khi chôn cất mới phân tán, ai nghe việc ấy đều kinh hãi và cho làm lạ; trong kinh những người hiển đạt phần nhiều tới ai điếu. Đông các Trương Cúc Khê,

Digitized by Google

hiệp biện Nguyễn Hà Đình và Cao Long Cương làm câu đối viếng và được truyền tụng.

1/ Câu đối của Cúc Khê:

Nhất lạc liễu trần duyên, hoạn lữ khoa bằng phân thượng luận;

Thiên thu hoành bút pháp, nho lâm thích bộ hợp thành biên.

Dịch Lò lửa hết duyên trần, bè bạn hoạn khoa còn nghị luận;

Đời sau cầm bút chép, thiên nho kinh sử góp thành biên.

2/ Câu của Hà Đình:

Tu đáo thử, khởi vô nhân, mạc vấn sinh thiên tiền thành phật hậu;

Tử như hà bất tất biện, chỉ tranh khăng khái dị thung dung nan.

Dịch Tu được thế há khôn nhân, chi phải hỏi trước sinh thiên sau thành phật;

Chết thế nào không cần biện, chỉ vì tranh dễ khẳng khái khó thung dung.

3/ Câu của Cao Long Cương:

Thông tịch lai hoạn hải thăng trầm, trận mộng dĩ tùy khôi kiếp hóa;

Giải tô hậu, Hương sơn lai vãng, não thành tính nhập hỏa khanh không;

Dịch Khoa danh vào sổ, biển hoạn thăng trầm, trầm mộng đã theo với lửa hết;

Cởi mũ về nhà, núi Hương qua lại, sầu thành giồn cả lửa lò không.

Văn Minh là Hoàng Thái Xuyên lại đem việc làm mệnh đề sai văn sĩ làm phú.

Digitized by Google

Khi trước Viết Thọ dừng gậy tích ở chùa Diệu Đế có soạn quyển "Báo quốc tự lục" và vài quyển "Chu gia thi văn", về chân tu khổ hạnh nay sư ở các chùa còn truyền tụng việc ấy.

*

Vũ Đức Nghiêm

Người huyện Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi. Sinh ra thông minh trí tuệ, ít nói cười, khi còn hài đề đã sớm có quan niệm Na mô phật bảo hiệu; năm 12 tuổi xuất gia, phóng bước chơi xa, yêu thích chùa Phúc Lâm ở Thanh Hà tỉnh Quảng Nam, bèn dừng gậy tích ở đó 10 năm có lẻ, lại về làng ra lính chỉ huy. Một hôm hoảng hốt như mất cái gì, bỏ chức trốn đi, tới phố Hội An tỉnh Quảng Nam phát nguyện quét chợ. Trong 20 năm bụi trần xấu xí mà vẫn như không, được lâu người ta biết lấy làm lạ, đều giữ lễ như mới khi gặp gỡ. Chùa Di Đà mới tới làm bản tự trụ trì, rồi các sơn tự mở giới đàn tôn làm Minh giới hòa thượng và trong tờ có nói: "Phật là giác giã, hòa thượng có tính thông tuệ, tự cho con đường tình duyên danh lợi đã 20 năm nay như đem dao cắt đứt hẳn, coi giống cát sông bọt nổi. Lại đem mình ở nơi thị tỉnh chịu đựng bụi trần nhọc lòng khổ chí để giữ vững tâm niệm nhập đạo mà thành tựu tấm thân chứng đạo. Đã hay tự mình khai giác hết thảy những người có tình như chiêm bao thức giấc dậy. Trong điển Phật có nói, tự mình biết, bảo cho người khác biết, đó là có ý nghĩa đầy đủ tiếng khen về biết rõ cả." Từ đấy người xuất gia người tại gia đều tôn làm phật tử xuất thế.

Chùa Phúc Lâm khi bé Đức Nghiêm thế phát ở đó, bèn quyên mộ góp vàng sửa chùa đúc chuông lớn, biện thành một cảnh giới rộng rãi sầm uất, được khá lâu rồi chết, được 84 tuổi. Sau có người dật sĩ ghi chép việc đó có câu rằng:

Digitized by Google

Phiên âm: Bình nam tảo thị, lưỡng độ gian lao, xuất gia kỳ phát nguyện vưu kỳ, bát dật sinh thiên thành chứng quả;

Tạo tự chú chung, nhị thung công đức, cách cựu hảo đỉnh tân cố hảo,. thiên thu giác thế vĩnh truyền đăng.

Dịch: Bình, man quét chợ, hai độ gian lao, xuất gia kỳ phát nguyện cũng kỳ, tám chục chầu trời thành quả phúc;

Dựng chùa đúc chuông, đôi lần công đức, đổi cũ tốt thay mới lại tốt, nghìn thu tỉnh thế ngọn truyền đăng.

Digitized by Google

QUYỂN 44

LIỆT NỮ

- Hoàng Thị Trúc (phụ Thị Nương, Thị Liệu)
- Bùi Thị Tâm
- Dương Thị Việt
- Vũ Thị Lựu
- Phạm Thị Uyển
- Vy Thị Phí
- Nguyễn Thị Quyên
- Nguyễn Thị Quyên
- Nguyễn Thị Phán
- Nguyễn Thị Bình
- Nguyễn Thị Nghĩa
- Nguyễn Thị Tư
- Lê Thị Nhuận
- Trương Thị Cận
- Lê Thị Tể
- Đoàn Thị Quang
- Đoàn Thị Lưu
- Trần Thị Quyền
- Nguyễn Thị Thông
- Trần Thị Nhi (phụ Nguyễn Thị Lý)
- Đoàn Thị Thùy
- Ngô Thị Khách
- Nguyễn Thị Tín (phụ Vũ Thị Trực)
- Lê Thị Nữ
- Phạm Thị Thường
- Nguyễn Thị
- Phạm Thị (phụ: Vũ Thị)
- Nguyễn Thị
- Đỗ Thị
- Nguyễn Thị
- Đoàn Thị Triện
- Phan Thị Yến
- Nguyễn Thị Viện
- Đào Thị Hiển
- Lê Thị Nhâm
- Nguyễn Thị Thuần

*
* *

Hoàng Thị Trúc

Người tỉnh Lạng Sơn, tuổi 19 có sắc đẹp, tên thổ ty là Thống muốn hiếp, thị không chịu, bị Thống giết, Minh Mạng năm thứ 14 (1833) được nêu khen.

Nguyễn Thị Nương, người tỉnh Hà Tiên (khuyết huyện) là vợ Lý Văn Phúc, năm 23 tuổi đi theo chồng, đáp chiếc

Digitized by Google

thuyền của Trần Văn Sung. Trong khi đi sông, Sung cưỡng gian, thị chống cự, bị Sung bóp chết, Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) được nêu khen.

Nguyễn Thị Liệu, người tỉnh Vĩnh Long, tuổi trẻ đi một mình, bị tên cường bạo bức hiếp, thị chống cự bị hại, Thiệu Trị năm thứ 5 (1845) được nêu khen.

*

Bùi Thị Tâm

Người huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Nhà nghèo bố mẹ chết sớm, tự mình trông coi việc nhà, nuôi nấng em nhỏ. Năm 18 tuổi chưa có chồng. Có đứa con trai cường bạo muốn hãm hiếp không được, dọa giết chết, thị chính sắc nói: "Thà chết không chịu điếm nhục", tên bạo nam đâm chết. Minh Mạng năm thứ 16 (1835) sắc cho biển vàng và dựng phường nêu khen.

*

Dương Thị Việt

Người huyện Họa Hòa, tỉnh Sơn Tây [1]. Năm 14 tuổi về nhà chồng. Trong làng có tên bạo nam thích sắc đẹp muốn hãm hiếp, thị chống giữ không chịu bị hại. Minh Mạng năm thứ 17 (1836), ban khen cho biển vàng tiết phụ và bạc the, sai hữu tư dựng phường nêu khen.

*

Vũ Thị Lựu

Người huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Lấy chồng người làng là Phạm Huy Thái được vài đứa con thơ. Năm 19 tuổi chồng chết, để tở 3 năm, mỗi bữa cơm lại kêu khấn mời ăn coi như là sống. Có đứa con nhà giàu mê sắc đẹp muốn cầu hôn thị không chịu, bố mẹ chồng thương còn ít tuổi đã góa

(1) Nay thuộc Vĩnh Phú.

Digitized by Google

chồng cố ép, thị bèn đâm đầu xuống sông tự tận, được cứu sống. Bố mẹ chồng biết là thủ tiết không nên ép, bèn thiện toàn cho để nuôi nấng 2 đứa con gái được trưởng thành, và đều được có nơi định phối. Làng xóm cho là hiền phụ. Minh Mạng năm thứ 17 (1836) được nêu khen, cho biển vàng tiết phụ hạng ưu và bạc the cùng dựng phường theo lệ.

*

Phạm Thị Uyển

Người huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Gả chồng là người làng là Nguyễn Điệp làm kế thất, năm 21 tuổi chồng chết, khi hết trở, mẹ chồng cho là còn ít tuổi và chưa có con bảo nên tái giá. Thị khóc nói rằng: "người liệt nữ không lấy hai đời chồng, huống con chồng cũng như con mình, xin cho toàn đạo vợ, thề không có chí khác". Thế rồi ngoài cửa ong bướm tin đi mối lại nhiều người, mẹ chồng cho tự lựa lấy, thị tức thì cắt tóc tỏ chí, được tới khi đầu bạc trọn tiết. Minh Mạng năm thứ 17 (1836) được nêu khen thưởng cho hạng ưu và cấp cho theo lệ.

*

Vi Thị Phí

Người huyện Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn. Về nhà chồng năm 20 tuổi, đẻ một đứa con trai mới 3 tháng thời chồng chết. Khi hết trở, óng ả có vẻ còn đẹp. Người ta tranh nhau nhờ người tới nạp thái và ra vào đầy cửa. Mẹ chồng gượng ép tái giá, thị không theo, cắt tóc thề không đổi chí, thờ mẹ chồng nuôi con trước sau trọn tiết. Minh Mạng năm thứ 18 (1837) được nêu khen thưởng cho biển vàng và bạc the.

*

Nguyễn Thị Quyên

Người huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh. Năm 20 tuổi

Digitized by Google

chồng chết không có con, ở góa giữ tiết. Kính nuôi mẹ chồng, nhiều người cầu hôn, thề không tái giá. Khi mẹ chồng chết, 3 năm thương xót, gặp loạn Tây Sơn, trong đó có tên thích vì sắc đẹp bức bách cầu phối hợp. Thị cắt tóc trốn làm sư ni để trọn đạo vợ. Minh Mạng năm thứ 19 (1838) được nêu khen.

*

Nguyễn Thị Quyên

Người tỉnh Hà Nội. Năm 19 tuổi lấy chồng, được 1 năm chồng chết. Nhà chồng thương sớm góa chồng không có con, cho về; thị cắt tóc tự phát thệ giữ chí cho trọn đời. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) được nêu khen.

*

Nguyễn Thị Phán

Người tỉnh Thanh Hóa. Tuổi 20 đã góa chồng, làng xóm có người muốn lấy, thị tức thì cắt tóc để tỏ chí. Khi đảng giặc nghe tiếng đẹp lại bức ép, thị tự thích vào mặt rồi đem con đi, bèn được thoát. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) nêu khen cho biển ngạch tiết phụ và bạc the.

*

Nguyễn Thị Bình

Người huyện Giáp Sơn tỉnh Hải Dương. Tuổi 18 lấy chồng cùng làng là Mạc Thế Viêm, đạo xướng tùy rất là hòa thuận, được nửa năm người chồng mắc bệnh, thị sớm tối hầu hạ nuôi nấng, quên cả ăn ngủ, khi bệnh quá nặng, thị đối diện khóc lóc lấy khăn nhiễu chít đầu xé làm đôi đoạn thề cùng chết. Khi chồng chết, thị khóc lóc ra máu. Hôm tống táng thề chôn cùng huyệt, bèn nói với bố mẹ chồng là mỏi mệt, xin về nhà tạm nghỉ, rồi bí mật vào trong phòng thắt cổ chết, tính ra hôm chôn chồng thị mới được một hôm, thị đã quyên sinh.

Digitized by Google

Bộ thần cho việc tiết nghĩa tự tâm, xin chiếu hạng ưu nêu khen. Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) sắc cho biển ngạch và bạc the cùng dựng phường nêu khen.

*

Nguyễn Thị Nghĩa

Người huyện Quảng Phúc tỉnh Khánh Hòa, là vợ Nguyễn Văn Nổi. Nhà vốn nghèo. Một hôm cùng với chồng đi kiếm củi ở trong núi, đứa con 10 tuổi cũng đi theo, hổ chợt ra vồ người chồng, thị cầm dao đâm vào mắt hổ ngã xuống đất, đứa con cũng góp sức đâm luôn luôn, hổ chết ngay. Rồi thị bế nách chồng về, được vài hôm chồng chết, thương xót chôn cất hết lòng. Viên địa ty đòi hỏi sao không sợ hổ? Thị đáp: "trăm năm kết tóc sống chết cùng nhau, thiếp hôm ấy chỉ biết có chồng, không biết có thân, còn sợ gì hổ". Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) được nêu khen.

*

Nguyễn Thị Tư

Người tỉnh Hà Nội, tuổi 21 góa chồng, chưa có con. Cha muốn ép lấy chồng, thị uống thuốc độc, bố mẹ chồng biết cứu chữa bèn tỉnh. Từ đó không bàn đến việc cải giá nữa, thị được trước sau trọn tiết. Thiệu Trị năm thứ 2 (1842) được nêu khen cho biển ngạch tiết phụ.

*

Lê Thị Nhuận

Người tỉnh Hưng Yên, lúc nhỏ có sắc đẹp, là ái cơ của Lê Bình chương Phạm Công Dữ. Loạn Tây Sơn theo chồng đi ẩn, khi chồng chết theo ở với vợ cả, cha mẹ muốn cho cải giá mà người vợ cả cũng khuyên nhủ, thị tới đền Công Dữ khóc lạy thề là chết. Hàng năm tới đền châm hương, dầu mưa gió tóc mây rối bù mà lòng tháo vẫn giữ. Người không dám

Digitized by Google

phạm, tuổi già được trọn tiết, Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) được nêu khen.

*

Trương Thị Cận

Người tỉnh Quảng Trị. Về nhà chồng, đẻ được 1 trai, chồng chết. Thị còn ít tuổi lại có nhan sắc, nhiều người tranh lấy, cha mẹ muốn ép cải tiết, thị cắt tóc thề, sau không cải giá. Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) được nêu khen biển ngạch tiết phụ và cho bạc the.

*

Lê Thị Tế

Người tỉnh Sơn Tây, chồng chết khi còn ít tuổi, mới đẻ được một gái, ở góa giữ tiết, thờ mẹ chồng nuôi em, đều hết đạo làm vợ. Khi đứa con gái chết, mẹ chồng thương bảo cải giá. Thị không chịu, mẹ chồng chết, trước sau giữ trọn tiết. Thiệu Trị năm đầu (1841) được nêu khen.

*

Đoàn Thị Quang

Người tỉnh Hưng Yên. Năm 17 tuổi đi lấy chồng, được 1 năm chồng chết không có con, cha mẹ thương muốn ép cải giá, thị tự tử chết. Tự Đức năm đầu (1848) được nêu khen.

*

Đoàn Thị Lựu

Người tỉnh Hưng Yên. Năm 18 tuổi lấy chồng, chưa được 1 năm chồng chết, cha mẹ thương khuyên cải giá, thị không theo, lại thường cố ép, thị lấy móng tay hủy hoại con mắt, quyết chí giữ trinh bạch. Tự Đức năm đầu (1848) được nêu khen.

*

Digitized by Google

Trần Thị Quyền

Người huyện Bồng Sơn tỉnh Bình Định. Năm 24 tuổi chưa lấy chồng, cha ra đầu quân làm việc nơi xa, ở với mẹ già mãi trong núi. Đêm đến hổ chợt vào muốn quấp lấy mẹ, thị ra sức đánh hổ trúng vào chỗ yếu, hổ chết ngay, bèn hộ vệ mẹ đi ra thoát được hại. Tự Đức năm thứ 2 (1849) sắc cho biển vàng có chữ "hiếu nghĩa khả phong", và dựng phường nêu khen cùng gia thưởng cho các hạng bạc và the. Sau lấy chồng đẻ 1 con, chồng chết ở góa giữ tiết nuôi con đến lúc trưởng thành, tới năm 78 tuổi mới chết.

*

Nguyễn Thị Thông

Người tỉnh Hưng Yên. Năm 23 tuổi chồng chết không có con. Quyết chí ở góa, có tên thổ phỉ dọa hiếp không nghe, gieo mình xuống sông, người láng giềng cứu thoát khỏi. Tuổi được 60 trước sau trọn tiết. Tự Đức năm thứ 2 (1842) được nêu khen.

*

Trần Thị Nhi

Người tỉnh Bình Thuận. Lấy chồng là tên Thái, gia đình cần kiệm, giữ trọn đạo vợ. Thị lại có nhan sắc, một hôm đi đường gặp tên Bảo định hiếp dâm. Thị không thuận, Bảo lấy dao nhọn đâm vào cuống họng thị chảy máu, thị giả cách ngã chết không động đậy. Bảo tưởng thực, đào cát lấp đi, bỏ dao chạy, một lúc trở mình cát tung ra, cố gượng về nhà chữa thuốc được khỏi.

Nguyễn Thị Lý người huyện An Giang. Năm 20 tuổi gả cho Văn Bái, chưa thành hôn thời Bái ốm chết. Thị lạy khóc ở mộ, suốt đời không lấy chồng. Tự Đức năm thứ 6 (1853) đều được nêu khen.

Digitized by Google

Đoàn Thị Chủy

Người Phong Đăng, tỉnh Quảng Bình. Lấy chồng người làng là Nguyễn Văn Kiện. Sinh được 1 gái, chồng chết tuổi hãy còn trẻ. Có người muốn lấy, cha mẹ ép phải tái giá, thị không thuận, thờ mẹ chồng, hòa mục với họ hàng rất là hiếu kính. Khi con gái đã trưởng thành đã gả chồng, người con gái cũng lại góa chồng sớm. Thị khuyên ở góa giữ tiết, mẹ con nương nhau đều được trọn tiết, Tự Đức năm thứ 9 (1856) được nêu khen.

*

Ngô Thị Khách

Người tỉnh Biên Hòa. Năm 20 tuổi lấy người cùng làng là Hà Văn Suất nhà nghèo, vợ chồng hòa mục, cách sinh sống được dễ chịu, hơn năm đẻ được đứa con gái hãy còn thơ ấu. Suất chết, thị vỗ thây gào khóc khổ sở, người láng giềng nghe thấy cũng rơi nước mắt, thị thề chết theo không nỡ bỏ. Bà và mẹ khuyên bảo thôi đi, đến đêm khuya lẻn ra ngoài vườn gieo mình xuống giếng chết. Tự Đức năm thứ 13 (1860) được nêu khen vào hạng ưu, sai hữu tư cấp biển ngạch dựng phường treo lên và ban cho cả bạc the.

*

Nguyễn Thị Tín

Người huyện Lễ Dương tỉnh Quảng Nam. Năm 18 tuổi lấy Phạm Văn Thành. Năm 19 tuổi đẻ được 1 con, Văn Thành rồi ốm chết, thị mới 20 tuổi. Trong xã có tên cường hào nhờ mối lái tới cầu hôn, thị một mực cự tuyệt, khổ tiết giữ mình, thờ mẹ chồng thành kính, làng xóm khen là hiền phụ, dạy khuyên con là Hữu Ngân đi học, sau đỗ tú tài. Tự Đức năm thứ 10 (1857) được nêu khen.

*

Digitized by Google

Lê Thị Nữ

Người huyện Phong Lộc tỉnh Quảng Bình, cha là Tảo dân miền núi. Nữ có tính hiếu. Tự Đức năm thứ 24 (1871), Nữ 15 tuổi, theo Tảo vào núi Lệ Kỳ chặt củi, chợt con mãnh hổ từ trong rừng xông ra quấp Tảo. Nữ ở bên cạnh giận lắm kêu to lên vội lấy cành cây chặt được đánh lung tung con hổ, hổ đau buông Tảo. Tảo ra được, lại lấy dao chẻ củi kế tiếp đánh, hổ gào thét chạy vào rừng, Nữ bèn đội bó củi cùng với Tảo đi về. Người làng đến thăm Tảo, và trình nghiệm ở bụng lưng có vết thương bị hổ làm sây sát. Vết thương cũng khỏi, việc đến tai vua. Vua xuống chỉ nêu khen và sắc cho biển ngạch bằng chữ vàng có chữ "hiếu hạnh khả phong" và quan dựng phường treo lên.

*

Phạm Thị Thường

Người tỉnh Hải Dương. Sớm có chồng, được 1 con. Chồng chết, cha mẹ mưu muốn gả chồng, đến kỳ sính lễ, thị lén tự vẫn ở trong buồng. Người đến cứu cởi dây hơi thở gần tắt, hôn mê mất một đêm lại sống, cha mẹ thương chí hướng bèn thôi, được tòng nhất đến chết, Thiệu Trị năm thứ 6 (1846) được nêu khen cho biển ngạch "tiết phụ" và bạc the.

*

Nguyễn Thị (khuyết tên)

Người huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa, 17 tuổi về nhà chồng, được luôn 1 trai 2 gái. Năm 20 tuổi góa chồng, khi hết tang, người ấp bên cạnh mến có hạnh, cầu cạnh mối lái. Cha mẹ chồng thương còn ít tuổi cũng ép cải giá, thị không theo, cắt tóc tự thề. Sau đó trong quận có tên đại giáo hoạt nghe có nhan sắc muốn ép nhờ người đưa đồ nạp thái, thị ẵm con khóc nói rằng: "bỏ con bất từ, phụ chồng là vô lễ, nếu không tính kế trước sợ lụy tới cha mẹ, bèn tự thích vào

Digitized by Google

mặt, máu ra khắp mình sắp chết, nhờ cứu khỏi, tức thì mang con đi ở nơi khác. Khi tên đại giáo hoạt bị giết, mới trở về. Gia Long năm thứ 7 (1808) cha mẹ chồng kế tiếp chết, chôn cất theo lễ, giữ tiết cho chí lúc già. Khoảng năm Thiệu Trị (1841 - 1847) cho biển ngạch nêu khen.

*

Phạm tiết phụ

Người huyện Thượng Nguyên tỉnh Nam Định, sinh trưởng trong nhà quan, biết sách vở, tuổi tới cài trâm [1] lấy tú tài Nguyễn Khắc Cần, được hơn năm, chồng chết không có con. Thị thương khóc nói rằng: "nếu có con ra thời phận đã yên. Nay lại không thế, biết ra sao". Chúng bạn đều khuyên giải. Một hôm vắng vẻ tự vẫn chết, khám trong hòm áo có để lại một lá thư từ tạ. Cả nhà sợ hãi than thở đem việc trình lên. Thủ thần trọng vì tiết nghĩa trình bày trong sớ nói: "bậc tiên triết có răn bảo, không quý kẻ nghịch tình, mà Kinh Lễ đã lập giáo cũng răn người thương tính; nhưng nghĩa trinh tòng nhất, khăng khái tỏ chí, khích lệ kẻ ngoan, đôn đốc kẻ bạc cũng nên khen ngợi. Nay họ Phạm quyên sinh theo chồng, ngẫm lời lê khẩn khoản thượng xót do tâm phát ra, thực nên khoan thứ. Mong nhà vua xuống sắc giao cho bộ Lễ châm chước bàn định, ngõ hầu có chút bổ ích cho phong giáo". Khoảng năm Tự Đức được chỉ nêu khen, mà quan vì đó dựng nhà phường treo lên.

*

Lê Thị (khuyết tên)

Người huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa. Tuổi cài trâm về nhà chồng được hơn tháng, gặp năm Nhâm tuất dấy binh, chồng lệ thuộc sổ quân, phải đi tòng chinh, đóng ở Vũ Ninh rồi ốm chết. Vợ mới có 19 tuổi để tang 3 năm, sau có người

(1) Là tuổi 15.

Digitized by Google

tỏ ý kiến dỗ đi cải giá, thị chống cự dữ, nhân đốt đồ mã xong, tới mộ khóc lóc 3 hôm, trở về tự vẫn ở trong buồng. Nhà chồng kinh sợ than thở lấy lễ chôn cất.

Lại có *Vũ thị* người huyện Nông Cống lúc trẻ lấy người Quảng Xương là Bùi Văn Tấn, trải 10 năm có lẻ chưa có con, của nhà tương đối khá. Đầu năm Đồng Khánh (1880) bọn nghịch đảng bắt người chồng tra khảo không nói bèn giết đi. Thị chôn cất theo lễ, rồi cho gọi con người anh chồng dặn dò việc nhà, qua 3 ngày tự vẫn chết. Ai nghe cũng thương.

*

Nguyễn tiết phụ

Người huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An, là vợ Lê hiệu sinh Nguyễn Chương. Năm 20 tuổi góa chồng, tự cắt tóc thề giữ tiết nuôi con côi, thường khuyên con chăm chỉ nghề nghiệp sẵn có của tiên nhân, dạy bảo rất nghiêm, đến già cũng không chút trễ nải. Thị tuổi gần 50. Con là Du đỗ tú tài. Đến năm 70 cháu là Thái đỗ cát sĩ về kỳ chế khoa. Tự Đức năm thứ 10 (1857) viên hữu tư trình bày trong trạng tâu lên, vì là người đàn bà trinh tiết hiền năng, lại đem thi thư dạy bảo con cháu đều được thành đạt. Vua cho biển ngạch và quan dựng phường treo lên.

*

Đỗ tiết phụ

Người huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa, là vợ nhà canh nông Lê Đình Dũng. Năm 19 tuổi về nhà chồng, được hơn năm đẻ một con gái, chồng chết, con gái đến tuổi thành niên cũng chết non. Đình Dũng lại ít anh em, nhà vẫn nghèo, mẹ chồng lại già ốm và lòa, thị lo tang, nuôi mẹ chồng làng xóm khen là hiếu, thị lại có nhan sắc, có người ta muốn nhờ người tới nạp thái. Thị trả lời mạnh bạo và chống cự. Năm Bính tuất có việc dấy binh, thôn dân đêm đến phần nhiều sợ chạy

Digitized by Google

vào các bụi rậm. Giáp mỗ có người cùng chạy muốn loạn dâm, thị lấy con dao mũi nhọn ở trong người ra và mắng rằng: "bọn chuột đâu dám sánh với hổ". Cứng rắn tiết liệt đại loại như thế. Mẹ chồng thường thương về chí hướng bảo rằng: "Con còn trẻ chịu yên phận nghèo với ta thời tùy ý, trái lại không chịu được cũng cho tùy ý. Ta già phải chết chớ quyến luyến ta nữa". Thị cau mày và nói: "nếu con đi thời lão mẫu trông cậy ai, nhà ta trinh bạch đã 2 đời nay, nếu để thẹn cho đạo làm vợ thời nhất đán làm ô nhục đó! Con đâu nỡ thế ư! Xin thay chồng nuôi mẹ cho chí lúc tận số". Từ đó phát thệ đành như con én một mình, 20 năm có lẻ chịu khổ tiết nghèo nàn mẹ chồng nàng dâu nương tựa lẫn nhau yên phận.

Trước đó, xưa bà họ Lê 20 tuổi góa chồng giữ tiết đến chết, đến người mẹ cũng 25 tuổi giữ tiết như mẹ chồng, rồi đến thị là 3 đời. Thị từ sau khi mẹ chồng chết, đóng cửa dệt cửi tự cung cấp lấy. Đến năm 60 tuổi người ta vẫn ít khi trông thấy mặt, các thân sĩ ở trong quận thời nhiều, nhưng người có tiết nghĩa mới làm truyện để ghi nhớ.

✤

Nguyễn Thị (khuyết tên)

Người huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh. Năm 19 tuổi về nhà chồng giữ trọn đạo làm vợ, họ hàng làng xóm đều khen, được vài năm chưa có con thời chồng chết, thị thương khóc không tiếc tấm thân, lấy dao đâm cổ. Cứu được không chết, nên từ hôm đó ngày đêm thương khóc, ăn uống đều bỏ, thân thuộc bè bạn có người tới khuyên giải. Thị nói: "Chồng thiếp đã chết, thiết nay trông vào đâu, chỉ muốn chết để theo chồng ở dưới suối vàng là thiếp được mãn nguyện". Mọi người thương về chí hướng cùng dặn dò giữ gìn thân thể. Một hôm thị nhân vắng người, nằm ngoảnh mặt vào tường lấy tay móc cổ họng rồi chết. Tự Đức năm thứ 13 (1860), việc đó đến tai vua, Lễ

Digitized by Google

thần cho hành động của thị hơn bậc trung thường mà tính hiếu thuận lại càng cao thượng, vua thưởng cho biển ngạch chữ vàng mà quan dựng nhà phường treo lên.

*

Đoàn Thị Triện

Người tỉnh Quảng Bình. Cha mẹ đã đến tuổi già chỉ sinh được một gái, quí như hòn ngọc bích lớn. Khi lớn định kết hôn, thị đều không chịu, cha mẹ lấy làm lo sợ như quả phiến mai quá tuần ba bảy chăng. Thị dò biết ý kiến, bèn tới mẹ vừa thuật vừa khóc rằng: "thân hèn yếu như con, một khi lấy chồng, thời cha mẹ lấy ai phụng dưỡng. Xin không lấy chồng, để được cơm nước nuôi nấng cha mẹ đến hết tuổi trời, còn việc khác con không đoái tưởng đến". Sau được như chí nguyện. Tự Đức năm thứ 17 (1864) cho biển vàng trinh nữ và bạc the, dựng nhà phường treo lên.

*

Phan Thị Yến

Người huyện La Sơn tỉnh Hà Tĩnh. Gả cho cử nhân ở Thanh Chương là Vũ Đức Hậu làm kế thất. Được linh 2 năm chồng chết chưa có con cái, thương khóc thống thiết, muốn lấy dao con tự hủy hoại cái thân, họ hàng phải khuyên giải. Sau khi nhập quan lại lấy cái khăn nhiễu của người chồng đã chết ấy, treo lên xà nhà ý muốn tự tận. Người thân cận cứu khỏi, lúc tống chung mướn thợ xây mồ, tới trước mộ lấy gạch đánh vào đầu mặt gần đoạn tuyệt. Người đàn bà phụ việc cùng thợ ngõa kêu cứu, thân thuộc đem về thuốc men nuôi nấng. Bấy giờ tuổi vừa 20 nhiều người cần mối lái thị hết thảy đều không chịu, giữ tiết ngoài 30 năm, làng xóm đều khen là trinh thảo. Tự Đức năm thứ 36 (1883) được nêu khen.

*

Digitized by Google

Nguyễn Thị Viên

Người huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An. Về nhà chồng sinh được 1 gái mới được 1 tháng có lẻ thì chồng chết. Tuổi 20 ở góa giữ tiết, trên thờ thân dưới nuôi con được 10 năm có lẻ. Sau khi bố mẹ chồng chết, có người trong xã muốn ức hiếp lấy, thị đêm đến lấy dải thắt lưng treo lên thắt cổ, được người nhà cứu sống, từ đó về sau giữ chí tòng nhất. Tự Đức năm thứ 36 (1883) được nêu khen.

*

Nguyễn Thị Thuần

Người huyện Quảng Điền phủ Thừa Thiên. Năm 17 tuổi gả cho sinh đồ xã Xuân Tùy là Hoàng Đạo. Thị con gái nhà giàu, cày cấy chăm chỉ việc nhà, lấy lễ đối xử với chồng và khuyên đi du học để được toại chí, sau Hoàng Đạo đỗ liên 2 khoa tú tài, có 2 con thời Đạo chết. Tuổi mới 25, ở góa giữ tiết. Bấy giờ 2 con còn nhỏ, phơi gói tờ di thư để đợi, nghiêm tuyệt người lạ qua lại, người làng có việc giá thú thời đưa lễ, từ chối không đến. Có người cầu cạnh muốn lấy, thị không thuận, thường bị bức bách, thị tự vận muốn chết, lại được cứu khỏi. Rồi từ đó chọn láng giềng để dạy con, mỗi khi khuyên học lại chảy nước mắt dạy con để trọn chí người trước và nói rằng: "các con chăm học ta có khổ tiết cũng cam". Trong khi ngồi, thường để roi vọt, hễ con chơi lười là bị trách đánh. Người ta cho là nghiêm mẫu; khi 2 con trưởng thành thời thị đã quá 60 tuổi. Tự Đức năm thứ 36 (1883) hữu tư đem việc tâu lên, được nêu khen biển ngạch tiết phụ hạng binh và cho bạc the. Sau con là Hoàng Liên, Hoàng Thông đều đỗ cử nhân, cùng nhau kế tiếp được tờ hịch cho về phụng dưỡng thừa hoan, chân lý cho là vinh dự, thị hưởng thọ 77 tuổi. Liên làm đến tri phủ rồi chết, Thông hiện nay làm thị độc Viện Hàn lâm, sung trợ giáo Quốc Học.

Digitized by Google

Đào Thị Hiền

Người tỉnh Hà Tĩnh. 16 tuổi mới hứa gả chồng, sính lễ đã đủ, chưa kịp về nhà chồng nhưng tình đã in sâu, rồi chồng bị ốm chết, thị tới chịu tang và xin ở lại nuôi mẹ chồng. Mẹ đẻ ép phải về nhà, đêm đến treo cổ muốn tự vẫn, người láng giềng biết cứu khỏi. Rồi từ đó qua thăm mộ chồng rạp mình xuống đất kêu khóc, đưa về nhà mẹ, đến đêm thổ huyết chết. Kiến Phúc năm đầu (1884) được nêu khen.

+

Lê Thị Nhâm

Người huyện Lễ Dương tỉnh Quảng Nam. Tuổi trẻ đã biết khuôn phép. Lấy chồng là Nguyễn Văn Chất đẻ 1 trai tên là Hữu Quang. Được 1 năm Văn Chất ốm chết. Thị tuổi 20, ở góa giữ chí, phụng dưỡng bố mẹ chồng, đón thầy dạy con, mong cố gắng thành đạt. Khi Hữu Quang thi đỗ cử nhân, Đồng Khánh năm thứ 2 (1887), tỉnh thần đem việc tâu lên, được nêu khen và thưởng ngân bài cùng bạc lạng.

Hữu Quang trước đây không chịu nhơ nhớp theo ngụy phỉ được thưởng thụ hàm giáo thụ, làm huấn đạo ở huyện Quế Sơn.

Digitized by Google

QUYỂN 45

TRUYỆN CÁC NGHỊCH THẦN - MỤC I

- Lê Văn Khôi (Phụ: Nguyễn Văn Trấm)

✣

Lê Văn Khôi

Nguyên họ Bế, con một thổ mục Cao Bằng là Văn Kiện, khi lệ thuộc tòng quân, cho lấy họ công đồng [1] là Nguyễn Hựu, sau theo nghịch đổi theo họ của Duyệt là Lê, vì trước kia nguyên thuộc dưới trướng của Lê Văn Duyệt. Lúc nhỏ có võ lược và khỏe mạnh tuyệt vời. Gia Long năm thứ 18 (1819) ở 2 trấn Thanh Nghệ và Thanh Bình (nay đổi là Ninh Bình) Thiên Quan (tên phủ, nay đổi là Nho Quan), những lưu dân thổ phỉ tụ họp nhau làm giặc, quan sở tại không kiềm chế nổi.

Vua sai tả quân Lê Văn Duyệt tới đó để kinh lược, Khôi mộ quân lệ thuộc dưới trướng, bắt dẹp thường có công, Duyệt yêu cho làm trảo sĩ (chân tay lông cánh). Đầu năm Minh Mạng (1820) Duyệt vào làm tổng trấn ở Gia Định, đem Khôi cùng những người tội phạm ra thú được miễn ở Bắc Thành lệ thuộc sai phái, thường cất nhắc Khôi làm đến phó vệ úy ở vệ Minh Nghĩa. Khôi dựa thế lực của Duyệt làm nhiều điều ngang ngược, hoặc bắt biên binh lên rừng đẵn gỗ, nhân đó tự tiện lấy gỗ ván bán cho người nước Thanh hay đóng làm thuyền riêng. Sau khi Duyệt chết, Gia Định thành đổi làm tỉnh Phiên An, đặt ra những chức: tổng đốc, bố chánh, án sát, lãnh binh. Bố chính sứ là Bạch Xuân Nguyên vốn hà khắc

(1) Dòng họ Nguyễn Hữu gốc ở Gia Miêu ngoại trang huyện Tống Sơn nay thuộc Hà Trung, Thanh Hóa.

Digitized by Google

cùng với tổng đốc là Nguyễn Văn Quế tâu xin bắt Khôi nghiêm xét, rồi trích ra những việc đã qua muốn bắt đền tội. Nhân đó bắt cả Duyệt đã chết đi cũng mắc tội. Khôi đem lòng oán vọng mưu việc bất pháp, bèn cùng với người đồng án là Nguyễn Văn Bột, nguyên làm phó vệ úy ở vệ Tả bảo nhất, ngầm họp các đồng sự là: Thái Công Triển làm vệ úy ở vệ Tả bảo nhị (trở xuống đều lệ thuộc theo Văn Duyệt, hiện đóng trong thành), Lê Đắc Lực làm phó vệ úy, Lưu Tín ở ty Hành nhân, Đặng Vĩnh Ung làm phó quản cơ Thanh Thuận, Vũ Vinh Tiến là anh người vợ lẻ của Duyệt, Dương Văn Nhã ở đội Lâm xa tả quân, và Nguyễn Văn Trám ở đội Hồi lương. Khôi bảo rằng: "cái án gỗ ván thuyền ghe đều do Xuân Nguyên trích phát ra, không giết họ, họ cũng sắp hãm hại ta. Lại mượn tiếng nói thêm, ta nghe con cháu nhà Lê ở Bắc Kỳ đã lấn cướp hai, ba tỉnh, thường có thư đưa tới khuyên ta để làm nội ứng ở xa. Vậy nay quân ở tỉnh thành có ít và sơ sài việc phòng thủ, ta đã dụ được quản cơ Nguyễn Văn Tân và suất đội Nguyễn Văn Chân ở Tượng cơ, lựa lấy voi chiến phục binh ở ngoài, và suất đội ở cơ Phiên dũng, giữ cửa Hoài Lai là Quách Ngọc Khuyến làm nội ứng ở trong. Nếu nhân cơ hội lén phát trước chém Xuân Nguyên, thứ bắt tổng đốc, án sát, lãnh binh mà giữ lấy thành, thời việc lớn có thể thành". Mọi người đều theo, lời ước đã định, chập tối Khôi đem hơn 60 người trong đảng đều cầm dao gươm lấy vải trắng bịt đầu làm ghi, và 5 thớt voi do cửa Hoài Lai vào thẳng tới sảnh đường bố chính. Bạch Xuân Nguyên nghe biến lẻn trốn, bọn giặc vào sảnh đường tổng đốc, Nguyễn Văn Quế và con chồng chọi đều gặp hại. Án sát Nguyễn Chương Đạt, lãnh binh Nguyễn Quế chạy ra ngoài thành trốn thoát. Còn Xuân Nguyên cũng bị giặc bắt. Bấy giờ là hôm 18 tháng 5, năm thứ 14 (1833). Giặc Khôi bắt được Xuân Nguyên, đem đảng tới nhà riêng của Duyệt bảo với vợ Duyệt là Đỗ Thị Phấn rằng: "tôi ngày thường cùng với Xuân Nguyên vốn không có hiềm thù, mà Xuân Nguyên lại

Digitized by Google

hà khắc bởi việc đã qua rồi và nói không đào xương cốt ở mộ Duyệt thời không thôi. Bọn tôi là thuộc hạ cả không thể nhẫn nại được, việc biến ngày nay là bởi Xuân Nguyên. Xin cho lấy mỡ Xuân Nguyên đốt tế mồ Duyệt để hả giận". Đỗ Thị khóc nói rằng: "Bọn ngươi làm như thế, phải mắc tội với triều đình mà mồ của Duyệt cũng đến phải đào". Khôi đem Xuân Nguyên đi và thuộc hạ là Nguyễn Trương Hiệu đều chém cả rồi chiếm cứ thành. Giết tên đề lao ở ngục thất là Nguyễn Như Xuân, tha các tù phạm để cùng sống chết với đảng. Về thuyền ghe và voi đều chiếm cứ hết, rồi tự xưng làm nguyên súy, làm ngụy ấn, đặt ngụy mục. Khôi cho Thái Công Triển làm trung quân thống lĩnh, Lê Đắc Lực làm trung quân phó tướng, Nguyễn Văn Trấm (người tỉnh Hưng Yên bị tội tù phát vãng làm lính) làm tiền quân thống lĩnh, Nguyễn Văn Thông làm tiền quân phó tướng, Dương Văn Nhã tả quân thống lĩnh, Hoàng Nghĩa Thư (nguyên là đội Lâm xa ở tả quân) làm tả quân phó tướng, Vũ Vĩnh Tiến làm hữu quân thống lĩnh, Trần Văn Tha (nguyên là đốc vận, can khoản chở cho ngụy nghiệt) làm thủy quân phó tướng, Nguyễn Văn Tâm làm tượng quân hộ nguyên, Nguyễn Văn Chân làm tượng quân thống lĩnh, Quách Ngọc Quyến làm đô quản lĩnh (về sau Ngọc Khuyến cùng Văn Chân, Văn Tâm dòng dây xuống thành ra thú, giải về kinh đều bị chém), Đặng Vĩnh Ung làm Lại bộ Thái khanh, Nguyễn Văn Quế (nguyên tả quân cai án) làm Hộ bộ Thái khanh, Nguyễn Văn Hòa (nguyên viên ngoại lang bộ Hình) làm Binh bộ Thái khanh kiêm Hình bộ, Trương Văn Tuế (nguyên tả quân tư bạ) làm Công bộ Thái khanh. Còn thời ngụy xưng là 5 đồn, 5 khuông, 5 dực các sắc rất nhiều. Rồi làm tờ ngụy hịch lược trình bày cho nhân dân quanh tỉnh biết là: ứng để khôi phục nghiệp nhà Lê. Lại nói Lê Văn Duyệt đã chết rồi là ân súy của họ không có can phạm cũng bị lỗi, vì đó dấy binh để phục thù cho Duyệt". Bấy giờ những người học đạo Da tô ở tỉnh hạt, cùng người nước Thanh tới đầu ngụ

Digitized by Google

và người Man Quang Hóa với lính đào ngũ ở 3 đội: Thanh Thuận, An Thuận, Bắc Thuận đều tới quy phục trong khoản chưa được một tuần đã nhiều đến vài nghìn. Trước hết sai bọn Lê Đắc Lực và Lưu Tín xâm nhiễu tỉnh Biên Hòa. Suất đội tượng cơ phái tới ngăn giữ là Nguyễn Văn Khiển đem lòng nội phản xua voi tới loạn đả quân ta. Quản cơ là Trần Văn Khanh cùng phó lãnh binh ở Phiên An là Giả Tiến Chiêm không thể địch nổi đều lui chạy và phó quản cơ ở thủy binh là Ngô Văn Hóa cũng bị giặc đánh thua. Giặc thừa thế thắng tới tỉnh thành, bọn thự phủ là Vũ Hữu Quỳnh binh ít khó chống đem thân biên binh tượng chạy tới trạm Thuận Biên. Giặc lén chiếm cứ thành, Lê Đắc Lực ngụy xưng là trấn thủ, cho Đỗ Văn Dự (Dự vốn họ công tính Nguyễn Hựu vì theo giặc nên đổi theo họ mẹ là họ Đỗ, khi trước làm hiệp trấn ở Hà Tiên can án lấn thiếu tài sản sao chép để sung công, phải trói bỏ ngục ở thành Phiên An, giặc Khôi tha cho làm Hình bộ thiếu khanh) làm hiệp trấn trông coi cơ Hùng thắng của ngụy (nguyên là bọn ca nhi của Lê Văn Duyệt).

Khi trước giặc Khôi gây biến, phó lãnh binh ở Phiên An là Giả Tiến Chiêm ở xưởng thuyền ngoài thành, đem lính thủy cơ và dân phu phụ cận đã tới cửa thành 2 lần giao chiến không địch nổi, bị thương chạy lui, cùng với án sát Nguyễn Chương Đạt và lãnh binh Nguyễn Quế (sau cùng với Chương Đạt phái đi ra sức chuộc tội đều bất lực phải tội cả) cáo cấp tới tỉnh Biên Hòa, thự phủ là Vũ Quỳnh đem việc tâu lên.

Vua truyền lệnh cho thự tổng đốc là Lê Phúc Bảo liệu đem biên binh tới ngay Phiên An và quyền lĩnh tổng đốc An Biên; lại sai tỉnh Bình Định phái lãnh binh là Lê Sách đem quản cơ cơ Định dũng là Đặng Văn Quyên cùng 300 biên binh, và 2 tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa đều phái 1 quản cơ cùng 20 biên binh, với tỉnh Bình Thuận phái lãnh binh là Lê Văn Nghĩa cùng 300 biên binh tới theo Phúc Bảo sai phái. Lại bổ thự Hậu quân đô thống phủ chưởng phủ sự là Phan Văn Thúy

Digitized by Google

làm thảo nghịch hữu tướng quân và thượng thư Hộ bộ là Trương Minh Giảng làm tham tán quân vụ đại thần, cấp cho sắc ấn kỳ bài và thanh kiếm hoàng kim đều 1 chiếc, coi đem lính kinh thẳng tới Phiên An. Đồng thời lại sai phó vệ úy vệ Cẩm y là Đoàn Dũ và thự phó vệ úy vệ Vũ Lâm và Phan Văn Song đi đường trạm tới tỉnh Biên Hòa hội đồng với Lê Sách chia nhau chỉ huy các biền binh mà những tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa đã phải tới, và chọn lựa voi chiến khỏe mạnh dữ tợn, hoặc 5, 6 thớt, hoặc 3, 4 thớt tới đó ra sức đánh dẹp. Vừa gặp báo tỉnh Biên Hòa đã bị giặc hãm, ngăn trở con đường tiến của ta.

Vua lại truyền dụ cho tổng đốc An Hà là Lê Đại Cương thúc đốc binh dũng bơi thuyền thuận dòng trở vào, hội cùng với quan binh ở Long Tường. Lại chia sai vệ úy ở Thần cơ hậu vệ là Nguyễn Văn Niên, phó vệ úy là Trần Công Điều cùng vệ úy ở Ban trực tả vệ là Phạm Hữu Tâm, phó vệ úy Nguyễn Đức Huấn và phó vệ úy ở Long vũ tiền vệ là Nguyễn Hữu Chính đều cai quản lính vệ mình với pháo thủ thủy sư đi thuyền đều 20 chiếc có lẻ, mang theo súng ống đạn dược. Quan quân chia làm 2 đường, một đường lái tới Bình Thuận theo tiết chế thảo nghịch hữu tướng quân; một đạo lái tới cửa biển Vĩnh Long, thẳng tới An Giang theo Lê Đại Cương, rồi do đường sau thuận dòng mà xuống tới thành Phiên An góp sức cùng dẹp; Lê Văn Nghĩa từ tỉnh Bình Thuận cùng với nguyên án sát là Tôn Thất Gia (vì can án phải triệt về kinh đợi chỉ, nay tình nguyện đi tòng chinh) thân đốc binh tượng tiến tới Biên Hòa gặp ngụy đảng là cai cơ Trần Minh Thiện (nguyên là con Lễ bộ tham tri Trần Minh Nghĩa làm cai đội ở Biên Hùng) giữ Long Thành đặt đồn chống cự. Bọn Nghĩa cùng với thự phủ Vũ Quỳnh đánh phá được, chém Trần Minh Nghĩa và hơn 10 thủ cấp ngụy đầu mục, rồi thừa thắng thẳng tới tỉnh thành. Ngụy trấn thủ là Lực, ngụy hiệp trấn là Dư bỏ thành chạy trước, bèn tiến lên lấy lại thành. Phúc Bảo tiến

Digitized by Google

tới sông Phiếu Giang (thuộc địa giới Phiên An) lòng còn sợ sệt dừng binh không tiến, ủy cho lãnh binh ở An Giang là Lê Văn Thường đóng giữ sông Tra Giang (ở cuối dòng sông Phiếu). Khôi sai đảng phái là Thái Công Triều, Dương Văn Nhã, Nguyễn Văn Trấm và Vũ Vĩnh Lộc đem binh thuyền do sông lớn đi xuống, mới một trận giao phong giặc đã phân nhiều đem đồ hỏa công hỏa khí bắn ra. Quân ta chống địch không nổi đều lội sông chạy, Thường bị giặc bắt (sau Thường không chịu khuất giặc bèn giết); Phúc Bảo lại sai phó lãnh binh ở Định Tường là Nguyễn Văn Chính tiếp chiến cũng thua, thuyền ghe khí giới mất hết về giặc. Một chi của giặc lại theo con sông nhỏ thẳng xuống sông Phiếu. Phúc Bảo hoảng hốt lui chạy đóng quân ở Cầu Úc (đầu địa giới Định Tường). Giặc thừa thắng đuổi dài, quân ta đều vỡ. Lê Đại Cương ở Định Tường nghe được tin đem quân rút lui tới sông Ba Lầy (tiếp địa đầu An Giang). Binh dân ở thành Định Tường náo động trốn tránh gần hết. Phúc Bảo đi chiếc thuyền nhỏ lui đỗ ở bến đò ngoài thành, quân giặc đuổi gấp Phúc Bảo chạy về Vĩnh Long, thự phủ Định Tường là Tô Trân và án sát là Ngô Bá Tuấn thấy tả hữu chỉ còn vài mươi người, liệu không thể chống được cũng chạy. Giặc bèn chiếm cứ, cho đồ đảng là Lê Viết Chương (nguyên là cai đội ở Bắc Thuận) làm trấn phủ, Bùi Văn Thuận (nguyên Binh tào tư vụ) làm tuyên phủ, Hoàng Công Bách (nguyên Hình tào tư vụ) làm tham phủ. Giặc đã lấy được tỉnh Định Tường, đem binh thuyền tới đỗ sông Đôi (thuộc Vĩnh Long giáp đầu địa giới An Giang), Lê Đại Cương đánh nhau bị thua lui đóng An Giang. Phó lãnh binh là Vũ Văn Thường bị giặc bắt được (sau không chịu khuất bị giặc giết). Giặc bèn thuận dòng thẳng xuống Long Hồ; án sát Vĩnh Long là Doãn Uẩn cùng thủy binh phó quản cơ là Trương Phúc Thùy ở ngoài thành thân đốc binh dân chống giữ. Giặc nhân có gió phóng hỏa. Phúc Bảo cùng bố chính là Phạm Phúc Thiện bỏ thành chạy trước. (Phúc Bảo rồi bị tên thủ

Digitized by Google

ngự ở đồn An Thái là Hoàng Văn Sương bắt nộp cho giặc, đưa về thành Phiên An, sau quan quân vây thành bắn pháo vào, Phúc Bảo bị trúng pháo chết, còn Phạm Phúc Thiện bị dân Long Hồ bức bách phải đầu hàng giặc, sau lẻn trốn về thú, phải tội giam đợi lệnh chém). Sức Uẩn không thể chống được cũng chạy, thành bị hãm, giặc đặt đồ đảng là Hoàng Văn Thông (nguyên chánh đội trưởng suất đội ở phủ Kiến An công ngụy xưng hữu quân hữu đồn) làm trấn phủ, Trần Khắc Doạn (nguyên cai đội An Thuận) làm phó, Nguyễn Văn Nghi (nguyên Binh tào tư vụ, ngụy xưng Hộ bộ thiếu khanh) làm tuyên phủ, Đào Duy Phúc làm phó (ngụy xưng binh bộ thiêm sự).

Đại Cương từ khi thua trận ở sông Đôi lui về tỉnh lỵ An Giang (tức đồn Chu Đốc), quân đều tan nát, bèn thương lượng ủy cho bố chính Nguyễn Văn Bình, án sát Bùi Văn Lý ở lại phòng hộ, mà tự mình sang Nam Vang đòi triệu lính Phiên tới cứu viện. Chưa kịp đi, binh thuyền của giặc đã thừa thắng tiếp đến, quan quân phòng hộ yếu ớt, thoáng thấy đã sợ hãi vỡ chạy. Đại Cương chạy sang Thế Lăng (tên đất của nước Chân Lạp), tỉnh thành bị hãm vào tay giặc, Bình bị bắt (sau nhân sơ hở trốn về thú, phải cách chức ra sức chuộc tội). Lý tự gieo mình xuống sông, thủ hạ nhảy theo cứu được thoát. Giặc thẳng tới Hà Tiên, thự phủ là Phạm Xuân Bích, án sát là Trần Văn Quản đã bị đội Hồi lương, Biên lương thuộc tỉnh hại trước rồi. Giặc bèn đặt nguyên trấn thủ hưu trí là Mạc Công Du làm trấn phủ, mà đảng phái là Trần Hiệu Trung làm tuyên phủ, em Du là Công Tài và con là Hầu Diệu đều làm thống lĩnh sử cùng hơn 10 vạn người về đội Hồi lương, Bắc thuẩn chiếm cứ giữ đó (khi trước Khôi làm phản, con Du là Hầu Hy theo giặc, Phạm Xuân Bích mật đòi Du cùng Công Tài trói giam).

Bấy giờ việc quân báo ở các tỉnh đến luôn, vua lại cho

Digitized by Google

Trung quân đô thống phủ chưởng phủ sự là Tống Phúc Lương làm thảo nghịch tả tướng quân và Thần sách hậu dinh thống chế là Nguyễn Xuân làm tham tán đại thần, Lễ bộ Hữu thị lang là Trương Phúc Đĩnh làm tán tương quân vụ, Tiền quân đô thống phủ chưởng phủ sự là Trần Văn Năng làm Bình khấu tướng quân, Hiệp biện đại học sĩ là Lê Đăng Doanh và Vũ Lâm dinh tả dực thống chế là Nguyễn Văn Trọng đều làm tham tán đại thần, Binh bộ thị lang là Trần Chấn làm tán tương quân vụ, cấp cho sắc ấn kỳ bài và cho tướng quân tham tán thanh kiếm hoàng kim đều 1 chiếc, quản lĩnh binh thuyền tiến phát. Đạo thảo nghịch tả tướng quân do cửa biển Vĩnh Long, Định Tường và đạo Bình khấu tướng quân do cửa biển Cần Giờ thẳng tới Phiên An, chia ra đánh dẹp. Lại cho thần sách trung dinh thống chế là Hoàng Đăng Thận tới nhanh Biên Hòa sung làm tham tán đại thần quản lĩnh biền binh ở 5 vệ: Nghiêm uy, Hùng uy, Tráng uy, Phấn uy và Thần uy, theo thảo nghịch hữu tướng quân là Phan Văn Thuý đánh giặc và phái Cẩm y biền binh đi thuyền tuần hải chở nhiều những pháo quá sơn bằng đồng bằng sắt và thuốc đạn tới chỗ quân đóng. Sau đó trong Kinh phái Đoàn Dũ và Phan Văn Song chia nhau đốc suất binh tượng các tỉnh kế tiếp đều đến. Bấy giờ tỉnh Biên Hòa đã do quân ta lấy lại được, bèn tới Bình Đông (tên đất thuộc Biên Hòa) đặt lập đồn trại phòng thủ. Vũ Quýnh phái ủy quân cơ ở cơ Trung hùng là Trần Văn Khanh đem binh thuyền đóng giữ cửa sông Phúc Long, gặp 5 chiếc thuyền giặc từ cửa biển Phù Gai tới, Khanh bỏ thuyền chạy, giặc bèn thẳng tới tỉnh thành. Viên lãnh binh mới thực thụ là Nguyễn Văn Thị cưỡi ngựa xông lên trước, Vũ Quýnh cùng phái viên là Lê Đức Tiệm nối theo, lãnh binh ở Phiên An là Lê Sách (nguyên lãnh binh Bình Định) cũng thúc quân cố sức đánh, cướp được 1 chiếc thuyền giặc, giặc lui về bờ bên hữu. Đoàn Dũ cùng lãnh binh Bình Thuận là Lê Văn Nghĩa và nguyên án sát Tôn Thất Gia từ Bình Đông đến tiếp

Digitized by Google

ứng. Văn Nghĩa bị bắn thương vẫn cứng cỏi không động đậy, Đoàn Dũ mang súng điển thương ngắm thuyền giặc bắn luôn giết chết 4 tên, quan quân mạnh bạo ùa đến đánh, giặc nhiều tên bị tử thương bèn lái chạy. Hôm sau giặc lại chia thủy bộ đánh đến gần đồn Bình Đông. Phan Văn Song đốc thúc binh tượng hết sức đánh, giặc rút lui, bèn đuổi đến đường cái quan, gặp quân phục binh của giặc nấp ở bụi rậm bên đường nổ súng pháo bắn lung tung, Song dấn thân trước sĩ tốt bị chết vì tên độc, Cẩm y cai đội là Trần Văn Du ra sức chống chọi cũng bị hại, quân ta vỡ chạy. Giặc bèn tụ họp 8 chiếc thuyền chở đạn ở tỉnh thành lấy pháo lớn bắn vào. Văn Nghĩa bó vết thương đứng trước trận, các đạo binh đều tới giết giặc, giặc lại dẫn đi. Khôi ở Phiên An nghe báo, sai ngụy hậu quân phó tướng là Nguyễn Văn Bột lại đem binh thuyền từ cửa biển Phù Gia lại, lại ủy riêng 1 chi đánh trạm Biên Long. Vũ Quýnh cùng Nguyễn Văn Thị ở 4 mặt tỉnh lỵ hợp binh coi giữ để đợi và ủy phó lãnh binh ở Phiên An là Giả Tiến Chiêm tới Biên Long hợp cùng với nguyên án sát Lê Văn Lễ và Khánh Hòa Hòa thắng cơ quản cơ là Vũ Văn Đặng tùy cơ ngăn chống. Chợt thấy 17 thuyền giặc chia làm 3 chi lái thẳng tới bên thành đánh 3 mặt tiền tả hữu và lấy khẩu quá sơn thần công đại pháo cùng súng điển thương tên độc bắn loạn xạ rất nhiều. Lê Sách ở mặt tả đem viên quản cơ ở cơ Định dũng tỉnh Bình Định là Đặng Văn Quyên đốc thúc đánh và bắn pháo vào thuyền giặc đánh đắm chết 2 chiếc, Quyên cũng bị tên độc bắn tin chết, Nguyễn Văn Thị cưỡi voi tới trước sách ứng, thuyền giặc rút sang bờ bên hữu. Lê Văn Nghĩa ở mặt tiền cùng giặc đối trận, giặc sợ, nhưng giả cách ở giữa sông bắn tới không dám vào đậu. Đoàn Dũ ở mặt hữu, đem phó quản cơ ở cơ Phú tráng tỉnh Phú Yên là Trần Văn Thiều cùng giặc bắn giao nhau. Thiều chết ở trận. Thuyền giặc ở chi tả tiếp đến, hết thảy lên bờ ùa đánh, quân ta nhiều người bị tử thương, Dũ cũng bị thương rút lui ra mặt sau. Đạo binh

Digitized by Google

của Vũ Quýnh, Lê Sách cũng lui chạy. Một chi quân của giặc tràn đến giữa đường, Văn Nghĩa cùng viên phó quản cơ ở cơ Thuận Nghĩa (khuyết tên) đều bị chết, Tôn Thất Gia bị giặc bắt (sau cũng không khuất bị giết). Giặc lại tới chiếm cứ thành, cho Nguyễn Văn Bột làm trấn phủ, Hồ Văn Hãn (nguyên tự Hộ bộ lang trung, ngụy xưng Hộ bộ thiêm sự) làm tuyên phủ, Hoàng Kim Lượng (nguyên thư ký ở quân Trấn Vũ, can án phải cách chức) làm phó tuyên phủ, lại sai ngụy thủy quân là Lưu Tín đem binh thuyền hơn 20 chiếc đánh úp Biên Long, quan quân lui chạy tới trạm Thuận Biên.

Phan Văn Thúy, Trương Minh Giảng từ tỉnh Bình Thuận đem đại đội binh tượng phân phái cho thần cơ hữu vệ, vệ úy là Trần Văn Trí và phó vệ úy là Trương Văn Phượng đem lính vệ cùng với Lê Văn Lễ đi trước làm tiền phong. Hữu vệ vệ úy là Nguyễn Văn Đoái, phó vệ úy là Trần Văn Trí và phó vệ úy là Trương Văn Phượng đem lính vệ cùng với Lê Văn Lễ đi trước làm tiền phong. Hữu vệ vệ úy là Nguyễn Văn Đoái, phó vệ úy Ngô Tá Đàm đem lính vệ cùng với phiên dũng phó quản cơ là Lê Văn Do và nguyên trấn thủ Phiên An bị cách chức hiệu lực là Trần Văn Thăng đi thứ hai, còn bọn Thúy thân đem đại binh kế tiếp tiến lên. Đảng giặc ở quảng đường rừng rú và tả hữu nơi hiểm yếu hẹp hòi đặt phục binh bắn súng pháo. Viên cai đội thần cơ là Nguyễn Văn Môn và cai đội Tịnh man là Trần Văn Thái đều bị bắn chết. Quân ta vừa đánh vừa tiến, giặc rút lui ra bờ sông Biên Long kết trận để chống. Quan quân đánh trống reo hò ùa tới đánh dữ. Giặc thua to, hoặc nhảy xuống sống, hoặc chạy xuyên vào rừng bốn ngả trốn tránh. Quân ta bắt sống và chém hơn 40 kẻ phạm, thu được thuyền mành súng ống khí giới bèn thu quân đóng ở Biên Long; Vũ Quýnh, Nguyễn Văn Thị, Đoàn Dũ, Lê Sách cũng đem quân lại hội, thanh thế chấn động lớn.

Khôi nghe tin rút hết đảng phái, đốc thúc dân phu vận chở tiền gạo ở kho các tỉnh Long Tường và thành Phiên An

Digitized by Google

góp sức đóng giữ; lại chia đảng phái chiếm các đường thủy lục quan yếu ở Biên Hòa. Ngụy tiền quân là Trấm tụ họp binh thuyền hơn 40 chiếc chiếm cứ các giang phận huyện Phúc An (có thể thông đồng con đường thủy lục vận lương ở Bình Thuận) chận đón con đường vận lương (chúng còn) hướng về quân thứ của ta đóng ở bến sông đánh trống reo hò ầm ĩ, hoặc lên bờ bắn pháo lớn, ngày, đêm đến 3, 4 lần. Bọn Thúy phái quân ngăn giữ chỗ yếu địa. Giặc chia 3 đường tới. Quân ta giao chiến từ giờ ngọ đến giờ dậu. Giặc thua chạy trốn vào rừng rậm, rồi lại tụ họp nhiều thuyền ghe ở cửa biển Cần Giờ và các đồn biển Phúc Thắng, Long Hưng chia đảng ra đặt phục binh, ở tả hữu con sông lớn tỉnh Phiên An chúng đắp ụ Giao Khẩu, trên để đại pháo, ngang sông buộc xích sắt, chứa nhiều bè củi đổ phát hỏa gọi là con rồng rơm làm kế chống cự. Trước đây tỉnh Định Tường thất thủ, viên án sát là Ngô Bá Tuấn ở trong dân gian bí mật sai viên suất đội ở cơ Định uy là Thái Văn Nhiên và lý trưởng Long Điền là Ngô Văn Điền lén họp quân nghĩa dũng mưu toan thu phục. Đến bấy giờ đảng giặc rút về Phiên An, chỉ để lại ngụy Chương, ngụy Thuận, ngụy Bạch và 6 tên phạm ở đội Hồi lương. Tuấn ở Thạch Hồ (tên thôn thuộc huyện Kiến Hòa) nghe báo thân đem nghĩa dân về tỉnh, trước hết đem bọn ngụy Chương giết đi, lại tiếp tục bắt được ngụy tri huyện ở Kiến Hòa là Hồ Chu (nguyên Binh tào cửu phẩm thư lại ở thành) và ngụy đốc phủ ở Kiến An là Nguyễn Văn Trí cùng ngụy huyện úy ở Bảo An là Nguyễn Văn An đều chém theo bọn kia.

Bấy giờ Thái Công Triều (sau khi phản chính cách chức ra sức hiệu lực, từng thăng đến lãnh binh, sau vì con nuôi giặc Khôi là ngụy đô quản lĩnh Bùi Văn Cúc ra thú xưng là khi Khôi khởi biến, Công Triều thủ mưu nên cũng bị giết) còn ở An Giang mưu toan hiệu thuận, nên đặt nguyên An Giang thành thủ úy là Nguyễn Đăng Luận làm ngụy trấn phủ, cai đội hưu trí là Lương Văn Tiến làm phó, nguyên An Giang

Digitized by Google

thông phán là Lê Văn Nhiếp (người trong họ của Khôi) làm ngụy tuyên phủ, dặn dò coi giữ tỉnh lỵ trấn tĩnh lòng người, để tự đem binh dũng tới Phiên An đánh dẹp, khi về tới Vĩnh Long có mật thư dặn Bá Tuấn thu tập binh dân làm ứng tiếp.

Doãn Uẩn từ khi thành Vĩnh Long bị hãm, lén ẩn ở trong dân gian, ngầm họp tổng lý quân nhân để thừa cơ thu phục, nghe tin ngụy Công Triều đã phản chính, bèn tụ họp binh dân 300 người có lẻ thẳng tới tỉnh thành, ngụy trấn phủ là Thông (sau cũng bị giết) đem thành hàng, lại dẫn bắt ngụy phó trấn phủ là Doãn, ngụy phó tuyên phủ là Phúc và hơn 30 tên phạm ở 3 đội: Thanh thuận, An thuận và Hồi lương đều đem chém. Ngụy tuyên phủ là Nghi chạy tới đầu hướng Thái Công Triều, rồi cũng bị giết, 2 thành Long Tường đã khôi phục.

Bùi Văn Lý ở An Giang cùng với thủ ngự Vĩnh Hùng là Nguyễn Văn Bút và suất đội Giáo dưỡng là Hoàng Văn Nhâm đứng triệu tập quân nghĩa dũng An Giang, Thủy cơ phó quản là Hoàng Tiến Lợi cũng đem quân tới theo, được hơn nghìn người đi thẳng tới tỉnh. Ngụy trấn phủ là Đăng Luận, ngụy phó trấn phủ là Văn Tiến (Đăng Luận, Văn Tiến sau được gia ơn khoan miễn cho cách chức hiệu lực) bắt ngụy tuyên phủ là Nhiếp (sau bị giết) mở thành dâng nộp. Lý lại nghe tin giặc Côi từng sai sứ sang Xiêm do sông Vĩnh Tế đi, nhân thăm dò bắt được ngụy trấn phủ là Du và người phái đi là Nguyễn Văn Mân (Mân nguyên là cửu phẩm thư lại ở An Giang mà là người thân tín thuộc hạ của Du, vì nhân giặc Khôi có tờ sức nhờ lựa chọn người biết tiếng Xiêm, để tới Phiên An nghe bảo đợi lệnh, Du bèn sai Mân đi), bèn ủy người đem tờ mật tư về thành Hà Tiên lấy nghĩa trách Du và sai chém trước những tên phạm Hồi lương, Biên lương và Bắc thuận, rồi ủy riêng An Giang thủy cơ quản cơ là Nguyễn Văn Thu và viên tử Nguyễn Văn Cửu quản suất binh dân kế đến

Digitized by Google

chém ngụy tuyên phủ là Trần Hiệu Trung rồi khôi phục lấy thành.

Tin thắng trận báo tới binh thứ Biên Long, thời tướng quân Phan Văn Thúy bị ốm không tiến được, nên tham tán là Minh Giảng và Đăng Thận liệu để lại 600 binh dũng cùng 11 thớt voi theo án sát Biên Hòa là Hoàng Văn Đản đóng giữ Biên Long phòng giữ đường lương thực, còn tự coi 4.000 binh tượng có lẻ, chia làm 5 đồn do đường bộ tiến lên. Thần cơ hữu vệ vệ úy là Trần Văn Trí đem binh thuyền 15 chiếc ở 2 vệ Hùng uy Nghiêm vũ hợp cùng với bọn Nguyễn Văn Hòa, Mai Công Ngôn và Phạm Hữu Tâm từ đường thủy tiến đi; gặp có viên tử là Nguyễn Hoàng Nhiên (con của tiền quân Đức), do đường rừng ở Biên Hòa đưa tới tờ bẩm văn của Công Triều. Tờ bẩm lược trình bày là: Công Triều đánh giặc ở Trừng Giang (thuộc Định Tường) và Đàm Thị (thuộc Phiên An) luôn mấy hôm đều được, chém ngụy tả quân là Dương Văn Nhã và 300 bè đảng có lẻ, thu hết chiến thuyền thẳng tới Sài Gòn, giặc vào cả thành, Công Triều chia quân làm 2 ngả đánh vây. Bọn Minh Giảng thúc quân tiến nhanh, tới đâu không có ngăn trở, khi tới thành Biên Hòa thời ngụy trấn phủ là Bột đã nhân bị ốm về trước Phiên An, còn ngụy tuyên phủ là Hãn (sau cùng bọn Lương, Khuyến, Dũng đều bị giết), phó tuyên phủ là Lượng và ngụy đô quản là Lương Tiến Dũng, Quách Ngọc Phiến cùng bè đảng 200 có lẻ, tự bó buộc binh tượng tới cửa quan xin hàng. Bọn Giảng định liệu để lại binh voi cùng với Vũ Quýnh ở đó đóng giữ, rồi chia ủy cho lãnh binh Lê Sách, phó vệ úy Nguyễn Văn Đoài đem binh dũng 1.400 ở 2 đồn hữu vệ do thượng du sông Phúc Long tới Bình Dương đánh mặt sau của giặc, rồi Giảng tự quản binh dũng 2.000 người có lẻ và 48 thớt voi ra trận ở 3 đồn trung, tiền, tả, cùng đồn quân mới hàng làm 4 đội tự tân sung đi tiên khu, thẳng tới bờ bắc Phúc Long và bến đò Bình Đông dựng đồn dừng đóng đó. Đảng giặc ở trong bụi rậm về bờ phía nam

Digitized by Google

sông, bắn pháo chống cự, quân ta cũng cách bờ bắn trả lại; giặc lại tụ họp 7 chiếc thuyền ở giữa sông nhân nước triều tiến lên và bắn luôn luôn đại pháo, quân ta nghiêm trận không động. Giặc bèn lui đỗ ở hạ lưu, quân thủy đạo của vệ úy Trần Văn Trí và Phạm Hữu Tâm tới cùng giặc đánh nhau ở sông Lão Sách, đánh chìm một chiếc thuyền giặc. Giặc lái đi. Nguyễn Văn Đoái tiến quân tới cầu Tham Lương, cùng với Công Triều hội họp, rồi gặp giặc cùng giao chiến, giặc lui về nguyên Tập trận bày trận chống cự. Quân ta bắn pháo thêm sức, giết được ngụy hữu quân là Vũ Vĩnh Tiền, giặc bèn lui vào khu Sài Gòn chặn chỗ hiểm chống cự. Viên vệ úy vệ Phấn uy là Nguyễn Văn Thái khinh thường tiến lên bị bắn chết. Quan quân đóng ở đồn Hoa Phong rồi báo cho quân thứ ở Bình Đông, gặp Nguyễn Văn Trọng đến để lĩnh ấn triện thảo nghịch hữu tướng quân, (thay Phan Văn Thúy), rồi cùng Minh Giảng, Đặng Thận đề binh tiến lên. Vừa tới Bình Hòa (tên xã), thời Công Triều đương cùng giặc đánh nhau ở Giới Cầu, mà viên tử là Nguyễn Hoàng Thỏa (em Hoàng Nhiên, Công Triều về chiêu thuận, Thỏa mộ nghĩa dũng đi theo) cùng giặc đánh nhau ở cầu Cao Mau đánh trống bắn pháo ồn ào chưa phân được thua. Bọn Trọng phái Đoàn Dũ, Trương Văn Phượng đem biền binh ở 2 vệ thần cơ hậu hữu chia nhau tới tiếp ứng. Dũ đem cổ pháo đại luân xa bắn ra, giết nhiều quân giặc; giặc lui giữ phía nam cầu, Phượng sấn tới bị đạn trúng chết, giặc bèn chặt đầu tự giữ, quân ta đóng ở bên bắc cầu.

Bấy giờ đoàn thuyền của thảo nghịch tả tướng quân là Tống Phúc Lương tới trước sông Lão Tố, mà tổng đốc An Hà là Lê Đại Cương cùng Định Tường hộ phủ là Ngô Bá Tuấn đều đem binh dũng, một do sông Phiếu tiến đi, một do sông Tra tiến đi và báo xin phái binh sách ứng, Phúc Lương ủy riêng cho tham tán Nguyễn Xuân lĩnh Phạm Hữu Tâm và binh dũng 1.000 người có lẻ theo sông Lôi Liệp có 3 ngả thuận dòng xuôi xuống và đốc quản cả đạo binh Long, Tường,

Digitized by Google

An, Hà thẳng tới sông Cát đánh dẹp. Kế sau đoan thuyền của Bình khấu đại tướng quân là Trần Văn Năng tiếp tới, bèn nhân đêm hội hợp đánh đồn Giao Khẩn chém đứt dây sắt ngang sông thu được thuyền ghe thẳng tới cửa sông Ngưu Chử bắt sống ngụy thủy sư quản lĩnh là Trần Văn Đề, Ngô Bá Tuấn cũng bắt được ngụy hữu quân là Nguyễn Văn Bột giam vào củi sắt, cùng với ngụy trung quân phó tướng là Lê Đắc Lực đều giải về kinh giết đi.

Trước đó Đắc Lực chiếm cứ tỉnh Biên Hòa, tự nghe đại binh đến, liệu thế giặc không làm gì được, bèn cắt tóc trốn núp ở chùa Kim Chương, khi Công Triều về hiệu thuận được đắc lực tới đó để gặp; bấy giờ Công Triều bắt đem đến để chịu tội.

Đảng giặc từ khi thua ở bãi tập trận, bèn ở phố Sài Gòn họp hết người nước Thanh đặt đồn cố thủ; quân ta về binh thuyền của tả đạo tham tán là Nguyễn Xuân do sông Cát tiến tới cảng Ấng Thông. Vừa đến chợ thôn Vĩnh Hội, giặc nép ở phố bờ bên tả bắn súng loạn xạ, quân không tiến được, Xuân phái thị vệ là Tôn Thất Bật đốc thúc lính ở vệ Hùng uy lên bờ phóng hỏa đốt, binh thuyền sấn lên chém được 200 thủ cấp có lẻ. Giặc thua to chạy vào trong phố, Xuân cùng bọn Phạm Hữu Tâm lại đem quân một loạt đánh phá chém được 60 thủ cấp, bắt sống 700 tên.

Thuyền của Bình khấu đại tướng quân đến cửa sông Nghi. Giặc ở trên thành Phiên An bắn pháo chống giữ, tướng quân thân tự đốc quân thẳng tới xưởng thuyền và các kho tàng mà bọn giặc vẫn phòng thủ, đều trông thấy hút đã trốn chạy, thu được 70 chiếc thuyền có lẻ, bèn quan báo cho 2 đạo tả hữu liệu cơ đánh hãm.

Quân của hữu đạo tướng quân đóng phía bắc cầu Cao Man. Quân giặc có hơn nghìn tên chia đường để đánh, một lúc tới phía nam cầu ẩn núp, một lúc tới đồn Hoa Phong mà

Digitized by Google

đánh nhau với đạo quân của Lê Sách và Nguyễn Văn Đoái, vừa gặp Lê Đại Cương từ bãi Tập trận tới tiếp ứng. Giặc tạm lui, chợt có một chi binh từ trong bụi rậm ở rừng Tây Quách đi ra cùng nhau giao phong vài hợp. Quân ta chống đỡ không nổi cũng lui, tham tán là Hoàng Đăng Thuận đốc thúc Đoàn Dũ và Thái Công Triều đem quân tiếp đánh. Giặc bèn vỡ. Quân ta bèn từ nơi Cao Man đến bãi Tập trận chia đặt đồn đóng giữ. Ngụy đô quản lĩnh là Trần Văn Nghĩa đem 50 đảng phải có lẻ tới quân môn chịu tội và 200 người. Thanh có lẻ cũng tự trói nhau đến xin hàng. Các tướng tha hết người Thanh về làm ăn và đồn đảng Trần Văn Nghĩa làm đội tự tân thứ 5, chia nhau cấm giữ ban thuyền và kèm quan quân đương quản thúc. Ngụy Lễ bộ thái khanh là Đinh Phiên cũng tới đầu thú, quân thứ đem việc tâu lên.

Vua cho phiên có quan chức, nỡ tán tâm theo giặc sai giải về kinh, đến Quảng Ngãi bị ốm chết, sai phanh thây mà con mà Văn Phác cũng liên can mắc tội.

Ngày tháng 9, giặc tụ tập cả vào trong thành, ở trên đài thuộc các nơi cửa thành đã có pháo lớn, các cửa ngoài ở 3 mặt tả hữu hậu có thành Dương Mã, trên thành cũng đặt pháo lớn ngày đêm thay nhau thòng dây xuống để nghiêm mật phòng bị. Trong mặt thành ở men chân thành đào hố đắp đất che ván, còn cửa vào thành đều xếp đống đá ong lấy đất đắp lấp, hình thế kiên cố dày dặn làm kế tử thủ.

Quân ta ở 4 mặt ngoài thành liệu chia đất đóng đồn, đạo Bình Khấu chống ở mặt trước. Thảo nghịch tả đạo chống ở mặt hữu; thảo nghịch hữu đạo chống ở 2 mặt tả hậu, kèm cả lính kinh và binh dũng các tỉnh, mỗi mặt hai nghìn bốn, năm trăm người, đều đắp núi đất lũy dài xung quanh để đánh. Trước sai biền binh tinh nhuệ dự bị nhiều thang leo, người rơm là vật cụ đánh thành, ước hẹn đêm đến vào đầu canh, 4 mặt núi đất đều bắn pháo lớn nã cả vào thành. Giặc không

Digitized by Google

dám lên, tới đầu canh ba ngậm tăm lẻn tới mai phục ở trong hào liệu cơ đánh phá. Đêm ấy nhân hiệu lệnh không đều, có tụi mới tới hào đã phun ống lửa; có tụi tới giữa hào đá nép bắn, có tụi tới chân thành đã bắc thang lên, nên giặc ở trên thành bắn súng loạn xạ và gỗ đá ném xuống, quân ta phần nhiều bị thương và chết, ngăn trở không lên được. Ngụy thủy quân là Vũ Công Tước từ trong thành đem 700 người trong bọn họ đêm đến leo dây xuống thành ra xâm phạm về mặt tiền của ta, vì thế các đạo ở trường lũy đều giữ đồn chia ra đốc chiến, giặc vừa đánh vừa rút lui vào bờ hào. Quân ta cũng thu về đồn.

Bấy giờ quan quân đánh thành chưa hạ được, chợt báo quân Xiêm đem đại binh thuyền, một mặt do con đường bộ ở Bắc Tâm Bôn, một mặt do đường sông thuộc Hồ Hải, một mặt do đường biển Châu Bôn thẳng tới Nam Vang đánh hãm 2 tỉnh An Giang và Hà Tiên. Đó là vì Khôi gây loạn đưa thư xin quân, ước hẹn việc thành sẽ cắt đất, nên người Xiêm bị ngờ hoặc. Tờ gọi lính cáo cấp, vua chia sai Trần Văn Năng, Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đem quan quân cùng Thái Công Triều mang lính hương dũng tiến dẹp giặc Xiêm. Còn thành Phiên An thì phải hết sức vây hãm đợi họ tự khắc chết.

Các tướng quân tham tán bèn ở đất lũy ngoài thành đem kính đại thiên lý lên lầu ngắm coi vào trong thành về nơi bọn giặc tụ hợp và kho thuốc, nhà cửa. Quân ta thường đem pháo đại xung tiêu và quả chấn địa lôi bắn vào, đảng giặc ngày chết 3, 4 người hoặc 5, 6 người và kho thuốc súng cũng bị đốt phá. Giặc Khôi về chỗ ở chứa chất tiền cả 4 mặt làm vách, trên gác ván gỗ, trên ván lại gác tiền, về kho thuốc súng thời trên mặt và 4 xung quanh đều lấy tiền kẽm chồng lên để che, đạn có lạc vào cũng không thấu tới. Đầu mục giặc đào đất đắp lũy để ở. Trong bức tường xây ở trên thành lại

Digitized by Google

đắp một cái lũy nhỏ che ở ngoài, hễ thấy pháo ngoài thành bắn vào là tới đó nấp ẩn.

Tháng 11 có tên lính đội ở kho Gia Tín dòng dây xuống thành ra đơn cho suất đội Phan Văn Trọng một tờ giấy có chữ biên là: "Ở kho chỉ còn tiền 604.000 lẻ 10 quan, bạc đĩnh... 1.420 đĩnh lẻ 1 lạng, đĩnh nhỏ 260 đĩnh có lẻ, thóc 94.000 hộc, muối 8.400 phương, thuốc súng 52.200 cân, ống phun lửa 600 ống, lính 2.000 người có lẻ và voi 17 thớt"; lại nói: "bọn giặc ước trong tháng này mở thành ra đánh".

Tháng 12, Khôi ốm chết. Giặc đều tôn người con là Nguyễn Văn Cù (tuổi mới lên 8) làm nguyên súy, mà Trấm tự thống lĩnh các quân, nghe đại binh ta chia sức để chống Xiêm, ủy trong bọn hơn trăm người đêm đến lẻn ra ngoài quách đánh nhiễu quân ta, biền binh sấn lại hỗn sát lại lui chạy leo dây lên thành vào.

Năm thứ 5 (1834) ngày tháng 5, các tướng quân dự định ước thúc định ngày đánh thành. Trước 4 hôm các đồn chia nhau ngày đêm bắn luôn các hạng pháo lớn nhỏ, đêm đến bắt chợt treo thấp đèn lồng, đốt pháo thăng thiên để loạn tai mắt, đến hôm ước định vào canh 5 bắn pháo lửa lớn tuôn khói mù mịt vào trong thành. Còn biền binh quyết chiến lấy khí cụ đánh thành khẽ đánh 4 mặt ở dưới thành biền binh nối tới. Các tướng quân tham tán thân tự đốc chiến, giặc ở trên thành gạch đá ném lung tung súng ống thi nhau bắn. Quân ta lấy khói lửa tên lửa và súng phun lửa bắn ra từ giờ sửu đến giờ thìn, người leo thang bị lũ giặc đánh ngã. Người qua hào bị thạch đạn ném thương, rút cục không lên được. Quân ta bị trận vong hơn 300 người, tướng quân là Văn Trọng cũng bị thương, bèn thu quân dâng sớ xin tội. Phúc Lương, Đăng Doanh đều giải chức về kinh. Đổi Nguyễn Xuân làm thảo nghịch tả tướng quân.

Ngày tháng 6, ở trong thành có người ra thú nói rằng:

Digitized by Google

"bọn giặc làm nhiều cờ ngũ sắc và dao ngắn móc sắt cùng lụa trắng ước 2.000 mảnh, dài 6 tấc ngang 1 tấc, 2 đầu buộc dây vải đợi ra đánh lấy đó làm ghi, ý muốn khai thành xông vào vòng vây ở 2 mặt hữu hậu mà ra, quyết một phen tử chiến. Không được thì tự đốt chết". Lại có ngụy thủy quân phó tướng là Nguyễn Đức Diễn (nguyên đội An Lương ở Phiên An) ủy cho quản vệ là Lâm Văn Ích (nguyên đội Hồi lương ở Định Tường) lẻn đến chỗ lũy tuần tiễu đưa tờ mật thư xin làm nội công giết giặc chuộc tội và tỏ bảo phương lược. Bọn tướng quân bèn đưa thuốc độc chế ra sai liệu cơ hội lén bỏ vào bọn ngụy Trấm hoặc chết hoặc ốm, sau nhân tiện lén mở cửa thành dẫn quan quân vào. Ích đem về bỏ thuốc vào đầu mục của giặc đều không nghiệm. Diễn lại thân đem người trong đảng là Lê Duy Thung lén tới cửa quân nói đã tụ tập được ngụy điển tịch là Chu Văn Nhượng, ngụy thống đốn là Nguyễn Văn Hóa và mật báo cho Phạm Hữu Nguyên trong bóng tối cùng thông với nhau xin đổi thứ thuốc độc đã chế ra, để trước trị tên cừ khôi, sau mới thừa cơ hành động. Tham tán là Hoàng Đăng Thận cho bọn họ đều là người bắc tình hay bất trắc nên có người Gia Định tới mới tin. Bọn Diễn bảo: việc mưu kế ở trong thành chỉ duy người bắc là bí mật mới dám thương lượng, nếu tới người Gia Định nói phiếm sợ hoặc tiết lậu. Đăng Thận cố chấp yêu cầu. Duy Thung bèn đem thủ hạ người Gia Định tên là Lê Cảnh đến; khi về thành, Cảnh tiết lộ công việc, Trung Diễn đều bị Trấm bắt, Văn Ích chạy thoát tới đầu thú nơi quân thứ.

Vua nghe tin bãi chức Đăng Thận cho Hữu Tâm lên thay.

Tự khi việc của Duy Thung bị tiết lậu, bọn Trấm nhân đó hồ nghi, đề phòng cẩn mật thêm, chỉ ủy cho vài mươi người tâm phúc chia nhau tới thành Dương Mã tuần phòng. Tên ra thú là Văn Ích cùng với bọn Nguyễn Văn Tài ở đội Lực dũng độ hơn 10 người cầm gươm sắt dao ngắn theo đánh

Digitized by Google

úp giết đi. Ích lấy mũi dao nhọn đâm 1 tên giặc, mọi người nhân đó đâm một vài tên, giặc bèn lui.

Năm thứ 16 (1835) tháng giêng quân ta ở 4 mặt ngoài quách đào khai đường xà đạo gần hào để vây đắp lũy đất, khiến giặc không được ra vào ngoài hào hái rau bắt cá, để thêm quẫn bách. Giặc bèn đem hơn trăm đảng phái lén nép bờ hào đánh úp ngăn trở. Ngụy thống lĩnh là Lộc (khuyết họ, ở dưới cũng thế), ngụy phó tướng là Thùy coi mặt sau đều bị pháo lớn bắn chết. Giặc đều sợ, chỉ trông cậy muối gạo hãy còn mà thôi. Giặc Trấm mưu với các đảng chuẩn bị muối cơm ra thành quyết chiến, xung đột mở một quãng lũy dài ở mặt hữu hậu rồi theo đường thượng đạo đi. Trấm bèn ủy cho ngụy hữu quân là Hàm họp các tử đảng 300 người nhân đêm lén ra bắt thang lên lũy, Trấm ở trong thành sửa sang voi ra trận đem vợ con Khôi để đợi tướng Phạm Văn Trọng thân đốc binh cùng giặc chống chọi, đạn bắn bị thương. Lãnh binh Mai Công Ngôn dấn lên trước giết một tên giặc, giặc xúm lại đâm; Công Ngôn bị vết đâm, quân ta hết sức ùa đánh giết được ngụy thống đồn là Nguyễn Văn Hòa và trong bọn hơn một trăm người, từ đó lòng cố chết giữ, ngày càng trễ nải. Các tướng quân mật xin nhân đó đánh phá.

Vua mật dụ rằng: "bọn ngươi gấp muốn đánh thành, lời xin không phải là trái. Nhưng trấm tính đã kỹ, vì ngày nay cơ mưu đánh giữ còn nhiều điều chưa tiện. Đảng giặc dẫu rằng cùng ngặt, nhưng quân còn đến hơn nghìn người không nên đánh, chỉ nên giữ là một. Bốn mặt đường xà đạo dẫu thủng tới đầu quách, song hào lấp được mà thành không bình được là hai; Thành cao thang dài leo lên đã khó mà trên thành giặc lại đào nhiều hầm hố cắm chông nhọn, sau khi lên cũng không có chỗ dừng chân, ví hay giết giặc, quân ta há lại không thương tổn ư là ba; Gần đây nghe tên đầu giặc ở trong cùng nhau dâm loạn gây nên hiềm oán, song chậm lại

Digitized by Google

thời nghi hoặc có hại mà mưu toan cấp thời đồng tâm cố giữ là bốn; Vậy tạm đợi thế giặc cô đơn, một lần đánh có thể bình mới là kế vạn toàn". Sai nội các thị lang là Nguyễn Tri Phương đem tờ dụ đi đường trạm tới truyền bảo.

Năm ấy tháng 4, trong thành có ngụy phó tướng là Lượng (trở xuống đều khuyết họ), ngụy tham tán là Trinh, ngụy Binh bộ thiếu khanh là Hòa, ngụy Hộ bộ thiếu khanh là Thanh, cùng mưu giết Trấm đem thành ra hàng. Việc tiết lậu đều bị hại. Trấm nhân đó càng sợ, hễ bọn giặc có khăn dài cùng lều xá có dây buộc đều thu cất đi để đề phòng đêm đến dòng dây ra thành. Ở mặt thành dựng gỗ nhọn đầu và chứa từng đống gạch đá dự bị quẳng ném, góc thành và các sở ở trung đài, dỡ cột kèo ở kho tàng để lên trên đó, đắp lũy đất, dùi lỗ cửa súng đặt súng bắn ra. Mặt góc thành, dưới đào hố sâu dự bị súng điển thương, ống phun lửa, cỏ khô và bọc để quả chấn địa lôi cùng đạn, đợi quan quân đào đến đốt lửa bỏ xuống.

Bấy giờ quân ta đắp lũy lấp hào đã gần dưới thành, khí mạnh gấp trăm lần, các tướng thương lượng cùng nhau chia giữ đất ở đồn, phó lãnh binh Trần Hữu Thăng hiệp theo tả tướng quân Nguyễn Xuân quản lĩnh về mặt trước, lãnh binh Lê Sách hiệp theo thự hữu quân Phạm Hữu Tâm (thay Nguyễn Văn Trọng) quản lĩnh mặt sau, chưởng cơ Mai Công Ngôn hiệp cùng thự thống chế Trần Văn Trí quản lĩnh mặt tả, tham tri Nguyễn Công Hoán hiệp cùng thống chế Hồ Văn Khuê quản lĩnh mặt hữu. Họ lấy hôm 16 tháng 7 chia đường đánh lấy thành. Xuân coi ở góc tiền hữu; Hữu Tâm coi ở góc hậu tả; Khuê cùng Văn Trọng coi góc hữu hậu; Trí cùng khâm phái Nguyễn Tri Phương coi góc tả tiền; Công Hoán coi góc hữu tiền, Công Ngôn coi góc tả hậu; Sách coi góc hữu hậu; Hữu Thăng coi góc tiền tả. Còn trung đài của thành phái riêng bọn quản vệ chia nhau trông coi cơ hiệu, hết thảy đánh

Digitized by Google

hãm 2 đạo tiên tả, tả tiên, rồi lên trước thành, kế đến hữu tiên, tiên hữu, rồi tả hậu, hữu hậu, hậu tả, hậu hữu cùng trung đài đại kế đánh theo.

Bọn giặc cùng nhau ra chống cự. Quan quân đánh trống reo hò ùa vào đánh dẹp rất dữ dội. Chốc lát lấy lại được thành. Quan quân bắt được ngụy tiên quân Nguyễn Văn Trấm và 1 người nàng hầu cùng ngụy tả quân Lê Bá Minh, ngụy thống lĩnh Đỗ Quang Huấn, ngụy Lễ bộ kiêm Binh bộ thái khanh Đỗ Văn Dự cùng 1 người nàng hầu, 2 người con gái, ngụy công bộ thái khanh Lưu Tín và 1 người nàng hầu, 1 người con, ngụy Hộ bộ thái khanh Nguyễn Văn Sơn, ngụy Lại bộ thái khanh Lê Tư Dĩnh; các ngụy tham tán: Nguyễn Đức Tú, Nguyễn Trinh Cán, Lê Văn Thế, Nguyễn Bá Trung; (các) ngụy phó tướng: Nguyễn Văn Quách, Nguyễn Văn Hiếu, Đoàn Văn Thu, Khuất Đình Khách, Nguyễn Văn Đàm, Nguyễn Văn Thông, Trần Văn Tuyết, Phạm Tiến Triệu; (các) ngụy thống đồn: Nguyễn Chu Cơ, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Văn Bảo, Tạ Quang Biểu, Đào Văn Mao, Nông Văn Ngự, Nguyễn Văn Bị, Đoan Văn Nghĩa, Quách Văn Thành, Đặng Văn Cường, Nguyễn Văn Lực, Nguyễn Văn Định, Trần Văn Ngũ, Trần Văn Diệp, Nguyễn Văn Như; các ngụy tham quân: Trương Hữu Quân, Lê Tiến Đồ; ngụy tán lý: Nguyễn Văn Bá, Trần Văn Đức; Da tô giáo trưởng là nghịch Du, phó giáo Nguyễn Văn Phúc, và vợ nghịch Khôi 1 người, nàng hầu 4 người, con là Văn Viên, con gái 4 người, nghịch Lộc vợ lẻ 1 người, con một người, nghịch Nhã vợ 1 người, cùng ngụy chánh phó quản lĩnh trở xuống, với già trẻ trai gái cộng 1.278 tên phạm. Quan quân chém được: ngụy trung quân Nguyễn Văn Quế, ngụy hữu quân Nguyễn Văn Thành, ngụy hậu quân Nguyễn Văn Từ, ngụy phó tướng Phạm Văn Hòa và con nghịch Khôi, ngụy xưng nguyên súy là Cù, cùng 2 người em, một là tiểu Cù, một là Bế với đảng giặc, cộng 559 thủ cấp.

Digitized by Google

Việc ấy 2 đạo tả tiến, tiền tả lên thành trước làm thủ xướng cho các đạo, quân ta hoặc bị thương bị chết đến 700 người. Từ quân thư phát cho hồng kỳ về báo tiệp, đúng 11 giờ hôm thứ 4 tới kinh.

Vua đương ngự lâu Vô hạn ý nghe tin cả mừng sai tuyên bố thắng trận khắp 4 phương biết. Quân dân già trẻ ở men đường tiếng hoan hô dậy như sấm, đến cả bãi chợ. Rồi sai đem 6 tên phạm: nghịch Trấm, nghịch Minh, nghịch Dự, nghịch Tín, nghịch Do và nghịch Viên, giam vào cũi sắt, phái giải về kinh để tận pháp xử trị. Tên Trấm đến tỉnh Quảng Ngãi lấy khóe móc cổ họng chết, sai phanh thây từng miếng và chặt đầu bỏ hòm đưa về; lại tra xét nơi chôn thây tên nghịch Khôi, đào lấy xương đâm nát chia ném vào hố xí ở 6 tỉnh và cắt chia từng miếng thịt cho chó, đầu lâu thì đóng hòm đưa về kinh rồi cùng đầu lâu những tên phạm khác bêu treo khắp chợ búa nam bắc, xong vất xuống sông. Còn bè đảng a dua không cứ già trai gái đều ở vài dặm ngoài thành chém ngay, rồi đào một hố to vất thây lấp đất, chồng đá làm gò dựng bia khắc: "nơi bọn nghịch tặc bị giết, để tỏ quốc pháp".

Khôi là một tên thổ mục, chịu ơn nặng của nước, làm đến phó vệ úy, phải nên hết lòng mưu toan báo đáp, thời có oán vọng gì đáng nói. Thế mà giữ lòng rắn rết chứa tính sài lang, lúc mới soạn ra lời nói để ưng viện con cháu nhà Lê, từ hoặc các đồng đảng, kế đến lại xướng lên cái thuyết vì Lê Duyệt phải báo thù để khích động các thuộc viên. Đó là Khôi chỉ biết có Duyệt không biết đến triều đình. Vả bấy giờ Duyệt đã chết trước rồi, có thù gì mà phải báo. Xét nghiệm vợ Duyệt là Đỗ Thị Tuyết đã khóc can mà không ngăn được, thời tâm tích của Khôi không còn đợi phân biệt nữa. Thế lại mượn tiếng nói: địa quan Văn Quế là hèn tôi, và Xuân Nguyên thời thảm khắc để khích lệ được thành, như thế thời cái án gỗ

Digitized by Google

ván thuyền ghe mà bọn họ sao lại không tội, lại chấp nệ đó để bịt miệng kẻ gian ư. Huống hồ sau khi đã gây việc, họa loạn lan tới các thành ở vùng Nam, sau lại cậy có thành Phiên An là cao sâu, kho thóc đầy đủ, khí giới sắc bén, giữ thành làm phản chậm trễ lâu ngày mà không biết hối. Há chẳng phải chưa chất họa tâm để mưu toan việc bất chính ư! Sau khi Khôi chết, Trấm lại là một tên tù mờ ám không sợ chết, còn kết hợp tử đảng chống cự quan quân khác gì châu chấu đá xe, đều chỉ vì mình không đoái đến lo nghĩ về sau. Ôi! Binh lực của triều đình há nỡ giết chóc như thế làm gì. Duy cử động mọi việc cốt ở vạn toàn, lúc đầu đâu muốn tướng sĩ mắc vương binh đao, nên đánh dẹp thủng thẳng tỏ bảo họa phúc đợi cho quay đầu nghĩ lại. Sau cùng vẫn chấp mê không tỉnh, nên tự mình mắc lấy họa vong là phải lắm.

Digitized by Google

QUYỂN 46

TRUYỆN CÁC NGHỊCH THẦN - MỤC II

- Nông Văn Vân - Cao Bá Quát

*

Nông Văn Vân

Người huyện Bảo Lạc tỉnh Tuyên Quang, là con tri châu Văn Bật. Bật chết, Vân nối thay, là người mãnh dữ. Minh Mạng năm thứ 14 (1833) tháng 5, giặc Khôi xưng loạn chiếm cứ Phiên An, Vân có em vợ, nhân đó nẩy ra chí khác, gặp tỉnh Hưng Hóa có báo động, ở tỉnh có hịch triệu lính thổ dõng tới ngăn giữ, Vân không ứng mệnh, rồi can án mạng. Tỉnh thần là bố án Phạm Phổ, là Lê Bình Trung phái người đến bắt hỏi và lựa lấy đại man thổ tri châu là Nguyễn Quảng Khải làm cả việc của châu. Quảng Khải trước đây cùng với Vân vẫn thông đồng. Khi tỉnh phái người đến, Vân lấy lính ra dọa, và nói: "Ta sắp hành động việc lớn há thèm làm tri châu ư! Bất nhật sẽ tới tỉnh, đợi gì bắt hỏi, ta nay khoan cho ngươi cái chết tạm mượn mặt ngươi gửi về cho tỉnh quan", bèn thích 4 chữ: "Tỉnh quan thiên hồi" (1) ở mặt rồi cho về. (Văn Vân) bèn tự xưng là tiết chế đại tướng quân, cho triệu tập các đồ đảng; bấy giờ thổ tư thổ mục như: Ma Sỹ Vinh, Ma Doãn Cao ở Bảo Lạc; Ma Trọng Đại, Nguyễn Thế Nga, Ma Tường An ở Vị Xuyên; Lưu Trọng Chương, Hoàng Trinh Tuyên ở Lục Yên; Nguyễn Quảng Khải, Hà Đức Thái, Ma Doãn Dưỡng ở Đại Nam đều tụ họp đảng phái đến theo, nhiều đến 6.000 người. Và đưa thư dụ thổ tư ở Ninh Biên là Hoàng Kim Thuận ước hẹn hoạt động việc lớn. Kim Thuận không

(1) Quan tỉnh hối lộ thiên tư.

Digitized by Google

theo, đem việc đi báo, bọn Phổ trước hết ủy cho lãnh binh là Trần Hữu Án đem quân đánh bắt, Phổ cũng tới tiếp ứng. Hữu Án tiến quân đến đồn Phúc Nghi ở Đại Nam cho hịch triệu các thổ ty thổ dũng đều không thấy ứng mệnh, chợt thấy tên phỉ mục là Ma Sỹ Vinh (nguyên là thổ lại mục ở Bảo Lạc) đem đồ đảng hơn nghìn người vừa thủy vừa bộ tới vây kín 4 mặt. Quân ta chỉ có hơn 200 người cố sức mà đánh, đảng giặc vỡ chạy. Quân Phổ đóng ở đồn Ninh Biên thuộc Vị Xuyên. Vân đem đồ đảng lên tới 4 núi: Liệp Lĩnh, Chi Lĩnh và Mộc Lĩnh (đều thuộc châu Vị Xuyên) mưu muốn vây hãm. Phổ nghe tin phái thành thủ úy là Trương Phúc Nguyên cùng Hoàng Kim Thuận đem binh dõng chia đường chận đón. Vừa đến sông Tiểu Miện, giặc đột nhiên tới cự chiến, Kim Thuận chết ở trận; quân thổ dõng tan vỡ. Quân ta ít không địch nổi rút lui về đồn, Vân đem đồ đảng đánh hãm. Quan quân trong đồn chỉ còn hơn 400 người, lương thực không kế tiếp, Phổ suy tính không thể chống nổi tự vẫn chết. Phúc Nguyên cùng 400 biên binh đều bị giặc bắt sống (Phúc Nguyên sau trốn về cho là cùng giặc thông đồng bị tội); Vân lại sai đồ đảng ngụy xưng Tiên thắng lữ quản là Nông Văn Sỹ đem 300 người trong bọn lấn nhiễu châu Bạch Thông tỉnh Thái Nguyên. Tỉnh phái suất đội là Trần Đình Dự, Dương Đình Ất cùng viên thủ bảo ở chợ Rã là Bế Văn Đức đóng quân ở chợ Bắc Nằm làng Nhạn Môn. Giặc từ đất Bằng Thành lại 3 mặt đánh giáp lá cà, Dự Ất thua chạy. Đức đầu hàng giặc. Giặc bèn chiếm cứ chợ Rã, hiếp dụ thổ dân vào đảng đến hơn nghìn người.

Bấy giờ Bố chính Thái nguyên là Nguyễn Đôn Tố đóng ở đồn Bắc Cạn phái quản cơ ở cơ Thái hùng là Đinh Quang Tiến đem quân ngăn chống, gặp bọn giặc 2.000 người lấn chiếm đất Na Miêu, Quang Toản (đóng đồn Na Miêu), binh ít không địch nổi, lui giữ đất Na Cù. Giặc hơn nghìn người lại từ đất Bằng Lũng tới uy hiếp đồn Bắc Cạn. Đôn Tố đem quân lui về chợ Mới (tên đất). Khi Lãnh binh Nguyễn Văn Cát tới,

Digitized by Google

Đôn Tố giục tới đóng Bắc Cạn phái quân ngăn chặn ở đồn Tượng Đầu, một đánh Bắc Cạn, Cát trúng pháo chết. Giặc bèn họp bọn đánh phá Tượng Đầu. Suất đội đội Hữu thắng là Nguyễn Đình Du bị chết trận, Quang Toản cùng quản cơ Đinh Quang Tiến đều bị giặc bắt (Quang Toản không chịu khuất, giặc giết chết. Quang Tiến đầu hàng giặc, nhận chức ngụy hùng thuận lữ, sau ra đầu thú vì thuận ngầm, trái ra mặt nên bị giết). Đôn Tố ở chợ Mới nghe được tin đem quân voi đến cứu viện, vừa đến Tòng Hóa (tên đất thuộc châu Bạch Thông), giặc giữ chỗ hiểm nép bắn, quân không tiến được. Giặc lại ở 3 xã: Mật Lũng, Du Lũng, Bế Lũng (giáp giới Cao Bằng) tiếp giới phủ Trấn An nước Thanh. (Chúng) liền đặt 5 đồn, quân có hơn hai nghìn người, trong đó 200 người ở Thiều Châu mà tên Hoàng A Liên đứng làm đầu.

Hai tỉnh Tuyên Thái báo tin về Kinh. Vua sai tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Lê Văn Đức làm tổng đốc tiễu bộ Tuyên Quang thổ phỉ quân vụ, thự đốc Hải Dương là Nguyễn Công Trứ làm tham tán, mang theo biên binh đều 500 người đi nhanh tới đó; lại sai tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Đình Phổ liệu trích lính cơ thuộc tỉnh và đem nhiều pháo đạn quá sơn thần công tới tả thành Thái Nguyên liệu cơ đánh dẹp.

Giặc từ khi chiếm cứ chợ Rã thế lực ngày một lan tràn. Chúng mưu muốn đánh úp lấy Tuyên Quang, bèn chia thủy lục làm 3 chi, một chi tới địa đầu phủ Đoan Hùng ngăn trở con đường viện binh ở Sơn Tây, một chi hợp cùng với tên đầu giặc là Nguyễn Đình Liêm ở Thái Nguyên, do mượn đường châu Đại Man thẳng tới đằng trước tỉnh thành, một chi từ châu Ninh Biên theo sông Tiểu Miện thẳng rảo tới mặt sau tỉnh thành. Quan quân trong thành trước hết đem pháo lớn bắn ra, giặc đều nép rạp. Lãnh binh là Trần Hữu Án tự đem binh voi ra thành đánh, giặc nhiều người bị thương vỡ chạy. Vân lại ủy tên ngụy xưng tuyên mỹ đạo tiễu bộ tướng quân

Digitized by Google

là Lưu Trọng Chương và tên ngụy xưng Lôi hà tả đạo đại tướng quân là Hoàng Trinh Tuyên họp đảng 2.000 người lấn nhiễu đồn Đại Đồng (tiếp giới huyện Tây Quan ở Sơn Tây). Lê Văn Đức bèn phái lãnh binh Nguyễn Văn Quyền cùng quản cơ cơ hậu chấn là Nguyễn Hữu Du và tri phủ Đoan Hùng là Nguyễn Đức Hoành, đem hơn nghìn quân, 2 thớt voi chia đường giáp đánh. Gặp giặc ở địa phận rừng thuộc xã Hoàng Loan phá vỡ lớn chém đầu giặc thu được khí giới. Vân đã thua đem đảng tới lấn Cao Bằng, thổ ty là Bế Văn Cận, Bế Văn Huyền phụ theo. Bố chính là Bùi Văn Huy và Phạm Đình Trạc cho thành chơ vơ, quân ít sức không chống nổi, dời ra giữ ở đồn núi Ninh Lạc, tư xin cứu viện ở Lạng Sơn. Giặc 4 mặt vây, và chia đảng lấn đến núi Tiêm (địa giới tỉnh Lạng) để ngăn trở viện binh. Tuần phủ Lạng Bình là Hoàng Văn Quyền tiến tới châu Thất Tuyền, nghe tinh Cao Bằng đã bị hãm, bèn đóng quân ở đồn Na Lãnh, sai cai đội Dương Văn Phong đem quân đón đánh ở núi Tiêm. Giặc rút lui. Đêm ấy giặc lại lén tới đồn ở 3 mặt vây đánh, pháo lớn bắn loạn xạ. Quân ta nhiều người bị thương bị chết. Quyền lui đóng châu Thất Tuyền, tên tri châu lý nhiệm nơi đó là Nguyễn Khắc Hòa trước đã cùng giặc thông đồng cùng đánh úp và bổ vây, Quyền bị giặc bắt, giặc thừa thắng tiến vây tỉnh thành Lạng Sơn, quân nhiều đến hơn vạn người, đặt lập đồn trại đầy núi lấp đồng thế càng bành trướng. Nông Văn Sỹ lại từ đồn chợ Rã tụ họp cùng với tên giặc trốn ở Bắc Ninh là Trần Văn Thể và bọn ngụy phó thống lĩnh là Nguyễn Đình Liêm, ngụy tiền thắng lữ chánh quản lữ là Tống Nam Thông, phó quản lữ là Vũ Quang Châu (Nam Thông, Quang Châu đều người nước Thanh) hợp binh đánh bức tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Đình Phổ đem quân chận đánh, giết được Nam Thông, Quang Châu ở trận, đảng giặc rút lui. Vân ở Cao Bằng nghe Lê Văn Đức tiến tới Tuyên Quang, trước sai đồ đảng dừng lại tụ họp ở đồn Phúc Nghi châu Đại Man và 2 bên bờ sông Ngâm mưu

Digitized by Google

toan chống cự. Văn Đức cùng Công Trứ, trước hết sai Trung định quản cơ là Vũ Tiến Mâu, Hữu định quản cơ là Nguyễn Văn Huấn và nguyên án sát bị cách chức hiệu lực là Lê Bỉnh Trung đem binh thuyền lương thuyền đi riêng biệt do đường sông Lô lái tới đồn Ninh Biên. Đức cùng Công Trứ thân đem binh dũng đều 2.500 người có lẻ và các hạng pháo đạn tiến tới Vụ Xuyên. Thổ ty là Ma Tường Huy tự đem thủ hạ chém tên phỉ mục là Ma Tường Thường đem thủ cấp tới dâng, Ma Trọng Đại, Ma Doãn Dưỡng xin đầu thú theo đi đánh. Đạo binh Văn Đức lại do bên hữu sông Lô đi qua, đều có đồn giặc dựa hiểm phục quân đón đánh. Quan quân mạnh bạo tiến lên hoặc bắt hoặc chém, giặc bỏ đồn chạy. Duy một dải về địa phận rừng xã Văn Lãng (thuộc Tuyên Quang), vốn có tiếng rất hiểm trở, bọn giặc tụ họp 500 người ở đỉnh núi, còn lính tinh 5, 3 người chia nhau núp bụi cây dưới chân núi dòm ngó thấy sơ hở là bắn súng, và lưng chừng núi lăn đá xuống. Văn Đức cho đem cổ đại luân xa quá sơn pháo, ngắm vào trong bụi bắn dữ, lãnh binh là Nguyễn Quyền cũng đem binh dũng xông đến đánh. Giặc lui một bước ta tiến một bước, từ giờ thìn đến giờ mùi mới qua được chỗ hiểm. Giặc tản mác vào rừng, quân ta thẳng tới phố Vân Trung (chỗ sào huyệt của nghịch Vân thuộc châu Bảo Lạc). Sau phố có núi đất mà trên ngọn cao có một đồn lớn, quân ta mới đến, giặc bắn vài tiếng súng rồi chạy. Quân ta đuổi bắt một tên phạm mới biết Vân từ sau khi thua ở Tuyên Quang, sang nơi khác từ Thái Nguyên tới Cao Bằng quấy rối, còn sào huyệt của giặc ở Vân Trung chỉ ủy đồ đảng giữ thôi. Đức bèn phái quân đi tuần xét, thấy vài mươi người phục sức quân nhân ở đằng xa, vội vẫy lại, thì là biên binh ở Cao Bằng sau khi bị thất thủ. Hỏi ra đều nói: "Hôm mồng 2 tháng 9 giặc Cận vây kín đồn ở núi, giặc Vân tiếp đến đánh rất gấp, trong đồn lương thuốc đều hết, ngoài lại không có viện binh, mồng 5 tháng 10 bố án ở Cao Bằng cùng lãnh binh ở Lạng Sơn phải tử trận, biên binh đều

Digitized by Google

bị bắt cả. Vân bèn ủy cho Cận chiếm cứ giữ tỉnh thành, trích ra 20 biên binh của bọn họ cho theo ngụy tham tán Trần Quyền (nguyên là thư lại Hình phòng ở Tuyên Quang trốn việc tới đầu thú làm thư thủ cho giặc Vân) và ngụy tham luận Vũ Văn Nho (người Hoài Đức) đứng trông coi cùng về Bảo Lạc. (Chúng) vừa đến Ngọc Mạo, nghe quan quân đã tới Vân Trung, Vân bèn ẩn náu ở đó, sai bọn Quyền tới thăm dò, bọn họ đi trước, còn thời tụ họp ở đằng sau". Văn Đức tức thì mật dặn bọn họ trở về nhanh làm nội ứng, quân ta theo liền, bắt được Nho, chém được Quyền mà 20 biên binh lại quy thuận về ta.

Đạo binh của Công Trứ do bên tả sông Lô đến đầu giặc đều trốn trước, có tên mường trưởng ở Bạch Miêu là Chúc Văn Đồng đem người Man xin theo để hiệu lực. Vài hôm sau cũng tới Vân Trung cùng với Văn Đức hội họp rồi từ Vân Trung tiến lên trái qua xã Vân Quang đến núi Khúc đường núi gập ghềnh. Giặc ở trong bụi rậm đặt phục binh bắn súng ra, hoặc lưng chừng núi chống đá làm lũy, quân ta đánh trống reo hò tiến lên, giặc đều vỡ tan. Khi tới Ngọc Mạo (là hang động riêng của giặc Vân), nơi đó xung quanh đều núi, ở giữa mở rộng sang phẳng làm ruộng được 2.000 mẫu, nhà dân đều thành xóm ở, nhà ngói 50 chiếc, nhà tranh 100 chiếc có lẻ, tìm khắp cả, không có bóng người. Quân ta lùng bắt được 1 tên ngụy quản cơ hỏi ra thời Vân đã róc tóc đem vợ con trốn sang địa giới nước Thanh, bèn sai đốt hết nhà cửa, chia đi Lục Yên, Đại Nam tìm bắt đảng giặc (Lưu Trọng Chương, Hoàng Trinh Tuyên, Nguyễn Quảng Khải và Hà Đức Thái).

Khi trước thành Lạng Sơn Cao Bằng bị hãm, vua lại sai tổng đốc Nghệ An Hà Tĩnh là Tạ Quang Cự làm tổng thống Lạng Bình quân vụ đại thần, và chưởng cơ là Vũ Văn Từ làm tham tán. Giặc nghe đại binh tới dẹp vỡ vây bỏ đi, hỏi ra thời kẻ phạm bắt được đều nói rằng: "Tên đầu giặc ngụy xưng đốc lĩnh tướng quân là Bế Văn Huyền (em vợ Vân) cùng tên

Digitized by Google

ngụy chánh thống lĩnh Nguyễn Khắc Thước (nguyên cai đội Lạng Bình), ngụy phó thống lĩnh Nguyễn Khắc Hòa (nguyên tri châu ở Thất Tuyền), ngụy tổng lý tham đốc Nguyễn Khắc Trương (cũ là tuyên úy), ngụy chánh hộ bát Nguyễn Quang Cừ (nguyên cai đội Lạng Hùng), ngụy đề đốc Nguyễn Đình Trực (lại mục châu Thoát Lãng), đều họp bọn quấy rối." Quang Cự phái người bắt được Công Cừ, Đình Trực và mười tên phạm đem chén, lại tiếp tục bắt Khắc Trương đóng cũi đưa về Kinh sư. Thành Lạng đã khôi phục, ông bèn từ đất Lạc Dương (thuộc Lạng Sơn) tiến đi, giặc đều trốn chạy. Khi tới Cao Bằng giặc Cận đã đem bọn họ đi trước rồi, tiến lên lấy lại thành, rồi thương lượng ủy cho Văn Từ mang binh voi tới Ngọc Mạo hội họp đánh dẹp. Văn Từ thăm hỏi đường đi đồn Nhượng Bạn, thông tới ổ giặc Ngọc Mạo, Vân Trung thời nơi ấy có 3 con đường tới. Từ bèn phái bọn vệ úy Nguyễn Tiến Lâm và thành thủ úy Tôn Thất Tự chia đường ngăn chặn, về còn đường giữa thời ở 2 xã: Lương Y, Thông Nông, về còn đường bên tả thời ở 2 xã: Tháp Na, Bình Lãng. Tự đem đại binh đóng ở đồn Trung Thản, lại tư cho Quang Cự phái binh tới 2 xã: Phù Tang, Tố Giang ở con đường bên hữu đóng đó ngăn chặn.

Bấy giờ Lê Văn Đức ở đạo Tuyên Quang đã triệt về trước, giặc lại tụ họp người Triêu Châu cùng với giặc Cận, giặc Huyền, giặc Triệu, giặc Cán (Triệu, Cán đều cháu họ của giặc Khôi) đem đồ đảng men núi, dựa nơi cao bắn súng, cùng quan quân chống cự luôn mấy ngày. Quang Cự được tin báo tiến quân đi cùng với Văn Từ hội họp, Quang Cự đóng ở Nhượng Bạn, Văn Từ đóng ở xã Phiên Đông. Đạo trung chi của giặc do núi Công đi xuống, hữu chi do sông Tố đi xuống. Quân ta bắn chết rất nhiều, giặc rút lui. Bỗng đạo tả chi của giặc từ tổng Kim Mã Thái Nguyên kéo tới, ước 2 nghìn người có lẽ đột nhiên tới đồn Gia Bằng, phó quản cơ là Lê Văn Sỹ đóng giữ núi Đinh suốt ngày giao

Digitized by Google

chiến binh lực đã mỏi, đêm đến giặc 3 mặt xông tới, quân ta không thể đánh được, nhiều người bị thương chết. Quang Cự thu quân lui đóng, gặp án sát Thái Nguyên là Nguyễn Mưu đem quân 1.000 người, voi chiến 5 thớt, từ 2 xã: Bằng Thành, Cổ Đạo tiến tới huyện Lảm Hóa (giáp giới tỉnh Tuyên Quang) tư trước cho đạo Cao Bằng hội họp đánh dẹp. Giặc nghe quan quân 2 đường đều tiến, chúng lui về động Long Lũng chia đảng ra 3.000 người vây hãm đồn Ninh Biên, lãnh binh là Nguyễn Văn Quyền tự liệu không chống được đem binh dũng tìm đường rút về. Văn Đức nghe tin cùng với Công Trứ lại gấp đường tiến đánh lấy lại được. Sau đó Vũ Văn từ ở đạo Cao Bằng cùng với Tuần phủ Lạng Bình là Lê Đạo Quảng (thay Hoàng Văn Quyền) đều đem binh dũng một do đất Nạm Chữ, một do đất Nam Đông tiến tới các sơn phận: Na tình Bình bán (giáp nơi Bảo Lạc, Mật Lũng). Nghe nói núi Chử có giặc đặt phục binh ở con đường trước, quân ta cứ men khe núi đi, gặp du binh bèn đâm giết. Giặc ở trên núi bắn súng lăn đá quân ta không tiến được, giặc cũng không xuống được, gặp trận mưa đêm hôm ấy vội vàng thu quân, Quang Cự cũng từ núi Bế tới cùng nhau hội họp.

Bấy giờ đương tháng 5 lúc nắng dữ lúc mưa dầm chở lương khó nhọc, quân thứ đem tình hình tâu lên. Vua xuống chiếu cho ban sư nghỉ ngơi để mưu cất quân sau này. Năm ấy tháng 6, Vân lại cùng Văn Cận đem 6 nghìn quân lan tràn xuống Phiên Đông Nhượng Bạn. Các quân cố sức đánh, giặc tạm lui, chợt có một đám hơn nghìn người ở Thiều Châu từ đằng sau núi đánh úp, quân ta tan vỡ. Giặc thừa thế đốt phá châu Thạch Lâm, tiến bức tỉnh thành Cao Bằng, lại tràn qua núi Tiêm (giáp Lạng Sơn). Nguyễn Tiến Lâm cùng phó vệ úy là Nguyễn Tình Lộc chỉnh đốn binh voi đều tiến, mới đến sơn ải trạm Lạng Chỉ giặc đón đánh. Tình Lộc chết ở trận, Tiến Lâm vui về đồn Lạc Dương. Giặc tới gần bổ vây, nghe tin quân Công Trứ đến, giặc bèn lên núi giữ chỗ hiểm chia đặt

Digitized by Google

hơn 20 trại sách cùng quân ta chống cự. Chúng lại chia đảng lén xuống con đường giáp xá Hoa Sơn (nay đổi là Cẩm Sơn) đón chặn con đường chở lương. Quang Cự bèn thân đốc biền binh từ xã Hoa Sơn liên tiếp lên mãi Lạc Dương đều một loạt đánh giết, đốt trại sách, giặc cả vỡ chạy trốn.

Trước đây tỉnh Cao Bằng bị thất thủ, bố chính là Hoàng Văn Tú cùng bọn gấp đường chạy về Lạng Sơn, bọn phó quản cơ ở cơ Cao Hùng là Nguyễn Hựu Đĩnh, và cai đội Ma Ngọc Lý, chánh đội trưởng Trình Văn Châu coi giữ các huyện: Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang triệu họp lính thổ dõng để chống. Giặc không dám phạm. Đến bấy giờ đại binh tiến tới châu Thất Tuyền, bọn Đĩnh đem quân thẳng tới núi Sủng (gần bên tả tỉnh thành) trông thấy lửa ở kho trong thành bốc lên, khi đến thời giặc Vân đã từ con đường sau ở phía hữu ngoài thành đi rồi. Bọn Đĩnh lấy lại tỉnh thành, hỏi ra mới biết giặc Cận ở Lạc Dương. Đĩnh bèn phân phái lính thổ dõng ở đằng sau đồn Ninh Lạc đặt phục binh để đón con đường về của Cận. Cận quả nhiên đến, phục binh 4 mặt khởi lên, Văn Châu lấy súng bắn trúng, thổ dũng là Hà Đình Bảo sấn vào chém được đầu đưa nộp tiên quân của Quang Cự. Quang Cự đem việc tâu lên.

Vua khen thưởng, sai dừng binh chỉnh lý lại phong cương, đợi đến cuối thu 3 đạo binh đều tiến đánh phá sào huyệt của giặc.

Ngày tháng 10 đạo binh Tuyên Quang của Lê Văn Đức cùng với đề đốc Phạm Văn Điển từ Lục Yên chia đường thẳng tới núi Thiều Giáp, 2 bên sườn núi sừng sững cao vót, ở quãng giữa núi có chỗ lõm xuống và có một con đường đá ong lởm chởm bám bậc mà lên thế rất hiểm yếu. Giặc ở trên đỉnh núi xếp đá làm lũy dựng đồn coi giữ Đức lựa vài mươi người binh dũng đắc lực noi sườn núi leo cây lên chỗ rất cao bắn súng. Đảng giặc sợ tránh. Quân ta sấn lên, giặc bỏ đồn chạy vào

Digitized by Google

trong rừng. Đạo binh của Điển cũng tiến tới núi Trú hiệp cùng với núi Thiên Giáp cùng đối diện nhau, bên tả dựa vào núi cao, bên hữu tới bến Miện, ở giữa có đường tắt gập ghềnh. Giặc cũng chồng chất gỗ đá và trại cắm chông nhọn đầu dựa chỗ hiểm chống cự. Điển đốc quân giết tới, giặc liền vỡ tan. Điển cùng Đức hội binh tiến tới đầu địa giới Để Định, phó thống lĩnh giặc là Ma Doãn Cao họp đảng hơn nghìn người ở xứ sở xã Bách Dích, dựng 2 đồn lớn, bên tả tới sông Miện, 2 bên bờ dựa vào núi, cùng làm thế ỷ dốc từ lưng núi đến bến nước chồng chất gỗ đá làm lũy, ngoài lũy lại có hàng rào cắm gỗ nhọn đầu. Ở con đường đi tới chúng chặt cây to cho nằm ngang để ngăn lấp. Đức sai phó vệ úy Nguyễn Văn Quyền coi vài trăm lính lục chiến làm tiền khu, mang ván gỗ mông xung để chống súng đạn, mở cắt gỗ lấp ngang, chặt chỗ cây vót nhọn đầu cắm ở trại, vừa đánh vừa tiến, ông lại phái đầu mục ở đồn An Long là Hoàng Đình Phượng đem quân thổ dõng lên ngọn núi rất cao lén tới phía hữu đồn giặc, dựa vào chỗ cao bắn súng vào, các quân nhân đó súng ống đều nổ. Giặc đứng không vững bèn bỏ trốn, thu được gạo lương hơn 80 gánh. Khi tới Vân Trung giặc Vân đã thiêu hủy chỗ ở đem gia quyến trốn trước. Quyền bèn đem quân tới dẹp ở Ngọc Mạo.

Đạo binh Cao Bằng của Tạ Quang Cự, Nguyễn Tiến Lâm, Hồ Hựu cũng tháng ấy tiến tới bến Nắm, trước hết sai vệ úy Trình Văn Châu đem quân thổ dõng tới thăm con đường ở núi Na Tình. Họ thấy giặc ở trên núi dựng trại sách chồng đá làm 2 lần lũy, ngoài lũy có hào, ngoài hào cắm chông nhọn thế rất hiểm cấp. Châu vừa đến chân núi bị giặc bắn bị thương, người em là Quang cũng bị chết. Quang Cự bèn lựa vài trăm quân quyết chiến làm tiền khu, nhân đem lén đánh úp, nhổ được lũy. Giặc lui chạy, bọn Quang Cự thẳng tới, cùng với đạo Tuyên Quang cùng hội.

Digitized by Google

Đạo Thái Nguyên của Nguyễn Phổ và Nguyễn Công Trứ tiến binh đến đất Bắc Phấn, giặc chia làm 2 chi, một đóng trên núi, một đóng cạnh khe cùng quân ta chống cự. Phổ nhân phái phó lãnh binh là Phạm Phi và phó lãnh binh ở Nam Định là Lê Phúc Sơn đem dũng binh tới trước đánh dẹp chiếm được núi Tram Trùng. Chợt có một đám từ đất Bắc Nẫm tới giữ chỗ hiểm bắn súng ra, phó vệ úy là Phạm Đức Hạnh, thí sai quản cơ là Bạch Văn Dụ đều chết ở trận. Phi bị thương rút lui, Phúc Sơn cầm gươm giáo dẫn thân lên trước sĩ tốt, vừa qua nửa quả núi cũng bị đạn bắn chết. Bấy giờ quân của Công Trứ ở xã Giang La bị giặc hợp lại vây. Công Trứ thống suất binh lực cố sức đánh, giặc bị thương tan rã, bèn hợp binh tiến tới sơn phận xã Giai Lạc (thuộc tổng Vân Quang mà phỉ tổng nhưng là Nông Văn Sỹ trông coi binh dân) lùng bắt được phỉ thống lĩnh tướng quân là Triệu Văn Triệu (người nước Thanh ngụ ở xã Nhạn Môn châu Bạch Thông, cùng với giặc Sỹ họp đảng đánh nhiễu tỉnh Thái Nguyên) và 7 tên phạm đi theo bọn ấy, rồi cùng 2 đạo Tuyên Cao hội ở Vân Trung. Quân ta do bắt được tên phạm là Giả Văn Xu và Pháo Bố Hợp hỏi biết giặc Vân đã lẻn sang ẩn náu ở 2 thôn Lộng Mãnh Bác Thán nước Thanh, bèn hội lại làm tờ đưa cho phân phủ Trấn Yên mong bắt giao cho và đem tình hình vào tâu, quân ta dừng binh để đợi.

Vua sai bộ Lễ viết văn tư đệ sang tỉnh Quảng Tây, lại đổi châu Bảo Lạc làm huyện Để Định lựa 2 người thổ ty mà đắc lực khi đi đánh dẹp đặt làm tri huyện và huyện thừa để triệu tập dân biên đều yên nơi điền lý. Còn đặt 3 đạo binh chia đi lùng bắt các tên phạm lẩn trốn.

Đạo binh Thái Nguyên bắt được giặc Huyền đóng cũi đưa về Kinh sư. Còn ngụy thống chế Nông Đình Hưu (anh rể của giặc Sỹ), cùng ngụy chánh dực là Nông Văn Nghiệt, ngụy hậu thắng lữ là Nông Văn Hải (Nghiệt, Hải đều là em Sỹ), và

Digitized by Google

Nông Văn Yên (con Nghiệt), cũng bị đạo Cao Bằng bắt được đều giết đi. Đến ngụy tả dực vệ úy Nông Đình Phan, ngụy hữu thắng lữ, chánh quản lữ là Nông Tịnh Hòa tới quân đầu thú. Thứ thần cho dò bắt giặc Vân chuộc tội.

Năm thứ 16 (1835), tháng 2, tuần phủ Quảng Tây tiếp được tờ tư đưa tới, giục bộ biên ở Trấn An lùng bắt gấp. Vân từ địa giới nước Thanh lén về núi Thẩm Bát xã An Quang. Tên ra thú là Tịnh Hòa dò được thực đi báo nơi quân thứ, bọn Văn Đức tức thì phái vệ úy là Nguyễn Văn Quyền đem hơn nghìn binh dũng tới ngay vây bắt. Khi quân chưa đến, Vân sắp xuyên sang núi khác đi. Tịnh Hòa đem thủ dõng bắn súng chặn đón, Vân lại lui ẩn. Ở đó thế núi gập ghềnh cây cối um tùm che cả mất ngày tới đêm. Quyền sợ trốn thoát, phóng hỏa đốt 4 mặt, gặp gió mạnh lửa bốc dữ, trong chốc lát cỏ gianh bụi sậy biến thành ra tro, Vân ở trong lỗ đá chui ra chết về lửa rơi nằm bên cạnh núi, về bên cạnh mình có một đỉnh lớn vàng và kèm theo một lưỡi dao bằng bạc mạ vàng. Bọn Đức cho đệ lá hồng kỳ chạy như bay để báo tiệp và đóng hòm đầu Vân đưa dâng, rồi lấy sào cao treo ngược thây ở đỉnh núi Vân Trung, người người đều sung sướng. Thủ cấp Vân đưa tới dưới cửa khuyết, vua sai đem phân trần ở chợ búa 3 hôm. Lại truyền cho các tỉnh từ Quảng Nam trở vào nam và từ Quảng Trị trở ra bắc treo 3 hôm, sau đâm nát quẳng xuống hố xí. Mộ của tổ phụ Vân sai người thổ báo cho biết, đào hài cốt ném xuống sông. Sau phân phủ ở Trấn An đưa giao trước sau bắt được gia quyến và đảng của nghịch Vân tới nơi quân thứ, đều giết hết. Còn con Vân là Lôi đưa về Kinh xử trừng trị hết pháp mà họ hàng của Vân không còn sót mống nào.

*

Cao Bá Quát

Người huyện Gia Lâm tỉnh Bắc Ninh, cùng với anh là

Digitized by Google

Bá Đạt đẻ sinh đôi nên đặt tên như thế; nhỏ khấu khỉnh thông minh đều có văn tài, Quát sau làm nhà ở trong thành Đại La tỉnh Hà Nội, Minh Mạng năm thứ 12 (1831) về khoa tân mão thi hương đỗ Á nguyên, khi bộ duyệt đánh vào hạng chưa được á nguyên mà thi tiến sĩ thường bị hỏng. Bá Quát tức giận ngày thêm dùi mài, văn càng tiến mạnh, cùng với phó bảng huyện Thọ Xương là Phương Đình Nguyễn Văn Siêu đều nổi tiếng. Bấy giờ nhiều người hâm mộ có câu: "Văn như Siêu Quát vô tiền Hán", nghĩa là: văn của Siêu Quát vượt cả danh nho đời tiền Hán.

Đầu năm Thiệu Trị (1841) sung làm sơ khảo ở trường Thừa Thiên, cùng với đồng viện là Phan Nhạ lén đem muội đèn thêm lời lẽ trong văn của sĩ nhân cộng 24 quyển, sau đỗ được 5 tên, sĩ tử bàn luận xôn xao. Viên giám sát trường vụ là Hồ Trọng Tuấn tham hặc, khi bản án dâng lên, kết định tội chết. Vua cho bọn Quát sinh ý làm càn, nguyên không có tình tiết gì, gia ơn đổi xử giảo giam đợi lệnh, sau được tha lại khởi dụng. Tự Đức năm thứ 7 (1884) trải bổ giáo thụ phủ Quốc Oai, Quát tự phụ là tài danh khuất mình ở địa vị thấp thường u uất không vui bèn cáo về Bắc Ninh.

Bấy giờ ở Tuyên Cao Thái Lạng đều có báo động ở ngoài biên (đám thổ phỉ nước Thanh), lại có Lê Duy Cự tự xưng con cháu nhà Lê. Quát ngầm họp đồ đảng lén mưu việc bất pháp, ước hẹn ngày tới thành Hà Nội cử sự, mưu bị tiết lộ. Tỉnh Bắc Ninh và Hà Nội cho đòi rất gấp. Bá Quát bèn cùng đảng phái suy tôn Duy Cự làm minh chủ mà tự làm quốc sư, rồi lén dụ dỗ tên thổ mục ở Sơn Tây là Đinh Công Mỹ và Bạch Công Trân gọi đảng phái lan tràn xuống Hà Nội, đốt luôn phủ Ứng Hòa và huyện Thanh Oai. Quan quân Hà Nội đánh phá ở xã Đông Dương, Bá Quát lại do huyện Mỹ Lương trốn qua phủ Vĩnh Tường đốt cướp huyện thành Tam Dương, rồi lần tới các phủ huyện Quốc Oai An Sơn lan tràn quấy

Digitized by Google

nhiều. Phó lãnh binh ở Sơn Tây là Lê Thuận Đại đem quân tới đánh, Bá Quát bị thua chết ở trận. Ngụy thượng thư là Nguyễn Kim Thanh, ngụy phó vệ là Nguyễn Văn Thực cũng bị bắt (sau đều chém cả) và chém được một trăm thủ cấp, bắt sống hơn 80 tên, việc đến tai vua, sai đem thủ cấp Bá Quát truyền giao cho các tỉnh Bắc kỳ bêu lên và khuyên bảo dân chúng rồi xé xác vất xuống sông.

Minh Mạng năm thứ 15 (1834) Bá Đạt cũng đỗ hương tiến trải làm tri huyện Nông Cống. Vì cớ của Quát cũng mắc tội chết, dân ở huyện lấy làm thương có lập đền thờ.

Digitized by Google

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN

Chữa bản in: QUỐC TUẤN - QUỐC TÙNG
Trình bày bìa: QUANG MINH

Digitized by Google

University of California Library
Los Angeles
This book is DUE on the last date stamped below.

Phone Renewals
310/825-8183

MAY 01 2002

DEC 14 2007

In 1.000 bộ, khổ 14,5 x 20,5cm tại Xí nghiệp in Tiền Giang. Quyết định xuất bản số 1236 cấp ngày 22/4/1997. Giấy đăng ký đề tài xuất bản số 47/824/CXB của Cục xuất bản. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/1997

Digitized by Google

Digitized by Google

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄ

UNIVERSITY OF CALIFORNIA-LOS ANGELES
L 008 279 437 1

ĐẠI NAM LIỆT TRUYỆN